**Buổi 1:**

**Tiết 1,2. CHUYÊN ĐỀ: VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**(CỔNG TRƯỜNG MỞ RA; MẸ TÔI)**

**Tiết 3. CHUYÊN ĐỀ: CÁC KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN**

**( LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN)**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1. Kiến thức:***

- Ôn tập về kiểu văn bản nhật dụng.

- Củng cố, mở rộng nâng cao về tác giả, xuất xứ của tác phẩm.

- Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Cảm nhận được tình cảm của cha mẹ dành cho con và tính truyện trong văn bản “Mẹ tôi”, “Cổng trường mở ra”.

- Ôn tập kĩ năng tạo lập văn bản.

***2. Kỹ năng:***

- Nhận biết, đọc, hiểu văn bản biểu cảm

- Rèn kĩ năng tìm, phát hiện các chi tiết ý nghĩa và viết đoạn văn cảm thụ.

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- Nghiêm túc tự giác học tập.

- Trân trọng tình cảm gia đình – nhà trường – xã hội dành cho mình

- Hiểu rõ ý nghĩa ngày khai trường, nâng niu trân trọng những kỉ niệm tuổi đến trường.

- Nhận thức giá trị của lòng nhân ái, tình thương và trách nhiệm cá nhân với hạnh phúc gia đình

***4. Năng lực:***

- Năng lực đọc hiểu, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1,2. CHUYÊN ĐỀ: VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**(CỔNG TRƯỜNG MỞ RA; MẸ TÔI)**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (30 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***Hoạt động 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VĂN BẢN NHẬT DỤNG***  GV tổ chức cho học sinh nhớ lại khái niệm văn bản nhật dụng bằng câu hỏi:  ***? Em nhắc lại thế nào là văn bản nhật dụng?***  GV tổ chức chơi trò chơi: hỏi nhanh đáp nhanh để hệ thống lại những văn bản sẽ được học trong chương trình THCS mà giáo viên đã giới thiệu trên lớp.  **-** GV tổ chức cho Học sinh hát tập thể 01 bài hát vừa chuyền tay nhau 1 chiếc khăn quàng đỏ. Quản trò là ***lớp phó học tập.*** Quản trò hô “dừng”. Khi đó chiếc khăn tay trên bạn nào thì bạn đó trả lời câu hỏi sau: *Lưu ý câu trả lời không được trùng với câu trả lời của bạn phía trước.*  ***/?/ Những văn bản nhật dụng sẽ được học trong chương trình Ngữ Văn THCS lớp 6,7?***  GV ghi nhanh kết quả của các em lên bảng và chốt kiến thức:  **-** Lớp 6 được học một số văn bản nhật dụng như: *“Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử”; “Bức thư của thủ lĩnh da đỏ”; “Động Phong nha”.*  - Lớp 7 có các văn nhật dụng sau: *“Cổng trường mở ra”, “Mẹ tôi”, “Cuộc chia tay của những con búp bê”, “ Ca Huế trên sông Hương”.*  Các văn bản trên thuộc các chủ đề: Di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, quan hệ giữa thiên nhiên và con người, giáo dục và vai trò của phụ nữ, văn hóa…  /?/ **Theo em để tiếp cận hai văn bản này chúng ta cần có những phương pháp và cách học nào?**  HS tự do trả lời  GV chốt kiến thức.  **/?/ Hai văn bản “Cổng trường mở ra” và “mẹ tôi”**  **thuộc chủ đề nào?**  - *Chủ đề gia đình, nhà trường* | **I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VĂN BẢN NHẬT DỤNG**  **1. Khái niệm**  Văn bản nhật dụng là kiểu văn bản  - Về nội dung: Đề cập đến những vấn đề bức thiết trong xã hội, được toàn xã hội quan tâm.  - Có thể sử dụng nhiều phương thức biểu đạt khác nhau, thuộc các kiểu văn bản khác nhau: tự sự, miêu tả, thuyết minh, nghị luận.  **2. Những văn bản nhật dụng sẽ học trong chương trình Ngữ Văn 7:**  *- Cổng trường mở ra*  *- Mẹ tôi*  *- Cuộc chia tay của những con búp bê*  *- Ca Huế trên sông Hương*  **3. Hướng tiếp cận văn bản nhật dụng**  - Đọc các chú thích, lưu ý các chú thích về sự kiện  - Đọc trên cơ sở liên hệ với thực tế cuộc sống của bản thân, gia đình, cộng đồng.  - Sau khi tiếp cận văn bản cần đưa ra những suy nghĩ, đề xuất ý kiến, biện pháp  - Vận dụng kiến thức liên môn để hiểu văn bản  - Cần chú ý đến đặc điểm hình thức và phương thức biểu đạt của văn bản để phân tích nội dung |
| ***Hoạt động 2: Ôn lại kiến thức văn bản: Cổng trường mở ra***  GV giới thiệu với thiệu với học sinh tập truyện “Harry Potter” và “ Những tấm lòng cao cả”…=> Để gợi dẫn giới thiệu với học sinh về dịch giả Lí Lan và văn bản “Mẹ tôi”.  GV cho học sinh hoạt động nhóm để cùng ôn lại kiến thức về hai văn bản “Cổng trường mở ra” và “ mẹ tôi” bằng hệ thống sơ đồ câm.  - **GV chốt và cung cấp thêm những thông tin ngoài sách giáo khoa:**  **+ Thông tin lời tâm sự của Lý Lan:**  - Nhà văn Lý Lan tâm sự: *“Đó là một bài văn tôi viết khoảng mười năm trước, lúc cháu tôi sắp vào lớp một. Tôi chứng kiến tất cả sự chuẩn bị và cảm thông nỗi lòng của em tôi. Chị em tôi mồ cô mẹ khi còn quá nhỏ, các em tôi không hề có niềm hạnh phúc được mẹ cầm tay dẫn đến trường. Hình ảnh đó là nỗi khao khát mà khi làm mẹ em tôi mới thực hiện được. Mãi mãi hình ảnh mẹ đưa con đến trường là biểu tượng đẹp nhất trong xã hội loài người.”*  +  **Giới thiệu văn bản: *Từ mẹ trong tiếng nói loài người (Phụ lục 1)*** | **II- Chủ đề: Gia đình, nhà trường trong các văn bản: *Cổng trường mở ra; mẹ tôi***  **1. Văn bản “Cổng trường mở ra”**  ***a. Nghệ thuật:***  - Sử dụng độc thoại nội tâm, người mẹ đã mở rộng cõi lòng mình để nói với con bằng cách tâm sự với chính mình, làm cho:  + Hình ảnh mẹ hiện lên một cách trực tiếp  + Văn bản thẫm đẫm chất trữ tình  + Giúp tác giả có khả đi sâu vào thế giới nội tâm nhân vật để miêu tả một cách chính xác tâm trạng lo lắng, bâng khuâng, hạnh phúc của người mẹ. Đó là những cung bậc cảm xúc khó nói nên lời.  + Tâm trạng người mẹ bộc lộ một cách tự nhiên, chân thực và cảm động. Người đọc chứng kiến một đêm không ngủ của mẹ với tình cảm sâu sắc  - Miêu tả tâm trạng nhân vật rất tinh tế, chân thực, sống động, cụ thể với nhiều hình thức khác nhau, miêu tả trực tiếp, miêu tả trong sự đối lập với người con.  - Sử dụng thời gian nghệ thuật giàu ý nghĩa: Đêm trước ngày khai trường vào lớp một của con. Ngày khai trường đầu tiên trong cuộc đời mỗi người là một cái mốc vô cùng thiêng liêng, trong đại. Vì thế cái đêm trước ngày khai trường đó bất kì người mẹ nào cũng có biết bao nỗi niềm, cảm xúc.  **b. Nội dung:**  - Tình yêu thương con sâu nặng, thiết tha của người mẹ.  - Khẳng định vai trò to lớn của nhà trường cũng như ý nghĩa của việc học tập trong cuộc đời mỗi người.  ***2. Mẹ tôi***  ***a. Nghệ thuật***  - Văn bản chọn hình thức viết thư. Đây là nét nghệ thuật độc đáo bởi:  + Thư là loại văn bản bình thường để bộc lộ tình cảm, cảm xúc. Những tình cảm sâu sắc, thiêng liêng thường rất tế nhị, kín đáo nhiều khi không thể nói trực tiếp được. Mượn hình thức là một bức thư, người bố đã gửi gắm được biết bao nỗi niềm, tâm trạng của mình. Đó là nỗi buồn bã, tức giận của mình, bộc lộ được nỗi xót xa, thất vọng, đau đớn khi đứa con không xứng đáng với sự trông đợi của bố. Đây cũng là cách bộc lộ khéo léo của tác giả. Mượn hình thức là một bức thư, người bố còn bày tỏ tình cảm người mẹ En- ri- cô với con. Đây là một đoạn văn hay nhất, giàu sức biểu cảm nhất, xúc động lòng ta nhất. Người bố sau khi kể lại những việc làm, tình cảm người mẹ để đi đến khẳng định: Tình mẹ con thiêng liêng sâu nặng. Đức hi sinh thầm lặng, tình mẫu tử cao cả vô cùng. Không chỉ có vậy, người bố còn dự cảm bao tình huống đau đớn, xót xa, để khẳng định một chân lý, một quy luật muôn đời về tình mẫu tử khăng khít, gắn bó, bền chặt mãi mãi.  + Nếu nói bằng văn bản ý từ sẽ sâu sắc hơn, sự sắp xếp sẽ chặt chẽ hơn.  + Hơn nữa nếu viết bằng thư thì chỉ riêng người mắc lỗi biết, vừa giữ được sự kín đáo tế nhị vừa không làm người phạm lỗi bị tổn thương.  + Tạo cho con một thế giới riêng để con ngẫm nghĩ, đọc đi, đọc lại và thấm thía. Con có thể xem đó là một kỉ niệm, một bài học lưu lại trong đời để không bao giờ quên.  - Chọn tình huống giả định rất đặc sắc, làm nổi bật chủ đề tư tưởng của văn bản, đó là tình yêu thương sâu nặng của người mẹ.  ***b. Nội dung***  - Tấm lòng yêu thương con vô bờ bến của người mẹ hiền.  - Nhắc nhở mỗi người: tình yêu thương và kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ, nhục nhã cho những kẻ nào chà đạp lên tình cảm đó |

**Phiếu bài tập ôn tập:**  Hãy thảo luận với bạn trong vòng 5’ hãy hoàn thành những nội dung thiếu trong phiếu bài tập sau:

Giá trị nội dung:…………………………….

Tên văn bản:

…….

Giá trị nghệ thuật:…….

***B. Luyện tập : (60 phút)***

***B.1. Tổ chức làm bài tập liên quan đến tác phẩm: Cổng trường mở ra***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  **Bài tập 1**  *a, “Cổng trường mở ra” cho em hiểu điều gì? Tại sao tác giả lại lấy tiêu đề này. Có thể thay thế tiêu đề khác được không?*  *b, Tại sao người mẹ cứ nhắm mắt lại là “dường như vang lên bên tai tiếng đọc bài trầm bổng…đường làng dài và hẹp”.*  - HS thực hiện  - HS trả lời, HS nhận xét  - GV chốt  - Hình thức tổ chức luyện tập : hoạt động nhóm (4 nhóm)  **Bài tập 2:**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi**  **“Cái ấn tượng ghi sâu mãi trong lòng một con người về cái ngày “hôm nay tôi đi học” ấy, …bà ngoại đứng ngoài cánh cổng như đứng bên ngoài cái thế giới mà mẹ vừa bước vào.”**  **(Trích SGK Ngữ văn 7, tập 1)**  Câu 1. Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Của ai?  Câu 2. Trong đoạn văn, người mẹ mong muốn điều gì?  Câu 3. Tìm ba câu ca dao, tục ngữ hoặc danh ngôn về thầy cô, bạn bè và mái trường.  Câu 4. Một bạn cho rằng, có rất nhiều ngày khai trường, nhưng ngày khai trường để vào lớp Một là ngày có dấu ấn sâu đậm nhất trong tâm hồn mỗi con người. Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao? Chia sẻ về ngày đầutiên đi họcvào lớp Một của em.  - GV hướng dẫn HS thực hiện  Bước 1. Đọc kĩ đoạn văn và câu hỏi  Bước 2. Gạch chân vào các từ ngữ quan trọng trong câu hỏi  Bước 3. Hướng dẫn trả lời  Câu 1: Nhớ lại kiến thức liên quan đến bài học  Câu 2: Đọc kĩ đoạn văn và dựa vào các từ ngữ trong đoạn văn để trả lời(có thể gạch vào đoạn văn)  Câu 3: Tìm các câu ca dao, tục ngữ  Câu 4: -Nêu ý kiến của em  -Trình bày chia sẻ của em bằng một đoạn văn (3 – 5 câu) nói về cảm xúc, tậm trạng, chuẩn bị quần áo, sách vở khi bước vào lớp Một.  - HS từng 4 nhóm lên trình bày kết quả  - HS nhận xét, GV nhận xét và chốt kiến thức | **II. Luyện tập**  **1. Văn bản: Cổng trường mở ra**  **Bài tập 1**  a, Nhan đề “*Cổng trường mở ra*” cho ta hiểu cổng trường mở ra để đón các em học sinh vào lớp học, đón các em vào một thế giới kì diệu, tràn đầy ước mơ và hạnh phúc. Từ đó thấy rõ tầm quan trọng của nhà trường đối với con người.  b, Ngày đầu tiên đến trường, cũng vào cuối mùa thu lá vàng rụng, người mẹ được bà dắt tay đến trường, đự ngày khai giảng năm học mới. Ngày đầu tiên ấy, đã in đậm trong tâm hồn người mẹ, những khoảnh khắc, những niềm vui lại có cả nỗi chơi vơi, hoảng hốt. Nên cứ nhắm mắt lại là người mẹ nghĩ đến tiếng đọc bài trầm bổng đó. Người mẹ còn muốn truyền cái rạo rực, xao xuyến của mình cho con, để rồi ngày khai trường vào lớp một của con sẽ là ấn tượng sâu sắc theo con suốt cuộc đời.  **Bài tập 2:**  ***Câu 1.*** Đoạn văn trích trong văn bản “Cổng trường mở ra”, của Lý Lan  ***Câu 2.*** Mẹ mong ấn tượng về ngày đầu tiên đi học sẽ khắc sâu mãi trong lòng con.  ***Câu 3.***  *Muốn sang thì bắc cầu Kiều*  *Muốn con hay chữ thì yêu kính thầy.*  *Ơn thầy soi lối mở đường*  *Cho con vững bước dặm trường tương lai*  *- Tiên học lễ, hậu học văn*  *- Bán tự vi sư, nhất tự vi sư*  *- Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy*  *- Không thầy đố mày làm nên*  *- Học thầy không tày học bạn*  ***Câu 4***. Ý kiến vào lớp Một là ngày có ấn tượng sâu đậm nhất trong tâm hồn mỗi con người là đúng, vì:  - Lớp Một là lớp đầu tiên của cấp học trong hệ thống giáo dục 12 năm. Bất cứ cái gì đầu tiên cũng có sự thiêng liêng và ấn tượng đặc biệt.  - Vào lớp Một đó là dấu hiệu chứng tỏ của sự khôn lớn của các bạn ở tuổi nhi đồng và không còn là em bé mẫu giáo nữa.  - Tất cả các bạn vào lớp Một đều được sự quan tâm đặc biệt của ông bà, cha mẹ, thầy cô.  - Chia sẻ về ngày đầu tiên đi học vào lớp Một: Được làm quen với môi trường học tập mới, được đọc, được viết, được học toán,…tâm trạng lo lắng, hồi hộp, chơi vơi của người lần đầu tiên cắp sách đi học |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  **Bài tập 3**  **Sau đây là câu kết trong văn bản Cổng trường mở ra:**  **Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: “Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kỳ diệu sẽ mở ra”.**  **(Lý Lan - Ngữ Văn 7, Tập I, trang 7 – NXBGD Việt Nam năm 2013)**  **Hãy viết một đoạn văn ngắn từ 10 đến 12 câu trình bày suy nghĩ của em về “thế giới kỳ diệu” được mở ra khi “bước qua cánh cổng trường”.**  **GV hướng dẫn HS viết đoạn văn**  \* Mở đoạn: Câu chủ đề:  - Gọi tên ý của toàn đoạn  - Gồm hai phần: biểu ý + biểu cảm.  \* Thân đoạn:  - Triển khai các câu văn làm sáng ró câu chủ đề  Lưu ý: Cần triển khai theo một trình tự nhất định.  Nếu có các ý nhỏ thì nêu các ý nhỏ rõ ràng.  - Cần có ý đánh giá tác giả: về tài năng và tấm lòng  \* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc.  HS viết đoạn văn, đọc  GV nhận xét | **Bài tập 3:**  ***a. Cách làm bài cảm nhận đoạn thơ, đoạn văn nói chung***  \* Mở đoạn: Câu chủ đề:  - Gọi tên ý của toàn đoạn  - Gồm hai phần: biểu ý + biểu cảm.  \* Thân đoạn:  - Triển khai các câu văn làm sáng ró câu chủ đề  Lưu ý: Cần triển khai theo một trình tự nhất định.  Nếu có các ý nhỏ thì nêu các ý nhỏ rõ ràng.  - Cần có ý đánh giá tác giả: về tài năng và tấm lòng  \* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc.  ***a. Cách làm cụ thể với bài này***  Gợi ý:  a. Mở đoạn:  Cách 1: Trong văn bản “Cổng trường mở ra”, tác giả Lí Lan đã diễn tả một cách xúc động, sâu sắc tình yêu và niềm tin của người mẹ đối với con, niềm tin vào vai trò to lớn của nhà trường qua đoạn văn cuối bài.  Cách 2: Đoạn văn cuối trong văn bản “Cổng trường mở ra” của tác giả Lí Lan là một trong những đoạn văn hay nhất, xúc động nhất diễn tả sâu sắc tình yêu và niềm tin của người mẹ đối với con, niềm tin vào vai trò to lớn của nhà trường.  b. Thân đoạn:  \* Tình yêu và niềm tin của mẹ giành cho con  - Trước hết được thể hiện qua cử chỉ của mẹ: *cầm tay con, dắt tay con qua cánh cổng trường, buông tay con ra.*  + Đó là những cử chỉ đầy âu yếm, chan chứa yêu thương thể hiện sự quan tâm chu đáo ân cần.  + Hành động “buông tay con ra” cho thấy sự tin cậy vào đứa đứa con yêu.  - Tình yêu và niềm tin còn được thể hiện qua lời nói: *“Đi đi con, hãy can đảm lên...”*  + Lời khích lệ, động viên ân cần, dịu dàng của mẹ giúp con tự tin hơn trước thế giới hoàn toàn mới lạ.  + Mẹ tin tưởng và hy vọng ở con rất nhiều.  \* Đặc biệt, trong lời nói “bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”, mẹ thể hiện niềm tin tưởng tuyệt đối vào mái trường. Bởi ở đó là cả một thế giới kỳ diệu: con được khám phá kho báu tri thức của loài người, con được sống trong thế giới của tình yêu thương và sự quan tâm đặc biệt toàn xã hội, nơi đó sẽ chắp cánh ước mơ cho con để những khát vọng lớn lên sẽ mau chóng thành hiện thực.  \* Bằng ngòi bút miêu tả tâm lí đặc sắc qua những dòng độc thoại nội tâm, chỉ một đoạn văn ngắn thôi, Lí Lan đã cho thấy tâm trạng xiết bao tự hào, ngập tràn hạnh phúc của mẹ khi con được bước vào thế giới kì diệu mái trường. Qua đó, ta thấy được tình tình mẫu tử thiêng liêng, vai trò to lớn của nhà trưòng đối với mỗi con người.  c. Kết đoạn: Đoạn văn đã cho tathấm thía tình yêu thương của mẹ, người thầy đầu tiên trong bước đường trưởng thành của mỗi người, đồng thời cũng gợi dậy trong ta niềm hạnh phúc và tự hào vì được sống dưới mái trường mến yêu. |

***B.2. Tổ chức rèn luyện kĩ năng thông qua hệ thống bài tập liên quan đến văn bản: Mẹ tôi***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  **Bài tập 1**  **Văn bản là một bức thư của bố gửi cho con, tại sao lại lấy nhan đề là “Mẹ tôi”.**  - HS thực hiện  - HS trả lời, nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung | **Bài tập 1**  Nhan đề “Mẹ tôi” là tác giả đặt. Bà mẹ không xuất hiện *trực* tiếp trong văn bản nhưng là tiêu điểm, là trung tâm để các nhân vật hướng tới làm sáng tỏ. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  **Bài tập 2**  **Chi tiết “Chiếc hôn của mẹ sẽ xóa đi dấu vết vong ân bội nghĩa trên trán con” có ý nghĩa như thế nào.**  - HS thực hiện  - HS trả lời, nhận xét  *-* GV nhận xét, bổ sung | **Bài tập 2**  - GV chốt kiến thức  Chi tiết này mang ý nghĩa tượng trưng. Đó là cái hôn tha thứ, cái hôn của lòng mẹ bao dung. Cái hôn xóa đi sự ân hận của đứa con và nỗi đau của người mẹ. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : theo nhóm.  HS trao đổi theo bàn hoàn thành phiếu  **Bài tập 3**  Trong bức thư của bố gửi cho con, có đoạn: *“En-ri-cô này! Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình thương yêu đó”.*  Đóng vai En-ri-cô, nhân vật trong văn bản *Mẹ tôi* của Ét-môn-đô đơ A-mi-xi, em hãy phát biểu cảm nghĩ của mình khi đọc được những dòng thư đó.  - HS thực hiện  - HS trả lời, nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung  - Hình thức tổ chức luyện tập : nhóm  **Bài tập 4. Trò chơi : tìm các câu ca dao tục ngữ nói về người mẹ.**   * HS tìm theo nhóm * Các nhóm trình bày kết quả * GV nhận xét, chốt. | **Bài tập 3**  - GV chốt kiến thức  - Đóng vai En-ri-cô giới thiệu hoàn cảnh tiếp xúc với bức thư và tâm trạng khi đọc được những dòng thư đó.  - Nhập vai En-ri-cô để trình bày những cảm xúc, suy nghĩ nảy sinh từ những dòng thư đó:  + “Xúc động vô cùng” khi đọc thư của bố.  + Nhận thức được tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả.  + Hiểu được tấm lòng của người bố.  + Thấy được lỗi lầm của mình khi “nhỡ thốt ra một lời thiếu lễ độ”.  + Suy nghĩ về việc khắc phục lỗi lầm.  - Nêu ấn tượng và những điều cảm nhận được từ những dòng thư của bố.  **Bài tập 4**  Giáo viên chốt kiến thức  “Nuôi con chẳng quản chi thân  Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn”  “Mẹ già ở túp lều tranh  Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con”  “Mẹ già như trái chín cây  Gió đưa mẹ rụng biết ngày nào đây?”  “... Những ngôi sao thức ngoài kia  Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con  Đêm nay con ngủ giấc tròn  Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.” |

**Bài tập 3: Học sinh hoàn thành bài phiếu bài tập sau:**

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

“... Khi đã khôn lớn, trưởng thành, khi các cuộc đấu tranh đã tôi luyện con thành người dũng cảm, có thể có lúc con sẽ mong ước thiết tha được nghe lại tiếng nói của mẹ, được mẹ dang tay ra đón vào lòng. Dù có lớn khôn, khoẻ mạnh thế nào đi chăng nữa, con sẽ vẫn tự thấy mình chỉ là một đứa trẻ tội nghiệp, yếu đuối và không được chở che. Con sẽ cay đắng khi nhớ lại những lúc đã làm cho mẹ đau lòng... Con sẽ không thể sống thanh thản, nếu đã làm cho mẹ buồn phiền. Dù có hối hận, có cầu xin linh hồn mẹ tha thứ... tất cả cũng chỉ vô ích mà thôi. Lương tâm con sẽ không một phút nào yên tĩnh. Hình ảnh dịu dàng và hiền hậu của mẹ sẽ làm tâm hồn con như bị khổ hình. En-ri-cô này ! *Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình thương yêu đó...”*

(Trích *“Mẹ tôi”-* Ét-môn-đô đơ A-mi-xi*, Ngữ văn* 7*,* Tập một, NXB Giáo dục, 2009, tr.10)

a. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

b. Người bố đã dự đoán En-ri-cô sẽ mong ước điều gì khi đã trở thành người trưởng thành, dũng cảm.

c. Dù không trực tiếp xuất hiện nhưng em cảm thấy mẹ của En-ri-cô là người mẹ như thế nào?

d. “...*Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình thương yêu đó...*Em hiểu như thế nào về câu văn này?

e. So với câu: *“Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc/ Đừng để buồn trên mắt mẹ nghe không...”* thì đoạn văn trên có nét riêng nào trong việc thể hiện và khẳng định về lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ?

f. Đoạn trích trên gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm yêu thương, kính trọng cha mẹ (**Bài tập về nhà- Viết thành bài văn ngắn)**

**Gợi ý đáp án:**

a. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

b. Người bố đã dự đoán En-ri-cô sẽ mong ước: *mong ước thiết tha được nghe lại tiếng nói của mẹ, được mẹ dang tay ra đón vào lòng*

c. Dù không xuất hiện trực tiếp nhưng ta vẫn thấy rõ người mẹ En-ri-cô là người mẹ hết lòng yêu thương con, hy sinh tất cả vì con.

e. So với câu thơ: *“Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc/ Đừng để buồn trên mắt mẹ nghe không...”* thì đoạn văn trên dù vẫn sử dụng cách lập luận giả thiết, kết luận nhưng cách viết của đoạn văn này chỉ rõ vai trò to lớn của mẹ đối với cuộc đời mỗi con người, niềm hạnh phúc lớn nhất của cuộc đời của mỗi con người là có mẹ và từ đó nghiêm khắc khẳng định lòng hiếu thảo của cái đối với cha mẹ cần thể hiện ngay và luôn lúc này chứ không đợi chờ đến ngày mai.

f.

|  |
| --- |
| **1. Yêu cầu về kĩ năng :**  Học sinh hiểu đúng vấn đề nghị luận đặt ra, có kĩ năng làm bài với kiểu bài nghị luận xã hội. Bài viết có bố cục hợp lý, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục...; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu... Lời văn chân thành, thiết thực.  **2. Yêu cầu về kiến thức :**  Có nhiều cách tiếp cận khác nhau song về cơ bản thí sinh cần xác định được một số nội dung sau: |
| **a. Mở bài :**  Giới thiệu vấn đề nghị luận : Tình cảm yêu thương, kính trọng cha mẹ. |
| **b. Thân bài :** |
| ***1. Giải thích :***  - Yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm cao cả và thiêng liêng nhất :  + Công lao không gì sánh nổi của cha mẹ : cho con cuộc sống, thương yêu dạy dỗ, chịu đựng bao gian lao vất vả, hi sinh thầm lặng vì con.  + Những lo toan cho tương lai, hạnh phúc của con.  + Trong mọi buồn vui, được mất trong cuộc đời luôn có sự an ủi, động viên, vỗ về khích lệ của cha mẹ. |
| ***2. Bình luận :***  **-** Khẳng định tình cảm yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm cao đẹp nhất, là truyền thống đạo lí dân tộc, phẩm chất đạo đức con người.  - Biết yêu thương kính trọng cha mẹ con người sẽ biết trân trọng cội nguồn, sống nhân hậu, biết hi sinh.  - Từ tình yêu gia đình, yêu cha mẹ con người mới biết yêu quê hương, tổ quốc.  - Phê phán một số người chưa biết trân trọng tình cảm, công lao của cha mẹ, sống thờ ơ, buông thả, ích kỉ, lời nói hành vi làm tổn thương đến cha mẹ..., làm mất đi những giá trị tốt đẹp trong truyền thống đạo lí dân tộc, gây ảnh hưởng đến gia đình và xã hội. |
| ***3. Liên hệ :***  - Biết tôn trọng đạo lí, sống xứng đáng đền đáp công ơn cha mẹ.  - Luôn tự hào, yêu thương chăm sóc cha mẹ. |
| **c. Kết bài :**  Khẳng định tình cảm yêu thương kính trọng cha mẹ là tình cảm cao đẹp nhất. |

**Tiết 3: ÔN TẬP CÁC KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN**

**Thời gian (10p)**

**Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức cơ bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Giáo viên hướng dẫn học sinh hệ thống kiến thức nhanh bằng hệ thống câu hỏi:  ? Liên kết trong văn bản là gì?  ? Các hình thức liên kết trong văn bản? | **I. Kiến thức cơ bản về: Liên kết trong văn bản**  **1.** Liên kết là một trong những tính chất quan trọng nhất của văn bản. Nó tạo nên mối quan hệ chặt chẽ giữ các câu trong đoạn, giữa các đoạn trong văn bản.  **2**. Gồm 2 hình thức:  -Liên kết nội dung: thể hiện liên kết về chủ đề tức là các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, cùng hướng về một đề tài, một chủ đề nhất định.  - Liên kết hình thức: là việc sử dụng các phương tiện liên kết của ngôn ngữ để nối các câu, các đoạn với nhau làm cho chúng gắn bó chặt chẽ với nhau nhằm biểu hiện nội dung của văn bản.( có thể dùng các từ để gắn kết các câu như: *trái lại, bên cạnh đó, mặt khác,…hoặc có thể dùng các từ thay thế bằng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa, đại từ.)* |

**B. Luyện tập (30p)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  **Bài tập 1:**  **Đọc các văn bản sau và chỉ ra sự chưa thống nhất của chúng. Hãy sửa lại để đoạn văn đảm bảo tính thống nhất.**  *Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống li sữa, ăn một cái kẹo. Gương mặt thanh thoát của đứa trẻ tựa nghiêng trên gối mềm, đôi môi hé mở thỉnh thoảng chúm lại như đang mút kẹo.*  HS làm bài tập  GV chốt kiến thức:  **Bài tập 2: Đọc hai đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:**  *(1) En-ri-cô yêu dấu của bố! Việc học quả là khó nhọc đối với con. Như mẹ đã nói, con vẫn chưa đến trường với thái độ hăm hở và vẻ mặt tươi cười. Nhưng con thử nghĩ xem, một ngày sẽ trống trải biết bao nếu con không đến trường…. Sách vở là vũ khí của con, lớp học là đơn vị của con, trận địa là cả hoàn cầu và chiến thắng là nền văn minh nhân loại ...*  (Theo Ét-môn-đô đơ A-mi-xi, Những tấm lòng cao cả)  (*2) Bố nhớ, cách đây mấy năm, mẹ đã phải thức suốt đêm, cúi mính trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hổn hển của con, quằn quại vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thể mất con!.....… Người mẹ sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, người mẹ có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con!*  (Theo Ét-môn-đô đơ A-mi-xi, Những tấm lòng cao cả)  **a. Xác định nội dung chính và đặt nhan đề cho mỗi đoạn văn trên.**  **b. Nội dung hai đoạn văn trên có gì giống với văn bản Cổng trường mở ra của Lý Lan ?**  **c. Em hãy viết một đến hai câu vào đầu hoặc cuối mỗi đoạn văn để khái quát lại nội dung của đoạn.** | **Bài tập 1:**  Đoạn văn trên còn thiếu sự liên kết giữa các câu trên phương diện ngôn ngữ về khía cạnh thời gian, làm cho mối quan hệ giữa các câu không được đảm đảm bảo. Vì vậy có thể sửa như sau:  *Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là ko ngủ được.****Còn bây giờ,****giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống li sữa, ăn một cái kẹo. Gương mặt thanh thoát của đứa trẻ tựa nghiêng trên gối mềm, đôi môi hé mở thỉnh thoảng chúm lại như đang mút kẹo.*  **Bài tập 2:**  **a**.Nội dung đoạn 1: Người bố giảng dạy cho En-ri- cô về vai trò của việc học tập. Nhan đề: **Vai trò của việc học.**  Nội dung đoạn 2: Sự hi sinh và tình yêu thương của người mẹ dành cho con. Nhan đề: **Tình thương của mẹ**  **b.** Nội dung của hai đoạn văn trên trong văn bản Những tấm lòng cao cả có nét giống với văn bản Cổng trường mở ra là đều đề cập đến vai trò quan trọng của giáo dục nhà trường và tình thương yêu sâu sắc của gia đình dành cho con cái.  ***c. Thêm câu chủ đề cho mỗi đoạn***  (1) En-ri-cô yêu dấu của bố ! Việc học quả là khó nhọc đối với con. Như mẹ đã nói, con vẫn chưa đến trường với thái độ hăm hở và vẻ mặt tươi cười. Nhưng con thử nghĩ xem, một ngày sẽ trống trải biết bao nếu con không đến trường. Và chắc chắn chỉ một tuần lễ thôi, thế nào con cũng xin trở lại lớp học. Hiện nay tất cả thiếu niên đều đi học, En-ri-cô yêu dấu ạ. Con hãy nghĩ đến những người thợ tôi tôi vẫn đến trường sau khi lao động vất vả suốt ngày ; hãy nghĩ đến những cô gái đã đi học ngày chủ nhật vì cả tuần lễ phải bận rộn trong các xưởng thợ,đến những người lính ở thao trường trở về là đã viết viết, đọc đọc. Con hãy nghĩ đến những cậu bé câm và mù mà vẫn phải học [...]. Hãy can đảm lên con, người lính nhỏ của đạo quân mênh mông ấy. Sách vở là vũ khí của con, lớp học là đơn vị của con, trận địa là cả hoàn cầu và chiến thắng là nền văn minh nhân loại ...**Con phải hiểu việc học có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi người và sự phát triển của nhân loại.**  (2) **Mẹ của con rất yêu thương con và luôn dành những điều tốt đẹp nhất cho con**. Bố nhớ, cách đây mấy năm, mẹ đã phải thức suốt đêm, cúi mính trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hổn hển của con, quằn quại vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thể mất con!.... Nhớ lại điều ấy, bố ko thể nén được cơn tức giận đối với con. Hãy nghĩ xem, En-ri-cô à! Con mà lại xúc phạm đến mẹ con ư? Người mẹ sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, người mẹ có thể đi ăn xin để nuôi con, có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : cặp đôi  **Bài 3: Hãy sắp xếp các câu sau theo một trình tự hợp lý để có một đoạn văn hoàn chỉnh** :  (1) Ông đang nằm nghỉ trên giường trộm nẻn vào.(2) Hắn nhẹ nhàng mở ngăn kéo tủ lục tìm tiền. (3) Một lần nhà văn Ban- giắc đi ngủ quên không đóng cửa. (4) Bỗng hắn nghe tiếng chủ: “anh bạn ơi, anh đừng hoài công tìm tiền ở cái chỗ mà ngay giữa ban ngày đốt đuốc tôi cũng chẳng vét nổi một xu”.  - HS làm bài, nhận xét, GV bổ sung, sửa chữa | GV chốt kiến thức  Sắp xếp: 3-1-2-4 |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  **Bài 4:**  ***Viết một đoạn văn ngắn (từ 3-5 câu) đảm bảo tính liên kết với chủ đề “Mẹ tôi”.***  - GV hướng dẫn  HS viết  - HS viết, đọc, nhận xét  **Lưu ý**: dùng các từ hoặc cụm từ để liên kết các câu và các câu cùng hướng về một chủ đề. | Đoạn văn tham khảo  *Mẹ tôi là một người phụ nữ giàu lòng yêu thương con cái và gia đình. Mỗi ngày mẹ đều thức dậy sớm để chuẩn bị bữa sáng và dọn dẹp nhà cửa rồi mới đi làm. Tuy mẹ rất bận rộn, nhưng mỗi tối mẹ đều quan tâm, hỏi han tôi về việc học tập. Có những lúc tôi bị suốt, cả đêm mẹ không ngủ vì lo lắng, chăm sóc cho tôi. Lúc tôi làm điều gì sai trái mẹ không la mắng tôi mà chỉ khuyên răn nhẹ nhàng về cách ứng xử trong cuộc đời. Tôi rất yêu mẹ và tôi sẽ cố gắng học tập tốt để mẹ vui lòng.* |

**III. Củng cố - Dặn dò(5p)**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

- Giao bài tập về nhà

- Những kỉ niệm nào thức dậy trong em khi đọc văn bản “ cổng trường mở ra” của tác giả Lí Lan. Hãy viết một đoạn văn khoảng 6 đến 8 câu về một kỉ niệm đáng nhớ nhất trong ngày khai trường đầu tiên của mình.

- Từ văn bản ‘‘Mẹ tôi” em cảm nhận được những điều sâu sắc nào của tình cảm con người. Hãy viết một đoạn văn từ 6 -8 câu về chủ đề tình mẹ con có sử dụng phương tiện liên kết.

**Phụ lục**

**TỪ MẸ TRONG TIẾNG NÓI LOÀI NGƯỜI**

Người mẹ trong lịch sử tiến hoá loài người có một thiên chức thiêng liêng - đó là sự sinh sản để bảo vệ nòi giống. Chính vì chức năng thiên bẩm ấy mà đại văn hào M. Go-rơ-ki đã viết :

      Đời hiếu mẹ hiền không ánh sáng

Anh hùng, thi sĩ hỏi còn đâu ?

Trong buổi ấu thơ của tuổi xuân nhân loại, người mẹ đã từng giữ vai trò mẫu hệ. Trong tín ngưỡng tôn giáo, người mẹ được suy tôn là Đức mẹ (Thiên Chúa giáo : Đức mẹ Ma-ri-a ; Phật giáo : Đức Phật bà Quan Thế Âm Bồ Tát) và được phong thần, phong thánh,... Trong gia đình, người mẹ là linh hồn hội tụ mọi nguồn tình cảm. Mẹ là niềm vui, nỗi buồn của con cái và người chồng. Mẹ là "bà nội trợ vĩ đại" trong nữ công gia chánh. Mẹ cũng là người bạn - người thầy đầu tiên dạy con mình mọi hành vi, cử chỉ và tiếng nói ban đầu từ khi còn trong nôi. Mẹ còn là nguồn cung cấp năng lượng vật chất, bồi đắp thế giới tâm hồn cho trẻ thơ. Ngoài xã hội và thế giới tự nhiên, người phụ nữ nói chung và người mẹ nói riêng giữ vai trò cân bằng sinh thái, điều hoà sự sinh tồn của nhân loại. Trên trái đất, phái Đẹp - trong đó có người mẹ, chiếm tới 52% tổng số nhân loại. Và trong số đó, nhiều người đã trở thành nguyên thủ quốc gia, nhà ngoại giao, chính khách, nhà thơ, nhà văn, nhà bác học và những nghệ sĩ tài hoa lỗi lạc. Đặc biệt, có những bà mẹ đã sinh ra cho nhân loại các bậc vĩ nhân. Thế giới của những bà mẹ và phái đẹp còn là nguồn rung động, cảm hứng

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH DẠY THÊM MÔN NGỮ VĂN 9**

**HỌC KÌ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Buổi | Số tiết | Nội dung | Ghi chú |
| 1 |  | - Văn bản nghị luận VN và nước ngoài:  *+ Bàn về đọc sách ( Chu Quang Tiềm)*  *+ Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten ( H. Ten)* |  |
| 2 |  | - Văn bản nghị luận VN và nước ngoài:  *+ Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới ( Vũ Khoan)*  *+ Tiếng nói của văn nghệ (Nguyễn Đình Thi)* |  |
| 3 |  | - Các TP câu:  *+ Khởi ngữ*  *+ Các TP biệt lập*  *+ Nghĩa tường minh và hàm ý*  *+ Liên kết câu và liên kết đoạn văn.* |  |
| 4 |  | - Nghị luận xã hội:  *Dạng I: Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống* |  |
| 5 |  | - Nghị luận xã hội:  *Dạng I: Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống ( Luyện tập)* |  |
| 6 |  | - Nghị luận xã hội:  *Dạng II: Nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí.* |  |
| 7 |  | - Nghị luận xã hội:  *Dạng II: Nghị luận về vấn đề tư tưởng đạo lí (Luyện tập)* |  |
| 8 |  | Nghị luận về đoạn thơ, bài thơ. |  |
| 9 |  | Luyện tập nghị luận về đoạn thơ bài thơ. |  |
| 10 |  | - Thơ hiện đại VN:  *+ Nói với con ( Y Phương)* |  |
| 11 |  | - Thơ hiện đại VN:  *+ Mùa xuân nho nhỏ ( Thanh Hải)* |  |
| 12 |  | - Thơ hiện đại VN:  *+ Sang thu ( Hữu Thỉnh)* |  |
| 13 |  | - Thơ hiện đại VN:  *+ Viếng Lăng Bác ( Viễn Phương)* |  |
| 14 |  | Nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích. |  |
| 15 |  | Luyện tập nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích. |  |
| 16 |  | - Truyện Hiện đại Việt Nam :  *+ Những ngôi sao xa xôi ( Lê Minh Khuê).* |  |
| 17 |  | Ôn tập học kì 2 |  |
| 18 |  | Ôn tập học kì 2 ( tiếp) |  |
| 19 |  | Luyện đề |  |
| 20 |  | Luyện đề ( tiếp) |  |

**BUỔI 2**

**TIẾT 4 CHUYÊN ĐỀ TRUYỆN NGẮN**

**CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ (Khánh Hoài)**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

Củng cố và nâng cao nội dung cơ bản và những nét nghệ thuật chủ yếu của văn bản *Cuộc chia tay của những con búp bê*.

**2. Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng kể chuyện ở ngôi thứ nhất, kĩ năng miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật.

- Liên hệ vận dụng khi viết một bài văn biểu cảm.

**3. Thái độ**

- Nâng niu trân trọng tình cảm gia đình, chung sức xây dựng hạnh phúc gia đình, biết chia sẻ với những bạn bè không may mắn.

# 4.Năng lực và phẩm chất

+ Năng lực: Tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác

+ Phẩm chất: Yêu gia đình, yêu quê hương, sống tự chủ, tự tin.

**II. Tiến trình lên lớp**

1. ***Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ?Truyện được viết theo kiểu văn bản nhật dụng, có đúng không? Vì sao?  ?Văn bản được kết hợp với những PTBĐ nào? PTBĐ nào là chính? Vì sao?  *Ngoài ba cuộc chia tay tạo thành ba yếu tố hạt nhân của văn bản, tác giả còn sử dụng phương thức biểu cảm qua cách kể chuyện đồng thời bộc lộ trực tiếp cảm xúc của nhân vật chính (cũng là người trong cuộc), phương thức miêu tả khi miêu tả cảnh và tâm trạng. Sư kết hợp khéo léo giữa hai phương thức này giúp cho văn bản có được giọng điệu truyền cảm, gợi lên nhiều nỗi xa xót trong tâm hồn bạn đọc*  ?Truyện kể theo ngôi thứ mấy? Việc lựa chọn ngôi kể này có tác dụng gì?  *- Truyện kể theo ngôi 1- xưng tôi là bé Thành (người trong cuộc, trực tiếp chứng kiến, tham gia)->Giúp tác giả thể hiện một cách sâu sắc những suy nghĩ tình cảm và tâm trạng nhân vật, làm tăng tính chân thực, xúc động, tạo sức thuyết phục, hấp dẫn đối với người đọc.*  ? Trình bày đại ý của văn bản?  ? Em hãy tóm tắt ngắn gọn câu chuyện? | **I. Giới thiệu chung**  **1. Về kiểu văn bản và phương thức biểu đạt, ngôi kể.**  - Văn bản này được xếp vào nhóm văn bản nhật dụng.  - Phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản là tự sự..   * -Ngôi kể thứ nhất  1. **2. Đại ý :**   Qua ba cuộc chia tay cảm động (của những con búp bê, của tình cảm thầy trò, bè bạn và của hai anh em), văn bản giúp bạn đọc cảm nhận những tình cảm chân thành, sâu nặng của hai anh em trong câu chuyện, đồng thời cảm nhận được nỗi đau đớn, xót xa của những bạn nhỏ chẳng may rơi vào hoàn cảnh gia đình bất hạnh, từ đó biết thông cảm và chia sẻ với những người bạn ấy.   1. **3. Tóm tắt:**   Vì bố mẹ chia tay nhau, hai anh em Thành và Thuỷ cũng phải mỗi người một ngả: Thuỷ về quê với mẹ còn Thành ở lại với bố. Hai anh em nhường đồ chơi cho nhau, Thuỷ đau đớn chia tay thầy cô, khi chia tay còn quyến luyến anh không muốn rời,… Ba cuộc chia tay gợi lên ở bạn đọc những xúc cảm mạnh mẽ cùng nỗi xót thương cho cảnh ngộ mà lẽ ra những người bạn nhỏ không phải gánh chịu. |
| GV chia lớp thành 3 nhóm . Giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận về một nội dung cụ thể.  Đại diện các nhóm trình bày- nhóm khác nhận xét.  GV kết luận ngắn gọn những nội dung cơ bản.  **Nhóm 1**. **Thảo luận về ý nghĩa tên truyện**  ? Tại sao tên truyện là “Cuộc chia tay của những con búp bê”? Tên truyện có liên quan gì đến ý nghĩa của truyện không?  **Nhóm 2**: **Thảo luận về *Tình cảm của hai anh em Thành và Thủy***  ? Tâm trạng Thành - Thủy khi chia đồ chơi ntn?Vì sao Thành và Thuỷ có thái độ và tâm trạng như vậy?  GV: *các em có tâm trạng như vậy vì chia đồ chơi là giờ chia tay giữa 2 anh em đã đến. Chúng rất yêu thương nhau, không hề muốn xa nhau nhưng không thể sống cùng nhau được vì bố mẹ li hôn, con cái phải chia lìa. Đối với chúng, nhất là đứa em gái, điều này thật khủng khiếp.*  ?Cuộc chia tay dù đã biết trước nhưng rất đột ngột, khiến cả hai anh em có tâm trạng ntn? chúng ta còn cảm nhận được tình cảm gì giữa 2 anh em?  *GV:* *cuộc chia tay của 2 anh em đã để lại ấn tượng sâu sắc, làm nhói đau bao trái tim người đọc*.  ***Nhóm 3. Thảo luận về Tình cảm thầy trò, bạn bè trong sáng***  ?Những chi tiết kể về lúc Thủy đến chia tay cô giáo và các bạn thể hiện tâm trạng như thế nào?  ?Trước tâm trạng lưu luyến, đau khổ của Thuỷ, tình cảm của cô và các bạn dành cho Thuỷ được diễn tả ra sao?  ?Qua câu chuyện, tác giả muốn nhắn gửi đến mọi người điều gì? | **II. Những nội dung cơ bản**  ***1.Tên truyện***: ***Cuộc chia tay của những con búp bê***  *Mượn câu chuyện chia tay của những con búp bê để nói lên 1 cách thấm thía sự đau đớn xót xa của những đứa trẻ trong cuộc chia tay vô lý, không nên có*.  2. ***Tình cảm của hai anh em Thành và Thủy***  ***a. Khi chia đồ chơi***  - Hai anh em buồn khổ, đau xót, tuyệt vọng (bất lực) trước bi kịch gia đình.  ***b. Khi hai anh em chia tay***  - Hai anh em đau đớn tuyệt vọng, xót xa và đầy cảm động.  =>Tình cảm anh em sâu nặng, gắn bó, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, nhường nhịn, yêu thương nhau .  ***3.Tình cảm thầy trò, bạn bè trong sáng***  - Niềm thương xót, chia sẻ, cảm thông chân thành, sâu sắc, tình thầy trò bạn bè ấm áp.  **\*Ý nghĩa**  Là câu chuyện những đứa con nhưng lại gợi cho người làm cha làm mẹ phải suy nghĩ. Trẻ em cần được sống trong mái ấm gia đình. Mỗi người cần phải biết giữ gìn gia đình hạnh phúc |
| ?Tác giả kể chuyện bằng cách nào? Những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?  (NT gì, từ ngữ ntn; lời kể ra sao...) | **III. Nghệ thuật tiêu biểu**  - M.tả tâm lí nhân vật sâu sắc, tinh tế.  - Từ ngữ giàu sắc thái, biểu cảm  - Lời kể tự nhiên theo trình tự sự việc |

***B.* *Luyện tập (30 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1.**  HS trình bày cá nhân, HS khác nhận xét  ?Tên truyện là Cuộc chia tay... nhưng thực chất trong truyện có rất nhiều cuộc chia tay đó là những cuộc chia tay nào?  GV: *Tên-truyện là Cuộc chia tay của những con búp bê, trong khi thực tế búp bê không hề chia tay, Đây là dụng ý của tác giả. Búp bê là vật vô tri vô giác, nhưng chúng vẫn cần sum họp, cần gần gũi bên nhau. Lẽ nào những em nhỏ, ngây thơ, trong trắng như búp bê lại phải đau khổ**chia tay ? Vấn đề đó đặt ra cho những người làm cha làm mẹ phải có trách nhiệm giữ gìn tổ ấm gia đình của mình.*  **Bài tập 2.**  Cặp đôi chia sẻ (HS thảo luận theo từng cặp)  ?Em hãy giải thích tại sao khi dắt em ra khỏi trường, tâm trạng của Thành lại kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật.  *GV: hậu quả việc li hôn của cha mẹ quá lớn: gđ tan vỡ; con cái phải chịu những mất mát, đau đớn về vật chất và tinh thần không thể bù đắp được: thất học, sớm lăn lộn với đời để kiếm sống, mất tuổi thơ; mất những quyền cơ bản được hạnh phúc, được chơi, được chăm sóc, bảo vệ...*  **Bài tập 3.**  HS trao đổi nhóm, cử đại diện trình bày. GV nhận xét và đưa ra gợi ý trả lời.  Trong truyện"Cuộc chia tay của những con búp bê" tác giả đã miêu tả cảnh thiên nhiên như sau:  Đằng đông, trời hửng dần. Những bông hoa thược dược trong vườn đã thoáng hiện trong màn sương sớm và bắt đầu khoe bộ cánh rực rỡ của mình. Lũ chim sâu, chim chiền chiện nhảy nhót trên cành và chiêm chiếp hót. Ngoài đường, tiếng xe máy, tiếng ô tô và tiếng nói chuyện của những người đi chợ mỗi lúc một ríu ran. Cảnh vật vẫn cứ như hôm qua, hôm kia thôi mà sao tai họa giáng xuống đầu anh em tôi nặng nề thế này.  a.Hãy nhận xét nghệ thuật miêu tả trong đoạn văn  b.Qua đoạn văn, em hãy chỉ rõ vai trò của văn miêu tả trong văn bản tự sự này.  **Bài tập 4**  HS làm việc cá nhân, HS khác nhận xét.  ? Lập ý cho đề bài sau:  Chia tay anh, Thủy theo mẹ về quê ngoại. Ở quê, Thủy viết thư cho anh trai, kể về cuộc sống của hai mẹ con sau một tháng hai anh em chia tay.  Em hãy nhập vai Thủy để viết bức thư ấy. | **Bài tập 1.**  - Cuộc chia tay giữa bố và mẹ -> cuộc chia tay không được miêu tả trực tiếp nhưng lại đóng vai trò đầu mối dẫn đến các cuộc chia tay khác.  - Cuộc chia tay của những đồ chơi của 2 anh em.  - Cuộc chia tay giữa Thuỷ với cô giáo và các bạn  - Cuộc chia tay giữa 2 anh em.  **Bài tập 2**  GV định hướng:  Thành thấy kinh ngạc là vì trong khi mọi việc đều diễn ra rất bình thường, cảnh vật vẫn rất đẹp, cuộc đời vẫn bình yên,...ấy thế mà hai anh em Thành lại phải chịu đựng sự mất mát, đổ vỡ quá lớn. Nói cách khác, em ngạc nhiên vì tâm hồn mình đang nổi dông bão khi sắp phải chia tay với đứa em gái bé nhỏ, thân thiết, cả trời đất như sụp đổ trong tâm hồn em, thế mà bên ngoài mọi người và trời đất vẫn ở trạng thái *bình thường* . Đây là một diễn biến tâm lí được tác giả miêu tả rất chính xác. Nó làm tăng thêm nỗi buồn sâu thẳm, trạng thái thất vọng, bơ vơ của nhân vật trong truyện.  **Bài tập 3.**  **Gợi ý**  a.Nghệ thuật miêu tả tinh tế, các hình ảnh cụ thể tái hiện cuộc sống diễn ra bình thường như vốn có. Các từ láy, hình ảnh những bông hoa, lũ chim, âm thanh và nghệ thuật nhân hóa làm cho cảnh vật trở nên vui tươi, rộn ràng trái ngược với tâm trạng của Thành và Thủy**.**  b. Đoạn văn sử dụng phương thức miêu tả để chỉ ra dụng ý của tác giả: thiên nhiên càng tươi đẹp, rộn ràng, cuộc sống càng nhộn nhịp thì càng làm người đọc hiểu rõ thêm tâm trạng đau buồn, xót xa của hai anh em Thành và Thủy khi phải chịu cảnh chia lìa. *Như vậy, vai trò của văn miêu tả ở đây là tả cảnh để làm nổi bật nội tâm của nhân vật.*  **Bài tập 4**  Gợi ý  Nội dung bức thư gồm những ý sau  -Hỏi thăm tình hình của anh và bố.  -Kể cho anh nghe về cuộc sống của hai mẹ con ở quê sau một tháng hai anh em chia tay.  -Thủy nhắc lại những kỉ niệm của hai anh em, bày tỏ tâm trạng thương nhớ anh, nhớ hai con búp bê.  -Căn dặn anh phải luôn nhớ chăm sóc hai con búp bê.  -Thủy mong mọi điều tốt đẹp đến với anh và bố, hi vọng được đoàn tụ để hai anh em được sống bên nhau như trước kia. |

**Bài tập 5 : Đọc - hiểu**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi.

# ...*Đồ chơi của chúng tôi cũng chẳng có nhiều. Tôi dành hầu hết cho em: bộ tú lơ khơ, bàn cá ngựa, những con ốc biển và bộ chỉ màu. Thủy chẳng quan tâm đến chuyện đó, mắt nó cứ ráo hoảnh nhìn vào khoảng không, thỉnh thoảng lại nấc lên khe khẽ. Nhưng khi tôi vừa lấy hai con búp bê trong tủ ra, đặt sang hai phía thì em tôi bỗng tru tréo lên giận dữ:*

* *Anh lại chia rẽ con Vệ Sĩ với con Em Nhỏ ra à? Sao anh ác thế!*

*Tôi nhìn em buồn bã:*

*– Thì anh đã nói với em rồi. Anh cho em tất cả.*

*Tôi đặt con Vệ Sĩ vào cạnh con Em Nhỏ giữa đống đồ chơi của Thủy. Cặp mắt em dịu lại, nhưng chợt nghĩ ra điều gì, em lại kêu lên:*

*– Nhưng như vậy lấy ai gác đêm cho anh?*

*Tôi nhếch mép cười cay đắng. Trước đây có thời kì tôi toàn mê ngủ thấy ma. Thủy bảo: “Để em bắt con Vệ Sĩ gác cho anh”…*

1. Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?
2. Nêu nội dung của đoạn trích?
3. Từ in đậm trong câu sau thuộc kiểu cấu tạo từ nào: “*Anh lại* ***chia rẽ*** *con Vệ Sĩ với con Em Nhỏ ra à?”*
4. Lời nói và hành động của Thủy khi thấy anh chia hai con bút bê Vệ Sĩ và Em Nhỏ ra hai bên có gì mâu thuẫn? Theo em, có cách nào để giải quyết được những mâu thuân ấy không? Kết thúc truyện, Thủy đã lựa chọn cách giải quyết như thế nào? Chi tiết này gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm gì?

**Hướng dẫn trả lời:**

1. Phương thức biểu đạt: tự sự
2. Nội dung đoạn trích: kể về việc hai anh em Thành và Thủy chia đồ chơi.
3. Từ ***“chia rẽ”:*** từ ghép đẳng lập
4. *Khi thấy anh chia 2 con búp bê Em Nhỏ và Vệ Sĩ, lời nói và hành động của Thuỷ có gì mâu thuẫn?*

- Lúc đầu *tru tréo, giận dữ* vì không muốn 2 con búp bê chia tay nhau vì từ khi về nhà, 2 con búp bê luôn thân thiết, chưa phải chia tay ngày nào.

- Sau đó: Thuỷ lại *dịu lại* và cũng không đồng ý việc anh nhường hết búp bê cho mình vì như thế thì *Lấy ai gác đêm cho anh*. Thương anh Thuỷ rất bối rối sau khi đã tru tréo lên giận dữ ->Sự mâu thuẫn rất tinh tế, rất trẻ thơ của Thuỷ.

*Theo em có cách nào giải quyết mâu thuẫn ấy không?*

- Gia đình Thuỷ phải được đoàn tụ, 2 anh em không phải chia tay, 2 con búp bê cũng không phải xa nhau.

*Kết thúc truyện, Thuỷ đã lựa chọn cách giải quuyết ntn? Chi tiết này gợi cho em suy nghĩ và tình cảm gì?*

- Đặt con vệ sĩ cạnh con em nhỏ, chúng không bao giờ phải xa nhau.

=>Sự gắn bó bền chặt, không thể rời xa của 2 anh em. Chi tiết này còn gợi trong lòng người đọc tình thương cảm đối với 1 em gái giàu lòng *vị tha, nhân hậu*: vừa thương anh, vừa thương những con búp bê. Thà mình chịu chia lìa chứ không để những con búp bê phải chia tay. Mình có thể chịu thiệt thòi để anh luôn có con vệ sĩ gác cho ngủ yên giấc mỗi đêm. Chúng ta cũng không khỏi cảm thấy đau xót, tại sao các em lại phải xa cách trong khi các em không muốn. Sự chia tay đó là rất vô lý, không nên có.

**-------------------------------------------------------------**

**TIẾT 5,6: CHUYÊN ĐỀ CÁC KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN.(TIẾP THEO)**

**BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN VÀ MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Chủ đề nhằm tiếp tục củng cố cho học sinh kiến thức tạo lập văn bản theo một thể thống nhất, hoàn chỉnh về nội và hình thức, đảm bảo tính mạch lạc.

**2. Kỹ năng:**

- Luyện cho HS kĩ năng xây dựng văn bản đảm bảo bố cục 3 phần, văn bản phải đảm bảo tính mạch lạc.

- Tiếp tục luyện kĩ năng dùng từ, đặt câu, diễn đạt rõ ràng trôi chảy

**3. Thái độ:**

- Có ý thức trình bày văn bản rõ ràng, mạch lạc.

# 4. Năng lực và phẩm chất:

**-** Năng lực phân tích ngôn ngữ ,giao tiếp ...

- Năng lực làm việc độc lập, trình bày ý kiến cá nhân .

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 5.**

1. ***Hệ thống lại kiến thức đã học (25 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| VB không thể được xây dựng một cách tùy tiện mà phải có bố cục rõ ràng .  ? Bố cục là gì?  ?Vì sao khi xây dựng VB, cần phải quan tâm tới bố cục ? (HS thảo luận)  *Nếu không quan tâm tới bố cục các phần, các đoạn trong văn bản không có sự liên kết, sẽ bị lộn xộn, gây khó hiểu cho người đọc....*  ? Bố cục của một VB cần đạt được yêu cầu gì để người đọc có thể hiểu được VB ?  ?Văn bản thường được xây dựng theo bố cục mấy phần?  **GV bổ sung:** *bố cục 3 phần giúp văn bản rõ ràng , hợp lí nhưng không phải nhất thiết văn bản nào cũng có bố cục 3 phần.*  GV cho HS quan sát văn bản.  Ngắm trăng  *Trong tù không rượu cũng không hoa*  *Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.*  *Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,*  *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*  ? Văn bản trên có bố cục 3 phần không?  \*.Lưu ý: *Mỗi kiểu loại văn bản có những bố cục đặc trưng tương ứng. Các bài thơ đường luật có bố cục riêng, các truyện ngắn hay bài thơ tự do có bố cục linh hoạt…*  ?Có phải cứ chia văn bản làm 3 phần là văn bản có bố cục mạch lạc không?  - Chưa hẳn là thế ...  **GV:** *cần phải có cách viết các phần, các đoạn cho hợp lí. Vậy tính mạch lạc cần những yêu cầu nào?*  ? Qua khái niệm về mạch lạc, em hiểu thế nào là mạch lạc trong văn bản?  ?Mạch lạc có cần thiết trong văn bản không?  *- Mạch lạc rất cần thiết cho văn bản*.  ? Các điều kiện để 1 văn bản có tính mạch lạc là gì? | 1. **I. Bố cục trong văn bản**   1. Khái niệm:  - Bố cục là bố trí, sắp xếp các phần, các đoạn theo 1 trình tự, hệ thống rành mạch, hợp lý.  2. Những yêu cầu về bố cục trong văn bản  + Nội dung các phần, các đoạn vừa thống nhất, vừa rõ ràng.  + Trình tự sắp xếp hợp lí.  Bố cục phải hợp lí để giúp cho VB đạt mức cao nhất của mục đích giao tiếp.  3. Các phần của bố cục  \*Mở bài: thông báo đề tài của văn bản  \*Thân bài: nội dung chính của văn bản, có nhiệm vụ triển khai chi tiết, cụ thể vấn đề chính được nói tới ở mở bài  \*Kết bài: khái quát lại các ý đã trình bày trong văn bản, nêu cảm nghĩ hoặc những định hướng, hứa hẹn…   1. **II. Mạch lạc trong văn bản**   1.Thế nào là mạch lạc trong văn bản?  **-** Mạch lạc là sự tiếp nối các câu các ý trong văn bản theo 1 trình tự hợp lí.  2.Những biểu hiện cụ thể của tính mạch lạc trong văn bản.  **-** Các phần, đoạn, câu trong văn bản đều hướng về một đề tài và biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt.  **-** Các phần, đoạn, câu trong văn bản được sắp xếp thành một trình tự rõ ràng, hợp lý, ý này nối tiếp ý kia, không thể chia tách hoặc thêm bớt, góp phần làm cho chủ đề liền mạch. |

***B. Luyện tập ( 20 phút)***

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1**  Cặp đôi chia sẻ (HS thảo luận theo từng cặp). HS khác nhận xét, GV kết luận.  Có một văn bản tự sự như sau:  *“ Ngày xưa có một em bé gái đi tìm thuốc cho mẹ. Em được Phật trao cho một bông cúc. Sau khi dặn em cách làm thuốc cho mẹ, Phật nói thêm: “Hoa cúc có bao nhiêu cánh người mẹ sẽ sống thêm được bấy nhiêu năm”. Vì muốn mẹ sống thật lâu cô bé dừng lại bên đường tước các cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ. Từ đó hoa cúc có rất nhiều cánh... Ngày nay, cúc vẫn được dùng chữa bệnh. Tên y học của cúc là Liêu Chi”.*  a. Phân tích bố cục, sự liên kết của văn bản trên.  b. Có thể đặt tên cho câu chuyện trên thế nào? | **Bài tập 1**  a, Văn bản có bố cục hợp lí  - Phần 1: (câu 1) Giới thiệu hoàn cảnh của câu chuyện và nhân vật chính.  - Phần 2: (từ câu 2-6) Diễn biến của truyện  - Phần 3: (2 câu cuối) khẳng định vai trò, giá trị của hoa cúc đến tận ngày nay.  \* Sự liên kết chặt chẽ  - Mở đầu là vấn đề tìm thuốc chữa bệnh cho mẹ.  - Được Phật cho bông cúc, hướng dẫn cách làm thuốc chữa bệnh cho mẹ.  - Hành động hiếu thảo của cô bé: xử lí cánh hoa cúc- thuốc cho mẹ.  - cuối cùng là vai trò của cúc trong y học – là thuốc để chữa bệnh.  c, Có thể đặt tên cho câu chuyện  Tham khảo:  - Vì sao hoa cúc có nhiều cánh?  - Lòng hiếu thảo. |
| **Bài tập 2**  HS làm việc cá nhân, HS khác nhận xét. GV kết luận.  ?Tính mạch lạc được thể hiện như thế nào trong đoạn văn sau? Biển luôn thay đổi màu tuỳ theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm, như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu giận dữ....Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng. *(Vũ Tú Nam)* | **Bài tập 2**  Gợi ý  Tính mạch lạc được thể hiện trong văn bản:  - Các câu đều hướng tới chủ đề: Biển thay đổi theo sắc mây trời.  - Các câu sau được sắp xếp hô ứng với nhau theo mức độ tăng dần: trời xanh thẳm -> trời rải mây trắng nhạt -> trời âm u -> trời ầm ầm dông gió...Các sự vật được sắp xếp theo mức độ tăng dần. |

**Tiết 6 LUYỆN TẬP**

**BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN VÀ MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN**

( 45 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 3**  Cặp đôi chia sẻ (HS thảo luận theo từng cặp). HS khác nhận xét, GV kết luận.  La Phông-ten, nhà thơ ngụ ngôn nổi tiếng người Pháp đã viết câu chuyện như sau:  “*Một anh chàng có con gà quý Mỗi một ngày đẻ một trứng vàng Chàng ta muốn chóng giàu sang Đem gà mổ thịt moi vàng cho nhanh Nào ngờ đâu khi phanh bụng nó Chỉ toàn thấy loại trứng thường ăn Thói đời muốn bốc thật nhanh Thì hay dẫn tới tay không sớm chiều Xưa nay tham quá thành liều Cho nên chì mất kéo theo cả chài.*  a, Bài thơ trên có được xây dựng theo bố cục ba phần không? Nếu có, hãy chỉ rõ từng phần. Giải thích vì sao em phân chia như thế?  b, Bài thơ giáo dục con người điều gì? | **Bài tập 3**  **Gợi ý.**  a, Bố cục 3 phần của bài thơ  -Phần 1. (hai câu đầu). Giới thiệu anh chàng có con gà đẻ ra trứng bằng vàng.  -Phần 2. (sáu câu tiếp). Muốn nhanh chóng giàu sang, anh ta đã mổ gà vét trứng và kết cục thảm hại.  -Phần 3. (hai câu cuối). Lời bình và giáo dục.  \* Phân chia như vậy là dựa trên trình tự trước sau hợp lí về thời gian, sự việc của văn bản. Bố cục này khiến cho văn bản trở nên rành mạch.  b, Bài thơ giáo dục con người: không nên tham lam quá mà trở thành liều lĩnh, có ngày mất hết gia sản mà lại mang họa vào thân. Muốn có cuộc sống tốt phải có lao động, tích lũy dần, không nên nóng vội. |
| **Bài tập 4**  HS làm việc cá nhân, HS khác nhận xét. GV kết luận.  ? Tìm hiểu và chỉ ra sự mạch lạc được thể hiện rõ nét trong văn bản: *Cuộc chia tay của những con búp bê* (Khánh Hoài) | **Bài tập 4**  **Gợi ý**  \*Mạch lạc được thể hiện rõ ràng trong "dòng chảy" ở văn bản "*Cuộc chia tay của những con búp bê*". Có thể nhận ra các chặng liên tục của nó:  1) Mở đầu là từ lời nói của bà mẹ :chia đồ chơi ra -> chuyện chia không xảy ra 2)Lại thấy mẹ ra lệnh : Đem chia đồ chơi ra đi -> hai anh em nhường nhau không chia.  3) Mẹ lại quát giận dữ :"Lằng nhằng mãi. Chia ra" -> Chia Vệ Sĩ cho anh, Em Nhỏ cho em -> nhưng rồi lại đặt hia búp bê về chỗ cũ ->không chia. 4) Cuộc chia tay đã diễn ra trong hoàn cảnh: Anh cho cả 2 búp bê vào hòm của em. Em lại để Vệ Sĩ ở lại với anh. 5) Kết cục, Thủy (em) quay lại :đặt Em Nhỏ ở lại cạnh Vệ Sĩ -> ko có sự chia tay của búp bê. |
| **Bài tập 5**  HS trả lời vào phiếu học tập  **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi** *Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng - những màu vàng rất khác nhau.  Có lẽ bắt đầu từ những đêm sương sa thì bóng tối đã hơi cứng và sáng ngày ra thì trông thấy màu trời có vàng hơn thường khi. Màu lúa chín dưới đồng vàng xuộm lại. Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những chùm quả xoan vàng lịm không trông thấy cuống, như những chuỗi tràng hạt bồ đề treo lơ lửng. Từng chiếc lá mít vàng ối. Tàu đu đủ, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh vàng tươi. Buồng chuối đốm quả chín vàng. Những tàu lá chuối vàng ối xõa xuống như những đuôi áo, vạt áo. Nắng vườn chuối đương có gió lẫn với lá vàng như những vạt áo nắng, đuôi áo nắng,  vẫy vẫy. Bụi mía vàng xọng, đốt ngầu phấn trắng. Dưới sân, rơm và thóc vàng giòn. Quanh đóm con gà, con chó cũng vàng mượt. Mái nhà phủ một màu rơm vàng mới. Lác đác cây lụi có mấy chiếc lá đỏ. Qua khe giậu, ló ra mấy quả ớt đỏ chói. Tất cả đượm một màu vàng trù phú, đầm ấm lạ lùng. Không còn có cảm giác héo tàn hanh hao lúc sắp bước vào mùa đông. (Tô Hoài)* a, Phương thức biểu đạt của đoạn văn là gì?  b, Đoạn văn viết về nội dung gì?  c, Màu sắc, dáng vẻ của cảnh vật bừng lên tràn đầy sức sống nhờ một số từ ghép và từ láy. Hãy chỉ ra các từ gợi tả đó.  d, Văn bản trên được hình thành từ bố cục có ba phần không? Có sự liên kết của văn bản không? Tìm hiểu sự mạch lạc của văn bản.  e, Viết một bài văn ngắn miêu tả cảnh quê hương em. Chỉ ra sự mạch lạc trong bài văn đó.  **Gợi ý**  a, Phương thức biểu đạt: miêu tả.  b, Đoạn văn miêu tả quang cảnh làng quê vào ngày mùa.  c, \* Từ láy: lắc lư, lơ lửng, đu đủ, hanh hao...  \*Từ ghép: -làng quê, mùa đông, bóng tối, tràng hạt, bụi mía, con gà, trù phú...  - vàng xuộm, vàng hoe, vàng lịm, vàng ối, vàng tươi, vàng xọng, vàng giòn, vàng mượt....  d,   * \* Bố cục 3 phần * - Phần 1. (câu 1). Giới thiệu các màu vàng khác nhau của làng quê giữa ngày mùa. * - Phần 2. (câu 2-13). Miêu tả cụ thể từng sắc vàng, tràn đầy sức sống của làng quê. * - Phần 3. (hai câu cuối). Khái quát về màu vàng của làng quê và cảm xúc của người viết. * \* Văn bản có sự liên kết chặt chẽ: nội dung nhất quán từ đầu đén cuối văn bản là màu vàng của ấm no.   \*Mạch lạc trong văn bản: Ý tứ chủ đạo xuyên suốt toàn văn bản là sắc vàng trù phú, đầm ấm của làng quê vào mùa đông, giữa ngày mùa. Ý tứ ấy đã được dẫn dắt theo một “dòng chảy” hợp lí, phù hợp với nhận thức của người đọc: Câu đầu giới thiệu bao quát về sắc vàng trong không gian làng quê. Sau đó, tác giả nêu lên các biểu hiện của sắc vàng. Hai câu cuối là nhận xét, cảm xúc về màu vàng.  e, HS tự làm | |

* ***Các bài tập làm vào phiếu học tập HS sẽ nộp lại cho GV, GV chấm và trả vào buổi học sau***

**III. Củng cố - Dặn dò**

1, Đọc lại văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê (Khánh Hoài), ghi nhớ nội dung và những nét nghệ thuật cơ bản.

2, Học lại lí thuyết về *Bố cục của văn bản và Mạch lạc trong văn bản.*

3, Bài tập về nhà.

a, Có một HS tự thuật lại lỗi lầm của mình. Hãy tìm bố cục hợp lí cho phù hợp với mục đích: tự thuật để rút kinh nghiệm cho bản thân và cho mọi người.

b, Kể lại một câu chuyện mà em thích. Chỉ ra sự mạch lạc trong câu chuyện đó.

4, Chuẩn bị cho buổi học sau: Ôn tập Ca dao-dân ca.

---------------------------------------------------

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**BUỔI 3:**

**TIẾT 7: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CA DAO – DÂN CA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**:

- Học sinh nắm được những nét khái quát về ca dao - dân ca (khái niệm, giá trị nội dung nghệ thuật).

Nắm được giá trị nội dung, nghệ thuật của bài ca dao về chủ đề tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước, con người.

**2. Kĩ năng**:

- Đọc diễn cảm, phân tích và cảm thụ một bài ca dao - dân ca.

- Đọc - hiểu và phân tích ca dao, dân ca trữ tình.

- Phát hiện và phân tích những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, những mô típ quen thuộc trong các bài ca dao trữ tình về tình yêu quê hương, đất nước.

**3. Thái độ**: Giáo dục học sinh thấy được giá trị của nền văn học dân gian, từ đó có ý thức trân trọng, giữ gìn nền văn học dân gian.

**4. Năng lực:** năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực cảm thụ thẩm mĩ (thưởng thức văn học), năng lực tiếp nhận văn bản

**II. CHUẨN BỊ:**

- Giáo viên: SGK + SGV, Giáo án

- Học sinh: Vở ghi - Sưu tầm các bài ca cao.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức:** kiểm diện sĩ số, ổn định nề nếp

**2. Bài cũ**: Kể tên một số biện pháp tu từ đã học? Cho ví dụ?

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| ***HĐ1: HD tìm hiểu khái niệm***  - GV: Ca dao - dân ca là thuật ngữ Hán Việt  - Ca: hát có nhạc đệm  - Dao: hát trơn  ?Em hiểu CD - DC như thế nào? | **I. KHÁI NIỆM CA DAO – DÂN CA**  - Ca dao - dân ca: Là tên gọi chung các thể loại trữ tình dân gian kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.  - Hiện nay, người ta phân biệt 2 khái niệm ca dao - dân ca:  + Dân ca: những ST kết hợp lời + nhạc  + Ca dao: Là lời thơ của dân ca  Gồm cả những bài thơ dân gian mang phong cách nghệ thuật chung với lời thơ dân ca.  Chỉ một thể thơ dân gian, thể ca dao. |
| ***HĐ2: HD tìm hiểu nội dung***  \*Thảo luận nhóm:  ? ca dao – dân ca phản ánh những nội dung nào?  ? Theo đặc điểm và nội dung ca dao gồm những loại nào?  (Lấy ví dụ minh họa)  \_ Hs thảo luận, báo cáo, bổ sung  ­\_ GV nhận xét, bổ sung, kết luận  \_ Một số bài ca dao:  + Dù ai đi ngược về xuôi  Nhớ ngày giỗ Tổ mông mười tháng ba  + Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ  Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh  + Chồng em áo rách em thương  Chồng người áo gấm xông hương mặc người  ...  \_ Ngoài những bài ca dao cổ không biết tên tác giả, còn có những câu thơ hay và phổ biến:  + Tháp Mười đẹp nhất bông sen  Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ  (Bảo Định Giang)  + Trên trời mây trắng như bông  Ở dưới cánh đồng bông trắng như mây  (Ngô Văn Phú) | **II. NỘI DUNG CA DAO – DÂN CA**  1.Nội dung:  - Ca dao phản ánh lịch sử  - Ca dao phản ánh nếp sống, phong tục, tập quán; phản ánh đời sống tình cảm của nhân dân  - Chứa đựng tiếng cười trào phúng  2. Phân loại:  - Đồng dao (thường gắn với các trò chơi của trẻ em)  - Ca dao hát ru  - Ca dao nghi lễ, phong tục  - Ca dao trào phúng, bông đùa (châm biếm)  - Ca dao trữ tình (Tình cảm gia đình; tình yêu quê hương, đất nước, con người)  - Ca dao than thân |
| ***HĐ3: Tìm hiểu về nghệ thuật*** | **III. NGHỆ THUẬT**   1. **Ngôn ngữ** |
| GV. Phương tiện chủ yếu của ca dao là ngôn ngữ. VD:  -Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng  Tre non đủ lá, đan sàng nên chăng?  -Đan sàng thiếp cũng xin vâng.  Tre vừa đủ lá non chăng hỡi chàng?  - Em hiểu cụm từ “tre non đủ lá”, “đan sàng”, như thế nào?  + Tre non đủ lá: người con trai (gái) đã đến tuổi thanh niên.  + Đan sàng: kết hôn  ? Em có nhận xét gì về ngôn ngữ trong ca dao? | **-** Thể hiện rõ tính địa phương;  - Giàu sắc thái biểu cảm, tính chất biểu tượng, ước lệ tượng trưng. |
| Qua các bài ca dao em được đọc, em hãy cho biết thể thơ phổ biến trong ca dao? Lấy ví dụ minh họa? | **2. Thể thơ trong ca dao** |
| *- Trên đồng cạn / dưới đồng sâu*  *Chồng cày vợ cấy/ con trâu đi bừa.* | a.Thể lục bát |
| *-Bác mẹ già phơ phơ đầu bạc Con chàng còn trứng nước thơ ngây*  *Có hay chàng ở đâu đây Thiếp xin mượn cánh chắp bay theo chàng* | b.Thể song thất lục bát |
| GV có thể bổ sung thêm các thể thơ khác  + Ông giẳng Ông giăng  Xuống đây cùng chị  Có bị cơm xôi  Có nồi cơm nếp ...  +Chiều chiều trước bến Vân Lâu  Ai ngồi ai câu  Ai sầu ai thảm  Ai thương ai cảm  Ai nhớ ai trông.  Thuyền ai thấp thoáng bên sông  Nghe câu mái đẩy, chạnh lòng nước non. | c.Thể văn (2,3,4,5 chữ)  - Thường được dùng trong đồng dao.  - Thể văn 2, 4 hoà lẫn với nhau, khó phân biệt  d.Thể hỗn hợp |
| ? Các thủ pháp nghệ thuật thường được dùng trong ca dao? | **3.Thủ pháp nghệ thuật**  **-**So sánh  **-**- Ẩn dụ.  - Điệp, đối, tương phản, phóng đại... |

**( 4. Củng cố**:

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Nắm nội dung bài.

- Sưu tầm một số bài ca dao theo nội dung đã học ở trên.

**Tiết 8: Hướng dẫn phân tích, cảm thụ ca dao.**

**NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH**

**NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QU Ê HƯƠNG ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | | **NỘI DUNG** |
| ***\*Hoạt động 1: HD tìm hiểu chung VB*** | | |
| - GV: HD đọc: giọng ấm áp, tươi vui, biểu hiện tình cảm thiết tha, gắn bó.  -> GV đọc - HS đọc - nhận xét.  - GV hướng dẫn hs đọc chú thích để hiểu được một số từ ngữ.  **(Ở cả 2 chủ đề)** | | **I. Đọc – Tìm hiểu chung**  **1. Đọc:**    **2. Chú thích**: sgk |
| ***\*Hoạt động 2: HD phân tích, cảm thụ*** | | |
| ? Để hiểu và cảm thụ được nội dung của một bài ca dao, theo em cần phải làm gì? | **II. Ph­ương pháp cảm thụ một bài ca dao.**  1. Đọc kĩ nhiều l­ợt để tìm hiểu nội dung(ý).  2. Cách dùng từ đặt câu có gì đặc biệt.  3. Tìm những hình ảnh, chi tiết có giá trị gợi tả.  4. Tìm hiểu và vận dụng một số biện pháp tu từ (Đặc biệt là ý và từ trong ca dao).  5. Cảm nhận của em về cả bài. | |
| - GV hướng dẫn Hs thảo luận theo cặp hoặc theo bàn với những nội dung sau:  1.Những từ ngữ, hình ảnh có giá trị gợi tả?  2. Nét đặc sắc về nghệ thuật?  3.Cảm nhận của em về bài ca dao  - HS thảo luận, báo cáo, nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | **III. Luyện tập**   1. **Bài 1**: Cảm nhận về câu ca dao:   *“Chiều chiều ra đứng ngõ sau*  *Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”*  *-*Những từ ngữ, hình ảnh gợi tả:  +Chiều chiều: gợi thời gian vào buổi chiều, không chỉ một buổi chiều mà là rất nhiều buổi chiều.  + Ngõ sau: gợi không gian vắng lặng, vào thời điểm ngày tàn đêm đến lại càng vắng lặng hơn.  + quê mẹ: một nơi xa, nơi có những người thân trong gia đình, nơi chứa đựng những yêu thương, những sẻ chia ấm lòng người.  + “Chín chiều”: là chín bề, nhiều bề.  -Nghệ thuật: sử dụng từ ngữ có kết cấu vòng tròn: chiều chiều – chín chiều: càng làm cho nỗi nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ quê hương càng dâng lên, nỗi cô đơn vô cùng. | |
| -Tương tự như bài tập số 1, GV hướng dẫn HS cách tìm hiêu nội dung của bài ca dao, chú ý đến những từ ngữ, hình ảnh có giá trị gợi tả, những nét đặc sắc về nghệ thuật. Từ đó nhận biết và cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong nội dung của bài ca dao. | 1. **Bài tập 2:**   Cảm nhận của em về bài ca dao:  “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát  Đứng bền tê đồng ngó bên ni đồng bát ngát mênh mông  Thân em như chẽn lúa đòng đòng  Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.”  -2 câu đầu: Dòng thơ kéo dài 12 tiếng thể hiện sự dài rộng, to lớn của cánh đồng. Nhịp 4/4/4 lặp ở cả 2 dòng . các nhóm từ ở dòng sau lặp đảo và đối xứng với các nhóm từ ở dòng trước=> nhìn ở phía nào cũng thấy sự mênh mông, rộng lớn và rất đẹp, trù phú, đầy sức sống.  ***-*** 2 câu sau: So sánh với hình ảnh “chẽn lúa đòng đòng”-lúa sắp trổ bông-người con gái dậy thì trẻ trung đầy sức sống, phơi phới sức xuân gợi tả vẻ đẹp thon thả và sức sống thanh xuân của người con gái giữa cánh đồng bát ngát.  => Thể hiện tình cảm yêu quý, tự hào về vẻ đẹp và sức sống của quê hương và con người. | |
| Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  ***"Công cha như núi ngất trời"***. *(Ngữ văn 7- tập 1, trang 35)*  ***Câu 1***: Chép ba câu tiếp theo để hoàn chỉnh bài ca dao trên.  ***Câu 2***: Xác định chủ đề của bài ca dao em vừa chép. Bài ca dao là lời của ai nói với ai?  ***Câu 3***: Tìm và giải thích 1 từ Hán Việt được sử dụng trong bài ca dao trên  ***Câu 4:*** Chỉ ra biện phap tu từ được sử dụng trong bài ca dao và nêu tác dụng của phép tu từ đó trong việc diễn tả nội dung toàn bài.  ***Câu 5*:** Nêu nội dung bài ca dao. Qua đó, nhân dân ta muốn gửi gắm điều gì?  ***Câu 6:*** Hãy tìm và viết thêm ít nhất 2 bài ca dao cùng chủ đề.  ***Câu 7:*** Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài ca dao. | 1. **Bài tập 3**   Câu 1:HS chép chính xác bài ca dao:  Câu 2:  -Chủ đề: Bài ca dao nói về chủ đề tình cảm gia đình (tình cảm con cái với cha mẹ)  -Đây là lời của mẹ ru con và nói với con. Dấu hiệu khẳng định điều đó: Tiếng gọi “con ơi”  Câu 3: 1 từ Hán Việt: nghĩa: tình nghĩa, việc làm vì người khác (ở đây chỉ những việc làm mà mẹ đã hi sinh vì chúng ta)  Câu 4:  -Biện pháp tư từ được sử dụng: so sánh  -Câu hát đã sử dụng những hình ảnh kì vĩ: *“núi ngất trời*”, nước *“biển Đông ”* để so sánh với công cha, nghĩa mẹ.  -Phép so sánh trên đã giúp chúng ta có thể cảm nhận sâu sắc và cụ thể hơn công lao to lớn của cha mẹ.  - Hình ảnh “núi cao, biển rộng” tiếp tục được láy lại ở câu ca thứ ba một lần nữa nhấn mạnh thêm công lao của cha mẹ.  *=> Tình yêu thương vô bờ, sự hết lòng của cha mẹ dành cho con.*  Câu 5: Nội dung bài ca dao:  + Công lao trời biển của cha mẹ đối với con cái không thể nào kể hết.  + Bổn phận trách nhiệm của con cái trước công lao to lớn ấy là phải biết ghi nhớ, kính trọng, hiếu thảo  Câu 6: HS ghi lại 2 bài ca dao cùng chủ đề  Câu 7: HS trình bày hình thức đoạn văn biểu cảm  **-Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề, ấn tượng ban đầu về bài ca dao  **- Thân đoạn**  \* Biểu cảm về hình thức bài ca dao  - Là lời ru của mẹ nói với con. Được thể hiện bằng những câu lục bát mang âm hưởng ngọt ngào, tha thiết.  \* Biểu cảm về nội dung  - Hiểu tấm lòng và công ơn cha mẹ qua lời ngợi ca công cha nghĩa mẹ:  + Dùng những hình ảnh lớn lao, thiêng liêng, sâu thẳm ngọt ngào để ví với công ơn cha mẹ. Phân tích cái hay của những hình ảnh đó  + Tư duy của người Việt thường ví công cha với trời, nghĩa mẹ như biển.  - Thấm thía trách nhiệm, bổn phận qua lời căn dặn tha thiết với những người làm con  - Lấy ví dụ về một hai bài có nội dung tương tự. Những bài ca dao này thể hiện truyền thống đạo lí tốt đẹp của cha ông ta  **- Kết đoạn:**  + Khẳng định tình cảm được thể hiện trong bài thơ  + Bài học cho bản thân | |

**C. Củng cố**:

? Các bài ca dao về đề tài tình cảm gia đình; tình yêu quê hương đất nước, con người có ý nghĩa gì?

? Đọc bài ca dao hoặc thơ ca ngợi về quê hương của em?

**VD**: Bài thơ “*Ta đi tới*” của Tố Hữu.

*“Ai đi Nam Bộ*

*Tiền Giang,Hậu Giang*

*Ai vô Thành phố*

*Hồ Chí Minh*

*Rực rỡ tên vàng,*

\_"Đồng Đăng có phố Kì Lừa,  
Có nàng Tô Thị , Có chùa Tam Thanh.

**D.Bài tập về nhà:**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*Ngó lên luộc lạt mái nhà*

*Bao nhiêu luộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu*

*(Ngữ văn 7- tập 1)*

***Câu 1***: Xác định thể loại của văn bản trên. Trình bày hiểu biết của em về thể loại đó.

***Câu 2***: Xác định chủ đề và PTBĐ chính của văn bản.

***Câu 3***: Văn bản là lời của ai, nói về nội dung gì?

***Câu 4:*** Qua văn bản, em hãy viết 1 đoạn văn về tình cảm gia đình.

***Câu 5*:** Tìm 2 văn bản cùng thể loại.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
| **1** | * Thể loại: Ca dao * Ca dao, dân ca: là các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người. Ca dao là lời thơ dân xa, bao gồm cả những bài thơ dân gian mang phong cách nghệ thuật chung với lời thơ của dân ca. |
| **2** | * Chủ đề: Tình cảm gia đình * PTBĐ chính: Biểu cảm |
| **3** | * Văn bản là lời của con cháu nói với ông bà, diễn tả tình cảm yêu quý, kính trọng, nỗi nhớ của con cháu đối với ông bà |
| **4** | * Hs viết theo cảm nhận riêng, đảm bảo các nội dung:   +Tình cảm gia đình là gì  + Ý nghĩa của tình cảm gia đình |
| **5** | * Hs tìm 2 bài ca dao bất kì về đề tài tình cảm gia đình |

**Tiết 9**

**CHUYÊN ĐỀ TỪ VỰNG:**

**TỪ GHÉP, TỪ LÁY**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: Giúp học sinh củng cố lại hệ thống kiến thức về cấu tạo từ:

- Cấu tạo và ý nghĩa của các loại từ ghép.

- Cấu tạo của từ láy, nghĩa của từ láy.

**2. Kỹ năng**:

- Nhận biết, phân biệt nghĩa của từ ghép, từ láy

- Rèn kỹ năng viết đoàn văn có sử dụng từ ghép, từ láy.

**3. Thái độ:**

Có ý thức sử dụng từ ghép, từ láy trong nói và viết

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

Năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực tạo lập văn bản

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

1. Ôn lại kiến thức cũ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV - HS | Nội dung | |
|  | 1. Từ ghép, từ láy | |
| HĐ 1: GV hướng dẫn hs thảo luận theo cặp, hoàn thiện sơ đồ:  Từ phức  http://4.bp.blogspot.com/-IvlNzRFY_hY/UmSvH8koeII/AAAAAAAAuL4/gcZJTKmZD7Y/s1600/1.PNG | | |
| - Sau khi hoàn thiện sơ đồ, trả lời các câu hỏi:  1. Thế nào là từ ghép, có mấy loại từ ghép. Lấy ví dụ  2. Nhận xét về nghĩa của từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập  - HS trao đổi, thảo luận, báo cáo, nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | 1.Từ ghép:  - Là từ được cấu tạo bởi hai tiếng khác nhau. Đặc biệt, cả hai tiếng đó đều có nghĩa  - Có 2 loại: từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập  + Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa, nghĩa của TGCP hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.  + Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghĩa của TGĐL khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó. | |
| ? Thế nào là từ láy,có mấy loại từ láy. Lấy ví dụ.  ? Nhận xét về nghĩa của từ láy bộ phận và từ láy từ láy toàn bộ ? | 2.Từ láy:  - Từ láy là từ được tạo bởi 2 tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về âm thanh.  - Từ láy có 2 loại:  + Từ láy toàn bộ: Nghĩa của từ láy toàn bộ có sắc thái giảm nhẹ hoặc nhấn mạnh so với nghĩa của tiếng gốc.  VD: Đo đỏ, xanh xanh, khe khẽ, thăm thẳm  + Từ láy bộ phận: Nghĩa của TLBP có sắc thái riêng so với nghĩa của tiếng gốc (cụ thể hoá, thu hẹp...).  VD: khờ khác khờ khạo | |
| 1. **Luyện tập** | | |
|  | | 1. Luyện tập |
| TRÒ CHƠI: TÌM BẠN  -GV tổ chức cho hs chơi trò chơi:  +Tùy vào số lượng hs trong mỗi lớp, gv chuẩn bị các phiếu nhỏ, trên mỗi phiếu có ghi 1 tiếng. VD: QUẦN, HOA, THƠM, BÀ, HUỆ, PHỨC, NGOẠI, TRẦM, BỔNG, XE, ĐẠP, ÁO, NHÀ, CỬA...  + Mỗi hs cầm 1 phiếu, trong thời gian 1 phút, mỗi hs phải ghép với 1 bạn để tạo thành 1 từ ghép.  + Sau khi hs hoàn thành ghép từ, gv cho hs phân loại thành 2 nhóm: từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập | | 1.Bài tập 1: Phân loại từ ghép  -Từ ghép chính phụ: bà ngoại, xe đạp, hoa huệ, thơm phức  -Từ ghép đẳng lập: quần áo, trầm bổng, nhà cửa |
| HS làm việc theo cặp | | Bài tập 2**:** Cho các từ láy: Long lanh, khó khăn,vi vu, nhỏ nhắn, ngời ngời, hiu hiu, linh tinh, loang loáng, thăm thẳm, tim tím. Hãy sắp xếp vào bảng phân loại:   |  |  | | --- | --- | | Láy toàn bộ | Láy bộ phận | | Ngời ngời, hiu hiu, loang loáng, thăm thẳm, tim tím | Long lanh, khó khăn, vi vu, nhỏ nhắn, linh tinh | |
| GV hướng dẫn hs viết bài | | 3.Bài tập 3:  Viết 1 đoạn văn cảm nhận về 1 bài ca dao mà em thích, trong đó có sử dụng ít nhất 2 từ ghép và 1 từ láy. |
|  | |  |

1. **Củng cố:**

1.Thế nà là từ ghép? Có mấy loại từ ghép?

2. Từ láy là gì? Có mấy loại từ láy?

**D. Bài tập về nhà**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát*

*Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông*

*Thân em như chẽn lúa đòng đòng*

*Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai*

*(Ngữ văn 7- tập 1, trang 38)*

***Câu 1***: Xác định thể loại và PTBĐ chính của văn bản trên.

***Câu 2***: Chỉ ra và xác định hai từ ghép, hai từ láy trong ngữ liệu trên.

***Câu 3***: Văn bản là lời của ai nói với ai? Người ấy muốn biểu đạt tình cảm gì?

***Câu 4:*** Hai dòng đầu bài 4 có những gì đặc biệt về từ ngữ? Những nét đặc biệt ấy có tác dụng, ý nghĩa gì?

***Câu 5*:** Viết 1 đoạn văn ngắn (12 câu) nêu cảm nhận của em về 2 câu cuối trong bài ca dao trên, trong đó có sử dụng ít nhất 1 từ láy, 1từ ghép, gạch chân dưới từ láy và từ ghép đó.

**GỢI Ý, ĐÁP ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
| **1** | * Thể loại: Ca dao * PTBĐ chính: Biểu cảm |
| **2** | * Hai từ ghép: mênh mông, bát ngát * Hai từ láy: Bát ngát, mênh mông |
| **3** | - Bài 4 là lời chàng trai nói với cô gái  - Bài ca dao là cách bày tỏ tình cảm của chàng trai với cô gái, thấy cánh đồng “mênh mông bát ngát, bát ngát mênh mông”và vẻ đẹp cô gái mảnh mai, trẻ trung, đầy sức sống. Chàng trai đã ca ngợi cánh đồng và vẻ đẹp của cô gái. |
| **4** | Sự đặc biệt đó là:   * Tất cả các câu ca dao khác đều được làm theo thể thơ lục bát   + Hai dòng thơ đầu của bài ca dao này, mỗi câu được kéo dài ra thành 12 tiếng. Bên cạnh đó, các biện pháp điệp từ, điệp ngữ, đảo ngữ, đối xứng càng tô đậm cảm giác về một không gian rộng rãi, tràn đầy sức sống  + Cánh đồng “mênh mông bát ngát … bát ngát mênh mông” nói lên sự giàu có của quê “em”. Bằng tấm lòng yêu mến, tự hào nơi chôn nhau cắt rốn của mình, mảnh đất đã thấm biết bao máu và mồ hôi của ông bà tổ tiên, của đồng bào từ bao đời nay thì nhà thơ dân gian mới có thể viết nên những lời ca mộc mạc mà đằm thắm nghĩa tình, đọc lên làm xao xuyến lòng người như vậy. |
| **5** | Hs viết đoạn văn theo cảm nhận riêng, đảm bảo các nội dung:   * Ở hai dòng thơ cuối xuất hiện hình ảnh con người – một cô gái. * Hình ảnh của cô gái hiện lên qua:   + Hình ảnh so sánh cô gái với chẽn lúa đòng đòng – lúa đương thì con gái xanh tươi mơn mởn, giàu sức sống.  + Có sự tương đồng ở nét trẻ trung phơi phới và sức sống đang xuân. Nhưng chính bàn tay con người nhỏ bé đó đã làm ra cánh đồng “mênh mông bát ngát”, “bát ngát mênh mông” kia. |

**Buổi 4**

|  |
| --- |
| **Tiết 10, 11,12: CHUYÊN ĐỀ VĂN MIÊU TẢ, TỰ SỰ** |

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức:**

- Hiểu và vận dụng những nội dung cơ bản về văn tự sự, miêu tả

+ Khái niệm, mục đích, bố cục…

+ Biết vận dụng kiến thức đã học để xây dựng dàn ý, viết bài.

**2.Kĩ năng:**

\*Kĩ năng chuyên môn:

- Nhận biết đề văn tự sự, miêu tả.

- Biết tổng hợp, phân tích nội dung đã học để vận dụng làm bài.

\*Kĩ năng sống:

- Trao đổi, trình bày suy nghĩ, ra quyết định.

**3.Thái độ:**

- Thể hiện sự mạnh dạn tự tin khi trình bày một vấn đề trước tập thể

- Giáo dục ý thức tự giác, trung thực cho HS.

**4. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lí, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt: Tiếp nhận, đọc hiểu đề, tự giải quyết vấn đề.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

**A. HỆ THỐNG LẠI KIẾN THỨC ĐÃ HỌC VỀ VĂN TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ: ( 30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hình thức tổ chức: cá nhân.  Gv yêu cầu hs nhớ và nhắc lại các nội dung đã học về:  - khái niệm tự sự.  - Mục đích của văn tự sự.  - Dàn ý của một bài văn tự sư.  - Có mấy ngôi kể, thứ tự kể.  - Các dạng bài văn tự sự. | **I. Kiến thức cơ bản về văn tự sự**  **1. Tự sự** ( kể chuyện): Là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.  **2. Mục đích:** Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê.  **3. Dàn bài của một bài văn tự sự:** gồm 3 phần  \*Mở bài: Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc;  \*Thân bài: kể diễn biến của sự việc.  \*Kết bài: Kể kết cục của sự việc.  **4. Ngôi kể trong văn bản tự sự:**  - Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện  + Ngôi kể thứ nhất  + Ngôi kể thứ ba:  **5. Thứ tự kể trong văn tự sự:**  - Kể xuôi  - Kể ngược:  **6. Lời kể trong văn bản tự sự:**  **- Lời kể người**: thường giới thiệu tên, lai lịch, tính tình, tài năng, ý nghĩa của người được kể.  **- Lời kể việc:** Thường kể các hành động, việc làm, kết quả và sự đổi thay do hành động và việc làm ấy mang lại.  **7. Các kiểu văn tự sự:**  - Kể lại câu chuyện dân gian đã học  - Kể lại câu chuyện trong đời sống hàng ngày  - Kể lại một câu chuyện tưởng tượng. |
| Hình thức: Hỏi đáp, làm việc cá nhân.  Hãy trình bày khái niệm, mục đích, dàn ý,nội dung, hình thức của văn miêu tả.  Để viết được một bài văn miêu tả, trước tiên cần chú ý kĩ năng gì?  Hãy nêu các phương pháp miêu tả? | **II. Kiến thức cơ bản về văn miêu tả:**  **1. Khái niệm:** Văn miêu tả là loại văn nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc con người, phong cảnh,…làm cho những cái đó như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe. Trong văn miêu tả, năng lực quan sát của người viết, người nói thường bộc lộ rõ nhất.  **2. Mục đích của văn miêu tả:** giúp người đọc hình dung, cảm nhận được đối tượng miêu tả.  **3. Dàn bài của bài văn miêu tả:**  - Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả.  - Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự.  - Kết bài: Thường phát biểu cảm tưởng về cảnh vật đó.  **4. Kĩ năng trong văn miêu tả:**  Miêu tả đòi hỏi phải quan sát sự vật, hiện tượng và con người để tả cho đúng, sâu sắc tránh tả chung chung, hời hợt, chủ quan.  **5. Các phương pháp miêu tả đã học:**  - Tả cảnh thiên nhiên  - Tả người  - Tả đồ vật  - Tả cảnh sinh hoạt  - Tả con vật  - Miêu tả sáng tạo tưởng tượng. |

**B. LUYỆN TÂP: Bài tập 1(15 phút): GV chuẩn bị ra phiếu học tập**

Hình thức Thảo luận nhóm ( nhóm 1, 2 câu a ; nhóm 3,4 câu b)

|  |
| --- |
| **a. Bài thơ của Hải Định sau đây có nhân vật và sự việc không? Hãy chỉ ra nhân vật và sự việc đó*:***  ***Tự xa xưa thuở nào***  ***Trong rừng xanh sâu thẳm***  ***Đôi bạn sống bên nhau***  ***Bê Vàng và Dê Trắng***  ***Một năm trời hạn hán***  ***Suối cạn, cỏ héo khô***  ***Lấy gì nuôi đôi bạn***  ***Chờ mưa đến bao giờ?***  ***Bê Vàng đi tìm cỏ***  ***Lang thang quên đường về***  ***Dê Trắng thương bạn quá***  ***Chạy khắp nẻo tìm Bê***  ***Đến bây giờ Dê trắng***  ***Vẫn gọi hoài “ Bê! Bê!”***  ***( Tiếng Việt 2, tập một)*** |

|  |
| --- |
| ***b*. Xác định lời văn kể người và lời văn kể việc trong đoạn trích sau:**  ***“Trần Thủ Độ là người có công lập nên nhà Trần, lại là chú của vua và đứng đầu trăm quan, nhưng không vì thế mà tự cho phép mình vượt qua phép nước.***  ***Có lần, Linh Từ Quốc Mẫu, vợ ông, muốn xin riêng cho một người làm chức câu đương, không thể ví như những câu đương khác. Vì vậy phải chặt một ngón tay để phân biệt.***  ***Người ấy kêu than mãi ông mới tha cho.”*** |

**Đáp án:**

**a.Bài thơ của Hải Định có**

**- Nhân vật*: Bê Vàng và Dê Trắng***

**- Sự việc*:***

+ Trong khu rừng sâu thẳm có Bê Vàng và Dê Trắng sống bên nhau.

+ Một năm, trời hạn hán. Cây cỏ khô héo, suối cạn nước, đợi mãi mà mưa chẳng tới.

+ Dê trắng đi tìm cỏ, quên mất đường về.

+ Bê Vàng thương bạn, đi tìm, cứ gọi hoài “ Bê! Bê!”

**b. – Lời văn kể người: *“Trần Thủ Độ là người có công lập nên nhà Trần, lại là chú của vua và đứng đầu trăm quan, nhưng không vì thế mà tự cho phép mình vượt qua phép nước.”***

**- Lời văn kể việc: *“Có lần, Linh Từ Quốc Mẫu, vợ ông, muốn xin riêng cho một người làm chức câu đương, không thể ví như những câu đương khác. Vì vậy phải chặt một ngón tay để phân biệt.***

***Người ấy kêu than mãi ông mới tha cho.”***

**Tiết 2: LUYỆN TẬP *(tiếp theo)***

|  |
| --- |
| **Bài tập 2: Cho hai đề văn sau:**  (1)Từ bài thơ ***Đêm nay Bác không ngủ*** của Minh Huệ, em hãy tưởng tượng mình là anh bộ đội đã được ở bên Bác Hồ trong đêm đáng ghi nhớ đó. Hãy kể lại câu chuyện cảm động này.  (2) Trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* có một khổ thơ rất hay:  *Anh đội viên mơ màng*  *Như nằm trong giấc mộng*  *Bóng Bác cao lồng lộng*  *Ấm hơn ngọn lửa hồng.*  Hình ảnh Bác trong khổ thơ giúp em hình dung Bác trong một giấc mơ được gặp Bác. Hãy tưởng tượng cảnh gặp gỡ thần tiên đó để kể lại.  **Em hãy tìm hiểu sự giống và khác nhau của hai đề.** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 2 ( 10 phút)**  Hình thức: hỏi đáp, làm việc cá nhân.  - GV gọi hai HS lên bảng tìm hiểu sự giống nhau và khác nhau.  - Gọi HS khác sửa, gv chốt ý đúng.  **Bài tập 3: ( 35 phút)**  **Xây dựng dàn ý cho đề bài sau:**  a. Kể lại một câu chuyện về tinh thần đoàn kết của lớp em ( trình bày dưới dạng một đoạn văn từ 12 đến 15 câu)  b. Hãy viết đoạnvăn ngắn (từ 12 đến 15 câu) miêu tả vẻ đẹp của một loài hoa mà em đã có dịp ngắm nhìn.  Hình thức: thảo luận nhóm, trình bày vào bảng phụ.  **Nhóm 1,2 đề a.**  **Nhóm 3,4 đề b.** | **Bài tập 2: Tìm hiểu sự giống và khác nhau của hai đề.**  **- Giống nhau:** Hai đề đều đòi hỏi sự tưởng tượng ( câu chuyện không có thật với em, cảnh tượng không có trong thực tế em chứng kiến. Cụ thể là dựa vào bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*.)  **- Khác nhau:**  + Đề 1: là dạng kể một câu chuyện tưởng tượng.  + Đề 2: là dạng tả một cảnh tưởng tượng.  Với đề 1, kể chuyện cần xác định chuỗi sự việc( chẳng hạn người kể là nhập vai anh đội viên thức dậy nhiều lần, mỗi lần thấy gì, Bác làm gì, nói gì, nghĩ sao,… đều phải kể.  Với đề 2, chủ yếu dựa vào khổ thơ với hình ảnh gợi ý: “ Bóng Bác cao lồng lộng, Ấm hơn ngọn lửa hồng để tưởng tượng ra đầy đủ hơn hình ảnh Bác Hồ như một nhân vật thần thoại để tả.  **Bài tập 3:**  **Xây dựng dàn ý cho đề bài:**  **a.Mở đoạn:** Giới thiệu câu chuyện về tinh thần đoàn kết của tập thể lớp ( một cuộc thi kéo co, nhảy bao bố; một trò chơi khi tham gia buổi dã ngoại, một dự án học tập mà cả lớp phải thực hiện)  **b. Thân đoạn:** Kể những sự việc chính.  - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện  - Diễn biến câu chuyện  - Tình huống nào đòi hỏi tập thể lớp phải tập trung cao độ, đoàn kết, hợp lực để giải quyết vấn đề?  - Các thành viên trong lớp đã nỗ lực như thế nào để giải quyết vấn đề/ vượt qua thử thách?  ( Chú ý kể các sự việc cao trào để câu chuyện thêm hấp dẫn)  **c. Kết đoạn**:  - Cách 1: kết thúc câu chuyện.  - Cách 2: Cảm xúc của em về câu chuyện vừa kể, bài học rút ra về sức mạnh tinh thần tập thể, vai trò của mỗi cá nhân trong một tập thể, cộng đồng.  **a. Mở đoạn:** Giới thiệu loài hoa định tả ( em đã được nhìn thấy ở đâu? Vào thời gian nào? Cảm xúc chung của em về loài hoa đó như thế nào?  **b. Thân đoạn:** Tả chi tiết:  - Những đặc điểm nổi bật của hoa: hoa, lá, cành, màu sắc, mùi hương…  - tả bao quát: nhìn từ xa, khóm hoa/ dãy hoa/ hàng hoa trông như thế nào?  - Ý nghĩa, công dụng của hoa.  **c. Kết đoạn**: Cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng của em khi ngắm hoa. |

**Tiết 3: HƯỚNG DẪN HỌC SINH VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1/ SGK (45 phút)**

**Bước 1: Gv cung cấp cho HS cách làm bài kể chuyện tưởng tượng từ một bài thơ (bài ca dao) – 10 phút, GV in sẵn ra phiếu học tập.**

|  |
| --- |
| 1. **Đọc kĩ bài thơ, bài ca dao, xác định chủ đề, nội dung, ý nghĩa của bài thơ, bài ca dao đó để kể lại câu chuyện** 2. **Dựa vào bài thơ, bài ca dao để:**   **- Xây dựng các nhân vật chính, nhân vật phụ:** phải giữ nguyên nhân vật có trong văn bản và có thể tưởng tượng thêm một vài nhân vật phụ khác để làm nổi bật nhân vật chính.  **- Xây dựng tình huống, sự việc**: Giữ nguyên những tình huống, sự việc có trong bài thơ, bài ca dao. Tuy nhiên cũng có thể tưởng tượng thêm một vài sự việc khác có liên quan để làm nổi bật nội dung, ý nghĩa câu chuyện.  **- Lựa chọn những hình ảnh, chi tiết**: trước hết là lựa chọn những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu, quan trọng có trong bài thơ, bài ca dao để đưa vào bài kể chuyện của mình. Mặt khác các em cũng cần tưởng tượng thêm những chi tiết, hình ảnh khác một cách hợp lý để câu chuyện sinh động, sâu sắc. Đó là thêm lời thoại của nhân vật, thêm yếu tố miêu tả ngoại hình ( nơi nhân vật xuất hiện hoặc nơi sự việc xảy ra), yếu tố miêu tả nhân vật ( ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ giọng điệu, tâm trạng, suy nghĩ…). Tất nhiên những yếu tố miêu tả này phải tiêu biểu, phù hợp với đặc điểm, tính cách nhân vật; không miêu tả cụ thể, đầy đủ như một bài văn tả cảnh hay tả người.  **3. Viết thành bài văn kể chuyện tưởng tượng hoàn chỉnh:** Để viết bài văn trước hết các em cần xác định, lựa chọn ngôi kể phù hợp nhất. Có thể kể theo ngôi kể thứ ba hoặc theo ngôi kể thứ nhất. Từ ngôi kể ấy mà sắp xếp các sự việc, hoạt động của nhân vật theo trình tự hợp lý để dần dần tạo ra kịch tính và đi đến kết thúc. Các em cũng cần đảm bảo bố cụa đầy đủ rõ ràng, diễn đạt câu văn trong sáng; từ dùng chính xác, có tính gợi tả, gợi cảm cao, biết phân biệt lời kể và lời thoại… |

**Bước 2: Hướng dẫn đề sgk. – 35 phút**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Đề 2/ sgk:**  Kể lại nội dung câu chuyện được ghi trong một bài thơ có tính chất tự sự ( như Lượm hoặc Đêm nay Bác không ngủ) theo những ngôi kể khác nhau ( ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất. | **Đề 2/ sgk:**  Kể lại nội dung câu chuyện được ghi trong một bài thơ có tính chất tự sự ( như Lượm hoặc Đêm nay Bác không ngủ) theo những ngôi kể khác nhau ( ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất). |
| **Tìm hiểu đề**  Hình thức: Hỏi – đáp, cá nhân  GV yêu cầu hs xác định kiểu bài, nhân vật, ngôi kể, các sự việc.  Gv giảng giải thêm: Trong quá trình kể, hs có thể lựa chọn những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu, quan trọng có trong bài thơ. Có thể thêm lời thoại để bài thơ thêm sinh động.  Xây dựng dàn ý  Hình thức: Thảo luận nhóm  Gv chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thảo luận xây dựng dàn ý.  GV yêu cầu hai nhóm trình bày dàn ý. Hai nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  GV cùng HS chỉnh sửa để tạo thành dàn ý hoàn chỉnh. | **1.Tìm hiểu đề**  - Kiểu bài: Kể chuyện dựa vào một bài thơ có sẵn.  - Nhân vật: Chú, Lượm.  - Ngôi kể: Ngôi thứ nhất: Người chú xưng tôi.  - Sự việc:  +Cuộc gặp gỡ tình cờ giữa hai chú cháu.  + Lượm làm nhiệm vụ và hi sinh.  **2. Dàn ý ( tham khảo)**  a. Mở bài: Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh dẫn đến cuộc gặp gỡ  b. Thân bài: Kể diễn biến sự việc:  - Sự việc 1: Cuộc gặp gỡ tình cờ giữa hai chú cháu:  + Hoàn cảnh: Huế xảy ra chiến tranh.  + Người chú gặp Lượm tại Hàng Bè.  + Miêu tả hình dáng, cử chỉ của Lượm: dáng nhỏ nhắn, da sạm, trên đầu là chiếc mũ ca lô đội lệch. Chiếc sắc xinh xinh đeo bên mình nhún nhảy theo nhịp bước, miệng huýt sáo vang…  + Cảm nghĩ của người chú:  Xúc động vì gặp lại cháu trong hoàn cảnh chiến tranh.  - Kể lại cuộc trò chuyện ngắn ngủi giữa hai chú cháu:  + Người chú hỏi thăm về tình hình cuộc sống, gia đình của cháu, hỏi về cuộc sống ở chiến khu của cháu.  + Lượm vui vẻ khoe: Cuộc sống ở đồn Mang cá rất vui… cháu được dạy cách làm liên lạc, được các chú dạy,…  + Tả: Lượm hào hứng kể rồi cười thích thú, mắt sáng ngời đỏ ửng, như trái bồ quân chín.  + Cảm nghĩ: “ tôi” thấy vui lây trước niềm vui trẻ thơ của Lượm.  - Sự việc 2: Kể lại việc Lượm chiến đấu và hi sinh:  + Cháu tiếp tục chiến đấu trên mặt trận ở Huế, còn “ tôi” sau một thời gian công tác ngắn ngủi lại trở về Hà Nội.  + Vào một ngày hè tháng sáu, tôi gặp một đồng chí ở thành Huế ra công tác, đồng chí báo tin: Lượm đã hi sinh.  + Cảm xúc: Tôi lặng người đi. Tin đó đến với tôi như sét đánh ngang tai. Tôi không tin được dù biết đó là sự thật.  + Kể lại chuyện Lượm chiến đấu và hi sinh  Ngày hôm ấy cũng như bao ngày khác, Lượm nhận nhiệm vụ “ thư đề thượng khẩn”  Miêu tả cảnh chiến trường: Làn khói lửa mịt mù, đạn từ lô cốt bắn ra vèo vèo, Lượm không hề sợ lao như một mũi tên để hoàn thành nhiệm vụ.  Bỗng một ánh chớp lóe lên, Lượm ngã xuống trên cánh đồng lúa quê hương. Đồng quê thơm mùi lúa chín, đưa Lượm vào giấc ngủ vình hằng.  + Cảm xúc; Cháu ra đi mãi mãi, để lại niềm cảm phục và thương tiếc khôn nguôi trong lòng tôi.  c. Kết bài: Cảm nghĩ về Lượm.  - Lượm đã hi sinh, nhưng hình ảnh cháu còn in đậm trong lòng tôi. Đó là hình ảnh chú bé loắt choắt, vai đeo chiếc xắc đựng tài liệu, đầu đội chiếc mũ ca lô, miệng huýt sáo vang vừa đi vừa nhảy chân sáo trên con đường chan hòa ánh nắng.  - Thái độ lạc quan yêu đời và tinh thần chiến đấu dũng cảm của Lượm là biểu tượng đẹp của thiếu nhi Việt Nam anh hùng. |

III. **Củng cố và dặn dò:** Hiểu và vận dụng được các kiến thức về văn tự sự, miêu tả để viết bài.

* Dựa vào dàn ý, viết đoạn văn phần mở bài, hoặc kết bài.
* Xây dựng dàn ý cụ thể cho một bài văn kể chuyện tưởng tượng khác.

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Tiết 13**

**CHUYÊN ĐỀ: CA DAO, DÂN CA (tiếp theo)**

**- NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN**

**- NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

Giúp HS ôn lại:

- Hiện thực về đời sống của người dân lao động qua các bài hát than thân.

- Cách ứng xử của tác giả dân gian trước những thói hư, tật xấu, những hủ tục lạc hậu.

- Hiểu một số biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong việc xây dựng hình ảnh và sử dụng ngôn từ của các bài ca dao than thân và ca dao châm biếm.

**2. Kỹ năng:**

Rèn cho HS kĩ năng:

- Đọc - hiểu những câu hát than thân. Biết phân tích một số chi tiết tiêu biểu về giá trị nội dung và nghệ thuật của những câu hát than thân.

- Đọc- hiểu những câu hát châm biếm.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Cảm thông, tôn trọng những người dân lao động.

- Biết tỏ thái độ đúng mực trước những thói hư, tật xấu trong cuộc sống

**4. Năng lực:**

- Năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề, năng lực tự quản, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực cảm thụ văn học và thưởng thức thẩm mĩ.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* GV hướng dẫn HS ôn lại những kiến thức cơ bản về ca dao than thân.**  **H: Ca dao than thân viết về chủ đề gì?**  - HS trả lời, GV chốt ý  **- GV hướng dẫn HS ôn lại nội dung bài ca dao số 2 và bài ca dao số 3 bằng hệ thống câu hỏi.**  GV gọi HS đọc lại bài ca dao số 2  **H: Trong bài ca dao số 2, người lao động đã tự ví mình là những con vật nào?**  - Con tằm, lũ kiến, con hạc, con cuốc. **H: Em hãy hình dung về cuộc đời của con cò, con tằm, lũ kiến, con hạc, con cuốcqua lời ca?**  + Con cò là con vật hiền lành nhỏ bé, chịu khó lặn lội kiếm ăn.  + Con tằm suốt đời chỉ ăn lá dâu, cuối đời phải nhả tơ cho người => cuộc đời làm lụng vất vả chẳng có được là bao => Thương cho thân phận đời bị kẻ khác bòn rút sức lực.  + Kiến là loài vật nhỏ bé, cần ít thức ăn nhất nhưng ngày ngày vẫn cần mẫn kiếm mồi  => Thấp cổ bé họng kẻ nào cũng có thể đè nén vùi dập  + Con Hạc muốn tìm nơi nhàn tản phóng khoáng => cánh chim lang thang vô dịnh giữa bầu trời. Nỗi khổ kéo dài của cuộc đời .  + Con cuốc: Dù có than thở đến kiệt sức thì cũng không có người động lòng, thương xót cho nỗi khổ oan trái không được lẽ công bằng soi tỏ  **H: Bài ca dao có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?**  - Ẩn dụ, điệp ngữ  **H: Em hãy khái quát lại nội dung của bài ca dao số 2?**  Bài ca dao nói lên những nỗi khổ nhiều bề của người lao động  => Tố cáo xã hội phong kiến.  GV gọi HS đọc lại bài ca dao số 3  **H: “Thân em” được so sánh với điều gì? Hình ảnh so sánh của bài này có gì đặc biệt?**  - Trái bần: (Tên một loại quả dồng âm với từ bần chỉ sự nghèo khó) Tròn, dẹt, có vị chua chát => không ngon ngọt có thể coi là vô vị vô dụng .  **H: Hình ảnh: Gió dập sóng rồi... tấp vào đâu gợi liên tưởng như thế nào?**  - Gió dập sóng dồi => thành ngữ trái bần rụng đã trôi nổi trên dòng sông. Bị gió dập sóng dồi => làm cho trái bần càng bấp bênh vô định. Nó chỉ mong được tấp vào đâu  **H: Từ hình ảnh so sánh đó em hiểu gì về thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa?**  - Lời than về thân phận cuộc đời nghèo khó, phải chịu bao sóng gió cuộc đời và không thể tự quyết định số phận của mình nó còn gợi đến cuộc đời đắng cay => Xã hội phong kiến muốn nhấn chìm họ | **I. Những câu hát than thân**  **1. Chủ đề**  - Những lời than thấm đẫm nước mắt của những kiếp người nhỏ bé, cơ cực  **2. Ôn tập nội dung các bài ca dao than thân**  **a. Bài 2**  - Bài ca dao nói lên những nỗi khổ nhiều bề của người lao động  => Tố cáo xã hội phong kiến.  **b. Bài 3**  - Cuộc đời người phụ nữ trong xã hội phong kiến cũ phải chịu nhiều đau khổ, đắng cay. Họ không có quyền tự mình quyết định cuộc đời mình  => Xã hội phong kiến luôn nhấn chìm họ. |
| **\* GV hướng dẫn HS ôn lại những kiến thức cơ bản về ca dao châm biếm.**  **H: Ca dao châm biếm viết về chủ đề gì?**  - HS trả lời, GV chốt ý  **- GV hướng dẫn HS ôn lại nội dung bài ca dao số 1 và bài ca dao số 2 bằng hệ thống câu hỏi.**  GV gọi HS đọc lại bài ca dao số 1  **H: Chân dung của “ông chú” được cái cò giới thiệu đặc biệt như thế nào?**  **-**  hay tửu, hay tăm  **-** hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa.  **-** ngày ước ngày mưa, đêm ước thừa trống canh  **H: Em hiểu từ *“hay”* ở đây theo nghĩa như thế nào?**  **-** hay -> giỏi, (thói quen) hay chữ,hay làm.  **H: Em có nhận xét gì về những cái hay của “chú tôi”?**  - Đây là những thói quen, ham thích hưởng thụ quá đáng, không bình thường đối với người lao động -> Từ hay được dùng với nghĩa là mỉa mai vì giỏi rượu, giỏi chè không ai khen, không có gì là hay cả thậm chí là đáng chê, đáng cười.  **H: Qua những cái hay và điều ước của “chú tôi” chân dung “chú tôi” hiện lên như thế nào?**  - Lười biếng, nghiện ngập  **H: Ý nghĩa của bài ca dao là gì?**  \*Ý nghĩa: Chế diễu những hạng người nghiện ngập, lười biếng, thích hưởng thụ. Hạng người này thời nào cũng có và cần phê phán  GV gọi HS đọc bài ca dao 2  **H: Thầy bói đã đoán số cho cô gái trên những phương diện nào?**  - Về giàu nghèo, cha mẹ, chồng con…  **H: Nêu nhận xét của em về những lời khẳng định của thầy bói?**  - Lời thầy bói: khẳng định nước đôi, khẳng định những điều quá hiển nhiên trong cuộc sống, nói dựa  **H: Em có nhận xét như thế nào về cô gái?**  - Là người ít hiểu biết, tin mù quáng, mê muội để kẻ xấu lợi dụng=> do quá tín nên lúc nào cũng thấy ít nhiều đúng với mình.  **H: Qua bài ca dao có nội dung phê phán đối tưọng nào trong xã hội?**  - Phê phán tệ nạn bói toán mê tín nhảm nhí trong xã hội xưa nay. | **II. Những câu hát châm biếm**  **1. Chủ đề**  - Châm biếm thói hư tật xấu trong xã hội  **2. Ôn tập nội dung các bài ca dao châm biếm**  **a. Bài 1**  - Bài ca dao châm biếm, chế giễu những hạng người sa đà, nghiện ngập và lười biếng trong xã hội, thời nào cũng có.  **b. Bài 2**  - Bài ca dao phê phán, châm biếm những kẻ hành nghề mê tín dị đoan. Châm biếm sự mê tín, mù quáng của những người ít hiểu biết tin vào sự bói toán thiếu cơ sở khoa học. |

***B. Luyện tập : 30-35 phút***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1: Sưu tầm một số bài ca dao than thân**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động nhóm  Thực hiện:  + GV chia nhóm, tổ chức cuộc thi “Ai nhanh hơn”  + GV phổ biến cuộc thi  + Câu hỏi: Sưu tầm một số bài ca dao than thân  + Thời gian: 5 phút  - Các nhóm HS thực hiện  - GV thu sản phẩm, nhận xét | **Bài tập 1: Sưu tầm một số bài ca dao than thân**  Gợi ý:  “Thân em như hạt mưa rào  Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa  Thân em như Hạt mưa sa  Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày”  “Thân em như tấm lụa đào  Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”  “Thân em như giếng giữa đàng  Người thanh rửa mặt, người phàm rửa chân”  “Thân em như trái sầu riêng  Kẻ thì nói dở người thì khen ngon”  “Thân em như cá giữa rào,  Kẻ chài, người lưới biết vào tay ai?”  “Thân em như cam quýt bưởi bòng  Ngoài tuy cay đắng nhưng trong ngọt bùi”  “Thân em như hạc đầu đình,  Muốn bay chẳng cất nổi mình mà bay”. |
| **Bài tập 2: Cho bài ca dao sau:**  *“Thương thay thân phận con tằm, Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ. Thương thay lũ kiến li ti, Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi. Thương thay hạc lánh đường mây, Chim bay mỏi cánh biết ngày nào thôi. Thương thay con cuốc giữa trời, Dầu kêu ra máu có người nào nghe”.*  Đọc bài ca dao trên và trả lời các câu hỏi sau:  a. Bài ca dao trên thuộc chùm ca dao nào? Bài số mấy?  b. Trong bài ca dao trên tác giả dân gian sử dụng những biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng những biện pháp tu từ đó?  c. Thông qua hình ảnh những con vật quen thuộc, tác giả dân gian muốn nói tới ai?  d.Viết cảm nhận về bài ca dao than thân khiến em cảm động nhất.  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  GV hướng dẫn HS trả lời và viết cảm nhận  + Chọn bài ca dao khiến em cảm động nhất  + Xác định các hình ảnh có trong bài ca dao, nghệ thuật được sử dụng, ý nghĩa của bài ca dao  + Lập dàn ý  + Viết bài  - HS thực hiện | **Bài tập 2: Cho bài ca dao sau:**  *“Thương thay thân phận con tằm, Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ. Thương thay lũ kiến li ti, Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi. Thương thay hạc lánh đường mây, Chim bay mỏi cánh biết ngày nào thôi. Thương thay con cuốc giữa trời, Dầu kêu ra máu có người nào nghe”.*  a. Bài ca dao trên thuộc chùm ca dao than thân, bài số 2  b. Trong bài ca dao trên tác giả dân gian sử dụng những biện pháp tu từ :  + Ẩn dụ  + Điệp từ, điệp ngữ  Tác dụng: Gợi hình ảnh nhỏ bé, tội nghiệp, vất vả, cơ cực, gợi và nhấn mạnh thân phận của người lao động trong xã hội cũ.  c. Thông qua hình ảnh những con vật quen thuộc, tác giả dân gian muốn nói tới thân phận của những người lao động trong xã hội cũ với bao nỗi vất vả, cực nhọc, oan ức…  d.Viết cảm nhận về bài ca dao than thân khiến em cảm động nhất.  **Gợi ý dàn bài**  **1. Mở bài**  - Từ xa xưa, những bài ca dao Việt Nam với âm hưởng da diết, nhịp nhàng, dễ nhớ, dễ thuộc đã được người dân sáng tác và lưu truyền cho tới ngày nay  - “Thương thay thân phận con tằm” là một ví dụ tiêu biểu, nêu lên thân phận bé nhỏ của người nông dân trong xã hội cũ Thân bài: Phân tích bài thơ  **2. Thân bài**  - Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát, âm hưởng mộc mạc, mềm mại  - Hình ảnh con tằm: Ẩn dụ cho con người nhỏ bé, con tằm nhả tơ óng ánh, xong là kết thúc chu kì sống, con người bị bóc lột sức lao động  - Hình ảnh con kiến: li ti nhỏ bé, chăm chỉ tha mồi, đại diện cho con người bán mặt cho đất, bán lưng cho trời  - Những hình ảnh quen thuộc đại diện cho người nông dân  **3. Kết bài**  - Cảm nghĩ về bài thơ: Xã hội phong kiến giống như địa ngục trần gian của những người nhân dân lao động, cuộc sống lầm than khổ cực khiến họ phải cất tiếng than ai oán qua những bài ca dao  (Hướng dẫn tương tự với các bài ca dao khác HS chọn) |
| **Bài tập 3: Nêu cảm nhận của em về bài ca dao châm biếm em thích nhất**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  GV hướng dẫn HS viết cảm nhận  + Chọn bài ca dao châm biếm em thích nhất  + Xác định các hình ảnh có trong bài ca dao, nghệ thuật được sử dụng, ý nghĩa của bài ca dao  + Lập dàn ý  + Viết bài  - HS thực hiện | **Bài tập 3: Nêu cảm nhận của em về bài ca dao châm biếm em thích nhất**  Gợi ý dàn bài  **1. Mở bài**  - Giới thiệu về ca dao, dân ca (khái niệm, đặc trưng về nội dung và nghệ thuật,…)  - Giới thiệu về “Những câu hát châm biếm” (khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật,…)  **2. Thân bài**  - “Giới thiệu” chân dung nhân vật “chú tôi”:     + Hay tửu hay tăm: nghiện rượu     + Hay nước chè đặc: nghiện chè     + Hay nằm ngủ trưa: lười biếng     + Ngày thì ước những ngày mưa, đêm thì ước những đêm thừa trống canh: lười lao động, thích ăn chơi, hưởng thụ  - Hình ảnh đối lập với hình ảnh “chú tôi”     + Cái cò lặn lội bờ ao: sự vất vả, cơ cực, lam lũ của người cháu     + Cô yếm đào: người con gái xinh đẹp, giỏi giang  ⇒ Dùng hình ảnh nói ngược và phép đối lập, bài ca dao chế giễu những người nghiện ngập rượu chè, lười biếng, thích hưởng thụ trong xã hội  **3. Kết bài**: Khái quát lại nội dung bài ca dao  (Hướng dẫn tương tự với các bài ca dao khác HS chọn) |

**Tiết 14**

**CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP: TỪ LOẠI**

**ĐẠI TỪ**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:** Giúp HS ôn lại:

- Khái niệm đại từ, các loại đại từ.

**2. Kỹ năng:** Rèn cho HS kĩ năng:

- Rèn kĩ năng biết sử dụng chính xác, linh hoạt các đại từ.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Có ý thức trau dồi vốn từ tiếng Việt.

**4. Năng lực:**

- Năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* GV hướng dẫn HS ôn lại khái niệm địa từ, chức vụ ngữ pháp của đại từ**  **H. Em hãy nhắc lại khái niệm đại từ đã được học?**  - Đại từ: là những từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất, được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi.  **H. Hãy lấy ví dụ về đại từ?**  HS lấy VD, GV nhận xét.  Gợi ý tham khảo:  *Nước non lận đận một mình*  *Thân cò lên thác xuống gềnh bấy nay*  *Ai làm cho bể kia đầy*  *Cho ai kia cạn cho gầy cò con?*  - Công việc trước đây rất khó khăn, trì trệ. Bây giờ công việc vẫn thế.  - Tôi thích đá bóng, em tôi cũng vậy  ***Từ những ví dụ HS đưa ra, GV yêu cầu HS nhận xét, nhắc lại chức vụ ngữ pháp của đại từ.***  **GV chốt ý**  **GV lấy thêm VD:**  - **Nó** là đứa học giỏi nhất lớp. (CN)  - Người học giỏi nhất lớp là **nó.** (VN)  - Cây tre Việt Nam nhũn nhặn, thủy chung, bất khuất. Con người Việt Nam cũng đẹp **vậy**. (Phụ ngữ của tính từ) | **I. Khái niệm đại từ**  - Đại từ: là những từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất, được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi.  - Đại từ có thể đảm nhiệm các vai trò ngữ pháp như: CN, VN trong câu hay phụ ngữ của DT, ĐT, TT. |
| **\* GV hướng dẫn HS ôn lại các loại đại từ.**  **GV đưa ra một số ví dụ:**  **-** Hôm qua, **tôi** bị ốm.  - Tôi chỉ có **bấy nhiêu** thôi.  - Hôm qua tôi đã mắng Hoa. Tôi không hiểu tại sao tôi lại làm **thế**.  **H. Tất cả các đại từ in đậm trên thuộc loại đại từ nào? Nêu cụ thể từng loại nhỏ?**  **GV yêu cầu HS lấy thêm ví dụ.**  **GV đưa ra ví dụ tiếp:**  **- Ai** đã làm vỡ lọ hoa?  - Nhà bạn có **mấy** người?  - Con làm bài thi **thế nào**?  **H. Tất cả các đại từ in đậm trên thuộc loại đại từ nào? Nêu cụ thể từng loại nhỏ?**  **GV yêu cầu HS lấy thêm ví dụ.** | **II. Các loại đại từ**  **1. Đại từ để trỏ:**  - Trỏ người, sự vật (gọi là đại từ xưng hô)  - Trỏ số lượng  -Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc  **2. Đại từ để hỏi:**  - Hỏi về người, sự vật  - Hỏi về số lượng.  - Hỏi về hoạt động, t/c, sự việc. |

***B. Luyện tập : 30-35 phút***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1: Trò chơi: “Ai nhanh tay, nhanh trí”**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động nhóm  Thực hiện:  + GV chia nhóm, tổ chức cuộc thi “Ai nhanh tay, nhanh trí”  + GV phổ biến cuộc thi  + Câu hỏi: **Tìm và điền tất cả các đại từ vào bảng cho phù hợp**  + Thời gian: 5 phút   |  |  | | --- | --- | |  | **Đại từ** | | **Đại từ trỏ người, sự vật** |  | | **Đại từ trỏ số lượng** |  | | **Đại từ trỏ hoạt động, tính chất…** |  | | **Đại từ ỏi người, sự vật** |  | | **Đại từ hỏi số lượng** |  | | **Đại từ hỏi tính chất** |  |   - Các nhóm HS thực hiện  - GV thu sản phẩm, nhận xét | **Bài tập 1: Trò chơi: “Ai nhanh tay, nhanh trí”**  Gợi ý:   |  |  | | --- | --- | |  | **Đại từ** | | **Đại từ trỏ người, sự vật** | tôi, tao, chúng tôi, chúng tao, nó, hắn, chúng nó, họ, mày, chúng mày, mi, ngươi, y, thị, chúng, ông, bà, anh, chị, em, cháu, cô, dì , chú, bác… | | **Đại từ trỏ số lượng** | bấy, bấy nhiêu. | | **Đại từ trỏ hoạt động, tính chất…** | vậy, thế. | | **Đại từ hỏi người, sự vật** | ai, gì | | **Đại từ hỏi số lượng** | bao nhiêu, mấy | | **Đạitừ hỏi tính chất** | sao, thế nào, nào, làm sao, ra sao… | |
| **Bài tập 2: Cho đoạn văn sau:**  *“Em buộc con dao díp vào lưng con búp bê lớn và đặt ở đầu giường tôi. Đêm ấy, tôi không chiêm bao thấy ma nữa. Từ đấy, tối tối, sau khi học xong bài, Thủy lại “võ trang” cho con Vệ Sĩ và đem đặt trên đầu giường tôi. Buổi sáng, em tháo dao ra, đặt nó về chỗ cũ, cạnh con Em Nhỏ. Hai con quàng tay lên vai nhau thân thiết. Từ khi về nhà tôi, chúng chưa phải xa nhau ngày nào, nên bây giờ thấy tôi đem chia chúng ra, Thủy không chịu đựng nổi. Chúng tôi cứ ngồi thừ ra, chẳng muốn chia bôi cũng chẳng muốn thu lại nữa. Một lát sau, em tôi đem đặt hai con búp bê về chỗ cũ. Chúng lại thân thiết quàng tay lên vai nhau và âu yếm ngước nhìn chúng tôi”.*  Đọc đoạn văn trên và trả lời các câu hỏi sau:  a. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai?  b. Hãy nêu nội dung của đoạn văn  c. Tìm đại từ có trong đoạn văn trên.  d. Viết đoạn văn ngắn 5-7 dòng nêu cảm nghĩ của em về tình cảm anh em.  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  - GV hướng dẫn  - HS thực hiện | **Bài tập 2: Cho đoạn văn sau:**  *“Em buộc con dao díp vào lưng con búp bê lớn và đặt ở đầu giường tôi. Đêm ấy, tôi không chiêm bao thấy ma nữa. Từ đấy, tối tối, sau khi học xong bài, Thủy lại “võ trang” cho con Vệ Sĩ và đem đặt trên đầu giường tôi. Buổi sáng, em tháo dao ra, đặt nó về chỗ cũ, cạnh con Em Nhỏ. Hai con quàng tay lên vai nhau thân thiết. Từ khi về nhà tôi, chúng chưa phải xa nhau ngày nào, nên bây giờ thấy tôi đem chia chúng ra, Thủy không chịu đựng nổi. Chúng tôi cứ ngồi thừ ra, chẳng muốn chia bôi cũng chẳng muốn thu lại nữa. Một lát sau, em tôi đem đặt hai con búp bê về chỗ cũ. Chúng lại thân thiết quàng tay lên vai nhau và âu yếm ngước nhìn chúng tôi”.*  Đọc đoạn văn trên và trả lời các câu hỏi Gợi ý:  a. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm “Cuộc chia tay của những con búp bê” của tác giả Khánh Hoài.  b. Nội dung của đoạn văn: Sự quan tâm của Thủy dành cho anh thông qua việc sắp xếp búp bê Em Nhỏ và Vệ Sĩ.  c. Tìm đại từ: *em, tôi, chúng, chúng tôi.*  d. Viết đoạn văn ngắn 5-7 dòng nêu cảm nghĩ của em về tình cảm anh em. (HS tự viết). |
| **Bài tập 3:**Cho các câu:  *a) Lan học rất giỏi, Lan là niềm tự hào của cả lớp*  *b) Con mèo có bộ lông màu đen, trông con mèo rất đáng yêu*  *c) Đám bạn tôi rất hiền hòa, ở cạnh đám bạn tôi thấy rất vui*  *d)*  *- Nhà cậu ở đâu?*  *- Tớ ở Hà Nội, nhà cậu ở đâu?*  *- Tớ cũng ở Hà Nội*  **Thay thế các đại từ cần thiết để các từ không bị lặp lại trong các câu trên.**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  - GV hướng dẫn  - HS thực hiện | **Bài tập 3**  Gợi ý:  a) Lan học rất giỏi, **cậu ấy** là niềm tự hào của cả lớp  b)  Con mèo có bộ lông màu đen, trông **nó** rất đẹp  c)  Đám bạn tôi rất hiền hòa, ở cạnh **họ** tôi thấy rất vui  d)   – Nhà cậu ở đâu?  -  Tớ ở Hà Nội, cậu thì **sao**?  -  Tớ cũng **thế** |
| **Bài tập 4:** **Xác định chức năng của đại từ *“tôi”* trong những câu sau đây:**  *a)* ***Tôi*** *rất chăm chỉ đến trường.*  *b) Người bé nhất trong nhà là* ***tôi.***  *c) Bố mẹ* ***tôi*** *rất thích đi du lịch.*  *d)  Bạn ấy rất thích* ***tôi****.*  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  - GV hướng dẫn  - HS thực hiện | **Bài tập 4: Xác định chức vụ ngữ pháp của các đại từ sau:**  Gợi ý:  a)  Chủ ngữ  b) Vị ngữ  c)  Định ngữ  d)  Bổ ngữ |
| **Bài tập 5: Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn có sử dụng ít nhất 4 đại từ: Trong đó: 2 đại từ trỏ người, 2 đại từ để hỏi.**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  - GV hướng dẫn  + Chọn một chủ đề mình thích  + Xác định các đại từ đưa vào đoạn văn  + Viết đoạn văn đảm bảo nội dung và sự liên kết  - HS thực hiện | **Bài tập 5: Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn có sử dụng ít nhất 4 đại từ: Trong đó: 2 đại từ trỏ người, 2 đại từ để hỏi.**  **Đoạn văn tham khảo:**  *“Quê hương là con diều biếc, tuổi thơ con thả trên đồng, quê hương là con đò nhỏ, êm đềm khua nước ven sông”...Đúng vậy, quê hương thật đẹp và mênh mông. Tuổi thơ* ***tôi*** *gắn liền với cánh đồng lúa quê hương. Nhớ những ngày nước lũ, tôi với bà ngoại lại ra đồng cắt lúa. Nước ruộng lên tới đầu gối****. Tôi*** *thường hỏi bà:*  *- Bà ơi!* ***Tại sao*** *lại có lũ?*  *Bà ân cần giảng giải:*  *- Lũ là do mưa nhiều, nước sông dân cao, đồng thời do rừng trống, đồi trọc không thể ngăn được nước trên nguồn cháu à.*  *- Chúng ta phải làm* ***gì*** *để ngăn lũ ạ?*  ***Bà*** *lại giảng giải cho tôi những điều mà tôi thắc mắc.* ***Giờ đây, bà không còn nữa nhưng hình ảnh bà mãi mãi in sâu trong tâm trí tôi.*** *Tôi yêu quê hương mình rất nhiều cũng vì một phần nơi đó có bà, có những kỉ niệm tuổi thơ”* |

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Tiết 15**

**CHUYÊN ĐỀ CÁC KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN (tiếp theo)**

**QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức**: Giúp HS ôn lại:

- Các bước của quá trình tạo lập một văn bản để có thể tập viết văn bản một cách có phương pháp và có hiệu quả hơn.

- Ôn lại kiến thức đã được học về liên kết, bố cục và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng kiến thức đã học vào 1 văn bản cụ thể.

**2. Kỹ năng:** Rèn cho HS kĩ năng:

- Củng cố lại các kĩ năng đã được học về liên kết, bố cục và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng kiễn thức đó vào việc đọc hiểu văn bản và thực tiễn nói.

- Tạo lập một văn bản có bố cục, liên kết, mạch lạc.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Có ý thức tạo lập văn bản có tính liên kết khi nói và viết.

**4. Năng lực:**

- Năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

Chúng ta đã được học nhiều văn bản và tự các em đã tạo lập được cho mình những văn bản rồi. Vậy các em có biết để tạo được văn bản chúng ta phải thực hiện những bước nào không?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* GV hướng dẫn HS ôn lại những kiến thức cơ bản về tạo lập văn bản.**  Hình thức hoạt động: Theo nhóm  + GV chia lớp thành các nhóm  + GV phổ biến yêu cầu của bài tập  H. Hãy nhắc lại các bước để tạo lập một văn bản? Nêu vai trò của các bước? Nếu bỏ một trong số các bước kể trên có được không? Vì sao?  + Thời gian: 7 phút  HS thực hiện.  Hết thời gian GV yêu cầu một nhóm trình bày, nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến, trình bày bài của nhóm mình.  GV chốt ý | **I. Các bước tạo lập văn bản**  **1, Định hướng:**  - Viết cho ai? (đối tượng)  - Viết để làm gì? (mục đích)  - Viết về cái gì? (nội dung)  - Viết như thế nào? (pp)  **2, Tìm ý và xây dựng bố cục:**  - Tìm ý , sắp xếp các ý thành một bố cục rành mạch,hợp lí, đúng định hướng.  **3, Tạo lập văn bản:**  - Câu văn: đúng ngữ pháp, có mở rộng thành phần.  - Từ ngữ: chính xác, đúng chính tả.  - Ý: sát với bố cục.  - Có tính liên kết, tính mạch lạc.  - Lời văn trong sáng, gợi cảm.  **4, Kiểm tra văn bản** |

***B. Luyện tập : 30-35 phút***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:** *Có ý kiến cho rằng: Chỉ cần định hướng cho văn bản mình định viết: Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết về cái gì? Viết như thế nào? rồi cứ thế đặt bút viết là đủ. Những bước khác không cần thiết.*  **Em có đồng ý với ý kiến trên không? Giải thích?**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  - HS thực hiện  - GV nhận xét, sửa chữa. | **Bài tập 1:** *Có ý kiến cho rằng: Chỉ cần định hướng cho văn bản mình định viết: Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết về cái gì? Viết như thế nào? rồi cứ thế đặt bút viết là đủ. Những bước khác không cần thiết.*  **Em có đồng ý với ý kiến trên không? Giải thích?**  Gợi ý:  - Không đồng ý với kiến trên  - Giải thích: Mỗi bước trong quá trình tạo lập văn bản đều có một vai trò nhất định. Nếu bỏ bước tìm ý và xây dựng bố cục thì văn bản của chúng ta sẽ thiếu ý hoặc lạc đề, bố cục không đảm bảo. Nếu thiếu bước tạo lập văn bản thì sẽ không có văn bản mạch lạc, liên kết. Nếu thiếu bước kiểm tra văn bản thì chúng ta sẽ có thể mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt và không kịp sửa chữa. |
| **Bài tập 2:** Cho đề bài*: Hãy viết thư cho một người bạn kể về việc tốt em đã làm được.*  Em hãy thực hiện bước định hướng và tìm ý, xây dựng bố cục cho đề bài trên. (Bước 1+2)  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  GV hướng dẫn HS làm bài  + Định hướng: Yêu cầu của đề bài là gì? Với yêu cầu đó chúng ta phải làm gì? Bài viết có hình thức ntn? Viết cho ai? Viết về vấn đề gì? Viết ntn?  + Sau khi định hướng, cần tìm ý.  + Xác định bố cục (Dàn ý)  - HS thực hiện  - GV nhận xét, sửa chữa | **Bài tập 2:** Cho đề bài*: Hãy viết thư cho một người bạn kể về việc tốt em đã làm được.*  Em hãy thực hiện bước định hướng và tìm ý, xây dựng bố cục cho đề bài trên. (Bước 1+2)  *Gợi ý:*  - Định hướng văn bản:  + Hình thức: Viết thư       + Viết gửi cho bạn       + Nội dung: Kể về việc tốt mình làm  - Tìm ý, sắp xếp: (Tùy thuộc vào việc tốt em định kể để sắp xếp ý. Chú ý sự việc nào diễn ra trước kể trước cho tới hết, trình tự phải đảm bảo)  - Bố cục (theo hình thức một bức thư)  + Phần đầu thư: Địa điểm, ngày tháng, lời chào hỏi.  + Phần nội dung chính: Lí do viết thư, hỏi thăm tình hình, kể về việc tốt em đã làm (Theo phần tìm ý)  + Phần cuối thư: Lời chúc, cảm ơn, hứa hẹn, kí tên. |
| **Bài tập 3: Viết hoàn chỉnh bài văn trên.**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  GV hướng dẫn HS viết theo dàn bài đã lập.  - HS thực hiện  - GV kiểm tra, sửa chữa. | **Bài tập 3: Viết hoàn chỉnh bài văn trên.** |

**CHUYÊN ĐỀ 6: THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**BUỔI 6: TIẾT 16+ 17:**

**MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**TINH THẦN YÊU NƯỚC QUA HAI BÀI THƠ:**

**“SÔNG NÚI NƯỚC NAM” VÀ “PHÒ GIÁ VỀ KINH”**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- Giúp HS nắm chắc hơn nữa những đặc điểm của thơ Trung đại Việt Nam.

- Hiểu được tinh thần yêu nước trong thơ Trung đại qua hai bài thơ “Sông núi nước Nam” và “Phò giá về kinh”.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng đọc và cảm thụ thơ ca trung đại một cách sâu sắc hơn.

- Viết được những đoạn văn, bài văn cảm thụ có yếu tố biểu cảm về thơ trung đại.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Tự hào về dân tộc, truyền thống yêu nước của ông cha ta, nhận thức rõ trách nhiệm và nghĩa vụ, quyền lợi của mình với gia đình, quê hương, đất nước. Từ đó, HS có ý thức bảo vệ, xây dựng đất nước.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 16: *A. Hệ thống lại kiến thức đã học ( 45 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **? Em hiểu văn học trung đại là giai đoạn văn học nào ở nước ta?**  - Văn học trung đại là giai đoạn đầu tiên của nền văn học viết Việt Nam (thế kỉ X-> thế kỉ XIX)  **? Dựa vào kiến thức lịch sử và hiểu biết của bàn thân, em hãy cho biết bối cảnh lịch sử giai đoạn văn học trung đại ở nước ta?**  -HS suy nghĩ, trả lời  -GV giảng: Văn học trung đại Việt Nam nói chung, thơ trữ tình trung đại nói riêng ra đời trong bối cảnh xã hội phong kiến phát triển, nó phản ánh thực tế xã hội từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX gắn với các triều đại phong kiến Việt Nam, tinh thần chống giặc ngoại xâm: +Nhà Lý chống quân Tống  +Nhà Trần chống quân Mông- Nguyên  +Nhà Lê chống quân Minh  - Chế độ phong kiến khủng hoảng, các tập đoàn phong kiến: Lê, Trịnh, Mạc, Nguyễn tranh giành quyền lực-> Đời sống nhân dân vô cùng cực khổ.  **? Nêu đặc điểm thơ trung đại Việt Nam? (Về nội dung, về hình thức)**  -HS thảo luận theo nhóm nhỏ (hai bàn)  -GV mời đại diện 1, 2 nhóm trình bày  -Nhóm khác nhận xét, bổ sung  -GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  - GV hướng dẫn HS khái quát kiến thức hai bài thơ “Sông núi nước Nam” và “Phò giá về kinh”  -GV phát phiếu học tập, HS làm theo cặp đôi  -GV chiếu, chữa, chốt kiến thức. | **I. Đặc điểm của thơ trung đại Việt Nam**    **- Về nội dung:**  +Chủ nghĩa yêu nước: gắn liền với tư tưởng “trung quân ái quốc” (trung với vua là yêu nước, yêu nước là trung với vua”.  +Chủ nghĩa nhân đạo: biểu hiện ở lòng thương người, lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo, khẳng định đề cao con người, đề cao những quan hệ tốt đẹp giữ người với người,…  +Cảm hứng thế sự: bày tỏ suy nghĩ, tình cảm về con người, cuộc đời.  -> Văn học trung đại nói chung, thơ trung đại nói riêng thể hiện quan niệm “ văn dĩ tải đạo”: văn chương phải chuyên chở đạo lí.  **- Về hình thức:**   +Tính ước lệ, tượng trưng, quy phạm: các tác giả thường mượn điển cố, điển tích lấy từ sách vở thánh hiền và kinh sách của các tôn giáo. VD: Khi nói đến cây và hoa thì tùng, trúc, cúc, mai, sen…bởi chúng là biểu tượng cho cốt cách, chí khí của người quân tử, bậc đại trượng phu; nói đến người thì ngư, tiều, canh, mục….  +Tính giáo huấn, bác học, cao quý, trang nhã  +Tính hàm súc cao: lời ít, ý nhiều  +Cách diễn đạt: Ngôn từ diễn đạt diễm lệ, tránh nói thô tục, nếu có thì dùng ngụ ý, gợi mà không tả, hòa quyện giữa thi, nhạc và họa (thi trung hữu họa).  +Thể thơ: Thơ trung đại được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm bằng nhiều thể thơ như: thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, lục bát, song thất lục bát…với quy định niêm luật chặt chẽ, thống nhất.  **II. Kiến thức cơ bản hai bài thơ “Sông núi nước Nam” và “Phò giá về kinh”.** |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Thể thơ** | **Hoàn cảnh sáng tác** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** | | 1.Sông núi nước Nam | Chưa rõ tác giả bài thơ là ai. Sau này có nhiều sách ghi là Lí Thường Kiệt | Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược năm 1077. | Bài thơ là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. | - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, hàm súc.  -Giọng thơ dõng dạc, đanh thép. | | 2.Phò giá  về kinh | Trần Quang Khải | Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật | Bài thơ được sáng tác khi ông đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử năm 1285. | Bài thơ thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần. | -Thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, hình thức diễn đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng.  -Giọng thơ sảng khoái, tự hào; nhịp thơ 2/3. | | |
| **? Tinh thần yêu nước qua hai bài thơ “Sông núi nước Nam” và “Phò giá về kinh” được thể hiện qua những biểu hiện cụ thể nào?**  **? Em hãy phân tích để làm rõ điều đó?**  **? Quyết tâm đánh thắng kẻ thù xâm lược được thể hiện qua những câu thơ nào trong bài thơ Sông núi nước Nam? Nêu cảm nhận về những câu thơ đó?**  **-**HS suy nghĩ, trả lời  -HS khác nhận xét, bổ sung  -GV chốt kiến thức  **? Em hãy nhớ lại và cho biết thời Lý, giặc phương Bắc nào đã xâm lược nước ta với âm mưu ra sao?**  **- GV liên hệ:** Thời nhà Lý, giặc Tốngdo Quách Quỳ đem quân sang xâm lược nước ta với âm mưu biến nước ta thành quận huyện của phong kiến phương Bắc.  **? So sánh sự giống và khác nhau về hình thức nghệ thuật của hai bài thơ “Sông núi nước Nam” và “Phò giá về kinh”?**  -HS so sánh, đối chiếu, trả lời  -GV kết luận  -GV giảng: (**Đánh giá chung)**  - Hai bài thơ tuy ra đời ở những hoàn cảnh lịch sử khác nhau nhưng đều được viết bằng lòng yêu nước mãnh liệt của người cầm bút, lời thơ hào sảng, mạnh mẽ… góp phần làm phong phú thêm kho tàng VHVN với những tác phẩm về lòng yêu nước.  - Thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phản ánh giai đoạn hào hùng của lịch sử.  - Cổ vũ, khích lệ tinh thần, ý chí của nhân dân ta, khơi gợi niềm tự hào dân tộc.  - Đồng thời, nhắc nhở mỗi người Việt Nam phải biết nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước thanh bình, giàu đẹp, bền vững muôn đời. | **III. Tinh thần yêu nước qua hai bài thơ “Sông núi nước Nam” và “Phò giá về kinh”**  **A. Nội dung:**  **1.Quyết tâm bảo vệ và xây dựng đất nước:**  - **Bài *“Nam quốc sơn hà”:***  “Nam quốc sơn hà Nam đế cư  Tiệt nhiên định phận tại thiên thư”  (Dịch thơ: “Sông núi nước Nam vua Nam ở  Vằng vặc sách trời chia xứ sở”)  -> Sông núi nước Nam là đất nước của ta, bờ cõi của ta. Đất nước có chủ quyền, lãnh thổ, có hoàng đế trị vì. Nếu phương Bắc có Bắc đế thì phương Nam có Nam đế. Tác giả sử dụng từ “đế” cho thấy vua nước Nam cũng có quyền lực tối cao, ngang hàng với vua phương Bắc. Điều đó thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Nước ta là một quốc gia độc lập, bền vững mãi mãi. Câu thơ thứ hai tiếp nối và khẳng định nền độc lập là một sự thật hiển nhiên được ghi rành rành ở “thiên thư”- “sách trời”. Hai chữ “thiên thư” thể hiện một niềm tin vững chắc về núi sông nước Nam, về chủ quyền bất khả xâm phạm của dân tộc Đại Việt. Đó là một sự thật hiển nhiên tồn tại không ai có thể chối cãi.  - **Bài *“Phò giá về kinh”:***  “Thái bình tu trí lực  Vạn cổ thử giang san”.  Dịch thơ: “Thái bình nên gắng sức  Non nước ấy ngàn thu”.  -> Từ việc nêu chủ quyền về lãnh thổ đất nước, ta tự hào và cần phát huy ý thức xây dựng, bảo vệ đất nước. Lời thơ giúp ta hiểu tác giả mong muốn đất nước có một nền hòa bình mãi mãi. Muốn được như vậy, ta phải xây dựng nước nhà bằng cách “tu trí lực” nghĩa là ta phải rèn luyện, tu dưỡng tài năng và sức lực, động viên nhân dân bốn cõi gắng sức, đồng lòng phát huy thành quả của đất nước chiến thắng để xây dựng đất nước thanh bình, vững bền muôn đời.  **2. Quyết tâm đánh thắng kẻ thù xâm lược:**  - **Bài *“Sông núi nước Nam:***  “Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”.  Dịch thơ: “Giặc dữ cớ sao phạm đến đây  Chúng mày nhất định phải tan vỡ”.  -> Hai câu thơ là lời lên án, cảnh báo kẻ thù xâm lược. “Cớ sao” là tiếng hỏi, là lời kết tội tại sao quân giặc lại làm trái với sách trời, lại đem quân sang xâm lược nước ta. Hành động phi nghĩa của bọn giặc dữ man rợ đã bị vạch tội và tuyên án bằng lời đanh thép: “Chúng mày nhất định phải tan vỡ”. Lời kết án đó dựa trên những chiến thắng vang dội của quân và dân ta.  - **Bài *“Phò giá về kinh”:***  “Đoạt sáo Chương Dương độ,  Cầm Hồ Hàm Tử quan”.  Dịch thơ: “Chương Dương cướp giáo giặc,  Hàm Tử bắt quân thù”.  -> Bằng việc sử dụng từ “đoạt”- “cướp”, “cầm” – “bắt” cho thấy ta ở thế chủ động, thế trận mạnh mẽ nghiêng về quân ta. Ở Chương Dương, ta giành được gươm, giáo, vũ khí của giặc. Còn ở Hàm Tử, ta bắt sống tướng giặc của chúng. Hai chiến công liên tiếp vang dội vừa phấn khích, vừa tự hào, vừa cảnh báo quân xâm lược nếu cố tình sang xâm phạm thì luôn luôn bị thất bại. Hai câu thơ chính là minh chứng cho lời hỏi tội ở bài “Sông núi nước Nam”.  **B. Nghệ thuật:**  **1. Giống nhau:**  - Thể thơ: Hai bài thơ đều viết theo các thể thơ của thơ Đường luật xuất hiện ở nước ta vào thời Lý và thời Trần.  - Giọng điệu: rắn rỏi, đanh thép thể hiện hào khí của dân tộc. Đồng thời thể hiện âm vang của một thời kì chống giặc hào hùng.  **2. Khác nhau:**  - Bài *“Sông núi nước Nam”:* được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tứ tuyệt, mỗi câu 7 chữ, nhịp thơ khi 4/3, khi 3/4, giọng điệu phù hợp với lời tuyên bố, lời cảnh báo quân xâm lược. Vì thế, bài thơ là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta khẳng định chủ quyền về lãnh thổ đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.  - Bài *“Phò giá về kinh”:* được viết bằng thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, mỗi câu thơ có 5 chữ, giọng thơ nhanh, gấp ngợi ca chiến thắng lẫy lừng của quân dân Đại Việt trong cuộc khánh chiến chống quân Mông- Nguyên lần hai. Nếu *“Sông núi nước Nam”* là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên thì *“Phò giá về kinh”* là khúc ca khải hoàn đầu tiên trong lịch sử chống giặc ngoại xâm và trong lịch sử văn học Việt Nam. |

***Tiết 17:***

***B. Luyện tập :( 45 phút)***

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:**  - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Cho câu thơ:** “ Nam quốc sơn hà Nam đế cư”  **a)** Chép tiếp những câu thơ còn lại để hoàn thành bài thơ?  **b)** Nêu tên bài thơ và tên tác giả?  **c)** Chép lại phần dịch thơ  **d)** Bài thơ được làm theo thể thơ nào? Nêu hiểu biết của em về thể thơ đó?  **e)** Em hiểu “ Nam đế, thiên thư” là gì? Tác giả sử dụng từ “Nam đế” nhằm thể hiện điều gì?  **g)** Tìm từ ghép Hán Việt có yếu tố : **cư** (ở) và **quốc** (nước) ?  **h)** Từ bài thơ trên, em hãy viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về quan điểm sau: “*Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng và bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam*”. (Là học sinh em có suy nghĩ gì về việc giữ gìn và bảo vệ chủ quyền đất nước trong giai đoạn hiện nay).  - GV hướng dẫn  - HS thực hiện  - GV nhận xét, đánh giá, chữa bài tập.  **Bài tập 2:**  - Hình thức tổ chức luyện tập: thảo luận cặp đôi  **? Đọc lại bài thơ “ Sông núi nước Nam”và trả lời câu hỏi:**  **a)** Tại sao nói “ Sông núi nước Nam” là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta?  **b)** Trong bài thơ Sông núi nước Nam, có bạn thắc mắc tại sao không viết “Nam nhân cư” mà viết “ Nam đế cư”. Em sẽ giải thích thế nào cho bạn?  **c)** Nêu cảm nhận của em về nội dung và nghệ thuật của bài “ Sông núi nước Nam bằng một đoạn văn khoảng 5-7 câu?  - GV hướng dẫn  - HS thực hiện  - GV nhận xét, đánh giá, chữa bài tập.  **Bài tập 3:**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động theo tổ **Trò chơi: “Tiếp sức”**  Thực hiện:  + GV chia tổ  + GV phổ biến hình thức, nội dung cuộc thi “tiếp sức”. Thời gian (5 phút)  Cho câu thơ sau: “Đoạt sáo Chương Dương độ”  **a)** Bằng trí nhớ ghi lại chính xác phần phiên âm, dịch thơ của bài thơ trên?  **b)** Cho biết tên bài thơ và tên tác giả?  **c)** Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  **d)** Nêu nội dung và nghệ thuật của bài thơ? Bài thơ tái hiện chiến thắng nào trong lịch sử dân tộc?  - Các tổ chơi trò chơi, HS và GV đối chiếu, đánh giá, cho điểm các tổ.  **Bài tập 4:**  **a)** Suy nghĩ của em về ý nghĩa thời sự của hai câu thơ: Thái bình tu trí lực- Vạn cổ thử giang san” trong cuộc sống hôm nay.  **b)** Nhận xét về lòng yêu nước của hai bài thơ “ Sông núi nước Nam” và “ Phò giá về kinh”? | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1:**  **Gợi ý:**  **a)** Hsghi tiếp những câu thơ còn lại để hoàn thiện bài thơ.  **b)** Bài thơ“ Sông núi nước Nam”  Tác giả: chưa rõ. Nhiều tài liệu cho rằng của Lí Thường Kiệt  **c)** HS chép lại đúng phần dịch thơ  **d)** Bài thơ được làm theo thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  Bài thơ có 4 câu, mỗi câu thơ có 7 chữ.  **e)** - Nam đế : vua nước Nam; thiên thư : sách trời.  - Tác giả sử dụng từ “Nam đế” nhằm :  + Khẳng định nước Nam đã có chủ quyền lãnh thổ riêng.  + Thể hiện sự bình đẳng ngang hàng với hoàng đế Trung Hoa, để chứng tỏ ý thức độc lập tự cường, không chịu phụ thuộc vào nước lớn của nước Đại Việt ta.  **g)** từ ghép Hán Việt có yếu tố : **cư** (ở) : định cư, cư trú, chung cư, di cư,...  - **quốc** (nước): quốc gia, cường quốc, quốc ca, quốc kì, quốc tịch,...  **h)** Viết đoạn văn.  - Bài thơ “Nam quốc sơn hà” được coi như là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, và khẳng định: “Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng và bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam”.  - Giải thích: “Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia ” là gì ? (gồm vùng đất, vùng trời, vùng biển).  - Nêu biểu hiện về chủ quyền...:  + Đất nước chúng ta ngày xưa, lãnh thổ , ranh giới địa phận đã được ghi rõ ở sách trời. Ngày nay được phân định rõ ràng trên bản đồ thế giới.  + Việt Nam dù nhỏ bé nhưng có nền độc lập, quyền tự do, bình đẳng bác ái.  + Đất nước trải qua hơn 400 năm dựng nước và giữ nước, trải qua nhiều cuộc chiến tranh gian khổ, nhưng toàn dân tộc luôn quyết tâm 1 lòng đoàn kết chiến đấu để bảo vệ, giữ gìn non sông gấm vóc này.  - Nêu nhiệm vụ và trách nhiệm của chúng ta:  + Bác Hồ từng nói : “ Các vua Hùng đã có công dựng nước , Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.  + Chúng ta phải phát huy truyền thống đấu tranh giữ nước của ông cha ta ngày xưa, quyết tâm bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của tổ quốc....  + Toàn thể dân tộc cùng với các chiến sĩ nơi biên giới và hải đảo, cùng ngư dân đang ngày đêm bám biển chiến đấu giữ gìn biển đảo Trường Sa, Hoàng Sa, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.  - Liên hệ bản thân : Chúng ta là học sinh, là những chủ nhân tương lai của đất nước phải ra sức học tập, rèn luyện trí lực...để góp phần bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước ngày một giàu mạnh.  **Bài tập 2: Gợi ý:**  **a)** Tuyên ngôn độc lập được hiểu là lời tuyên bố về chủ quyền lãnh thổ của đất nước và khẳng định không một thế lực nào được xâm phạm.  Bài thơ trên được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên:  + Trong bài thơ tác giả đã tuyên bố về chủ quyền đất nước. Nước Nam là của người Nam, điều đó đã được định sẵn ở sách trời, không thế thế lực nào có thể xâm phạm.  + Khẳng định quyết tâm bảo vệ chủ quyền độc lập của đất nước.  **b)** “ Nam đế”: vua nước Nam; “ Nam nhân”: người nước Nam. Tác giả dùng chữ “ đế” tỏ rõ thái độ ngang hàng vơi nước Trung Hoa. Nước Trung Hoa gọi “vua” là “ đế” thì ở nước ta cũng vậy.. Điều đó nhằm khẳng định nước Nam có chủ ( đế: đại diện cho nước), có độc lập, có chủ quyền.  **c)** Đoạn văn đảm bảo các ý sau:  - Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Giọng thơ đanh thép, căm giận hùng hồn. Nó vừa mang sứ mệnh lịch sử như một bài hịch cứu nước, vừa mang ý nghĩa nhyuw một bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất của nước Đại Việt.  - Bài thơ là tiếng nói yêu nước và lòng tự hào dân tộc của nhân dân ta. Nó biểu thị ý chí và sức mạnh của nước Việt Nam. Sông núi nước Nam là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất của dân tộc, thể hiện tinh thần chống xâm lăng, biểu lộ khí phách và ý chí tự lập tự cường của đất nước và con người Việt Nam.  **Bài tập 3: Gợi ý:**  **a)** HS viết đúng phần phiên âm, dịch thơ của bài thơ.  **b) -**Bài thơ: Tụng giá hoàn kinh sư (Phò giá về kinh)  -Tác giả: Trần Quang Khải.  **c) -** Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt  - Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: Năm 1285, sau chiến thắng giặc Mông- Nguyên, khi đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông trở về kinh đô, Trần Quang Khải đã viết bài thơ này.  **d) \*Nghệ thuật:**  - Bài thơ sử dụng thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt hàm súc thể hiện sự cô đọng, sâu sắc niềm tự hào của tác giả trước những chiến thắng hào hùng của dân tộc.  - Nhịp thơ 2/3 phù hợp với việc tái hiện những chiến thắng dồn dập của quân dân ta cũng như việc bày tỏ suy nghĩ của tác giả.  **\* Nội dung:** Bài thơ thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng về một đất nước thái bình, thịnh trị của dân tộc ta thời nhà Trần.  - Bài thơ tái hiện chiến thắng: Hàm Tử và Chương Dương.  **Bài tập 4: Gợi ý:**  **a)**- Sau bao cuộc chiến tranh vệ quốc cam go, thử thách, đất nước ta đang được hưởng những năm tháng hòa bình. Nhưng vẫn còn nhiều kẻ thù đang rình rập, nhiều khó khăn, nguy cơ về kinh tế, văn hóa, chính trị...Người xưa nói: giành lại đất nước đã khó, giữ nước và phát triển được đất nước càng khó khăn hơn. Vì vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào để giữ gìn và phát triển đất nước.  - “Thái bình tu trí lực- Vạn cổ thử giang san”, nghĩa là thời thái bình phải tu rèn trí tuệ, sức lực thì đất nước sẽ được trường tồn.  - Ý nghĩa sâu sâu sắc ấy vẫn còn nguyên giá trị đến hôm nay. Bởi chỉ có rèn giũa trí tuệ và sức lực mới tạo nên tiềm lực to lớn vừa thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển, vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Hai câu thơ từ ngàn năm trước nhưng vẫn còn là bài học qúy giá cho những thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.  **b)** Hai bài thơ “Sông núi nước Nam” và “Phò giá về kinh” đều thể hiện lòng yêu nước mạnh mẽ, hào hùng và bản lĩnh vững vàng, khí phách hiên ngang của dân tộc ta. Một bài nêu cao chủ quyền độc lập thiêng liêng, khẳng định nước Nam là của vua Nam, không kẻ nào được phép xâm phạm, nếu cố tình xâm phạm tất sẽ chuốc lấy bại vong. Một bài thể hiện khí thế hào hùng và bày tỏ khát vọng xây dựng, phát triển đất nước trong hòa bình với niềm tin đất nước sẽ bền vững nghìn thu. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

**1.Củng cố:**

? Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung bài học?

**2.Dặn dò:**

-Học bài, nắm nội dung ôn tập, thuộc phiên âm, dịch thơ của hai bài thơ “Sông núi nước Nam” và “Phò giá về kinh”

- Xem lại các bài tập, làm bài tập về nhà : Viết bài văn nêu cảm nhận của em về tinh thần yêu nước trong văn học trung đại qua bài thơ “Sông núi nước Nam” và “ Phò giá về kinh”?

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Tiết 18:**

**CHUYÊN ĐỀ TỪ VỰNG (TIẾP THEO)**

**TỪ HÁN VIỆT**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

Giúp HS ôn lại:

- Đơn vị cấu tạo từ Hán Việt, các loại từ ghép Hán Việt, sử dụng từ Hán Việt để tạo sắc thái biểu cảm, lưu ý khi sử dụng từ Hán Việt.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng xác định, sử dụng từ Hán Việt đúng nghĩa, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

- Rèn kĩ năng vận dụng những hiểu biết về từ Hán Việt để cảm nhận một số văn bản học trong chương trình.

**3. Thái độ, phẩm chất:**

- Giáo dục tình yêu Tiếng Việt, có ý thức trau dồi, mở rộng vốn từ Hán Việt cũng như vốn từ tiếng Việt.

**4. Năng lực:**

- Năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* HĐ 1: GV hướng dẫn HS ôn lại lí thuyết về từ Hán Việt.**  **H. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết đơn vị cấu tạo từ Hán Việt là gì?**  HS nhớ lại kiến thức, trả lời  HS khác nhận xét, bổ sung  GV chốt kiến thức.  **H. Các yếu tố Hán Việt được dùng độc lập như từ hay được dùng để tạo từ ghép? Hãy lấy ví dụ?**  HS trả lời, lấy VD  Gợi ý tham khảo:  *+VD1: hoa, quả, bút, bảng, học, tập,...*  *+VD2:* ***thiên*** *niên kỉ,* ***thiên*** *đô về Thăng Long,* ***thiên*** *thư*  -> Từ những ví dụ HS đưa ra, GV yêu cầu HS nhận xét, nhắc lại kiến thức về đơn vị cấu tạo từ Hán Việt.  GV lấy thêm VD, chốt kiến thức | **I. Đơn vị cấu tạo từ Hán Việt**  - Trong Tiếng Việt có một khối lượng khá lớn từ Hán Việt. Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.  - Phần lớn các yếu tố Hán Việt không được dùng độc lập như từ mà chỉ dùng để tạo từ ghép.  + Một số yếu tố Hán Việt có lúc dùng để tạo từ ghép, có lúc được dùng độc lập như một từ.  + Có nhiều yếu tố Hán Việt đồng âm nhưng nghĩa khác xau nhau. |
| **\* GV hướng dẫn HS ôn lại các loại từ ghép Hán Việt**  **? Từ ghép Hán Việt gồm mấy loại? Nêu hiểu biết của em về từng loại từ ghép Hán Việt? Cho ví dụ?**  HS nhớ lại kiến thức, trả lời  HS khác nhận xét, bổ sung  GV chốt kiến thức. | **II. Từ ghép Hán Việt:** có 2 loại:  **1. Từ ghép đẳng lập:**  - Có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân ra tiếng chính, tiếng phụ).  VD: sơn hà, xâm phạm, huynh đệ,...  **2. Từ ghép chính phụ:**  - Yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau (Giống với trật tự từ ghép thuần Việt).  VD: ái quốc, thủ môn,...  - Yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau (Khác với trật tự từ ghép thuần Việt).  VD: thiên thư, thạch mã,... |
| **GV hướng dẫn HS ôn lại kiến thức về sử dụng từ Hán Việt**  **? Sử dụng từ Hán Việt để tạo những sắc thái biểu cảm nào? Cho ví dụ?**  - HS nhớ lại kiến thức, trả lời  Ví dụ 1: **Phụ nữ** Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.  Ví dụ 2: Bác sĩ đang khám **tử thi**.  Ví dụ 3: Yết Kiêu đến **kinh đô** Thăng Long, **yết kiến** vua Trần Nhân Tông.  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV chốt kiến thức.  **? Sử dụng từ Hán Việt có nhiều sắc thái biểu cảm như vậy. Theo em có nên lạm dụng từ Hán Việt trong giao tiếp không? Vì sao?**  **\*Lưu ý:** Một số từ Hán Việt không có từ thuần Việt thay thế nên khôngg tạo sắc thái biểu cảm  VD: sinh viên, du kích, đặc công,… | **III. Sử dụng từ Hán Việt:**  **1. Sử dụng từ Hán Việt để tạo sắc thái biểu cảm**  **-** Trong nhiều trường hợp, người ta sử dụng từ Hán Việt để:  + Tạo sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính;  +Tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ;  + Tạo sắc thái cổ, phù hợp với bầu không khí xã hội xa xưa.  **2. Không nên lạm dụng từ Hán Việt**  - Khi nói hoặc viết, không nên lạm dụng từ Hán Việt, làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. |

***B. Luyện tập: (30 phút)***

GV đưa ra hệ thống bài tập để luyện tập lại các kiến thức vừa ôn

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1: Trò chơi: “Ai nhanh tay, nhanh trí”**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động nhóm làm vào phiếu học tập  Thực hiện:  + GV chia nhóm, tổ chức cuộc thi: “Ai nhanh tay, nhanh trí”  + GV phổ biến cuộc thi  + Câu hỏi: Từ các yếu tố Hán Việt đã cho, hãy **tìm và điền tất cả các từ ghép Hán Việt vào bảng cho phù hợp** + Thời gian: 5 phút   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** | | **quốc** |  | | **sơn** |  | | **cư** |  | | **bại** |  |   - Các nhóm HS thực hiện  - GV thu sản phẩm, chiếu, nhận xét | **Bài tập 1:**  Gợi ý:   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** | | **quốc** | đế quốc, quốc gia, quốc tịch, cường quốc, quốc ca, quốc kì, quốc tế, quốc dân, … | | **sơn** | Sơn thủy, sơn trại, sơn nữ, sơn dương, sơn cước, sơn tặc, sơn hà, giang sơn,… | | **cư** | định cư, cư trú, chung cư, ngụ cư, di cư, ngụ cư,… | | **bại** | Thất bại, đại bại, thành bại, thảm bại, bại vong,… | |
| **Bài tập 2: Xác định và giải nghĩa các từ Hán Việt trong bài thơ sau? Cho biết các từ Hán Việt này tạo cho bài thơ sắc thái gì ?**  **“**Chiều trời bảng lảng bóng ***hoàng hôn***  Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn  Gác mái ***ngư ông*** về viễn phố  Gõ sừng ***mục tử*** lại cô thôn  Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi  Dặm liễu sương sa khách bước dồn   Kẻ chốn Chương Đài người ***lữ thứ***  Lấy ai mà kể nỗi ***hàn ôn”.***  (*Chiều hôm nhớ nhà* -Bà Huyện Thanh Quan)  - Hình thức tổ chức luyện tập: thảo luận cặp đôi  - GV hướng dẫn  - HS thực hiện, GV chữa bài tập. | **Bài tập 2:**  Gợi ý: Các từ Hán Việt và giải nghĩa:  Hoàng hôn : lúc nhá nhem tối , mặt trời đã lặn, ánh sáng yếu ớt và mờ dần  Ngư ông : người đàn ông đánh cá  Mục tử : trẻ chăn trâu, bò  Cô thôn : thôn xóm hẻo lánh  Chương Đài : Tên một cái gác thuộc ly cung của nước Tần  Lữ thứ : nơi ở trọ (chỗ tạm nghỉ lại của người đi đường xa; thường dùng để chỉ nơi đất khách quê người)  Hàn ôn : chuyện trò thăm hỏi nhau khi gặp lại  -> Các từ Hán Việt góp phần tạo sắc thái man mác, bao la, mờ mờ, ảo ảo, trang nhã của cảnh và tình trong buổi hoàng hôn . |
| **Bài tập 3:** **Cho câu thơ:**  “ Nam quốc sơn hà Nam đế cư”  **a)** Bằng trí nhớ ghi tiếp những câu thơ còn lại để hoàn thiện bài thơ?  **b)** Em hiểu “ nam đế, thiên thư” là gì? Tác giả sử dụng từ “Nam đế” nhằm thể hiện điều gì?  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  - GV hướng dẫn  - HS thực hiện | **Bài tập 3:**  Gợi ý:  **a)** Hs ghi tiếp những câu thơ còn lại để hoàn thành bài thơ.  **b)**  **-** Nam đế : vua nước Nam.  - thiên thư : sách trời.  - Tác giả sử dụng từ “Nam đế” nhằm :  + Khẳng định nước Nam đã có chủ quyền lãnh thổ riêng.  + Thể hiện sự bình đẳng ngang hàng với hoàng đế Trung Hoa, để chứng tỏ ý thức độc lập tự cường, không chịu phụ thuộc vào nước lớn của nước Đại Việt ta. |
| **Bài tập 4: Phân biệt nghĩa của các cặp từ sau và đặt với mỗi từ một câu?**  a) nồng nhiệt – nồng hậu  b) khẩn cấp – khẩn trương.  **Trò chơi: “Tiếp sức”**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động theo tổ  Thực hiện:  + GV chia tổ  + GV phổ biến hình thức, nội dung cuộc thi “tiếp sức”. Thời gian (5 phút)  - Các tổ chơi trò chơi, HS và GV đối chiếu, so sánh, đánh giá, cho điểm các tổ. Tuyên dương tổ làm tốt. | **Bài tập 4:**  **Giải nghĩa:**  a) -Nồng nhiệt: đầy nhiệt tình và rất thắm thiết  -Nồng hậu: nồng nhiệt và thắm thiết.  b) -Khẩn cấp: phải được tiến hành, giải quyết ngay, không chậm trễ.  -Khẩn trương: cần được tiến hành, giải quyết một cách tích cực trong thời gian gấp, không thể chậm trễ.  **Đặt câu:**  a) Các bạn đón tiếp rất ***nồng nhiệt***.  Tình cảm của anh chị ấy thật ***nồng hậu***.  b)Máy bay buộc phải hạ cánh ***khẩn cấp.***  Chúng ta phải ***khẩn trương*** đưa người bệnh đến bệnh viện. |
| **Bài tập 5: Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn có sử dụng từ Hán Việt và chỉ rõ?.**  - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân  - GV hướng dẫn  + Chọn một chủ đề mình thích  + Xác định các từ Hán Việt đưa vào đoạn văn.  + Viết đoạn văn đảm bảo nội dung và sự liên kết  - HS thực hiện  - HS đọc đoạn văn, HS khác nhận xét, bổ sung; GV nhận xét, đánh giá, đọc đoạn văn tham khảo. | **Bài tập 5:**  **Đoạn văn tham khảo:**  Trải qua hơn bốn nghìn năm lịch sử, đất nước ta phải trải qua bao trận chiến khốc liệt và đương đầu với nhiều kẻ thù mạnh. Nhưng với tinh thần **đoàn kết** và **kiên cường** trong chiến đấu, đất nước ta đã giành được nền độc lập như ngày hôm nay. Nhân dân ta đã chấm dứt hàng trăm năm sống dưới ách gông cùm, **nô lệ** của của thực dân, **phong kiến**. Và ngày hôm nay, cả dân tộc lại cùng nhau chung sức, tiếp tục xây dựng đất nước ngày càng **phồn vinh**, giàu đẹp. Đó là truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc ta. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

**1. Củng cố:**

? Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung bài học?

**2. Dặn dò:**

-Học bài, nắm nội dung ôn tập

-Xem lại các bài tập đã làm

- Làm bài tập về nhà :

**Bài tập 1:** Tìm 3 từ Hán Việt có sắc thái trang trọng, và 3 từ thuần Việt có nghĩa tương đương. Đặt câu với mỗi từ tìm được để thấy sự khác nhau trong cách sử dụng?

**Bài tập 2:** Sưu tầm một đoạn văn hoặc đoạn thơ có sử dụng từ Hán Việt. Giải thích ý nghĩa của từ Hán Việt trong đoạn văn, đoạn thơ đó. Cho biết các từ Hán Việt đó tạo sắc thái gì cho đoạn văn, đoạn thơ?

Ngày soạn: Ngày dạy :

**BUỔI 7: CHỦ ĐỀ: THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM (Tiếp theo )**

**VĂN BIỂU CẢM.**

**I.Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức:**

- Giúp hs củng cố, khắc sâu kiến thức đã được học ở các bài “Thiên trường vãn vọng, Côn Sơn ca và văn biểu cảm về :

+ Giá trị nghệ thuật và nội dung , ý nghĩa của hai bài thơ : Thiên trường vãn vọng, Côn Sơn Ca.

+ Nhận biết đặc điểm chung của văn biểu cảm, cách làm bài văn biểu cảm.

**2.Kĩ năng :**

- Rèn kĩ năng trả lời các câu hỏi ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng qua hai bài thơ.

-Rèn kĩ năng nhận biết biểu cảm trực tiếp hay gián tiếp.

-Rèn kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm.

**3.Thái độ, phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, quê hương đất nước.

**4.Năng lực :**

Giải quyết vấn đề, hợp tác, thảo luận nhóm, cảm thụ văn chương**.**

**II.Tiến trình lên lớp :**

1.Ổn định tổ chức lớp học.

2.Kiểm tra bài cũ:

Gv kiểm tra vở của hs.

**3.Bài mới:**

***Tiết 19: CHỦ ĐỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC QUA HAI BÀI THƠ : THIÊN TRƯỜNG VÃN VỌNG, CÔN SƠN CA.***

A.Hệ thống các kiến thức đã học. ( 10-15 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt.** |
| **Gv chia lớp thành 4 nhóm.**  **Nhóm 1,2 :**  Gv yêu cầu hs hoàn thiện vào phiếu học tập  Thời gian : 5 phút.  Gv phát phiếu học tập cho hs.   |  | | --- | | 1.Tác giả.  2.Tác phẩm.  a. Hoàn cảnh sáng tác.  b.Thể loại.  c.Giá trị nội dung.  d.Giá trị nghệ thuật. |   Đại diện hs trình bày.  Nhóm 3 nhận xét, bổ sung.  Gv nhận xét bổ sung và chốt kiến thức.    **Nhóm 3,4 :**  Gv yêu cầu hoàn thiện phiếu học tập  Thời gian : 5 phút.  GV phát phiếu học tập   |  | | --- | | 1.Tác giả.  2.Tác phẩm.  a. Hoàn cảnh sáng tác.  b.Thể thơ:  c.giá trị nội dung.  d.giá trị nghệ thuật. |   Đại diện hs trình bày.  Nhóm 2 nhận xét, bổ sung.  Gv nhân xét, bổ sung và chốt kiến thức. | ***I.Văn bản : Thiên trường vãn võng ( Trần Nhân Tông ).***  ***1.Tác giả***  **-**Trần Nhân Tông ( 1258-1308).  -Tên thật là Trần Khâm.  -Là con trưởng của Trần Thánh Tông.  -Là vị vua yêu nước, anh hùng, nổi tiếng khoan hòa, nhân ái.  -Năm 1299 ông về tu ở chùa Yên Tử ( Quảng Ninh ).  -Ông là nhà văn hóa , nhà thơ tiêu biểu thời Trần.  2.Tác phẩm .  a.Hoàn cảnh sáng tác:  - Bài thơ được sáng tác tròng thơi gian ông trở về quê cũ.  *b.Thể thơ:*  Thất ngôn tứ tuyệt.  *c.Giá trị nội dung:*  -Cảnh chiều trong thôn xóm:  + Không gian, thời gian, ánh sáng, màu sắc, âm thanh hài hòa gợi lên khung cảnh buổi chiều chợ mờ mờ, ảo ảo.  -Cảnh chiều ngoài cánh đồng :  + Không gian thoáng đãng, cao rộng , yên ả, trong sạch gợi lên cuộc sống bình yên, hạnh phúc.  -Con người tác giả:  +Tâm hồn nhạy cảm sâu lắng, yêu thiên nhiên, hàiq hòa với thiên nhiên.  *d.giá trị nghệ thuật:*  **-**Viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.  -Có sự kết hợp hài hòa giữa tự sự và miêu tả.  - Sử dụng biện pháp so sánh.  ***II.Văn bản : Côn Sơn Ca.***  1.Tác giả:  -Nguyễn Trãi ( 1380-1442).  -Quê gốc: Thôn Chi Ngại, xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.  -Ông tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  -Ông là người Việt Nam đầu tiên được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới.  -Ông để lại cho bạn đọc một sự nghiệp văn chương đồ sộ.  2.Tác phẩm:  a. Hoàn cảnh sáng tác:  - Bài thơ được sáng tác trong thời gian ông ở ẩn.  b. Thể thơ: lục bát.  c.G iá trị nội dung :  -Cảnh trí tươi đẹp, thanh bình của Côn Sơn trong cảm nhận của Nguyễn Trãi.  - Tâm trạng thảnh thơi, thư thái, sự hòa hợp trọn vẹn giữa con người và cảnh vật thiên nhiên.  d.Giá trị nghệ thuật:  -Sử dụng các thủ pháp nghệ thuật so sánh, điệp ngữ.  -Sử dụng từ xưng hô “ ta”.  -Giọng điệu nhẹ nhàng.  -Lời thơ trong sáng, sinh động. |

**B: Luyện tập . (30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt.** |
| **Bài tập 1: Nêu Cảm nhận của em về tình yêu quê hương đất nước được thể hiện qua hai bài thơ: “ Thiên trường vãn vọng và Côn Sơn Ca.”**  Gv chi lớp thành 2 nhóm:  **Nhóm 1: Tìm hiểu đề, tìm ý.**  **Nhóm 2: Lập dàn bài.**  Đại diện nhóm trình bày  Nhóm nhận xét, bổ sung.  GV nhận xét bổ sung và chốt kiến thức.  GV yêu cầu học sinh viết bài văn hoàn chỉnh sau khi đa hoàn thành phần lập dàn bài.  Gv yêu cầu 1,2 em đọc bài văn sau khi đã hoàn thành.  HS nhận xét.  Gv nhận xét. | **Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý:**  **-**Kiểu bài: Nghị luận về văn học .  -Vấn đề nghị luận : Tình yêu quê hương đất nước.  -Dẫn chứng: qua hai bài thơ “Thiên trường vãn vọng và Côn sơn Ca.”  -Phương pháp lập luận: chứng minh, phân tích…  **Bước 2: Lập dàn bài:**  **1.Mở bài : Giới thiệu và dẫn dắt vấn đề.**  - Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV dân tộc ta luôn phải chống lại các cuộc xâm lược của ngoại bang. Nhiều công cuộc vệ quốc diễn ra và lập được nhiều chiến công hiển hách. Tình cảm yêu nước trở thành tình cảm bao trùm trong văn học đặc biệt là các áng thơ trữ tình như : Thiên trường vãn vọng, Côn Sơn Ca.  -Nội dung yêu nước được thể hiện qua hai bài thơ : sự hòa hợp với cảnh sắc thiên nhiên nên thơ, sự gắn bó máu thịt với quê hương thôn dã, nơi mình được sinh ra và lớn lên.  **2.Thân bài :**  ***a.Tình yêu quê hương đất nước thể hiện trong bài “Thiên trường vãn vọng.”***  *\* Khái quát chung về tác giả , tác phẩm:*  - Trần Nhân Tông được xem là một nhà thơ, nhà văn hóa tiêu biểu của Đại Việt thời trung đại với nhiêu tác phẩm nổi tiếng.  - Bài thơ được Trần Nhân Tông sáng tác trong dịp trở về thăm quê cũ ở Thiên Trường ( thuộc địa phận tỉnh Nam Định ngày nay. )  => Bài thơ không chỉ thể hiện cho tài năng, sự tinh tế trong cách quan sát của nhà thơ mà còn thể hiện sự nặng tình nặng nghĩa của tác giả đối với mảnh đất quê hương yêu dấu của mình.  *\*Biểu hiện của tình yêu quê hương đất nước qua bài thơ :*  - Bức tranh thiên nhiên làng quê thanh bình, tràn đầy sức sống.  + Bài thơ mở ra với một khung cảnh chiểu quê yên tĩnh đến lạ lùng:  “ Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên  Bán vô bán hữu tịch dương biên.”  + Bức tranh một vùng quê thôn dã, bình dị như bao vùng quê khác, nhưng trong con mắt của thi nhân, cảnh vật thân thương, trìu mến biết bao. Khung cảnh trời chiều sắp tắt nắng, thôn xóm đang dần chìm trong màn sương mù bao phủ bỗng trở nên hư ảo hơn bao giờ hết. Cảnh vật vừa như vô hình vừa như ngưng đọng.  +Trong nguyên văn chữ Hán, cụm từ “ bán vô bán hữu” nghĩa là nửa như có nửa như không gợi phong cảnh mờ ảo, vừa như có lại như không, vừa thực lại vừa hư diễn tả thời khắc chuyển từ ngày sang đêm. Thôn xóm nhà tranh nối tiếp nhau, san sát quay quần, tất cả tĩnh lặng trong màn sương khói hư vô. Có người liên tưởng tới làn sương chiều lãng đãng, có người nghĩ tới khói bếp ấm nồng từ những mái nhà tranh. Nhưng dù hiểu theo cách nào thì cảnh vật cũng không hề mất đi sự hư ảo, mơ màng. Và dường như đằng sau những cảm nhận man mác, bâng khuâng ấy là tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của một người yêu thiên nhiên đang đón đợi khoảnh khắc chuyển giao giữa ngày và đêm.  + Cảnh vùng quê yên bình và thơ mộng biết bao qua con mắt của người con yêu tha thiế và gắn bó với cuộc sống của con người nơi làng quê. Bức tranh của làng quê trong bóng chiều chập chờn, hư ảo đã được điểm thêm vài nét vẽ trở thành một bức tranh sống động:  “ Mục đồng đích lí ngưu quy tận  Bạch lộ song song phi hạ điền.”  +Bức tranh ấy có sự chuyển động của cảnh vật, có âm thanh tiếng sáo quen thuộc là những gì thân thương đến lạ kì. Cũng vẫn là những thi liệu cổ như: sương chiều, tiếng sáo, trẻ mục đồng,… nhưng những hình ảnh ấy đã gợi ra một bức tranh làng quê thanh bình , ấm no. Những đứa trẻ chăn trâu thong dong cưỡi trâu về, tiếng sáo vi vút trầm bổng, những cánh cò trắng từng đôi chao liệng rồi bay xuống cánh đồng chiều,…làm nên một bức tranh thật đẹp, có hồn và mang phong vị quê hương đất nước.  *-Vẻ đẹp tâm hồn thi nhân trước vẻ yên binhg của làng quê:*  + Chỉ một vài nét chấm phá tài hoa đã làm nên một kiệt tác. Bức tranh cảnh vật vốn đã đẹp bởi bóng chiều man mác, mờ ảo, bởi những cánh cò trắng, có thêm hình ảnh con người, càng trở nên ấm áp tình người. Một bức tranh thật đẹp, thật có hồn, đậm đà phong vị quê hương đất nước. Dường như thi nhân đã thả hồn mình vào trong cảnh để cảnh thấm đẫm tình. Không có một tình yêu quê hương, đất nước thiết tha, không có sự gắn bó máu thịt với làng quê, thì không thể viết được những câu thơ như thế. Và trong những vần thơ, người đọc có thể cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, gắn bó với quê hương đất nước của một vị vua có tâm hồn rộng mở, giao cảm với cuộc đời.  *-Đặc sắc về nghệ thuật :*  + Với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, giàu sức biểu cảm, bài thơ đã thể hiện một bức tranh quê đơn sơ, giản dị, mộc mạc.  + Từ ngữ hình ảnh giản dị nhưng giàu sức gợi.  ***b.Tình yêu quê hương đất nước được thể hiện trong bài “ Côn sơn Ca.”***  ***\*Khái quát chung về tác giả tác phẩm:***  - Nguyễn Trãi là một tài năng lỗi lạc, văn võ song toàn. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước, tự hào dân tộc. Ông đã để lại cho đời sau một di sản to lớn về quân sự, văn hóa, lịch sử, địa lí, ngoại giao…đặc biệt là sự nghiệp văn học với các sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm.  +Bài ca Côn Sơn được suy đoán là viết trong thời kì ông cáo quan về sống ở Côn Sơn.  +Nguyên tác “ Côn Sơn Ca” của văn bản là được viết bằng chữ Hán theo thể ca gồm 36 câu dài ngắn khác nhau. Bản dịch “ Côn Sơn Ca” được chuyển thể thành thể thơ lục bát, thể thơ dân tộc quen thuộc và gồm 26 câu.  *\*Biểu hiện tình yêu quê hương đất nước qua bài thơ : “ Côn Sơn Ca.”*  *-Vẻ đẹp thiên nhiên:*  + Hình ảnh thiên nhiên hiện lên với âm thanh của tiếng suối chảy rì rầm mà nhà thơ đã ví von với “ tiếng đàn cầm bên tai” với đá rêu phơi mềm mại tựa như “ chiếu êm.”  “ Côn Sơn suối chảy rì rầm  Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai  Côn sơn có đá rêu phơi  Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.”  + Cách so sánh của nhà thơ rất độc đáo vừa thể hiện sức sống mãnh liệt nơi đây vừa gợi ra khung cảnh bình yên, nơi con người có thể thả mình thưởng thức bầu trời không khí trong lành cảu núi rừng Côn Sơn.  +Cảnh xuất hiện thứ ba trong bức tranh Côn Sơn chính là hình ảnh của những hàng thông mọc như nêm mở ra một không gian bao la mà những cành lá xum xuê ấy chính là nơi che chở cho con người, con người có thể bình tâm mà nghỉ ngơi.  + Cuối cùng xuât hiện trong đoạn thơ chính là hình ảnh của rừng trúc với bóng râm xanh mát đã góp phần tạo nên một màu xanh trùng điệp nơi khung cảnh Côn Sơn.  +Trúc vốn được coi là loại cây quân tử, rừng trúc còn thể hiện cho sự trường tồn và sức sống mãnh liệt của thiên nhiên Côn Sơn.  =>Chỉ với tám câu thơ tác giả đã đem đến cho người đọc một không gian rộng mở với suối chảy rì rầm, với đá rêu phơi, có rừng thông trúc xanh mát.Không gian tràn ngập màu xanh vừa gợi cảm giác êm đềm, tĩnh lặng nhưng vừa thể hiện tình cảm của tác giả đối với quê hương đất nước, niềm tự hào về quê hương đất nước.  ***- Hình ảnh nhân vật trữ tình “ta” trong bài thơ:***  + Khung cảnh thiên nhiên hiện lên thật đẹp, hữu tình ấy chính là cái nền để con người xuất hiện. Thiên nhiên đẹp như thế bởi nó được cảm nhận qua tâm hồn tinh tế của nhà thơ.  + Hình ảnh con người với phong thái ung dung, tự tại xuất hiện trong bài thơ xưng mình là “ ta”. “ Ta” đó là ai?” Ta” chính là nhà thơ Nguyễn Trãi. Hòa mình với thiên nhiên con người có sự gắn bó thân thiết với nhau. Thiên nhiên với con người dường như có sự đồng cảm, hòa làm một trở thành những người bạn tri âm tri kỉ của nhau.  + Dường như con người đã hoàn toàn thả mình vào thiên nhiên, vui cùng với vẻ đẹp của thiên nhiên, tránh xa lợi danh hay cuộc sống nơi quan trường. Chữ “nhàn” kết thúc đoạn thơ, bộc lộ tâm hồn trong sáng, không màng danh lợi của nhà thơ nhưng với nhân cách và con người Nguyễn Trãi thì dường như ẩn sau trong chữ “ nhàn” ấy vẫn là tấm lòng đau đáu ngày đêm lo nghĩ cho dân, cho nước một tình cảm dành cho quê hương đất nước sâu nặng.  +Đoạn trích cho người đọc thấy được tình yêu quê thương sự gắn bó mật thiết với núi rừng Côn Sơn với quê hương yêu dấu, niềm vui của một con người được hòa mình với thiên nhiên cũng như tâm hồn giản dị, thanh cao của nhà thơ.  +Trở về Côn Sơn để thi sĩ lánh đời nhưng cũng chính là được trở về với mảnh đất quê hương, với nguồn cội của chính mình. Nguyễn Trãi như được thả hồn mình vào cuộc sống bình yên, lắng nghe hơi thở của thiên nhiên, không vướng bụi trần. Bản dịch thơ được viết theo thể lục bát – thể thơ truyền thống của dân tộc gợi ra nét nhịp nhàng, vui tươi cho bức tranh Côn Sơn ngày hè. Qua đó, ta thêm cảm phục một hồn thơ của dân tộc với tình yêu thiên nhiên, đất nước tha thiết.  *-Đặc sắc về nghệ thuật:*  +Điệp từ “ta”,”trong” được sử dụng hiệu quả tạo nên giọng điệu nhẹ nhàng, êm ái.  +Sử dụng phép so sánh mới mẻ thể hiện tâm hồn nhạy cảm, sự tinh tế trong liên tưởng, tưởng tượng của nhà thơ.  **=>**Mặc dù hai bài thơ ra đời trong hai thời điểm khác nhau nhưng cùng chung một mục tiêu đó chính là cùng hướng về cội nguồn nơi mình được sinh ra, Nguyễn Trãi Và Trần Nhân Tông đều thả hồn mình vào những nét đẹp của thiên nhiên từ những nét đẹp của thiên nhiên nhiên ấy tác giả đã bày tỏ tấm lòng yêu quê hương đất nước và đây cũng là chủ đề lớn trong văn học trung đại nói riêng và văn học Việt Nam nói chung.  **Bước 3: Viết bài**  **Bước 4: Đọc và sửa chữa bài .** |

***Bài tập về nhà:***

**Bài tập 1:**

1. Chép thuộc lòng phần phiên âm và dịch thơ bài thơ “ Thiên Trường vãn vọng”

2.Cho biết bài thơ em vừa chép của ai?

3.Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ?

4. Hai câu thơ đầu bài thơ “ Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra” đã mở ra một khung cảnh thiên nhiên làng quê như thế nào. Hãy trình bày bằng một đoạn văn ngắn 5-6 câu.

**\*HƯỚNG DẪN:**

1. Phiên âm:

Thôn hậu thôn điền đàm tự yên

Bán vô bán hữu tịch dương biên

Mục đồng nghịch lí ngưu quy tận

Bạch lộ song song phi hạ điền.

*Dịch thơ:*

Trước xóm sau thôn tựa khói lồng.

Bóng chiều man mác có dường không

Mục đồng sáo vẳng trâu về hết

Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

2.Bài thơ em vừa chép của Trần Nhân Tông.

3.Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác trong dịp tác giả trở về thăm quê cũ.

4.

\*Hình thức:

-Trình bày bằng đoạn văn đánh số câu theo yêu cầu của đề bài.

- Trình bày rõ ràng mạch lạc.

\*Nội dung: Cần đảm bảo những nội dung sau:

-Khung cảnh thiên nhiên làng quê:

+ Không gian: xóm trước , làng sau.

+Thời gian: lúc về chiều, trời sắp tối.

+Ánh sáng: mờ như khói phủ, sắc chiêu man mác.

=>Cảnh làng quê được tác giả miêu tả vào lúc giao thời giưa ngày và đêm.

=>Một vẻ đẹp êm đêm mang không khí tĩnh lặng của mọt vùng làng quê.

**Phụ lục tham khảo:**

1. “Nguyễn Trãi (1380 – 1442) là nhà văn, nhà chính trị, nhà tư tưởng Việt Nam kiệt xuất”. Hiệu là ức Trai, vốn người xã Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. “Là con Nguyễn Ưng Long tức Nguyễn Phi Khanh – nhà văn xuất sắc thời Trần – Hồ, và là cháu ngoại Trần Nguyên Đán – nhà văn và tể tướng cuối triều Trần.

Nhìn chung, Nguyễn Trãi trước hết là một anh hùng dân tộc, một con người chân chính, dũng cảm, đã phấn đấu suốt đời mình cho sự nghiệp độc lập và giàu mạnh của đất nước. Bên cạnh đó, ông còn là một nhà văn hoá lớn với những cống hiến đột xuất về nhiều phương diện : tư tưởng thiên tài về chính trị, về quân sự, về triết học, ý thức tự hào về truyền thống văn hiến của dân tộc, quan điểm các dân tộc đều bình đẳng, nhận thức tiến bộ về vai trò của âm nhạc trong đời sống, những đóng góp về địa lí học, v.v. Đặc biệt, Nguyễn Trãi cũng là một trong những nhà văn ưu tú bậc nhất của lịch sử văn học Việt Nam, một đỉnh cao của thế kỉ XV, người kết thúc chặng đường phát triển trên năm thế kỉ văn học thành văn đầu tiên mà nhiệm vụ trung tâm là tìm về dân tộc. Cho nên, ở Nguyễn Trãi có sự kết tinh cao nhất của chủ nghĩa yêu nước với Bình Ngô đại cáo, bản Tuyên ngôn Độc lập thứ hai trong lịch sử Nhà nước Đại Việt, và với tập Quân trung từ mệnh, một mẫu mực về văn học ngoại giao, luận chiến với giặc. Nhưng ông còn vươn cao lên trên chủ nghĩa yêu nước quá khứ, ở chỗ đã rọi sáng cho tư tưởng yêu nước bằng một sự suy nghiệm xác đáng về tiến trình hưng vong của dân tộc trong lịch sử, từ đó tìm đường đi mới cho thời đại mình. Và nếu phạm trù triết học “nhân nghĩa” do Nguyễn Trãi phát hiện là kim chỉ nam cho chủ nghĩa yêu nước của ông để nó luôn luôn thích ứng với yêu cầu của giai đoạn lịch sử mới, thì mặt khác, tư tưởng “dân” cũng làm cho chủ nghĩa yêu nước đó được cụ thể hoá, có một mục đích rõ ràng thiết thực, làm động lực cho mọi hành động. Và cả hai phương diện “nhân nghĩa” và “dân” cũng sẽ là cơ sở thẩm mĩ cao nhất của mọi sáng tạo văn học giá trị của Nguyễn Trãi. Tuy nhiên, chủ nghĩa yêu nước lấy dân làm nền tảng và lấy nhân nghĩa làm phương hướng vẫn không loại trừ ở ngòi bút Nguyễn Trãi khả năng thể hiện những tâm trạng cá nhân, những nỗi thao thức dằn vặt, cái “tôi” trữ tình. Có thể nói trong thơ văn ông ít nhiều đã có sự kết hợp giữa mặt miêu tả những hình tượng rộng lớn, có tầm đất nước, và mặt cá thể hoá những cảnh ngộ riêng, những nỗi buồn riêng của chính mình, về phương diện này, Nguyễn Trãi hẳn cũng là một trong những dâu nối quan trọng giữa văn học thế kỉ X-XV và văn học thế kỉ XVIII-XIX”.

*NGUYỄN HUỆ CHI [Từ điển văn học, tập II, Sđd]*

1. **“Côn Sơn ca — bài ca thiên nhiên và bài ca tâm trạng**. Hai bài ca này quyện hòa thống nhất trong cảm xúc của thi nhân “Tình trong cảnh ây, cảnh trong tình này”. Vì vậy, khi phân tích ta có thể tách riêng để tìm hiểu, nhưng lại không được quên rằng chúng thống nhất trong một chủ thể trữ tình.

Nguyễn Trãi nhiều lần ca ngợi vẻ đẹp Côn Sơn, nhưng ít có điều kiện miêu tả trực tiếp như trong Bài ca Côn Sơn này. Trong bài ca, nhà thơ nói tới cảnh vật Côn Sơn khá đầy đủ : dòng suối, phiến đá, rừng tùng, rừng trúc. Đáng lưu ý là cảnh vật Côn Sơn được gợi lên bằng ngòi bút đặc tả : suối chảy róc rách, rì rầm như tiếng đàn lúc khoan, lúc nhặt; phiến đá Thạch bàn qua mưa, rêu phô xanh biếc như phủ chiếu êm ; cây tùng xoè tán lá như chiếc lọng xanh ; rừng trúc bạt ngàn màu xanh tươi mát. Với nét vẽ đặc tả này, cảnh Côn Sơn hiện lên mang những đặc điểm riêng không lẫn với bất cứ bức tranh sơn thuỷ hữu tình nào […].

Nguyễn Trãi kết thúc Bài ca Côn Sơn với hai câu thơ đầy tâm trạng :

*Sào, Do bằng có tái sinh*

*Hãy nghe kh úc hát bên ghềnh Côn Sơn.*

Nguyễn Trãi đồng tình hay không đồng tình với Sào Phủ, Hứa Do – hai cao sĩ ẩn dật đời vua Nghiêu ? Thật không dễ gì giải mã hai câu thơ trên. Có điều đáng lưu ý, sau khi viết Bài ca Côn Sơn không lâu, Nguyễn Trãi lại hăm hở tham gia công cuộc xây dựng đất nước theo lời mời của Lê Thái Tông.

Xuân Diệu là người có “con mắt tinh đời” đã nhận ra “cái hơi văn mạnh mẽ như “cơn gió to trút sạch lá khô” của bài Côn Sơn ca, đã nhận ra Bình Ngô đại cáo và Côn Sơn ca “khi áp dụng vào hai phạm trù thì có hai thể hiện, tuy nhiên vẫn chỉ là bản lĩnh của ức Trai tiên sinh”.

*LÃ NHÂM THÌN (Giảng văn văn học Việt Nam, NXB Giáo dục, 1998)*

1. **Đọc thêm bài Đêm Côn Sơn của Trần Đăng Khoa :**

*Tiếng chim vách núi nhỏ dần*

*Rì rầm tiếng suối khi gần, khi xa*

*Ngoài thềm rơi cái lả đa*

*Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*

*Mờ mờ ông bụt ngồi nghiêm*

*Nghĩ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đền…*

*Bỗng đâu vang tiếng sấm rền*

*Tỉnh ra em thấy trong đền đỏ hương*

*Ngang trời kêu một tiếng chuông*

*Rừng xưa nổi gió, suối tuôn ào ào*

*Đồi thông sáng dưới trăng cao*

*Như hồn Nguyễn Trãi năm nào về thăm*

*Em nghe có tiếng thơ ngâm…*

*Ngoài kia nòng pháo ướt đầm sương khuya.*

**TIẾT 20 : ĐẶC ĐIỂM VÀ YÊU CẦU CỦA VĂN BIỂU CẢM.**

A.Hệ thống các kiến thức đã học. (10 phút )

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt.** |
| ?Văn biểu cảm có những đặc điểm nào?  HS trình bày  ? Văn biểu cảm phải đảm bảo yêu cầu nào?  ? Để làm tốt một bài văn biểu cảm cần thực hiện mấy bước? Đó là những bước nào ?  Hs trình bày . | **I.Đặc điểm và yêu cầu của văn biểu cảm.**  -Mỗi bài văn biểu cảm tập trung biểu đạt một tình cảm chủ yếu.  -Có hai cách biểu cảm :  + Biểu cảm trực tiếp : thông qua những suy nghĩ, những nỗi niềm, những cảm xúc trong lòng người.  + Biểu cảm gián tiếp: kết hợp sử dụng những phương thức khác nhau như miêu tả, tự sự để bộc lộ thái độ, thông qua đối tượng, hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng.  -Yêu cầu của văn biểu cảm.  + Tình cảm trong văn biểu cảm phải rõ ràng, trong sáng, chân thực.  **II.Cách làm bài văn biểu cảm.**  - Để làm tốt một bài văn cần thực hiện 4 bước sau :  +Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý.  +Bước 2: Lập dàn bài. ( Mở bài, thân bài, kết bài )  +Bước 3: Viết bài.  +Bước 4 : Đọc và sửa chữa bài |

**B: Luyện tập ( 35 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt.** |
| **Gv nêu yêu cầu bài tập**  **Bài tập 1 : Cho hai đoạn văn sau:**  *(1)Lũy giữa cũng toàn tre nhưng lại là loại tre thẳng ( tre hóa). Lũy trong cùng tre càng thẳng hơn. Tre óng chuốt vươn thẳng tắp, ngọn không dày và rậm như tre gai. Suốt năm tre xanh rờn, đầy sức sống.*  *(2) Tre, nứa, trúc, mai ,vầu, mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng một mầm non măng mọc thẳng. Vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xang tốt. Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre xanh tươi nhũn nhặn.Rồi tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc. Tre trông thanh cao, giản dị chí khí như người.*  ? Em hãy so sánh để chỉ ra điểm khác nhau về phương thức biểu đạt của hai đoạn văn trên và nêu rõ đoạn văn nào thuộc phương thức biểu đạt ? Vì sao?  Đại diện hs trình bày.  Hs nhận xét, bổ sung.  Gv nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức*.*  **GV chiếu bài tập và yêu cầu hs quan sát.**  **Bài tập 2: Đọc những đoạn văn sau và cho biết mỗi văn bản biểu đạt tình cảm gì?**  *Đoạn a:*  *Những năm tháng xa quê, gio tố cuộc đời tưởng chừng cuốn bay tất cả nhưng trong tâm tư tôi những dòng sông quê mênh mông vẫn cuồn cuộn chảy, những dòng kênh biêng biếc vẫn lặng lờ trôi. Tôi yêu những cánh đồng bao la vàng rực ngày mùa, mịt mù khói rạ, thơm vị mía lùi, trắng xáo sướng mù sau cái Tết. Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thăm thẳm cảnh khuya. Tôi yêu ánh nắng chiều tà trải màu vàng tái trên rẫy khoai mì nghiêng nghiêng bên triền núi.*  ( Mai Văn Tạo )  *Đoạn b:*  *Khói lam cuộn như sương mờ ở sườn núi, giọt mỡ chả xèo trên than hồng như một tiếng thở dài và tiếng quạt khẽ đập như cành cây rung động, quà bún chả có nhiều cái quyến rũ đáng gọi là mê hồn,nếu không là mê bụng.*  ( Thạch Lam )  *Đoạn c:*  *Trước mặt cô giáo, con đã thiếu lễ độ với mẹ. Việc như thế con không bao giờ được tái phạm nữa. En- ri-cô của bố ạ! Sự hỗn láo của con như một nhát dao đâm vào tim bố vậy! Bố nhớ cách đây mấy năm, mẹ đã phải thức suốt đêm, cúi mình trên chiếc nôi trông chừng hơi thở hổn hển của con,quằn quại vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thể mất con!...Nhớ lại điều ấy, bố không thể nén được cơn tức giận đối với con. Hãy nghĩ xem, En-ri-cô à! Con mà xúc phạm đến mẹ con ư ?*  **Bài tập 3: Chỉ ra những biểu hiện biểu cảm của những câu văn sau :**  *a.Ôi! bông hoa mới đẹp làm sao!*  *b.Bố rất yêu con , En- ri-cô ạ, con là niềm hi vọng tha thiết nhất của đời bố.*  *c.Đêm qua, lúc nào chợt tỉnh, tôi cũng nghe tiếng nức nở, tức tưởi của em . Tôi cứ phải cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc to, nhưng nước mắt cứ tuôn ra như suối, ướt đẫm cả gối và hai cánh tay áo.*  *d.Chiều chiều ra đứng ngõ sau*  *Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.*  *e.Thân em như tấm lụa đào*  *Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*  *f.Hỡi các bà mua hàng !Chớ có thọc tay mâm mê thứ quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve.*  *g.Tôi yêu Sài Gòn da diết.*  *h.Chỉ còn một ngày nữa là được ở cạnh nhau thôi sao ?* | **Bài tập 1:**  **-**Cả hai đoạn văn chung đề tài viết về cây tre nhưng sử dụng hai phương thức biểu đạt khác nhau :  + Đoạn 1: dùng phương thức miêu tả tập trung làm nổi bật đặc điểm hình dáng, màu sắc và sức sống của cây tre.  +Đoạn 2: dùng phương thức biểu cảm, ở đây tác giả chỉ điểm qua những đặc điểm, hình dáng qua đó nêu cảm xúc trân trọng, cảm phục trước những phẩm chất tốt đẹp, cao quý của cây tre Việt Nam.  **Bài tập 2:**  **-**Đoạn a biểu đạt tình cảm: tình yêu và nỗi nhớ quê hương.  Đoạn b biểu đạt tình cảm : Tình yêu với món bún chả.  Đoạn c biểu đạt tình cảm : Nỗi giận dữ và thất vọng của bố vè hành động xúc phạm mẹ của En- ri-cô.  **Bài tập 3:**  \*Những biểu hiện biểu cảm trong các câu văn trên là :  a.Ôi  b.rất yêu con.  c.phải cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc to, nước mắt cứ tuôn ra như suối.  d.ruột đau chín chiều.  e.Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.  f.Hỡi các bà mua hàng.  g.yêu Sài Gòn da diết.  h.Chỉ…thôi sao. |

**TIẾT 3: CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM.**

**A.** Hệ thống các kiến thức đã học. (5 phút )

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt.** |
| ? Để làm tốt một bài văn biểu cảm cần thực hiện mấy bước? Đó là những bước nào ?  Hs trình bày . | **I. Cách làm bài văn biểu cảm.**  -Để làm tốt mọt bài văn cần thực hiện 4 bước sau :  +Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý.  +Bước 2: Lập dàn bài. ( Mở bài, thân bài, kết bài )  +Bước 3: Viết bài.  +Bước 4 : Đọc và sửa chữa bài . |

**B:Luyện tập ( 35 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Gv nêu cầu bài tập***  Bài tập 1: Em hãy tự ra hai đề văn sau đó:  a. xác định đối tượng biểu cảm, định hướng tình cảm và nội dung.  b.Lập dàn bài cho một trong hai đề bài đó.  HS thực hiện  c. Em hãy viết mở bài và kết bài cho đề bài : “ Cảm xúc về dòng sông quê em.” | **Bài 1:**  **a.Hai đề văn:**  Đề 1: Cảm xúc mùa xuân.  Đề 2: Cảm xúc về dòng sông quê em.  **b.Lập dàn bài .**  **Đề 1: Cảm xúc về dòng sông quê em.**  **\***Mở bài: giới thiệu chung về dòng sông, tình cảm của em về dòng sông.  \*Thân bài:  -Giới thiệu khái quát dòng sông và hoàn cảnh gắn bó của em với sông.  + Dòng sông quê em ở đâu, nó có tên hay không, tên là gì ?  + Dòng sông bắt nguồn từ đâu, chảy qua những nơi nào, là sông nước mặn hay nước ngọt ?  + Ngôi nhà em ở vị trí nào của sông (ven sông quay mặt ra sông..)  + Em sinh ra và lớn lên gắn bó với sông hay chỉ những kì nghĩ mới về thăm ngoại, thăm sông hoặc nơi em đã từng gắn bó…  -Biểu cảm chi tiết về dòng sông  + Biểu cảm con sông từ cái nhìn ở xa và cao như thế nào ?  +Biểu cảm con sông khi đến gần  + Biểu cảm về chiều rộng, dài, độ sâu, màu nước, vị nước theo màu và theo thời gian sáng trưa, chiều, tối (lưu ý: nên đan xen giữa tả và cảm bằng những biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh, ẩn dụ.  + Biểu cảm về phong cảnh xung quanh như hàng cây dừa, cây tre ven sông kết hợp những nếp nhà, ruộng rẫy, triền đê, bãi sông….  -Biểu cảm về vai trò, ý nghĩa của dòng sông đối với đời sống quê em.  + Ngày chưa có đường lớn và xe cộ nhiều, sông là phương tiện đi lại, buôn bán…  + Sông là người mẹ mang phù sa, nước mát đến cho vùng đất quê em được trù phú.  +Sông nhiều tôm cá là nguồn thực phẩm chính của người dân và gắn với cuộc mưu sinh của bao người.  -Biểu cảm về những kỉ niệm tuổi thơ mà em gắn bó  +Lần đầu tiên tập bơi trên sông.  +Những buổi cùng bạn bè thả thuyền, hái lục bình, câu cá…  + Những lần bị đánh đòn, vui buồn ra bờ sông thút thít, sông vỗ sóng an ủi.  **Kết bài:** Dòng sông hôm nay có thay đổi gì và những thay đổi ấy khiến em vui hay buồn. Em mơ ước và mong muốn điều gì cho dòng sông quê mình.  **c.Viết bài.**  Mở bài :  Những ai khi được sinh ra và lớn lên trên quê hương chắc hẳn sẽ không thể nào không có những kỉ niệm đẹp gắn liền với dòng sông. Và tôi cũng là một trong số những người như vậy. Có lẽ đối với tôi kỉ niệm đẹp nhất đối với dòng sông quê hương tôi đó là vào cảnh buổi chiều.  **Kết bài:**  Sau bao năm xa cách quê hương khi tôi trở về thì dòng sông ấy vẫn không hề có sự thay đổi nó vẫn luôn chảy và không ngừng chảy tiếp để nuôi dưỡng những thế hệ tiếp theo. Xa quê đã lâu, thế nhưng dòng sông thân thương ấy vẫn luôn luôn tồn tại trong trái tim tôi không thể nào quên. Nó như một kí ức tươi đẹp của thời thơ ấu. |

**III. Củng cố và dặn dò. ( 5 phút)**

* Củng cố: gv hệ thống lại toàn bộ kiến thức .

Dặn dò: Về nhà viết hoàn thiện bài văn với đề bài : **Viết một bài văn biểu cảm có nhan đề: Giã biệt mùa thu**

Bước 1: Tìm hiểu đề

- Yêu cầu:

+ Thể loại: biểu cảm về sự vật

+ Nội dung (Đối tượng biểu cảm): giã biệt mùa thu

Bước 2: Tìm ý

\* Tìm ý lớn: Đặt câu hỏi

- Mùa thu đi qua cho em cảm xúc gì? (Tìm biểu cảm)

Lưu luyến, bâng khuâng, tiếc nhớ

- Vì sao em có cảm xúc đó? (Tìm biểu ý)

Ý 1: Vì mùa thu đẹp

Ý 2: Mùa tựu trường đầy ý nghĩa

Ý 3: Mùa trung thu rộn ràng, náo nức

Bước 3, 4: Lập dàn ý, viết bài

1. Mở bài:

\* Trực tiếp: Nêu đối tượng biểu cảm + cảm xúc (1 câu văn)

*Tham khảo: Một mùa thu nữa lại đi qua để lại trong lòng ta bao cảm xúc khó tả.*

\* Gián tiếp: - Dẫn dắt (hai câu)

- Nếu đối tượng biểu cảm và định hướng cảm xúc

*Tham khảo: Gió đông về. Hơi lạnh len lỏi khắp không gian. Từng khoảnh khắc mùa thu đang trôi qua trong sự tiếc nuối đến nao lòng.*

2. Thân bài: Triển khai từng ý lớn thành các ý nhỏ

***Ý 1: Bâng khuâng tiếc nhớ một mùa thu đẹp đầy quyến rũ***

- Cảnh sắc thiên nhiên êm đềm, huyền ảo

+ Không gian êm đềm, tĩnh lặng

+ Hương hoa sữa

+ Lá vàng

- Hoa cúc vàng rực rỡ

Tham khảo đoạn văn triển khai ý 1:

Câu chủ đề: Xin giã biệt mùa thu – mùa đẹp nhất trong năm với bao bâng khuâng, lưu luyến

Các câu triển khai:

Ý nhỏ 1: Giữa mùa hạ nồng nàn nắng gió và mùa đông lạnh lẽo, giá băng. Mùa thu như một nhịp cầu, một sự giao thoa tuyệt vời của tạo hóa để ban tặng con người. Mùa thu đẹp, dịu dàng, đầy quyến rũ bởi không gian thu êm đềm, tĩnh lặng. Khí trời thu lành lạnh, tinh khiết. Gió thu nhẹ nhàng mơn man trên mái tóc. Nước hồ thu trong xanh như mặt gương. Những làn sương thu giăng mắc như khói sương huyền ảo. Bên đường, hoa sửa thơm ngay ngất trong gió hanh heo. Lá vàng thả dọc con đường tới lớp. Hoa cúc vàng rực rỡ trong nắng thu sang. Đẫm đầy trong không gian là màu vàng non tơ của hoa lá, đất trời.

Ý nhỏ 2: Chẳng biết từ bao giờ, hoa cúc đã là biểu tượng của mùa thu. Đó là màu hoa của thủy chung, son sắt. Những cánh hoa nhỏ xíu, tinh khôi, không bao giờ khoe nở hết mình. Ngày hoa tàn, đài hoa như rắn rỏi nâng đỡ những sợi cánh không còn nhựa sống. Cánh hoa càng khô héo, úa tàn, đài hoa càng gồng mình lên để nâng niu, gìn giữ. Chỉ đến khi cả hai không còn sức sống mới cùng nhau tìm về đất mẹ. Nhớ về mùa thu, ta tiếc nhớ một mùa cúc vàng dữ dội với một sức sống bền bỉ, diệu kì.

***Ý 2: Bâng khuâng, tiếc nhớ một mùa thu tựu trường đầy ý nghĩa***

- Không khí rộn ràng, náo nức của ngày khai trường

- Nỗi hồi hộp, lo lắng, phấp phỏng.

Tham khảo đoạn văn triển khai ý 1:

Câu chủ đề: Tạ từ mùa thu, xin giã biệt một mùa thu tựu trường đầy kỉ niệm

Các câu triển khai:

Ý nhỏ 1: đã bao ngày khai trường đi qua vậy mà mỗi khi mùa thu đến, lòng ta vẫn xôn xao, bâng khuâng, rạo rực, náo nức. Nhớ một sớm mai thức dậy, cả phố phường náo nức, lớp lớp học sinh nô nức tới trường. Ta xúng xính trong bộ quần áo mới, cặp sách mới. Mẹ âu yếm dẫn ta tới trường dự buổi lế khai giảng. Ta quên sao được ánh mắt ngập tràn tình yêu thương của mẹ cùng bàn tay giơ lên vẫy vẫy tiễn ta vào lớp.

Ý nhỏ 2: vẫn còn nguyên vẹn trong ta nỗi lo lắng, hồi hộp trước bao đổi thay của ngày đầu năm học. Tìm ta đập rộn vang tìm bạn bè năm cũ. Ai sẽ chuyển trường, xa lớp, ai tiếp tục sánh bước cùng ta trên chặng đường dài. Người mẹ hiền năm cũ có đồng hành cùng ta trong mọi nẻo đường vui. Ơi mùa thu, những kỉ niệm đó ta làm sao quên được. Mùa thu đi qua, đành gửi lại phía sau tất cả.

***Ý 3: Giã biệt mùa thu bâng khuâng, tiếc nhớ mùa trung thu náo nức, rộn ràng.***

- Nhớ đêm hội trăng rằm

- Nhớ kỉ niệm cùng mẹ đi mua đền trung thu tặng bạn nghèo

Tham khảo đoạn văn triển khai ý 1:

Câu chủ đề: Giã biệt mùa thu, ta bâng khuâng tiếc nhớ một mùa trung thu náo nức, rộn ràng.

Các câu triển khai:

Ý nhỏ 1: Cái không khí của đêm hội trăng rằm vẫn còn vương vấn mãi. Chưa bao giờ ta có một mùa trăng đẹp như đêm trung thu. Ánh trăng vàng rực rỡ tắm cả không gian thu huyền diệu đầy lung linh, quyến rũ. Ta được ngắm chị hằng lộng lẫy trên trời cao, được nhìn thấy nàng lọ lem biến thành cô công chưa, được nghe tiếng trống ếch rộn ràng, được xem màn múa lân hấp dẫn.

Ý nhỏ 2: Nhưng có lẽ không có niềm hạnh phúc nào bằng khi mỗi mùa trung thu đến, mẹ dắt ta ra phố chọn mua những chiếc đèn ông sao đẹp nhất để đi dọc hàng quán tặng các bạn nhỏ đánh giày. Trong mỗi chiếc đén ông sao gửi tặng các bạn ta guiwr theo một lời cầu mong may mắn, tốt lành. Gương mặt ngập tràn niềm hạnh phúc của các bạn khi cầm đèn ông sao lung linh màu sắc trên tay là kierm niệm đẹp nhất của mùa trung thu mà ta không thể nào quên.

**3. Kết bài:** Mùa thu đi thôi đành nói lời giã biệt nhưng những kỉ niệm sẽ còn mãi làm ấm lòng ta mỗi khi mùa đông về. Cảm ơn mùa thu, cảm ơn đất trời đã ban tặng cho con người một mùa trong năm với bao điều kì diệu.

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**TIẾT 22**

**Chuyên đề: Thơ trungViệt Nam (Tiếp theo)**

**Chủ đề : Tâm sự của nhà thơ về cuộc đời qua bài thơ:**

***Bánh trôi nước - Hồ Xuân Hương***

**I. Mục tiêu cần đạt :** Giúp học sinh củng cố về:

***1. Kiến thức:***

- Cảm nhận được vẻ đẹp về hình thức và phẩm chất của người phụ nữ trong bài thơ “Bánh trôi nước”

- HS hiểu và biết khai thác tính đa nghĩa của bài thơ.

- Thấy được sự vận dụng sáng tạo ca dao, thành ngữ dân gian của Hồ Xuân Hương.

***2. Kỹ năng***

- Rèn kĩ năng cảm thụ, phân tích thơ trung đại.

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Yêu mến, tự hào về thơ trung đại Việt Nam.

- Hiểu và cảm thông cho số phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

***4. Năng lực***

- Năng lực phẩm chất

- Năng lực tự học và giải quyết vấn đề

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV: Yêu cầu HS nhắc lại những nét chính về tác giả Hồ Xuân Hương  - HS: Trả lời, nhận xét, bổ sung  - GV: Nhận xét, bình giảng | **I. Tác giả :**  - HXH chưa rõ năm sinh năm mất. Bà sống khoảng cuối thế kỷ 18, đầu thế kỉ 19.  - Quê quán: Làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.  - HXH là một con người tài hoa nhưng lận đận tình duyên  - Các tác phẩm: Đánh cờ, Vịnh quả mít, Thân phận người đàn bà, Tự tình,...  ⇨ Bà chúa thơ Nôm |
| - GV: Yêu cầu HS khái quát lại kiến thức về thể loại, phương thức biểu đạt, xuất xứ của bài thơ ?  - HS: Nhắc lại kiến thức đã học  - GV: Giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của bài thơ ? | **II. Tác phẩm**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt thuần Nôm, đề tài bình dị, ngôn ngữ sắc sảo, bình dị, gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày, thành ngữ, mô típ dân gian.  - Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng.  - Bài thơ đa nghĩa, độc đáo.  **2. Nội dung, ý nghĩa**  *a. Nội dung*  - Vẻ đẹp, phẩm chất người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - Thái độ cảm thông của tác giả.  *b. Ý nghĩa*  "Bánh trôi nước" là một bài thơ thể hiện cảm hứng nhân đạo trong văn học viết Việt Nam dưới thời phong kiến, ngợi ca vẻ đẹp, phẩm chất của người phụ nữ, đồng thời thể hiện lòng cảm thông sâu sắc đối với thân phận chìm nổi của họ. |

***B. Luyện tập :***

***GV tổ chức cho học sinh ôn tập thông qua hệ thống phiếu bài tập liên quan đến bài thơ.***

***- GV tổ chức cho HS thực hiện phiếu bài tập theo nhóm bàn.***

**PHIẾU BÀI TẬP ĐỌC HIỂU SỐ 1**

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi :

*“Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son”*

*(Bánh trôi nước- Hồ Xuân Hương)*

**Câu 1:** Bài thơ “Bánh trôi nước” thuộc thể thơ nào?

**Câu 2:** Từ “rắn nát” trong bài thơ thuộc từ ghép nào? Giải thích nghĩa của từ đó?

**Câu 3:**  Qua bài thơ, em có cảm nhận gì về thái độ của nhà thơ được bộc lộ trong bài thơ?

**Đán án**

|  |
| --- |
| **Câu 1:**  Bài thơ “Bánh trôi nước” thuộc thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  **Câu 2:**  **-**  Từ “Rắn nát” là từ ghép đẳng lập.  - Vì từ này có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân biệt ra tiếng chính, tiếng phụ)  - Nghĩa của từ “Rắn nát”: *rắn* là *cứng, nát* là *nhão.*  **Câu 3:** Thái độ của tác giả thể hiện qua bài thơ là:  - Ngợi ca, trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ (cả vẻ đẹp ngoại hình và nội tâm).  - Cảm thương/ tự thương cho số phận bấp bênh, chìm nổi của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - Ngầm phê phán chế độ phong kiến “trọng nam khinh nữ” không biết trân trọng những giá trị tốt đẹp của người phụ nữ qua đó đòi hỏi sự trân trọng và nâng niu vẻ đẹp của người phụ nữ. |

**PHIẾU BÀI TẬP ĐỌC HIỂU SỐ 2**

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi :

*“Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son”*

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt của bài thơ trên là gì ?

**Câu 2.** Nhà thơ mở đầu bằng một cụm từ rất quen thuộc *“Thân em”.* Mô tuýp ấy em đã từng bắt gặp ở đâu ? Cách vào đề như vậy gợi em liên tưởng tới ai ?

**Câu 3.** Hãy chỉ ra và phân tích giá trị của các quan hệ từ có trong hai câu thơ:

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

**Câu 4.** Theo tác giả, thân phận người phụ nữ “Bảy nổi ba chìm” , “mặc dầu tay kẻ nặn” nhưng vẫn “giữ tấm lòng son”. “Tấm lòng son” đó là gì ?

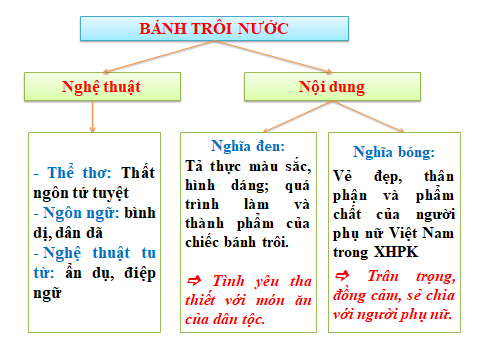
**Câu 5:** Viết đoạn văn ngắn khoảng 5-7 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh người phụ nữ trong bài thơ “Bánh trôi nước”, trong đó có sử dụng từ Hán Việt?

**Gợi ý đáp án**

|  |
| --- |
| **Câu 1.** Biểu cảm + Miêu tả  **Câu 2.**  - Bắt gặp trong chùm ca dao than thân, *“thân em”* là một mô típ quen thuộc.  - “Thân em” là cách nói gần gũi của biết bao bài ca dao, dân ca quen thuộc, nghe vừa dịu dàng, khiêm tốn, vừa có chút tội nghiệp đáng thương về thân phận người phụ nữ trong XHPK.  **Câu 3:**  **-** Quan hệ từ có trong hai câu thơ là: *mặc dầu, mà.*  - Phân tích ý nghĩa của việc sử dụng quan hệ từ:  + Việc sử dụng các quan hệ từ "mặc dầu' 'mà' chỉ sự đối lập giữa bề ngoài của chiếc bánh trôi nước với cái nhân của nó, chiếc bánh trôi có thể rắn hay nát, khô hay nhão là do tay người nặn nhưng dù rắn hay nát, khô hay nhão thì bên trong cũng có nhân màu hồng son, ngọt lịm.  + Đó cũng là sự đối lập giữa hoàn cảnh xã hội với việc giữ gìn tấm lòng son của người phụ nữa.  + Việc sử dụng cặp quan hệ từ trên tạo nên một cách dõng dạc và dứt khoát thể hiện rõ thái độ quyết tâm bảo vệ giữ gìn nhân phâm của người phụ nữ trong bất cứ hoàn cảnh nào.  + Việc dùng cặp quan hệ từ trên cũng đã thể hiện thái độ đề cao, bênh vực người phụ nữ của Hồ Xuân Hương.  **Câu 4:**  Thủy chung, son sắt, nghĩa tình  **Câu 5:**  ***a. Hình thức :***  - Đảm bảo hình thức đoạn văn  - Có tích hợp yếu tố tiếng Việt  - Đoạn văn không mắc lỗi sai chính tả, trình bày sạch sẽ  ***b. Nội dung :***  *\* Câu chủ đề:* Tên tác giả + tác phẩm + nội dung chính đề yêu cầu  VD: Sau khi học xong bài thơ “Bánh trôi nước” của nữ sĩ Xuân Hương, hình ảnh người phụ nữ trong xã hội cũ đã để lại trong em nhiều ấn tượng sâu sắc.  *\* Các ý triển khai*  - Khái quát về lớp nghĩa đen: Hình ảnh chiếc bánh trôi.  - Vẻ đẹp, số phận và nhân cách của người phụ nữ.  + Vẻ đẹp: trắng trẻo, tròn trịa, phúc hậu  + Số phận: phụ thuộc, phó thác  + Nhân cách: giữ vững tấm lòng son sắt, thủy chung nghĩa tình  \* Câu kết: Nhận xét về nghệ thuật và rút ra cảm nhận của em |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức bằng sơ đồ tư duy



- Tìm đọc thêm một vài bài thơ khác của Hồ Xuân Hương.

- Phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biểu hiện Việt hoá trong (dùng từ, thành ngữ, mô típ).

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**TIẾT 23**

**Chuyên đề: Văn biểu cảm (Tiếp theo)**

**Luyện tập cách làm bài văn biểu cảm**

**I. Mục tiêu cần đạt :** Giúp học sinh củng cố về:

***1. Kiến thức***

- Luyện tập các thao tác làm văn biểu cảm: Tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài, viết bài.

- Có thói quen tưởng tượng, suy nghĩ, cảm xúc trước một đề văn biểu cảm, cách thể hiện những tình cảm, cảm xúc.

***2. Kỹ năng***

- Rèn luyện kĩ năng làm bài văn biểu cảm.

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Có thói quen tưởng tượng suy nghĩ, cảm xúc trước một đề văn biểu cảm.

***4. Năng lực***

- Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội

- Năng lực ngôn ngữ

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV yêu cầu học sinh nhắc lại những kiến thức cơ bản về văn biểu cảm mà học sinh đã được học.  - HS trình bày, phát biểu ý kiến, trao đổi nhận xét.  - GV chốt kiến thức cơ bản: (Bảng phụ/máy chiếu)  - HS: Phát biểu ý kiến | **I. Những kiến thức cơ bản về văn biểu cảm.**  **1. Khái niệm.**  Văn biểu cảm là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và khêu gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.  **2. Yêu cầu đối với văn biểu cảm**  - ***Cảm xúc phải chân thành:***  Chủ thể thường xuất hiện trực tiếp trong lời văn dưới hình thức ngôi nhân xưng thứ nhất, số ít *(Tôi thấy, tôi cảm nhận, tôi nghe, trong lòng tôi, tôi hình dung ra,…)* hoặc ngôi nhân xưng thứ nhất, số nhiều (*ta, chúng ta).*  ***- Cảm xúc phải sâu sắc:***  **+** Muốn vậy, trước hết cần có sự quan |
| - GV: Hãy cho biết có những cách lập ý nào cho bài văn biểu cảm ?  - HS: Trả lời, nhận xét, bổ sung ý kiến  - GV: Nhận xét, chốt kiến thức | **II. Cách lập ý cho bài văn biểu cảm:**  ***- Liên hệ hiện tại với tương lai:*** Là hình thức dùng trí tưởng tượng để liên tưởng tới tương lai, mượn hình ảnh tương lai để khơi gợi cảm xúc về đối tượng biểu cảm trong hiện tại. Cách biểu cảm này tạo nên mối liên hệ và tương lai.  ***- Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ hiện tại :*** là hình thức liên tưởng tới những kí ức trong quá khứ, gợi sống dậy những kỉ niệm để từ đó suy nghĩ về hiện tại.  Đây cũng là hình thức lấy quá khứ soi cho hiện tại khiến cho cảm xúc của con người trở nên sâu lắng hơn. Cách biểu cảm này sẽ tạo nên mối liên hệ gắn kết rất tự nhiên và nhuần nhuyễn giữa hiện tại và quá khứ.  ***- Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước:*** Là hình thức liên tưởng phong phú, từ những hình ảnh thực đang hiện hữu để đặt ra các tình huống và gửi gắm vào đó những suy nghĩ và cảm xúc về đối tượng biểu cảm cũng như những ước mơ hi vọng.  Cách biểu cảm này đòi hỏi người viết văn biểu cảm phải có trí tưởng tượng phong phú.  ***- Quan sát, suy ngẫm***: Là hình thức liên tưởng dựa trên sự quan sát những hình ảnh đang hiện hữu trước mắt để có những suy ngẫm về đối tượng biểu cảm. Cách lập ý thường tạo nên những cảm xúc chân thực, sâu sắc. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập:** Phát biểu cảm nghĩ về bóng dáng một người thân yêu của em.    - GV: Hãy tìm hiểu đề và tìm ý cho đề văn trên ?  - HS:  + Tìm hiểu đề: Dựa trên việc trả lời các câu hỏi: Viết cho ai ? Viết cái gì ? Viết để làm gì ? Viết như thế nào ?  + Tìm ý: HS cần hình dung cụ thể đối tượng biểu cảm trong mọi trường hợp và cảm xúc, tình cảm của mình trong các trường hợp đó  - Hình thức tổ chức luyện tập:  + Nhóm 4-5 HS trong 10 phút xây dựng dàn ý cho đề văn  + Cá nhân: luyện viết các đoạn văn nhỏ  - HS thực hiện  - GV: Hướng dẫn HS viết một số đoạn văn nhỏ  + MB  + KB  + Các đoạn phần TB  **VD:**  **+ MB :** Trong cuộc sống hằng ngày, có biết bao nhiêu người đáng để chúng ta thương yêu và dành nhiều tình cảm. Nhưng đã bao giờ bạn nghĩ rằng người thân yêu nhất của bạn là ai chưa? Với mọi người câu trả lời ấy có thế là ông bà, là mẹ, là anh chị hoặc cũng có thể là bạn bè chẳng hạn. Còn riêng tôi, hình ảnh người bố sẽ mãi mãi là ngọn lửa thiêng liêng, sưởi ấm tầm hồn tôi mãi tận sau này.  **+ KB** : Con sẽ luôn nhớ những lời dạy của bố, sẽ luôn thương yêu, kính trọng, biết ơn bố, sẽ sống theo gương sáng mà bố đã rọi đường cho con đi. Hình ảnh của bố sẽ luôn ấp ủ trong lòng con. Những kỉ niệm, những tình cảm bố dành cho con, con sẽ ôm ấp, trân trọng nó như chính linh hồn của mình.  - HS : Hai bạn cùng bàn sẽ rà soát lỗi chính tả cho nhau.  - GV chấm, chữa bài. | **🏵 Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý:**  ***a. Tìm hiểu đề :***  - Viết cho ai ?  + Thầy cô, bạn bè,..  - Viết cái gì ? (Nội dung)  + Bóng dáng một người thân yêu của em.  - Viết để làm gì ?  + Bộc lộ cảm xúc, tình cảm của mình đối với người được nói đến.  - Viết như thế nào ?  + Bài văn.  ***b. Tìm ý :***  - Lý do nào khiến em gợi nhớ đến bóng dáng của họ.  - Những ấn tượng, kỉ niệm, đồ vật nào gợi nhớ tới người thân của em.  ( Cảm xúc, thái độ của bản thân).  - Giờ đây, cảm xúc của em về người thân ấy như thế nào ? Nghĩ về người thân ấy em sẽ làm gì ?  **🏵 Bước 2 : Lập dàn ý :**  ⧫ MB :  - Giới thiệu về bóng dáng người thân yêu của em.  - Lý do em nhớ về bóng dáng ấy.  ⧫ TB :  - Những hồi ức về người đó :  + Kỉ niệm / ấn tượng  + Đồ vật  - Cảm xúc giờ đây của em về người đó  + Nhung nhớ  + Động lực để học tập, phấn đấu  + Lời hứa với người thân yêu  ⧫ KB : Cảm xúc của em khi nghĩ về bóng dáng ấy.  **🏵 Bước 3 : Viết bài :**  **🏵 Bước 4 : Sửa chữa :** |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Xem lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học về phần văn biểu cảm

- Hoàn thiện đề văn trên

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**TIẾT 24**

**Hướng dẫn viết bài tập làm văn số 2**

**I. Mục tiêu cần đạt :** Giúp học sinh củng cố về :

***1. Kiến thức***

- Hiểu và vận dụng các bước làm bài văn biểu cảm

- Có sự kết hợp giữa văn miêu tả, tự sự và biểu cảm

***2. Kỹ năng***

- Rèn kỹ năng tạo lập và liên kết văn bản

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Có thói quen tưởng tượng suy nghĩ, cảm xúc trước một đề văn biểu cảm.

***4. Năng lực***

- Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội

- Năng lực ngôn ngữ

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút):***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV: Theo em, yếu tố tự sự và miêu tả được sử dụng trong văn biểu cảm mang lại tác dụng gì ?  - HS: Phát biểu, nhận xét, bổ sung  - GV: Nhận xét, chốt kiến thức | **I. Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm**  - Phương thức tự sự và miêu tả được dùng trong văn biểu cảm có tác dụng gợi ra hình ảnh sự vật hay hiện tượng cần biểu cảm. Qua đó sẽ giúp người viết gửi gắm cảm xúc của mình một cách chân thực và biểu đạt hơn.  - Phương thức tự sự hay miêu tả cũng chỉ hỗ trợ cho việc biểu cảm, tuy nhiên không nhằm kể chuyện hay miêu tả một cách chi tiết hay cụ thể về đối tượng. Vì thế, cần phân biệt rõ giữa văn biểu cảm với tự sự hay miêu tả. |
| - GV hướng dẫn HS các kỹ năng đọc hiểu dạng đề  - GV: Theo em, trong phần tìm hiểu đề chúng ta cần đưa ra những dạng câu hỏi nào ?  - HS: Phát biểu ý kiến  **- GV lưu ý:** Sau khi có một đề bài, hãy quan sát kĩ đối tượng đề bài nêu ra để từ đó cảm xúc xuất hiện. Dùng trí nhớ, kỉ niệm những gì mình biết về đối tượng và từ từ nhớ lại các chi tiết. Nếu các kỉ niệm trong kí ức cũng không có thì tìm cách đọc sách báo, xem phim ảnh về đối tượng để ghi nhận các chi tiết cần thiết. Đối với văn biểu cảm về tác phẩm văn học, cảm xúc và suy nghĩ về tác phẩm văn học được nảy sinh từ bản thân tác phẩm. Tìm ý trong trường hợp này chính là đọc kĩ, đọc lại nhiều lần tác phẩm, ngẫm nghĩ tìm ra vẻ đẹp, tìm ra triết lý, của nội dung, tìm ra cái mới, cái đọc đáo của các yếu tố hình thức nghệ thuật.  - GV: Bố cục của bài văn biểu cảm gồm mấy phần ?  **- GV lưu ý:** Diễn đạt các ý đã ghi trong bố cục thành những câu, những đoạn văn chính xác, trong sáng có mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau  - GV: Có mấy cách mở bài ? Đó là những cách nào ?  - GV: Hãy MB cho những đề văn sau?  **VD:** Cảm nghĩ về loài cây em yêu.  *Em rất thích cây phượng ở sân trường, vì đây là loại cây vừa cho bóng mát lại vừa cho hoa đẹp.*  **VD:** Cảm nghĩ về bà.  *Trong gia đình người em dành tình cảm nhiều nhất là bà em. Bà không chỉ là người thân mà cũng là người bạn luôn chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với em. Từ lúc sinh ra cho đến bây giờ bà luôn hết lòng nâng niu, chăm sóc em.*  **VD:** Cảm nghĩ về loài cây em yêu  *Đối với mỗi học sinh; có lẽ phượng là loài cây thân thiết, phượng gắn với lứa tuổi học trò, phượng thắp sáng ước mơ, phượng san sẻ nỗi buồn…Riêng tôi, tôi yêu quý nhất là loài cây đã gắn bó với tôi, không chỉ bằng vẻ đẹp mà còn là sự gần gũi của nó. Đó là cây hoa sứ.*  ***VD:*** Cảm nghĩ về bà.  *Thời gian cứ dần trôi không đợi chờ ai. Thoắt cái đã đến ngày giỗ bà tôi lần thứ hai. Giai điệu “ngày xửa ngày xưa” quen thuộc của bà cứ vang vọng trong tôi. bà tôi giờ đây đã về chốn thiên đường để yên giấc ngủ ngàn thu, nhưng tôi không thể tin điều đó được bởi tôi yêu bà lắm!*  **VD:** Từ các văn bản “Những câu hát về tình cảm gia đình”,“Mẹ tôi” , “Cuộc chia tay của những con búp bê” hãy bộc lộ tình cảm và suy nghĩ của em khi được sống trong tình yêu thương của những người thân trong gia đình và bộc lộ niềm thương cảm cho những ai không có được may mắn đó.  **VD:** Cảm nghĩ về một loại quả mà em yêu thích.  + Quả có những đặc điểm khiến em yêu thích.  + Yêu thích quả vì nó có nhiều lợi ích.  + Yêu thích quả vì nó gắn bó với những kỉ niệm khó quên.  **- GV lưu ý:**  + Lần lượt trình bày cảm xúc, suy nghĩ do sự vật hoặc con người gợi ra.  + Chú ý tới phần dẫn chuyển ý  + Trong bài viết các ý lớn, ý trọng tâm cần dành tỉ lệ thích đáng; các ý phụ chỉ viết thành đoạn ngắn để không làm mất tính cân đối.  + Sau mỗi ý lớn phải xuống dòng để giúp cho bài văn sáng sủa, mạch lạc.  **VD:** *Loài cây em yêu.*  Cây hoa phượng mang vẻ đẹp mộc mạc nhưng thuần khiết cứng cỏi, kiên cường, luôn cho tôi cảm nghĩ thân quen, yêu quý. Tôi yêu quý cây hoa phượng ở sân trường và mãi là như vậy.  **VD:** Các bạn có biết không, mỗi lần trông sắc đỏ hoa phượng bắt đầu xuất hiện trên cây và tiếng ve râm ran báo hiệu mùa hè lòng tôi lại xao xuyến lạ thường, một mùa hè nữa lại đến, chúng ta sắp phải tạm biệt thầy cô giáo, tạm biệt bạn bè để bước vào một mùa hè với nhiều buồn vui lẫn lộn.  **VD:** Mỗi lần nhìn ngắm cây phượng, lòng em lại trào dâng bao cảm xúc khó tả vì vẻ đẹp cây phượng, vì bóng mát mà cây đem lại, vì nguồn ôxi mà cây cung cấp. Em chợt nghĩ rằng nếu chúng ta biết yêu quý thiên nhiên, biết bảo vệ thiên nhiên thì chúng ta sẽ được tận hưởng những vẻ đẹp và nguồn lợi của thiên nhiên đem lại.  **VD:** “Không thầy đố mày làm nên”, nhân dân ta rất đúng khi đúc kết được một kinh nghiệm quý báu về vai trò của người giáo viên trong việc giáo dục, truyền đạt tri thức cho con em mình. Thời gian đã trôi qua, nhưng hình ảnh cô giáo Hồng, người đã hết lòng với học sinh | **II. Kỹ năng viết bài văn biểu cảm**  **1. Kỹ năng đọc – hiểu dạng đề**  ***a. Tìm hiểu đề và tìm ý***  *\* Tìm hiểu đề*  Cần trả lời các câu hỏi:  - Em định phát biểu cảm nghĩ, tình cảm về đối tượng nào? ( người nào, tác phẩm nào, loài cây nào, …)  - Em viết bài văn biểu cảm nhằm mục đích gì và viết như thế nào?  - Em viết bài văn biểu cảm cho ai đọc?  *\* Tìm ý*  Tìm ý cho bài văn biểu cảm chính là tìm cảm xúc, tìm những ý nghĩ và tình cảm để diễn đạt thành nội dung của bài.  ***b. Lập dàn bài:***  - MB: Nhằm giới thiệu đối tượng và cảm xúc ban đầu về đối tượng.  - TB: Qua miêu tả, tự sự mà biểu lộ cảm xúc, ý nghĩ một cách cụ thể, chi tiết, sâu sắc.  - KB: Nhấn mạnh lại cảm nghĩ chung hoặc nâng lên thành bài học tư tưởng.  ***c. Viết bài:***  ***d. Đọc lại và sửa chữa:***  - Cách diễn đạt, lỗi chính tả  - Bài viết đã toát lên tư tưởng, tình cảm chính chưa hoặc đã tạo sự xúc động cho người đọc chưa.  **2. Kỹ năng viết đoạn:**  **\* Mở bài:**  ***a, Mở bài trực tiếp*** ⇨ ngắn gọn, dễ tiếp nhận, thường ít hấp dẫn.  - Giới thiệu thẳng đối tượng biểu cảm và nêu cảm xúc.  ***b, Mở bài gián tiếp*** ⇨ tạo nên sự sinh động, hấp dẫn.  - Dẫn vào đề:  + Cách 1: Dẫn vào bằng vai trò của đối tượng  + Cách 2: Dẫn vào bằng vai trò của tình cảm chung đối với đối tượng ấy  **\* Thân bài :**  + Nếu đề bài cho sẵn trình tự cảm xúc cần giải quyết thì ta giải quyết theo từng yêu cầu của trình tự ấy.  + Nếu đề bài không có sẵn trình tự giải quyết thì ta phải định ra một trình tự giải quyết sao cho hợp lí.  **\* Kết bài:**  ***a, Kết bài chung:*** Khẳng định, khái quát tình cảm, suy nghĩ.  ***b, Kết bài mở rộng***  - Dựa ra một câu hỏi tu từ.  - Đưa ra một lời bình, một lời nhận xét.  - Đưa ra một câu tục ngữ, ca dao, danh ngôn. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:** Biểu cảm về cây hoa phượng  - Hình thức tổ chức luyện tập:  + Nhóm 4-5 HS trong 10 phút xây dựng dàn ý cho đề văn  + Cá nhân: luyện viết các đoạn văn nhỏ  - HS thực hiện  - GV: Hướng dẫn HS luyện viết các đoạn văn nhỏ.  + **MB** : “Những chiếc giỏ xe, chở đầy hoa phượng, em chở mùa hè của tôi đi đâu…”. Mỗi lần nghe giai điệu du dương và quen thuộc ấy từ giọng ca ngọt ngào của mẹ, lòng tôi thấy nao nao bồi hồi nghĩ về một loài hoa mà tôi hằng yêu quý. Loài hoa tượng trưng cho tuổi học trò hồn nhiên trong sáng vô tư – hoa phượng vĩ.  ***⇨ MB gián tiếp: Dẫn vào bằng vai trò của tình cảm chung đối với đối tượng ấy***  + **KB**: Cánh cổng trường đóng lại, chưa bao giờ phượng đẹp như lúc này. Phượng đẹp nhưng chẳng ai ngắm nhìn nó. Chỉ còn một mình nó trong theo hình bóng của mỗi học sinh. Dù đi đâu, ở đâu tôi sẽ mãi luôn nhớ về ngôi trường này, nơi có một người bạn vô cùng thân yêu.  ***⇨ Đưa ra một lời bình, một lời nhận xét.***  **Bài tập 2**: Biểu cảm về cây hoa hồng  - Hình thức tổ chức luyện tập:  + Nhóm đôi HS trong 10 phút xây dựng dàn ý cho đề văn  + Cá nhân: luyện viết các đoạn văn nhỏ  - HS thực hiện  - GV: Hướng dẫn HS luyện viết các đoạn văn nhỏ.  **+ MB 1:** Loài hoa các bạn thích là hoa gì? Chắc chắn có nhiều câu trả lời. Chị Huệ trắng muốt duyên dáng hay là chị phong lan tim tím yểu điệu? Còn với em, loài hoa em yêu thích và đẹp nhất là hoa hồng.  **+ MB 2:** Hoa hồng là loài hoa đẹp mà ai cũng yêu thích, nhà em có trồng cây hoa hồng ngay trước nhà. Mỗi khi hoa nở mùi thơm dễ chịu và khiến khu vườn đẹp trở nên rực rỡ, lung linh hơn.  - GV: *Đoạn văn biểu cảm về đặc điểm hình thức :*  *+ Màu sắc*  *+ Cánh hoa*  *+ Nhị hoa*  *+ ....*  Hoa hồng quả không hổ danh là nữ hoàng của các loài hoa. Hoa khoác lên mình bộ váy áo màu đỏ thắm, một màu đỏ thật sang. Nhưng bộ dạ hội đó cuốn hút người đọc còn lộng lẫy hơn vào buổi sáng, những hạt sương đọng trên cánh hoa như những viên kim cương lấp lánh trong nắng, điểm xuyến cho tà áo thắm đỏ rực rỡ. Cây hoa chỉ ra ba bông nhưng bông nào bông nấy đều đẹp mê hồn. Ba bông hoa như ba nàng công chúa xinh đẹp, kiều diễm. Những cánh hoa chắc là đẹp nhất. Lớp lớp cánh hoa như những bậc thang. Cánh hoa thật mịn màng, mượt mà như tơ lụa đỏ thắm, chúng kết vào nhau tạo nên bông hồng duyên dáng. Đường nét từng cánh hoa thật uyển chuyển, đó là tuyệt tác của bông hồng, là một sự kì ảo vô hình thu hút người ngắm. Nhị hoa màu vàng thật hợp với dáng vẻ sang trọng của hồng nhung. | **1/ Mở bài:**  - Giới thiệu về loài cây em yêu (Cây gì? Ai trồng? Trồng ở đâu?...)  - Vì sao em yêu loài cây ấy? (gắn bó kỉ niệm, ý nghĩa của cây…)  **2/ Thân bài:**  ***a. Biểu cảm về những đặc điểm tiêu biểu của cây phượng (thân, gốc rễ, lá, hoa, trái…)***  - Phượng đứng cao phải đến năm sáu mét, thân to khoảng vòng tay một người lớn, cành lá xanh um…  - Thích nhất là nhìn lên tán lá xòe ra như chiếc dù khổng lồ che mưa nắng…  - Nhìn thân phượng mà thổn thức nỗi lòng trước vết cằn cỗi của thời gian khắc trên thân cây. Từ bao thế hệ học trò đến rồi đi, có mấy ai còn nhớ gốc phượng già này nhỉ?  - Đẹp nhất là vào mùa hè! Trông từ xa, cây phượng đỏ rực như một đám lửa.  - Em nhớ mãi những bông hoa đỏ thắm như những con bướm lửa. Mỗi khi có cơn gió thoảng qua, những cánh bướm lửa ấy lìa cành, chao mình trong gió, nhẹ nhàng đáp xuống mặt đất như còn lưu luyến cuộc đời tươi đẹp ngắn ngủi của một kiếp hoa.  ***b. Vai trò của phượng đối với đời sống con người:***  - Em thầm cảm ơn cây phượng vì đã che bóng mát cho sân trường, tạo nên một bầu không khí trong lành, mát mẻ và thật dễ chịu cho chúng em học tập cũng như vui chơi.  - Em làm sao có thể quên những lúc cùng các bạn nhặt hoa phượng, tách từng cánh hoa ra và khéo léo dán thành hình con bướm ép vào vở. Mai sau nhìn lại sẽ nhớ ngay tới thuở học trò đầy mơ mộng…  ***c. Sự gần gũi giữa em với phượng (Kỉ niệm)***  - Thật thú vị làm sao! Dưới tán lá phượng, em ngồi ôn bài, học bài không biết mệt.  - Những khi nắng gắt, phượng che bóng mát cho em nô đùa ngoài sân.  - Cũng dưới gốc phượng này em có một tình bạn, chúng em cùng trao đổi bài học cũng như động viên và chia sẻ cho nhau những buồn vui trong cuộc sống, chỉ tiếc một điều giờ bạn đã đi xa…  **3/ Kết bài**:  - Chẳng biết tự bao giờ, cây phượng đã trở thành người bạn thân thiết của em.  - Thật hạnh phúc biết bao khi tuổi học trò gắn liền với hình ảnh cánh hoa thắm tươi như màu máu con tim..  **I. MB:** *Giới thiệu về hoa hồng*  - Giới thiệu về loài cây em yêu  - Vì sao em yêu loài cây ấy ?    **II. TB:**  ***a. Biểu cảm về những đặc điểm tiêu biểu của cây hoa hồng***  - Hoa hồng có thân mảnh khảnh, nhiều gai nhọn xung quanh.  - Khi còn nhỏ lá non, gai nhỏ đến khi trưởng thành lá màu xanh thẫm, có viền răng cưa, xung quanh gai mọc nhiều và nhọn hơn làm nhiệm vụ bảo vệ thân cây.  - Một cây hoa hồng chỉ có vài bông, dù không nhiều nhưng rất đẹp và quyến rũ.  - Khi ra hoa những nụ hồng e ấp, khúm núm, khi hoa nở cánh hoa xòe ra và có màu đỏ thẫm, hương thơm dễ chịu thu hút côn trùng.  - Dưới nụ hoa là đài hoa màu xanh ngọc bích rất đẹp.  - Em thích nhất là những cánh hoa mỏng manh xếp chồng lên nhau tạo thành nhiều tầng lớp xen kẽ. Càng vào sâu bên trong cánh hoa càng mỏng, nhỏ.  - Chính giữa bông hoa đó là nhị vàng, đầu nhị có phấn trắng, em cảm nhận được đây chính là “vũ khí” thu hút ong bướm.  - Khi hoa hồng nở, hương thơm thoảng thoảng, dễ chịu trong gió.  - Vẻ đẹp của hoa hồng là kiệt tác không loài hoa nào sánh bằng.  ***b. Kỉ niệm bên cây hoa hồng***  - Chăm sóc cây cùng mẹ  - Cây là người bạn luôn sẻ chia những vui buồn trong học tập, trong cuộc sống  **III. KB:** Cảm nhận về cây hoa hồng  - Hoa hồng chính là loài hoa em yêu thích nhất.  - Khu vườn em đẹp, rực rỡ hơn khi có hoa hồng.  - Cây hoa hồng biểu tượng sắc đẹp và tình yêu. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Xem lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học về phần văn biểu cảm

- Hoàn thiện đề văn trên

**Phụ lục bài văn tham khảo**

***Cây phượng em yêu***

**A. Mở bài**: “Những chiếc giỏ xe, chở đầy hoa phượng. em chở mùa hè của tôi đi đâu…”. Mỗi lần nghe những giai điệu du dương và quen thuộc ấy, lòng tôi thấy buâng khuâng bao cảm xúc. Lời ca gợi cho tôi nhớ về 1 loài cây gắn liền với tuổi học trò với biết bao yêu thương, gắn bó.

**B. Thân bài:**

***Ý 1:*** Không hiểu sao mỗi lần tưởng tượng về hoa phượng trong đầu tôi lại xuất hiện hàng trăm đốm lửa liên tiếp ấm nóng đến chói chang. Hầu hết những người yêu hoa phượng đều nói: “nó đẹp vì biết tận hiến hết mình vẻ đẹp”. Phượng không đỏ thẫm như mấy bông hồng kiều diễm, cũng không nhạt màu như mấy nụ tầm xuân. Nó đỏ rực và thậm chí rất tươi. Những cánh hoa lượn theo những đường cong tùy ý, lúc nở, nó toả ra đều như một chiếc chong chóng sắp quay. Hương phượng thơm thoang thoảng chứ không ngạt ngào như hoa sữa. Vì thế thưởng thức hương hoa phượng bao giờ cũng tìm ra được những cảm giác thư thái, an lành.

***Ý 2:*** Tôi yêu cây phượng bởi hình ảnh ấy đã trở thành biểu tượng cho tuổi học trò. Hoa phượng rất giống lũ học trò nhỏ chúng tôi bởi nó cũng ngây thơ và cũng sống hết mình 1 cách thủy chung bằng tấm lòng son đỏ. Dưới mái trường thân yêu, không phải ai hết mà chính là hàng phượng đã chứng kiến lũ học trò chúng tôi lần lượt trưởng thành. Giờ đây khi đã chia xa, tôi nhớ đến nao lòng hàng phượng, nhớ nhớ những bông hoa đỏ khắc ghi bao kỉ niệm học trò.

***Ý 3***: Cũng như mọi người, tôi yêu cây phượng bởi nó khắc ghi những dấu mốc quan trọng của đời tôi. Ngày đầu tiên bước vào mái trường, những giọt nước mắt đã lăn dài dưới tán cây phượng sum suê vì bao bỡ ngỡ và sợ hãi. Bên gốc phượng già, tôi cùng các bạn đã chơi những trò chơi tuổi nhỏ, chụm đầu đọc những trang báo “Hoa học trò”, chia sẽ biết bao nỗi buồn vui, hờn giận. Cái Lan và tôi còn khắc tên nhau lên thân phượng để ghi dấu tình bạn thân thiết. Với chúng tôi, cây phương cũng như một người bạn. Phượng nở là dấu ấn của mùa thi. Ở đó, tôi dù thành công hay thất bại nhưng tôi đã có những bài học và tôi vì thế đã trưởng thành. Phượng nở rộ cũng là lúc phải chia tay. Chỉ cần nghĩ vậy thôi tôi cũng đã cảm thấy nao lòng. Năm nào cũng vậy, tuy đã thành lệ nhưng không làm sao quên được cảm giác bồi hồi xao xuyến ấy. Cứ đến đầu tháng năm, khi hoa phượng đỏ rực một góc trời thì cũng là lúc tụi học trò chúng tôi lục đục chuẩn bị cho những ngày hè sôi động. Tuy những ngày hè vui vẻ đang chực đón chờ, nhưng chúng tôi vẫn thấy buồn lắm lắm. Bạn bè cả năm học vui vẻ với nhau vậy mà bây giờ phải tạm xa mấy tháng. Chúng tôi buồn thậm chí có bạn còn phát khóc khi phải trải qua những lần như thế.

**C. Kết bài:** Ở ngôi trường mới của chúng tôi, hàng phượng mới trồng chưa kịp trổ hoa. Nhưng tôi vẫn chờ với một tình yêu và một niềm nhớ nhung da diết. Hoa phượng không biết tự lúc nào đã trở thành một phần máu thịt của tôi. Nó là tình yêu của tôi, là nỗi nhớ mà tôi đã dành trọn cho một thời học trò.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BUỔI 9: Tiết 25+26+27**

**Chuyên đề: Thơ trung đại Việt Nam (Tiếp theo)**

***Tâm sự của nhà thơ về cuộc đời qua hai bài thơ: “Qua Đèo Ngang” và “Bạn đến chơi nhà”***

**Chuyên đề ngữ pháp: Từ loại (Tiếp theo)**

***Quan hệ từ và chữa lỗi quan hệ từ***

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm được một vài nét tiêu biểu về tác giả Bà Huyện Thanh Quan và Nguyễn Khuyến.

- Hiểu về nội dung và nghệ thuật của hai văn bản: “ Qua đèo Ngang” và “Bạn đến chơi nhà” . Từ đó, hiểu được phong cách thơ của từng tác giả.

- Nắm được đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

- Nắm chắc khái niệm về quan hệ từ, cách sử dụng quan hệ từ trong giao tiếp và tạo lập văn bản và chữa lỗi quan hệ từ.

**2. Kỹ năng**

- Cảm thụ văn học, phân tích văn bản thơ trung đại.

- Nhận biết và phân tích tác dụng của quan hệ từ trong câu, nhận biết lỗi sai của quan hệ từ và sửa lại cho đúng.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Giáo dục tình yêu quê hương đất nước, sự đồng cảm với tâm trạng của người khác.

- Giáo dục cho HS tình cảm yêu quý bạn bè.

**-** HS có ý thức dùng quan hệ từ khi cần thiết.

**4. Năng lực**

- Năng lực tiếp nhận văn bản: nghe, đọc và cảm thụ cái đẹp, cái hay và giá trị của các tác phẩm trữ tình

- Năng lực sáng tạo: cảm nhận độc đáo về ý thơ, hình ảnh ngôn từ, nhịp điệu, cảm xúc, giá trị nội dung tư tưởng của tác phẩm

- Năng lực thưởng thức văn học: HS biết rung động trước những hình ảnh, hình tượng được khơi gợi trong tác phẩm về thiên nhiên, con người, cuộc sống ; có những hành vi đẹp đối với bản thân và các mối quan hệ xã hội.

- Năng lực hợp tác: HS cùng chia sẻ, lắng nghe ý kiến trao đổi thảo luận để tự điều chỉnh cá nhân mình cho phù hợp với mục tiêu bài học.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 25: Bài thơ: “ Qua đèo Ngang” – Bà Huyện Thanh Quan.**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học ( 15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại một số hiểu biết về tác giả Bà Huyện Thanh Quan. | **I. Tác giả:**  - Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh, quê làng Nghi Tàm ( Tây Hồ - Hà Nội ).  - Là một trong những nữ sĩ tài danh hiếm có.  - Thơ của bà hay nói đến hoàng hôn, man mác buồn, giọng điệu du dương, ngôn ngữ trang nhã, hồn thơ đẹp, điêu luyện. |
| - GV cho HS nhắc lại các kiến thức cơ bản của bài:  ? Trình bày hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  ? Nêu thể thơ, kiểu văn bản và phương thức biểu đạt có trong bài?  - GV yêu cầu HS chỉ rõ đặc điểm của thể thơ, chỉ rõ các phương thức biểu đạt có trong từng câu thơ của bài.  ? Bài thơ được chia làm mấy phần? Nội dung của mỗi phần là gì?  - HS thảo luận lại các nội dung chính của bài thơ. Sau đó trình bày tóm tắt nội dung đó. | **II. Tác phẩm:**  **1. Hoàn cảnh ra đời:**  - Đèo Ngang thuộc dãy núi Hoành Sơn, phân chia địa giới hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.  - Bài thơ được viết khi bà trên đường vào Huế làm Cung trung giáo tập.  **2. Thể thơ, kiểu văn bản và phương thức biểu đạt:**  - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật ( Mỗi câu bảy tiếng, mỗi bài tám câu).  - Kiểu văn bản: Biểu cảm.  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, tự sự và miêu tả.  **3. Kết cấu: 4 phần**  - Hai câu đề: Cảnh thiên nhiên đèo Ngang.  - Hai câu thực: Hình ảnh con người.  - Hai câu luận: Tâm trạng của con người.  - Hai câu kết: Tâm sự sâu kín của tác giả.  **4. Tóm tắt nội dung:**  ***- Bức tranh cảnh vật:***  + Thời gian: Buổi chiều tà.  + Không gian: trời, non, nước – cao rộng, bát ngát.  + Cảnh vật: cỏ cây, đá, hoa, tiếng chim kêu, nhà chợ bên sông,… hiện lên tiêu điều, hoang sơ.  ***- Tâm trạng con người:***  + Hoài cổ, nhớ nước, thương nhà.  + Buồn, cô đơn.  **5. Ý nghĩa, nghệ thuật:**  ***- Ý nghĩa:*** Bài thơ thể hiện tâm trạng cô đơn thầm lặng, niềm hoài cổ của nhà thơ trước cảnh vật đèo Ngang.  ***- Nghệ thuật:***  + Sử dụng thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật một cách điêu luyện.  + Sử dụng bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.  + Sáng tạo trong việc sử dụng từ láy, từ đồng âm khác nghĩa gợi hình, gợi cảm.  + Sử dụng nghệ thuật đối hiệu quả trong việc tả cảnh, tả tình. |

***B. Luyện tập ( 30 phút ) :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân.  - HS thực hiện  **Bài tập 1:**  a. Cảnh vật được miêu tả trong bài thơ vào thời gian nào? Nêu ý nghĩa thời gian đó?  b. Cảnh đèo Ngang được gợi tả bằng những chi tiết nào?  c. Nhận xét về cảnh đèo Ngang qua sự miêu tả của Bà Huyện Thanh Quan? | - GV chốt kiến thức  a. Thời điểm: Bóng xế tà => Mặt trời đã lặn, ngày sắp tàn. => Gợi cảm giác buồn thương, mong được sum họp, nhất là với người lữ thứ.  b.  - Cảnh đèo Ngang được miêu tả gồm những chi tiết: cỏ cây, hoa lá, dãy núi, con sông, cái chợ, mấy túp nhà, tiếng chim quốc, chim đa đa, vài chú tiều. => Các chi tiết gợi cảnh đèo Ngang um tùm, hoang sơ, rậm rạp. Con người thì ít ỏi, thưa thớt.  - Các từ láy: *“ lom khom, lác đác”,* các từ tượng thanh *“ quốc quốc, đa đa”* có tác dụng lớn trong việc gợi hình, gợi cảm và càng gợi lên cảm giác hoang vắng, quạnh hiu.  c. Cảnh đèo Ngang là cảnh thiên nhiên, núi đèo bát ngát, thấp thoáng có sự sống của con người nhưng rất hoang sơ. Cảnh được miêu tả vào lúc chiều tà, lại được nhìn từ tâm trạng của kẻ xa quê nên cảnh gợi lên cảm giác buồn, hoang sơ, vắng lặng. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Nhóm.  - Các nhóm hoạt động trong vòng 5 phút. Sau đó cử đại diện trình bày.  **Bài tập 2:** Hình dung tâm trạng của Bà huyện Thanh Quan khi qua đèo Ngang? | - GV chốt kiến thức  - Giữa không gian ấy, con người đối mặt với nỗi cô đơn: Một mảnh tình riêng, ta với ta. Tâm sự sâu kín, một mình mình biết, một mình mình hay. Tình thương nhà, nỗi nhớ nước da diết, âm thầm lặng lẽ. Ẩn trong bức tranh thiên nhiên là tâm trạng của người lữ thứ. Đó là tâm trạng buồn, cô đơn, hoài cổ.  - Đọc bài thơ, ta cảm nhận được tiếng kêu da diết của chim cuốc, chim đa đa cũng chính là tiếng lòng da diết nhớ nhà, nhớ quá khứ của đất nước. Câu thơ cuối cũng chính là cao trào của nỗi buồn, nỗi cô đơn của người khách xa quê.  - Giữa cảnh *trời, non, nước* và *một mảnh tình riêng* có quan hệ đối lập nhau. Cảnh càng rộng lớn thì tình càng cô đơn, con người càng nhỏ bé nhỏ. Như thế, rõ ràng cảnh góp phần khiến nỗi cô đơn của tác giả càng lớn hơn, nặng nề hơn. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân.  - GV đưa bài tập dạng đọc- hiểu, tổng hợp kiến thức.  - HS thực hiện  **Bài tập 3:**  Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:  *“Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà*  *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa*  *Lom khom dưới núi, tiều vài chú*  *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà …*  (Ngữ văn 7, tập 1, NXB Giáo dục)  **1.** Nội dung của đoạn thơ trên?  **2**. Các từ: *lom khom, lác đác* thuộc loại từ gì?  **3.** Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ: *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*  **4.** Từ đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn từ 4-6 câu trình bày suy nghĩ của mình về vẻ đẹp thiên nhiên. Trong đoạn văn đó có sử dụng một cặp quan hệ từ. | **1.** Cảnh Đèo Ngang lúc về chiều tiêu điều, hoang vắng, thấp thoáng sự sống của con người nhưng còn hoang sơ.  **2.** Từ láy  **3.** Điệp ngữ: “chen”. Làm nổi bật sự hoang vắng của nơi đây.  **4.**  - Rung động trước cảnh đẹp của thiên nhiên  - Sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên  - Yêu quý, giữ gìn bảo vệ thiên nhiên  - Phê phán những hành động phá hoại thiên nhiên |

**Tiết 26: Bài thơ “ Bạn đến chơi nhà” – Nguyễn Khuyến.**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học ( 15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại một số hiểu biết về tác giả Nguyễn Khuyến. | **I. Tác giả:**  - Nguyễn Khuyến ( 1835 – 1090), quê ở thôn Vị Hạ , xã Yên Đỗ , nay thuộc xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.  - Nguyễn Khuyến là một nhà thơ lớn của dân tộc.  - Thơ của ông gồm cả chữ Nôm và chữ Hán, hầu hết được sáng tác vào giai đoạn khi ông đã từ bỏ chốn quan trường.  - Ông được mệnh danh là nhà thơ của làng quê. |
| - GV cho HS nhắc lại các kiến thức cơ bản của bài:  ? Trình bày hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  ? Nêu thể thơ, kiểu văn bản và phương thức biểu đạt có trong bài?  - HS liên hệ được thể thơ của bài này giống như thể thơ của bài: “ Qua đèo Ngang”.  - GV yêu cầu HS chỉ rõ đặc điểm của thể thơ, chỉ rõ các phương thức biểu đạt có trong từng câu thơ của bài.  ? Bài thơ được chia làm mấy phần? Nội dung của mỗi phần là gì?  - HS thảo luận lại các nội dung chính của bài thơ. Sau đó trình bày tóm tắt nội dung đó.  - GV cho HS tự khái quát ý nghĩa và nghệ thuật của bài thơ vào vở.  => GV kiểm tra vở 1 số HS. Sau đó chốt lại kiến thức. | **II. Tác phẩm:**  **1. Hoàn cảnh ra đời:**  - Bài thơ được sáng tác trong thời gian Nguyễn Khuyến cáo quan về ở ẩn ở Yên Đổ.  **2. Thể thơ, kiểu văn bản và phương thức biểu đạt:**  - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật ( Mỗi câu bảy tiếng, mỗi bài tám câu).  - Kiểu văn bản: Biểu cảm.  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, tự sự và miêu tả.  **3. Kết cấu: 3 phần**  - Câu đầu: niềm vui khi gặp bạn.  - Sáu câu tiếp theo: hoàn cảnh tiếp đãi bạn.  - Câu cuối: quan niệm về tình bạn.  **4. Tóm tắt nội dung:**  - Lời chào, lời reo vui của tác giả khi bạn đến chơi nhà.  - Giãi bày hoàn cảnh sống nghèo với bạn.  - Lời kết đúc kết lại giá trị của toàn bài thơ, bộc lộ tình cảm sâu sắc của nhà thơ đối với bạn, khẳng định một tình bạn đậm đà thắm thiết, trọn vẹn mà trong sáng, vượt qua mọi thử thách tầm thường.  **5. Ý nghĩa, nghệ thuật:**  ***- Ý nghĩa:*** Bài thơ thể hiện một quan niệm về tình bạn, quan niệm đó vẫn còn có ý nghĩa, giá trị lớn trong cuộc sống con người hôm nay.  ***- Nghệ thuật:***  + Thể thơ thất ngôn bát cú, giọng thơ chất phác, hồn nhiên.  + Sáng tạo nên tình huống khó xử khi bạn đến chơi nhà nhà và cuối cùng òa lên niềm vui đồng cảm.  + Lập ý bất ngờ. Vận dụng ngôn ngữ, thể loại điêu luyện, kết hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ đời thường… |

***B. Luyện tập ( 30 phút) :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân.  - GV đưa bài tập dạng đọc- hiểu, tổng hợp kiến thức.  - HS thực hiện.  **Bài tập 1:** Cho bài thơ:  *Đã bấy lâu nay bác tới nhà, Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.*  *Ao sâu nước cả, khôn chài cá;*  *Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà. Cải chửa ra cây, cà mới nụ; Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa. Đầu trò tiếp khách, trầu không có, Bác đến chơi đây, ta với ta.*  **a)** Bài thơ thuộc thể thơ gì?  **b)** Nhà văn đã vẽ ra hoàn cảnh tiếp đãi bạn như thế nào? Dụng ý của tác giả?  **c)** Nhận xét chung về tình bạn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ?  **d)** Viết một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) nêu cảm nghĩ của em về tình bạn trong bài thơ. | a) Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật  b) Hoàn cảnh tiếp đãi bạn rất đặc biệt, tạo ra sự đùa vui: có sẵn mọi thứ nhưng hóa ra lại không có thứ gì.  + Nhà xa chợ lại không có trẻ sai bảo.  + Vườn rộng nên không bắt được gà.  + Cải thì chửa ra cây.  + Cà thì còn mới nụ.  + Mướp chỉ mới trổ hoa.  + Bầu lại vừa rụng rốn.  Vì vậy tiếp bạn chỉ còn có mỗi cái tình. Tạo ra tình huống như vậy, vừa đùa vui, vừa nói lên sự mong ước tiếp đãi chu đáo cả vật chất lẫn tinh thần, lại vừa nhấn mạnh được tình bạn. Sự chân tình có thể bù đắp những thiếu hụt vật chất.  **c)** Qua cách ứng xử của nhà thơ, có thể nhận thấy với bạn Nguyễn Khuyến rất quan tâm đến bạn, muốn tiếp đãi bạn thật chu đáo. Đồng thời, chúng ta cũng thấy quan niệm về tình bạn trong sáng, đẹp đẽ, chân thành, sâu sắc phải vượt lên trên trên mọi lễ nghi thông thường là tri âm, tri kỷ của hai tâm hồn. Tác giả tiếp bạn bằng cả tấm chân tình của mình, thanh cao, trong sáng, tôn trọng, cởi mở.  **d)** Hs viết một đoạn văn ngắn (3 - 5 câu). Những ý cần có:  - "Bạn đến chơi nhà" là một trong những bài thơ hay nhất viết về tình bạn.  - Bài thơ đã bộc lộ một tình bạn chân thành, thắm thiết, đậm đà trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, mộc mạc nhưng vẫn tràn ngập niềm vui dân dã...  - Bài thơ có ý nghĩa như một lời nhắc nhở mỗi người cần xây dựng tình bạn trong sáng... |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động nhóm.  - HS các nhóm thảo luận, sau đó lên trình bày.  **Bài tập 2:** Em hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau của cụm từ “ta với ta” trong hai bài thơ “Qua đèo ngang” ( Bà Huyện Thanh Quan) và “Bạn đến chơi nhà” ( Nguyễn Khuyến)? | - GV chốt kiến thức  \* Trong bài thơ ***“ Qua Đèo Ngang***”:  - Cụm từ *“ta với ta”:* Đại từ ngôi thứ nhất, số ít. Ý chỉ một mình tác giả.  + Qua đó thể hiện tâm trạng cô đơn tuyệt đối, không biết chia sẻ cùng  + Sự nhỏ bé của con người trước non nước bao la.  \* Trong bài ***“ Bạn đến chơi nhà***”  + Chỉ tác giả với người bạn  *-* Cụm từ *“ta với ta”:* Đại từ ngôi thứ nhất, số nhiều . Ý chỉ tác giả và người bạn.  + Qua đó thể hiện một niềm vui trọn vẹn, chan hòa giữa chủ và khách.  + Sự sẻ chia ấm áp của tình bạn bè thắmthiết. |

**Tiết 27: Quan hệ từ và chữa lỗi quan hệ từ.**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học ( 20 phút):***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm quan hệ từ.  ? Sau khi đưa ra được khái niệm, GV gọi 1 số HS trong lớp đưa ra các ví dụ về quan hệ từ. Phải chỉ rõ chức năng của quan hệ từ đó. | **1. Khái niệm**  *- Quan hệ từ là từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như: Sở hữu, so sánh,nhân quả…giữa các bộ phận của câu, hay giữa câu - câu trong đoạn.*  \* Ví dụ.  - Các quan hệ từ: *của, như, bởi...nên.*  a. của -> nối định ngữ với trung tâm.  -> chỉ quan hệ sở hữu.  b. như -> nối BN với TT.  -> chỉ quan hệ so sánh.  c. bởi…nên... -> nối 2 vế của một câu ghép.  -> quan hệ nguyên nhân –kết quả. |
| - GV: Khi nào phải sử dụng quan hệ từ?  - HS nêu ra các trường hợp phải sử dụng quan hệ từ và trường hợp không phải sử dụng quan hệ từ. Sau đó phải đưa ra ví dụ cho từng trường hợp.  - Hs thảo luận đưa ra cách hiểu của mình.  +Đây là thư của Lan.  +Đây là thư do Lan viết.  +Đây là thư gửi cho Lan. | **2. Sử dụng quan hệ từ.**  *- Khi nói – viết -> Có trường hợp bắt buộc phải dùng quan hệ từ. Đó là những trường hợp không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa. Cũng có trường hợp không bắt buộc phải dùng quan hệ từ.*    *Ví dụ:* Đây là thư Lan.  *- Có những trường hợp bình thường không dùng quan hệ từ, nhưng khi cần nhấn mạnh , ta phải sử dụng quan hệ từ.*  VD: Đây là áo tôi! Đây là áo của tôi!  - *Có một số quan hệ từ phải dùng thành cặp: Vì...nên..., Tuy... nhưng..., Mặc dù...nhưng...,...*  VD: Vì chăm học nên Nam ngày một tiến bộ. |
| ? Các lỗi thường gặp về quan hệ từ là lỗi gì?  - HS trả lời nhanh.  ? Nêu ví dụ với từng trường hợp? | **3. Các lỗi thường gặp về quan hệ từ.**  - Thiếu quan hệ từ.  VD: Chúng ta không nên nghe họ nói đánh giá họ*. (Câu này thiếu quan hệ từ “ mà” hoặc “ để”)*  - Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa.  VD: Bạn ấy có thể giúp em học môn Toán để bạn ấy học giỏi. *( Quan hệ từ “ để” không thích hợp, nên thay bằng quan hệ từ “ vì”).*  - Thừa quan hệ từ.  VD: Qua phong trào thi đua Hai tốt cho ta thấy sự cố gắng của các bạn. *( Câu này thừa quan hệ từ “ qua”)*  - Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết.  VD: Nếu chúng ta không biết cách học nên chúng ta không tiến bộ. *( Nên thay “ nên” bằng “ thì” hoặc thay “ nếu” bằng “ vì” để tạo quan hệ hô ứng)* |

***B. Luyện tập ( 20 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân.  - HS thực hiện  **Bài tập 1:** Gạch chân các quan hệ từ trong đoạn văn sau  “ Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì cũng chết toi rồi.” | - GV chốt kiến thức  “ Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì cũng chết toi rồi.” |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Thảo luận theo tổ.  - HS thực hiện  **Bài tập 2:** Vận dụng những kiến thức đã học về quan hệ từ để tìm và chữa các quan hệ từ dùng sai trong các câu sau.  a. Do có chí thì sẽ thành công.  b. Nó cũng ham đọc sách với tôi.  c. Trời mưa to và tôi vẫn tới trường.  d. Nhờ cố gắng học tập thì nó đạt thành tích cao.    e. Bạn Nga không những học giỏi các môn tự nhiên tuy nhiên bạn ấy còn học giỏi các môn xã hội.  g. Càng yêu lao động bao nhiêu tuy nhiên chúng em càng chăm chỉ học tập bấy nhiêu.  h. Em đến trường với con đường đầy bóng mát. | - GV chốt kiến thức    a. Do có chí thì sẽ thành công . -> (nếu...thì)    b. Nó cũng ham đọc sách với tôi. -> ( như)    c. Trời mưa to và tôi vẫn tới trường. -> (nhưng )    d. Nhờ cố gắng học tập thì nó đạt thành tích cao. -> ( nên)  e. Bạn Nga không những học giỏi các môn tự nhiên tuy nhiên bạn ấy còn học giỏi các môn xã hội. -> ( không những…mà còn…)    g. Càng yêu lao động bao nhiêu tuy nhiên chúng em càng chăm chỉ học tập bấy nhiêu. -> ( Thừa quan hệ từ “ Tuy nhiên” -> bỏ quan hệ từ “ Tuy nhiên” ).    h. Em đến trường với con đường đầy bóng mát.  -> ( Trên). |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân.  - HS thực hiện  **Bài tập 3:** Viết đoạn văn phân tích nghệ thuật được sử dụng trong 2 câu thơ đầu bài thơ: “ Qua đèo Ngang” của Bà huyện Thanh Quan, trong đó có sử dụng quan hệ từ. Gạch chân các quan hệ từ có trong đoạn văn. | - GV có thể đọc cho HS tham khảo:  Nếu Hồ Xuân Hương là giọng thơ nữ sắc sảo, góc cạnh, ưa phá bỏ quy luật thì Bà Huyện Thanh Quan lại là một phong cách đằm thắm, dịu dàng. Sáng tác của bà luôn tuân theo những chuẩn mực trong thơ Đường, tựa như một viên ngọc toàn bích không tì vết. “Qua đèo Ngang” là tác phẩm nổi tiếng nhất của Bà Huyện Thanh Quan. Bài thơ “Qua đèo Ngang” được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Mở đầu là hai câu đề:  *Bước đến đèo Ngang bóng xế tà*  *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*  Chỉ với câu thơ đầu tiên tác giả đã khái quát lên toàn bộ về hoàn cảnh, không gian, thời gian khi viết bài thơ. Cách mở đầu rất tự nhiên, không hề gượng ép, tưởng như tác giả chỉ thuận chân “bước đến” rồi tức cảnh sinh tình trước khung cảnh đèo Ngang trong buổi chiều hoàng hôn “bóng xế tà”. Hình ảnh “bóng xế tà” lấy ý từ thành ngữ “chiều tà bóng xế” gợi cho ta một nét gì đó buồn man mác, mênh mang, có chút nuối tiếc về một ngày đang sắp qua. Trong khung cảnh hoàng hôn đẹp mà buồn ấy, tác giả chú ý đến một vài hình ảnh độc đáo của đèo Ngang “Cỏ cây chen đá, lá chen hoa”. Với việc nhân hoá các loại cảnh vật qua động từ “chen” cùng với phép liệt kê hàng loạt cho ta thấy nét sống động trong bức tranh khung cảnh này. Cỏ cây cùng với đá núi, lá và hoa đua nhau vươn lên đầy sức sống. Những hình ảnh nhỏ bé nhưng sức sống thật mãnh liệt. Trong ánh chiều tà lụi tàn mà còn bắt gặp được những hình ảnh này để lại cho ta thật nhiều suy nghĩ. Tác giả đã sử dụng phép đối và đảo ngữ trong miêu tả đầy ấn tượng. Nó làm cho người đọc cảm thấy được sự hoang vắng của đèo Ngang lúc chiều tà bóng xế mặc dù nơi đây có cảnh đẹp cỏ cây hoa đá, lá. |

**III. Củng cố - Dặn dò ( 5 phút)**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học:

+ Đặc điểm về hai tác giả: Bà Huyện Thanh Quan và Nguyễn Khuyến.

+ Nội dung và nghệ thuật tiêu biểu của hai bài thơ: “ Qua đèo Ngang” và “ Bạn đến chơi nhà”.

+ Khái niệm về quan hệ từ, cách sử dụng, chữa lỗi quan hệ từ.

- Giao bài tập về nhà:

+ Chỉ ra các từ láy, phép đối và đảo ngữ trong hai câu thơ:

“ Lom khom dưới núi, tiều vài chú,  
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.”

*Ngày soạn: dd/mm/yyyy Ngày dạy: dd/mm/yyyy*

**TIẾT 28 + 29: CHUYÊN ĐỀ: THƠ ĐƯỜNG**

*- Kiến thức cơ bản về thơ Đường*

*- Ôn tập thơ ca Lí Bạch: Vọng Lư Sơn bộc bố; Tĩnh dạ tứ*

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

**-** Nắm chắc những kiến thức về khái niệm, đặc điểm của thơ Đường.

**-** Hiểu được những nét cơ bản về con người, sự nghiệp của tác giả Lí Bạch.

**-** Biết vận dụng kiến thức đã học để cảm nhận những nét chính về nội dung và nghệ thuật trong hai bài thơ: Vọng Lư Sơn bộc bố; Tĩnh dạ tứ - Lí Bạch

**2. Kĩ năng**

**-** Rèn luyện kĩ năng đọc diễn cảm, đọc – hiểu thơ Đường.

- Bước đầu biết so sánh bản phiên âm và dịch thơ.

- Tích hợp với phần Tiếng Việt: Từ trái nghĩa, tích lũy vốn từ Hán Việt.

**-** Các kĩ năng sống cơ bản được giáo dục trong bài: Kĩ năng giao tiếp, nhận thức, giải quyết vấn đề, kiểm soát cảm xúc….

**3. Thái độ:**

- Thêm yêu mến cảnh đẹp quê hương, biết giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương.

- Cảm phục, trân trọng hồn thơ Lí Bạch

**4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển**:

+ Năng lực giải quyết vấn đề

+ Năng lực giao tiếp tiếng Việt

+ Năng lực cảm thụ thẩm mỹ

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**Tiết 28: *Kiến thức cơ bản về thơ Đường***

***A. Hệ thống kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV yêu cầu Hs nhắc lại một số kiến thức cơ bản  **1. Khái niệm thơ Đường**  **-** HS trả lời cá nhân, nhận xét  - GV chốt.  *Những bài thơ được ra đời trong giai đoạn sau, nếu làm theo thi pháp thơ Đường cũng được gọi là thơ Đường luật.*  **2. Đặc điểm của thơ Đường**  ? Em hãy kể tên một số thể thơ thường gặp của thơ Đường.  ? Dựa vào những bài thơ đã học, em hãy cho biết các sáng tác thơ Đường thường viết về nội dung nào.  **GV dẫn dắt:**  *Đối với thể thơ cổ thể: không hạn định số câu, số chữ; không phải tuân thủ niêm, luật, đối ngẫu và cách gieo vần. Tuy nhiên thể thơ này, chúng ta ít gặp.*  *Các thể thơ còn lại, tác giả bắt buộc phải tuân thủ đặc điểm về* ***số câu số chữ, kết cấu (bố cục), niêm, luật, vần, đối.***  ? Hệ thống số lượng câu, chữ trong các thể thơ của thơ Đường dựa vào bảng sau.  ? Kết cấu hay gọi khác là bố cục của các thể thơ Đường luật được thể hiện như thế nào?  ? Trong các bài thơ Đường, vần được gieo ở vị trí nào?  ? Thanh bằng, trắc gồm những dâu thanh nào?  *Thanh bằng (B): không, huyền*  *Thanh trắc (T): hỏi, sắc, nặng, ngã*  ? Em hiểu gì về luật thơ:  “Nhất, tam, ngũ bất luận / Nhị, tứ, lục phân minh**”.** Từ đó, rút ra luật của thơ Đường.  ? Đọc bài thơ “Qua đèo Ngang”, phân tích luật Bằng – Trắc và cho biết niêm trong các bài thơ Đường được thể hiện như thế nào?  ? Hãy cho biết, trong các bài thơ Đường, có những kiểu đối nào**.**  ? Dựa vào các bài thơ đã học, chỉ ra đặc điểm tiêu biểu về nghệ thuật của thơ Đường luật? | **I. Kiến thức cần nhớ**  **1. Khái niệm thơ Đường**  **Thơ Đường hay thơ Đường luật là những sáng tác ra đời trong giai đoạn nhà Đường (618-907), phải tuân theo luật lệ nhất định.**  **2. Đặc điểm của thơ Đường**  **a. Thể thơ**  - Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  - Thất ngôn bát cú Đường luật  - Ngữ ngôn tứ tuyệt Đường luật  - Cổ thể  **b. Đặc điểm nội dung**  - Tình yêu thiên nhiên  - Tình yêu quê hương, đất nước, con người  - Tình bạn  **c. Đặc điểm hình thức**  ***\* Về số câu, số chữ:***  - Cổ thể: Không hạn định   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thể thơ** | **Số câu** | **Số chữ** | | *Thất ngôn tứ tuyệt ĐL* | 4 | 7 | | *Thất ngôn bát cú ĐL* | 8 | 7 | | *Ngũ ngôn tứ tuyệt ĐL* | 4 | 5 |   **\* Về kết cấu:**  - Bố cục thường gặp ở một số thể thơ:  ***+ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật:*** Khai (1) - Thừa (1) – Chuyển (1) – Hợp (1).  ***+ Thất ngôn bát cú Đường luật:*** Đề (2) – Thực (2) – Luận (2) – Kết (2)  **\* Vần:**  - Vần được gieo ở cuối các câu 1,2,4,6,8.  **\* Luật**  Trong dòng thơ, chữ thứ 4 bào giờ cũng khác thanh điệu với chữ thứ 2 và 6.  VD: Xét các chữ thứ 2 – 4 – 6 thanh điệu của dòng thơ được sắp xếp: B – T – B hoặc T - B - T  **\* Niêm**  Câu 1 niêm với câu 8  Câu 2 niêm với câu 3  Câu 4 niêm với câu 5  Câu 6 niêm với câu 7  **\* Đối**  - Đối thanh  - Đối ý (Ý câu trên và câu dưới có thể đối nhau hoặc bổ sung cho nhau).  - Đối từ loại  **d. Đặc điểm nghệ thuật**  - Lấy động tả tĩnh  - Lấy cảnh tả tình  - Chi tiết chấm phá |

**B. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức: Cá nhân  - HS luyện tập  **Bài tập 1:**  Hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thể thơ | Tác phẩm | Tác giả | | Cổ thể |  |  | | Thất ngôn tứ tuyệt |  |  | | Thất ngôn bát cú |  |  | | Ngũ ngôn tứ tuyệt |  |  | | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1:** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể thơ** | **Tác phẩm** | **Tác giả** |
| Cổ thể | Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh  Bài ca nhà tranh bị gió thu phá | Lí Bạch  Đỗ Phủ |
| Thất ngôn tứ tuyệt | Sông núi nước Nam  Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê  Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra  Bánh trôi nước | Lí Thường Kiệt (?)  Hạ Tri Chương  Trần Nhân Tông  Hồ Xuân Hương |
| Thất ngôn bát cú | Qua đèo Ngang  Bạn đến chơi nhà | Bà Huyện Thanh Quan  Nguyễn Khuyến |
| Ngũ ngôn tứ tuyệt | Phò giá về kinh | Trần Quang Khải |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức: Nhóm  - HS luyện tập  **Bài tập 2:**  a. Chép thuộc lòng phần phiên âm bài thơ “Sông núi nước Nam” – Lí Thường Kiệt (?)  b. Bài thơ thuộc thể thơ Đường luật nào?  c. Chỉ ra đặc điểm về hình thức của thể thơ Đường luật trong bài thơ trên. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 2:**  **a. Sông núi nước Nam**  “Nam quốc sơn hà Nam đế cư  T B T  Tiệt nhiên định phận tại thiên thư  B T B  Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  B T B  Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”.  T B T  **b. Thể thơ:** Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  **c. Đặc điểm:**  - Số câu, số chữ: 4 câu mỗi câu 7 chữ  - Kết cấu: Khai - thừa - chuyển - hợp  - Gieo vần: Vần chân, cuối các câu 1,2,4 (cư – thư – hư).  - Luật Bằng – Trắc: (Xem phần a)  - Niêm: câu 2 với câu 3.  - Đối thanh: câu 1 đối với câu 2; câu 3 đối với câu 4. |

**Tiết 29: *Ôn tập thơ ca Lí Bạch: Vọng Lư Sơn bộc bố; Tĩnh dạ tứ***

***A. Hệ thống kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hướng dẫn ôn tập về tác giả Lí Bạch  ? Trình bày hiểu biết của em về tác giả Lí Bạch.  ? Nêu những nét chính về nội dung, nghệ thuật bài thơ “Vọng Lư Sơn bộc bố” – Lí Bạch.  ? Nêu những nét chính về nội dung, nghệ thuật bài thơ “Tĩnh dạ tứ” – Lí Bạch. | **I. Tác giả Lí Bạch**  - Lí Bạch (701 – 762)  - Nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc đời Đường.  - Tính tình phóng khoáng, luôn mong muốn lập công danh cứu đời, giúp dân.  - Được mệnh danh là Tiên thơ.  - Phong cách: tự do, hào phóng; hình ảnh thơ kì vĩ; ngôn ngữ điêu luyện.  **II. Bài thơ “Vọng Lư Sơn bộc bố” – Lí Bạch**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.  - Hình ảnh thơ tráng lệ, huyền ảo.  - Ngôn ngữ thơ tự do, phóng khoáng.  - Dùng nhiều động từ mạnh, gợi hình, gợi cảm.  **2. Nội dung**  - Vẻ đẹp của thác nước chảy từ đỉnh Hương Lô thuộc dãy núi Lư.  - Thể hiện tình yêu thiên nhiên đằm thắm của tác giả.  **III. Bài thơ “Tĩnh dạ tứ” – Lí Bạch**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ cổ thể.  - Sử dụng thành công phép đối với cặp từ trái nghĩa.  - Ngôn ngữ thơ giản dị mà tinh luyện.  **2. Nội dung**  - Chủ đề quen thuộc “Vọng nguyệt hoài hương”.  - Thể hiện thấm thía tình quê hương của người con sống xa nhà trong đêm thanh tĩnh. |

**B. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức: Nhóm  - HS luyện tập  **Bài tập 1:**  a. Chép thuộc lòng phần phiên âm và dịch thơ bài thơ “Tĩnh dạ tứ”.  b. Tìm các cặp từ trái nghĩa trong bài thơ.  c. Yếu tố “nguyệt” trong bài thơ nghĩa là gì? Yếu tố còn có nghĩa nào khác không? Lấy VD.  d. Dựa vào 4 động từ *nghi, cử, đê, cúi* chỉ ra sự thống nhất, liền mạch của suy tư, cảm xúc của bài thơ.  e. Qua bài thơ, em hãy viết đoạn văn khoảng 5 – 7 câu, nêu cảm nghĩ của em về tình yêu quê hương của tác giả. | **Bài tập 1:**  a.  Phiên âm:  Sàng tiền minh quyệt quang,  Nghi thị địa thượng sương.  Cử đầu vọng minh nguyệt,  Đê đầu tư cố hương.  Dịch thơ:  Đầu giường ánh trăng rọi,  Ngỡ mặt đất phủ sương.  Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,  Cúi đầu nhớ cố hương.  b. Cặp từ trái nghĩa:  Cử (ngẩng) >< Đê (cúi)  c. Yếu tố “nguyệt” trong bài nghĩa là trăng.  Ngoài ra, “nguyệt” còn có nghĩa là tháng.  VD: nguyệt báo hay nguyệt san (tờ báo/tạp chí ra hàng tháng),…  d. Các động từ được sử dụng trong bài Tĩnh dạ tứ: nghi (ngỡ), vọng (nhìn), đê (cúi), tư (nhớ)  Từ các động từ này ta có thể nắm được mạch cảm xúc của bài thơ. Bốn động từ đều bị lược đi chủ thể hành động, nhưng có thể khẳng định rõ chủ thể trữ tình và chủ thể hành động       + Nhân vật trữ tình tỉnh dậy thì nhận thấy ánh sáng lọt qua khe cửa, ngỡ ngàng không rõ sương hay trăng, nhà thơ ngẩng lên như thể xác nhận       + Khoảnh khắc ngẩng đầu gợi lên trong lòng tác giả niềm nhớ thương quê cũ       + Hành động cúi đầu như cố nén đi nguồn cảm xúc đang trào dâng  → Các động từ được sử dụng trong bài là ngọn nguồn của mạch cảm xúc của nhà thơ.  e. Quê hương mấy ai không nhớ” mỗi lúc đi xa, từ nỗi nhớ đó, Thi tiên - Lý Bạch đã để lại cho đời một kiệt tác bất hủ: bài thơ “Tĩnh dạ tứ”. Thuở nhỏ khi còn sống ở quê, Lí Bạch thường lên núi Nga Mi ngắm trăng và yêu tha thiết vầng trăng quê hương ấy. Và kể từ đó mỗi lúc đi xa, đến bất cứ nơi nào, mỗi lần nhìn trăng là tác giả lại nhớ cố hương. Hai câu thơ đầu trong bài gợi tả cảnh, ánh trăng như rọi xuống đầu giường, tỏa ánh sáng lung linh huyền ảo trong đêm khiến cho thi nhân cứ ngỡ mặt đất phủ sương. Ngẩng đầu nhìn trăng bất chợt chạnh lòng nhớ về quê cũ, về một nơi mà tác giả yêu thương thắm thiết. Trên bước đường phiêu bạt, nhà thơ như cánh chim trời tung bay thỏa chí nhưng từ sâu thẳm nỗi nhớ quê vẫn trĩu nặng trong lòng. Không giống như người bạn thân của mình – Hạ Tri Chương nhớ quê trong khoảnh khắc vừa đặt chân trở về quê cũ, Lý Bạch nhớ quê khi đang ở xứ lạ quê người. Bài thơ thật ngắn chỉ vỏn vẹn hai mươi chữ nhưng chứa đầy tình cảm sâu nặng tha thiết với quê hương của người con xa xứ - Lí Bạch. |
| - Hình thức tổ chức: Nhóm  - HS luyện tập  **Bài tập 2:**  a. Chép thuộc lòng phần phiên âm và dịch thơ bài “Vọng Lư Sơn bộc bố”.  b. Bài thơ viết về đề tài gì?  c. Lí Bạch đã lựa chọn vị trí nào để quan sát thác nước trên núi Hương Lô? Vị trí này có thuận lợi gì trong việc miêu tả?  d. Từ “sinh” trong câu thứ nhất được giải thích là gì? Trong bản dịch thơ, từ “sinh” không được dịch. Điều này có ảnh hưởng đến nội dung câu thơ không? Nếu có, hãy chỉ rõ điều đó.  e. Viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ. | **Bài tập 2:**  a. Phiên âm:  Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên,  Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.  Phi lưu trực há tam thiên xích,  Nghi thị ngân hà lạc cửu thiên.  Dịch thơ:  Nắng chiếu Hương Lô khói tía bay,  Xa trông dòng thác trước sông này.  Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước,  Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây.  b. Đề tài: Thiên nhiên  c.  - Qua 2 từ: *vọng* và *dao* ta biết được Lí Bạch đã đứng từ xa để quan sát và miêu tả.  - Vị trí này tạo thuận lợi giúp tác giả phát hiện vẻ đẹp toàn cảnh, làm nổi bật sự hùng vĩ của thác nước Lư Sơn.  d.  - “sinh”: làm nảy sinh, sinh ra.  - Qua đó giúp người ta hiểu được nguồn gốc của làn khói tía kì diệu trên ngọn núi - chúng được tạo nên bởi những tia nắng Mặt Trời ấm áp, rực rỡ. Khơi gợi cảm thức về sức sống, sự sinh sôi, nảy nở của vạn vật trong tự nhiên dưới nguồn sáng Mặt Trời.  → Bản dịch thơ đã làm mất đi ý nghĩa của từ "sinh" trong bài thơ gốc.  e. Hướng dẫn:  - Giới thiệu khái quát về tác giả Lí Bạch, bài thơ “Vọng Lư sơn bộc bố.  **\* Đỉnh núi Hương Lô**  - Vị trí: đứng từ xa để ngắm cảnh thác nước.  ⇒ Quan sát một cách bao quát, toàn diện.  - Động từ “sinh”: nảy nở, sinh ra, qua đó cho ta thấy ánh mặt trời xuất hiện như chủ thể làm cho mọi vật sinh sôi, nảy nở.  - Đỉnh núi Hương Lô được miêu tả dưới những tia nắng mặt trời chiếu rọi, làn hơi nước phản quang với ánh mặt trời ấy tạo nên những làn khói màu tím vừa rực rỡ vừa kì ảo, đó chính là nét đặc trưng của đỉnh núi Hương Lô.  ⇒ Câu thơ đầu gợi ra cái nền, cái khung cảnh đẹp huyền ảo của cảnh vật.  **\* Thác núi Lư**  - Động từ “quải” (treo) đã biến cảnh vật từ trạng thái động sang trạng thái tĩnh: nhìn từ xa, đỉnh núi là khói tía mù mịt, chân núi là dòng sông tuôn chảy, khoảng giữa là thác nước treo lơ lửng như giải lụa trắng rủ xuống bất động.  - Với hai động từ “phi”, “lưu” cảnh vật đang từ trạng thái tĩnh lại chuyển sang trạng thái động. Thác nước được miêu tả một cách trực tiếp nhưng qua đó ta lại thấy được thế núi cao và sườn dốc đứng.  - “Tam thiên xích” lag một con số ước lệ, qua đó làm tăng thêm độ nhanh, sức mạnh và thế đổ của dòng thác  - Phép so sánh, lối nói phóng đại: thác nước – dải Ngân Hà, qua đó cho thấy sự mạnh mẽ, kì vĩ của thiên nhiên  ⇒ Thác núi Lư hiện lên rất đẹp, kì vĩ và mạnh mẽ. Qua đó, giúp chúng ta cảm nhạn được tình yêu thiên nhiên và phần nào đó tính cách mạnh mẽ, hào phóng của tác giả.  => Qua đặc điểm cảnh vật được miêu tả ta có thể thấy Lí Bạch là nhà thơ có một tình cảm bao la, cảm xúc sâu lắng phát xuất từ tình yêu thiên nhiên say đắm mãnh liệt cùng với đó là tâm hồn lãng mạn và bay bổng, phóng khoáng, biểu lộ ước vọng mạnh mẽ về lẽ sống của ông.  - Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ  - Cảm nhận của bản thân về bài thơ: bài thơ thể hiện rõ những đặc điểm sáng tác của Lí Bạch. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

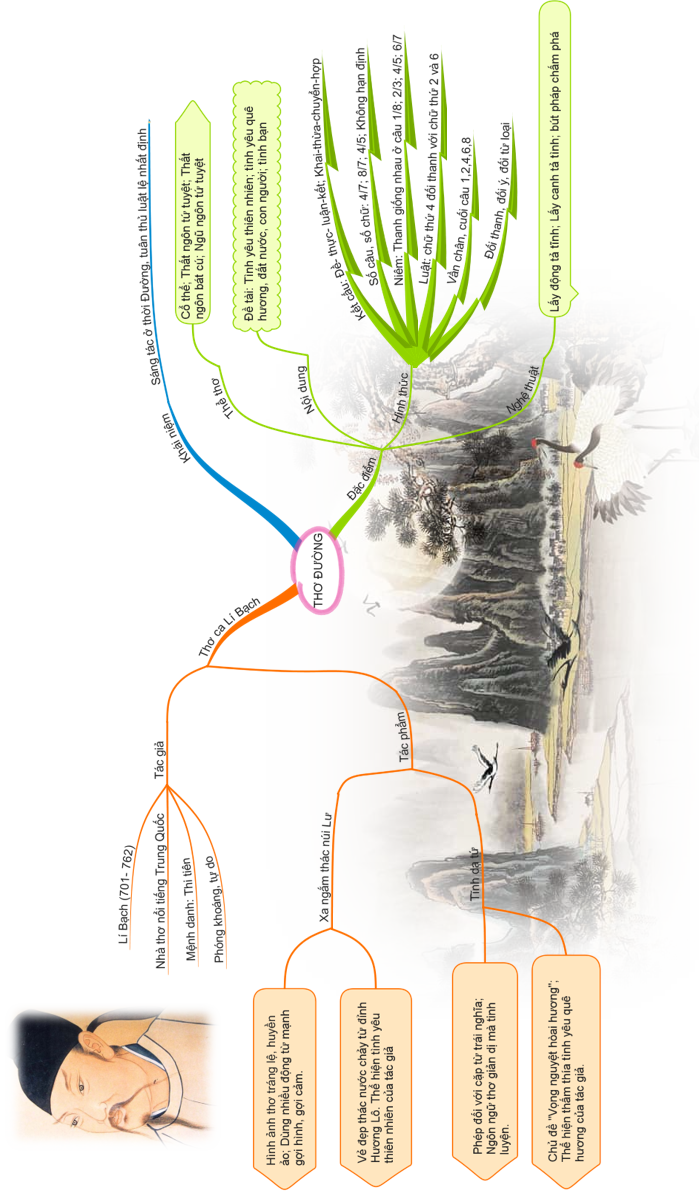
**a. Củng cố:**

- Hướng dẫn học sinh vẽ sơ đồ tư duy kiến thức bài học.

**b. Dặn dò:**

- Học thuộc phần phiên âm, dịch thơ và ghi nhớ bài thơ “Vọng Lư Sơn bộc bố” và “Tĩnh dạ tứ” – Lí Bạch

**SƠ ĐỒ TƯ DUY BÀI HỌC**

****

**TIẾT 30: CHUYÊN ĐỀ: TỪ VỰNG (TIẾP THEO)**

*- Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa*

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

**-** Nắm được khái niệm từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.

**-** Hiểu và phân tích được tác dụng của việc sử dụng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.

**-** Nắm được cách sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa

**2. Kĩ năng**

**-** Nhận biết từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa

- Biết phát hiện và chữa lỗi trong sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa.

**3. Thái độ:**

- Sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa phù hợp với ngữ cảnh.

- Yêu mến Tiếng Việt.

- Tích cực, chủ động trong học tập.

**4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển**:

+ Năng lực giải quyết vấn đề

+ Năng lực giao tiếp tiếng Việt

+ Năng lực cảm thụ thẩm mỹ

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

***A. Hệ thống kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV hướng dẫn học sinh ôn tập kiến thức từ đồng nghĩa  ? Thế nào là từ đồng nghĩa?  ? Có mấy loại từ đồng nghĩa? Đó là những kiểu nào? Lấy VD.  ? Khi nói hoặc viết, người ta sử dụng từ đồng nghĩa nhằm mục đích gì?  ? Khi sử dụng từ đồng nghĩa cần lưu ý điều gì?  GV hướng dẫn học sinh ôn tập kiến thức từ trái nghĩa  ? Thế nào là từ trái nghĩa?  ? Việc sử dụng từ trái nghĩa có tác dụng gì? | **I. Từ đồng nghĩa**  **1. Khái niệm**  - Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.  **2. Phân loại**  - Đồng nghĩa hoàn toàn:  VD: cha, bố, ba,…  - Đồng nghĩa không hoàn toàn:  VD: Hy sinh, từ trần, tạ thế, chết, mất, băng hà, qua đời, bỏ mạng,…  **3. Sử dụng từ đồng nghĩa**  **a. Tác dụng:**  - Tránh lặp từ hay tạo cảm giác nặng nề, nhàm chán.  - Giúp cho câu văn thêm phong phú, sinh động.  b. Sử dụng từ đồng nghĩa  - Không phải bao giờ từ đồng nghĩa cũng có thể thay thế cho nhau.  - Cần lựa chọn, sử dụng từ đồng nghĩa đúng thực tế khách quan và sắc thái biểu cảm.  **II. Từ trái nghĩa**  **1. Khái niệm**  - Từ trái nghĩa là những từ có ý nghĩa trái ngược nhau.  **2. Sử dụng từ trái nghĩa**  - Sử dụng từ trái nghĩa để giải nghĩa từ.  - Trong văn chương, từ trái nghĩa tạo ra các hình tượng tương phản, tạo nên sự hài hòa, cân đối, gây ấn tượng mạnh, tăng hiệu quả biểu đạt.  - Là phương tiện hữu ích của biện pháp tu từ chơi chữ. |

***B. Luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức: Cá nhân  - HS luyện tập  **Bài tập 1:**  Tìm các từ có thể thay thế cho những từ in đậm trong câu sau (về cơ bản vẫn giữ nguyên nghĩa của câu):  a. Mời bác **xơi** cơm.  b. **Lớp trưởng** lớp mình thật tuyệt vời.  Cho biết trường hợp nào có thể sử dụng từ đồng nghĩa, trường hợp nào không thể dùng từ đồng nghĩa? | **Bài tập 1:**  a. Mời bác **ăn** cơm.  **=> Từ đồng nghĩa**  **b. Bạn X** lớp mình thật tuyệt vời.  => **Không đồng nghĩa** với nhau những có thể thay thế cho nhau trong văn cảnh. |
| - Hình thức tổ chức: Cá nhân  - HS luyện tập  **Bài tập 2:** Trong mỗi nhóm từ dưới đây, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại:  a) Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, nước nhà, non sông, nước non, non nước.  b) Quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê mùa, quê hương xứ sở, nơi chôn rau cắt rốn. | **Bài tập 2:**  a. Tổ tiên  b. Quê mùa |
| - Hình thức tổ chức: Nhóm  - HS luyện tập  **Bài tập 3:** Tìm và điền tiếp các từ đồng nghĩa vào mỗi nhóm từ dưới đây và chỉ ra nghĩa chung của từng nhóm:  a) Cắt, thái, …  b) To, lớn,.....  c) Chăm, chăm chỉ,..... | **Bài tập 3:**  a. Cắt, thái, chặt, băm, chém, xén, cưa, xẻ, bổ…  => Hành động chia đối tượng thành nhiều phần nhỏ.  b. To, lớn, vĩ đại, khổng lồ, to tướng, to tát, …  => Tính từ chỉ kích thước lớn, quá mức bình thường.  c. Chăm, chăm chỉ, siêng năng, chịu khó, cần cù, chuyên cần,..  => Làm nhiều, đều đặn một việc gì đó. |
| - Hình thức tổ chức: Cá nhân  - HS luyện tập  **Bài tập 4:**  Đọc ngữ liệu sau:  Anh em nào phải người xa,  Cùng chung **bác mẹ**, một nhà cùng thân.  Yêu nhau như thể tay chân,  Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.  **a.** Bài ca dao trên nằm trong chùm bài ca dao nào mà em đã học?  **b.** Tìm từ đồng nghĩa với từ “bác mẹ”.  **c.** Bài ca dao sử dụng biện pháp tu từ nào?  **d.** Bài ca dao viết về nội dung gì? | **Bài tập 4:**  **a**. Những câu hát về tình cảm gia đình.  **b.** Từ đồng nghĩa với “bác mẹ”: cha mẹ, bố mẹ, ba mẹ,…  **c.** Biện pháp tu từ so sánh.  **d.** Bài ca dao là lời khuyên lời nhắn nhủ tới thế hệ chúng ta, đã là anh em một nhà, cùng do cha mẹ sinh ra phải hòa thuận, nương tựa lẫn nhau thì gia đình mới ấm êm, cha mẹ mới vui lòng. |
| - Hình thức tổ chức: Theo cặp  - Hs luyện tập  **Bài tập 5:** Cho 2 từ *lạnh, rét*. Chỉ ra sự khác nhau về sắc thái sử dụng của 2 từ trên. | **Bài tập 5:**  - Lạnh: biểu thị tính chất khách quan (sử dụng ở cả người và vật): nước lạnh, máu lạnh, máy lạnh,…  - Rét: biểu thị cảm nhận chủ quan của con người. |
| - Hình thức tổ chức: cá nhân  - Hs luyện tập  **Bài tập 6:** Gạch dưới các cặp từ trái nghĩa trong những câu thơ sau :  a. Sáng ra bờ suối, tối vào hang  Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.  b. Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay  Ra sông nhớ suối có ngày nhớ đêm.  c. Có gì đâu, có gì đâu  Mỡ màu ít, chắc dồn lâu hóa nhiều. | **Bài tập 6:**  a. Sáng >< tối; ra >< vào.  b. Ngọt bùi >< đắng cay; ngày >< đêm  c. Ít >< nhiều |
| - Hình thức tổ chức: nhóm  - Hs luyện tập  **Bài tập 7:** Tìm những cặp từ trái nghĩa:  - Miêu tả tính cách  - Miêu tả tâm trạng  - Miêu tả cảm giác. | **Bài tập 7:**  - Miêu tả tính cách: thật thà >< dối trá; khiêm tốn >< kiêu căng; chăm chỉ >< lười biếng;…  - Miêu tả tâm trạng: vui >< buồn; hạnh phúc >< đau khổ; vui sướng >< buồn bã; lạc quan >< bi quan,…  - Miêu tả cảm giác: nóng >< lạnh; ướt >< khô; mềm mại >< sần sùi; cứng >< mềm;… |
| - Hình thức tổ chức: cá nhân  - Hs luyện tập  **Bài tập 8:**  Tìm từ trái nghĩa trong khổ thơ dưới đây. Phân tích tác dụng cặp từ trái nghĩa tìm được.  Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ  Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi  Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi  Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng. | **Bài tập 8:**  - Cặp từ trái nghĩa: to >< nhỏ.  - Tạo hình ảnh tương phản, gây ấn tượng. Dù lưng mẹ nhỏ nhưng vẫn là chiếc gối êm ái nhất cho con trẻ. Gợi sự vất vả và tình yêu thương của mẹ dành cho con. |
| - Hình thức tổ chức: nhóm  - Hs luyện tập  **Bài tập 9:**  Cho câu thơ:  Khi đi trẻ, lúc về già  **a.** Chép tiếp để hoàn thiện bài thơ.  **b.** Bài thơ vừa chép là bài thơ nào? Của ai.  **c.** Xác định các cặp từ trái nghĩa trong bài thơ. Nêu tác dụng của việc sử dụng từ trái nghĩa đó.  **d.** Viết đoạn văn, nêu suy nghĩ của em về tình yêu quê hương. Trong đó sử dụng một cặp từ trái nghĩa. (Gạch chân cặp từ trái nghĩa đó) | **Bài tập 9:**  **a.**  Khi đi trẻ, lúc về già  Giọng quê vẫn thế, tóc đà khác bao.  Trẻ con nhìn lạ không chào  Hỏi rằng: Khách ở chốn nào lại chơi?  **b.** Bài thơ “Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê” – Hạ Tri Chương  **c.**  - Cặp từ trái nghĩa:  đi >< về; già >< trẻ.  - Tác dụng:  + Hai hình ảnh, hai hành động tương phản làm nổi bật sự thay đổi ở hai thời điểm khác nhau trong cuộc đời người, hàm chứa sự ngậm ngùi, xót xa.  + Tạo phép đối, tô đậm, khắc sâu hình ảnh và tình cảm biểu đạt.  **d.**  Quê hương có một vị trí quan trọng trong lòng mỗi người. Đặc biệt, đối với những con người lao động, nhất là người nông dân, họ đã gắn bó mật thiết với quê hương. Từ lúc còn **nhỏ** cất tiếng khóc chào đời, rồi khi **lớn** lên cho tới lúc chết họ đã sống gắn liền với làng quê. Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý của dân tộc Việt Nam. Cho dù có ở nơi xa nhưng mỗi người vẫn luôn nhớ về quê nhà của mình. Quê hương như một người mẹ hiền ôm ta vào lòng và dành cho ta những gì tốt đẹp nhất. Quê mẹ là nơi ấp ủ tình yêu thương, nơi nuôi ta lớn, dạy dỗ, an ủi che chở cho ta. Quê hương - hai tiếng thân thương mỗi lần nghe thấy chúng ta không khỏi xúc động bồi hồi. Tình yêu quê hương đã ăn sâu vào máu thịt, đi sâu vào lòng mỗi con người. Vì vậy nếu ai chưa nhận thức chưa có tình cảm gắn bó với xứ sở của mình thì hẳn họ chưa được coi là trưởng thành. Quê hương đi vào lòng con người một cách rất tự nhiên. Người ta có thể nhớ tới quê hương đất nước của mình chỉ qua một món ăn bình dị hay một địa danh đã gắn liền với những kỷ niệm đẹp… |

**III. Củng cố - Dặn dò**

**a. Củng cố**

- Yêu câu HS nhắc lại: Thế nào là từ đồng nghĩa? Thế nào là từ trái nghĩa?

- Khi nói hoặc viết, sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa có tác dụng gì?

**b. Dặn dò**

- Học thuộc phần ghi nhớ bài từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.

- Hoàn thiện bài tập còn thiếu.

- Chuẩn bị nội dung:

+ Chuyên đề: Thơ Đường (Đỗ Phủ với bài thơ “Mao ốc vị phong thu sở phá ca”).

+ Chuyên đề: Văn biểu cảm (Tiếp theo)

**TIẾT 21+32+33: CHUYÊN ĐỀ THƠ ĐƯỜNG (tiếp)**

**CHUYÊN ĐỀ VĂN BIỂU CẢM**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1. Kiến thức***

Giúp học sinh :

- Nắm được một số nội dung về đề văn biểu cảm và cách lám bài văn biểu cảm về sự vật con người

- Cách lập ý của bài văn biểu cảm.

- Biết vận dụng những hiểu biết từ bài học tự chọn này để phân tích một số đề văn biểu cảm,…

***2. Kỹ năng***

- Rèn kĩ năng thực hành tìm hiểu đề và cách lập dàn ý.

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Bồi dưỡng lòng yêu quê hương, gia đình.

- Giáo dục tư tưởng, lòng yêu nước, có ý thức học tập, rèn luyện viết đoạn văn.

-Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

**i** Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mĩ, hợp tác

**II. Tiến trình lên lớp**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2: Kiểm tra bài cũ:**

**3: Bài mới.**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Em hãy nêu những nét chính về hoàn cảnh ra đời, bố cục và nội dung, nghệ thuật bài thơ “Bài ca nhà tranh bị gió thu phá”? | **I. Văn bản: Bài ca nhà tranh bị gió thu phá** 1. Tác giả  * - Đỗ Phủ (712 -770) * - Tự là Tử Mĩ, hiệu Thiếu Lăng- Quê Hà Nam. * - Làm quan trong một thời gian ngắn. * - Con đường thi cử lận đận → Sống trong đau khổ bệnh tật * - Nhà thơ hiện thực vĩ đại đời Đường của Trung Quốc * - Được mệnh danh là “Thi sử” và "Thi Thánh" * - Những tác phẩm của ông mang giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc   **2. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm**  - Bài thơ được sáng tác năm 760. Khi được bạn bè và người thân giúp đỡ, Đỗ Phủ dựng được một nhà tranh bên cạnh khe Cán Hoa ở phía tây Thành Đô. Đỗ Phủ vừa ở nhà mới được mấy tháng thì căn nhà đã bị gió phá nát.  - Bài thơ là một tác phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ  **3. Bố cục (4 phần):**  - Phần 1 (khổ 1): Cảnh ngôi nhà bị gió thu phá  - Phần 2 (khổ 2): Cảnh những đứa trẻ cướp tranh  - Phần 3 (khổ 3): Nỗi khổ của gia đình trong đêm  - Phần 4 (khổ 4): Ước vọng của nhà thơ  **4. Giá trị nội dung**  a. Giá trị nhân đạo: Vượt lên trên bất hạnh cá nhân, bộc lộ khát vọng cao cả, tấm lòng vị tha vì muôn người của bậc thi thánh.   * + Sự thấm thía sâu sắc nỗi thống khổ của người nghèo.   + Mơ ước về ngôi nhà rộng vững chắc che chở cho người nghèo.   + Niềm vui của bản thân trước sự hân hoan của người nghèo khổ có nhà.   b. Giá trị hiện thực: Phê phán hiện thực đen tối, bất công của xã hội hiện thực đương thời.   * + Bắng cách sử dụng đan xen các yếu tố tự sự , miêu tả và biểu cảm, bài thơ tái hiện lại tình cảnh nghèo khổ cua chính tác giả .   + Qua đó khái quát hiện thực cuộc sống của lớp người nghèo khổ trong xã họi Trung Quốc lúc bấy giờ.   **5. Giá trị nghệ thuật**  - Thể thơ cổ thể  - Sự sắp xếp các chi tiết theo trình tự hợp lí  - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm |
| Để lập ý cho văn biểu cảm, có những cách nào?  Trong bài văn biểu cảm về sự vật, con người, tình cảm được biểu hiện là tình cảm như thế nào?  Một bài văn biểu cảm về sự vật, con người gồm mấy phần? Nhiệm vụ của từng phần?  Trong văn biểu cảm về sự vật, con người, yếu tố miêu tả và tự sự có vài trò như thế nào? | **II. Văn biểu cảm**  **1. Cách lập ý của bài văn biểu cảm**  a. Liên hệ hiện tại và tương lai  b. Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại  c. Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước  d. Quan sát, suy ngẫm 2. Văn biểu cảm về sự vật, con ngườia. Khái niệm  * Văn biểu cảm về sự vật, con người là trình bày những cảm xúc, tưởng tượng, liên tưởng, suy nghĩ của mình về sự vật hay con người đó.   **b. Thái độ, tình cảm trong văn biểu cảm** **về sự vật, con người**  - Phải có những tình cảm tốt đẹp mới có thể viết được một bài văn biểu cảm :  + T/ C phải cao thượng, thấm nhuần tư tưởng nhân văn, dân chủ, tiến bộ, yêu nước, thiên nhiên...  + Phải tuyệt đối chân thành, không được giả dối.  ***c) Bố cục***  ***\* Mở bài***:  - Trực tiếp: giới thiệu luôn về đối tượng được biểu cảm  - Gián tiếp: Có thể giới thiệu về sự vật, cảnh vật trong không gian cảm xúc ban đầu của mình để làm cơ sở để nêu ra đối tượng được biểu cảm  ***\* Thân bài***: qua miêu tả, tự sự mà biểu lộ tình cảm, ý nghĩ một cách cụ thể, chi tiết, sâu sắc  - Những chi tiết tự sự- miêu tả trong bài phải phải tiêu biểu và có giá trị biểu cảm  - Có thể biểu cảm bằng cách: hồi tưởng quá khứ, liên hệ tương lai, hứa hẹn, mong ước, quan sát và suy ngẫm  - Diễn đạt bằng lời văn giàu hình tượng và gợi cảm \* Kết bài: Kết đọng cảm xúc, ý nghĩ hoặc nâng lên bài học tư tưởng. **d. Các cách biểu cảm**  - Trực tiếp:  + Bộc lộ qua tiếng kêu, lời than: Ôi, đẹp quá! Khổ quá!  + Qua các từ ngữ trực tiếp gọi tên tình cảm đó: yêu, ghét, nhớ, mong...  - Gián tiếp: Thông qua việc tả- kể một hình ảnh, sự vật nào đó để bộc lộ tình cảm 3. Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản biểu cảm - Phương thức tự sự và miêu tả để gợi ra đối tượng biểu cảm và gửi gắm cảm xúc  - Tự sự và miêu tả để khơi gợi cảm xúc, do cảm xúc chi phối không nhằm mục đích kể chuyện, miêu tả đầy đủ sự việc, phong cảnh |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV cho HS thảo luận nhóm bàn trong 5 phút.  **Bài tập 1**  Những nỗi khổ nào của nhà thơ được đề cập trong bài thơ *“Bài ca nhà tranh bị gió thu phá”* ?    HS thảo luận theo bàn  Hết thời gian, GV gọi đại diện 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận.  Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét  GV NX, bổ sung, chốt kiến thức. | **Bài 1**  **Những nỗi khổ đau được Đỗ Phủ miêu tả trong bài thơ:**  - Nỗi khổ vì ngôi nhà bị gió cuốn: cái thì bay sang sông, cái thì treo trên ngọn cây, cái nhào xuống lòng mương tơi tả. Cảnh tượng thật kinh hoàng. Cách miêu tả của tác giả rất cụ thế mang đến cho người đọc một cái nhìn chua chát và sự bất lực của nhà thơ khi thấy mái tranh nhà mình bỗng chốc tan hoang. Đó chính là nỗi khổ đầu tiên trong bài thơ mà Đỗ Phủ miêu tả.  - Đằng sau sự mất mát về vật chất là nỗi đớn đau về mặt tinh thần (khi tác giả chứng kiến cảnh trẻ con cướp những tấm tranh – cuộc sống cùng cực quá đã làm thay đổi tính cách trẻ thơ), một bên ông già chống gậy lọm khọm, miệng gào thét đến khô cháy mà chẳng đòi lại được.  - Nỗi khổ phải nằm trong mưa lạnh: Đêm tối mù mịt, nhà dột, chăn nát, còn bị con thơ đạp làm rách thêm… cơm mưa kéo dài suốt đêm không dứt càng làm cho nỗi khổ thêm chồng chất.  - Những nỗi khổ trên chỉ là bức phông nền cho sự xuất hiện nỗi khổ đến tận cùng giáng xuống đầu tác giả: tuổi cao lại do cảnh loạn li nên tác giả suốt một đêm không ngủ, để rồi trong nỗi đau khổ của bản thân người chỉ biết nghĩ đến cho thiên hạ, cho kẻ sĩ nghèo. |
| GV cho HS làm bài cá nhân  **Bài tập 2: Em hãy viết đoạn văn cảm nhận vẻ đẹp của khổ thơ cuối bài?**  HS suy nghĩ, viết đoạn văn  GV gọi 2 HS khá, giỏi đọc bài | **Bài 2: HS cần viết được đoạn văn hoàn chỉnh, cần đảm bảo các ý sau:**   * + - Đoạn cuối thể hiện ước mơ cao cả xuất phát từ tấm lòng nhân ái của nhà thơ * Trong cảnh bị mưa dập, gió vùi, nhà thơ đau lòng nghĩ đến bao nhiêu kẻ sĩ nghèo khó cũng lâm vào cảnh ngộ khốn khổ như mình. * Ông ước có được ngôi nhà rộng muôn ngàn gian để che chở cho họ: ước được nhà rộng muôn ngàn gian, Che khắp thiên hạ kể sĩ nghèo đểu hân hoan... * Nếu ước muốn ấy thành sự thực thì dù: Riêng lều ta nát, chịu chết rét củng được   🡪Quên mình vì người, đó là lòng nhân ái cao cả của nhà thơ.  **Đoạn văn tham khảo:**  Đoạn cuối phản ánh ước mơ cao cả của nhà thơ.  Trong cảnh bị mưa vùi gió dập, trái tim nhà thơ quặn thắt không phải chỉ vì chuyện lều ta rách nát mà còn vì cảnh không nhà của hàng ngàn kẻ sĩ nghèo trong thiên hạ. Từ hiện thực đau khổ của cuộc sống cá nhân, nhà thơ đã thốt lên lời ao ước thiết tha: có được ngôi nhà rộng rãi, vững bền để có thể che gió che mưa cho tất cả những kẻ sĩ bần hàn: ước được nhà rộng muôn ngàn gian,  Che khắp thiền hạ kể sĩ nghèo đầu hân hoan,  Gió mưa chẳng núng, vững vàng như thạch bàn!  Than ôi! Bao giờ nhà ấy sừng sững dựng trước mắt,  Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được!  Lòng nhân ái của Đỗ Phủ đã đến mức xả thân. Ông chấp nhận riêng mình chịu khổ, miễn sao mọi người được hạnh phúc. Ước mơ của Đỗ Phủ tuy mang màu sắc ảo tưởng song nó đẹp đẽ, cao quý, làm xúc động trái tim người đọc.  Giả thử không có năm dòng thơ cuối, trước mắt ta vẫn là một bài thơ hay, có giá trị biểu cảm cao bởi vì nhà thơ đã phản ánh chân thực nỗi khổ của một người nghèo trước cảnh căn nhà bị gió thu phá nát.  Tuy nhiên, nhờ có năm dòng thơ cuối mà nỗi khổ đau của một con người, một gia đình mới trở thành tấm gương phản chiếu nỗi khổ đau của muôn người, muôn nhà.  Đỗ Phủ không dừng lại ở mức miêu tả nỗi thống khổ của bản thân mà thông qua đó để thế hiện sự thống khố của tất cả kẻ sĩ nghèo trong thiên hạ, từ đó phản ánh hiện thực ảm đạm của xã hội. |

**Tiết 2:**

***Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV cho HS suy nghĩ cá nhân, làm BT sau:  **Bài tập 1:**  ***Hãy đọc các đoạn văn sau và xác định tình cảm của người viết được bộc lộ với đối tượng nào, cách biểu hiện ra sao?***  a. ...Cảm ơn đất Mẹ. Dù ở đâu, miền Nam hay miền Bắc, Người đều cho chúng con hoa thơm, trái ngọt. Và, hằng ngày, trong cuộc sống đời thường từ hoa trái, chúng con lại thấy Người...  b. ...Năm tháng đi và sẽ còn đi qua mãi. Tình yêu của tôi đối với hoa hồngnhung lúc nào cũng tinh khôi như buổi đầu đời ấu thơ, như tình yêu của tôi với nhưng rang cổ tích, với ông nội kính yêu, thật tuyệt vời của tôi.. | **Bài 1:**  a.  - Đối tượng được biểu cảm là những mảnh đất có hoa thơm, trái ngọt của Tổ quốc  - Cách biểu cảm: gián tiếp nói lên tình yêu quê hương, đất nước.  b.  - Đối tượng được biểu cảm: tuổi ấu thơ, trang cổ tích, ông nội  - Cách biểu cảm: Gián tiếp qua hoa hồng nhung, nói lên tình cảm gắm bó với người ông. |
| **\* Bài tập 2:**  Cho đề bài: *Cảm nghĩ về người thân*  Hãy viết phần mở bài cho đề bài trên theo hai cách.  -HS làm heo hướng dẫn của GV | **Bài 2: Gợi ý:**  - Trực tiếp:  + Cha là một trong những người tôi yêu thuơng và kính trọng nhất nhà.  + Mẹ là người không thể thiếu trong cuộc đời tôi.  - Gián tiếp:  + Chúng tôi nghe cô giáo tâm sự: Lúc còn nhỏ tuổi, bố cô ở nhà, thì chẳng có chuyện gì xảy ra. Bố cô vừa đi công tác, tối hôm ấy, bọn trộm đã đến rình rập, làm lũ gà trong chuồng cứ lục đục kêu...Tôi chưa thấm thía câu chuyện của cô giáo về vai trò của người cha lắm. Bởi vì cha tôi cứ đi là từ sáng sớm đến tối mịt mới về, khi ấy gia đình tôi ấm cúng, hạnh phúc lắm. Thế mà có một lần, cha tôi đi công tác xa, ba năm liền. Thời gian ấy, tôi thấy gia đình trống trải vô cùng.  + Bố tôi là một người nghiêm khắc và ít nói. Vì vậy, trong nhà, tôi sợ bố nhất. Nhưng mối khi đi xa thì bố lại là người tôi nhớ nhất. |
| GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận, lần lượt hoàn thiện các yêu cầu sau, trình bày trên giấy A0, thời gian thảo luận: 10 phút.  **Bài 2:**  Đề 1: Cảm nghĩ về thầy, cô giáo, những " người lái đò" đưa thế hệ trẻ cập bến tương lai.  Đề 2: Cảm nghĩ về tình bạn.  Đề 3: Cảm nghĩ về sách vở mình đọc và học hằng ngày.  Đề 4: Cảm nghĩ về một món quà em nhận được thời thơ ấu.  HS thảo luận.  GV theo dõi, hỗ trợ nhóm yếu.  Hết thời gian, các nhóm lên trình bày kết quả.  Các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung  GV NX, bổ sung, chốt kiến thức trên máy chiếu. | Gợi ý lập dàn bài **Đề 1:** **Cảm nghĩ về thầy, cô giáo, những " người lái đò" đưa thế hệ trẻ "cập bến" tương lai.**  \*Mở bài  - Cảm nghĩ chung về hình ảnh thầy cô giáo trong suy nghĩ và tình cảm của học trò.  \*Thân bài  - Cảm nghĩ về những tri thức mà thầy cô mở ra cho học sinh   * + - Thầy cô là người mang cho học sinh tri thức (những kiến thức trong vấn đề học tập, cách đối nhân xử thế, cách cư xử…)     - Ý nghĩa của những tri thức đó trong giáo dục và bồi dưỡng tình cảm, hình thành nhân cách cho học sinh.   - Cảm nghĩ về hình ảnh người thầy, người cô   * + - Hình ảnh thầy cô trong việc truyền tải tri thức ( liên tưởng đến hình ảnh thầy cô soạn giáo án, thầy cô giảng dạy…).     - Cảm nghĩ về sự quan tâm và những tình cảm của thầy cô với lớp học.     - Nêu suy nghĩ bản thân về cuộc sống thanh bạch của người thầy và "nghề giáo".     - Nêu cảm nghĩ về những đóng góp của thầy cô cho tương lai đất nước     - Suy nghĩ về hình ảnh người thầy, người cô hiện nay (mở rộng vấn đề).   \*Kết bài  - Khẳng định hình ảnh thầy cô sống mãi trong lòng học sinh.  **Đề 2:**Cảm nghĩ về tình bạn  \*Mở bài  - Nêu được ý nghĩa của một tình bạn đẹp, giới thiệu tình bạn gắn bó của mình.  - Dẫn chứng ca dao, dân ca nói về tình bạn.  \*Thân bài  - Thế nào là một tình bạn đẹp?  + Tình cảm bạn bè dành cho nhau phải chân thành, trong sáng, vô tư, tin tưởng, ...  + Bạn bè phải hiểu biết và thông cảm, sẵn sàng chia sẻ vui buồn, giúp đỡ nhau tận tình.  + Không bao che, dung túng, trước thói xấu của bạn ...  - Những câu chuyện mà em nhớ mãi không quên về tình bạn ấy  - Cảm xúc, suy nghĩ đối với người bạn mình.  - Không có bạn bè, đó là điều bất hạnh  \*Kết bài  - Cảm nghĩ chung về tình bạn và lời hứa mãi trân trọng giữ gìn tình bạn đẹp.  **Đề 3:**Cảm nghĩ về sách vở mình đọc và học hằng ngày.  \*Mở bài  - Giới thiệu về sách vở.  + Người ta thường nghĩ rằng mọi thứ đắt tiền đều quý giá nhưng thực tế có những thứ chưa hẳn là đắt nhất nhưng lại rất quý, thận chí là vô giá. Đó chính là sách vở.  \* Thân bài  - Nêu vai trò của sách vở với con người (sách vở giúp chúng ta như thế nào, nó dạy ta điều tốt hay xấu,..)  - Những cử chỉ, hành động, đối xử với sách vở (trân trọng hay dẫm đạp lên quyển sách, vở)  - Bạn đã từng nhìn thấy người khác đối xử với quyển sách như thế nào.  - Sách vở còn giúp con người giải trí với những mẩu truyện cười, giúp đầu óc thanh thản hơn, giúp bạn qua đi những mệt mỏi của mình.  - Sách còn dạy chúng ta kinh nghiện sống, giúp ta vươn tới thành công, đến đỉnh cao của tri thức.  - Nếu trên đời không có sách vở thì sẽ ra sao.  \*Kết bài  - Nêu cảm nghĩ của mình về sách vở, và khẳng định lại vai trò của sách trong cuộc sống.  **Đề 4:**Cảm nghĩ về một món quà em nhận được thời thơ ấu.  \*Mở bài  Giới thiệu sơ lược về món quà, cảm nghĩ chung về ý nghĩa món quà với bản thân.  \*Thân bài  - Hồi tưởng về món quà: Đó là gì? do ai tặng (bạn bè, người thân, thầy cô…), nhận được món quà vào dịp nào?  - Hồi tưởng lại tâm trạng và tình cảm của bản thân khi nhận được món quà : cảm thấy vui vẻ, xúc động, biết ơn….  - Nêu cảm nghĩ về ý nghĩa của món quà với bản thân trong quá khứ và hiện tại.  + Quá khứ: Món quà có ý nghĩa gì với cuộc sống bản thân (có thể là sự khích lệ với bản thân để phấn đấu, món quà mang lại niềm vui tuổi thơ…)  + Hiện tại: Món quà đó có ý nghĩa như thế nào (vd: nó trở thành nơi lưu giữ những kỉ niệm tuổi thơ; chính món quà cũng là một kỉ niệm, hồi ức không thể quên được…)  \*Kết bài  Nêu suy nghĩ, tình cảm với món quà và ý nghĩa của nó với bản thân trong cuộc đời. |

**Tiết 3:**

***Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| HS suy nghĩ cá nhân, làm các BT sau  **Bài tập 1**  Tìm các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ "*Cảnh khuya*" và nêu ý nghĩa của chúng đối với bài thơ  *Tiếng suối trong như tiếng hát xa,*  *Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.*  *Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,*  *Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*  (Hồ Chí Minh) | **Bài 1.**   * Các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ "*Cảnh khuya*"   + Tự sự: Kể về việc ngắm cảnh đêm trăng và việc Bác chưa ngủ.   + Miêu tả: miêu tả tiếng suối, trăng, cây rừng ở Việt Bắc.   ⇒ Ý nghĩa: làm nổi bật tình yêu thiên nhiên và lòng yêu nước |
| **Bài tập 2**  Chỉ ra các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản “Bài ca Côn Sơn” của Nguyễn Trãi | **Bài tập 2**  Các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài Côn Sơn ca của Nguyễn Trãi  - Yếu tố miêu tả: thể hiện trí tưởng tượng phong phú, độc đáo của tác giả  + Miêu tả tiếng suối, đá, rừng thông, rừng trúc  - Yếu tố biểu cảm:  + Thể hiện tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó, hòa quyện với thiên nhiên  + Tấm lòng yêu nước, thương dân của Nguyễn Trãi |
| **Bài 3: Lập dàn ý và làm bài cho bài văn biểu cảm:Cảm xúc về người thân(mẹ)** | **Hướng dẫn**  **Mở bài:** Dùng một câu thơ, câu ca dao, bài hát hay một ý trong câu chuyện nổi tiếng để dẫn dắt đề tài. Ví dụ: nói về mẹ dùng câu hát“riêng mặt trời chỉ có một mà thôi và mẹ em chỉ có một trên đời”. Biểu cảm cha “công cha nặng lắm ai ơi/ nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang”- ca dao. Biểu cảm về chị “nhà tôi trên bến sông…chị tôi trông dễ thương bán rau chợ cầu Đông, chị tôi chưa lấy chồng”….  Mỗi lần nghe ai đó hát bài hát về mẹ/chị/ông…là lòng tôi lại trỗi dậy một tình yêu vô bờ dành cho mẹ/ba.. của mình. Người đã dùng cả tuổi xuân để mang đến cho tôi cuộc sống đủ đầy. Người đã dạy tôi thành một con người đúng nghĩa và chính người đã để lại trong tôi một thời tươi đẹp nhất cuộc đời.  **Thân bài:**  **a. Biểu cảm về ngoại hình**   * Sơ lược về tên tuổi, hoàn cảnh sống, công việc của người thân ấy, ví dụ: Mẹ tôi là một người nông dân chân bùn, tay lắm, sinh ra ở một vùng biển nghèo khó và lấy theo cha làm dâu nơi đồng bằng đất mặn, phèn chua…. * Biểu cảm về những chi tiết tiêu biểu của gương mặt, vóc dáng, đôi mắt, nụ cười, giọng nói (lưu ý: nên chọn những chi tiết đắc không miêu tả liệt kê như văn tả mà phải gắn với tình cảm) * Tùy thuộc vào đối tượng biểu cảm mà chọn những chi tiết khác nhau, Ví dụ người thân là cô giáo chọn biểu cảm dáng đi, ánh mắt, giọng nói. NGười thân là nông dân chọn biểu cảm thân hình, cánh tay, bàn tay, nụ cười…   + Ví dụ biểu cảm về cha: Tôi thích sờ vào đôi bàn tay chai sạn của cha, đôi bàn tay đã cuốc đất, cày ruộng, gánh nước…  + Về mẹ: Mẹ tôi không son phấn, không làm đẹp vì bao nhiêu tiền bà để dành nuôi tôi ăn học, những nếp nhăn trên trán in hằn dấu vết của thời gian…  **b. Biểu cảm về tính cách, sở thích, lối sống, trang phục…**   * Biểu cảm những nét tiêu biểu về tính cách, sở thích, lối sống   + Ví dụ: Cả một cuộc đời lam lũ nên đã hình thành tính tiết kiệm ở mẹ tôi. Dù bây giờ cuộc sống đã khấm khá hơn nhưng chẳng bao giờ tôi thấy mẹ phung phí từ hạt cơm đến tấm áo. Ấy vậy mà mẹ lại luôn rộng rãi với những người xung quanh…  + Ví dụ về ông: là một cụ chiến binh, ông vẫn giữ nề nếp sinh hoạt đúng giờ. Tôi học đươc ở ông thói quen dậy sớm, tập thể dục và siêng lao động…   * Nên chọn những nét đặc biệt trong tính cách, sở thích, lối sống của đối tượng để phân biệt người ấy với những người khác. Tránh viết gập khuôn nên đem hình ảnh thực tế của người thân mình vào một cách khéo léo.   **c.**  **Biểu cảm về cách đối xử của người thân với những người trong gia đình, đối với em và với mọi người**   * Là trung tâm của sự hòa giải trong gia đình, là tiếng cười hạnh phúc mỗi khi có người ấy. * Người thân của em đã giúp đỡ em, yêu thương em thế nào (biểu cảm những việc làm cụ thể mà chọn 1 kỉ niệm ấn tượng thể hiện sự quan tâm, chăm sóc của người ấy với em). * Cách đối đãi của người ấy với hàng xóm, đồng nghiệp…   **d.**  **Vai trò và bài học mà đối tượng mang lại cho em**   * Là người nuôi dưỡng, lo lắng, giúp đỡ em để em trưởng thành và có cuộc sống sung túc. * Là người thấu hiểu, cảm thông, nguồn động lực to lớn để em vượt mọi khó khăn. * Người dạy cho em bài học quý về cách sống.   **e.**  **Biểu cảm trực tiếp**.  - Nếu một ngày nào đó… Tình cảm của em với đối tượng? Em cảm nhận đối tượng có tình cảm như thế nào với em?  - Ước mong, hứa hẹn  - Em sẽ làm những gì để thể hiện tình yêu của mình với ….  **Kết bài:** Mở rộng vấn đề, tưởng tượng tình huống và hứa hẹn, mong ước  Ví dụ: Nếu chỉ còn một ngày để sống, em sẽ đem ngày cuối cùng của mình để được bên cạnh mẹ, nấu cho mẹ bữa cơm, khiến mẹ cười… |
| **GV cho HS làm bài kiểm tra ngắn để củng cố kiến thức đã học (Có thể chọn kĩ thuật tia chớp, GV đọc câu hỏi trắc nghiệm, gọi HS trả lời nhanh)** | **HỆ THÔNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**  **Câu 1. Bài thơ *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* của tác giả nào?**  **A. Đỗ Phủ**  B. Lí Bạch  C. Hạ Tri Chương  D. Lỗ Tấn  **Câu 2. Đỗ Phủ được mệnh danh là?**  A. Thi thơ  B. Phật thơ  C. Tiên thơ  **D. Thánh thơ**  **Câu 3. Bài thơ *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* gồm mấy đoạn?**  A. 2 đoạn  B. 3 đoạn  **C. 4 đoạn**  D. 5 đoạn  **Câu 4. Bài thơ được viết theo phương thức nào?**  A. Miêu tả  B. Tự sự  C. Biểu cảm  **D. Kết hợp cả 3 phương thức trên**  **Câu 5. Ý nghĩa nổi bật của chi tiết “trẻ con cướp tranh”?**  A. Nói rõ hơn nỗi khổ của tác giả  B. Thể hiện tâm trạng bực tức của tác giả  **C. Cho thấy cả nỗi khổ của những người trong xóm**  D. Phản ánh những thói xấu của trẻ em trong xóm  **Câu 6. Chi tiết nào không xuất hiện trong đoạn thứ ba của đoạn thơ?**  **A. Gió lốc thét gào**  B. Mưa dầm dề suốt đêm  C. Con thơ đạp hết mền chăn  D. Từ khi loạn li đêm ít ngủ  **Câu 7. Nỗi khổ của nhà thơ được thể hiện như thế nào?**  A. Xa quê, một mình cô đơn  B. Sống trong cảnh loạn li, nhà nghèo, tuổi già, con dại  C. Nhà nghèo, bệnh tật không có thuốc chữa  **D. Nhà tranh dột nát, con thơ đói khát**  **Câu 8. Trong nỗi khổ đau nhà thơ ước mơ gì?**  A. Ước trời yên gió lặng  **B. Ước được sống ở quê nhà**  C. Ước một ngôi nhà vững chãi cho mình  D. Ước ngàn vạn gian nhà vững chãi cho mọi người  **Câu 9. Chủ nghĩa nhân đạo cao cả của nhà thơ được thể hiện rõ nhất qua?**  A. Ước được nhà rộng muôn ngàn gian  B. Che khắp thiên hạ kẻ sĩ nghèo đều hân hoan  C. Gió mưa chẳng núng, vững vàng như thạch bàn  **D. Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được**  **Câu 10. Nội dung chính của bài thơ *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá* là gì?**  A. Bức tranh sinh động về cảnh ngộ đau khổ của nhà thơ trong hoàn cảnh nhà tranh bị gió thu phá.  B. Điều đáng quý nhất là vượt lên cảnh ngộ cá nhân, bài thơ bộc lộ tinh thần nhân đạo và lòng vị tha của nhà thơ  C. Bài miêu tả cảnh tượng khó khăn, khổ cực của nhà thơ và khát vọng sống sung túc, đầy đủ  **D. Đáp án A và B**  **Câu 11. Muốn phát biểu suy nghĩ, cảm xúc đối với đời sống xung quanh, hãy dùng phương thức tự sự và miêu tả để gợi ra đối tượng biểu cảm và gửi gắm cảm xúc, đúng hay sai?**  **A. Đúng**  B. Sai  Đọc đoạn văn sau:  *Du khách Lào Cai, đến Sa Pa cũng qua một rừng đào đẹp không kém gì đảo ở Thập Vạn Đại Sơn. Đi vào rừng, trời mù mù như thể có sương bao phủ, nhưng bỗng nhiên đến một khúc quẹo, trời sáng hẳn ra.Nhìn lên không có một đám mây. Trời nắng ấm trông cứ như ngọc lưu li vậy. Gió từ trên đỉnh cao thổi xuống làm rung động những cành cây, hoa đào rơi lả tả trên cỏ xanh như một cơn mưa màu sắc.*  *Vừa lúc đó có một đoàn ba cô nàng, cưỡi ngựa thồ, vắt chân về một bên đi nhởn nhơ dưới trận mưa hoa, vừa nói chuyện vừa ngửa mặt lên trời cười. Hoa đào vương vào tóc, rủ lên vai áo, làm bật cái cạp và cái nẹp, trông y như thể ba cô tiên nữ.*  *Bây giờ ngồi nghĩ lại những hình ảnh xa xưa ấy, tôi vẫn còn thấy đời người ngọt ngào như có vị đường và tưởng tượng như không bao giờ có thể quên được hương thơm của trời nước, của hoa đào, của những cô sơn nữ đẹp não nùng, sầu biêng biếc, ngửa mặt lên cười một cách hồn nhiên trong cánh rừng bạt ngàn sơn dã hoa đào.*  **Câu 12. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên:**  A. Miêu tả  B. Tự sự  **C. Biểu cảm**  D. Thuyết minh  **Câu 13. Nội dung chủ yếu của đoạn văn trên là gì?**  A. Miêu tả vẻ đẹp của rừng núi Sa Pa buổi sớm mai  B. Miêu tả vẻ đẹp của những cô sơn nữ ở Sa Pa  **C.Bộc lộ cảm xúc của tác giả trước cảnh sắc và hương vị của Sa Pa**  D. Kể lại kỉ niệm về một chuyến đi tham quan Sa Pa  **Câu 14. Câu nào chứa yếu tố tự sự?**  A. Trời nắng ấm trông cứ như là ngọc lưu li vậy  B. Gió từ trên đỉnh cao thổi xuống làm rung động những cành cây, hoa đào rơi lả tả trên cỏ xanh như một cơn mưa màu sắc.  **C. Vừa lúc đó có một đoàn ba cô nàng, cưỡi ngựa thồ, vắt chân về một bên đi nhởn nhơ dưới trận mưa hoa, vừa nói chuyện vừa ngửa mặt lên trời cười**  D. Hoa đào vương vào tóc, rủ lên vai áo, làm bật cái cạp và cái nẹp, trông y như thể ba cô tiên nữ  **Câu 15. Yếu tố miêu tả có ý nghĩa gì trong đoạn văn?**  A. Giới thiệu câu chuyện, sự việc  B. Khêu gợi tình cảm, cảm xúc  C. Miêu tả tình cảm, cảm xúc  **D. Miêu tả phong cảnh, sự việc**  **Câu 16. Hình ảnh nào gây ấn tượng mạnh mẽ tới tác giả về cảnh sắc ở Sa Pa?**  A. Rừng đào Sa Pa  B. Gió núi Sa Pa  C. Những cô sơn nữ cưỡi ngựa thồ  **D. Những cô sơn nữ dưới trận mưa hoa đào**  **Câu 17. Để tạo ý cho bài văn biểu cảm, khơi nguồn cho mạch cảm xúc nảy sinh, người viết cần?**  A. Hồi tưởng kỉ niệm quá khứ, suy nghĩ về hiện tại, mơ tới tương lai, tưởng tượng tình huống gợi cảm, vừa quan sát, vừa suy ngẫm thể hiện cảm xúc  B. Tìm cảm hứng từ cuộc sống, soi chiếu vào và thể hiện cảm xúc cá nhân đối với sự vật, hiện tượng  **C. Cả A và B đều đúng**  D. Cả A và B sai  **Câu 18. Tình cảm thể hiện trong bài phải chân thật, sự việc nêu ra phải có trong kinh nghiệm thì bài văn mới có sự tin tưởng, đồng cảm. Đúng hay sai?**  **A. Đúng**  B. Sai  Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  *U tôi đã đi ngủ từ lâu. Nhưng tôi buông bút, nhìn ra bốn bên, chỗ nào cũng thấy bóng u. Cái bóng đen thủi, hòa lẫn với bóng tối, vẽ nên một khuôn mặt trăng trắng với đôi mắt nhỏ, lòng đen nhuộm một mau nâu đồng. Cái bóng mơ hồ yêu dấu ấy đứng bên cạnh lớp lớp những ngày tháng ngậm ngùi đói khổ, những năm này năm khác qua đi trong cơn thấp thỏm đợi chờ dài dặc, mang ngấn nước mắt và tiếng thở dài. Người ta nhiều lúc nhàn, quây quần bên cạnh người thân, nhưng không mấy khi lại tỉ mỉ, vẩn vơ mà nhìn ngắm những người yêu mến của ta. Cho nên thỉnh thoảng sực nhớ, tôi chợt nhìn u, tôi bỗng giật mình, tôi ngờ ngợ như người ngồi trước mặt đây không phải là u tôi. Có đâu u tôi lại thế kia. Tóc đường ngôi của u tôi lốm đốm, rụng, chỉ còn lưa thưa. Lúc cười, nếp nhăn ở đuôi con mắt nheo lại, xếp lên nhau, đến khi hết cười cũng chỉ còn hằn những vết rạn khía quanh xuống hai bên gò má. Hàm răng trên của u tôi khểnh,khuyết ba lỗ mấy năm nay. U tôi già đi từ bao giờ? U tôi đã già đi từ lúc nào? Tôi thực không hay*  **Câu 19. Qua đoạn văn trên, tác giả thể hiện tình cảm gì?**  **A. Tình cảm yêu mến, trân quý mẹ của mình**  B. Thể hiện tình cảm với những người thân của tác giả  C. Thể hiện tình cảm với quê hương nơi tác giả sinh ra  D. Cả 3 ý trên đều đúng  **Câu 20. Cho biết tác dụng của sự quan sát trong vệc biểu hiện tình cảm của tác giả trong đoạn trích trên?**  A. Sự quan sát làm tiền đề để tác giả bộc bạch tình cảm của bản thân  B. Tác giả quan sát chi tiết, tỉ mỉ, có chọn lọc, thể hiện được tình cảm yêu thương dành cho mẹ  **C. Cả A và B đều đúng**  D. Cả A và B sai |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Ôn lại bài cũ.

- BTVN: **Chọn một trong các dàn ý đã học, viết thành bài văn hoàn chỉnh.**

- Chuẩn bị bài tiếp theo.

**Phụ lục: Văn biểu cảm về sự vật, con người**

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI**

**A. Lí thuyết**

***Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý***

\* Tìm hiểu đề:

- Đọc kĩ đề ra, gạch chân dưỡi những từ ngữ quan trọng

- Tìm yêu cầu trên các phương diện

+ Thể loại: biểu cảm

+ Nội dung (Đối tượng biểu cảm)

+ Phạm vi: Giới hạn đề

\* Tìm ý: Rất quan trọng, không thể bỏ qua bước này

Cách tìm: Đặt câu hỏi

Có hai cách để tìm ý: Biểu cảm – biểu ý

Biểu ý – biểu cảm

- Cách 1: Biểu ý trước, biểu cảm sau

+ Đặt câu hỏi để tìm biểu ý: người thân ấy có đặc điểm nào nổi bật, để lại ấn tượng trong em? (về ngoại hình; về hành động, việc làm; về tính cách, phẩm chất)

+ Đặt câu hỏi để tìm cảm xúc: Những đặc điểm ấy của người thân gợi cho em cảm xúc gì?

(Yêu mến; tự hào; thương; nhớ; mong ước, hứa hẹn)

- Cách 2: Biểu cảm trước, biểu ý sau

+ Đặt câu hỏi để tìm cảm xúc: Người thân đó gợi cho em tình cảm, cảm xúc gì?

+ Đặt câu hỏi để tìm ý: Vì sao em lại có cảm xúc đó?

*Ví dụ: Cảm nghĩ về mẹ*

*Ý 1: Yêu dáng, hình hài, đôi bàn tay của mẹ*

*Ý 2: Xúc động trước sự hi sinh thầm lặng của mẹ mà cao cả của mẹ, thấm thía điều hay lẽ phải mà mẹ dạy cho chúng tôi*

*Ý 3: Mong ước, lời hứa.*

***Bước 2: Lập dàn ý***

\* Mở bài: Nêu đối tượng biểu cảm

Định hướng cảm xúc

Có hai cách mở bài:

- Trực tiếp: vào thẳng – giới thiệu ngay đối tượng biểu cảm và bày tỏ cảm xúc (trong 1 câu)

- Gián tiếp:

+ Dẫn dắt (khoảng hai câu)

+ Đối tượng biểu cảm và định hướng cảm xúc

\* Thân bài:

- Chuyển phần tìm ý xuống, ta có các ý lớn

- Tìm ý nhỏ:

+ Dựa vào ý lớn

+ Làm sáng tỏ ý bằng cách:

• Miêu tả: ngoại hình Chọn những đặc điểm - Xen nhận xét,

Hành động, việc làm tiêu biểu nhất suy nghĩ, bình

Tính tình luận, đánh giá.

• Tự sự: Những kỉ niệm có liên quan đến người thân Chọn những kỉ niệm - Có thể bộc lộ

Kể việc làm của người thân trong hiện tại gợi cho em nhiều trực tiếp cảm xúc

Mong ước về người thân cảm xúc nhất

• Giọng điệu, lời văn biểu cảm.

• Biểu cảm trực tiếp: qua những từ ngữ gọi thẳng cảm xúc.

- Đánh giá mở rộng: về các đối tượng khác có quan hệ gần gũi với đối tượng biểu cảm.

Lưu ý: Muốn tìm được ý, thì cần nắm được:

+ Những đặc điểm nổi bật về ngoại hình gợi cho em ấn tượng, cảm xúc

+ Những hành động, việc làm, lời nói của người thân mà em ghi nhớ nhất

+ Đánh giá mở rộng: mong ước, lời hứa với người thân

*Ví dụ: Cảm nghĩ về mẹ*

*Ý 1: Yêu dáng, hình hài, đôi bàn tay của mẹ*

*+ Thân hình mẹ mảnh mai, thon gọn và dáng người nhanh nhẹn, luôn thoắt qua, thoắt lại lo lắng từng miếng cơm ăn, chăm sóc cho từng thành viên trong gia đình.*

*+ Đặc biệt chú trong biểu cảm về đôi bàn tay: đôi bàn tay gầy gầy, xương xương của mẹ đã đen sạm đi, từng vết chai sạn nổi trên tay mẹ qua bao nhiêu sóng gió của cuộc đời. Đôi bàn tay ấy đã bế tôi, ru tôi khi tôi cất tiếng khóc chào đời. Dôi tay ấy đã đặt lên vai tôi, gạt nước mắt và khẽ vuốt lên mái tóc tôi khi tôi buồn ba, chán nản. Chính đôi bàn tay ấy đã đặt lên trán tôi, nấu cháo bồn cho tôi ăn mỗi líc tôi bị ốm. Tôi yêu đôi bàn tay đen sạm ấy – đôi bàn tay đã nắm tay tôi dắt đi trên con đường đời.*

\* Kết bài:

- Bày tỏ cảm xúc, những ấn tượng sâu sắc và lắng đọng nhất về đối tượng.

- Có thể lấy lời bài hát, câu văn, câu thơ hoặc một nhận định nào đó có liên quan đến đối tượng để nhấn mạnh cảm xúc.

***Bước 3: Viết bài***

\* Mở bài: Viết thành một đoạn văn từ 1- 3 câu (trực tiếp: 1 câu, gián tiếp: 3 câu), phải giới thiệu được đối tượng biểu cảm và cảm xúc.

\* Thân bài:

- Thông thường, mỗi ý lớn thường viết thành một đoạn văn diễn dịch hoặc tổng – phân – hợp có câu chủ đề đứng đầu hoặc cả đầu và cuối.

Lưu ý: Câu chủ đề phải có biểu cảm và biểu ý.

- Có khi một ý nhỏ cũng được dựng thành một đoạn văn

- Thân bài thường có từ 3-4 đoạn văn. Mỗi đoạn phải có một câu chủ đề.

\* Kết bài: Viết thành một đoạn văn ngắn

***Bước 4: Đọc và sửa lỗi trong bài***

**B. Luyện tập**

**Đề 1: Cảm nghĩ về mẹ**

**1. Các bước làm bài**

***Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý***

\* Tìm hiểu đề:

- Đọc kĩ đề ra, gạch chân dưỡi những từ ngữ quan trọng

- Tìm yêu cầu trên các phương diện

+ Thể loại: biểu cảm

+ Nội dung (Đối tượng biểu cảm): người mẹ

+ Phạm vi: Giới hạn đề

\* Tìm ý: xác định các ý lớn

*Ý 1: Yêu dáng, hình hài, đôi bàn tay của mẹ*

*Ý 2: Xúc động trước sự hi sinh thầm lặng của mẹ mà cao cả của mẹ, thấm thía điều hay lẽ phải mà mẹ dạy cho chúng tôi*

*Ý 3: Mong ước, lời hứa.*

***Bước 2: Lập dàn ý***

\* Mở bài: Nêu đối tượng biểu cảm

Định hướng cảm xúc

Có hai cách mở bài:

- Trực tiếp: vào thẳng – giới thiệu ngay đối tượng biểu cảm và bày tỏ cảm xúc (trong 1 câu)

Tham khảo: *Trong tất cả những người thân của tôi, tôi yêu quý nhất là mẹ.*

- Gián tiếp:

+ Dẫn dắt (khoảng hai câu):

Bắt đầu bằng một tình huống

Mượn câu nói, lời nhận định của ai đó để dẫn dắt vào vấn đề

+ Đối tượng biểu cảm và định hướng cảm xúc

Tham khảo 1: *Trong cuộc đời này, có ai lại không được lớn lên trong vòng tay của mẹ, được nghe tiếng ru hời ầu ơ ngọt ngào, có ai lại không dược chìm vào giấc mơ trong gió mát tay mẹ quạt mỗi trưa hè oi ả. Và trong cuộc đời này, có ai yêu con bằng mẹ, có ai suốt đời vì con giống mẹ, có ai săn sàng sẻ chia ngọt bùi cùng con như mẹ. Với tôi cũng vậy, mẹ là người quan tâm đến tôi nhất và cũng là người mà tôi yêu thương và mang ơn nhất trên đời này*

Tham khảo 2:  *"Vũ trụ có rất nhiều kì quan, nhưng kì quan tuyệt phẩm nhất là trái tim người mẹ". Tôi đã nhiều lần nghe được câu nói này nhưng có lẽ tôi chưa thật sự hiểu hết về nó, bởi nó quá rộng lớn, quá kì vĩ.... Trước đây tôi chỉ biết trái tim người ta được hình thành một khối máu gắn liền với từng nhịp đập, vậy mà giờ nhìn mẹ, nhìn từng nhịp đập trong tim mẹ, tôi còn biềt được rằng bên trong quả tim ấy còn là cả một tân hồn sâu thẩm, là cả sự tần tảo vất vả của mẹ. Và tôi yêu mẹ - yêu quả tim với từng nhịp đập đã cho tôi sự sống như ngày hôm nay!*

Tham khảo 3: *Trong cuộc sống hàng ngày, có biết bao nhiêu người đáng để chúng ta thương yêu và dành nhiều tình cảm. Nhưng đã bao giờ bạn nghĩ rằng, người thân yêu nhất của bạn là ai chưa? Với mọi người câu trả lời ấy có thể là ông bà, là bố, là anh chị hoặc cũng có thể là bạn bè chẳng hạn. Còn riêng tôi, hình ảnh người mẹ mãi là hình ảnh thiêng liêng nhất.*

\* Thân bài:

***Ý lớn 1: Tôi yêu lắm vóc dáng, hình hài, đôi bàn tay của mẹ.*** Thân hình mẹ mảnh mai, thon gọn và dáng người nhanh nhẹn, luôn thoắt qua, thoắt lại lo lắng từng miếng cơm ăn, chăm sóc cho từng thành viên trong gia đình. Đôi bàn tay gầy gầy, xương xương của mẹ đã đen sạm đi, từng vết chai sạn nổi trên tay mẹ qua bao nhiêu sóng gió của cuộc đời. Đôi bàn tay ấy đã bế tôi, ru tôi khi tôi cất tiếng khóc chào đời. Dôi tay ấy đã đặt lên vai tôi, gạt nước mắt và khẽ vuốt lên mái tóc tôi khi tôi buồn ba, chán nản. Chính đôi bàn tay ấy đã đặt lên trán tôi, nấu cháo bồn cho tôi ăn mỗi líc tôi bị ốm. Tôi yêu đôi bàn tay đen sạm ấy – đôi bàn tay đã nắm tay tôi dắt đi trên con đường đời.

***Ý 2: Càng yêu mẹ, tôi vàng xúc động trước sự hi sinh thầm lặng của mẹ mà cao cả của mẹ, thấm thía điều hay lẽ phải mà mẹ dạy cho chúng tôi.***

- Mẹ đã vất vả lắm với công việc ở cơ quan, về nhà, lại bận rộn với biết bao nhiêu việc nhà. Bố hay đi công tác xa nên tất cả đều một tay mẹ lo toan. Có những hôm, đã mười một giờ đêm, chợt tỉnh giấc, tôi vẫn thấy mẹ đang giặt chậu đồ với biết bao quần áo bẩn của anh em tôi. Nhìn mẹ lúc ấy, tôi thấy thương mẹ vô cùng. Giá tôi có thể lớn hơn chút nữa, tôi đã có thể giúp mẹ những công việc ấy.

- Mẹ còn giành thời gian để quan tâm tới việc học của anh em tôi. Mẹ lo cho chúng tôi từ cái cặp, cái sách đến bộ quần áo đến trường. Tối nào mẹ mẹ cũng giành thời gian để cùng tôi học bài. Mặc dù đã học qua rất lâu rồi nhưng trí nhớ của mẹ về các công thức toán và các bài văn thì vẫn rất tốt. Nhờ sự giúp đỡ, hướng dẫn của mẹ tôi đã làm được những bài tập khó cô giáo ra. Tôi thấy mình thật may mắn vì có mẹ.

- Tôi xúc động nhất vẫn là sự quan tâm, lo lắng của mẹ những lúc tôi bị ốm. Suốt đêm, mẹ không ngủ được, cứ ngồi bên cạnh giường, đắp chiếc khăn ướt lên trán để tôi nhanh khỏi sốt. Khuôn mặt đầy mệt mỏi nhưng mẹ vẫn gắng gượng. Nhìn mái tóc mẹ đã điểm những sợi bạc, cái màu bạc trắng của tuổi tác, cái màu bạc của sự vất vả càng làm tôi yêu thương mẹ hơn biết chừng nào.

- Mẹ còn là cô giáo dạy cho tôi nhiều bài học hay về cách cư xử trong cuộc sống. Mẹ dạy tôi cách sống hoà đồng với bạn bè, nhân ái với mọi người xung quanh, biết cúi xuống, giơ bàn tay ra để nâng đỡ những người bất hạnh hơn mình. Theo dòng thời gian, tôi lớn lên và dần hiểu được sự đời, mà không biết bao nhiêu lần tôi đã vấp ngã và dường như ngã quỵ trước số phận, nhưng tôi đã đứng lên, tôi vững bước trên con đường đi vì phía sau lưng tôi hình bóng của mẹ. Hình bóng mẹ thật ấm áp, vòng tay mẹ thật dịu dàng đã che chở nâng bước tôi trên con đường đời. Tôi luôn biết ơn mẹ rất nhiều, mẹ đã dành cho tôi một con đường sáng ngời, bởi đó là con đường của học vấn, chứ không phải là con đường đen tối của tiền bạc. Tôi sẽ luôn lấy những lời mẹ dạy để sống, lấy mẹ là gương sáng để noi theo.

***Ý 3: Mong ước, lời hứa***

Yêu thương mẹ, để mẹ không bao giờ phải phiền lòng về tôi, tôi luôn tự hứa với bản thân sẽ luôn học tập thật tốt. Tôi nghĩ, phần thưởng lớn nhất tôi có thể tặng mẹ bậy giờ là những giờ học tốt, những bông hoa điểm mười. Và tôi cũng tập dần cho mình cách sống tự lập. Tôi muốn cho mẹ biết rằng con của mẹ đã lớn khôn, tôi muốn mẹ an tâm về tôi, để mẹ bớt đi phần nào cái lo toan trong cuộc sống.

C. Kết bài: "Hạnh phúc thay cho người nào được Thượng Đế ban tặng cho một người mẹ hiền". Thật vậy, tôi đã có được hạnh phúc ấy từ mẹ, tấm lòng mẹ thật bao la …mẹ là cả cuộc đời của tôi nên tôi chỉ mong mẹ mãi mãi sống để yêu thương tôi, chăm sóc tôi, an ủi tôi, bảo ban tôi và để tôi được quan tâm đến mẹ, yêu thương mẹ trọn đời. Tình mẹ là tình cảm thiêng liêng nhất trên đời này, tình cảm ấy đã nuôi tôi trưởng thành, dạy dỗ tôi khôn lớn. Vì vậy, tôi luôn yêu thương mẹ,. Và tôi muốn nói với mẹ rằng:“Con dù lớn vẫn là con mẹ. Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con".

**Đề 2: Cảm nghĩ về bố**

Gợi ý làm bài:

\* Tìm hiểu đề:

- Đọc kĩ đề ra, gạch chân dưỡi những từ ngữ quan trọng

- Tìm yêu cầu trên các phương diện

+ Thể loại: biểu cảm

+ Nội dung (Đối tượng biểu cảm): người mẹ

+ Phạm vi: Giới hạn đề

\* Tìm ý: xác định các ý lớn

*Ý 1: Trong mắt tôi, bố là người tuyệt vời nhất.*

*Ý 2: Tôi yêu bố vì bố là người giàu đức hi sinh, chịu thương, chịu khó.*

*Ý 3: Tôi yêu bố bởi bố là người quan tâm đến tôi nhiều nhất.*

*Ý 4: Mỗi khi bố vắng nhà, tôi đều cảm thấy buồn như thiếu vắng đi một điều gì đó quan trọng.*

*Ý 5: Mong ước, hứa hẹn*

***Bước 2: Lập dàn ý***

\* Mở bài: Nêu đối tượng biểu cảm

Định hướng cảm xúc

Có hai cách mở bài:

- Trực tiếp: vào thẳng – giới thiệu ngay đối tượng biểu cảm và bày tỏ cảm xúc (trong 1 câu)

Tham khảo: *Trong tất cả những người thân của tôi, tôi yêu thương nhất là bố.*

- Gián tiếp:

+ Dẫn dắt (khoảng hai câu):

Bắt đầu bằng một tình huống

Mượn câu nói, lời nhận định của ai đó để dẫn dắt vào vấn đề

+ Đối tượng biểu cảm và định hướng cảm xúc

Tham khảo: *Trong cuộc sống hàng ngày, có biết bao nhiêu người đáng để chúng ta thương yêu và dành nhiều tình cảm. Nhưng đã bao giờ bạn nghĩ rằng, người thân yêu nhất của bạn là ai chưa? Với mọi người câu trả lời ấy có thể là ông bà, là mẹ, là anh chị hoặc cũng có thể là bạn bè chẳng hạn. Còn riêng tôi, hình ảnh người bố sẽ mãi mãi là ngọn lửa thiêng liêng, sưởi ấm tâm hồn tôi mãi tận sau này.*

\* Thân bài:

***Ý 1: Trong mắt tôi, bố là người tuyệt vời nhất.*** Tôi yêu mái tóc của bố, mái tóc đã điểm bạc theo thời gian, theo sự dãi dầu mưa nắng. Mỗi lần nhổ những sợi bạc trên đầu bố, tôi lại thấy chạnh lòng thương bố biết bao. Tôi yêu đôi bờ vai của bố. Thật vui khi đi học về, tôi lại được tựa vào vai bố, kết thúc một ngày học tập mệt mỏi. Tôi còn yêu cả đôi bàn tay bố. Đôi bàn tay to bản, thô ráp ấy đã từng lóng ngóng bế tôi khi tôi vừa cất tiếng khóc chào đời. Đôi bàn tay đã làm biết bao nhiêu công việc nặng nhọc cho gia đình. Và cũng chính đôi bàn tay ấy đã nấu những món ăn ngon cho tôi mỗi khi mẹ đi công tác xa. Mặc dù, tuổi tác đã làm cho bố kém đi sự phong độ của thời trai trẻ nhưng trong mắt tôi, bố vẫn luôn là người đẹp nhất.

***Ý 2: Tôi yêu bố vì bố là người giàu đức hi sinh, chịu thương, chịu khó.***

Bố là công nhân xây dựng. Công việc của bố rất vất vả. Hàng ngày, bố phải đi làm từ khi sáng sớm cho tới lúc mặt trời đã ngã bóng. Nơi làm việc của bố là những công trường đầy khói bụi thế nhưng bố nào có ngại ngần. Dù thời tiết thay đổi, dù là những trưa hè oi ả nắng, hay những ngày mưa ngâu rả rích, rồi cả những mùa đông lạnh giá, bố vẫn cố gắng đứng bàm trụ với công việc. Tôi hiểu rằng, tất cả những gì bố làm là vì chúng tôi. Tôi thấy thật tự hào và hãnh diện mỗi khi nhắc đến bố và nghề nghiệp của bố với mọi người.

***Ý 3: Tôi yêu bố bởi bố là người quan tâm đến tôi nhiều nhất.***

- Chưa bao giờ bố để con phải đợi mỗi khi con tan trường. Chưa bao giờ con phải than phiền vì bố quên ngày sinh nhật của con hay quên mua cho con một món quà như bố đã hứa. Dù bận thế nào, bố cũng không quên đưa con đi công viên vào ngày chủ nhật.

- Với con, bố như là một người bạn giúp con trút bầu tâm sự mỗi khi con có chuyện buồn. Bố còn là người thầy giáo ân cần nhất mà con từng được biết. Khi con mắc lỗi hay bọ điểm kém bố không hề đánh mắng mà động viên, nhắc nhở nhẹ nhàng. Lời của bố lúc ấy mới ấm lòng làm sao. Bố còn hướng dẫn con cách làm những bài toán khó. Bố giảng thật dễ hiểu, bởi thế con chỉ nghe một lần là làm được ngay. Tôi phục bố lắm, bố thuộc hàng mấy nghìn câu Kiều, hàng trăm câu châm ngôn, danh ngôn nổi tiếng…

***Ý 4: Mỗi khi bố vắng nhà, tôi đều cảm thấy buồn như thiếu vắng đi một điều gì đó quan trọng.*** Con thường đếm từng ngày cho bố mau về và hôm nào cũng gọi điển hỏi thăm để được nghe giọng nói ấm áp của bố. Còn thường đứng đợi hàng giờ trước cửa ngày bố vể để được ôm bố, xách va li và líu lo hỏi chuyện.

***Ý 5: Trong những bữa cơm bố thường nhắc chúng tôi cách sống, cách làm người sao cho phải đạo.*** Chính vì vậy, tôi luôn cố gắng tự giác học tập để không bao giờ bố phải buồn lòng về tôi. Tôi sẽ tặng bố thật nhiều điểm tốt và thành tích cao trong học tập để nụ cười luôn nở trên môi bố. Nếu cho tôi một điều ước, tôi sẽ ước bố mãi luôn khoẻ mẹ để sống bên mẹ con tôi, để nâng đỡ, chở che cho tôi và để tôi được quan tâm bố trong suốt cuộc đời.

**C. Kết bài:** Tôi nhớ, có một nhạc sĩ đã từng viết: “Bố, bố là tất cả, bố ơi, bố ơi”. Quả đúng như vậy, bố là tất cả đối với tôi. Cảm ơn tạo hoá đã ban tặng cho tôi một người bố tuyệt vời. Từ tận đáy lòng mình con luôn muốn nói với bố: “Con yêu bố biết nhường nào”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 12 Chuyên đề:**

**Thơ Việt Nam hiện đại**

**Tiết 34+35:**

**Cảm thụ văn bản: Cảnh khuya và Nguyên tiêu.**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức**

- Củng cố, mở rộng và nâng cao kiến thức về tác giả Hồ Chí Minh, tác phẩm Cảnh khuya, Nguyên tiêu.

- Tiếp tục ôn tập, củng cố kiến thức về thơ ca hiện đại Việt Nam.

**2. Kỹ năng**

- Vận dụng kiến thức đã học vào viết văn cảm thụ tác phẩm văn học.

- Cảm nhận và phân tích ngôn ngữ, tích hợp các biện pháp tu từ đã học.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- GD học sinh tình yêu kính Bác Hồ thông qua việc phân tích các bài thơ. GD lòng yêu quê hương đất nước.

- Yêu quý, giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của thơ ca hiện đại Việt Nam.

**4. Năng lực**

Giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề,…

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Trình bày những hiểu biết của em về Bác Hồ?  GV cung cấp cho HS một số tư liệu, hình ảnh về Bác:  -Bác sinh ngày 19/5/1890 trong một gia đình nhà nhoyêu nước ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung. Con của cụ Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan.  -Ngày 5/6/1911, Người ra đi tìm đường cứu nước tại Bến cảng Nhà Rồng, suốt 30 năm hoạt động, Người đã đi đến nước Pháp và nhiều nước châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ. Người vừa lao động kiếm sống, vừa học tập, hoạt động cách mạng và nghiên cứu các học thuyết cách mạng.  Năm 1941 Người về nước, lãnh đạo nhân dân hoạt động các mạng  Tháng 8 năm 1945, Người đã phát lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.  Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó Người trở thành vị chủ tịch nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam  Ngày 2/9/1969, do tuổi cao sức yếu Người đã từ trần, hưởng thọ 79 tuổi.  Năm 1987, Liên hiệp quốc (UNESCO) đã ra Nghị quyết tôn vinh Bác là “Anh hùng giải phóng dân tộc VN và nhà văn hóa kiệt xuất” . | **I. Kiến thức cần nhớ**  **1. Tác giả**  - Hồ Chí Minh ( 1890 – 1969 ) vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và Cách Mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh còn là một danh nhân văn hóa thế giới,một nhà thơ lớn của nhân loại. |
| Trình bày sự ra đời và thể loại của hai bài thơ?  - Mùa thu năm 1947, khi chiến dịch VB đang diễn ra vô cùng ác liệt, Chủ tịch HCM đã viết bài thơ *Cảnh khuya* thể hiện cảm hứng yêu nước mãnh liệt bằng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.  Bài *Nguyên tiêu* nằm trong chùm thơ chữ Hán của HCM, viết trong 9 năm kháng chiến chống Pháp. Mùa xuân năm 1948, quân ta lại thắng lớn trên sông số Bốn. Trong không khí phấn chấn ấy Bác đã viết bài thơ này. | **2. Tác phẩm**  **a) Hoàn cảnh ra đời**  \* Hai bài thơ được viết lúc Bác đang hoạt động cách mạng ở Việt Bắc.  - Bài “cảnh khuya” thuộc thể thơ tứ tuyệt.Về cấu trúc có chỗ khác biệt với mô hình chung ở cách ngắt nhịp ở câu 1 và 4 ( ¾ và 2/5 ).  - Bài “Rằm tháng giêng” thuộc thể thơ tứ tuyệt. |
| Yêu cầu HS đọc thuộc lòng lại 2 bài thơ.  ? Đọc lại bài thơ Cảnh khuya: Em thấy tác giả đã cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên núi rừng Việt Bắc trong bài thơ qua những hình ành , chi tiết, cách thức như thế nào?  -HS trả lời, GV giảng chốt những nội dung chính | **b) Nội dung, nghệ thuật của hai bài thơ.**  a*) Vẻ đẹp của cảnh trăng rừng và tâm trạng của tác giả trong bài “ cảnh khuya”.*  - So sánh âm thanh “ tiếng suối” với “ tiếng hát xa” làm cho tiếng suối như gần gũi có sức sống trẻ trung hơn.  - Với hai từ “ lồng” trong câu thơ “ trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa” đã gợi lên bức tranh mang vẻ lung linh chập chờn,lại ấm áp hòa hợp quấn quýt.  - Hai từ “ chưa ngủ” ở câu thơ thứ ba lặp lại ở đầu câu thơ thứ tư cho thấy niềm say mê cảnh thiên nhiên và nỗi lo việc nước.Hai tâm trạng ấy thống nhất trong con |
| ?Đọc lại bài thơ Rằm tháng giêng: Hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ được nhà thơ cảm nhận như thế nào?  ? So sánh với bản dịch thơ, em cảm nhận ý thơ có gì khác biệt?  -HS trả lời, GV giảng chốt những nội dung chính | *b) Hình ảnh – không gian trong bài “ rằm tháng giêng”.*  - “ Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên” 🡪 khung cảnh bầu trời cao rộng trong trẻo nổi bật lên bầu trời ấy là vầng trăng tròn đầy,tỏa sáng xuống khắp trời đất.  - “ xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên” 🡪 không gian xa rộng như không có giới hạn con sông xuân, mặt nước xuân tiếp liền với bầu trời xuân đã gợi lên vẻ đẹp và sức sống mùa xuân đang tràn ngập cả đất trời |
| ?Qua hai bài thơ: Cảnh khuya và Rắm tháng giêng, em cảm nhậ điều gì về phong thái, tinh thần của Bác?  -HS trả lời, GV giảng chốt những nội dung chính. | **c***) Phong thái ung dung và tinh thần lạc quan của Hồ Chí Minh*.  - Mặc dù ngày đêm lo nghĩ việc nước,bận bịu việc quân nhưng tâm hồn Bác vẫn hòa nhập với cảnh thiên nhiên tươi đẹp.Qua đó thể hiện phong thái ung dung,lạc quan của vị lãnh tụ kính yêu. |
| ***Tiết 2 B. Hoạt động thực hành, ứng dụng, bổ sung*** | |
|  | ***II. Luyện tập*** |
| **GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trắc nghiệm.** | **Phần I - Trắc nghiệm** |
| Câu 1: c | **Bài 1: chọn đáp án đúng cho những câu hỏi sau:**  ***Câu 1: Bài thơ Cảnh khuya và Rằm tháng giêng được Bác viết giống thể thơ của bài:***  a.Bài ca Côn Sơn  b.Sau phút chia li  c.Sông núi nước Nam  d.Qua đèo Ngang |
| Câu 2: b | ***Câu 2:Hai bài thơ Cảnh khuya và Rằm tháng giêng được sáng tác trong thời gian nào?***  a.Trước CMT8, lúc Bác mới về nước.  b.Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  c.Những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mĩ  d.Những năm đầu sau hoà bình, thống nhất đất nước. |
| Câu 3: b | ***Câu 3: Vẻ đẹp hai câu đầu bài Cảnh khuya là:***  a.Sử dụng có hiệu quả phép so sánh và nhân hoá.  b.Miêu tả âm thanh tinh tế và hình ảnh sinh động.  c.Vận dụng những hình ảnh quen thuộc của thơ Đường.  d.Kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm trực tiếp. |
| Câu 4: d | ***Câu 4: Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ Cảnh khuya và Rằm tháng giêng là:***  a.Cảnh vật vừa có màu sắc cổ diển vừa toát lên sức sống của thời đại.  b.Tâm hồn thi sĩ kết hợp thật đẹp với phẩm chất chiến sĩ trong con người HCM.  c.Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật có giá trị biểu cảm cao.  d.Gồm cả ba ý a, b, c. |
|  | **Phần II - Tự luận:** |
| **Bài 1**: Đền vào chỗ chấm:  a.*nhòm khe cửa*  b. *mảnh gương thu,*  *c. sáng như gương*  *d. vào cửa sổ* | **Bài 1:** Điền những cụm từ miêu tả trăng : *mảnh gương thu, sáng như gương, vào cửa sổ, nhòm khe cửa* vào những câu thơ sau:  a.Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  Trăng………..ngắm nhà thơ.  b. Trung thu vành vạnh………  c. Trung thu trăng………….  Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng.  d. Trăng ……… đòi thơ  Việc quân đang bận xin chờ hôm sau. |
| GV cho HS chép đề, yêu cầu HS thực hiện trong 5 phút đề đọc hiểu.  HS nghiêm túc làm bài, GV nhận xét, tuyên dương. | **Bài 2**. Cho câu thơ sau:  *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*  1. Hãy chép tiếp các câu thơ còn lại để hoàn thiện bài thơ.  2. Bài thơ em vừa chép là bài thơ nào? Của ai?  3. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ đầu của bài thơ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.  ***Gợi ý:***  1. HS chép hoàn thiện bài thơ.  2. Bài thơ *Cảnh khuya* của Hồ Chí Minh.  3.  - Biện pháp tu từ:  + So sánh: *tiếng suối trong- tiếng hát xa*  + Điệp ngữ *lồng*.  - Tác dụng của biện pháp tu từ:  + làm cho câu thơ giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu.  + NT so sánh: gợi không gian tĩnh lặng, thanh bình, tiếng suối trong trẻo, du dương, gợi cảm giác xa mà gần gũi.  + Điệp từ lồng: sự đan cài, giao hòa, hòa quyện của thiên nhiên. Bóng trăng, bóng cây, bóng lá và bóng hoa in lồng tạo thành một bức tranh đẹp.  + Cảnh vật vận động đầy sức sống, thiên nhiên trong trẻo, tươi sáng, có hình khối đường nét. Qua đó ta cảm nhận được tình yêu thiên nhiên của HCM. |
| GV hướng dẫn cho HS lập dàn bài. Sau đó cho các em viết từng đoạn và trình bày, nhận xét.  Ghi điểm một số em có bài viết tốt, sáng tạo, hay. | Bài 3: Nhận xét về hai bài thơ *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng* của Hồ Chí Minh có ý kiến cho rằng:*"Hai bài thơ đã cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Bác,đó là sự hòa hợp thống nhất giữa tâm hồn nghệ sĩ với cốt cách người chiến sĩ".*Bằng hiểu biết của em về hai bài thơ hãy làm sáng tỏ ý kiến trên ***Gợi ý:***  **A. Yêu cầu về kĩ năng:** Biết cách viết một bài văn nghị luận kết hợp giữa lập luận chứng minh và giải thích; có luận điểm, dần chứng rõ ràng; bố cục hợp lý;  Văn viết diễn đạt trong sáng, trôi chảy; ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu  **B. Yêu cầu về kiến thức:**  *HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau*:  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu vài nét về tác giả, hoàn cảnh sáng tác hai bài thơ.  - Trích dẫn nhận định  **2. Thân bài**  **a) Giải thích**   + Tâm hồn nghệ sĩ: là tâm hồn của con người có tình yêu tha thiết, sống giao hòa với thiên nhiên, có những rung cảm tinh tế trước vẻ đẹp của thiên nhiên.   + *Cốt cách của người chiến sĩ* là lòng yêu nước, phong thái ung dung*,* lạc quan của người chiến sĩ cách mạng  **b) Chứng minh:**  ***\*Vẻ đẹp tâm hồn của người nghệ sĩ:***  + Đó là những rung cảm về âm thanh của tiếng suối xa vọng lại *(phân tích dẫn chứng và đặc sắc nghệ thuật)*  + Là sự say mê trước vẻ đẹp đêm trăng  Trong bài *Cảnh khuya*: Đêm trăng giữa rừng Việt Bắc, ánh trăng hòa lẫn trong bóng cây cổ thụ tạo nên bức tranh dệt thêu như gấm, điệp từ *lồng* làm cho bức tranh như có thần bậc, giao hòa quấn quýt.  Trong bài *Rằm tháng giêng*: trăng rằm sáng vằng vặc soi tỏ khắp không gian. Điệp từ *xuân* được lặp lại ba lần tạo nên một vũ trụ tràn sức xuân…  + Đằng sau bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp là tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết, sự rung cảm tinh tế của thi nhân.  ***\*Cốt cách người chiến sĩ:***  + Đó là lòng yêu nước nồng nàn, hi sinh tuổi thanh xuân của bản thân vì lý tưởng, độc lập, tự do của quê hương, đất nước. *(phân tích dẫn chứng)*  + Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác:  Thể hiện ở những rung cảm trước cảnh thiên nhiên, mặc dù vẫn bộn bề việc nước nhưng tầm hồn Người vẫn hướng về vẻ đẹp đêm trăng  Niềm lạc quan còn thể hiện ở hình ảnh con thuyền lướt phơi phới trên dòng sông chở đầy ánh trăng. Tinh thần lạc quan ấy còn là niềm tin vào tình hình kháng chiến lúc bấy giờ. Đồng thời thể hiện hình ảnh của người chiến sĩ luận bàn việc quân trong giây phút trở thành thi sĩ- tao nhân mặc khách giữa thiên nhiên*…( phân tích dẫn chứng)*  *(Học sinh có thể liên hệ, nâng cao với những bài thơ của Bác cùng chủ đề)*  **c. Kết bài**    - Đánh giá chung: Vẻ đẹp của tâm hồn người nghệ sĩ và cốt cách người chiến sĩ luôn có sự thống nhất, hài hòa một cách tự nhiên, không thể tách rời trong con người Bác    - Đó là vẻ đẹp trong thơ nhưng cũng chính là vẻ đẹp nhất quán trong con người Bác |

**III. Củng cố, dặn dò.**

**1.** GV y/c HS khái quát lại toàn bộ ND bài học.

GV treo bảng phụ: Hai bài thơ đều miêu tả cảnh trăng ở chiến khu Việt Bắc. Em hãy nhận xét về vẻ đẹp riêng của mỗi bài?

HS thảo luận

Gợi ý:

“Cảnh khuya”: Trăng rừng lồng vào vòm cây hoa lá.

“Rằm tháng giêng”: Trăng trên sông nước, không gian tràn đầy sức xuân.

**2.** GV hướng dẫn cho HS sưu tầm một số bài thơ của Bác viết về thiên nhiên, tả trăng:

**Ngắm trăng (Nhật kí trong tù):**

Trong tù không rượu cũng không hoa

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ   
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ   
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

**Chiều tối (Nhật kí trong tù)**

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ  
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không

Cô em xóm núi xay ngô tối   
Xay hết lò than đã rực hồng

**Tức cảnh Pác Bó**

Sáng ra bờ suối, tối vào hang

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

**Giải đi sớm**

Gà gáy một lần đêm chứa tan  
Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn  
Người đi cất bước trên đường thăm  
 Rát mặt đêm thu trận gió hàn.

**Tin thắng trận (năm 1948)**

“Trăng vào cửa sổ đòi thơ,

- Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau,

Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu,

Ấy tin thắng trận Liên khu báo về” .

**Tặng cụ Bùi Bằng Đoàn, năm 1948**

“Xem sách, chim rừng vào cửa đậu,

Phê văn, hoa núi ghé nghiên soi.

Tin vui thắng trận dồn chân ngựa

Nhớ cụ thơ xuân tặng một bài"

**Pác Bó hùng vĩ**

Non xa xa, nước xa xa

Nào phải thênh thang mới gọi là,

Đây suối Lê nin, kia núi  Mác

Hai tay xây dựng một sơn hà.

**Buổi 12 (tiếp) Chủ đề:**

**Từ vựng tiếng Việt (tiếp)**

**Tiết 36:**

**Từ đồng âm, thành ngữ.**

**I. Mục tiêu cần đạt.**

**1. Kiến thức**

- Củng cố, mở rộng và nâng cao kiến thức về từ đồng âm, thành ngữ.

- Thấy được vai trò và hiệu quả sử dụng của từ đồng âm, thành ngữ trong văn bản.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu.

- Vận dụng kiến thức đã học vào nhận diện và cảm thụ giá trị nghệ thuật của từ đồng, thành ngữ trong văn bản.

**3. Thái độ**

Trân trọng, yêu thích và có ý thức sử dụng từ đồng âm, thành ngữ trong nói và viết phù hợp, có hiệu quả.

**4. Năng lực.**

Giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề,…

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Yêu cầu HS nhắc lại khái niệm từ đồng âm và cho VD.  HS phát biểu. HS khác NX, bổ sung.  GV chốt kiến thức. | **I – Kiến thức cần nhớ:**  **1. Từ đồng âm**  - Khái niệm : Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.  - Ví dụ :  + Kiến bò đĩa thịt bò  + “ Ai xui con **cuốc** gọi vào hè  Cái nóng nung người nóng nóng ghê ”  ( Nguyễn Khuyến)  + “ Tổ quốc tôi như một con tàu  Mũi thuyền ta đó – mũi Cà Mau ”  ( Mũi Cà Mau – Xuân Diệu ) |
| ?Khi sử dụng từ đồng âm cần lưu ý những điều gì? Lấy VD để phân biệt?  GV cho HS nhấn mạnh các lưu ý, lấy các VD và phân tích. | **\* Sử dụng từ đồng âm**  - Từ đồng âm chỉ có thể hiểu đúng nghĩa qua các từ đi kèm với nó .  - Căn cứ vào hoàn cảnh giao tiếp ta mới nhận diện được nghĩa của từ đồng âm và viết đúng chính tả .  -Vì thế khi giao tiếp phải chú ý đầy đủ đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa hoặc dùng từ có nghĩa nước đôi sẽ làm người nghe hiểu nhầm.  VD: Trâu cày không được thịt ăn.  + Nghĩa 1: mệnh lệnh không được thịt con trâu.  + Nghĩa 2: nhận định con trâu ấy không biết cày.  VD: đem cá về kho  +Nghĩa 1: hoạt động chế biền thức ăn bằng cách kho lên để ăn.  +Nghĩa 2: cái kho dùng để đụng đồ, chứa đồ. |
| H/dẫn HS ôn lại kiến thức về thành ngữ  ?Hãy nhắc lại thế nào là thành ngữ?  Nêu VD.  HS suy nghĩ trả lời  **VD:** Tìm thành ngữ có ý nghĩa tương tự với “Đầu voi đuôi chuột”  - Đầu sử tử, đuôi thằn lằn.  - To như đầu voi, bé như đuôi chuột.  Ý nghĩa: Sự việc lúc khởi đầu có vẻ to tát, quy mô nhưng kết thúc lại không ra gì. | **2. Thành ngữ Tiếng Việt**  **a) Khái niệm Thành ngữ :**  Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.  VD: lên thác xuồng ghềnh  -> Ý nghĩa:sự gian nan, vất vả của cuộc đời, con người. |
| Yêu cầu HS làm BT nhanh phát hiện nghĩa của thành ngữ. | **b) Nghĩa của Thành ngữ :**  Có thể bắt nguồn từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh, hoán dụ…  **Bài tập vận dụng: Giải thích nghĩa của các thành ngữ:**  **1. Rán sành ra mỡ (Vắt cổ chày ra nước)**  Người keo kiệt bủn xỉn  **2. Nhanh như chớp** 🡪Nghĩa đen: Rất nhanh, chỉ trong khoảnh khắc, như ánh chớp lóe lên rồi vụt tắt.  **3. Trên đe dưới búa** 🡪 Nghĩa chuyển ẩn dụ, so sánh, hoán dụ,…Tình trạng bị kìm kẹp, chèn ép từ các phía, không có lối thoát. |

**B. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Gv yêu cầu HS đọc kỹ bài, phát hiện và giải thích. | **Bài 1: Tìm từ đồng âm và trả lời câu đố sau:**  *Hai cây cùng có một tên Cây xòe mặt nước, cây lên chiến trường.  Cây này bảo vệ quê hương Cây kia hoa nở ngát thơm mặt hồ.*  ( Cây gì?) |
| HS làm bài trong 3 phút, GV gọi lên bảng. HS khác NX, sửa chữa.  VD:  a.Con ngựa đá đá con ngựa vằn .  Con ngựa đá con ngựa đá  b. Bắc đã bắc xong nồi cám lợn .  c) Những người thân khi trở về họ lại càng thân thiết hơn . | **Bài 2: Đặt câu với mỗi cặp từ đồng âm sau:**  a) Đá ( danh từ ) – đá ( động từ ) .  b) Bắc ( danh từ ) – bắc (động từ ) .  c) Thân ( danh từ ) – Thân ( tính từ ) . |
| GV yêu cầu HS đọc kỹ bài thơ, sau đó phát hiện, suy nghĩ và giải thích thành ngữ có trong bài. | 1. **BT về thành ngữ.**   Bài 1: *Tìm các thành ngữ trong các câu thơ sau:*  "Sinh lão bệnh tử" một đời,  "Năng nhặt chặt bị" có thời giàu sang.  "Giữa đường đứt gánh" dở dang,  "Không nơi nương tựa" lang thang trên đường.  Sống phải "trên kính dưới nhường",  "Anh em máu mủ" phải thương nhau cùng.  "Con dao hai lưỡi" đừng dùng,  "Đồng tâm hiệp lực" ta cùng tiến lên.  "Cơm no, áo ấm" thì bền,  "Ăn cháo đá bát" thì nên loại trừ.  "Lắm tiền nhiều của" con hư,  "Thất cơ lỡ vận" từ từ sẽ qua.  Đừng nên "cưỡi ngựa xem hoa",  Cũng đừng "kiếm chuyện làm quà" nhiêu khê.  "Của nhà lá vườn" đừng chê,  "Đem con bỏ chợ" thì về làm chi.  "Năm thì mười họa" mấy khi,  Cứ "lười như hủi" lấy gì mà ăn.  "Nửa tin, nửa ngờ" lăn tăn,  "Đi guốc trong bụng" thì văn làm gì!  "Tha phương cầu thực" cứ đi,  "Miếng ăn miếng nhục" chỉ vì tham lam.  "Vinh hoa phú quý" đừng ham,  "Gieo gió gặp bão" vì làm chuyện gian.  "Con đàn cháu đống" thì nhàn,  "Ăn không nói có" dễ tan cửa nhà.  "Ngồi lê mách lẻo" đàn bà,  "Cao bay - xa chạy" ấy là thằng "khôn". |
| GV tổ chức trò chơi: Chia lớp thành 2 đội: Một đội ra câu thành ngữ, đội còn lại giải thích thành ngữ đó và ngược lại.  GV hướng dẫn, chốt lại và tuyên dương. | **Bài 2:** HS chọn Chọn ra 5 thành ngữ, giải thích:  VD: Năng nhặt chặt bị: kiên trì bền bỉ thì gom góp nhỏ, tích mãi sẽ được nhiều.  -Đem con bỏ chợ: làm việc không đến nơi đến chốn, thiếu trách nhiệm đến cùng.  -Đi guốc trong bụng: thấu hiểu mọi suy nghĩ, âm mưu của người khác  -Ăn cháo đá bát: sự vong ân, bội nghĩa, sau khi được người khác giúp đã quên ơn, bội bạc.  -Dã tràng xe cát: làm việc vô ích, không thể có kết quả như con Dã tràng xe cát ngoài biển, sóng đánh lại tan mọi thứ như ban đấu. |
| GV cho HS viết đoạn văn ngắn (5 phút). Sau đó yêu cầu 1 HS đọc bài của mình trước lớp. HS khác NX, bổ sung.  GV NX, tuyên dương. | ***\*Bài tập tổng hợp:***  Viết một đoạn văn chủ đề về người thân. Trong đó có sử dụng từ đồng âm và thành ngữ. Gạch chân dưới từ đồng âm và thành ngữ được sử dụng. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Nhắc lại khái niệm từ đồng âm, thành ngữ.

- Tìm thành ngữ trong các văn bản thơ, văn xuôi đã học.

**BUỔI 13**

**TIẾT 37: CHUYÊN ĐỀ THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (TIẾP THEO)**

***THƠ CA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ QUA BÀI THƠ “TIẾNG GÀ TRƯA” (XUÂN QUỲNH)***

**TIẾT 38: CHUYÊN ĐỀ: BIỆN PHÁP TU TỪ TỪ VỰNG**

***ĐIỆP NGỮ***

**TIẾT 39: CHUYÊN ĐỀ VĂN BIỂU CẢM (TIẾP THEO)**

***PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC***

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức**

- Củng cố các kiến thức cơ bản về tác giả Xuân Quỳnh và giát trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ “Tiếng gà trưa”.

- Củng cố các kiến thức cơ bản về biện pháp tu từ điệp ngữ: khái niệm, các loại điệp ngữ, tác dụng của điệp ngữ trong văn bản.

- Củng cố các kiến thức về kiểu bài phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

**2. Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng đọc – hiểu, phân tích văn bản thơ trữ tình có sử dụng các yếu tố tự sự.

- Rèn kĩ năng nhận biết phép điệp ngữ, phân tích tác dụng của điệp ngữ và biết cách sử dụng phép điệp ngữ phù hợp với ngữ cảnh.

- Rèn kĩ năng tìm ý, lập dàn ý bài văn biểu cảm về một tác phẩm văn học.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Bồi dưỡng lòng yêu gia đình, quê hương, đất nước, yêu văn học.

- Nâng cao ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

- Năng lực thưởng thức văn học

- Năng lực tạo lập văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp**

**TIẾT 37: CHUYÊN ĐỀ THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM (TIẾP THEO)**

***THƠ CA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ QUA BÀI THƠ “TIẾNG GÀ TRƯA” (XUÂN QUỲNH)***

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Em hãy nhắc lại những nét chính về tác giả Xuân Quỳnh ?  - GV chốt. | **I. Tác giả**  -Xuân Quỳnh (1942 – 1988) là nhà thơ nữ xuất sắc trong nền thơ hiện đại Việt Nam.  -Thơ Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị trong đời sống gia đình và cuộc sống thường ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đằm thắm. |
| ? Bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh được sáng tác trong hoàn cảnh nào ?  - GV chốt.  ? Nhắc lại những đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.  - GV chốt.  ? Khái quát về nội dung bài thơ.  - GV chốt. | **II. Tác phẩm**  **1.Hoàn cảnh sáng tác**  - Bài thơ được sáng tác trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Mĩ, in lần đầu trong tập thơ “*Hoa dọc chiến hào”* của Xuân Quỳnh.  **2.Nghệ thuật, nội dung**  **a. Nghệ thuật**  - Sử dụng sáng tạo thể thơ năm chữ, có những biến đổi linh hoạt, nhuần nhuyễn.  - Hình ảnh thơ giản dị, gần gũi, chân thực song có sức lay động.  - Biện pháp tu từ: điệp ngữ, ẩn dụ, so sánh.  **b. Nội dung:**  Bài thơ đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình quê hương, đất nước. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân.  **Bài tập 1:** Cảm hứng của tác giả trong bài thơ được khơi gợi từ sự việc gì ? Mạch cảm xúc trong bài thơ diễn biến như thế nào ? | - Sự việc khơi gợi cảm hứng: Người lính chợt nghe được âm thanh tiếng gà trưa trên đường hành quân. Tiếng gà gợi nhớ biết bao kỉ niệm, gọi người chiến sĩ về với tuổi thơ.  - Mạch cảm xúc của bài thơ diễn biến theo quy luật hồi tưởng tự nhiên của tâm lí: *Hiện tại* (tiếng gà trưa bên xóm nhỏ) – *Quá khứ* (kỉ niệm hiện lên theo âm thanh của tiếng gà trưa) – *Tương lai* (tiếng gà trưa giục anh cầm chắc tay súng để chiến đấu với Tổ quốc và quê hương). |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân.  **Bài tập 2:** Những hình ảnh và kỉ niệm gì trong tuổi thơ đã được gợi lại từ tiếng gà trưa ? Qua đó bài thơ đã biểu hiện những tình cảm gì của người cháu ? | **a. Những kỉ niệm êm đẹp thời thơ ấu:**  - Những quả trứng hồng, những con gà mái mơ, mái vàng đẹp như trong cổ tích.  -Tiếng bà mắng cháu nhìn gà đẻ và nỗi lo lắng thơ dại của đứa cháu nhỏ.  -Bà chắt chiu nuôi gà để mua quần áo mới cho cháu.  **b. Tình cảm của người cháu**  Yêu quý những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ, yêu quý người bà đã hết lòng yêu thương, chăm sóc cháu. |
| -Phần a: HS thực hiện cá nhân.  -Phần b: HS thảo luận theo bàn.  **Bài tập 3**: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:  *Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục… cục tác cục ta”*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ.*  a.Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản?  b.Từ âm thanh tiếng gà trưa trong đoạn thơ, em hiểu tình cảm nào đang trỗi dậy trong lòng người lính trẻ? | a.  - Đoạn thơ trên trích trong văn bản “Tiếng gà trưa”.  - Tác giả: Xuân Quỳnh  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ.  b.  - Tâm trạng bồi hồi, xao xuyến của người lính trẻ khi nghe tiếng gà trưa trên đường hành quân.  - Âm thanh tiếng gà trưa đã trở thành cây cầu bắc nhịp hiện tại và quá khứ: thể hiện nỗi nhớ quê hương một cách trong trẻo và tha thiết của người chiến sĩ. |

**TIẾT 38: CHUYÊN ĐỀ: BIỆN PHÁP TU TỪ TỪ VỰNG**

***ĐIỆP NGỮ***

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Thế nào là điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ ?  - GV chốt. | **I. Điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ**  -Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ; từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ. |
| ? Nhắc lại các kiểu điệp ngữ.  - GV chốt. | **II. Các dạng điệp ngữ**  Điệp ngữ có nhiều dạng: điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng). |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân.  **Bài tập 1: Tìm điệp ngữ trong các đoạn trích dưới đây và cho biết đó là dạng điệp ngữ nào ?**  a.*Mưa rả rích đêm ngày. Mưa tối tăm mặt mũi. Mưa thối đất, thối cát. Trận này chưa qua, trận khác đã tới, hung tợn hơn*.  (Ma Văn Kháng)  b.*Năm qua đi, tháng qua đi*  *Tre già măng mọc có gì lạ đâu*  *Mai sau,*  *Mai sau,*  *Mai sau,*  *Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.*  (Nguyễn Duy)  c. *Trèo lên cây bưởi hái hoa*  *Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân*  *Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc*  *Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay…*  (Ca dao) | a. Điệp ngữ “mưa”: Điệp ngữ cách quãng.  b. Điệp ngữ “mai sau”: Điệp ngữ nối tiếp  c. Điệp ngữ “nụ tầm xuân”: Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng). |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Cá nhân.  **Bài tập 2: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*  *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*  *(Ngữ văn 7, tập 1)*  **Câu 1:** Hai câu thơ thuộc bài thơ nào ? Của ai ?  **Câu 2:** Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.  **Câu 3:** Xác định điệp ngữ và tác dụng của nó trong hai câu thơ. | **Câu 1:** Hai câu thơ thuộc bài thơ “Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh.  **Câu 2:** Bài thơ được Bác viết năm 1947 ở chiến khu Việt Bắc, trong thời kì kháng chiến chống Pháp.  **Câu 3:**  \* Điệp từ: Từ “*lồng”* được nhắc lại 2 lần trong một câu thơ: “*Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”.*  - Giúp ta hình dung: ánh trăng lồng vào cổ thụ, bóng cổ thụ lồng vào những bông hoa hay ánh trăng lồng vào cổ thụ, bóng cổ thụ in hình xuống mặt đất như những bông hoa xinh xắn tạo nên bức tranh trăng lung linh, huyền ảo.  - Điệp từ “lồng” có tác dụng làm cho cảnh vật đan lồng vào nhau tạo nên bức tranh nhiều tầng lớp, đường nét, hình khối lung linh ánh sáng. Nét đậm là dáng hình cổ thụ trên cao lấp lánh ánh sáng, nét nhạt là bóng cây là lung linh xao động trên mặt đất.  - Điệp từ lồng còn có tác dụng, làm cho ba vật thể (Trăng, cổ thụ, hoa) vốn dĩ cách xa nhau đan cài quấn quýt, hoà quyện vào nhau, soi sáng cho nhau rất hữu tình.  - Qua đó cho thấy tâm hồn nhà thơ- tâm hồn thi sĩ nhạy cảm với cái đẹp và có tình yêu thiên nhiên say đắm. |
| **Bài tập 3: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *“Cháu chiến đấu hôm nay*  *Vì lòng yêu Tổ quốc*  *Vì xóm làng thân thuộc*  *Bà ơi cũng vì bà*  *Vì tiếng gà cục tác*  *Ổ trứng hồng tuổi thơ”*  *(Ngữ văn 7, tập 1)*  **Câu 1:** Đoạn thơ nằm trong bài thơ nào ? Của ai ?  **Câu 2:** Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ có đoạn thơ trên.  **Câu 3:** Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và hiệu quả diễn đạt của nó. | **Câu 1:** Đoạn thơ nằm trong bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh.  **Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm.  **Câu 3:** Biện pháp tu từ được sử dụng: điệp ngữ.  -Điệp từ “vì” được nhắc lại 4 lần chủ yếu là đầu mỗi dòng thơ.  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh những lí do cầm súng của người chiến sĩ: rất lớn lao cao cả nhưng cũng rất bình thường, giản dị.  + Làm nổi bật, khắc sâu mối quan hệ giữa các tình cảm đó, tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ những điều bình thường, giản dị: tình cảm dành cho người thân ruột thịt, những kỉ niệm bình dị của tuổi thơ. Những tình cảm đó là cội nguồn sâu xa của tình yêu tổ quốc, làm ch tình yêu tổ quốc nồng nàn hơn, tha thiết hơn trong trái tim người chiến sĩ.  + Diễn tả tình yêu tổ quốc thiết tha, cháy bỏng, thôi thúc người chiến sĩ cầm chắc tay súng, chiến thắng kẻ thù.  + Góp thêm một định nghĩa về tình yêu Tổ quốc đơn sơ, giản dị mà sâu sắc.  => Mục đích chiến đấu cao cả của người chiến sĩ là lẽ sống cao đẹp của cả dân tộc ta thời đại đánh Mĩ anh hùng. |
| **Bài tập 4:** Xác định từ ngữ chứa đựng biện pháp tu từ điệp ngữ và chỉ ra hiệu quả của biện pháp đó trong đoạn thơ sau:  *Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục… cục tác cục ta*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ.*  (“Tiếng gà trưa” – Xuân Quỳnh) | - Biện pháp tu từ: điệp ngữ “nghe” (3 lần).  - Hiệu quả: nhằm thể hiện tác động mạnh mẽ của tiếng gà tình cờ bắt gặp bên đường hành quân với cảm xúc của người chiến sĩ: làm cho nắng hè xao động, khiến bàn chân đỡ mỏi trên đường hành quân xa và gợi nhớ về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ,... |

**TIẾT 39: CHUYÊN ĐỀ VĂN BIỂU CẢM (TIẾP THEO)**

***PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC***

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Thế nào là điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ ?  - GV chốt. | **I. Thế nào là phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học ?**  Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học (bài văn, bài thơ) là trình bày những cảm xúc, tưởng tượng, liên tưởng, suy ngẫm của mình về nội dung và hình thức của tác phẩm đó. |
| ? Nhắc lại các kiểu điệp ngữ.  - GV chốt. | **II. Bố cục chung của bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học:**  **-Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm và hoàn cảnh tiếp xúc với tác phẩm.  **-Thân bài:** Những cảm xúc, suy nghĩ do tác phẩm gợi lên.  - **Kết bài:** Ấn tượng chung về tác phẩm. |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Theo nhóm.  **Bài tập 1: Lập dàn bài cho đề văn sau:**  ***Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ “Cảnh khuya” (Hồ Chí Minh)*** | **1.Tìm hiểu đề:**  **- Về nội dung:** Đề bài yêu cầu phát biểu cảm nghĩ về bài thơ “Cảnh khuya”. Để cảm xúc có sức thuyết phục, người viết cần hiểu rõ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Bài thơ bộc lộ những rung cảm tinh tế của Hồ Chí Minh về vẻ đẹp của đêm trăng Việt Bắc. Về nghệ thuật, đây là một bài thơ tứ tuyệt đặc sắc, có sự kết hợp hài hòa giữa vẻ đẹp cổ điển và hiện đại, giữa chất nghệ sĩ và tinh thần chiến sĩ.  - **Về hình thức**: Đề bài yêu cầu viết bài văn biểu cảm về một tác phẩm văn học. Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm. Có thể kết hợp linh hoạt với các phương thức biểu đạt khác trong quá trình làm bài. Lời văn giàu cảm xúc và hình ảnh với các liên tưởng sinh động.  **2. Dàn bài**  **a. Mở bài:**  - Giới thiệu bài thơ “Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh.  **b. Thân bài:**  - Cảnh đêm trăng thơ mộng nơi núi rừng Việt Bắc:  + Tiếng suối chảy văng vẳng khi xa, khi gần… trong đêm yên tĩnh.  + Ánh trăng thanh lọc qua kẽ lá tạo nên một khung cảnh huyền hoặc.  + Nghệ thuật so sánh, lấy động tả tĩnh, bức tranh thiên nhiên có chiều cao, chiều xa, chiều rộng…  -Tâm trạng của nhà thơ trong đêm trăng đẹp:  + Say mê cảnh thiên nhiên trong trẻo, kì diệu.  + Ý thức trách nhiệm cao độ với đất nước, với cuộc kháng chiến.   * Cảm xúc của em về cảnh thiên nhiên tươi đẹp và tâm tình của nhà thơ trong tác phẩm.   c. Kết bài:  - Khẳng định “Cảnh khuya” là một bài thơ đặc sắc, ở đó có sự kết hợp hài hòa giữa cảnh và tình; giữa vẻ đẹp cổ điển và tinh thần hiện đại.  - Bài thơ bộc lộ tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, lòng yêu thiên nhiên, yêu nước của Bác. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: Theo nhóm.  **Bài tập 2: Lập dàn bài cho đề văn sau:**  ***Cảm nghĩ về bài thơ "Bánh trôi nước" của Hồ Xuân Hương.*** | **a.Mở bài:** Giới thiệu về tác giả và bài thơ.  **b. Thân bài:**  **\*** “Bánh trôi nước” là một bài thơ đa nghĩa.  + Nghĩa đen: Tả chiếc bánh trôi  + Nghĩa bóng: Ca ngợi vẻ đẹp ngoại hình và phẩm chất của người phụ nữ, cảm thông với thân phận bị phụ thuộc và khổ đau của họ.  \* Cảm nhận về vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ: làn da trắng và một thân hình cân đối, xinh xắn của mình. Một vẻ ngoài hoàn hảo !  \* Cảm nghĩ về cuộc đời đau khổ và thân phận bị phụ thuộc của người phụ nữ:  - Thành ngữ “bảy nổi ba chìm” thường được dùng để nói về sự trôi nổi, lênh đênh của kiếp người. Hai chữ “nước non” ở đây ý chỉ hoàn cảnh sống, cuộc đời, xã hội. -> Cuộc đời người phụ nữ sao mà cay cực, xót xa.  - Chiếc bánh trôi rắn hay nát phụ thuộc rất nhiều vào “tay kẻ nặn” thì thân phận người phụ nữ cũng vậy. Hạnh phúc hay khổ đau của họ đều phụ thuộc vào người nam giới trong xã hội.  - Thương xót biết bao cho những thân phận đau khổ, bất hạnh, bị phụ thuộc ấy !  \* Cảm nghĩ về vẻđẹp tâm hồn của người phụ nữ:  Hình ảnh “tấm lòng son” kết thúc bài thơ chính là tấm lòng son sắt, thủy chung, ấm áp, nhân hậu của những người phụ nữ.  **\*** Cảm nghĩ chung về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  **-** Nghệ thuật: Thể thơ Đường luật, biện pháp ẩn dụ được sử dụng nhuần nhị và sáng tạo, biện pháp ẩn dụ, hình ảnh, ngôn ngữ dân dã, gần gũi.  - Nội dung: Bài thơ đã tạo ấn tượng về một vẻ đẹp hoàn mĩ và thân phận chìm nổi, bị phụ thuộc của người phụ nữ. Bài thơ có giá trị nhân bản sâu sắc. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Nắm chắc toàn bộ các kiến thức đã ôn tập.

- Viết bài văn hoàn chỉnh cho đề bài: Cảm nghĩ về bài thơ “Cảnh khuya” (Hồ Chí Minh).

- Chuẩn bị cho buổi ôn sau: Ôn tập ở nhà trước các nội dung:

+ Văn bản “Một thứ quà của lúa non: Cốm”.

+ Chơi chữ

+ Kiểu bài phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

**Buổi 14**

**Tiết 40: CHUYÊN ĐỀ: VĂN XUÔI TRỮ TÌNH VIỆT NAM**

**TÙY BÚT: MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức***

- Nắm được kiến thức về thể văn tùy bút

- Ghi nhớ nội dung bài học: Phong vị đặc sắc, nét đẹp văn hóa của truyền thống Hà Nội trong món quà độc đáo, giản dị: Cốm

- Những món quà dân dã của các vùng quê khác nhau

***2. Kỹ năng***

- Rèn kỹ năng viết đoạn văn biểu cảm

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Yêu thích, trân quý món quà quê thanh nhã của dân tộc, từ đó bồi dưỡng tình yêu và niềm tự hào về quê hương đất nước

***4. Năng lực***

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp – hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên xã hội

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV: Nhắc lại những điều em biết về thế loại tùy bút  HS: Nhớ lại và trả lời  HS khác nhận xét, GV nhận xét bổ sung và chốt kiến thức  GV: Giới thiệu thêm 1 số tác phầm tùy bút nổi tiếng: Tùy bút *Cô Tô, Sông Đà* – Nguyễn Tuân, *Ai đã đặt tên cho dòng sông* – Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Miếng ngon Hà Nội* – Vũ Bằng,…Những thiên tùy bút in dấu ấn, tài năng, tâm huyết và tri thức của các nhà văn, cái tôi tác giả chiêm nghiệm và day dứt, trăn trở đã hòa đồng với tâm hồn và suy nghĩ của độc giả, đã tạo nên sức lôi cuốn kì lạ của thứ văn xuôi nghệ thuật này. | **I. Thể loại tùy bút**  - Thể văn ghi chép những hình ảnh, sự việc mà nhà văn quan sát, chứng kiến (gần với các thể bút kí, kí sự)  - Thiên về biểu cảm, chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống |
| GV: Em hãy khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản  HS: Nhớ lại và trình bày, ghi chép lại vào vở theo ý hiểu của mình | **II. *Giá trị của văn bản***  ***1. Nội dung***  - Ngợi ca món quà quê “cốm”: sản vật của tự nhiên, đất trời, là chất quý, sạch của trời trong vỏ xanh của hạt lúa non trên những cánh đồng  - Cốm – sản vật mang đậm nét văn hoá: gắn với những kinh nghiệm quí về qui trình, cách thức. Gắn liền phong tục lễ tết thiêng liêng. Gắn với lối sống thanh lịch người Hà Nội  - Biểu hiện những cảm giác lắng đọng, tinh tế của tác giả về văn hóa, lối sống người Hà Nội.  ***2. Nghệ thuật***  - Lời văn trang trọng tinh tế, đầy cảm xúc, giàu chất thơ  - Chọn lọc chi tiết, gợi nhiều liên tưởng, kỉ niệm  - Sáng tạo trong lời văn xen kể và miêu tả chậm rãi, ngẫm nghĩ, mạng nặng tính chất tâm tình, nhắc nhở nhẹ nhàng.  **3. *Ý nghĩa:***  Bài văn thể hiện thành công những cảm giác lắng đọng tinh tế mà sâu sắc của Thạch Lam về văn hoá và lối sống của người Hà Nội. |

***B. Luyện tập: (35p)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức: hoạt động cá nhân  **Bài tập 1 (25p)**  GV: Em hãy viết 1 đoạn văn (5- 7 câu) nêu suy nghĩ, cảm xúc mình về tác phẩm: Một thức quà của lúa non – Cốm (Thạch Lam)  - HS thực hiện  - GV gọi 3 bạn đọc bài, các bạn khác nhận xét | - Đoạn văn phải đảm bảo các ý sau:  + Giới thiệu về tác phẩm – tác giả: *Một thứ quà của lúa non – Cốm* là tùy bút xuất sắc của nhà văn Thạch Lam, rút từ tập *Hà Nội băm sáu phố phường (1943) –* tập tùy bút viết về cảnh sắc và phong vị của Hà Nộiđầy cuốn hút*.*  + Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.  + Thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của mình về tác phẩm: yêu quý, trân trọng, tự hào.  + Khẳng định thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm này: Hãy biết trên quý những thứ sản vật giản dị, đặc sắc, đó chính là sự trân quý và giữ gìn nét đẹp văn hóa dân tộc. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới**  “*Cốm là một thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà sêu tết. Không còn gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi … Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quí, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngot sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền.”*  **Câu 1:** Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Tác giả của văn bản có đoạn trích trên là ai?  **Câu 2:** Văn bản có chứa đoạn trích được viết theo thể loại nào?  **Câu 3: (0,25đ):** Các từ “thanh đạm”, “ngọt sắc” thuộc từ loại nào?  **Câu 4:** Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu văn: “Cốm là một thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam”.  **Câu 5:** Nêu nội dung đoạn trích trên?  **Câu 6:** Từ nội dung của đoạn, hãy nêu suy nghĩ, tình cảm của em về những đặc sản của thành phố quê hương | **Đáp án:**  **Câu 1:**  **-** Văn bản “Một thứ quà của lúa non, Cốm”, tác giả: Thạch Lam  **Câu 2**: Thể loại: tùy bút  **Câu 3**: Tình từ  **Câu 4**: Phân tích ngữ pháp  Chủ ngữ: Cốm  Vị ngữ 1: là một thức quà riêng biệt của đất nước  Vị ngữ 2: là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh  Vị ngữ 3: mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam  **Câu 5**: Nội dung đoạn trích: Cốm là thứ quà độc đáo làm từ sản phẩm gần gũi với người dân quê mà cánh đồng dâng tặng con người, nó trở thành món quà văn hóa, phong tục, nhất là phong tục sêu tết trong hôn nhân  **Câu 6**: Suy nghĩ, tình cảm của em đối với đặc sản của thành phố quê hương  - Thành phố Hải Phòng có rất nhiều đặc sản nổi tiếng của vùng sông nước như mắm cáy, mắm nước, thuốc lào Vĩnh Bảo, bánh đa cua, nem bể, bánh mì cay,…  - Đây là những món ăn có giá trị về vật chất và tinh thần, văn hóa của quê hương, tuy bình dị nhưng chứa đựng tất cả tinh túy của thiên nhiên và con người. Nét đặc trưng trong văn hóa ẩm thực của thành phố quê hương tạo nên thế mạnh cho ngành du lịch và kinh tế phát triển  - Tự hào về quê hương và thấy cần phải giữ gìn và phát huy nét đẹp của thành phố. |

**Tiết 41: CHUYÊN ĐỀ: BIỆN PHÁP TU TỪ TỪ VỰNG**

**CHƠI CHỮ**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức***

- Nắm được kiến thức về biện pháp tư từ từ vựng: chơi chữ

- Vận dụng phép chơi chữ vào thực tiễn nói và viết

***2. Kĩ năng:***

- Nhận biết phép chơi chữ

- Chỉ rõ cách nói chơi chữ trong văn bản

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Yêu quý, tự hào về ngôn ngữ dân tộc

- Trung thực

- Trách nhiệm

- Chăm chỉ

***4. Năng lực***

- Năng lực chung: năng lực thấu hiểu bản thân, tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV: Hệ thống lại kiến thức về biện pháp nghệ thuật chơi chữ bằng sơ đồ tư duy  HS: Thực hiện cá nhân.  GV: Gọi 1 HS lên chữa trên bảng, HS khác nhận xét,bổ sung. GV chốt và nhắc lại kiến thức cho HS. |  |

***B. Luyện tập : 35 phút***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: làm việc nhóm  - HS thực hiện  **Bài tập 1: Xác định biện pháp nghệ thuật chơi chữ trong các ví dụ sau và cho biết đó là lối chơi chữ nào, phân tích tác dụng của nghệ thuật chơi chữ đó.**  a. Duyên duyên, ý ý, tình tình  Đây đây, đó đó, tình tình, ta ta  b.  Một trăm thứ dầu, dầu chi là dầu không thắp? Một trăm thứ bắp, bắp chi là bắp không rang? Một trăm thứ than, than chi là than không quạt? Một trăm thứ bạc, bạc chi là chẳng ai mua? Trai nam nhi anh đối đặng thì gái bốn mùa xin theo.  Nam nhi đáp lễ:  Một trăm thứ dầu, dầu xoa không ai thắp.  Một trăm thứ bắp, bắp chuối thì chẳng ai rang.  Một trăm thứ than, than thân là than không ai quạt. Một trăm thứ bạc, bạc tình bán chẳng ai mua  c. Con quạ nó ăn tầm bậy tầm bạ nó chết, Con diều xúc nếp làm chay, Tu hú đánh trống bảy ngày, Con bịp nó dậy, nó bày mâm ra. Con cuốc nó khóc u oa, Mẹ nó đi chợ đàng xa chưa về.  d. Con cá đâu anh ngồi câu đó Biết có không mà công khó anh ơi  e. Lươn ngắn mà chê trạch dài Thờn bơn méo miệng chê trai lệch mồm. | Đáp án:  a. Chơi chữ điệp âm  Tác dụng: Làm cho câu ca dao hấp dẫn, thú vị.  b. Chơi chữ đồng âm  - Tác dụng: Tạo nên sự bất ngờ, thú vị, thể hiện trí tuệ dân gian.  c. Chơi chữ dùng những từ cùng trường nghĩa, gần nghĩa  - Trường nghĩa “các loài chim”: quạ, diều, tu hú, bịp, cuốc  - Trường nghĩa “đám ma”: chết, làm chay, đánh trống bảy ngày, bày mâm ra, khóc u oa.  Tác dụng:  - Làm cho câu ca dao giàu hình ảnh, tạo sắc thái dí dỏm, hài hước  - Khắc hoạ lên những bức tranh dân gian về một đám ma nghèo nhưng đầy đủ lễ thức. Vừa phản ảnh một phong tục trong xã hội phong kiến với nhiều màu sắc độc đáo nhưng cũng không giấu tính châm biếm sắc sảo.  d. Dùng lối nói lái  - cá đâu – câu đó  - có không – công khó  Tác dụng: làm cho câu ca dao hấp dẫn thú vị, tăng tính dí dỏm, hài hước  e. Dùng từ trái nghĩa, gần nghĩa  - ngắn – dài: trái nghĩa  - méo miệng – lệch mồm: gần nghĩa  Tác dụng: châm biếm những người đem chủ quan của mình gán ghép cho người khác mà không thấy được mình cũng có khuyết điểm tương tự như thế, chả ai hơn ai. |
| **Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm**  **Bài tập 2: Cho bài ca dao sau**  Con cò chết rủ trên cây, Cò con mở lịch xem ngày làm ma Cà cuống uống rượu la đà Chim ri ríu rít bò ra chia phần Chào mào thì đánh trống quân, Chim chích cởi trần vác mõ đi rao.  Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của bài ca dao?  Câu 2: Đối tượng biểu cảm trong bài ca dao trên là gì?  Câu 3: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật chơi chữ được sử dụng trong bài ca dao trên? Phân tích tác dụng.  Câu 4: Ý nghĩa của bài ca dao?  **Bài 3**: Viết một đoạn văn 5- 7 câu (chủ đề tự chọn), trong đoạn văn có sử dụng biện pháp nghệ thuật chơi chữ | Đáp án:  **Câu 1**: Phương thức biểu cảm (biểu cảm qua tự sự)  **Câu 2:** Đối tượng biểu cảm: cái chết của cò mẹ  **Câu 3**:  - Biện pháp nghệ thuật chơi chữ: dùng những từ cùng 1 trường nghĩa (các loài chim): con cò, cò con, cà cuống, chim ri, chào mào, chim chích  - Tác dụng: Mỗi loài chim là hình ảnh tượng trưng cho một hạng người trong xã hội làng quê xưa. Con cò và cò con là hình ảnh của gia đình nông dân xấu số. Cà cuống chính kẻ tai to mặt lớn, có vai vế trong làng (xã trường, lí trưởng, địa chủ, nhà giàu. Chim ri, chào mào là bọn cai lệ, lính lộ, tay sai. Chim chích là những anh mõ làng. Tất cả bọn chúng châu vào kiếm chác, ăn uống vui vẻ, phô trương ầm ĩ. Bức tranh xã hội phong kiến được bóc trần thật đầy đủ, trọn vẹn  **Câu 4**: Ý nghĩa bài ca dao  - Phơi bày xã hội phong kiến xưa với những hủ tục phiền nhiễu, sự phân biệt giàu nghèo, tầng lớp, sự bóc lột người dân lao động. Đến đám ma cũng trở thành một dịp để những kẻ quyền thế chia chác, kiếm ăn  - Lên án, phê phán sự bất công, vô nhân đạo trong XH phong kiến, cảm thương cho số phận người nông dân hiền lành, lương thiện.  **Ví dụ:**  Hôm nay sau buổi học, Hoài gặp tôi và dặn:  - Chiều nay sang nhà tớ nhé, có một món quà bí mật dành cho cậu  - Quà gì thế, quà gì thế. Tôi háo hức  Hoài trả lời  - **Bí mật** là không được **bật mí**. Thế nhé  Tôi ra về, lòng hồi hộp, mong ngóng. |

**Tiết 42: CHUYÊN ĐỀ VĂN BIỂU CẢM (tiếp theo)**

**PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***

- Giúp học sinh ôn luyện về dạng văn phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học

***2. Kĩ năng***

- Rèn kỹ năng lập dàn ý, viết bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Gíáo dục ý thức tự giác trong học tập.

***4. Năng lực***

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp – hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên xã hội

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- Hình thức tổ chức luyện tập: hoạt động cá nhân**  **Bài tập 1: Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề văn sau: Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương**  HS thực hiện  GV cho hs chữa bài, nhận xét, góp ý và chốt kiến thức.  **Bài tập về nhà: Từ dàn ý trên, hãy viết bài văn hoàn chỉnh.** | **I. Tìm hiểu đề**  **-** Đối tượng biểu cảm: bài thơ Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương  - Cảm xúc khái quát: yêu thích  - Nội dung chính:Sự trân trọng vẻ đẹp, phẩm chất trong trắng, son sắt của người phụ nữ Việt Nam ngày xưa và sự cảm thương sâu sắc cho thân phận chìm nổi của họ  **II. Lập dàn ý**  ***a. Mở bài***  **-** *Bánh trôi nước* là bài thơ Nôm nổi tiếng của nữ sĩ Hồ Xuân Hương – nhà thơ nữ xuất sắc của thơ ca Việt Nam thời phong kiến  - Ngay lần đầu tiên tiếp xúc với bài thơ trong chương trình Ngữ Văn 7 em đã thật sự ấn tượng bởi từng câu chữ, từng tầng ý nghĩa của bài thơ  ***b. Thân bài:***  Bài thơ *Bánh trôi nước* là bài thơ đa nghĩa, để lại cho người đọc một cảm xúc yêu mến và khâm phục tài hoa của nữ sĩ  - Nữ sĩ viết về một món ăn dân tộc với tất cả lòng tự hào về bản sắc văn hóa Việt Nam  + Tác giả tả thực chiếc bánh trôi nước làm bằng bột nếp, nhân bằng đường phèn, bánh hình tròn, màu trắng, được luộc trong nồi nước sôi “bảy nổi ba chìm”  *Thân em vừa trắng lại vừa tròn*  - Bài thơ còn mang hàm ý sâu sắc  + Câu 1 và câu 2 có 2 vế tiểu đối:  *Thân em vừa trắng/ lại vừa tròn*  Vừa gợi tả chiếc bánh dân dã, xinh xắn, đáng yêu, vừa hàm ẩn sự duyên dáng, trinh trắng, vẻ đẹp xinh xắn của người phụ nữ Việt Nam  + Hai tiếng thân em không chỉ nhân hóa chiếc bánh trôi nước, thể hiện cách nói đậm đà màu sắc dân gian trong ca dao mà còn ngơi ca đức tính khiêm nhường, kín đáo, duyên dáng của người phụ nữ  + Câu thơ thứ 2 và thứ 3 sử dụng thành ngữ: bảy nổi ba chìm, ngôn ngữ tương phản: “rắn” – “nát” thể hiện sự vất vả, đắng cay, chịu nhiều tủi nhục, không có quyền quyết định tương lai hạnh phúc của mình, tương lại hạnh phúc , sung sướng hay bất hạnh là “tay kẻ nặn” – người đàn ông trong xã hội phong kiến quyết định  + Câu cuối “ mà em vẫn giữ tấm lòng son “- biểu thị một thái độ kiên trinh, bền vững, phẩm chất son sắt, cao đẹp của người phụ nữ VN trước những sóng gió của cuộc đời.  - Bài thơ thể hiện rõ nét thái độ, tính cách Hồ Xuân Hương: yêu mến, trân trọng, cảm thông, xót xa cho thân phận của người phụ nữ  - Khẳng định cảm xúc của bản thân: hiểu và trân trọng người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, trân trọng giá trị nhận thức và tình cảm mà bài thơ mang lại.  ***c. Kết bài***  - Bài thơ viết về chiếc bánh trôi nước – một món ăn dân tộc dân dã, bình dị, lồng trong thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đã thể hiện sâu sắc cảm hứng nhân đạo trong văn học Việt Nam thời phong kiến: ca ngợi vẻ đẹp, phẩm chất của người phụ nữ, đồng thời cảm thông với số phận chìm nổi của họ, qua đó tố cáo sự bất công trong xã hội xưa  - Bài học nhận thức – liên hệ bản thân. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Hình thức tổ chức luyện tập: hoạt động cá nhân***  **Bài tập 2**: Viết bài văn ngắn, nêu cảm nghĩ của em về bài ca dao sau:  “ Công cha như núi Thái Sơn  Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra  Một lòng thờ mẹ kính cha  Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con” | **MỞ BÀI**  **-** Giới thiệu về ca dao tình cảm gia đình, giới thiệu bài ca dao và ấn tượng chung.  **THÂN BÀI**  1. Xúc động trước công lao to lớn của cha mẹ thông qua các hình ảnh so sánh gợi cảm, chính xác, giàu ý nghĩa. Các từ “công cha”, “nghĩa mẹ”, các hình ảnh “núi Thái Sơn”, “nước trong nguồn” đã khẳng định công lao, vai trò của cha mẹ với cuộc đời mỗi chúng ta.  2. Có thái độ trân trọng, yêu kính và biết ơn công cha nghĩa mẹ, đó là tấm lòng hiếu thảo, biết ơn, thái độ chăm lo, phụng dưỡng với cha mẹ.  3. Liên hệ với các bài ca dao khác cùng đề tài  Liên hệ bản thân  **KẾT BÀI**  Khẳng định tình cảm của em đối với cha mẹ |

**Gợi ý:**

Bài 1: Trong đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng điệp từ “nghe” (3 lần) và điệp từ “này” (2 lần), tạo ra những liên tưởng nghệ thuật khác nhau.(0,5 điểm)

-Điệp từ “nghe” không chỉ là nghe bằng thính giác, bằng tai mà chính là nghe bằng cảm giác bằng tâm tưởng, bằng sự nhớ lại, bằng hồi ức tràn về mà tiếng gà trưa bất ngờ trạm vào, khơi dậy và có sức lan tỏa trong tâm hồn người nghe. Tác giả - người chiến sĩ khi nghe tiếng gà cảm thấy bớt mệt mỏi, sống lại những kí ức tuổi thơ.

Bài 2:

**Mở bài:** Giới thiệu bài thơ “Qua Đèo Ngang” và cảm nghĩ chung của em về bài thơ.

**Thân bài:**

* Cảm nhận và tưởng tượng cảnh sắc Đèo Ngang:

+ Thời gian, không gian, thiên nhiên, con người.

+ Cảm nhận về từng chi tiết (bóng xế tà, cỏ cây chen đá, lá chen hoa; lom khom tiều vài chú, lác đác chợ mấy nhà, tiếng quốc quốc, tiếng gia gia

* Cảm nghĩ về tâm sự của tác giả (qua cảnh vật, qua những biểu hiện gián tiếp, trực tiếp.

**Kết bài:** Tình cảm của em đối với bài thơ

***1. Bài vừa học:***

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc đặc điểm, tác dụng của điệp ngữ.

- Hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.

**Phụ lục dàn ý chi tiết đề bài:**

**Cảm nghĩ về tình bà cháu qua bài thơ *Tiếng gà trưa***

**a. Mở bài:** Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ xuất sắc của nền thơ ca Việt Nam hiện đại*.* Thơ bà thường viết về những điều bình dị, gần gũi trong đời sống gia đình và cuộc sống thường ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, thiết tha, đằm thắm. “Tiếng gà trưa” là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách ấy của bà. Đọc bài thơ, ta vô cùng xúc động và trân trọng trước tình cảm bà cháu sâu nặng, thiết tha. (Tình bà cháu sâu nặng, thiết tha trong bài thơ đã gợi lên trong lòng người đọc bao nỗi xúc động, bồi hồi)

**b. Thân bài:**

***Ý lớn 1: Tình yêu thương sâu nặng của bà dành cho cháu thật cảm động***

Câu chủ đề: Qua dòng chảy kỉ niệm, bài thơ còn giúp ta cảm nhận được tấm lòng yêu thương của bà dành cho cháu. Trong kí ức của người cháu, bà hiện lên với một tình yêu thương bao la vô bơ bến. Bà như một người mẹ hiền hiện hữu bên cháu suốt những năm tháng tuổi thơ

Ý nhỏ 1: Tuổi thơ bình yên của cháu được bao bọc che chở trong tình yêu thương của bà

- Trong bộn bề những kỉ niệm tuổi thơ hiện về, lòng cháu xốn xang hạnh phúc vì được bà yêu thương. Tuổi thơ của cháu không có mặt của ba mẹ nhưng chan chứa niềm vui, niềm hạnh phúc mà bà mang lại.

- Chỉ một lời mắng yêu của bà mà chất chứa tình yêu thương sâu nặng. Cuộc sống của cháu không đơn độc, thiếu văng mà ăm ắp rộn rã niềm vui bởi những lời mắng yêu như thế.

Ý nhỏ 2: Tuổi thơ cháu được bà nuôi nấng, lớn khôn. Một đời bà tần tảo hôm sớm dành dụm, chắt chiu để nuôi cháu lớn khôn từng ngày

- Cảm động biết bao hình ảnh bà tay nhăn nheo soi từng quả trứng. Bà nâng niu từng quả trứng hồng. Những nâng niu, những ước mơ nhỏ nhoi của đứa cháu hồn nhiên thơ dại

- Những đêm đông giá lạnh bà thấp thỏm, lòng xiết bao lo lắng cầu mguyện cho thời tiết thuận lợi , bình yên để đàn gà nhanh lớn. Cuộc sống thôn quê nghèo khó, bà chắt chiu dành dụm và nuôi hi vọng cuối năm bán gà sẽ mua cho cháu manh áo mới khi tết đến xuân về

- Bộ quần áo mới thuở ấy là công lao của bà suốt bao tháng ngày vất vả, là niềm hạnh phúc của bà khi mang lại cho cháu niềm vui. Lòng con trể xốn xao, rạo rực, lòng bà cũng như trẻ thêm ra khi xuân về tết đến.

\* Khái quát: Tuổi thơ người chiến sĩ đẹp quá, yên bình quá, một tuổi thơ đẹp như giấc mơ hoa, cháu được bao bọc, che chở, ấp iu, nâng đỡ trong tình yêu thương bao la vô bờ bến của bà. Bà bước ra trong kí ức người chiến sĩ đẹp như một bà tiên trong câu chuyện coỏ: nhân từ, phúc hậu, giàu tình yêu thương, luôn mang lại niềm hạnh phúc cho đứa cháu yêu. Một tuổi thơ sâu nặng tình nghĩa, da diết yêu thương như thế sẽ là động lực mạnh mẽ thôi thúc người chiến sĩ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để dành độc lập tự do.

Hoặc: Thể thơ năm chữ đầy sáng tạo đan xen những yếu tố tự sự, miêu tả đã làm nên câu chuyện về tình bà cháu thật cảm động, những kỉ niệm thật ngọt ngào, hạnh phúc.

***Ý lớn 2: Xúc động trước tình bà cháu, ta thấu hiểu nỗi nhớ thương, lòng biết ơn sâu nặng của cháu dành cho bà***

Ý nhỏ 1: Nỗi nhớ thương

- Trên đường hành quân ra mặt trận, âm thanh *Tiếng gà trưa* đã khơi dậy (gọi về ) bao kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ, người chiến sĩ với nỗi nhơ da diết, khôn nguôi. Bao kỉ niệm về bà ùa về trong kí ức, kỉ niệm này gọi kỉ niệm kia ăm ắp tràn về

- Cháu nhớ đàn gà ổ trứng đẹp như trong tranh của bà (dẫn thơ). Những câu thơ sử dụng yếu tố miêu tả làm sống dậy bức tranh đàn gà vui tươi, sống động với màu sắc lung linh, rực rỡ trong nắng cùng với những quả trứng hồng tươi đầy ổ rơm vàng. Những con gà thân quen thuở nào như hiện ra trước mắt. Người chiến sĩ ngỡ như được tận mắt ngắm nhìn đàn gà, ngắm nhìn những quả trứng hồng tươi bụi phấn. Kỉ niệm hiện về tươi rói, người cháu nhớ bà khắc khoải, khôn nguôi

- Cháu không thể nào quên những lời mắng yêu của bà thủa trước. Câu nói yêu thương của bà cháu dại khờ cứ tin là thật, là kỉ niệm đáng nhớ nhất của tuổi thơ mà người chiến sĩ mang theo vào chiến trường khói lửa hôm nay, tiếp thêm sức mạnh cho anh trên đường hành quân vất vả

- Cháu nhớ lắm hình ảnh bà chắt chiu, tảo tần nuôi đàn gà lớn khôn (dẫn thơ). Cháu quên sao được những năm gian lao, khốn khó, bà một mình vất vả chăm đàn gà, nhên lên sự sống từ những quả trứng nhỏ nhoi. Nhớ bà, cháu hiểu được mong ước của bà: mong ước đàn gà lớn lên, vượt qua được mùa đông giá rét để tết đến xuân về cháu có được bộ quần áo mới.

+ Cháu làm sao quên được bộ quần áo mới bà mua năm nào. Niềm hạnh phúc của đứa trẻ thưở ấy đến hôm nay vẫn còn vẹn nguyên trong cháu. Đó là kỉ niệm dẹp của tuổi thơ tiếp thêm sức mạnh cho người cháu trên đường hành quân xa

Ý nhỏ 2: Lòng biết ơn sâu nặng

CCĐ: Hành quân ra chiến trường khói lửa, nhớ bà da diết, khôn nguôi, người chiến sĩ biết ơn và kính trọng bà vô hạn

+ Biết ơn những năm tháng gian lao, khốn khó, người chiến sĩ được sưởi ấm bởi tình bà. Người bà đã mang lại niềm hạnh phúc đơn sơ, bình dị nhưng sâu nặng nghĩa tình không thể nào quên.

+ Người chiến sĩ biết tấm lòng của bà bao năm tháng đã thầm lặng hi sinh nuôi cháu nên người.

+ Sống lại niềm hạnh phúc có bộ quần áo mới, người chiến sĩ càng thêm hiểu, thấm thía tấm lòng của bà dành cho cháu. Bộ áo quần mới dẫu đơn sơ, vải thô sợi xấu nhưng lại được dệt bằng tình yêu thương sâu nặng của bà, là mồ hôi bao công sức của bà tháng ngày vất vả dành dụm chắt chiu.

=> Khái quát: Trên đường hành quân hôm nay, nhớ về kỉ niệm tuổi thơ, người cháu nhớ thương bà da diết, dành cho bà tấm lòng biết ơn sâu nặng, những nghĩa tình không thể nào quên. Tình cảm ấy sẽ là động lực mạnh mẽ giúp người cháu vượt qua mọi khó khăn, gian khổ trên đường hành quân để cầm chắc tay súng chiến thắng kẻ thù

***Ý lớn 3: Đánh giá:***

- Đối tượng biểu cảm: (Tình bà cháu)

+ Tình cảm của bà dành cho cháu là tấm lòng cao đẹp của bao người mẹ, người bà Việt Nam suốt đời thầm lặng hi sinh vì hạnh phúc cháu con.

+ Tình bà cháu sâu nặng sẽ là cội nguồn để làm nên những tình cảm thiêng liêng, lớn lao, cao đẹp khác. Tình yêu tổ quốc sâu sắc hơn, nồng nàn hơn trong trái tim người chiến sĩ nhờ những tình cảm bình dị mà sâu sắc này.

+ Từ kỉ niệm bình dị của tuổi thơ, tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, Xuân Quỳnh đã góp phần cắt nghĩa, lí giải cội nguồn của sức mạnh dân tộc, góp tiếng nói của mình vào tiếng nói chung của thời đại lúc bấy giờ

- Tác giả

+ Tài năng: Ngòi bút tài hoa của nữ sĩ Xuân Quỳnh trong việc sử dụng thơ ngũ ngôn đầy sáng tạo đan xe yếu tố tự sự, miêu tả để chuyển tải những cảm xúc mới mẻ, khơi dậy trong lòng người đọc bao tình cảm đẹp đẽ.

+ Tấm lòng: Qua bài thơ, ta thấm thía trái tim của Xuân Quỳnh luôn rung lên những nhịp đập yêu thương và niềm khát khao hạnh phúc cháy bỏng trước cuộc sống đời thường đơn sơ, bình dị. Đó là phong cách thơ của Xuân Quỳnh tạo nên sức hấp dẫn của những trang thơ mãi mãi còn có sức lay động tâm hồn người đọc.

**c. Kết bài:** Bài thơ kết lại nhưng những tình cảm cao đẹp thì sẽ còn mãi ngân vang trong lòng ta. Tên tuôi Xuân Quỳnh cũng với *Tiếng gà trưa* cũng như bao bài thơ khác của nữ sĩ sẽ luôn sống mãi cũng dòng chảy bát tận của thời gian.

**Đề 2. Phát biểu cảm nghĩ về những kỉ niệm tuổi thơ qua bài *Tiếng gà trưa***

**a. Mở bài**: Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ xuất sắc của nền thơ ca Việt Nam hiện đại*.* Thơ bà thường viết về những điều bình dị, gần gũi trong đời sống gia đình và cuộc sống thường ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, thiết tha, đằm thắm. “Tiếng gà trưa” là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách ấy của bà. Đọc bài thơ, ta vô cùng xúc động và trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ của người cháu được gọi về từ âm thanh tiếng gà trưa.

**b. Thân bài:**

***Ý 1: Nhớ về kỉ niệm tuổi thơ, cháu không thể nào quên hình ảnh đàn gà với những ổ trứng hồng:***

*Tiếng gà trưa*

*Ổ rơm hồng những trứng*

*Này còn gà mái mơ*

*Khắp mình hoa đồm trắng*

*Này con gà mái vàng*

*Lông óng như màu nắng*

+ Biện pháp so sánh kết hợp với tính từ chỉ màu sắc giàu sức gợi tả → giúp ta hình dung được những con gà mái màu sắc lung linh, rực rỡ trong nắng cùng với những quả trứng hồng tươi đầy ổ rơm vàng. Màu đốm trắng của gà mái mơ, màu óng vàng của gà mái vàng, tất cả đẹp như trong tranh - vẻ đẹp tươi sáng, hiền hoà, bình dị.

+ Điệp từ “này” được điệp lại như là sự giới thiệu hồ hởi, vui sướng, hân hoan, như kéo quá khứ tuổi thơ xa xăm trở về với hiện tại, cho ta hình dung trước mắt hình ảnh cậu bé đang đứng giữa sân nhà mình chỉ trỏ, gọi, đếm những con gà thân yêu. Không chỉ gợi nỗi nhớ về hình ảnh đàn gà trong ký ức đẹp như tranh, đông đúc mà dường như người chiến sĩ đang ngẫm nghĩ, như chạm tay vào kỷ niệm với tình cảm trìu mến, thân thuộc. Đây là 1 kỷ niệm đẹp của tuổi thơ.

***Ý 2: Xúc động biết bao khi những năm tháng tuổi thơ của cháu luôn có hình ảnh bà:***

- Cháu nhớ biết bao lời mắng yêu của bà thưở trước:

*Gà đẻ mà mày nhìn*

*Rồi sau này lang mặt*

Trẻ thơ dù gái hay trai đều sợ nhất là xấu trai, xấu gái mà bệnh lang mặt là đáng sợ hơn cả. Vậy mà vẫn không thắng được tính tò mò trẻ thơ, vẫn cứ nhìn gà để, để rồi xấu hổ, cúi đầu nghe bà mắng, bà dạy bảo hiền từ. Lời mắng yêu ấy đã theo người chiến sĩ vào chiến trường khói lửa hôm nay, tiếp thêm sức mạnh cho anh trên đường hành quân vất vả.

- Nhớ về bà, cháu không thể nào quên hình ảnh:

*Tay bà khum soi trứng*

*Dành từng quả chắt chiu*

Người lính trẻ nhớ lắm hình ảnh bàn tay già nua, nhăn nheo của bà đang chăm chú, chắt chiu soi từng quả trứng hồng vẫn còn đang nóng hổi để tìm nhưng quả tốt nhất, đầy đặn nhất dành cho gà mái ấp. Các từ *"soi - khum - dành - chắt chiu"* cho thấy bà dành dụm, giữ gìn cho đàn gà ấp với thái độ nâng nui. Bà nâng niu từng quả trứng hay cũng chính là ấp iu từng sự sống đang sinh sôi. Kỉ niệm ấy làm sao cháu có thể quên dược.

- Cháu còn nhớ cả nỗi lo âu của bà khi mùa đồng đến:

*Cứ hằng năm, hằng năm*

*Khi gió mùa đông đến*

*Bà lo đàn gà toi*

*Mong trời đứng sương muối*

*Để cuối năm bán gà*

*Cháu có quần áo mới*

Câu thơ gợi lên trước mắt ta hình ảnh người bà với đôi mắt đục mờ ngước lên bầu trờimùa đông đang chuyển gió bấc buốt lạnh mà lo lắng cho đàn gà con yếu ớt đang phải chịu rét, chịu sương muối. Cuộc sống thôn quê nghèo khó, bà chắt chiu, dành dụm và nuôi hi vọng cuối năm bán gà sẽ mua cho cháu manh áo mới khi tết đến xuân về. Bà mong trời đừng sương muối hay cũng chính là mong cháu có niềm vui tuồi thơ. Bà nâng niu, chăm chút cho đàn gà cũng chính là nâng niu niềm vui nhỏ nhoi, ước mơ giản dị của đứa cháu yêu.

=> Hình ảnh người bà hiện lên trong dòng kí ức của cháu đẹp như một bà tiên trong câu chuyện cổ tích. Đó là một người bà tần tảo, chắt chiu trong cảnh nghèo; một người bà nhân từ, phúc hậu, giàu tình yêu thương, luôn mang lại niềm hạnh phúc cho đứa cháu yêu.

***Ý 3: Đọc bài thơ, ta như chia sẻ cảm xúc của người chiến sĩ khi nhớ về niềm vui tuồi thơ. Niềm hạnh phúc mà cháu có được sau bao tần tảo, lo toan của bà chính là bộ quần áo mới:***

*Ôi cái quần chéo go*

*Ống rồng dài quét đất*

*Cái áo cánh trúc bâu*

*Đi qua nghe sột soạt*

Từ “Ôi”đã diễn niềm vui sướng trào dâng mãnh liệt, xúc động rưng rưng, sự biết ơn sâu nặng. Ta như hình dung trước mắt hình ảnh cậu bé thôn quê xúng xính trong bộ quần áo mới hớn hở chạy chơi cùng các bạn. Chỉ là bộ quần áo giản dị, bình thường nhưng với thời gian khổ và thiếu thốn thì như thế đã là đầy đủ, đẹp đẽ lắm rồi. Đó là công sức của bà suốt cả năm trời chăm sóc đàn gà mà bà đã chắt bóp, dành dụm. Cho nên nhớ đến kỷ niệm đó, người cháu càng nhớ bà hơn, bởi đó là bộ quần áo nặng sâu ơn nghĩa biết bao. Cháu vẫn nhớ như in cảm xúc sung sướng khi được diện bộ quần áo ấy.

***Ý 4: Đánh giá, khái quát***

- Cả 5 khổ thơ là cả một trời kỷ niệm đẹp đẽ của người chiến sĩ bởi nó ăm ắp, tươi mới như đang hiển hiện trước mắt, như vừa mới xẩy ra. Đặc biệt nó sóng sánh, dâng trào nghĩa tình của người cháu đối với bà, của bà - cháu. Đó là những kỷ niệm về tuổi thơ yên bình, hạnh phúc. Người chau sống lại những tháng ngày đã qua với cảm xúc bồi hồi, xúc động.

- Qua dòng cảm xúc của người cháu, ta cảm nhận được hình ảnh người bà thật đẹp, tình bà cháu ấm áp cảm động biết bao.

- Đánh giá tác giả:

+ Tất cả những kỉ niệm ấy đều được thể hiện bằng thể thơ 5 chữ có sáng tạo về câu chữ; lời xưng hô *cháu - bà* như lời trò chuyện của người cháu với bà tạo giọng điệu tâm tình, thủ thi; hình ảnh sinh động, tự nhiên, gợi cảm; lời thơ giản dị mộc mạc, giàu chất biểu cảm, thể hiện tình cảm tự nhiên chân thành.

+ Qua những kỉ niệm tuổi thơ được khơi gợi từ âm thanh tiếng gà trưa ta thấy được người cháu có tâm hồn nhạy cảm giàu cảm xúc; có tình yêu thương bà tha thiết và sống ân tình, ân nghĩ với quá khứ tuổi thơ. Tình cảm của người cháu cũng chính là nỗi lòng của nhà thơ Xuân Quỳnh. Cũng là một người từng trải qua những năm tháng tuổi thơ ấm áp bên bà nên nhà thơ đã viết nên những câu thơ hay, thồn thức lòng người đến như vậy.

**Đề 3: Phát biểu cảm nghĩ về âm thanh tiếng gà trưa qua bài *Tiếng gà trưa***

**a. Mở bài**: Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ xuất sắc của nền thơ ca Việt Nam hiện đại*.* Thơ bà thường viết về những điều bình dị, gần gũi trong đời sống gia đình và cuộc sống thường ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, thiết tha, đằm thắm. “Tiếng gà trưa” là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách ấy của bà. Âm thanh tiếng gà trưa vang lên trong tác phẩm đã thức sự để lại dấu ấn đậm nét trong lòng người đọc.

**b. Thân bài:**

Ý lớn 1: Tiếng gà trưa, âm thanh quen thuốc ấy cất lwn đã khơi nguồn bao cảm xúc trong lòng người chiến sĩ.

- Sau chặng đường hành quân đầy gian khổ, người chiến sĩ mới có được giây phút dừng chân hiếm hoi nơi xóm nhỏ, mới có được chút yên tĩnh trong cõi lòng để lắng sâu, suy cảm. Trong khung cảnh ấy, chợt âm thanh tiếng gà trưa từ đâu vọng lại:

Cục... cục tác cục ta.

Thật kì lạ làm sao, giữa vô vàn âm thanh quen thuộc của làng quê , người chiến sĩ chỉ ghi lại âm thanh tiếng gà nhảy ổ. Bởi đó là âm thanh rất đỗi quen thuộc, bình dị của làng quê Việt Nam. Âm thanh ấy gợi về một cuộc sống bình yên, no đủ, sự sống đang sinh sôi, đem lại niềm vui bình dị cho người lao động cần cù, la lũ, chắt chiu.

- Âm thanh tiếng gà trưa vang lên thật diệu kì, làm cho nắng trưa , trở nên lung linh, xao động, không gian trưa yên ắng bỗng trở nên sống động lạ thường, xua đi bao vất vả, mệt nhọc trên đường hành quân xa, nâng đỡ dôi chân người chiến sĩ, tiếp thêm sức mạnh cho họ. Và kì diệu hơn, tiếng gà trưa đã gọi về cả một tuổi thơ yêu dấu đẹp đẽ, đưa người chiến sĩ sống lại những năm tháng hồn nhiên, tươi đẹp nhất của cuộc đời.

- Người chiến sĩ dường như căng mở mọi giác quan để đón nhận âm thanh ấy. Qua cảm nhận của họ, âm thanh tiếng gà trưa quen thuộc đã trở thành một thứ âm thanh rất đỗi diệu kì.

Ý lớn 2: Từ chỗ khơi nguồn cảm xúc, âm thanh tiếng gà trưa đã đưa người chiến sĩ – người cháu trở về những năm tháng tuổi thơ bên bà thật cảm động.

Ý nhỏ 1: Nghe âm thanh tiếng gà trưa, hình ảnh đàn gà và những ổ trứng đẹp như trong tranh đã ùa về trong kí ức người chiến sĩ:

*Tiếng gà trưa*

*Ổ rơm hồng những trứng*

*Này còn gà mái mơ*

*Khắp mình hoa đồm trắng*

*Này con gà mái vàng*

*Lông óng như màu nắng*

Những câu thơ sử dụng yếu tố miêu tả làm sống dậy bức tranh đàn gà vui tươi, sống động với màu sắc lung linh, rực rỡ trong nắng cùng với những quả trứng hồng tươi đầy ổ rơm vàng. Những con gà thân quen thuở nào như hiện ra trước mắt. Người chiến sĩ ngỡ như được tận mắt ngắm nhìn đàn gà, ngắm nhìn những quả trứng hồng tươi bụi phấn. Kỉ niệm hiện về tươi rói, người cháu nhớ bà khắc khoải, khôn nguôi

Ý nhỏ 2: Âm thanh tiếng gà trưa cũng đưa hình ảnh người bà thân thương, yêu quý trở về trong kí ức của cháu với bao xúc cảm sâu sắc

- Cháu không thể nào quên những lời mắng yêu của bà thủa trước:

*Gà đẻ mà mày nhìn*

*Rồi sau này lang mặt*

Câu nói yêu thương của bà cháu dại khờ cứ tin là thật, là kỉ niệm đáng nhớ nhất của tuổi thơ mà người chiến sĩ mang theo vào chiến trường khói lửa hôm nay, tiếp thêm sức mạnh cho anh trên đường hành quân vất vả.

- Không dừng lại ở đó, trong nỗi nhớ của cháu được gọi về từ tiếng gà trưa, luôn hiển hiện những kỉ niệm đẹp, cảm động nhất về bà. Tuổi thơ cháu luôn được bà nuôi dưỡng. Một đời bà tần tảo sơm hôm nuôi cháu lớn khôn từng ngày:

*Tiếng gà trưa*

*Tay bà khum soi trứng*

*Dành từng quả chắt chiu*

*Cho còn gà mái ấp*

Cảm động biết hình ảnh tay bà nhắn nheo soi từng quả trứng. Bà nâng niu từng quả trứng hồng như nâng niu từng ước mơ nhỏ nhoi của đứa cháu hồn nhiên, thơ dại. Những đêm đông giá lạnh, bà thấp thỏm, lòng xiết bao lo lắng, cầu cho thời tiết thuận lợi, bình yên để đàn gà nhanh lớn. Cuộc sống thôn quê nghèo khó, bà chắt chiu, dành dụm, nuôi hi vọng cuối năm bán gà sẽ mua cho cháu manh áo mới khi tết đến, xuân về.

- Cuối cùng, âm thanh tiếng gà trưa còn thức dậy trong lòng người cháu kỉ niệm xiết bao ý nghĩa về bộ quần áo mới:

*Ôi cái quần chéo go*

*Ống rồng dài quét đất*

*Cái áo cánh trúc bâu*

*Đi qua nghe sột soạt*

Ta như hình dung trước mắt hình ảnh cậu bé thôn quê xúng xính trong bộ quần áo mới hớn hở chạy chơi cùng các bạn. Chỉ là bộ quần áo giản dị, bình thường nhưng với thời gian khổ và thiếu thốn thì như thế đã là đầy đủ, đẹp đẽ lắm rồi. Đó là công sức của bà suốt cả năm trời chăm sóc đàn gà mà bà đã chắt bóp, dành dụm. Cho nên nhớ đến kỷ niệm đó, người cháu càng nhớ bà hơn, bởi đó là bộ quần áo nặng sâu ơn nghĩa biết bao. Cháu vẫn nhớ như in cảm xúc sung sướng khi được diện bộ quần áo ấy.

=> Khái quát: Tất cả những kỉ niệm ấy tưởng như đã được chon chặt, dấu kín trong lòng cháu, nay đã được âm thanh tiếng gà trưa đánh thức. Kier niệm nối tiếp kỉ niệm cứ theo dòng chảy kí ức ùa về, người cháu thương bà da diết, dành cho bà tấm lòng biết ơn sâu năgj, những tình nghĩa ko thể nào quên.

Ý lớn 3: Từ việc gọi dậy những kỉ niệm về một tuổi thơ sâu nặng, da diết yêu thương trong lòng người chiến sĩ, âm thanh tiếng gà trưa đã trở thành tiếng gọi thiết tha, thôi thúc, giục giã người chiến sĩ chiến đấu:

*Tiếng gà trưa*

*Mang bao nhiêu hạnh phúc*

*Đêm về cháu nằm mơ*

*Giấc ngủ hồng sắc trứng*

Trên đường hành quân vào chiến trường khói lửa, được mơ về tuổi thơ, được đắm mình trong cs xiết bao yêu thương của thời thơ ấu, thật ko có hạnh phúc nào bằng. Hạnh phúc đươn sơ mà lớn lao quá đỗi. Nó như một thứ động lực tinh thần to lớn để người chiến sĩ vượt qua mọi kho khăn, gian khổ, chiến thắng kẻ thù.

Âm thanh tiếng gà trưa đã trở thành sợi dậy vô hình kết nối tình yêu tổ quốc với những điều bình thường, giản dị, tình cảm giành cho người thân, ruột thịt, cho những kỉ niệm tuổi thơ trong lòng người chiến sĩ, làm cho mục đích chiến đấu của người chiến sĩ càng trở nên thiêng liêng, cao đẹp hơn.

**\* Đánh giá khái quát**: Bằng lời thơ giản dị, mộc mạc, giàu chất biểu cảm; cách sử dụng hình ảnh sinh động, tự nhiên, gợi cảm, Xuân Quỳnh đã làm cho âm thanh tiếng gà trưa – một âm thanh quen thuộc, đợi thường trở thành âm thanh rất đỗi diệu kì. Qua âm thanh ấy, ta cảm nhận được tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của người chiến sĩ, gian khổ, khốc liệt ko làm khô cằn tâm hồn người chiến sĩ mà ngược lại càng l;àm cho tình yêu quê hương, Tổ quốc trở nên tha thiết, sâu sắc hơn. Đó cũng chính là tình cảm của chính nhà thơ gửi gắm trong đó. Từ âm thanh tiếng gà trưa, từ những kỉ niệm tuổi thơ, tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, Xuân Quỳnh đã góp phần cắt nghĩa, lí giải cội nguồn sức mạnh dân tộc, góp tiếng nói của mình vào tiếng nói chúng của thời đại lúc bấy giờ.

**Buổi 15**

**Tiết 43+44:**

**CHUYÊN ĐỀ VĂN XUÔI TRỮ TÌNH VIỆT NAM(Tiếp)**

***(Mùa xuân của tôi- Sài Gòn tôi yêu)***

**Tiết 45:**

**CHUẨN MỰC SỬ DỤNG TỪ, NHỮNG LƯU Ý KHI SỬ DỤNG TỪ**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức:*** Giúp HS củng cố, ôn tập lại nội dung kiến thức, cảm nhận Cảm xúc về những nét riêng của cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân Hà Nội, Sài Gòn qua hai văn bản: ***Mùa xuân của tôi; Sài Gòn tôi yêu***

- Chuẩn mực sử dụng từ, những lưu ý khi sử dụng từ.

***2. Kỹ năng:***

- Rèn kĩ năng đọc - hiểu văn bản có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

- Phân tích áng văn xuôi trữ tình giàu chất thơ, nhận biết và làm rõ vai trò của các yếu tố miêu tả trong văn biểu cảm .

- Kĩ năng dùng từ chính xác, chuẩn mực, nắm vững những lưu ý khi sử dụng từ.

***3. Thái độ, phẩm chất:*** Luôn có ý thức tích cực, chủ động và tự giác rèn luyện các kĩ năng cơ bản đối với môn học, nhất là nói và viết cho đúng, cho hay.

***4. Năng lực***

**-** Các năng lực chung :

+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản bản thân

+ Năng lực xã hội: năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

+ Năng lực công cụ: năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin

- Các năng lực chuyên biệt: năng lực giao tiếp tiếng Việt và năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1-2**

***A. Kiến thức cơ bản***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***Hoạt động 1:*** ***Gv hướng dẫn HS khái quát lại nội dung kiến thức văn bản Mùa xuân của tôi.***  **Thảo luận nhóm:**  ***Nhóm 1: Trình bày khái quát những hiểu biết về tác giả Vũ Bằng.***  ***Nhóm 2: Trình bày khái quát hoàn cảnh ra đời của văn bản.***  ***Nhóm 3: Trình bày khái quát giá trị nội dung.***  ***Nhóm 4: Trình bày khái quát giá trị nghệ thuật.***  **1. Tác giả**  - Vũ Bằng (1913-1984), sinh ra tại Hà Nội  - Ông là nhà văn và nhà báo đã sáng tác từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, có sở trường về truyện ngắn, tùy bút, bút kí  - Sau năm 1954, ông vào Sài Gòn vừa viết văn, vừa làm báo vừa hoạt động cách mạng  - Năm 2007, Vũ Bằng được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật  **2. Tác phẩm**  **a. Hoàn cảnh ra đời**  - Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, tác giả sống ở vùng kiểm soát của Mĩ – Ngụy, xa cách quê hương đất Bắc. Nhà văn đã gửi gắm vào trong trang sách nỗi niềm thương nhớ da diết quê hương, gia đình và lòng mong mỏi đất nước hòa bình, thống nhất  - Bài văn được trích từ thiên tùy bút “Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt” trong tập tùy bút “Thương nhớ mười hai”  **b. Bố cục (3 phần)**  - Phần 1 (từ đầu đến “mê luyến tâm hồn”): Cảm nhận về quy luật tình cảm của con người với màu xuân  - Phần 2 (tiếp đó đến “mở hội liên hoan”): Cảnh sắc, không khí mùa xuân Hà Nội  - Phần 3 (còn lại): Cảnh sắc và không khí màu xuân sau ngày rằm tháng Giêng | **I. Văn bản: *Mùa xuân của tôi***  **1. Tác giả**  **2. Tác phẩm**  **a. Hoàn cảnh ra đời**  **b. Bố cục (3 phần)**  **c. Thể loại**  Tuỳ bút: Là 1 thể bút kí thiên về biểu cảm, trữ tình viết về cảnh vật, con người, cuộc sống mà nhà văn đã trải qua hoặc chứng kiến.  **d. Giá trị nội dung**  Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân Hà Nội và miền Bắc được cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê. Bài tùy bút đã biểu lộ chân thực và cụ thể tình quê hương, đất nước, lòng yêu cuộc sống và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa của tác giả  **e. Giá trị nghệ thuật**  - Trình bày nội dung văn bản theo dòng cảm xúc lôi cuốn, say mê  - Lựa chọn từ ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh  - Có nhiều so sánh, liên tưởng độc đáo, giàu chất thơ. |
| ***Hoạt động 2:*** ***Gv hướng dẫn HS khái quát lại nội dung kiến thức văn bản Sài Gòn tôi yêu.***  **Thảo luận nhóm:**  ***Nhóm 1: Trình bày khái quát những hiểu biết về tác giả Vũ Bằng.***  ***Nhóm 2: Trình bày khái quát hoàn cảnh ra đời của văn bản.***  ***Nhóm 3: Trình bày khái quát giá trị nội dung.***  ***Nhóm 4: Trình bày khái quát giá trị nghệ thuật.***  **1. Tác giả:**  Minh Hương là người quê ở Quảng Nam vào sống ở Sài Gòn trên 50 năm, có nhiều bút kí, kí sự, tạp văn, phóng sự... viết về Sài Gòn.  **2. Tác phẩm:**  **a. Hoàn cảnh ra đời**  - In trong tập “Nhớ Sài Gòn (1994  **b. Bố cục (3 phần)**  - P1: từ đầu -> họ hàng: ấn t­ượng chung về Sài Gòn  - P2: tiếp -> hơn 5 triệu: Cảm nhận phong cách ng­ười Sài Gòn  - P3: còn lại: Tình yêu với Sài Gòn | **II. Sài Gòn tôi yêu**  **1. Tác giả:**  - Minh Hương là nhà báo  **2. Tác phẩm:**  - In trong tập “Nhớ Sài Gòn (1994)  **a. Hoàn cảnh ra đời**  **b. Bố cục (3 phần)**  **c. Thể loại**  **d. Giá trị nội dung**  Sài Gòn là một thành phố trẻ trung năng động, có nét hấp dẫn về thiên nhiên và khí hậu  Người Sài gòn phong cách bộc trực, cởi mở, chân thành, trọng đạo nghĩa.  Thể hiện tình cảm sâu đậm của tác giả đối với Sài gòn.  e. Giá trị nghệ thuật  -Lời văn miêu tả giàu cảm xúc  - giọng văn nhẹ nhàng, tình cảm.  - Sử dụng thành công một số biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ, điệp từ, nhân hóa |
| ***Hoạt động 2:*** ***Gv hướng dẫn HS khái quát lại nội dung kiến thức, những lưu ý khi sử dụng từ đúng chuẩn mực.***  ***? Các em thấy cần lưu ý điều gì khi sử dụng từ?*** | **III. Chuẩn mực sử dụng từ**  - Sử dụng từ đúng âm, đúng chính tả  - Sử dụng từ đúng nghĩa  - Sử dụng từ đúng tính chất ngữ pháp của từ  - Sử dụng từ đúng sắc thái biểu cảm, hợp phong cách  - Không lạm dụng từ địa phương, từ Hán Việt. |

**B. Luyện tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| *- Hình thức tổ chức luyện tập: Hoạt động cá nhân, nhóm bàn*  *- HS thực hiện*  **Bài tập 1:**  [...] "Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...  [...] Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. [...]  (*Ngữ văn 7*, tập 1)  a. Đoạn văn *Mùa xuân của tôi* được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?  b. Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội trong đoạn văn?  c. Trong câu văn: "Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong [...]" trong đoạn văn, từ "phong" có nghĩa là gì?  ***Hs làm việc cá nhân*** | **Bài tập 1**  a. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm  b. "Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến".  c. từ “phong” còn có nghĩa: Bọc kín. |
| **Bài tập 2:**  Đọc đoạn văn:  "Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trồi ra thành những cái lá nhỏ li ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh."(trích *Mùa xuân của tôi*)  a. Đoạn văn trên sử dụng biện pháp tu từ nào?  b. Khái quát nội dung đoạn văn bằng một câu văn.  ***Hs làm việc cá nhân*** | **Bài tập 2:**  a. Biện pháp TT : Hoán dụ.  b. Nội dung đoạn văn : Mùa xuân trong lòng người. |
| **Bài tập 3:** Nhận xét của em về giọng điệu và chất hài hòa trong ngôn ngữ của Vũ Bằng ?  ***HS thảo luận nhóm bàn-> đại diện trả lời*** | **Bài tập 3:**  Giọng văn của Vũ Bằng lôi cuốn, hấp dẫn vì sự say mê, nồng nhiệt và tha thiết của tác giả. Ngôn ngữ của VB linh hoạt, những so sánh của ông chuẩn xác, giàu màu sắc, các liên tưởng hết sức phong phú và khoáng đạt. Đó là thứ ngôn ngữ có hồn, luôn luôn vận động. |
| **Bài tập 4:** Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :  “Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầucủa mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừngthương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được traithương gái, ai cấm được mẹ con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hếtđược người mê luyến mùa xuân.”  (Mùa xuân của tôi – Vũ Bằng)   1. Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn? 2. Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó? 3. Viết đoạn văn 6-8 câu cảm nhận của em về đoạn văn trên. | **Bài tập 4:**  a. Các BPTT: liệt kê, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu b. Tác dụng: tác giả khẳng định Tình cảm yêu mến mùa xuân là tình cảm rất tự nhiên của con người, là quy luật tất yếu.  c. Gợi ý: |
| - Mùa xuân của tôi là phần đầu bài tuỳ bút “Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt” trong kiệt tác văn chương “Thương nhớ mười” hai của nhà văn Vũ Bằng.  - Đoạn văn mở đầu bằng câu khẳng định: “ Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân.”  Bằng nghệ thuật liệt kê, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu tác giả khẳng định: Tình cảm yêu mến mùa xuân là tình cảm rất tự nhiên của con người, là quy luật tất yếu.  -Diễn tả một cách sâu sắc cảm xúc của nhà văn trước một quy luật rất đỗi tự nhiên trong tình cảm của con người: yêu mùa xuân, yêu tháng giêng...Từ đó tác động mạnh mẽ đến cảm xúc người nghe, người đọc...Ai cũng chuộng mùa xuân và mê luyến mùa xuânnên càng trìu mến tháng giêng, tháng đầu của mùa xuân.  - Một cách viết duyên dáng, mượt mà, làm cho lời văn mềm mại, tha thiết theo dòng cảm xúc, đọc lên ta cứ ngỡ là thơ. Cảm xúc cứ trào ra qua các điệp ngữ đừng, đừng thương, ai bảo được...ai cấm được...ai cấm được...ai cấm được...Chữ thương được nhắc lại tới 4 lần, liên kết với chữ yêu, chữ nhớ đầy ấn tượng và rung động.  -Thể hiện rõ tình cảm, tấm lòng của tác giả Vũ Bằng đối với mùa xuân, với quê hương, đất nước. | |

**Tiết 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 5:**  **Tìm lỗi về dùng từ trong câu sau. Cho biết đó là những lỗi gì và chữa lại các lỗi đó.**  a) Ông linh cảm có điều bất chắc sắp xảy ra.  b) Sau những ngày làm việc vất vả, mẹ Nam đi ăn dưỡng ở Vũng Tàu.  c) Trong rừng có rất nhiều muôn thú  d) Đã thương thì thương cho chót.  e) Đây là một bộ phim trưởng rất hay. | **Bài tập 5:**  a) Ông linh cảm có điều bất chắc sắp xảy ra.  b) Sau những ngày làm việc vất vả, mẹ Nam đi ăn dưỡng ở Vũng Tàu.  c) Trong rừng có rất nhiều muôn thú  d) Đã thương thì thương cho chót.  e) Đây là một bộ phim trưởng rất hay. |
| **Bài tập 6 : Do hiểu sai nghãi của từ nên có bạn viết như sau :**  a) những đôi mắt ngây ngô, trong sáng, chăm chú nhìn vào nét phấn của cô giáo.  b) Muốn có bài văn hay, phải thường xuyên xâm nhập đời sống thực tế của xã hội.  c) Dưới dnah nghĩa phục hồi văn hóa truyền thống nhiều nơi đã vô tình làm sống lại những thủ tục thời phong kiến.  d) Không chịu được gian khổ là yếu điểm của anh ta.  **Hãy tìm các từ dùng sai nghĩa trong những câu trên. Tìm các từ thích hợp thay thế cho các từ dùng sai đó.** | **Bài tập 6 :**  Học sinh tra từ điển để hiểu rõ nghĩa của các từ : ngây ngô, xâm nhập, thủ tục, yếu điểm  - Có thể thay thế các từ trên bằng các từ : ngây thơ, xâm nhập, hủ tục, điểm yếu  Lưu ý : có nhwunxg từ gần âm với nhau nhưng nghĩa khác nhau, cần thận trọng khi dùng các từ đó. |
| **Bài tập 7:** Trong các câu sau đã sử dụng từ đúng nghĩa chưa? Nếu chưa em hãy sửa lại cho đúng.  a. Em kiến nghị với bố mẹ mua cho em chiếc xe đạp mới.  b. Bác tổ trưởng phát động phong chào làm sạch khu phố.  c. Trong những năm khôi phục kinh tế, mới có ít ngày thôi mà đất nước ta đã thay lòng đổi dạ, những mái dạ cứ lùi dần cho ngói mới. | **Bài tập 7:** sửa lại:  a. Em thuyết phục bố mẹ mua cho em chiếc xe đạp mới.  b. Bác tổ trưởng phát động phong trào làm sạch khu phố  c. Trong những năm khôi phục kinh tế, mới có ít ngày thôi mà đất nước ta đã có nhiều đổi mới, những mái dạ cứ lùi dần cho ngói mới. |
| **Bài tập 8:** ***Thiên nhiên và khí hậu Sài Gòn có gì đặc biệt ? Tình cảm của tác giả với Sài Gòn được biểu hiện như thế nào ?***  ***Hs làm việc cá nhân*** | **Bài tập 8:** - Nét đặc biệt của thiên nhiên khí hậu SG :  + Nắng Sớm, buổi chiều gió lộng, những cơn mưa nhiệt đới ào ào và mau tạnh.  + Sự thay đổi thời tiết: “ đang ui ui buồn bã,  bỗng nhiên trong vắt lại Như thủy tinh.  - Không khí nhịp điệu sống ở những thời tức khác nhau : sau đêm khuya thưa thớt tiếng ồn”  cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương với làn không khí mát dịu, thanh sạch,  khác với giờ cao điểm  ồn ào…  \* Tình cảm của tác giả được giới thiệu một cách nồng nhiệt sâu sắc:  - Yêu thành phố ố ở cả vẻ ngọt ngào lẫn những bất thường và thời tiết  - Yêu Sài Gòn Trong tất cả các thời khắc khác nhau:  sau đêm khuya Giờ Cao Điểm lúc ban mai tĩnh lặng.  - Tình yêu tha thiết và nồng nhiệt ấy được tập trung qua hai câu ca dao:  Y*êu nhau yêu cả đường đi-  Ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng.* Nhờ tình yêu sâu sắc, bền chặt ấy mà tác giả có được những cảm nhận sâu sắc nhắc về một thành phố trẻ “ trẻ trẻ hoài” và “đương độ  nõn nà”  sinh sôi phát triển và mạnh mẽ. |
| **Bài tập 9:**  Tôi yêu Sài Gòn da diết... Tôi yêu trong nắng sớm, một thứ nắng ngọt ngào, vào buổi chiều lộng gió nhớ thương, dưới những cây mưa[2] nhiệt đới bất ngờ. Tôi yêu thời tiết trái chứng với trời đang ui ui[3] buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thuỷ tinh. Tôi yêu cả đêm khuya thưa thớt tiếng ồn. Tôi yêu phố phường náo động, dập dìu xe cộ vào những giờ cao điểm. Yêu cả cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương với làn không khí mát dịu, thanh sạch trên một số đường còn nhiều cây xanh che chở. Nếu cho là cường điệu, xin thưa:  *Yêu nhau yêu cả đường đi*  *Ghét nhau ghét cả tông chihọ hàng.*  a. Thời tiết Sài gòn được tác giả miêu tả như thế nào?  b. Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để thể hiện tình cảm của mình đối với thành phố thân yêu?  c. Viết đoạn văn 8-10 câu cảm nhận của em về đoạn văn trên.  **Hs làm việc cá nhân.**  **GV gọi 1 hs lên bảng viết-> chữa bài cho hs** | **Bài tập 9:**  **a. Thời tiết SG được tác giả miêu tả:**  + Nắng Sớm, buổi chiều gió lộng, những cơn mưa nhiệt đới ào ào và mau tạnh.  + Sự thay đổi thời tiết: “đang ui ui buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại Như thủy tinh.  b. Biện pháp nghệ thuật: Điệp ngữ  c. Viết đoạn văn:  ***\* Hình thức:***  - Đảm bảo về hình thức đoạn văn, diễn đạt mạch lạc, có sự liên kết, đúng chính tả, ngữ pháp…  Chú ý sử dụng từ ngữ đúng chuẩn mực.  ***\* Nội dung:*** |
| **+ Về mặt nội dung**: HS cần đảm bảo một số ý sau:  Đây là đoạn văn biểu cảm tình yêu Sài Gòn của nhân vật trữ tình trong tuỳ bút Sài Gòn tôi yêu của Minh Hương.  - Câu mở đầu đoạn văn bộc lộ tình cảm một cách khái quát, những câu sau bộc lộ tình yêu Sài Gòn một cách cụ thể của tôi. + Với những hình ảnh đối lập, sự liệt kê cho thấy tôi yêu Sài Gòn da diết, yêu rất nhiều thứ, nhiều lúc, nhiều nơi: Yêu thiên nhiên ***yêu nắng, yêu mưa, yêu sớm, yêu chiều, yêu đêm, yêu ngày***, yêu nhịp sống của phố phường ***lúc tĩnh lặng, yêu cả những lúc phố phường náo động, dập dìu, yêu những lúc thời tiết đẹp trời, rồi yêu cả những lúc thời tiết trái chứng trở trời***. + Và cuối cùng tác giả lí giải cho cái tình cảm của mình bằng một câu ca dao càng làm nổi bật tình yêu sâu sắc đối với quê hương.  + Thông qua tình yêu của tác giả ta cảm nhận được nét đẹp riêng, độc đáo của thiên nhiên, khí hậu và phố phường Sài Gòn.  - Điệp ngữ « tôi yêu » nhắc đi nhắc lại nhiều lần cùng với hình ảnh gợi cảm ***nắng ngọt ngào, gió nhớ thương, cây mưa nhiệt đới bất ngờ, trời ui ui buồn bã***,…  => Ta như cảm thấy nhân vật trữ tình huy động tất cả các giác quan để cảm nhận một cách tinh tế thiên nhiên, phố phường Sài Gòn để bộc lộ tình yêu Sài Gòn sâu nặng, thiết tha.  - Đoạn văn gợi nhắc mọi người về tình yêu đối với quê hương, đất nước. | |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

**Bài tập về nhà:**

Từ hai văn bản trên em hãy viết đoạn văn 8-10 câu cảm nhận vẻ đẹp quê hương nơi em sinh sống.

**Lưu ý: *sử dụng từ đúng chính tả, đúng chuẩn mực sử dụng từ.***

**Ngày dạy:**

**Buổi 16**

**TIẾT 46,47,48: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1. Kiến thức:***

- Hệ thống hóa những kiến thức về các văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn 7 học kì I.

- Hệ thống hóa những kiến thức Tiếng Việt đã học ở học kì I về từ ghép, từ láy, đại từ, quan hệ từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm…

- Năm vững khái niệm, bản chất, vai trò và cách làm bài văn biểu cảm.

***2. Kỹ năng:***

- Rèn kĩ năng nhận biết, phân tích, vận dụng kiến thức các văn bản đã học áp dụng vào làm các bài tập cụ thể.

- Luyện tập các kĩ năng tổng hợp về giải nghĩa từ, sử dụng từ để nói, viết…

- Rèn kĩ năng viết bài văn biểu cảm.

***3. Thái độ, phẩm chất:***

- Có ý thức ôn tập tốt để chuẩn bị thi học kì.

***4. Năng lực:***

- Năng lực tư duy

- Năng lực khái quát

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ

*-* Năng lực thực hành ứng dụng.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Hệ thống các văn bản đã được học trong chương trình Ngữ văn 7 học kì I? | **I. Ôn tập phần văn bản:**  - Cổng trường mở ra  - Mẹ tôi  - Cuộc chia tay của những con búp bê  - Sông núi nước Nam  - Phò giá về kinh  - Bánh trôi nước  - Qua đèo Ngang  - Bạn đến chơi nhà  - Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê  - Cảnh khuya  - Rằm tháng giêng  - Tiếng gà trưa  - Một thứ quà của lúa non: Cốm  - Mùa xuân của tôi |
| Trình bày lại khái niệm, đặc điểm cơ bản | **II. Ôn tập phần tiếng Việt:**  - Từ ghép  - Từ láy  - Đại từ  - Từ Hán Việt  - Quan hệ từ  - Từ đồng nghĩa  - Từ trái nghĩa  - Từ đồng âm  - Thành ngữ  - Điệp ngữ  - Chơi chữ |
| ? Văn biểu cảm là gì?  ? Bố cục của bài văn biểu cảm | **III. Ôn tập phần tập làm văn:**  - Văn biểu cảm là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và khêu gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.  - Bố cục của bài văn biểu cảm:  + Mở bài: Giới thiệu đối tượng  + Thân bài: Trình bày những cảm xúc, suy nghĩ về đối tượng đó.  + Kết bài: Ấn tượng chung về đối tượng biểu cảm. |

**B. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm  **Bài tập 1:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:  *“Hãy nghĩ kĩ xem, En-ri-cô à! Con mà lại xúc phạm đến mẹ con ư? Người mẹ sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn, người mẹ có thể ăn xin để nuôi con, có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con!”*  (SGK Ngữ văn 7, Tập 1, NXB Giáo dục)   1. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào? 2. Ai là tác giả của văn bản đó? 3. Nêu nội dung khái quát của đoạn trích trên. 4. Em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ ( từ 2 đến 3 câu) | 1. Trích từ văn bản: Mẹ tôi 2. Tác giả: Ét-môn-đô-đơ A-mi-xi 3. Bố đang nhắc nhở En-ri-cô rằng: mẹ là người giàu đức hi sinh, luôn luôn hết lòng yêu thương, chăm sóc cho con. 4. HS nêu được những suy nghĩ của mình về trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ: phải yêu thương, kính trọng, phụng dưỡng cha mẹ… |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm  **Bài tập 2:**  a. Thế nào là từ đồng nghĩa? Từ trái nghĩa?  b. Tìm từ đồng nghĩa thay thế cho từ được in đậm trong câu sau:  “Món quà anh gửi, tôi đã **đưa** tận tay chị ấy rồi”  c. Tìm điệp ngữ trong đoạn thơ sau:  *“Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *Cục…cục tác cục ta*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ”*  (SGK Ngữ văn 7, Tập 1, NXB Giáo dục).  d. So sánh cụm từ: ta với ta trong bài Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến với cụm từ ta với ta trong bài Qua đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan? | a. Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.  - Từ trái nghĩa: là những từ có nghĩa trái ngược nhau.  b. Từ đồng nghĩa thay thế cho từ “đưa”: trao, gửi…  c – Điệp từ: “nghe” nhắc lại 3 lần.  d.  - Giống: cùng được dùng để miêu tả tâm trạng và để kết thúc bài thơ.  - Khác:  + Cụm từ “ta với ta” trong bài Bạn đến chơi nhà: nói lên tình bạn đậm đà, thắm thiết bất chấp mọi điều kiện về vật chất. Đó là sự kết hợp của hai người: tuy hai mà một.  + Cụm từ “ta với ta” trong bài Qua đèo Ngang: tô đậm thêm sự lẻ loi, cô đơn của tác giả. |
| * Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân   **Bài tập 3**: Biểu cảm về loài cây em yêu. | \* Mở bài: Giới thiệu về loài cây em yêu.  \* Thân bài:  + Các đặc điểm nổi bật của cây đã gợi cảm xúc cho em khi quan sát.  + Mối quan hệ gần gũi của cây với đời sống của em.  + Ý nghĩa, vai trò của loài cây với cuộc sống của mỗi con người.  \* Kết bài: Tình cảm, ấn tượng của em đối với loài cây đó. |

**Tiết 2: *Luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm  **Bài tập 1:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:  *“ Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi. Cặp mắt đen của em lúc này buồn thăm thẳm, hai bờ mi đã sung mọng lên vì khóc nhiều.*  *Đêm qua, lúc nào chợt tỉnh, tôi cũng nghe tiếng nức nở, tức tưởi của em. Tôi cứ phải cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc to, nhưng nước mắt cứ tuôn ra như suối, ướt đầm cả gối và hai cánh tay áo”*  **(**SGK Ngữ văn 7, tập 1, NXB Giáo dục)  a. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào?  b. Ai là tác giả của văn bản đó?  c. Nêu nội dung khái quát của đoạn trích trên?  d. Em hãy nêu suy nghĩ của mình về quyền cơ bản của trẻ em (từ 2 đến 3 câu) | a. Trích từ văn bản: Cuộc chia tay của những con búp bê.  b. Tác giả: Khánh Hoài.  c. Nội dung: Tâm trạng đau đớn, buồn bã, khổ sở và bất lực của hai an hem Thành và Thủy.  d. HS nêu được suy nghĩ của mình về quyền trẻ em: được sống hạnh phúc, được học hành, được vui chơi, được sống trong hòa bình… |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 2:**  a. Chép lại chính xác bài thơ Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến.  b. Bài thơ Bạn đến chơi nhà thuộc thể thơ gì? Kể tên một văn bản đã học cùng thể thơ đó. | a. Qua đèo Ngang  *Bước tới đèo Ngang, bóng xế tà,*  *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*  *Lom khom dưới núi, tiều vài chú,*  *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*  *Nhớ nước đau lòng, con cuốc cuốc,*  *Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.*  *Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,*  *Một mảnh tình riêng, ta với ta.*  b. – Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.  - Kể tên một văn bản đã học cùng thể thơ: Bạn đến chơi nhà (Nguyễn Khuyến) |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 3:** Câu dưới đây có mấy cách hiểu? Hãy diễn đạt lại cho rõ cách hiểu ấy ( có thể thêm một vài từ)   1. *Mời các anh chị ngồi vào bàn* 2. *Đem cá về kho.* | 1. Có hai cách hiểu:  * Mời các anh chị ngồi vào bàn để ăn cơm. * Mời các anh chị ngồi vào bàn để bàn công việc.  1. Có hai cách hiểu:  * Đem cá về cất trong kho. * Đem cá về kho làm thức ăn. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 4:** Điền quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống:   1. “Lâu lắm rồi nó mới cởi mở…tôi như vậy. Thực ra, tôi…nó ít khi gặp nhau. Tôi đi làm, nó đi học. Buổi chiều, thỉnh thoảng tôi ăn cơm…nó. Buổi tối tôi thường vắng nhà. Nó có khuôn mặt đợi chờ. Nó hay nhìn tôi…cái vẻ mặt đợi chờ đó.” 2. “Nhà em có bốn người: ba mẹ, an hem…em. …Ban ngày ba mẹ đi làm còn an hem…em đi học…cả nhà chỉ có dịp quây quần bên nhau vào buổi tối. Những giờ phút ấy thật vui, thật hạnh phúc.” | 1. Với…và…với…bằng 2. Và…vì…và…nên |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 5: Chỉ ra quan hệ từ dùng sai trong câu sau và thay bằng quan hệ từ thích hợp:**   1. Tuy nước sơn có đẹp đến mấy mà chất gỗ không tốt thì đồ vật cũng không bền được. 2. Ngày nay, chúng ta cũng có quan niệm với cha ông ta ngày xưa, lấy đạo đức, tài năng làm trọng. | 1. Quan hệ từ dùng sai: Tuy   Thay bằng quan hệ từ: Dù   1. Quan hệ từ dùng sai: Với   Thay bằng quan hệ từ: Như |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 6:** Phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ Cảnh khuya (Hồ Chí Minh) | \* Mở bài:  - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.  - Cảm xúc, ấn tượng chung về bài thơ.  \* Thân bài:  a. Cảm nghĩ về cảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc trong đêm trăng:  + Âm thanh tiếng suối: được thể hiện qua nghệ thuật so sánh độc đáo.  + Điệp từ “lồng” được nhắc lại 2 lần: cảnh thiên nhiên sinh động, gần gũi, hòa quyện, đưa người đọc vào thế giới lung linh huyền ảo…  b. Cảm nghĩ về vẻ đẹp tâm hồn Bác:  - Điệp ngữ “chưa ngủ” vừa thể hiện tình yêu thiên nhiên, vừa nói lên nỗi lo lắng của Bác đối với vận mệnh dân tộc.  - Liên hệ cuộc đời nhà thơ, hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp thời kì đầu còn nhiều khó khăn, gian khổ để thấy rõ tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Bác.  c. Cảm nghĩ về mối tương quan giữa cảnh và tình trong bài thơ:  - Cảm xúc về thiên nhiên đã chắp cánh cho tình yêu Tổ quốc được bộc lộ, đó là sự đan xen của hai tâm hồn thi sĩ – chiến sĩ trong thơ Bác.  - Cảm nhận của học sinh: khâm phục, yêu quý, biết ơn, tự hào…đối với vị lãnh tụ vĩ đại.  \* Kết bài: khái quát giá trị và cảm nhận về bài thơ. |

**Tiết 3: *Luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm  **Bài tập 1: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  “ *Nhìn bàn tay mảnh mai của em dịu dàng đưa mũi kim thoăn thoắt, không hiểu sao tôi thấy ân hận quá. Lâu nay, mải vui chơi bạn bè, chẳng lúc nào tôi chú ý đến em…Từ đấy, chiều nào tôi cũng đi đón em. Chúng tôi nắm tay nhau vừa đi vừa trò chuyện.*  *Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi*”  (SGK Ngữ văn 7, tập 1, NXB Giáo dục)  a. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào?  b. Ai là tác giả của văn bản đó?  c. Nêu nội dung khái quát của đoạn trích trên?  d. Em hãy nêu suy nghĩ của mình khi được sống trong tình yêu thương của gia đình (từ 2 đến 3 câu). | a. Trích từ văn bản: Cuộc chia tay của những con búp bê.  b. Tác giả: Khánh Hoài.  c. Nội dung: Tình cảm yêu thương gắn bó, không muốn xa cách của hai anh em Thành và Thủy.  d. HS nêu được cảm nhận của mình khi được sống trong tình yêu thương của gia đình. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm  **Bài tập 2:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:  “ *Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con. Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: “Đi đi con, hãy cam đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra*”  (SGK Ngữ văn 7, tập 1, NXB Giáo dục)  a. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào?  b. Ai là tác giả của văn bản đó?  c. Nêu nội dung khái quát của đoạn trích trên?  d. Em hãy nêu suy nghĩ của mình về vai trò của nhà trường đối với mỗi người (từ 2 đến 3 câu). | a. Trích từ văn bản: Cổng trường mở ra.  b. Tác giả: Lý Lan.  c. Nội dung: Nỗi niềm của người mẹ trước ngày khai trường của con.  d Nhà trường chính là nơi nuôi dưỡng tâm hồn con người và là một điều kì diệu của con người. Thế giới của một đưa trẻ khi chưa đén trường là một thế giới thật đơn giản và thiếu màu sắc. Còn khi đến trường thì thế giới ấy được rộng mở hơn rất nhiều. Con người chúng ta làm quen được nhiều bạn mới, thầy cô mới, có thêm những tri thức cho cuộc sống và đay cũng là cái nôi giupd con người ta trưởng thành hơn.  Bước qua cánh cổng trường là ta bước vào một thế giới sôi nổi, say mê ăm ắp khát khao với bao điều mới lạ. Từ những điều đơn giản nhất được dạy dỗ mà con người ta có thể khám phá ra bao nhiêu điều kì diệu. Nhà trường chính là ánh sáng soi đường cho con  người tìm ra ánh sáng của sự tuyệt vời. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 3:** Câu dưới đây có mấy cách hiểu? Hãy diễn đạt lại cho rõ cách hiểu ấy ( có thể thêm một vài từ)   1. *Mời các anh chị ngồi vào bàn* 2. *Đem cá về kho.* | 1. Có hai cách hiểu:  * Mời các anh chị ngồi vào bàn để ăn cơm. * Mời các anh chị ngồi vào bàn để bàn công việc.  1. Có hai cách hiểu:  * Đem cá về cất trong kho. * Đem cá về kho làm thức ăn. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 4:**   1. Từ Bà ngoại thuộc loại từ ghép gì? Nêu định nghĩa về loại từ ghép đó. 2. Từ Áo quần thuộc loại từ ghép gì? Nêu định nghĩa về loại từ ghép đó. | a. Từ Bà ngoại là từ ghép chính phụ.  Định nghĩa: Từ ghép chính phụ có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau.  b. Từ Áo quần là từ ghép đẳng lập.  Định nghĩa: Từ ghép đẳng lập có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân ra tiếng chính, tiếng phụ). |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 5:** Cảm nghĩ của em về ngôi trường. | \* Mở bài: Cảm nghĩ chung về ngôi trường.  \* Thân bài:  - Miêu tả khái quát về ngôi trường.  - Ngôi trường, nơi giáo dục thế hệ trẻ thành người, nơi chắp cánh ước mơ cho học sinh.  - Ngôi trường gắn liền với hình ảnh những người thầy, cô hết lòng yêu thương, tận tụy với học sinh.  - Ngôi trường gắn liền với những kỉ niệm thân thương của tuổi học trò như: tình thầy cô, tình bạn bè.  \* Kết bài: khẳng định lại cảm nghĩ đã nêu. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  **Bài tập 6:** Cảm nghĩ về người mẹ của em | \* Mở bài:  - Giới thiệu về người thân.  - Tình cảm chủ đạo: kính yêu, thân thương.  \* Thân bài:  - Biểu cảm về hình dáng (bàn tay, đôi vai, nụ cười…)  - Sự vất vả của người mẹ. Tình cảm yêu thương.  - Biểu cảm về tính nết, việc làm: Dậy sớm, làm việc dọn dẹp, chăm sóc mọi người, sống nhân hậu, cởi mở, vị tha, hay giúp đỡ người khác.  - Thể hiện sự biết ơn, kính trọng.  \* Kết bài: khẳng định tình cảm yêu thương, lòng biết ơn sâu sắc của người mẹ thân yêu, ước mong mẹ luôn khỏe mạnh. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Nắm vững các kiến thức đã được ôn tập.

- Xem lại các bài tập đã làm, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Bài tập về nhà: Lập bảng hệ thống giá trị nội dung, nghệ thuật của các văn bản đã được học trong chương trình Ngữ văn 7 học kì I.

Ngày soạn: Ngày dạy:

**BUỔI 17- Tiết 49,50,51**

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**A.Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

Giups học sinh củng cố những kiến thức đã học thông qua các dạng bài tập

**2. Kĩ năng:**

Rèn cho HS kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi đọc hiểu ( Nhận biết, thông hiểu, vận dụng)

Kĩ năng tạo lập văn bản( kĩ năng viết đoạn, dựng đoạn, kĩ năng viết bài văn)

Kỹ năng phân phối thời gian hợp lý cho các phần trong đề kiểm tra, kiểm định.

**3. Thái độ, phầm chất:**

Có ý thức làm bài

**4. Năng lực:**

Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề

Năng lực giao tiếp

**II. Tiến trình bài dạy**

**ĐỀ BÀI ( ĐỀ 1)**

*( - Giáo viên giao đề bài cho học sinh, yêu cầu học sinh đọc kĩ đề, xác định rõ yêu cầu của đề bài.*

*-HS nhận đề, đọc, nghiên cứu đề , nghiêm túc làm bài.)*

**I. ĐỌC HIỂU**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Ai còn Mẹ đó là điều may mắn  
Được đợi mong khi đêm vắng chưa về.  
Được ngợi khen dù người khác trách, chê.  
Được an ủi, cận kề chia khó nhọc.  
  
Ai còn Mẹ xin đừng làm Mẹ khóc  
Hiểu và thương bao khó nhọc nặng mang  
Hiểu và đau những giọt lệ tuôn tràn  
Hiểu thông cảm lỗi lầm đang mắc phải.  
  
Ai còn mẹ trọng phút giây còn lại  
Sẽ có một ngày Người vĩnh viễn rời xa  
Sẽ có một ngày ta nức nở vỡ òa  
Sẽ nuối tiếc khôn nguôi... luôn khổ đau vì nhớ!*

(Ngày của mẹ - Nguyễn Thị Đức)

Câu 1: Đoạn thơ trên gợi cho em nhớ đến văn bản nào đã học trong ngữ văn 7, tác giả của văn bản đó?

Câu 2: Xác định và phân loại từ láy có trong khổ thơ cuối.

Câu 3: Tìm một từ trái nghĩa với từ “*khổ đau*” và đặt câu với từ vừa tìm được.

Câu 4: Qua đoạn thơ trên, em hiểu gì về tình cảm của tác giả đối với người mẹ của mình? (Trả lời khoảng 3 đến 5 câu văn).

**II. LÀM VĂN:**

**Câu 1.**

Viết một đoạn văn nghị luận chứng minh vai trò của rừng đối với đời sống con người.

**Câu 2.**

Cảm nghĩ về người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị,...).

**ĐÁP ÁN ĐỀ 1**

**I. ĐỌC HIỂU**

*( - Giáo viên vấn đáp cho học sinh nhắc lại kiến thức cơ bản, từ đó ứng với câu hỏi để tìm ra câu trả lời.*

*+ Kể tên các văn bản đã học trong học kì I.*

*+ Đặc điểm và phân loại từ láy.*

*+ Từ trái nghĩa...*

*- HS suy nghĩ, trả lời.*

*- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.*

*- GV nhận xét -> chốt)*

Câu 1: Đoạn thơ trên gợi cho em nhớ đến văn bản: Mẹ tôi; tác giả: E. A- mi- xi

Câu 2:

* Từ láy: nức nở
* Phân loại: Từ láy bộ phận

Câu 3: - Từ trái nghĩa với “khổ đau” : VD: *sung sướng, hạnh phúc...*

* HS tự đặt một câu với từ vừa tìm được.

Câu 4: HS diễn đạt theo cách của mình nhưng phải làm nổi bật được tình cảm của tác giả: yêu thương, biết ơn, kính trọng người mẹ của mình.Trong đó có sử dụng 3-5 câu văn.

**II. LÀM VĂN:**

*( -GV yêu cầu học sinh nhắc lại yêu cầu về hình thức của đoạn văn; xác định nội dung ( luận điểm) đoạn văn.*

*-HS nhắc lại kiến thức*

*- HS khác nhận xét, bổ sung*

*-GV nhận xét, bồ sung -> chốt*

*Gv gọi một số học sinh đọc đọc văn đã làm, nhận xét ( khuyến khích những hs viết tốt)*

Câu 1:

\* Hình thức: Viết một đoạn văn nghị luận chứng minh

\* Nội dung: Yêu cầu học sinh phải có câu nêu luận điểm

HS lấy dẫn chứng làm sáng tỏ vai trò của rừng đối với đời sống con người:

- Rừng cung cấp nhiều lâm sản, sản vật quý .

- Rừng còn có tác dụng điều hòa khí hậu, bảo vệ sự sống.

- Bên cạnh đó, rừng còn là một địa điểm du lịch lí thú, một danh lam thắng cảnh tuyệt vời.............

Câu 2:

*( - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu đề bài; nhăc lại bố cục và cách làm bài biểu cảm*

*-HS trả lời.*

*GV cho HS xấy dựng dàn bài theo bố cục.*

*Yêu cầu một só HS đọc theo từng phần, từng đoạn)*

*a.Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm,* có bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

*b. Xác định đúng nội dung biểu cảm*: người thân

*c. Nội dung biểu cảm đảm bảo một số yêu cầu sau*

- Mở bài : Giới thiệu được người thân và lí do em yêu người đó

- Thân bài:

+ Cảm xúc về đặc điểm nổi bật về ngoại hình, tính cách...

+ Cảm xúc về vai trò của người thân với mọi người và với em...

+ Cảm xúc về kỷ niệm sâu sắc nhất với người thân..;

+ Việc làm của mình cho người thân trong hiện tại và tương lai..

- Kết bài: Khẳng định lại cảm xúc với người thân, lời hứa hẹn...

**ĐỀ BÀI ( ĐỀ 2)**

*( - Giáo viên giao đề bài cho học sinh, yêu cầu học sinh đọc kĩ đề, xác định rõ yêu cầu của đề bài.*

*-HS nhận đề, đọc, nghiên cứu đề , nghiêm túc làm bài.)*

**I. ĐỌC HIỂU**

**Đọc  đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Mấy hôm nay trời nắng oi ả, khó chịu. Trận mưa rào đêm qua đã mang hơi ẩm mát đến cho vạn vật. Cây cối hả hê sung sướng. Bỗng từ dưới gốc cây gạo, có tiếng cãi vã rất lớn. Thì ra là cuộc đối thoại của Châu Chấu và Giun Đất. Châu Chấu nói với Giun Đất:“Trời nắng ráo chính là một ngày tuyệt đẹp!”. Giun Đất cãi lại: “Không! Trời mưa bụi và ẩm ướt mới chính là một ngày tuyệt đẹp!”. Chúng kéo nhau đi tìm đến Kiến Đen nhờ phân xử. Sau một ngày làm việc, Kiến Đen nói với chúng: “Hôm nay tôi đã làm được rất nhiều việc. Ngày tuyệt đẹp của tôi chính là ngày hôm nay đó!”.*

(*Bài làm của học sinh)*

**1.**  Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

**2.**Xác định các từ láy có trong các câu văn sau: *Mấy hôm nay trời nắng oi ả, khó chịu. Trận mưa rào đêm qua đã mang hơi ẩm mát đến cho vạn vật.*

**3.** Xác định biên pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn? Tác dụng của biện pháp tu từ ấy trong đoạn văn?

**4. (1.5 điểm)** Qua đoạn văn trên, em hiểu gì về suy nghĩ của Kiến Đen về ngày tuyệt đẹp của mình?

**II. LÀM VĂN:**

**Câu 1.**

Viết một đoạn văn nghị luận chứng minh vai trò của quê hương trong cuộc sống của mỗi con người.

**Câu 2.**

Cảm nghĩ về đôi bàn tay mẹ.

**ĐÁP ÁN ĐỀ 2**

**I. ĐỌC HIỂU**

*( - Giáo viên vấn đáp cho học sinh nhắc lại kiến thức cơ bản, từ đó ứng với câu hỏi để tìm ra câu trả lời.*

*+ Kể ra các phương thức biểu đạt.*

*+ Đặc điểm và phân loại từ láy.*

*+ Kể tên một số biện pháp tu từ đã học.*

*- HS suy nghĩ, trả lời.*

*- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.*

*- GV nhận xét -> chốt)*

1. Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn là : Tự sự

2. Từ láy trong câu văn : oi ả

3. + Biện pháp nghệ thuật: nhân hóa qua cuộc đối thoại giữa các loài côn trùng và động vật.

+ Tác dụng: Làm cho thế giới các sinh vật trở nên sinh động, hấp dẫn, gần gũi với con người.

4. HS diễn đạt theo cách của mình nhưng phải làm nổi bật được suy nghĩ của Kiến Đen về ngày tuyệt đẹp của mình đó là lao động, làm việc hăng say hết mình.

**II. LÀM VĂN:**

*( -GV yêu cầu học sinh nhắc lại yêu cầu về hình thức của đoạn văn; xác định nội dung ( luận điểm) đoạn văn.*

*-HS nhắc lại kiến thức*

*- HS khác nhận xét, bổ sung*

*-GV nhận xét, bồ sung -> chốt*

*Gv gọi một số học sinh đọc đọc văn đã làm, nhận xét ( khuyến khích những hs viết tốt)*

**Câu 1:**

\* Hình thức: Viết một đoạn văn nghị luận chứng minh

\* Nội dung: Yêu cầu học sinh phải có câu nêu luận điểm

Đoạn văn đảm bảo một số ý sau:

-Quê hương là nơi sinh ra, lớn lên, nơi nuôi dưỡng tuổi thơ của mỗi con người.

- Nơi ta được sống trong tình yêu thương của ông bà, cha mẹ, thầy cô.

- Chắp cánh ước mơ…

- Nơi ta trở về sau những ngàu bôn ba vất vả.

- Nơi lưu giữ kỉ niệm, nơi ta nhớ về……

**Câu 2:**

*( - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu đề bài; nhăc lại bố cục và cách làm bài biểu cảm*

*-HS trả lời.*

*GV cho HS xấy dựng dàn bài theo bố cục.*

*Yêu cầu một só HS đọc theo từng phần, từng đoạn)*

*a.Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm,* có bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

*b. Xác định đúng nội dung biểu cảm*: đôi bàn tay mẹ.

*c. Nội dung biểu cảm đảm bảo một số yêu cầu sau*

Mở bài: giới thiệu về đôi bàn tay mẹ và tình cảm của em.

Thân bài: - Cảm nghĩ về hình dáng đôi bàn tay mẹ.

* Cảm nghĩ về những việc làm của đôi bàn tay mẹ.
* Cảm nghĩ nếu một ngày không còn nhìn thấy đôi bàn tay mẹ.

Kết bài: Khẳng đinh lại tình cảm của bản thân, hứa hẹn.

**ĐỀ BÀI ( ĐỀ 3- Đề tư luyện)**

**I. ĐỌC HIỂU**

Đọc đoạn ca từ sau và trả lời các câu hỏi

*Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào,   
 Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào,   
Lời mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào.   
 Tiếng ru bên thềm trăng tà soi bóng mẹ yêu. .   
  
Thương con thao thức bao đêm trường,   
 Con đà yên giấc Mẹ hiền vui sướng biết bao.   
Thương con khuya sớm bao tháng ngày.   
 Lặn lội gieo neo nuôi con tới ngày lớn khôn.*

*( Lòng mẹ-* Y Vân *)*1. Tìm 2 từ láy có trong đoạn ca từ thứ nhất.

2. Chỉ ra cặp từ trái nghĩa có trong câu *Thương con khuya sớm bao tháng ngày.*

3. Xác định biện pháp tu từ có trong ca từ sau và nêu tác dụng

*Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào,   
 Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào,*

1. Đoạn ca từ trên gợi cho em tình cảm gì đối với mẹ ?

**II. LÀM VĂN**

**Câu 1:**

Viết đoạn văn nghị luận chứng minh rằng: Nói dối rất có hại.

**Câu 2:**

Cảm nghĩ về cánh diều tuổi thơ.

**III. Củng cố - dặn dò**

* HS nắm chắc các kiến thức đã học.
* Vận dụng vào làm các bài tập để đạt hiệu quả cao
* Hoàn thiện đề bài số 3
* Về nhà tiếp tục ôn tập kiến thức đã học chuẩn bị thi kiểm định.

**BUỔI 18( Tiết 52,53,54)**

**Ngày soạn: …………….Ngày dạy: ……………..**

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức**

- HS ôn tập kiến thức cơ bản về biện pháp tu từ điệp ngữ, cách phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ, về văn biểu cảm.

- Cách giải quyết yêu cầu của đề theo cấu trúc mới.

**2. Kỹ năng**

- Xác định yêu cầu của đề, định hướng đề, lập dàn ý, dựng đoạn và liên kết đoạn văn

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ

- Nhận biết, vận dụng kiến thức lý thuyết Tiếng Việt, Tập làm văn vào tạo lập tốt văn bản biểu cảm.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Coi trọng các biện pháp nghệ thuật, đặc biệt là các biện pháp tu từ khi đọc- hiểu văn bản cũng như sử dụng để tạo lập văn bản.

- Tích cực, sáng tạo, linh hoạt.

**4. Năng lực**

- Năng lực chung: tự quản bản thân, tự học, làm việc nhóm…

- Năng lực chuyên biệt: Đọc, hiểu, thưởng thức văn học và cảm thụ thẩm mĩ, tạo lập văn bản. ..

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 52:**

1. ***Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - HS nhắc lại khái niệm, các dạng điệp ngữ.  -GV cho HS lấy ví dụ minh họa  - GV chốt ý.  - HS nêu tác dụng của điệp ngữ, GV nhấn mạnh cách phân tích tác dụng của điệp ngữ. | **I. Phần Tiếng Việt: Điệp ngữ**  **a. Khái niệm:** Điệp ngữ là biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ; từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.  **Ví dụ:**Một từ được lặp đi lặp  Anh đi anh ***nhớ*** quê nhà  ***Nhớ*** canh rau muống ***nhớ*** cà dầm tương  ***Nhớ*** ai dãi nắng dẫm sương  ***Nhớ*** ai tát nước bên đường hôm nao  (Ca dao)  **VD**: Lặp lại một cụm từ  ***Buồn trông*** cửa bể chiều hôm  Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa  ***Buồn trông*** ngọn nước mới xa  Hoa trôi man mác biết là về đâu  (Nguyễn Du)  **VD:** Lặp lại một câu  Câu *Tiếng gà trưa* trong bài thơ cùng tên  **VD**: Lặp lại một đoạn  Chú bé loắt choắt  Cái xắc xinh xinh  Cái chân thoăn thoắt  Cái đầu nghênh nghênh  (Tố Hữu)  -> Được lặp lại ở đầu và cuối bài thơ Lượm  **VD**: Lặp cấu trúc cú pháp  Việc lặp đi lặp lại một kiểu câu nào đó gọi là điệp cấu trúc cú pháp.  VD:  - Tre anh hùng lao động. Tranh hùng chiến đấu.  - Tôi yêu....  - Tôi yêu  (SG tôi yêu- Minh Hương)  **b. Các dạng điệp ngữ**  ***\*. Điệp ngữ cách quãng***  Các từ ngữ được lặp lại đứng ở vị trí cách xa nhau gọi là điệp ngữ cách quãng ( Giữa những từ ngữ được lặp lại có xen từ ngữ khác)  Khăn thương nhớ ai  Khăn rơi xuống đất?  Khăn thương nhứ ai  Khăn vắt lên vai?  Khăn thương nhớ ai  Khăn chùi nước mắt?  ***\*Điệp ngữ nối tiếp***  Là các từ ngữ được lặp lại đứng cạnh nhau, nối tiếp nhau( giữa những từ ngữ được lặp lại không có từ ngữ khác xen vào) Câu thơ nghĩ đắn đo không viết  Viết đưa ***ai, ai*** biết mà đưa  (Nguyễn Khuyến)  ***Dậy mà đi! Dậy mà đi!***  Đừng tiếc nữa, can chi tiếc mãi  (Tố Hữu)  ***\* Điệp ngữ vòng***(Chuyển tiếp)  Từ ngữ ở cuối câu trước được lặp lại ở đầu câu sau  VD:  Cảnh khuya như vẽ người ***chưa ngủ***  ***Chưa ngủ*** vì lo nỗi nước nhà  **c. Tác dụng của điệp ngữ**  - Nội dung cần diễn đạt trở nên ấn tượng hơn, mới mẻ hơn, nhấn mạnh sắc thái ý nghĩa, làm nổi bật những từ ngữ chuyên chở suy nghĩ, cảm xúc của người nói, người viết, khiến cho lời nói đi vào lòng người, ấn tượng hơn.  - Tạo nhịp điệu, tính nhạc cho câu văn, câu thơ.  ***\* Sử dụng:***  - Trong giao tiếp hàng ngày  - Trong văn chương nghệ thuật  - Trong văn chính luận và cả trong ngôn ngữ khoa học |
| -GV: Một trong những cách để bài văn biểu cảm sâu sắc, không sơ sài đơn điệu là chúng ta phải nắm vững các cách lập ý. Em hãy nhắc lại các cách lập ý và cách thực hiện cách lập ý đó ra sao?  - Phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học là thể loại mới, khó với các em. Do đó, các em hãy ôn lại cách làm dạng bài này.  -HS nhắc lại cách làm bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học  -Yêu cầu cơ bản khi phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học là gì?  -GV chốt lại kiến thức, dùng ví dụ để giúp các em hình dung lại bố cục bài làm. | **II.** **Phần Tập làm văn**  **1. Cách lập ý của bài văn biểu cảm.**  (1). Liên hệ hiện tại và tương lai: Là hình thức dùng trí tưởng tượng để liên tưởng tới tương lai, mượn hình ảnh tương lai để khơi gợi cảm xúc về đối tượng biểu cảm trong hiện tại. Cách biểu cảm này tạo nên mối liên hệ gắn kết nhuần nhuyễn và tự nhiên giữa hiện tại với tương lai. => Sự việc -> liên hệ tương lai-> bày tỏ cảm xúc.  (2). Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại: Là hình thức liên tưởng đến những sự việc của quá khứ, những kí ức dùng hồi tưởng làm sống dậy những kỉ niệm gợi cảm xúc về hiện tại làm cho đoạn văn sống động, cảm xúc của con người trở nên sâu lắng hơn…  (3). Tưởng tượng tình huống hứa hẹn, mong ước: Là hình thức liên tưởng phong phú, từ những hình ảnh thực đang hiện hữu để đặt ra các tình huống và gửi vào đó những suy nghĩ, cảm xúc về đối tượng BC cũng như những mơ ước, hi vọng. Cách BC này đòi hỏi người viết phải co trí tưởng tượng phong phú.  (4). Quan sát, suy ngẫm: Là hình thức liên tưởng dựa trên sự quan sát những hình ảnh hiện hữu về ngoại hình, hành động của đối tượng để có những suy ngẫm về đối tượng. Cách lập ý này tạo nên những cảm xúc chân thực, sâu sắc.  **2. Cách làm bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học**  - Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học là trình bày những cảm xúc, tưởng tượng, liên tưởng, suy ngẫm của bản thân về nội dung và hình thức tác phẩm đó.  - Để làm được bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học, trước tiên phải xác định được cảm xúc, suy nghĩ của mình về tác phẩm đó.  - Những cảm nghĩ ấy có thể là cảm nghĩ về cảnh và người ; cảm nghĩ về vẻ đẹp ngôn từ; cảm nghĩ về tư tưởng của tác phẩm. |

1. ***Luyện tập :***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| * GV hướng dẫn HS làm bài tập vận dụng, phần đọc- hiểu: Bài tập 1,2,3 có chung đặc điểm:   + Yêu cầu: nhận biết điệp ngữ, dạng điệp ngữ, hiểu và nêu ngắn gọn tác dụng của điệp ngữ.  + Cách làm:  a. Tìm điệp ngữ, các em rà soát trong đoạn thơ, đoạn văn, văn bản có những từ ngữ, cụm từ, câu nào được lặp lại, việc lặp lại đó có giá trị không hay là lỗi lặp từ, nếu có giá trị nhấn mạnh làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh thì đó là điệp ngữ, ghi điệp ngữ đó ra tờ giấy thi. Điệp ngữ đó phải đặt trong dấu ngoặc kép.  b. Xem điệp ngữ em vừa tìm được thuộc một trong các dạng điệp ngữ nào đã học, ghi tên dạng điệp ngữ vào tờ giấy thi  c. Đọc kĩ đề chỉ yêu cầu nêu ngắn gọn nên các em viết thành đoạn văn ngắn gọn( khoảng4- 5 dòng), không phân tích dài dòng, tập trung nêu bật tác dụng của điệp ngữ. Đoạn văn ngắn nhưng vẫn đủ 3 phần mở đoạn thân đoạn, kết đoạn  **VD***: Biện pháp tu từ điệp ngữ trong đoạn thơ ( đoạn văn) đã làm nổi bật…..(*phần trong dấu 3 chấm là tác dụng của điệp ngữ trong đoạn thơ, đoạn văn đó. Tránh nêu chung chung tác dụng của điệp ngữ đó như trong ghi nhớ)  + Thời gian làm câu đọc hiểu này khoảng 12 phút  - GV cho học sinh thực hiện hoạt động nhóm. GV chia lớp thành 4 nhóm. Nhóm 1- BT1, nhóm 2- BT2, nhóm 3- BT3, nhóm 4- TB4.  - Các nhóm làm bài, trình bày lên bảng -> nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV hướng dẫn kĩ năng làm bài, chốt kiến thức. sửa lỗi trình bày cho HS. | | |
| **Bài tập 1:** Cho đoạn thơ sau:  *“ Trời xanh đây là của chúng ta*  *Núi rừng đây là của chúng ta*  *Những cánh đồng thơm mát*  *Những ngả đường bát ngát*  *Những dòng sông đỏ nặng phù sa…”*   1. Tìm điệp ngữ 2. Xác định dạng điệp ngữ. 3. Nêu ngắn gọn tác dụng của điệp ngữ. | **Đáp án:**  a. Điệp ngữ: “*Của chúng ta, những”*  b. Dạng: Cách quãng  c. Tác dụng: trời xanh, núi rừng, những ngả đường, dòng sông…là những hình ảnh của đất nước hùng vĩ, giàu đẹp. Các điệp từ, điệp ngữ trên vừa nhấn mạnh ý thơ, vừa tạo nên âm điệu mạnh mẽ, hào hùng, nhấn mạnh sự giàu đẹp hùng vĩ của đất nước, bộc lộ niềm tự hào của tác giả, niềm tự hào về ý chí tự lập, tự cường, tinh thần làm chủ đất nước. | |
| **Bài tập 2:**  **a.**Hãy ghi lại những điệp ngữ được sử dụng trong bài thơ: “*Cảnh khuya”* của Hồ Chí Minh  b. Cho biết các điệp ngữ đó là dạng điệp ngữ gì?  c. Nêu ngắn gọn tác dụng của các điệp ngữ đó | **Đáp án:**  \***Bài “Cảnh khuya”**  - Điệp ngữ: “lồng”  + Dạng điệp ngữ: Điệp ngữ cách quãng  + Tác dụng: Điệp ngữ “lồng” làm nổi bật cảnh đêm trăng trở nên sinh động, ấm áp hơn, mở ra không gian nhiều chiều gợi ên bức tranh khuya lung linh, huyền ảo, các sự vật đan cài, hòa quyện, giao hòa.  - Điệp ngữ: chưa ngủ  - Dạng điệp ngữ: Chuyển tiếp (vòng)  - Tác dụng: Đưa người đọc đến với một khám pháp bất ngờ, thú vị: Bác Hồ chưa ngủ không chỉ vì cảnh đêm trăng quá đẹp mà còn vì Bác lo việc nước->Tình yêu thiên nhiên và tình yêu Tổ quốc hài hoà trong tâm hồn Bác, chất thi sĩ và chiến sĩ hòa quyện. | |
| **Bài tập 3**: Cho đoạn thơ sau:  *“Cháu chiến đấu hôm nay*  *Vì lòng yêu Tổ quốc*  *Vì xóm làng thân thuộc*  *Bà ơi, cũng vì bà*  *Vì tiếng gà cục tác...”*  *(Xuân Quỳnh, “Tiếng gà trưa”, Ngữ văn 7,Tập I)*  a. Xác định điệp ngữ trong đoạn thơ trên.  b. Cho biết các điệp ngữ đó thuộc dạng điệp ngữ nào?  c. Nêu ngắn gọn tác dụng của cách diễn đạt đó. | **Đáp án**  a.Điệp ngữ ***“vì”*** được điệp đi điệp lại bốn lần...  b. Tác dụng:  + Tạo cho giọng thơ thêm dồn dập, tha thiết...  + Nhấn mạnh mục đích chiến đấu của người chiến sĩ.  + Diễn tả một cách chân thành, cảm động tình yêu bà, tình yêu quê hương đất nước.Tình yêu ấy vừa thiêng liêng lớn lao vừa gần gũi. bình dị… | |

***Tiết 53: Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:** Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới.  *Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“ Cục… cục tác cục ta”*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ*  a.Đoạn thơ trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?  b. Bài thơ có đoạn thơ trên được viết theo thể thơ gì? Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?  c. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.  - GV hướng dẫn HS kĩ năng làm từng phần  + Phần a,b ghi thật ngắn gọn, sử dụng gạch đầu dòng, tên văn bản đặt trong dấu ngoặc kép.  + Phần c. Đây là yêu cầu phân tích tác dụng của biện pháp tu từ có trong đoạn thơ chứ không chỉ nêu ngắn gọn tác dụng nên các em phải viết thành đoạn văn hoàn chỉnh theo các bước sau. Độ dài khoàng 10-15 dòng)  + Thời gian làm phần đọc hiểu này khoảng 15-20 phút  **\*Bước 1:** Nêu được xuất xứ đoạn thơ, (Trích VB nào? ) và nội dung khái quát của đoạn thơ đó.  **\* Bước 2:** Gọi tên đúng biện pháp tu từ và chỉ rõ được biện pháp tu từ đó  **\* Bước 3**: Chỉ rõ được tác dụng của biện pháp tu từ mà t/g sử dụng  **\* Bước 4**: Nêu cảm nghĩ sâu sắc về đoạn thơ đó  - HS làm việc:  - Hình thức cá nhân  - HS thực hiện bài tập ra giấy nháp  - GV gọi HS trình bày trên bảng, hs khác bổ sung  - GV chốt kiến thức. | **Đáp án**  a.Đoạn thơ trên được trích trong văn bản “Tiếng gà trưa” của tác giả Xuân Quỳnh.  b.Bài thơ được viết theo thể thơ 5 chữ tự do.  - Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là anh chiến sĩ.  c. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ  **\* Bứơc 1:** **Đọc, xác định nội dung chính đoạn thơ:** Tâm trạng của người chiến sĩ khi nghe âm thanh tiếng gà trên đường hành quân.  **\* Bước 2:** **Xác định phép tu từ:**  - Điệp ngữ : “ nghe”  - Liệt kê:  *Nghe xao động nắng trưa/ Nghe bàn chân đỡ mỏi/ Nghe gọi về tuổi thơ.*  - ẩn dụ chuyển đổi cảm giác:  *Nghe (nghe xao động nắng trưa/ Nghe bàn chân đỡ mỏi/ Nghe gọi về tuổi thơ.)*  **\* Bước 3:** **Phân tích tác dụng của phép tu từ:**  - Điệp ngữ cách quãng: “ *nghe*” lặp lại ba lần ở đầu ba dòng thơ liên tiếp làm cho nhịp thơ nhanh, dồn dập, đoạn thơ giàu nhạc điệu và dạt dào cảm xúc. Đồng thời thể hiện nỗi xúc động từng đợt trào dâng trong lòng người chiến sĩ khi nghe âm thanh quen thuộc của quê hương.  - Bên cạnh đó BPTT lịêt kê kết hợp với ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: *Nghe xao động nắng trưa/ Nghe bàn chân đỡ mỏi/ Nghe gọi về tuổi thơ.* Người chiến sĩ không chỉ nghe âm thanh tiếng gà bằng thính giác mà còn lắng nghe cảm nhận bằng thị giác, bằng xúc giác, cảm xúc của tâm hồn, bằng hồi ức. Khi nghe âm thanh tiếng gà quen thuộc, người chiến sĩ có cảm giác như nắng trưa cũng lung linh, xao động, thấy đôi bàn chân đỡ mỏi mệt, con đường hành quân bớt xa. Tiếng gà trưa đánh thức kỉ niệm tuổi thơ với bà, gia đình, quê hương. Tiếng gà như sợi dây vô hình nối liền quá khứ với hiện tại…  **\* Bước 4: Cảm nghĩ chung**: Đoạn thơ ngắn nhưng khắc hoạ được tâm hồn nhạy cảm cùng tình yêu quê hương đất nước thắm thiết sâu nặng của người lính. |
| **Bài tập 2:** Đọc câu ca dao sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:  *Thân em như trái bần trôi*  *Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu*  a. Bài ca dao trên nằm trong chủ đề nào em được học?  b. Hãy tìm một bài ca dao cũng mở đầu bằng cụm từ “ thân em”. Những bài ca dao đó thường nói về ai, về điều gì và thường giống nhau như thế nào về nghệ thuật?  c. Phân tích hiệu quả phép tu từ trong câu ca dao trên.  - GVhướng dẫn HS kĩ năng làm bài:  + Câu hỏi a, b các em trả lời ngắn gọn ghi rõ mục a, b. Phần b trả lời có thể dùng gạch đầu dòng.  + Câu c làm các bước như bài tập 1.  + Thời gian làm phần đọc hiểu này khoảng 15-20 phút  - HS làm bài  +Hình thức cá nhân  + HS thực hiện bài tập ra giấy nháp  + GV gọi HS trình bày trên bảng, hs khác bổ sung  +GV chốt kiến thức. | **Đáp án**  a. Bài ca dao trên nằm trong chủ đề: “Những câu hát than thân”  b.Hs tìm đúng bài ca dao mở đầu bằng cụm từ “ thân em”  - Những bài ca dao đó thường nói về người phụ nữ trong xã hội cũ, là lời than thở cho thân phận nhỏ bé, bị coi thường của họ, bày tỏ niềm thương cảm…. Những bài ca dao đó thường mở đầu bằng cụm từ “ thân em”, thường sử dụng cách nói so sánh, ẩn dụ…  c. Bài ca dao trích trong chùm ca dao than thân. Bài ca dao viết về thân phận người phụ nữ.  + Biện pháp tu từ: so sánh: *Thân em* với  *trái bần trôi*- thứ quả chua, chát, mọc hoang dại.  + ẩn dụ; *trái bần trôi-* chỉ thân phận người phụ nữ. *Gió dập sóng dồi-* chỉ sóng gió cuộc đời dồn dập xô đẩy  Tác dụng:-> nổi bật số phận chìm nổi, lênh đênh trôi dạt vô định đầy sóng gió, bất lực, bế tắc, bị rẻ rúng, xem thường của người phụ nữ trong XHPK.  ***=>***Thương cảm, xót xa cho thân phận người phụ nữ; căm phẫn các thế lực trong XHPK bất công vô nhân đạo |
| **Bài tập 3**: Cho câu thơ:  *“Sông núi nước Nam vua Nam ở.”(SGK Ngữ văn 7 - Tập I, NXB Giáo dục)*  a) Ghi lại theo trí nhớ ba câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh một bài thơ.  b) Cho biết nhan đề bài thơ. Bài thơ thuộc thể thơ gì?  c) Nêu ngắn gọn giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ.  d. Tìm một đại từ trong bài thơ em vừa chép.  - GV hướng dẫn HS kĩ năng làm bài:  + Phần a, chép theo trí nhớ chính xác cả dấu hỏi chấm, sai 1-2 lỗi sẽ bị trừ điểm.  + phần b: Nêu rõ tên bài thơ: *Sông núi nước Nam* (hoặc *Nam quốc sơn hà)*  d.Nêu ngắn gọn nội dung, nghệ thuật, các em nên ghi thành đoạn văn : **VD**:*Với nghệ thuật đặc sắc… , bài thơ đã khẳng định….Vì thế bài thơ được là Bản tuyên ngôn…*  d. Ghi đại từ ra giấy thi.  + Thời gian làm câu hỏi đọc hiểu dạng đơn giản này khoảng 15 phút.  - HS làm bài  +Hình thức cá nhân  + HS thực hiện bài tập ra giấy nháp  + GV gọi HS trình bày trên bảng, hs khác bổ sung  +GV chốt kiến thức. | **Đáp án** :  hoặc có cách diễn đạt khác  a) Ghi chính xác 3 câu thơ của bài để hoàn chỉnh bài thơ  b)-Tên bài thơ: *Sông núi nước Nam* (hoặc ***Nam quốc sơn hà***)  - Thể thơ : Bài thơ viết theo thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  c)  - Nội dung: ***Sông núi nước Nam*** là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.  - Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt cô đọng, hàm súc; giọng thơ dõng dạc đanh thép, hùng hồn; kết hợp nghị luận và biểu cảm...  d) Đại từ: « *chúng mày »* |
| **Bài tập 4**: Đọc hai câu thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:  *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*  *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*  a) Hai câu thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? Hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm ấy?  b) Nêu nội dung của hai câu thơ trên.  c) Nét đặc sắc về nghệ thuật miêu tả trong câu thơ thứ nhất? Tác dụng?  - GV hướng dẫn kĩ năng làm bài:  + Phần a, tác giả, tác phẩm nêu ngắn gọn, gạch đầu dòng. Hoàn cảnh sáng tác phải nêu được rõ 2 ý: năm sáng tác, bối cảnh ra đời, nếu thiếu một trong 2 sẽ bị trừ điểm.  + Phần b, yêu cầu nêu nội dung nhưng vẫn trình bày bằng đoạn văn: **Ví dụ:** *Hai câu thơ đã mở ra trước mắt người đọc bức tranh thiên nhiên núi rừng….*  + Phần c, phân tích nghệ thuật ở câu thơ thứ nhất, viết thành đoạn văn: **VD:** *Cái hay ở câu thơ* *đầu tiên có được là nhờ tác giả đã sử dụng thành công biện pháp tu từ so sánh… . Điều có giúp ta cảm nhận được….*  +Hình thức cá nhân  + HS thực hiện bài tập ra giấy nháp  + GV gọi HS trình bày trên bảng, hs khác bổ sung  +GV chốt kiến thức. | **Đáp án:**  - Hai câu thơ trên trích từ bài thơ “*Cảnh khuya*”  - Tác giả: Hồ Chí Minh.  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết năm 1947 ở chiến khu Việt Bắc, trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.  b. Nội dung:  - Miêu tả cảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc trong một đêm trăng lung linh, huyền ảo, yên tĩnh,…  - Thể hiện tâm hồn nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên tha thiết của Bác.  - Nghệ thuật:  + So sánh âm thanh *tiếng suối* với *tiếng hát* của con người.  + Thủ pháp lấy động tả tĩnh: lấy tiếng suối để tả sự yên ắng của cảnh khuya.  - Tác dụng:  + Gợi tả tiếng suối trong trẻo, du dương, ngân nga, trầm bổng. Làm cho cảnh rừng yên ắng, tĩnh mịch trở nên có hồn người, xao động.  + Đêm rừng chiến khu trở nên gần gũi, thân thương và mang hơi ấm của sự sống con người, mang đến niềm vui cho con người. |

**Tiết 54:**

***Luyện tập :***

**ĐỀ 1: ( Thời gian làm bài 90p)**

**Câu 1** *( 3,0 điểm )*

Cho câu thơ sau:

*“Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà”*

a.(0,5) Chép lại theo trí nhớ ba câu thơ tiếp theo để hoàn thiện bốn câu thơ đầu trong một bài thơ mà em đã học.

b.(0,5) Em hãy cho biết tên tác phẩm và tên tác giả có đoạn thơ trên?

c.(0,25) Cho biết bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

d. (0,25)Tìm từ láy có trong bốn câu thơ vừa chép.

e.(1,5) Viết đoạn văn nêu cảm nhận ngắn gọn của em về bốn câu thơ trên. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một cặp từ trái nghĩa, một cặp từ đồng nghĩa và gạch chân dưới các cặp từ đó.

**Câu 2***( 2,0 điểm***):** So sánh cách thể hiện tình cảm quê hương trong hai bài thơ “*Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh*” của Lý Bạch và bài thơ "*Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê* " của Hạ Tri Chương.

**Câu 3:** *( 5,0 điểm)*

Cảm nghĩ về dòng sông quê em.

**GV hướng dẫn Hs kĩ năng làm bài, đáp án làm đề số 1.**

**Câu 1(3,0 điểm):**

+ Câu 1 làm trong khoảng thời gian 20 phút. Hs làm việc cá nhân.

a. Khi chép lại theo trí nhớ phải chép chính xác từng dấu câu, chính tả

b. Trả lời ngắn gọn, có thể gạch đầu dòng, tên bài thơ đặt trong ngoặc kép

c+d. Gạch đầu dòng, viết câu đủ thành phần đầy đủ dựa theo câu hỏi,từ láy tìm được phải đặt trong ngoặc kép.

e.Các em căn cứ vào mức điểm cho ở phần này để trình bày bằng một đoạn văn cảm nhận về nghệ thuật và nội dung của đoạn văn . Đoạn văn đảm bảo về hình thức, có câu mở đoạn, các câu phát triển đoạn, kết đoạn. Cảm nhận về đoạn thơ thì phải cảm nhận cả nghệ thuật, nội dung.

- Trong đoạn văn phải có kiến thức Tiếng việt như yêu cầu.

a. Khi chép lại theo trí nhớ phải chép chính xác từng dấu câu, chính tả, sai 1-3 lỗi bị trừ điểm

b. Đoạn thơ nằm trong tác phẩm: “Qua Đèo Ngang”

- Tác giả của bài thơ*:* Bà Huyện Thanh Quan

c. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ : Thất ngôn bát cú Đường luật

d. Từ láy có trong 4 câu thơ là : “lom khom, lác đác”

e. *-*Thời gian*:Bóng xế tà* ( buổi chiều tà: chiêù muộn, nắng yếu, nhạt, ) 🠚 thời gian ước lệ dễ gợi nhớ, gợi buồn.

- Cảnh vật: *Cỏ cây chen đá lá chen hoa .* 🠚 *chen* lẫn vào nhau, xâm lấn tự do không ra hàng lối-> tự nhiên.

-> + Điệp ngữ, liệt kê, hiệp vần, nhân hoá, danh từ

+ Ước lệ, thời gian không gian nghệ thuật.

=> Cảnh thiên nhiên rậm rạp, hoang sơ, vắng lặng, nguyên thuỷ , bộc lộ sự ngạc nhiên, xúc động, gợi 1 chút buồn.

+ ( lom khom: tư thế khom lưng của người đốn củi, nhỏ nhoi ít ỏi, xa vời)

+ (lác đác: sự thưa thớt, ít ỏi )

->+ Điểm nhìn trên cao, mở rộng k/g

+ Đảo ngữ , phép đối .

+ Từ láy gợi hình đặc sắc.

+ Lượng từ chỉ sự ít ỏi, thưa thớt

=> Đèo Ngang đã xuất hiện sự sống của con người nhưng còn thưa thớt, vắng vẻ., ít ỏi, quạnh quẽ, nhạt nhoà, gợi buồn

**Câu 2( 2 điểm):**

-GV hướng dẫn HS kĩ năng làm bài: Đây là dạng so sánh 2 văn bản ở một khía cạnh “cách thể hiện tình cảm quê hương” nên không so sánh toàn diện. Khi so sánh phải chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau. Không cần trình bày thành đoạn văn.

- Thời gian làm câu này khoảng 10 phút.

- Hình thức nhóm: 6 hs một nhóm, thảo luận, nhóm nào xong trước giành quyền trả lời. Đại diện nhóm trình bày lên bảng phụ, nhóm khác bổ sung. Gv chốt ý

+ **Giống nhau:** Cùng thể hiện tình yêu quê hương tha thiết của những người phải sống xa quê

+ **Khác nhau:**

* Bài thơ *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh:* Tình cảm quê hương được thể hiện qua nỗi sầu của người xa xứ. Tình cảm thể hiện trực tiếp, sâu lắng
* Bài thơ *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê*: Tình quê được thể hiện ngay chính trên quê hương, khi nhà thơ vừa đặt chân lên quê nhà sau 50 năm xa quê. Tình cảm được thể hiện gián tiếp qua giọng quê, qua sự việc trở thành khách lạ trên chính que hương mình

**Câu 3:** **( 5,0 điểm)**

Cảm nghĩ về dòng sông quê em.

- GV hướng dẫn HS kĩ năng làm bài

*- Về hình thức:*

+ Bài viết phải xác định đúng kiểu văn bản biểu cảm về một sự vật, con người.

+ Có bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, lời văn giàu cảm xúc, tính liên kết mạch lạc, chữ viết và trình bày khoa học, không nắc những lỗi thông thường: diễn đạt, chính tả, dùng từ, ngữ pháp......

+ Biết cách vận dụng hợp lí các cách biểu cảm trực tiếp và gián tiếp, kết hợp với yếu tố miêu tả và tự sự.

+ Bài làm bộc lộ được cảm xúc, tình cảm sâu sắc nhất

*- Về nội dung:* HS có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo đầy đủ những nội dung cơ bản sau:

*- Thời gian*: làm trong khoảng 60 phút.

**a.MB:**

- Giới thiệu về con sông quê và những ấn tượng chung về dòng sông.

**b.TB:**

- Cảm nhận về hình ảnh dòng sông:

+ Con sông chảy qua cánh đồng quanh năm tươi tốt.

+ Mùa hè, sông ào ạt chảy khi mưa lũ.

+ Mùa thu sông êm đềm trôi in bóng đàn chim bay qua.

- Nghĩ về sự gắn bó của dòng sông với quê hương: Với những người dân, với lũ

trẻ, với bản than em?

- Những suy nghĩ về sự biến đổi của dòng sông quê em hiện nay: Nạn khai thác cát bừa bãi, rác rưởi lềnh bềnh trên mặt sông. Nỗi buồn, tiếc cho dòng sông và lo cho quê hương.

**c.KB:**  Giấc mơ về dòng sông quê trở lại vẻ đẹp trong sạch thuở xưa.

**ĐỀ 2: ( Thời gian làm bài 90 phút)**

**Câu 1(2.0 điểm) :** Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

*Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp Một của con. Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: " Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra".*

*( Sách giáo khoa Ngữ văn 7, tập 1, trang 7)*

a. (0,5)Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

b. (0,5)Tìm hai từ Hán Việt trong đoạn văn trên.

c.(1đ) Người mẹ nói: ..."*Bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra*". Em hiểu thế giới kì diệu đó là gì?

**Câu 2 (3.0 điểm)**

a. (0,5)Chép thuộc bốn câu thơ cuối trong bài *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan.

b. (0,5)Tìm một đại từ, một quan hệ từ trong đoạn thơ vừa chép.

c. (1đ)Giải thích ý nghĩa của đại từ **ta** trong bài thơ: *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan ) và ý nghĩa của đại từ **ta** trong bài thơ: *Bạn đến chơi nhà* (Nguyễn Khuyến). Tác dụng của việc sử dụng đại từ “ **ta**” trong mỗi bài thơ

d. (1đ)Nêu nội dung của bốn câu thơ trên.

**Câu 3(5.0 điểm)**

Cảm nghĩ về nụ cười của mẹ.

**GV hướng dẫn Hs kĩ năng làm bài, đáp án làm đề số 2.**

**Câu 1(2.0 điểm)**

- Gv hướng dẫn Hs cách làm:

+ Câu 1 làm bài trong khoảng 10 phút.

+Phần a, b trả lời ngắn gọn bằng gạch đầu dòng

+ Phần c viết thành đoạn văn hoàn chỉnh, có nhiều cách diễn đạt khác nhau nhưng phải thể hiện được các ý chính.

a. Đoạn văn trên được trích từ văn bản *Cổng trường mở ra*  của tác giả Lí Lan.

b. Hai từ Hán Việt trong đoạn văn: *khai trường, can đảm*...(HS có thể tìm từ khác: thế giới, kì diệu).

c. *Thế giới kì diệu* mà người mẹ nhắc đến trong câu nói được hiểu là: Thế giới của tình thương, đạo lí làm người; là thế giới của hiểu biết; của tình thầy trò, bạn bè ấm áp; của khát vọng hoài bão...Nhà trường có một sức hấp dẫn và vai trò quan trọng với tuổi thơ.

+ **Câu 2 (3.0 điểm)**

- Gv hướng dẫn HS kĩ năng làm bài:

+ Thời gian làm câu này khoảng 20 phút

a. Chép thuộc, chính xác 4 câu thơ, chính xác cả chính tả, dấu câu

(Sai 3 lỗi chính tả không cho điểm.. Sai 2 lỗi chính tả: 0.25 điểm. Sai 1 từ: 0.25 điểm)

+ Câu b nêu bằng gạch đầu dòng

b. Một đại từ: *ta*. Một quan hệ từ: *với*

c. phần c có 2 ý. Đầu tiên phải giải thích đại từ “ta” ở mỗi bài sau đó mới nêu ý nghĩa của việc sử dụng đại từ đó trong mỗi bài. Viết thành đoạn văn:

+ **ta** với **ta** là mình với mình, 2 đại từ nhưng chỉ là một mình nhà thơ.Bà Huyện Thanh Quan thể hiện nỗi cô đơn tuyệt đối không cùng ai chia sẻ, càng nhân lên gấp bội

+**ta** với **ta** là Nguyễn Khuyến với bạn,tuy 2 mà một hiểu nhau, thân nhau. Nhà thơ thể hiện niềm vui vô hạn khi có bạn đến thăm, cũng là niềm vui vô hạn trước một tình bạn vô cùng đậm đà, thắm thiết vượt lên mọi ràng buộc vật chất tầm thường.

1. Chỉ yêu cầu nêu ngắn gọn nên các em viết đoạn thật ngắn gọn, câu mở đầu có thể là: “ Bốn câu thơ cuối bộc lộ…)

+ Nỗi nhớ nước, thương nhà da diết của tác giả.

+ Nỗi buồn thầm lặng, cô đơn của nhà thơ.

**Câu 3(5.0 điểm)**

Cảm nghĩ về nụ cười của mẹ.

- Bài này làm trong khoảng 60 phút

***\* Về hình thức***

- Viết đúng kiểu bài: biểu cảm

- Bố cục 3 phần rõ ràng.

- Lời văn phù hợp, gợi cảm.

- Biểu cảm kết hợp với tự sự, miêu tả phù hợp.

- Trình bày sạch sẽ, diễn đạt sáng rõ. Dùng từ, viết câu chuẩn mực.

- Bài văn giàu ý, giàu cảm xúc. Tình cảm tự nhiên, chân thật, sâu sắc, phong phú. Không mắc lỗi diễn đạt dùng từ, chính tả.

\* ***Về nội dung: HS có thể trình bày theo các cách khác nhau song đảm bảo các ý sau:***

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu được đối tượng biểu cảm: Nụ cười của mẹ.

- Nêu cảm xúc chủ đạo: có thể là ấm lòng hay vui, hạnh phúc...mỗi khi nhìn thấy nụ cười tươi tắn, hiền hòa của mẹ.

**b. Thân bài:**

\* Có thể tả một vài nét về mẹ: tuổi tác, hình dáng, tính tình...

\* Cảm nghĩ khác nhau về các biểu hiện trong nụ cười của mẹ:

- Nụ cười vui, thương yêu của mẹ mang đến sự ấm áp, niềm tin yêu cho em.

- Nụ cười động viên, khích lệ với mỗi bước tiến bộ của em ( khi em biết đi, biết nói, lần đầu tiên đi học, khi đạt được thành tích...) -> cảm xúc biết ơn, tự hào về mẹ.

- Nụ cười tha thứ, bao dung khi em mắc lỗi ( làm việc gì sai trái: nói dối, không học bài...) -> cảm xúc: xúc động, ân hận...

- Những khi vắng nụ cười của mẹ: cảm giác buồn và nhớ

- Để luôn thấy nụ cười của mẹ: phải biết chăm chỉ, cố gắng học giỏi; giúp đỡ mẹ công việc nhà; biết sống chân thật, quan tâm yêu thương mọi người...

**c.** **Kết bài:**

- Cảm xúc về nụ cười của mẹ: theo em suốt cuộc đời, tự hào, ấm áp khi nghĩ về nụ cười của mẹ...

- Tình yêu thương, kính trọng mẹ.

**III. Củng cố - Dặn dò**

* Ôn tập cách viết đoạn văn phân tích tác dụng của biện pháp tu từ
* Ôn tập cách làm bài văn phát biểu cảm nghĩ về sự vật, con người, về tác phẩm văn học.

**ĐỀ 3**

* **Làm hoàn chỉnh đề số 3. Tương tự như cách hướng dẫn đề số 1,2**

**Câu 1(2,5đ)**.

a)Chép lại theo trí nhớ bài thơ *Bánh trôi nước* (Hồ Xuân Hương).

b) Viết đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận của em về bài thơ ?

**Câu 2 (2,5đ):** Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới.

*“ Trời xanh đây là của chúng ta*

*Núi rừng đây là của chúng ta*

*Những cánh đồng thơm mát*

*Những ngả đường bát ngát*

*Những dòng sông đỏ nặng phù sa…”*

1. Tìm điệp ngữ
2. Xác định dạng điệp ngữ.
3. Nêu ngắn gọn tác dụng của điệp ngữ.

**Câu 3.** **(5,0đ)**: Cảm nghĩ của em về cảnh sắc Đèo Ngang trong những câu thơ sau:

*“Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,*

*Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú,*

*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.”*

*(Bà Huyện Thanh Quan, “Qua Đèo Ngang”, Ngữ văn 7, Tập I)*

**\*Gợi ý**

**Câu 1** (2,5đ)

a.HS chép lại đúng bài thơ ***Bánh trôi nước*** (Hồ Xuân Hương), không mắc lỗi

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

***b. - Về hình thức:*** HS viết đúng hình thức một đoạn văn, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, dùng từ đặt câu đúng ngữ pháp

***- Về nội dung:*** HS cảm nhận được nội dung, ý nghĩa và nghệ thuật của bài thơ: *Bánh trôi nước* là một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt kết hợp nghệ thuật ẩn dụ mượn hình ảnh chiếc bánh trôi để ngợi ca vẻ đẹp, phẩm chất của người phụ nữ, đồng thời thể hiện cảm hứng nhân đạo trong văn học viết Việt Nam dưới thời phong kiến, thể hiện lòng cảm thương sâu sắc đối thân phận chìm nổi của họ.

**Câu 2 (2,5đ):**

a. Điệp ngữ: *Của chúng ta, những*

b. Dạng: Cách quãng

c. Tác dụng: trời xanh, núi rừng, những ngả đường, dòng sông…là những hình ảnh của đất nước hùng vĩ, giàu đẹp. Các điệp từ, điệp ngữ trên vừa nhấn mạnh ý thơ, vừa tạo nên âm điệu mạnh mẽ, hào hùng, nhấn mạnh sự giàu đẹp hùng vĩ của đất nước, bộc lộ niềm tự hào của tác giả, niềm tự hào về ý chí tự lập, tự cường, tinh thần làm chủ đất nước.

**Câu 3(5đ)**

**a) Về hình thức :**

- Kiểu bài văn biểu cảm về một bài thơ (đoạn thơ).

- Bài viết phải có bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, lời văn giàu cảm xúc ; câu văn đúng ngữ pháp...

**b) Về nội dung :**

**\*** *Bài viết có thể phát biểu cảm nghĩ bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần có các ý cơ bản sau :*

- Bốn câu thơ miêu tả cảnh sắc Đèo Ngang vào thời điểm xế tà. Thời điểm có tính ước lệ thường gợi buồn, gợi nhớ...

- Linh hồn của cảnh là ở cái vẻ hoang sơ, vắng vẻ của nó. Cảnh sắc thiên nhiên chỉ có cỏ cây, lá, hoa...đá chen chúc...

- Bức tranh thiên nhiên xuất hiện sự sống con người nhưng tất cả đều nhỏ bé, thưa thớt...

- Nghệ thuật điệp ngữ, phép tiểu đối, đảo ngữ, sử dụng từ ngữ gợi tả... đã làm nổi bật cảnh sắc Đèo Ngang thoáng đãng mà heo hút thấp thoáng sự sống con người nhưng còn hoang sơ....

- Cảnh vật thấm đẫm tâm trạng con người : cô đơn, trống trải...

- Cảm xúc, ấn tượng riêng của người viết...

---------------------------------------------------------

**Buổi 19:**

**Tiết 55, 56, 57: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**(Luyện đề cấu trúc mới)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập tổng hợp kiến thức về Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn chương trình Ngữ văn 7 học kì 1.

- HS có khả năng vận dụng linh hoạt theo hư­ớng tích hợp các kiến thức và kĩ năng của môn Ngữ Văn.

- Có năng lực vận dụng tổng hợp các phư­ơng thức biểu đạt trong bài viết và các kĩ năng viết bài nói chung.

**2. Kỹ năng**

- Rèn kĩ năng tổng hợp kiến thức.

- Rèn kĩ năng đọc hiểu đề, trình bày bài làm đề thì học kì 1 theo cấu trúc mới.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Thái độ: Nghiêm túc học tập.

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ, nhân ái

**4. Năng lực**

- Năng lực chung: Hợp tác, giao tiếp, tự học…

- Năng lực chuyên biệt: năng lực ngôn ngữ, thẩm mĩ…

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: Hướng dẫn học sinh luyện đề số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Đề số 1:**  **I. Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**  Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  *… “Nhìn bàn tay mảnh mai của em dịu dàng đưa mũi kim thoăn thoắt, không hiểu sao tôi thấy ân hận quá. Lâu nay, mải vui chơi bè bạn,chẳng lúc nào tôi chú ý đến em...Từ đấy, chiều nào tôi cũng đi đón em. Chúng tôi nắm tay nhau vừa đi vừa nói chuyện*. *Vậy mà giờ đây,anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời, đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi”…*  Câu 1. Đoạn văn trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?  Câu 2. Nêu nội dung của đoạn trích.  Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu văn sau:  “*Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời, đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi.* ”  **Phần II. Làm văn (7 điểm)**  **Câu 1.** (2 điểm)  Từ nội dung đoạn trích được nêu ở phần I, em  hãy viết đoạn văn ngắn thể hiện niềm vui của mình khi  được sống trong tình yêu thương của gia đình.  **Câu 2.** (5 điểm)  Cảm nghĩ của em về quê hương.  Giáo viên đưa ra đề bài.  Gọi học sinh đọc.  **Phần Đọc hiểu**  GV yêu cầu học sinh phát biểu trả lời cá nhân.  **Phần Tập làm văn**  Giáo viên tổ chức thảo luận nhóm để xây dựng dàn ý.  Câu II.1 thảo luận 3 phút.  Câu II.2 thảo luận 7 phút  GV gọi đại diện trình bày kết quả thảo luận nhóm.  HS và GV cùng nhận xét và chốt về yêu cầu hình thức cũng như nội dung của các bài. | GV chốt kiến thức:  **I. Phần I. Đọc hiểu**  **Câu 1**  - Văn bản: *Cuộc chia tay của những con búp bê*  - Tác giả: Khánh Hoài  - Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích : tự sự  **Câu 2:**  Nội dung của đoạn trích:  - Tình cảm yêu thương gắn bó, không muốn xa cách của hai anh em Thành và Thủy….  Nỗi đau đớn, xót xa của Thành khi gia đình tan vỡ, chia lìa…  **Câu 3:**  + Nghệ thuật: điệp ngữ  + Điệp từ: xa nhau, giấc mơ  + Tác dụng: Nhấn mạnh điều suy nghĩ đau đớn của người anh với một điều sắp xảy ra : sự chia lìa  của  hai anh em; đồng thời thể hiện sự mong muốn sống bên nhau mãi mãi của hai anh em Thành và Thủy.  **Phần II. Làm văn**  **Câu 1**  a. Về hình thức: Đảm bảo hình thức đoạn, các câu có sự liên kết, không viết sai chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa.  b. Về nội dung: bày tỏ tình yêu niềm hạnh phúc của mình khi được sống trong tình yêu thương của gia đình  - Giải thích: Gia đình là tổ ấm của mỗi người; nơi đó có những người thân yêu ruột thịt, nơi ta nhận được tình yêu thương, chia sẻ, đùm bọc của mọi người…  - Niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời của mỗi người là có gia đình: cha mẹ và người thân bên cạnh chúng ta. Niềm vui sướng khi được hưởng tình yêu thương của cha mẹ, được sống trong mái ấm gia đình được đi học, được cha mẹ quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ...  - Kể một số việc làm và hành động của em thể hiện tình yêu với cha mẹ: giúp đỡ cha mẹ làm công việc nhà, chăm sóc những lúc cha mẹ mệt hoặc ốm đau; tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách,…  - Ai còn cha mẹ xin đừng làm cha mẹ khóc vì với riêng bản thân em, cha mẹ là điều tuyệt vời nhất và là niềm hạnh phúc to lớn nhất mà em có được.  **Câu 2:**  Hình thức:  - Xác định đúng kiểu bài văn biểu cảm  - Xác định đúng đối tượng biểu cảm, những tình cảm biểu hiện trong bài văn.  - Bố cục đủ 3 phần, diễn đạt mạch lạc, lời văn trong, giàu cảm xúc.  Nội dung:  Cần đảm bảo các ý sau:  - Giới thiệu về quê hương (ở đâu, nông thôn hay thành phố…)  - Tự hào về quê hương đổi mới (đường, nhà cửa, điện…)  - Yêu mến những người dân quê chất phác, giàu tình cảm.  - Bày tỏ ước muốn xây dựng quê hương giàu đẹp.  - Khẳng định tình yêu, niềm tự hào và nỗi nhớ quê hương mỗi khi đi xa. |

**Tiết 2: Hướng dẫn học sinh luyện tập đề số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Đề số 2**  **I. Đọc hiểu: (3,0 điểm)**  **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Phượng cứ nở. Phượng cứ rơi. Bao giờ cũng có hoa phượng nở. Nghỉ hè đã đến. Học sinh sửa soạn về nhà. Nhà chưa về, cái vui gia đình đâu chửa thấy, chỉ thấy xa trường, rời bạn; buồn xiết bao! Những cuộc tình duyên giữa bạn bè, đến lúc rẽ chia, cũng rẽ chia dưới màu phượng; dù hữu tâm, dù vô tình, người nào cũng có sắc hoa phượng nằm ở trong hồn. Phượng xui ta nhớ cái gì đâu. Nhớ người sắp xa, còn đứng trước mặt.... Nhớ một trưa hè gà gáy khan...Nhớ một thành xưa son uể oải.......*  *Thôi học trò đã về Huế, hoa phượng ở lại một mình. Phượng đứng canh gác nhà trường, sân trường. Hè đang thịnh, mọi nơi đều buồn bã, trường ngủ, cây cối cũng ngủ. Chỉ có hoa phượng thức để làm vui cho cảnh trường. Hoa phượng thức, nhưng thỉnh thoảng cũng mệt nhọc, muốn lim dim. Gió qua, hoa giật mình, một cơn hoa rụng.*  *( Theo* Xuân Diệu*, Hoa học trò)*  **Câu 1**: Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt nào?  **Câu 2**: Chỉ ra các từ láy trong đoạn văn trên?  **Câu 3**: Xác định và nêu tác dụng của điệp ngữ trong đoạn văn: “*Nhớ người sắp xa, còn đứng trước mặt.... Nhớ một trưa hè gà gáy khan...Nhớ một thành xưa son uể oải....”*  **Câu 4**: Qua đoạn văn, tác giả bày tỏ tình cảm, cảm xúc gì?  **Câu 5**: Theo em, với học trò ngày nay, hoa phượng mang ý nghĩa gì?  **II. Tập làm văn: (7,0 điểm)**  **Câu 1:(2,0 điểm)**  Viết đoạn văn (khoảng 15-20 dòng) trình bày cảm nghĩ của em về hai câu thơ sau:  *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*  *Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa* ( *Cảnh khuya* – Hồ Chí Minh)  **Câu 2:(5,0 điểm)**  Loài cây em yêu.  **Phần Đọc hiểu**  - GV gọi học sinh đọc to đề bài.  - Yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời cá nhân các câu hỏi 1,2,3, 4 trong phần đọc hiểu.  - Câu 5 phần Đọc hiểu: yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi, thời gian 2 phút. Sau đó yêu cầu ít nhất 3 nhóm trả lời. GV nhận xét và chốt kiến thức.  **Phần Tập làm văn**  Câu 1: GV hỏi học sinh yêu cầu về hình thức và nội dung.  HS phát biểu cá nhân  GV nhận xét và chốt  Câu 2:  GV chia nhóm và yêu cầu học sinh thảo luận, viết vào phiếu học tập các nội dung:  - Kiểu bài?  - Đối tượng biểu cảm?  - Dàn ý?  Sau khi thảo luận GV gọi đại diện trình bày, nhận xét chéo và GV đưa ra đáp án cuối cùng. | GV chốt kiến thức  (Đáp án)  **I. Phần đọc hiểu:**  **Câu 1:**  Phương thức biểu đạt của đoạn văn: biểu cảm  **Câu 2:**  Các từ láy có trong đoạn văn: *uể oải, buồn bã, thỉnh thoảng, lim dim*  **Câu 3:**  - Điệp ngữ trong đoạn văn: *nhớ*  *-* Tác dụng: nhấn mạnh nỗi nhớ trường lớp, bạn bè...da diết của nhân vật trữ tình  **Câu 4**  Qua đoạn văn tác giả bày tỏ tình yêu với hoa phượng - hoa học trò. Qua đó bộc lộ tình cảm gắn bó với thầy cô , bạn bè, mái trường...  **Câu 5**:  GV hướng dẫn học sinh tùy theo cảm nhận riêng, từng học sinh có thể đưa ra những ý kiến khác nhau nhưng ý kiến của các em phải hướng đến tình cảm trong sáng, lành mạnh như:  + Hoa phượng là loài hoa học trò gợi nhớ mái trường, bè bạn, thầy cô...  + Hoa phượng còn gợi mùa thi, mùa chia tay, mùa hè bổ ích ...  **II. Phần Tập làm văn**  **Câu 1**  - Hình thức: viết thành đoạn văn, diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc.  - Về nội dung:  + Giới thiệu tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ *Cảnh khuya,* nêu cảm nghĩ khái quát về hai câu thơ đầu.  + Trình bày những cảm nghĩ cụ thể:  . Say sưa, thích thú với vẻ đẹp đêm trăng núi rừng Việt Bắc.  ( so sánh: *tiếng suối – tiếng hát xa* -> không gian yên tĩnh, cảnh vật gần gũi với con người... Điệp từ *lồng->* thiên nhiên giao hòa, quấn quýt, cảnh có tầng bậc, giầu chất hội họa...)  . Ngưỡng mộ trước tâm hồn cao đẹp của nhân vật trữ tình: say mê với vẻ đẹp của thiên nhiên....  + Hai câu thơ khơi dậy tình yêu thiên nhiên, niềm lạc quan yêu đời...  **Câu 2:**  - Kiểu bài : Biểu cảm  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm về sự vật (kết hợp với miêu tả và tự sự).  - Đối tượng biểu cảm : loài cây  - Bố cục rõ ràng, 3 phần MB-TB-KB.  - Diễn đạt lưu loát, câu viết đúng ngữ pháp, không sai chính tả, cảm xúc chân thành.  \* Về nội dung:Học sinh có thể có những cảm nhận riêng về một loài cây mình yêu thích nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:  **1. Mở bài**  - Nêu cảm nghĩ khái quát về loài cây mình yêu thích.  **2. Thân bài**: trình bày những cảm nghĩ cụ thể về loài cây:  - Các đặc điểm gợi cảm của cây  - Loài cây trong cuộc sống con người  - Loài cây trong cuộc sống của em.  -…..  **3. Kết bài**  - Tình cảm của em đối với loài cây đó. |

**Tiết 3:**

***Luyện tập:* Hướng dẫn học sinh tự luyện tập đề số 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Phần I. (3,0 điểm)**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**  “Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.”  (Ngữ văn 7- tập Một- Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam)  1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?  2. Chỉ ra các từ đồng nghĩa, gần nghĩa và các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn? Hiệu quả của các biện pháp nghệ thuật ấy?  **Phần II. (7,0 điểm)**  **Câu 1:** Từ nội dung đoạn văn trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của mình về một mùa trong năm.  **Câu 2:**  Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ “Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh.    GV đưa ra đề bài.  Yêu cầu HS đọc to  HS tự làm bài vào vở phần Đọc hiểu và câu 1 phần Tập làm văn.  Câu II. 2 yêu cầu học sinh lập dàn ý tại lớp.  GV cho học sinh tự làm  Yêu cầu học sinh đổi vở để chấm chéo.  GV đưa ra đáp án và biểu điểm chấm.  Yêu cầu một số học sinh đọc đoạn văn và dàn ý  GV và HS cùng nhận xét và chốt | - GV chốt kiến thức  **Phần I. (3,0 điểm)**  1. Đoạn văn được trích từ văn bản “Mùa xuân của tôi”  - Tác giả: Vũ Bằng  2. Các từ đồng nghĩa, gần nghĩa: chuộng, trìu mến, mê luyến.  Các biện pháp tu từ: liệt kê, nhân hóa, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu  Tác dụng:  Các biện pháp nghệ thuật đã làm cho lời văn thêm tha thiết, mềm mại thể hiện những cung bậc tình cảm theo cấp độ tăng dần của con người đối với mùa xuân. Từ quý mến, yêu thích đến mê luyến như bị cuốn hút hoàn toàn. Lòng yêu mến mùa xuân là tình cảm tự nhiên, là quy luật tất yếu cũng giống như các mối quan hệ tự nhiên khác không thể tách rời, không thể cấm đoán. Chừng nào còn đất trời, vũ trụ, còn cuộc sống của con người thì con người còn mê luyến mùa xuân.  **Phần II. (7,0 điểm)**  **Câu 1:**  - Hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, diễn đạt trôi chảy, giàu hình ảnh, cảm xúc.  - Nội dung:  + Cảm nghĩ về thời tiết: nhiệt độ, ánh sáng, bầu trời…  + Cảm nghĩ về cảnh vật thiên nhiên: cây cối, chim chóc…  + Cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt của con người.  **Câu 2:**  A. Hình thức: Đảm bảo bố cục 3 phần, trình bày sạch sẽ, ít mắc lỗi chính tả.  B. Nội dung: Đảm bảo đúng đặc trưng của kiểu bài phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học  **1. Mở bài:** Giới thiệu bài thơ và cảm nghĩ chung  **2. Thân bài:** Nêu cảm nhận chung về hình ảnh trong bài (phong cảnh, tâm hồn...)  Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu sau:  - Cảnh đẹp của đêm trăng nơi núi rừng Việt Bắc  + Âm thanh: “Tiếng suối trong như tiếng hát xa”. Bác đã có sự so sánh đầy độc đáo, âm thanh của thiên nhiên được so sánh với âm thanh tiếng hát du dương, tha thiết. Qua đó gợi cho người đọc một liên tưởng, tiếng suối vô cùng gần gũi với con người, cũng có sức sống trẻ trung như con người.  + Hình ảnh: “Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”  Bác đá điệp từ “lồng” làm cho bức tranh thiên nhiên có nhiều tầng lớp, đường nét, hình khối.  - Tâm trạng của nhà thơ  + Điệp ngữ “chưa ngủ” thể hiện sử chuyển biến bất ngờ, tự nhiên của tâm trạng; đồng thời mở ra hai nét tâm trạng của tác giả.  + Chưa ngủ vì cảnh đẹp, thể hiện được chất thi sĩ trong con người Bác; chưa ngut vì lo lắng cho tương lai, cho vận mệnh của đất nước, đây lại là tinh thần của một con người yêu nước, một chiến sĩ cách mạng thực thụ.  **3. Kết bài:** Khái quát về tình cảm, khẳng định bài thơ cho ta thấy Bác Hồ là một nhà cách mạng, một nhà thơ… |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV lưu ý học sinh những sai sót hay mắc qua các đề luyện tập và cách sửa.

- Yêu cầu viết hoàn thiện dàn ý câu 2 phần Tập làm văn.

- Chuẩn bị ôn tập lại các kiến thức để tiết sau luyện tập tiếp.

**Buổi 20**

**TIẾT 58,59,60**

**ÔN TẬP TỔNG HỢP**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1. Kiến thức***

Học sinh huy động những kiến thức cơ bản trong năm học về cả ba phân môn: Văn, Tiếng Việt, Tập Làm Văn.

***2. Kỹ năng***

- Rèn kĩ năng làm bài thi học kì với đề tổng hợp.

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Bồi dưỡng ý thức học bộ môn cho HS nghiêm túc.

***4. Năng lực***

***-*** Năng lực giải quyết vấn đề; sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ**

GV: Hướng dẫn HS nội dung ôn tập.

HS: Ôn tập chương trình Ngữ Văn kì

**III. Các hoạt động dạy-học chủ yếu.**

**1. Các kĩ năng trả lời các dạng câu hỏi thường gặp trong đề kiểm tra tổng hợp.**

- Mục tiêu: *Giúp học sinh hệ thống nhanh những kiến thức kĩ năng cần thiết.*

- Phương pháp: *tổ chức trò chơi.*

*­*- Hình thức tổ chức dạy học: cá nhân.

- Các bước tiến hành.

+ ***Bước 1:*** GV phổ biến luật chơi: *Hộp thư chạy:* Trên tay cô giáo là một tập phong bì có các thư có nội dungg câu hỏi liên quan đến bài học. Lớp phó văn nghệ cho lớp hát tập thể một bài. Cả lớp vừa hát vừa chuyền tay tập phong bì. Khi có lệnh “dừng” từ cô giáo, tất cả dừng hát và dừng chuyền tay. HS cầm trên tay tập phong bì trong tay, rút chọn 1 phong bì, đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi mình vừa chọn. Trò chơi tiếp tục cho đến khi hết tập phong bì.

**+ *Bước 2:***  GV chọn lớp phó văn nghệ làm quản trò tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi. GV quan sát, ghi nhận nhanh kết quả của học sinh bằng cách ghi nhanh các câu trả lời của học sinh lên bảng.

+ ***Bước 3:*** GV tổng kết trò chơi, ghi nhận và thưởng đối với với những bạn học sinh trả lời nhanh và tốt nhất.

+ ***Bước 4:***  GV chốt kiến thức cần nhớ bằng hệ thống bảng phụ (Máy chiếu)

|  |
| --- |
| **I. Những kĩ năng cần nhớ khi làm bài thi**  **1. Kĩ năng trả lời các câu hỏi đọc hiểu**  **- Thời gian thực hiện:** 30p  - **Kĩ năng phân tích đề:**  ***+*** *Đọc kĩ đề và gạch chân những từ ngữ quan trọng trong đề*  ***+***  *Từ các từ ngữ quan trọng xác định chính xác nội dung cần phải trả lời.*  **+**  *Định hướng lĩnh vực kiến thức cần huy động để trả lời nội dung đã định hướng*  - ***Trình bày:***  *ngắn gọn, chính xác.*  *+* Hình thức: Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, không sai lỗi chính tả ngữ pháp. Diễn đạt mạch lạc trả lời ngắn gọn. Sử dụng kí hiệu thống nhất như trong đề bài (Lưu ý để tối đa hóa điểm số hãy trình bày bằng những câu văn hoặc các đoạn văn ngắn); Viết trong khoảng ½ mặt giấy thi  + Nội dung: Trả lời đầy đủ thông tin và phải có trọng tâm  ***- Một số lưu ý khác:***  *+* Trả lời từng câu hỏi, dễ trước, khó sau, tuyệt đối không nên bỏ bất cứ câu nào, ý nào.  + Sau khi làm bài xong, cần dành thời gian kiểm tra và sửa lỗi (nếu có).  **2. Kĩ năng viết bài làm văn: *Văn nghị luận***  **- Thời gian thực hiện: 60’**  **- Hình thức:** Viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh.  **- Định hướng rõ đề thuộc dạng nghị luận nào, thực hiện theo dạng nghị luận ấy.** |

**2. Luyện tập.**

GV tổ chức cho học sinh thực hành luyện tập theo 01 đề cụ thể:

- GV phân chia thời gian thực hành để rèn kĩ năng phân phối thời gian cho học sinh.

- Sau mỗi phần luyện tập, giáo viên chốt đáp án để học sinh tự chấm điểm cho bản thân,

**Đề bài luyện tập số 01:**

**Câu 1** *(2 điểm)*

a. Hãy kể tên các loại từ láy?

b. Tìm các từ láy trong đoạn văn sau và chỉ rõ thuộc loại từ láy nào?

*Mẹ tôi, giọng khản đặc, từ trong màn nói vọng ra:*

*- Thôi, hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi.*

*Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi. Cặp mắt đen của em lúc này buồn thăm thẳm, hai bờ mi đã sưng mọng lên vì khóc nhiều.* (Khánh Hoài)

**Câu 2** *(3 điểm)*

*Công cha như núi ngất trời,*

*Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.*

*Núi cao biển rộng mênh mông,*

*Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!*

(*Ngữ văn 7*, tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2016)

a. Tình cảm mà bài ca dao trên muốn diễn tả là tình cảm gì?

b. Hãy chỉ ra nghệ thuật đặc sắc của bài ca dao trên?

c. Qua bài ca dao trên em rút ra cho mình bài học gì?

**Câu 3** *(5 điểm)*

Phát biểu cảm nghĩ về mái trường thân yêu.

**Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Câu*** | ***Ý*** | ***Nội dung*** | ***Điểm*** |
| ***1***  ***(2 điểm)*** | ***a*** | **Từ láy** có hai loại: **từ láy toàn bộ** và **từ láy bộ phận** | 0,5 |
| ***b*** | - Hai từ láy trong đoạn văn là: *“bần bật”, “thăm thẳm”*  *-* Hai từ láy thuộc từ láy toàn bộ | 1,0  0,5 |
| ***2***  ***(3 điểm)*** | ***a*** | Tình cảm mà bài ca dao muốn diễn tả là tình cảm của cha mẹ đối với con cái đó là tình cảm lớn lao và cao cả;  Từ đó nhắc nhở mỗi chúng ta cần ghi nhớ và đền đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục lớn lao ấy. | 0,5  0,5 |
| ***b*** | - Nghệ thuật đặc sắc của bài ca dao là:  + Phép so sánh:  + Từ láy.  + Thành ngữ *.*  *+* Giọng điệu nhẹ nhàng, tình cảm. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***c*** | **Đây là một đề mở nên học sinh có thể tự do trình bày suy nghĩ, định hướng của mình, sau đây là những định hướng cơ bản:**  ***- Hiểu và cảm ơn công lao to lớn của cha mẹ.***  ***- Cần học tập, rèn luyện vâng lời cha mẹ…*** | 1 |
| **3**  ***(5 điểm)*** |  | **Viết bài văn biểu cảm**  **Đề:** Phát biểu cảm nghĩ về mái trường thân yêu. |  |
|  | **Yêu cầu chung**:  - Học sinh nắm được phương pháp, cách làm bài văn biểu cảm có kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả.  - Bài văn bộc lộ được tình cảm cảm xúc với đối tượng biểu cảm. |  |
|  | - Bố cục mạch lạc, rõ ràng, đầy đủ ba phần, không mắc các lỗi về diễn đạt, chính tả.  -Lời văn phải có cảm xúc với vốn từ ngữ giàu hình ảnh, giàu sức gợi cảm. | 0,5 |
|  | **Yêu cầu cụ thể:**  *Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo các ý sau:* |  |
|  | - Giới thiệu đối tượng biểu cảm và hoàn cảnh nảy sinh cảm xúc.  - Nêu cảm xúc ban đầu. | 0,5 |
|  | **–** Biểu cảm về mái trường thân yêu của em thông qua miêu tả những hình ảnh cụ thể, sinh động: về cổng trường, hàng cây, sân trường, lớp học, bàn ghế…  – Biểu cảm về thầy cô, bạn bè qua miêu tả kết hợp kể chuyện để bộc lộ cảm xúc.  – Bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ về mái trường: mái trường gắn bó với em, em yêu mái trường, mái trường để lại biết bao kỉ niệm tuổi thơ, nơi chắp cánh cho em vào đời… | 1,0  1,0  1,5 |
|  | Khẳng định lại suy nghĩ của em về mái trường thân yêu. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**Đề 2:**

**I. Phần đọc hiểu (*4,0 điểm*)**

**Đọc mẩu chuyện sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:**

**Ông già và thần Chết**

Một lần ông già đẵn xong củi và mang về. Phải mang đi xa ông già kiệt sức, đặt bó củi xuống rồi nói:

- Chà, giá thần Chết đến mang ta đi có phải hơn không!

Thần Chết đến và bảo:

- Ta đây, lão cần gì nào?

Ông già sợ hãi bảo:

- Lão muốn ngài nhấc hộ bó củi lên cho lão.

(Lép Tôn-xtôi, *Kiến và chim bồ câu*)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong mẩu chuyện.

Câu 2. Liệt kê các quan hệ từ xuất hiện trong “Ông già và thần Chết”.

Câu 3. Đại từ được sử dụng mấy lần trong câu chuyện? Đó là những từ nào?

Câu 4. Nêu ý nghĩa của câu chuyện?

**Đọc bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 5 đến câu 8:**

Người ta đi cấy lấy công,

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.

Trông trời, trông đất, trông mây,

Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.

Trông cho chân cứng đá mềm

Trời êm, biển lặng, mới yên tấm lòng.

Câu 5. Xác định thể thơ của bài ca dao?

Câu 6. Ở bài ca dao, những từ ngữ nào được lặp đi lặp lại?

Câu 7. Lặp như thế gọi là phép tu từ gì? Tác dụng?

Câu 8. Trong câu kết của bài, có các từ đồng nghĩa được sử dụng; hãy chỉ ra những từ đó?

**II. Phần làm văn** *(6,0 điểm)*

Giả sử, em đang vui vì đã làm được một việc tốt khiến bố mẹ của em rất hài lòng.

Hãy viết một bài văn bày tỏ những cảm xúc của em về điều đó.

**Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN** | **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **I** | ***Phần đọc hiểu*** | | **4,0** |
| 1 | Phương thức tự sự | **0,5** |
| 2 | Quan hệ từ: và, và | **0,5** |
| 3 | Đại từ được sử dụng 3 lần: ta, ta, ngài | **0,5** |
| 4 | Ý nghĩa: Tinh thần yêu lao động (tinh thần lạc quan) | **0,5** |
| 6 | Thể thơ lục bát | **0,5** |
| 7 | - Từ lặp đi lặp lại: đi cấy, trông  - Nhằm nhấn mạnh sự vất vả của người làm nghề nông | **0,5** |
| 8 | Từ đồng nghĩa: êm, lặng, yên | **0,5** |
| **II** | ***Phần làm văn*** | | **6,0** |
|  |  | Đảm bảo cấu trúc, hình thức trình bày bài văn biểu cảm | **1,0** |
|  | *Miêu tả tâm trạng, trình bày cảm xúc của bản thân về việc tốt mình vừa làm khiến bố mẹ hài lòng và những hứa hẹn, quyết tâm của bản thân*.  - Sử dụng những câu văn biểu cảm miêu tả niềm vui (tâm trạng) của bản thân khi làm được việc tốt, khi cảm nhận được sự hài lòng của bố mẹ.  - Biết vận dụng phương thức biểu đạt tự sự để kể lại việc tốt đã làm | **4,0** |
|  | Nêu suy nghĩ và hướng phấn đấu của bản thân trong cuộc sống (Vận dụng và liên hệ) | **1,0** |

**Buổi 21. CHUYÊN ĐỀ: TỤC NGỮ VIỆT NAM**

**Tiết 61, 62, 63. TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT**

**TỤC NGỮ VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

*1. Kiến thức:*

- Ôn tập khái niệm tục ngữ.

- Củng cố nội dung tư tưởng, ý nghĩa triết lí và hình thức nghệ thuật của các câu tục ngữ.

*2. Kỹ năng:*

- Đọc – hiểu, phân tích các lớp nghĩa của tục ngữ

- Vận dụng được ở mức độ nhất định một số câu tục ngữ vào đời sống.

*3. Thái độ, phẩm chất:*

- Nghiêm túc tự giác học tập.

- Biết tích luỹ thêm kiến thức về thiên nhiên và lao động sản xuất qua các câu tục ngữ.

- Có lối sống đạo đức đúng đắn theo những lời khuyên của các câu tục ngữ.

*4. Năng lực:*

- Năng lực đọc, hiểu, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: TỤC NGỮ VIỆT NAM**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (20 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hoạt động 1. Ôn lại kiến thức  ? Em nhắc lại khái niệm tục ngữ?  ? Tục ngữ thường nói về những chủ đề gì?  ? Nêu lại giá trị nội dung của tục ngữ?  ? Tục ngữ có đặc điểm gì về nghệ thuật?  ? Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa tục ngữ với ca dao, thành ngữ? | **I. Ôn lại kiến thức**  **1. Khái niệm tục ngữ và đặc điểm**  - Là những câu nói của dân gian ngắn gọn, có vần điệu, hình ảnh, đúc kết những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt của cuộc sống , được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ, lời ăn tiếng nói hàng ngày.  - Tục ngữ bao giờ cũng có nghĩa đen là nghĩa trực tiếp gắn với hiện tượng ban đầu nhằm phản ánh kinh nghiệm về thiên nhiên, lao động sản xuất và sinh hoạt xã hội.  - Những câu TN thể hiện kinh nghiệm về con người, xã hội thường không sử dụng chủ ngữ nên rất hàm súc, cô đọng, có nghĩa bóng và có khả năng ứng dụng vào nhiều trường hợp khác nhau .  **- Tục ngữ có nhiều chủ đề :**  + Quan niệm về giới tự nhiên : Các câu đã học.  + Đời sống vật chất :  *Người sống về gạo, cá bạo về nước; Có thực mới vực được đạo ; Miếng khi đói bằng gói khi no ; ăn một miếng, tiếng một đời ; lợn giò, bò bắp, vịt già, gà tơ ; mùa hè cá sông, mùa đông cá bể ;*  + Đời sống xã hội :  *Nhà nào giống ấy. cây có cội, sông có nguồn ; Giỏ nhà ai ,quai nhà nấy ; giấy rách giữ lề; Một giọt máu đào hơn ao nước lã….*  + Đời sống tinh thần và những quan niệm về nhân sinh :  *Người là hoa đất ; Người như hoa ở đâu thơm đấy ; Trông mặt mà bắt hình dong ; Lớn vú bụ con ; Cái răng cái tóc là góc con người ; Môi dày ăn vụng đã xong- môi mỏng hay hớt môi cong hay hờn ; tẩm ngẩm mà đấm chết voi …*  **2. Giá trị nội dung**  Những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất đã phản ánh, truyền đạt những kinh nghiệm quý báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên và trong lao động sản xuất. Những kinh nghiệm ấy là “túi khôn” của nhân dân nhưng chỉ có tính chất tương đối chính xã vì không ít kinh nghiệm được tổng kết chủ yếu dựa vào quan sát. Còn những câu tục ngữ về con người và xã hội đưa ra những nhận xét, lời khuyên về phẩm chất và lối sống con người cần có.  **3. Giá trị nghệ thuật**  - Lối nói ngắn gọn, có vần, có nhịp  - Giàu hình ảnh, lập luận chặt chẽ  - Các về thường đối xứng nhau cả về hình thức lẫn nội dung  **4. Phân biệt tục ngữ với ca dao; tục ngữ với thành ngữ.**  \* Giống  Đều là những sáng tác của nhân dân lao động và có tính chất truyền miệng.  \*Khác  - Thành ngữ là một cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh, vận dụng trong lời ăn tiếng nói hàng ngày tạo sắc thái tao nhã, tránh rườm rà, làm cho lời nói bóng bẩy.  - Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, còn ca dao câu đơn giản nhất cũng phải là cặp lục bát.  - Tục ngữ nói đến kinh nghiệm lao động sản xuất còn ca dao nói đến tư tưởng tình cảm con người  - Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, ổn định thiên về lí trí nhằm nêu những nhận xét khách quan còn ca dao là thơ trữ tình thiên về tình cảm, nhằm phô diễn nội tâm con người. |
|  |

***B. Luyện tập : (25p)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : cá nhân  **Bài tập 1**  Trong những trường hợp sau đây, trường hợp nào là tục ngữ, trường hợp nào là thành ngữ, ca dao.   1. Giấy rách phải giữ lấy lề. 2. Dai như đỉa đói 3. Tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa 4. Cạn tàu ráo máng 5. Con dại cái mang 6. Lươn ngắn chê chạch dài 7. Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài 8. Lúa chiêm lấp ló đầu bờ   Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên .   1. Chuồn chuồn bay thấp thì mưa   Bay cao thì nắng bay vừa thí râm   * HS làm bài, nhận xét. * GV nhận xét, sửa chữa.   **\*Trắc nghiệm**  **Bài tập 1:** Dòng nào sau đây là tục ngữ?  A. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây B. Nước chảy đá mòn C. Rau nào sâu ấy D. Lên thác xuống ghềnh  PA. A  **Bài tập 2:** Câu tục ngữ nào sau đây không nói về kinh nghiệm trong lao động sản xuất?  A. Chuồng gà hướng đông, cái lông chẳng còn. B. Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa C. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây D. Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống  PA. C  **Bài tập 3:** Câu tục ngữ "Một mặt người bằng mười mặt của" khuyên chúng ta điều gì?  A. Hãy biết quý trọng cả người lẫn của cải B. Hãy biết coi trong của cải của bản thân C. Đừng nên coi trọng của cải D. Hãy biết quý trọng con người hơn của cải  PA. D  **Bài tập 4:** Câu tục ngữ nào không cùng nội dung với câu tục ngữ "Một mặt người bằng mười mặt của"?  A. Người làm ra của, của không làm ra người B. Người sống đống vàng C. Người ta là hoa của đất D. Người còn thì của còn  PA. C  **Bài tập 5:** Câu tục ngữ "Đói cho sạch, rách cho thơm" khuyên chúng ta điều gì?  A. Khi đói cần giữ cho quần áo sạch sẽ, thơm tho B. Khi đói có thể không cần giữ sạch sẽ nữa C. Khi đói khi no, lúc nào cũng phải giữ gìn quần áo cho sạch sẽ D. Dù hoàn cảnh nào cũng phải giữ phẩm giá cho trong sạch  PA. D  **Bài tập 6:** Để lập dàn ý cho đề bài: Giải thích câu tục ngữ: "Thương người như thể thương thân", câu hỏi tìm ý nào dưới đây là không cần thiết?  A. Hiểu ý nghĩa câu tục ngữ như thế nào? B. Vì sao nhân dân ta lại khuyên phải thương người như thể thương thân? C. Làm thế nào để thực hiện lời khuyên trong câu tục ngữ? D. Có khi nào lời khuyên đó sai không?  PA. D  **Bài tập 7:** Ý nào dưới đây không cần thiết khi làm bài nghị luận cho đề bài: Chứng minh câu tục ngữ: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"?  A. Giải thích câu tục ngữ B. Chứng minh truyền thống biết ơn của dân tộc C. Phát biểu cảm nghĩ về lòng biết ơn D. Làm thế nào để thực hiện lời khuyên của câu tục ngữ  PA. C | GV chốt kiến thức  - Tục ngữ: 1, 7, 8, 9  - Còn lại là thành ngữ.  Lưu ý: câu 8, 9 hình thức thơ lục bát nhưng nội dung nêu kinh nghiệm về thiên nhiên, lao động sản xuất. |

**Tiết 2: ÔN TẬP TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hoạt động 1. Ôn lại kiến thức tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất  ? HS đọc thuộc 8 câu tục ngữ.  Lần lượt cho học sinh nhắc lại nội dung 8 câu tục ngữ.  ? Qua việc nhắc lại nội dung những câu tục ngữ, em rút ra được kết luận gì? | **1.Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất**     Tám câu tục ngữ trên có thể được chia thành hai nhóm. Bốn câu đầu nói về thiên nhiên và bốn câu sau bàn về những kinh nghiệm trong lao động sản xuất. **Câu 1:**     “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng     Ngày tháng mười chưa cười đã tối”  -  Câu tục ngữ là kinh nghiệm về thời tiết của nước ta. Là một nước ở bán cầu Bắc và gần đường xích đạo, mùa hè nước ta kéo dài từ tháng 4 đến tháng 6 còn mùa đông từ tháng 9 đến tháng 12.  + Vào mùa hè tháng năm thì ngày dài đêm ngắn còn ngày mùa đông thì ngày ngắn đêm dài.  + Cách nói cường điệu có tác dụng nhấn mạnh đặc điểm ấy: “chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối”.  + Phép đối xứng giữa hai vế câu làm nổi bật sự trái ngược trong tính chất của đêm mùa hạ và ngày mùa đông.  Câu 2:   “Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa”  - Câu tục ngữ thứ hai nói về kinh nghiệm dự đoán thời tiết. Ngày xưa khi công nghệ dự báo thời tiết chưa xuất hiện, ông bà ta có thể dự đoán được thời tiết ngày hôm sau bằng cách quan sát bầu trời buổi tối.  + Mau sao là những hôm trời nhiều sao còn vắng sao tức là ít sao vào ban đêm. Vào những hôm trời mau sao thì ngày hôm sau thường sẽ nắng to, còn những hôm nào bầu trời không nhìn thấy được vì sao nào thì ngày mai có thể trời sẽ mưa.  + Điều này có thể giải thích bằng khoa học một cách dễ hiểu là những hôm nào quang mây, nhìn thấy được bầu trời trong vắt thì sẽ nắng còn nếu có nhiều mây thường là trời sắp mưa.  + Kinh nghiệm này cho đến ngày hôm nay vẫn thường xuyên được các ông bà sử dụng. Nếu hôm nay bạn chưa xem chương trình dự báo thời tiết thì có thể dùng cách này để biết được thời tiết ngày mai thế nào để chủ động trong công việc. Tuy nhiên vì chỉ dựa trên phán đoán và kinh nghiệm nên điều này đôi khi chưa hẳn đã đúng.  **Câu 3:**   “Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ”  Câu thứ ba là kinh nghiệm về hiện tượng thời tiết trước khi có bão:   Ráng là màu vàng của mây do mặt trời chiếu vào, nó ngả thành màu vàng giống như màu mỡ gà. Ráng mỡ gà thường xuất hiện ở phía chân trời trước khi trời có bão. Nhìn vào đấy người ta có thể biết mà lo chống giữ nhà cửa, sửa soạn để hạn chế thấp nhất hậu quả do bão gây ra. Cấu trúc hai vế nhưng rất ngắn gọn của câu tục ngữ khiến ai nghe qua cũng có thể nhớ ngay được.     Ngày nay, khoa học công nghệ đã phát triển, chúng ta có thể dự đoán được chính xác diễn biến của từng cơn bão. Tuy nhiên những kinh nghiệm dân gian vẫn còn giá trị đến ngày hôm nay.  **Câu 4:**   Câu tục ngữ thứ tư trình bày những phán đoán trước khi có lụt:     “Tháng bày kiến bò, chỉ lo lại lụt”     Những loài vật sống dưới mặt đất như kiến thường rất nhạy cảm với những thay đổi của thời tiết. Khi trời sắp mưa to kiến thường bò ra khỏi tổ để kiếm thức ăn dự trữ. Tuy nhiên với những năm có lũ lớn, đàn kiến thường bò hết ra khỏi tổ và mang theo cả trứng, di chuyển chỗ ở lên cao để tránh bị ngập nước và bảo toàn nòi giống. Ông cha ta đã dựa vào tập tính đó để phán đoán xem năm nay có lũ hay không, nhất là vào những dịp tháng Bảy âm lịch ở nước ta là mùa mưa.     Thông qua câu tục ngữ này ta có thể thấy con người ngày xưa đã có những quan sát rất tỉ mỉ và kì công với bất kì hiện tượng nào ngoài thiên nhiên. Ngày nay dựa vào việc quan sát sinh hoạt của loài kiến và một số loài vật sống dưới mặt đất khác người ta cũng có thể dự đoán khá chính xác về tình hình thời tiết để có những phương án dự phòng phù hợp.  =>   Bốn câu tục ngữ đầu tiên là những triết lí về các hiện tượng thiên nhiên trong đời sống. Để sinh tồn và phát triển, ông cha ta đã phải tự thân quan sát mọi hiện tượng xung quanh từ những điều nhỏ nhất. Dù chỉ bằng những cách thô sơ nhất nhưng kết quả của những quan sát trên lại có giá trị lâu dài cho đến ngày hôm nay.     Bên cạnh tìm hiểu về các hiện tượng thiên nhiên, với đặc điểm là một nước thuần ông, các thế hệ trước cũng đã đúc rút những bài học để có được vụ mùa bội thu để truyền lại cho con cháu đời sau. Nó được thể hiện qua các câu tục ngữ từ câu 5 đến câu 8 trong phần ngữ liệu trên.  **Câu 5:**         “Tấc đất, tấc vàng”   Câu 5 là lời răn dạy về giá trị của đất đai: Tấc là đơn vị đo lường của người thời xưa, một tấc đất chỉ bằng 1/10 thước, tức chỉ là một khoảng đất nhỏ còn tấc vàng thì lại là một lượng vàng rất lớn và có giá trị. Câu tục ngữ là một phép so sánh được tối giản hóa chỉ còn hai vế so sánh. Người xưa đã ví tấc đất với tấc vàng, một vật có giá trị rất nhỏ với một vật có giá trị rất lớn nhằm khẳng định vị trí đặc biệt quan trọng của đất đai đối với người nông dân. Họ đã khẳng định rằng dù chỉ là một mảnh đất rất nhỏ thôi nhưng còn quý hơn cả một lượng vàng lớn. Vàng bạc dẫu quý giá nhưng nếu cứ ăn mãi rồi cũng sẽ hết, chỉ có đất mới nuôi sống con người được lâu dài.     Đối với những người nông dân, đất đai không chỉ là phương tiện sản xuất mà còn là một phần trong cuộc sống với sự gắn bó keo sơn. Người nông dân luôn ví đất là mẹ vì từ đất họ có thể làm ra những vật phẩm để nuôi sống bản thân và gia đình. Câu tục ngữ khuyên dạy ta cần phải sử dụng đất sao cho hợp lí, không sử dụng lãng phí và bảo vệ nguồn đất, phải nhận thức đúng giá trị của đất mẹ để có thể gắn bó và yêu quý đất đai.  **Câu 6:**   Câu tục ngữ thứ 6 là những lời nhận xét và kinh nghiệm về thứ tự hiệu quả mà các mô hình kinh tế đem lại: “Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền”     Câu tục ngữ trên sử dụng từ Hán-Việt, giải nghĩa ra có nghĩa là thứ nhất là đào ao nuôi cá, thứ hai là làm vườn, thứ ba là làm ruộng. Nội dung của câu tục ngữ này có nghĩa là trong các hoạt động canh tác của nhà nông, đem lại hiệu quả kinh tế nhanh và nhiều nhất lần lượt là chăn nuôi thủy hải sản sau đó đến làm vườn và cuối cùng là trồng hoa màu ở đồng ruộng. Có thể sắp xếp như vậy bởi nuôi trồng thủy hải sản ít tốn thời gian và công chăm sóc, thu hoạch nhanh hơn và đạt giá trị kinh tế cao hơn. Làm vườn trồng cây ăn quả và trồng hoa màu đòi hỏi thời gian và công sức dài hơn, rủi ro do mất mùa cũng cao hơn.     Câu tục ngữ trên cũng là một gợi ý cho người nông dân cân nhắc khi bắt tay vào xây dựng kinh tế. Tuy nhiên nếu muốn áp dụng càn phả xem xét được đặc điểm tình hình tự nhiên và các nguồn tài nguyên của địa phương thì mới có thể thành công.  **Câu 7:**  Người nông dân cho đến ngày hôm nay vẫn rất quen thuộc với câu nói:     “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”.     Phép liệt kê vừa có tác dụng nêu rõ thứ tự, vừa nhấn mạnh vai trò của từng yếu tố. Câu tục ngữ này cũng sử dụng các yếu tố Hán-Việt, đó là các số đếm Nhất, nhì, tam tứ có nghĩa là thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư. Nghĩa của câu này là khi trồng lúa, quan trọng nhất là phải có nguồn nước đầy đủ, thứ hai là phải bón phân, thứ ba là sự cần cù chăm chỉ của con người và thứ tư là phải có giống tốt. Bốn yếu tố trên kết hợp lại với nhau sẽ cho một vụ mùa bội thu.     Câu tục ngữ trên đã giúp ta thấy được vai trò của từng yếu tố để có một vụ mùa thắng lợi. Cho đến ngày hôm nay, câu nói trên vẫn được bà con nông dân áp dụng trong quá trình canh tác của mình.  **Câu 7:**  Ngoài việc trồng lúa, khi trồng các loại cây khác ông cha ta cũng đúc rút được những lời khuyên cho thế hệ sau. Một trong số đó là câu:     “Nhất thì, nhì thục”     Nghĩa tiếng Vệt của câu này là thứ nhất là đúng thời gian, thứ hai là đất đai được làm thuần thục, nhuần nhuyễn. Câu tục ngữ đã khẳng định rằng trong trồng trọt quan trọng nhất là trồng đúng thời gian, mùa vụ và thứ hai là đất đai được chuẩn bị kĩ càng. Kinh nghiệm này đã đi sâu vào thực tế, dù trồng bất kì loại cây nào nếu đúng mùa và chuẩn bị tốt sẽ cho ra sản phẩm đạt chất lượng.  **\* Kết luận:**   Thông qua các câu tục ngữ trên, ta có thể nhận thấy hình thức của chúng là rất ngắn gọn bởi đặc thù truyền miệng của văn học dân gian, tuy nhiên ý nghĩa lại rất cô đọng, hàm súc và đầy đủ. Hình ảnh, từ ngữ được sử dụng mang tính biểu đạt cao, các câu tục ngữ luôn có sự dí dỏm như bản tính vốn có của người nông dân Việt Nam.     Từ những kinh nghiệm được truyền lại thông qua những câu tục ngữ trên ta có thể thấy rằng dù trong điều kiện hết sức khó khăn nhưng thế hệ cha ông ta ngày trước đã không ngừng quan sát và học hỏi, tạo nên những bài học quý giá cho thế hệ con cháu sau này. Ngày nay dù khoa học phát triển nhưng những kinh nghiệm thực tế đó chưa bao giờ bị lãng quên. Sự kết hợp hài hóa của hai yếu tố trên đã mang lại nhiều lợi ích cho nông dân Việt Nam. |

***B. Luyện tập : ( 30-35p)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hình thức thực hiện : nhóm  Bài tập 1.  Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  - Tấc đất tấc vàng  - Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ  - Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa  - Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đỗ  *(Ngữ văn 7- tập 1, trang 3)*  ***Câu 1***: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của những câu trên. Trình bày khái niệm thể loại đó.  ***Câu 2***: Liệt kê những phép tu từ được sử dụng trong ngữ liệu.  ***Câu 3***: Trong những câu trên, câu nào là câu rút gọn và rút gọn thành phần nào?  ***Câu 4***: Giải thích ý nghĩa câu: “Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ”  ***Câu 5***: Tìm trong chương trình một câu em đã học có cùng thể loại và ý nghĩa với câu em vừa giải thích  - 4 nhóm làm việc, viết kết quả, nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung, chốt.  ( ghi chú: bài Rút gọn câu HS chưa học GV có thể hướng dẫn tìm chủ ngữ - vị ngữ để HS có thể làm được câu 3)  Hình thức thực hiện  **Bài tập 2**  Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  - Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống  - Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông  - Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng  Ngày tháng mười chưa cười đã tối  *(Ngữ văn 7- tập 1, trang 3- 5)*  ***Câu 1***: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của những câu trên.  ***Câu 2***: Những câu tục ngữ trên viết về chủ đề gì?  ***Câu 3***: Những câu trên có sử dụng cùng một phép tu từ, em hãy cho biết đó là phép tu từ nào? Tại sao trong tục ngữ, nhân dân ta thường sử dụng phép tu từ ấy?  ***Câu 4***: Giải thích ý nghĩa câu: ‘Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng  Ngày tháng mười chưa cười đã tối”  ***Câu 5***: Tìm một câu tục ngữ có cùng chủ đề với những câu tục ngữ trên mà em biết | **Câu 1:**  - Thể loại: Tục ngữ  - PTBĐ chính: Nghị luận  - Khái niệm tục ngữ: Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày  **Câu 2:**  - Những phép tu từ được sử dụng trong ngữ liệu: so sánh, điệp ngữ  **Câu 3:**  - Các câu rút gọn là: Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ, Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa, Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đỗ  - Rút gọn thành phần chủ ngữ  **Câu 4:**  - Ý nghĩa câu: “Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ”  Màu mỡ gà theo kinh nghiệm của ông cha là màu trời báo bão. Vậy nên nếu nhìn trời ráng mỡ gà thì phải lo dựng nhà cho chắc, che đậy những chỗ hỏng hóc, chỗ tụt mái để không bị bão làm cho sập nhà.  **Câu 5:**  HS tìm một câu cùng nói về kinh nghiệm thiên nhiên:  *Mống đông vồng tây, chẳng mưa dây cũng bão giật*  **GV chốt kiến thức bài tập 2**  **Câu 1:**  - Thể loại: Tục ngữ  - PTBĐ chính: Nghị luận  **Câu 2:**  - Những câu tục ngữ trên viết về chủ đề: Thiên nhiên và lao động sản xuất  **Câu 3:**  - Các câu trên cùng sử dụng biện pháp tu từ: điệp ngữ (điệp cấu trúc)  - Trong tục ngữ, nhân dân ta thường sử dụng phép tu từ ấy bởi tục ngữ là những sáng tác dân gian nhằm thể hiện kinh nghiệm đời sống nên sử dụng phép tu từ này sẽ có tác dụng hiệu quả trong nhấn mạnh, tạo ấn tượng, liên tưởng, cảm xúc, tạo nhịp điệu dễ thuộc, dễ nhớ nên nhân dân (ngay cả người lao động) cũng có thể thuận lợi nhớ và áp dụng  **Câu 4:**  - Ý nghĩa câu: “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng  Ngày tháng mười chưa cười đã tối”  Dựa trên cơ sở quan sát và trải nghiệm thực tế, câu tục ngữ đưa đến một kinh nghiệm về thời gian: mùa hè ngày dài đêm ngắn hơn, mùa đông ngày ngắn đêm dài hơn giúp con người có ý thức chủ động để sử dụng thời gian hợp lí cho công việc, sức khỏe vào những thời điểm khác nhau trong năm.  **Câu 5:**  HS tìm một câu cùng nói về chủ đề thiên nhiên và lao động sản xuất:  + Rét tháng ba bà già chết cóng  *+* Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.  + Vàng mây thì gió, đỏ mây thì mưa |

**Tiết 3: ÔN TẬP TỤC NGỮ VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hoạt động 2: ôn tập kiến thức tục ngữ về con người và xã hội  ?HS đọc thuộc lại 9 câu tục ngữ.  HS lần lượt nhắc lại nội dung, nghệ thuật của 9 câu tục ngữ. | 2. Tục ngữ về con người và xã hội:    Dựa vào nội dung, ta có thể chia những câu tục ngữ trên thành ba nhóm nhỏ. Câu 1, 2, 3 nói về phẩm chất con người. Câu 4, 5, 6 nói về học tập, tu dưỡng. Câu 7, 8, 9 nói về quan hệ ứng xử. Tuy vậy ba nhóm trên đều là kinh nghiệm và những bài học của dân gian về con người và xã hội. Về hình thức, chúng đều ngắn gọn, có vần,có nhịp và thường dung lối so sánh, ẩn dụ.  **Câu 1:** “Một mặt người bằng mười mặt của”  Là lời khẳng định to lớn, quý báu của con người:  - Một mặt người là cách nói hoán dụ dung bộ phận để chỉ toàn thể, có nghĩa tương đương như một người. Của là của cải vật chất. Mười mặt của ý nói đến số của cải rất nhiều.  - Tác giả dân gian vừa dung hình thức so sánh (bằng), vừa dung hình thức đối lập giữa đơn vị chỉ số lượng ít và nhiều (*một >< mười*) để khẳng định sự quý giá gấp bội của con người so với của cải. Di bản của câu tục ngữ này là: Một mặt người hơn mườimặt của càng khẳng định điều đó.   - Không phải là nhân dân ta không coi trọng của cải, nhất là những thứ do mồ hôi nước mắt của mỗi người và của cả gia đình làm việc cật lực cả đời mới có được. Nhưng nhân dân đặt con người lên trên mọi thứ của cải, coi con người là thứ của cải quý báu nhất, không vàng ngọc nào so sánh được.   - Câu tục ngữ khuyên mọi người hãy yêu quý, tôn trong và bảo vệ con người, không nên để của cải che lấp con người. Ngoài ra nó còn phản ánh một hiện thực là người xưa ước mong có nhiều con cháu để tang cường suwacs lao động: (Đông đàn, dày lũ. Rậm người hơn rậm cỏ. Người ta là hoa đất... ). Ông bà, cha mẹ thường dành tất cả tình yêu thương cho con cháu.     Bên cạnh đó, câu tục ngữ trên còn phê phán thái độ coi trọng của cải và an ủi, động viên những người gặp trường hợp không may: (Của đi thay người. Người làm racủa, của không làm ra người... ).     Một số câu tục ngữ có nội dung tương tự làm sang tỏ thêm quan điểm quý trong con người của ông cha ta: Người sống hơn đống vàng. Lấy của che thân, không ai lấy thân che của. Có vàng vàng chẳng hay phô, Có con nó nói trầm trồ dễ nghe...  **Câu 2:** “Cái răng cái tóc là góc con người”  Phản ánh quan niệm về vẻ đẹp bên ngoài của người xưa:  - Góc tức là một phần của vẻ đẹp. So với toàn bộ con người thì răng và tóc chỉ những chi tiết nhỏ nhất ấy lại làm nên vẻ đẹp con người.  - Ý nghĩa của câu tục ngữ này là khuyên mọi người hãy giữ gìn hình thức bên ngoài cho ngọn gang, sạch sẽ vì hình thức bên ngoài thể hiện phần nào tính cách bên trong. Qua câu tục ngữ trên, ta thấy cách nhìn nhân, đánh giá và quan niệm về vẻ đẹp của nhân dân lao động thật tinh tế. Trong ca dao, dân ca có rất nhiều lời ca ngợi hàm răng, mái tóc của người phụ nữ:  Tóc em dài, em cài hoa lí,  Miệng em cười hữu ý, anh thương!  Hay:  Mình về có nhớ ta chăng  Ta về ta nhớ hàm răng mình cười  **Câu 3:** “ Đói cho sạch, rách cho thơm”  Nói về quan niệm sống trong sạch của người xưa:  - Hình thức câu tục ngữ này đặc biệt ở chỗ trong mỗi vế đã có sự đối lập về ý: *đói >< sạch ; rách >< thơm* và sự đối lập giữa hai vế : Đói cho sạch - rách cho thơm.  - Đói và rách là cách nói khái quát về cuộc sống khổ cực, thiếu thốn. Sạch và thơm là những tính từ chỉ tính chất của sự vật nhưng đã được chuyển nghĩa, dung để miêu tả phẩm giá trong sang, tốt đẹp mà con người cần phải giữ gìn, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Các từ nói trên vừa được hiểu tách bạch trong từng vế, vừa được hiểu trong sự kết hợp giữa hai vế của câu.  - Nghĩa đen của câu là: Dù đói vẫn phải ăn uống sạch sẽ, dù rách vẫn phải ăn mặc thơm tho. Tuy vậy, nghĩa chính lại là nghĩa hàm ngôn : Dù nghèo khổ, thiếu thốn đến đâu chăng nữa thì con người vẫn phải giữ gìn lối sống trong sạch và phẩm giá cao quý; không vì nghèo khổ ma làm điều điều xấu xa, tội lỗi.  - Câu tục ngữ có hai vế đối nhau rất chỉnh. Người xưa mượn chuyện cái ăn, cái mặc để nhắc nhở mọi người phải giữ gìn cái sạch, cái thơm của nhân cách trong những tình huống khăn để giống như hoa sen : Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.     Bài học rút ra từ câu tục ngữ trên là trong đạo làm người, điều cần giữ gìn nhất là phẩm giá trong sạch, không vì nghèo khổ mà bán rẻ lương tâm, đạo đức. Trong dân gian còn lưu luyến rộng rãi những câu như: Giấy rách phải giữ lấy lề. Chết trong cònhơn sống đục... có nội dung tương tự.  **\*Câu 4:** “Học ăn, học nói, học gói, học mở”- Nói về sự tỉ mỉ, công phu của việc học hành:  - Câu tục ngữ này gồm bốn vế có quan hệ bổ sung ý nghĩa cho nhau. Động từ học lặp lại bốn lần, vừa nêu cụ thể những điều cần thiết mà con người phải học vừa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học trong suốt đời người.  - Ông bà xưa rất quan tâm đến việc khuyên nhủ, dạy bảo con cháu bằng những câu tục ngữ như : Lời nói đọi máu... Ăn trông nồi, ngồi trông hướng. Ăn tùy nơi, chơi tùy chốn. Ăn ngay, nói thẳng. Một lời nói dối, sám hối bảy ngày. Lời nói đọi máu. Nói hay hơn hay nói. Ăn nên đọi (bát), nói nên lời. Lời nói gói vàng. Lời nói chẳng mất tiền mua, Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau...  - Nghĩa của học ăn, học nói tương đối dễ hiểu, còn thế nào là học giỏi, học mở?  + Về hai vế này có giai thoại sau đây : "Các cụ kể rằng ở Hà Nội trước đây, một số gia đình giàu sang thường gói nước chấm vào lá chuối xanh rồi đặt vào lòng cái chén nhỏ bày trên mâm. Lá chuối tươi rất giòn, dễ rách khi gói, dễ bật tung khi mở, phải thật nhẹ nhàng, khéo léo mới làm được. Người ăn phải biết mở sao cho khói tung tóe ra ngoài và bắn vào quần áo người bên cạnh. Biết gói, biết mà trong trường hợp này được coi là một tiêu chuẩn của con người khéo tay, lịch thiệp. Như vậy, để biết gói vào và mở ra đều phải học".  + Suy rộng ra, nghĩa của học gói, học mở còn có thể hiểu là trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải học nhiều thứ một cách kĩ càng, tỉ mỉ.  - Mỗi hành vi đều là sự "tự giới thiệu" mình với người khác và đều được người khác nhận xét, đánh giá. Vì vậy chúng ta phải học để thong qua ngôn ngữ và cách ứng xử, chứng tỏ mình là người có văn hóa, lịch sự, tế nhị, thành thạo công việc, biết đối nhân xử thế.     Học hành là công việc khó khan, lâu dài, không thể coi nhẹ. Học hành để trở thành người giỏi giang và có ích là hết sức cần thiết.  **Câu 5:** “ Không thầy đố mày làm nên”- Khẳng định vai trò quan trọng của người thấy:  - Thầy: tức là thầy dạy học (theo nghĩa rộng là người truyền bá kiến thức mọi mặt). Mày: chỉ học trò (theo nghĩa rộng là người tiếp nhận kiến thức). Làm nên: làm được việc, thành công trong mọi công việc, lập nên sự nghiệp. Không thầy đố mày làm nên có thể hiểu là nếu không được thầy dạy bảo đến nơi đến chốn thì ta sẽ không làm được việc gì thành công. Trong quá trình học tập và tạo dựng sự nghiệp của mỗi cá nhân, không thể thiếu vai trò quan trong của người thầy.  - Trong nhà trường, vai trò của người thầy được đặt lên hàng đầu. Thầy dạy cho trò những kiến thức cần thiết thong qua bài giảng trên lớp. Thầy là người dẫn đường chỉ lối, mở rộng, nâng cao tri thức cho học sinh. Đồng thời vói việc dạy chữ là dạy nghĩa. Thầy dạy dỗ, giáo dục học sinh những điều hay lẽ phải, giúp các em hiểu và sống theo đúng đạo lí làm người.  - Với hình thức là một lời thách đố, nội dung câu tục ngữ này khẳng định công ơn to lớn của người thầy. Sự thành công trong từng công việc cụ thể và rộng hơn nữa là sự thành đạt của mỗi học trò đều có công lao to lớn của thầy. Vì vậy chúng ta phải biết tìm thầy mà học và mãi mãi yêu quý, kính trọng, biết ơn thầy.  **Câu 6:** “ Học thầy không tày học bạn”: Nói về tầm quan trọng của việc học bạn:  - Trước hết ta phải tìm hiểu nghĩa của các từ. Học thầy là học theo hướng dẫn của thầy, Học bạn là học hỏi bạn bè xung quanh. Không tày: Không bằng. Nghĩa của cả câu là : Học theo thầy có khi không bằng học theo bạn. Câu tục ngữ này đúc kết kinh nghiệm : Tự học là cách học có hiệu quả nhất.  - Người xưa khẳng định rằng muốn đạt kết quả tốt thì mỗi chúng ta phải tích cực, chủ động học hỏi ở bạn bè những điều nên học.  - Sự học không phải chỉ bó hẹp trong phạm vi nhà trường mà nó mở rộng ra nhiều lĩnh vực trong cuộc sống. Chúng ta phải học mọi nơi, mọi lúc, học suốt đời.  - Vậy thì nội dung câu tục ngữ Học thầy không tày học bạn có trái ngược với câu Không thầy đố mày làm nên hay không ?  - Thực tế cho thấy vai trò người thầy trong quá trình học tập của học sinh là rất quan trọng. Thế nhưng, lại có ý kiến cho rằng : Học thầy không tày học bạn. Chúng ta phải hiểu như thế nào cho đúng ? Thực ra, ý của người xưa là muốn nhấn mạnh đến sự tác động tích cực của bạn bè đối với nhau nên đã dung lối nói cường điệu để khẳng định. Bài thầy giảng trên lớp, có gì chưa hiểu, đem hỏi lại bạn bè và được bạn bè tận tình hướng dẫn. Lúc đó bạn bè cũng đã đóng vai trò của người thầy, dù chỉ trong chốc lát.  - Quan hệ so sánh giữa hai vế trong câu (Học thầy, học bạn) được biểu hiện bằng từ không tày (không bằng). Câu tục ngữ đề cao vai trò của bạn bè trong quá trình học tập. Bạn bè (đương nhiên là bạn tốt) có thể học hỏi ở nhau nhiều điều có ích. Câu tục ngữ khuyến khích chúng ta mở rộng đối tượng học hỏi chân thành học tập những điều hay, điều tốt từ bạn bè. Tình bạn cao quý là sản tinh thần vô giá của mỗi con người trong suốt cuộc đời.     Hai câu tục ngữ trên một cu nhấn mạnh vai trò của người thầy, một câu về tâm quan trọng của việc học bạn.Để cạnh nhau, mới đầu tưởng như mâu thuẫn nhưng thực ra chúng bổ sung nghĩa cho nhau để hoàn chỉnh quan hệ đúng đắn của người xưa : Trong học tập, vai trò của thầy và bạn đều hết sức quan trọng.  **Câu 7:** “ Thương người như thể thương thân” - Là lời khuyên về lòng nhân ái:  - Thương người: tình thương dành cho người khác. Thương thân: tình thương dành cho bản thân. Nghĩa cả câu là: thương mình thế nào thì thương người thế ấy.  - Hai tiếng thương người đặt trước thương thân để nhấn mạnh đối tượng cần sự đồng cảm, thương yêu. Câu tục ngữ khuyên chúng ta hãy coi người khác như bản thân mình để từ đó có sự tôn trọng, thương yêu thật sự.  - Tình thương là một tình cảm rộng lớn, cao cả. Lời khuyên từ câu tục ngữ này là mọi người hãy cư xử với nhau bằng lòng nhân ái và đức vị tha. Đây là đạo lí, là cách sống, cách ứng xử đầy tính nhân văn bắt nguồn từ truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên, khẳng định cả dân tộc đều cùng từ một mẹ sinh ra (đồng bào).  **Câu 8:** “ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”- Nói về lòng biết ơn:   - Quả : hoa quả. Cây : cây trồng sinh ra hoa quả. Kẻ trồng cây : người trồng trọt chăm sóc để cây ra hoa kết trái. Nghĩa đen cả câu : Hoa quả ta ăn đều do công sức người trồng mà có, đó là điều nên ghi nhớ. Nghĩa hàm ngôn là : Khi được hưởng thụ thành quả nào thì ta phải nhớ đên công ơn của người đã gây dựng nên thành quả đó.  - Trên đời này, không có cái gì tự nhiên mà có. Mọi thứ chúng ta được thừa hưởng đều do công sức của con người làm ra. Cho nên chúng ta phải biết trân trọng sức lao động và biết ơn những thế hệ đi trước đã sáng tạo ra bao thành quả vật chất, tinh thần tốt đẹp dành cho các thế hệ sau.  - Câu tục ngữ này có thể được sử dụng trong rất nhiều hoàn cảnh, chẳng hạn như để thể hiện tình cảm của con cháu đối vơi cha mẹ, ông bà, hoặc tình cảm của học trò đối với thầy, cô giáo... Cao hơn nữa là để nói về lòng biết ơn của nhân dân ta đối với các anh hùng, liệt sĩ đã chiến đâu, hi sinh, bảo vệ đất nước...  **Câu 9:**  Một cây làm chẳng lên non  Ba cây chụm lại lên hòn núi cao  Khẳng định sức mạnh to lớn của sự đoàn kết:  - Một cây, ba cây trong câu tục ngữ này không phải là số từ cụ thể mà nó có ý nghĩa khái quát chỉ số ít và số nhiều, chỉ sự đơn lẻ và sự liên kết. Tại sao ba cây chụm lại nên hòn núi cao ? Câu này xuất phát từ hiện tượng tự nhiên là nhiều cây gộp lại mới thành rừng rậm, núi cao.  - Kinh nghiệm sống được đúc kết trong câu tục ngữ này là chia rẽ thì yếu, đoàn kết thì mạnh. Một người không thể làm nên việc lớn. Nhiều người hợp sức lại sẽ giải quyết được những khó khăn, trở ngại, dù là to lớn. Do đó mỗi người phải có ý thức mình vì mọi người, tránh thái độ cá nhân ích kỉ. Đoàn kết tạo nên sức mạnh vô địch, là yếu tố quyết định mọi thành công. Điều đó đã được chứng minh hùng hồn qua thực thiễn lịch sử bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã kêu gọi các tầng lớp nhân dân:  Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết  Thành công, thành công, đại thành công  - Về hình thức, những câu tục ngữ về con người và xã hội thường dùng các hình ảnh so sánh hoặc ẩn dụ để người nghe dế hiểu và thấm thía, nhớ lâ. Về nội dung, những câu tục ngữ trên thể hiện quan điểm đúng đắn của nhân dân ta về cách sống, cách làm người và tôn vinh giá trị con người.     Những bài học thiết thực, bổ ích mà tục ngữ để lại đến bây giờ vẫn có tác động to lớn, giúp chúng ta tự hoàn thiện về tình cảm và trí tuệ để trở thành người hữu ích cho gia đình và xã hội. |

**B. Luyện tập ( 30-35p)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm  **Bài tập 1**  Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  *- Chết trong còn hơn sống đục*  *- Đói cho sạch, rách cho thơm*  *-  Thương người như thể thương thân.*  *- Học ăn, học nói, học gói, học mở.*  *(Ngữ văn 7- tập 1, trang 12 - 14)*  **Câu 1 .** Các câu tục ngữ trên thuộc thể loại văn học nào?  **Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của những câu tục ngữ đó là gì?  **Câu 3*:*** Liệt kê những phép tu từ được sử dụng trong mỗi câu tục ngữ trên.  **Câu 4.** Giải thích nghĩa câu tục ngữ: *“Đói cho sạch, rách cho thơm”*  **Câu 5.** Tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự với câu tục ngữ vừa được giải thích ở trên.   * HS thực hiện, nhận xét * Gv nhận xét, bổ sung, chốt   Hình thức thực hiện: cá nhân  **Bài tập 2**  Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  *- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo*  *- Không thầy đố mày làm nên*  *- Học thầy không tày học bạn*  *- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*  *(Ngữ văn 7- tập 1, trang 12 - 14)*  **Câu 1 .** Các câu tục ngữ trên thuộc thể loại văn học nào và viết về chủ đề gì?  **Câu 2.** Xác định phương thức biểu đạt chính của những câu tục ngữ đó.  **Câu 3*:*** Câu tục ngữ : Ăn quả nhớ kẻ trồng cây đã được rút gọn thành phần nào? Việc rút gọn câu như vậy nhằm mục đích gì?  **Câu 4.** Ý nghĩa khuyên răn trong hai câu tục ngữ: *Không thầy đố mày làm nên* và *Học thầy không tày học bạn* mâu thuẫn hay bổ sung cho nhau? Vì sao?  **Câu 5.** Tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự với câu tục ngữ: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây  - HS thực hiện, trả lời, nhận xét  - GV nhận xét, chốt | **GV chốt kiến thức bài tập 1**  **Câu 1:**  - Thể loại: Tục ngữ  **Câu 2:**  - PTBĐ chính: Nghị luận  **Câu 3:**  - Các phép tu từ được sử dụng trong những câu tục ngữ: so sánh, điệp ngữ, liệt kê  **Câu 4:**  - Ý nghĩa câu: “Đói cho sạch, rách cho thơm”:  + Nghĩa đen: Dù đói vẫn phải ăn sạch, sống sạch, dù rách vẫn phải thơm tho  + Nghĩa bóng: dù rơi vào bất kì hoàn cảnh khó khăn nào vẫn phải sống trong sạch, lương thiện   * Câu tục ngữ giáo dục con người về lòng tự trọng, khuyên con người phải sống ngay thẳng không bao giờ được làm liều ngay cả khi khó khăn thiếu thốn   **Câu 5:**  HS tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự  + Giấy rách phải giữ lấy lề  + Chết đứng còn hơn sống quỳ  **GV chốt kiến thức bài tập 2**  **Câu 1:**  - Thể loại: Tục ngữ  - Chủ đề: Tục ngữ về con người và xã hội  **Câu 2:**  - PTBĐ chính: Nghị luận  **Câu 3:**  - Câu tục ngữ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây đã được rút gọn thành phần chủ ngữ  - Rút gọn như vậy mang đến tác dụng:  + Làm trở nên ngắn gọn, thông tin nhanh, dễ thuộc dễ nhớ (phù hợp với đặc điểm của tục ngữ)  + Ngụ ý kinh nghiệm trong câu tục ngữ muốn nói đến là chung cho tất cả mọi người  **Câu 4:**  - Ý nghĩa khuyên răn trong hai câu tục ngữ: *Không thầy đố mày làm nên* và *Học thầy không tày học bạn* bổ sung cho nhau   * Lí giải: + Câu tục ngữ thứ nhất đề cao vai trò của người thầy, đề cao việc học tập và tiếp thu kiến thức từ thầy- những người có kĩ năng, kiến thức, kinh nghiệm   + Câu tục ngữ thứ hai đề cao việc học tập từ bạn bè xung quanh   * Việc đề cao vai trò, ý nghĩa của việc học bạn không hạ thấp việc học thầy mà muốn nhấn mạnh tới một đối tượng khác, phạm vi khác con người cần học hỏi. Chính bởi vậy, hai câu tục ngữ bổ sung, hoàn chỉnh ý nghĩa cho nhau: con người cần biết học hỏi từ nhiều kênh khác nhau: từ thầy cô, bạn bè,.. để nâng cao khả năng của mình   **Câu 5:**  HS tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự  + Uống nước nhớ nguồn |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

- Giao bài tập về nhà

**Bài tập 1**

Cho các câu tục ngữ:

* Ăn không nên đọi, nói không nên lời
* Có công mài sắt có ngày nên kim
* Lá lành đùm lá rách
* Một con ngựa đau cả tàu cỏ cỏ

a, Tìm nghĩa của mỗi câu tục ngữ

b, Bài học mỗi câu tục ngữ đem lại

**Bài tập 2**

Tìm và giải thích nghĩa một số câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất ở quê em.

**Chuyên đề Tập làm văn: Văn nghi luận**

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHI LUẬN**

**ĐẶC ĐIỂM VĂN NGHỊ LUẬN**

**ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN VÀ CÁCH LẬP Ý CHO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức**

- Nắm được đặc điểm văn nghị luận, xác định được yêu cầu đề và việc lập ý cho bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng**

\* Kĩ năng bài dạy: Rèn kỹ năng nhận biết, gọi tên đúng, sử dụng đúng các yếu tố đó.

\* Kĩ năng sống:

- Suy nghĩ, phê phán, sáng tạo: phân tích, bình luận và đưa ra ý kiến cá nhân về đặc điểm, bố cục, phương pháp làm bài văn nghị luận.

- Ra quyết định: lựa chọn cách lập luận, lấy dẫn chứng…khi tạo lập và giao tiếp hiệu quả bằng văn nghị luận.

**3. Thái độ, phẩm chất**

Tích cực vận dụng vào cách viết văn nghi luận

**4. Năng lực**

- NL giao tiếp

- NL nhận biết

- NL giải quyết vấn đề (phân tích, suy luận)

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 64: Ôn tập chung về văn nghị luận**

1. **HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **I. Củng cố kiến thức**  ? Phân biệt sự khác nhau giữa các kiểu văn bản: Tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận  - HS: nhớ lai kiến thức đã học và trả lời  ? Luận điểm trong văn bản nghị luận là gì? Có những yêu cầu nào đối với luận điểm?  ? Muốn luận điểm sáng rõ, người ta sử dụng hệ thống luận cứ? Nhắc lại đặc điểm, yêu cầu của luận cứ?  ? Lập luận trong văn nghi luận là gì?  Lập ý cho bài văn nghị luận là gì? | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Tìm hiểu chung về văn nghi luận**  - Tự sự là thuật, kể câu chuyện dù đời thường hay tưởng tượng, dù hấp dẫn, sinh động đến đâu vẫn mang tính cụ thể hình ảnh, chưa có sức khái quát; chủ yếu sử dụng phương thức kể để kể lai một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn tới sự việc kia và kết thúc.  -Miêu tả: dùng ngôn ngữ để dựng lại chân dung cảnh, người vật, sự vật, sinh hoạt giúp người đọc, người nghe có những hình dung cụ thể.  - Biểu cảm cũng ít nhiều dùng lí lẽ, lập luận nhưng chủ yếu vẫn là cảm xúc, tình cảm khôngcó khả năng giải quyết vấn đề.  - Văn bản nghị luận là loại văn bản được viết ra ( nói) nhằm nêu ra và xác lập cho người đọc ( nghe) một tư tưởng, một vấn đề nào đó. Văn nghị luận nhất thiết phải có luận điểm ( tư tưởng) rõ ràng và lí lẽ, dẫn chứng thích hợp.  **2. Đặc điểm của văn nghị luận**  - Luận điểm:  + Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn.  + Luận điểm phải đúng đắn, chân thật, đáp ứng được nhu cầu thực tế thì mới có sức thuyết phục.  - Luận cứ:  + Luận cứ là những lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục.  - Lập luận: là cách lựa chọn, sắp xếp, trình bày luận cứ sao cho chúng làm cơ sở vững chắc cho luận điểm. |

**B: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **II. Luyện tập**  **1. Bài 1**  - HS làm bài cá nhân  - GV chữa dựa trên phần bài làm của học sinh  **Bài 2:** Tìm luận điểm cho đề bài sau:  Em có suy nghĩ gì về tính trung thực trong thi cử. | **II. LuyÖn tËp**  **1. Bài 1**  ***Hãy đưa ra năm vấn nghề cần nghị luận trong phạm vi trường học.***  + Hiện tượng HS xả rác bừa bãi ra lớp học, trường học  + Vấn đề HS nói tục  + Vấn đề bạo lực học đường  + Thiếu trung thực trong thi cử  + Trang phục học đường  **Bài 2:**  - Luận điểm 1: Trung thực là gì?  - Luận điểm 2: Trung thực trong thi cử có tá dụng gì? Và ngược lại.  - Luận điểm 3: Có phải tất cả học sinh đều trung thực trong học tập, thi cử không?  - Luận điểm 4: Liên hệ bản thân |

----------------------\*\*\*------------------------

**Tiết 65: Luyện tập về văn nghị luận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***Bài tập 1:***  - GV yêu cầu HS đọc lai văn bản (SGK- trang 9)  - Hs xác định yêu cầu đề.  - Gv định hướng cho Hs làm bài.  - Hs làm việc độc lập.  - Hs trình bày.  - Gv nhận xét, chuẩn xác kiến thức.  - Hs thảo luận nhóm đôi làm nhanh.  ***Bài tập 2:***  GV: Yêu cầu HS tìm các luận điểm chứng tỏ Tiếng Việt giàu đẹp  - Hs xác định yêu cầu đề.  - Gv định hương cho Hs làm bài.  - Hs làm việc độc lập.  - Hs trình bày.  - Gv nhận xét, chuẩn xác kiến thức.  ***Bài tập 3***:  Tìm hiểu đề và lập ý cho đề bài: ***Sách là người bạn lớn của con người.***  GV: Cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ (2 người)  HS: Làm việc nhóm, xây dựng dàn ý chung, phát biểu  GV: Chữa, tổng hợp, giúp HS xây dựng dàn ý dựa trên những ý kiến của HS | ***Bài tập 1:***  *-* Xác định luận điểm, luận cứ và cách lập luận trong văn bản: *Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội.*  *- Luận điểm :*  - Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội  *- Luận cứ :*  + Có thói quen tốt và thói quen xấu  + Có người biết phân biệt tốt xấu, như vì đã thành thói quen rất khó bỏ, khó sửa  + Tạo được thói quan tốt là rất khó, nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ  *- Lập luận :*  + Luôn dậy sớm …là thói quen tốt  + Hút thuốc lá…..là thói quen xấu  + Một thói quen xấu ta thường gặp hàng ngày ….  + Có nên xem lại mình ngay từ mỗi người.  ***Bài tập 2:***  *T×m c¸c luËn ®iÓm:*  TV giàu đẹp:  + TV giàu thanh điệu.  + TV uyển chuyển, tinh tế.  + TV hóm hỉnh.  ***Bài tập 3:***  Tìm hiểu đề và lập ý cho đề bài: ***Sách là người bạn lớn của con người.***  ***1. Tìm hiểu đề***  - Luận điểm: Sách là người bạn lớn của con người.  - Đối tượng, phạm vi NL:  - Khuynh hướng, tư tưởng của đề: Khẳng định.  ***2. Lập ý***  *\* Xác định luận điểm:*  - Sách thoả mãn nhu cầu hưởng thụ và phát triển tâm hồn:  + Sách giúp học tập, rèn luyện hàng ngày.  + Mở mang trí tuệ, tìm hiểu thế giới.  + Nối liền quá khứ, hiện tại, tương lai.  + Cảm thông, chia sẻ với con người, dân tộc, nhân loại.  + Thư giãn, thưởng thức, trò chơi.  + Cần biết chọn sách và quý sách, biết đọc sách.  *\* Tìm luận cứ:*  *\* Lập luận:* |

----------------------\*\*\*------------------------

**Tiết 66: Luyện tập – Luyện đề văn nghị luận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Đề bài: Lập dàn ý cho đề bài sau “*Hãy biết quý trọng thời gian”***  Yêu cầu: Sử dụng lí lẽ, dẫn chứng và lập luận để làm sáng tỏ ý nghĩa, tầm quan trọng của thời gian.  - Hs xác định yêu cầu đề.  - Gv định hương cho Hs làm bài.  - Hs làm việc độc lập.  I. Mở bài  - Gv nhắc lai về cách làm mở bài, đưa ra mẫu cho HS tham khảo:  Mẫu :  Harvey MacKay đã từng nói : “Thời gian miễn phí, nhưng nó vô giá. Bạn không thể sở hữu nó, nhưng bạn có thể sử dụng nó. Bạn không thể giữ nó, nhưng bạn có thể tiêu nó. Một khi bạn đánh mất nó, bạn không bao giờ có thể lấy lại.” Chính vì vậy, hãy biết quý trọng thời gian  HS: Làm việc dộc lập, phát biểu ý kiến  GV chữa bài, chốt ý  - Sau khi chữa xong cho HS, còn thời gian, GV hướng dẫn HS viết mở bài, tìm dẫn chứng cho đề bài trên. | **Bài tập :“*Hãy biết quý trọng thời gian*”**  I. Mở bài – Giới thiệu vấn đề cần nghị luận  **II. Thân bài**  ***- Luận điểm 1*** : Giải thích khái niệm thời gian - Thời gian là một thứ trừu tượng, trôi qua từng ngày, ta không cảm nhận thời gian một cách trực quan như nhìn hay chạm vào, ta cảm sự trôi chảy của thời gian qua sự thay đổi của sự vật tồn tại xung quanh mình  ***- Luận điểm 2*** ***: Thời gian đáng quý như thế nào?***  + Luận cứ 1 : Thời gian một đi không trở lai, nếu để lỡ mất thời gian dù có hối tiếc cũng thể lấy lại được.  + Luận cứ 2 : Thời gian đáng quý với những người biết tận dụng nó để hoàn thành các công việc trong cuộc sống (học tập, làm việc, lao động, sáng tạo…)  Dẫn chứng :  + Luận cứ 3 : Thời gian giá tri nhưng sẽ trở thành vô nghĩa với những người lười biếng. Lãng phí thời gian vào những việc vô nghĩa sẽ không mang lại kết quả tốt đẹp.  Đưa ra dẫn chứng về những trường hợp không biết trân quý thời gian  ***- Luận điểm 3 : Cần sử dụng thời gian thế nào cho hữu ích?***  + Luận cứ 1 : Tận dụng thời gian để hoàn thành những việc cần phải làm, việc hôm nay chớ để ngày mai  + Luận cứ 2 : Năng động, nhanh nhẹn trong công việc, tránh đủng đỉnh, rong chơi, làm cầm chừng  + Luận cứ 3 : Sử dụng thời gian cho những việc bổ ích, lành mạnh  ***\* Mở rộng:***  + Quý trọng thời gian không có nghĩa là phải sống gấp gáp, chạy theo thời gian mà là biết trân trọng từng giây, sống hết mình, cống hiến hết mình cho cuộc đời.  + Không chỉ dành thời gian ra để làm việc như một cỗ máy mà cũng cần cả thời gian nghỉ ngơi hợp lí, quan tâm yêu thương mọi người xung quanh có như vậy mới là tận dụng hết giá trị đích thực của thời gian.  \* Liên hệ bản thân  III. Kết bài  Khái quát nhận thức của em về vai trò, ý nghĩa của thời gian |

**CỦNG CỐ - DẶN DÒ**

- Ôn lại những kiến thức đã học

- Hoàn thành bài viết hoàn chỉnh cho đề: *“Hãy biết quý trọng thời gian”*

***Phụ lục: Kĩ năng tìm ý cho bài văn nghị luận***

**Phụ lục: kĩ năng tìm ý cho bài văn nghị luận**

**A. Kĩ năng tìm ý**

- Tìm ý: + Xác lập luận điểm chính

+ Cụ thể hoá bằng các luận điểm phụ

+ Luận cứ

- Cách tìm:

***1. Luận điểm chính*** (Luận điểm xuất phát + luận điểm kết luận xuyên suốt)

Luận điểm chính: + Nằm ở vấn đề nghị luận ( Trong đề bài)

+ Chuyển vấn đề nghị luận thành luận điểm chính

Ví dụ: Đề ra: Có ý kiến cho rằng: “Thơ Bác đầy trăng”. Dựa vào hai bài thơ “ Cảnh khuya” và “Rằm tháng giêng” hãy chứng minh.

- Vấn đề nghị luận: Thơ Bác đầy trăng → Luận điểm chính

***2. Tìm luận điểm phụ:*** Là cơ sở lý thuyết luận điểm chính

\* Cách tìm

- Dựa vào luận điểm chính của tác phẩm văn học (nghị luận văn chương)

- Soi vào thực tế đời sống (Nghị luận chính trị và nghị luận xã hội)

- Dựa vào phép lập luận chủ yếu mà đề yêu cầu

- Dựa vào hình thức nghị luận : + Chứng minh

+ Giải thích

- Đặt câu hỏi để tìm luận điểm phụ

(Những câu hỏi nào để khẳng định luận điểm)

***Ví dụ:***

Đề ra 1: “Bánh trôi nước” là bài ca về thân phận và vẻ đẹp người phụ nữ

( Dạng đề mở: + Chỉ nêu vấn đề nghị luận

+ Không nêu yêu cầu cụ thể )

- Đặt câu hỏi về luận điểm phụ:

Cơ sở nào để khẳng định: “ Bánh trôi nước là bài ca về thân phận người phụ nữ và vẻ đẹp người phụ nữ” ?

( Dựa vào luận điểm chính + bài thơ → trả lời)

Có 3 cơ sở tương đương 3 luận điểm phụ:

+ “ Bánh trôi nước’’ ca ngợi vẻ đẹp toàn diện viên mãn của người phụ nữ

+ “ Bánh trôi nước” là bài ca về thân phận trái ngang của người phụ nữ

+ “Bánh trôi nước” là bài ca về tấm lòng son của người phụ nữ

Đề ra 2: Có ý kiến cho rằng “ Thơ Bác tràn ngập ánh trăng”. Dựa vào bài thơ “ Cảnh khuya” và “ Rằm tháng giêng” hãy chứng minh.

( Dạng đề + Nêu vấn đề nghị luận

+ Yêu cầu )

- Đặt câu hỏi: Cơ sở nào để khẳng định” Thơ Bác tràn ngập ánh trăng”?

Hai luận điểm phụ: + Đêm trăng rừng chiến khu lung linh, huyền ảo

+ Đêm trăng rằm tháng giêng rực rỡ, tràn đầy sức xuân

***3. Tìm luận cứ***

- Là lý lẽ và dẫn chứng làm cơ sở để thuyết phục luận điểm

- Cách tìm:

+ Dựa vào luận điểm phụ

+ Dựa vào văn bản (Nghị luận văn chương), thực tế cuộc sống (Nghị luận đời sống xã hội)

+ Dựa vào hình thức nghị luận: Luận cứ thiên về dẫn chứng đối với bài văn chứng minh, lí lẽ giảng giải đối với bài văn giải thích

+ Đặt câu hỏi: (Những câu hỏi nào để thuyết phục, khẳng định luận điểm phụ )

Ví dụ: Đề ra: Tìm luận cứ cho luận điểm phụ “ Bánh trôi nước ca ngợi vẻ đẹp toàn diện, viên mãn của người phụ nữ

Luận cứ: “ Thân em vừa trắng lại vừa tròn”

**B. Thực hành**

**Đề 1: Ông cha ta có câu:**

***Không thầy đố mày làm nên.***

**và *Học thầy không tày học bạn.***

**Theo em, hai cau này có mâu thuẫn với nhau không. Vì sao?**

**Hướng dẫn tìm ý:**

a. Mở đoạn:

- Giới thiệu chung về tục ngữ: *Tục ngữ là túi khôn của người xưa. Mỗt câu tục ngữ lấp lánh một vẻ đẹp riêng.*

- Giới thiệu câu tục ngữ : *Trong đó, hai câu tục ngữ “Học thầy không tày học bạn” và “Không thầy đố mày làm nên” để lại trong ta thật nhiều suy ngẫm.*

b. Thân đoạn:

- Câu tục ngữ *“Không thầy đố mày làm nên”* đã khẳng định, đề cao vai trò có tính chất quyết định của người thầy trong bước trưởng thành của mỗi người.

- Còn câu *“Học thầy không tày học bạn”*  lại khẳng định tầm quan trong của việc bạn. “Học bạn” là học hỏi bạn bè cùng trang lứa. Học bạn có những ưu thế đặc biệt: gần gũi, thoải mái, không cách bức…. Từ đó, câu tục ngữ này khuyên ta phải khiêm tốn học hỏi bạn bè, không được coi thường bạn.

- Mối quan hệ của hai câu tục ngữ: Hai câu tục ngữ có ý nghĩa đối lập nhưng không mâu thuẫn nhau, không loại trừ nhau mà bổ sung ý nghĩa cho nhau:

+ Học thầy là quan trọng nhất nhưng cũng phải học hỏi thêm bạn bè

+ Đề cao việc học bạn nhưng không hạ thấp việc học thầy. *“Học thầy không tày học bạn”*  không phải là coi trọng việc học bạn quan trọng hơn việc học thầy mà muốn nhấn mạnh một đối tượng khác, một phạm vi khác mà con người cần phải học để bổ sung, hoàn chỉnh kiến thức.

- Nghĩa rộng: Mở rộng hơn, ta có thể hiểu, nói đến thầy là nói đến nhà trường, đến những tri thức sách vở, nói đến bạn là nói đến thực tiễn đời sống muôn màu, muôn vẻ. Tri thức đời sống rất quan trọng nhưng không ai có thể phủ nhận được vai trò nhà trường, của sách vở trong việc mở mang kiến thức, bồi dưỡng phẩm chất, nhân cách con người. Tri thức sách vở và tri thức đời sống đều cần thiết, ko loại trừ nhau, trái lại bổ sung cho nhau để con người được hoàn thiện.

c. Kết đoạn: Hai câu tục ngữ đã để lại cho chúng ta bài học quý giá về việc học cũng như cách ứng xử, giáo tiếp trong cuộc sống. Những bài học ấy đến nay vẫn còn có ý nghĩa sâu sắc đối với mỗi người.

**Đề 2: *Tìm ý cho bài văn “ ích lợi của việc đọc sách”***

\* Luận điểm chính: Lợi ích của việc đọc sách

Thể hiện: - Nhan đề

- Câu văn + Cuốn sách tốt là…..

+ Chọn sách… trân trọng…

\* Luận điểm phụ:

- Sách mở mang trí tuệ:

( Luận cứ: + Hiểu biết về thế giới xung quanh

+ Hiểu biết về quá khứ, hiện tại, tương lai )

- Sách bồi dưỡng, làm đẹp tâm hồn:

( Luận cứ: + Chia sẻ, đồng cảm với niềm vui và nỗi đau của con người

+ Thưởng thức vẻ đẹp của thế giới và con người

+ Hưởng vẻ đẹp và thú chơi ngôn từ

**Đề 3: *Lập ý cho đề bài sau “Sách là người bạn lớn của con người”***

Hướng dẫn tìm ý:

\* Luận điểm chính: Sách là người bạn lớn của con người

\* Luận điểm phụ: - Thế nào là bạn tốt?

- Lợi ích của việc đọc sách?

+ Cách mở mang trí tuệ

+ Sách bồi dưỡng, làm đẹp tâm hồn

- Nếu cuộc sống chúng ta không có sách thì sẽ như thế nào?

+ Rất buồn tẻ

+ Tầm hiểu biết con người về mọi mặt sẽ bị hạn hẹp

**Đề 4: *Lập ý cho đề bài sau “Bánh trôi nước là bài ca về số phận và vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến”.***

Luận điểm phụ 1: “Bánh trôi nước” là bài ca về vẻ đẹp toàn diện viên mãn của người phụ nữ:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

→ Phân tích dẫn chứng:

- Nghĩa thực: Chiếc bánh trôi thân thương, bình dị được làm bằng bột gạo trắng tinh, ngon, ngọt, tròn trịa, hấp dẫn.

- Nghĩa ẩn dụ: vẻ đẹp vẹn toàn của người phụ nữ.

- Tính từ: “trắng”, “tròn”

- Quan hệ từ “Vừa ... vừa...”.

- Hai tiếng *thân em*

Luận điểm phụ 2: “Bánh trôi nước” là bài ca về số phận khổ đau, bất hạnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Luận cứ 1: Số phận long đong, chìm nổi, lận đận, truân chuyên:

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

→ Phân tích dẫn chứng:

- Nghĩa thực: Quá trình luộc bánh

- Nghĩa ẩn dụ: Cuộc đời long đọng, lận đận của người phụ nữ xưa.

- Thành ngữ “Bảy nổi ba chìm

”Luận cứ 2: Người phụ nữ trong xã hội phong kiến không có quyền định đoạt hạnh phúc của mình, họ luôn phải sống một cuộc đời lệ thuộc:

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

→ Phân tích dẫn chứng:

- Nghĩa thực: Qua trình nặn bánh.

- Nghĩa ẩn dụ: Người phụ nữ với số phận đắng cay, tủi cực, đời sống bị lệ thuộc bởi xã hội nam quyền độc đoán.

- Đảo ngữ: Các từ “rắn”, “nát” được đưa lên đầu câu: nhấn mạnh sự xô đẩy nghiệt ngã, phũ phàng của xã hội phong kiến đối với thân kiếp nhỏ nhoi, thấp hèn của người phụ nữ.

Luận điểm phụ3: “Bánh trôi nước” là bài ca về vẻ đẹp tâm hồn, phẩm giá:

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

→ Phân tích dẫn chứng:

- Cụm từ “tấm lòng son”:

+ Nghĩa thực: nhân bánh làm bằng đường đỏ, dù nấu kĩ thế nào thì màu đỏ như son ấy vẫn không thể phai nhạt.

+ Nghĩa ẩn dụ, tượng trưng: tâm hồn trong trắng, trinh nguyên, tấm lòng chung thuỷ, son sắt, nghĩa tình của người phụ nữ.

- Quan hệ từ “mà” đứng đầu câu thơ: khẳng định, cuộc đời càng phũ phàng, bạc bẽo thì phẩm chất người phụ nữ càng lung linh, toả sáng.

**Buổi 23- CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP: CÁC KIỂU CÂU**

**TIẾT 67, 68, 69: RÚT GỌN CÂU**

**CÂU ĐẶC BIỆT**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh ôn tập lại các kiểu câu rút gọn, câu đặc biệt.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng nhận biết và tạo câu rút gọn, câu đặc biệt.

**3. Thái độ:** Giáo dục tư tưởng, lòng yêu tiếng Việt, làm phong phú thêm vốn ngôn ngữ dân tộc.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

- Năng lực nhận biết

- Năng lực hợp tác

- Năng lực sử dụng câu rút gọn và câu đặc biệt trong giao tiếp

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**Tiết 1:**

**A. Hệ thống lại kiến thức đã học (15 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ***\* HĐ 1: GV hướng dẫn HS ôn tập lại các kiến thức cơ bản về “Câu rút gọn”.***  **? GV: Thế nào là câu rút gọn?**  **- HS:** Khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành phần của câu tạo thành câu rút gọn.  **? GV: Có thể rút gọn những thành phần nào của câu ? Lấy ví dụ?**  **- HS:** chủ ngữ, vị ngữ hoặc cả chủ ngữ và vị ngữ.  **VD:** Học ăn, học nói, học gói, học mở (lược bỏ chủ ngữ).  **VD:** Hai ba người đuổi theo nó. **Rồi ba bốn người, sáu bảy người.** (lược bỏ vị ngữ).  **? GV: Việc rút gọn câu có tác dụng gì?**  **- HS:** Làm câu gọn hơn, thông tin nhanh hơn, tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước. Ngụ ý hành động nói trong câu là của chung mọi người.  VD: Bao giờ cậu đi Hà Nội ?  - **Ngày mai.**  **? GV: Khi rút gọn câu cần chú ý điều gì?**  **- HS:** Tránh việc hiểu sai nội dung câu nói. Tránh biến câu nói thành câu cộc lốc, khiếm nhã.  VD: Mẹ ơi, hôm nay con được điểm 10.  - Con ngoan quá ! Bài nào được điểm 10 thế?  - **Bài kiểm tra Toán.** | **I. Câu rút gọn**  **1. Khái niệm**  - Khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành phần của câu tạo thành câu rút gọn.  **2. Tác dụng**  - Làm câu gọn hơn, thông tin nhanh hơn, tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước.  - Ngụ ý hành động nói trong câu là của chung mọi người  **3. Những lưu ý khi rút gọn câu**  - Tránh việc hiểu sai nội dung câu nói.  - Tránh biến câu nói thành câu cộc lốc, khiếm nhã. |
| ***\* HĐ 2: GV hướng dẫn HS ôn lại các kiến thức cơ bản về “Câu đặc biệt”.***  **? GV: Thế nào là câu đặc biệt ?**  **- HS:** Câu đặc biệt là câu không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ.  **? GV: Hãy nêu tác dụng của câu đặc biệt ?** **Mỗi tác dụng lấy ví dụ.**  - Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc được nói đến trong đoạn.  VD: Một đêm mùa xuân. Trên dòng sông êm ả, cái đò cũ của bác tài Phán từ từ trôi.  - Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật hiện tượng.  VD: Đoàn người nhốn nháo lên. Tiếng reo, tiếng vỗ tay.  - Bộc lộ cảm xúc.  VD: Ôi, em Thủy ! Tiếng kêu sửng sốt của cô giáo làm tôi giật mình. Em tôi bước vào lớp.  - Gọi đáp.  VD: Lá ơi ! Hãy kể chuyện cuộc đời của bạn cho tôi nghe đi.  **? GV: Hãy so sánh câu đặc biệt và câu rút gọn?**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Câu rút gọn** | **Câu đặc biệt** | | **Giống nhau** | Có cấu tạo gồm một từ hoặc một cụm từ, đều ngắn gọn truyền tải thông tin nhanh. | | | **Khác nhau** | - Cấu tạo theo mô hình CN-VN  - Dựa vào hoàn cảnh sử dụng, có thể xác định được thành phần bị rút gọn và khôi phục nó.  VD: Uống nước nhớ nguồn. | - Không cấu tạo theo mô hình CN – VN.  - Do từ hoặc cụm từ làm trung tâm cú pháp, không xác định được thành phần câu.  VD: Ôi ! Đẹp quá | | **II. Câu đặc biệt**  **1. Khái niệm**  - Câu đặc biệt là câu không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ.  **2. Tác dụng**  - Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc được nói đến trong đoạn.  - Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật hiện tượng.  - Bộc lộ cảm xúc.  - Gọi đáp. |

***B. Luyện tập: (30 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1: Trong các câu tục ngữ sau, câu nào là câu rút gọn ? Những thành phần nào của câu được rút gọn ? Rút gọn như vậy để làm gì ?**  a. Người ta là hoa đất.  b. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.  c. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.  d. Tấc đất tấc vàng.  **Bài tập 2: Hãy tìm câu rút gọn trong các ví dụ dưới đây. Khôi phục những thành phần câu được rút gọn.**  a.  Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,  Cỏ cây chen lá, đá chen hoa.  Lom khom dưới núi, tiều vài chú,  Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.  Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,  Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia,  Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,  Một mảnh tình riêng, ta với ta.  (Bà Huyện Thanh Quan)  b.  Đồn rằng quan tướng có danh,  Cưỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai.  Ban khen rằng: “Ấy mới tài”,  Ban cho cái áo với hai đồng tiền.  Đánh giặc thì chạy trước tiên,  Xông vào trận tiền cởi khố giặc ra (!)  Giặc sợ, giặc chạy về nhà,  Trở về gọi mẹ mổ gà khao quân !  (Ca dao)  **Bài tập 3: Tìm câu rút gọn chủ ngữ trong đoạn trích sau và cho biết tác dụng của nó:**  “Ngày xa, bố Mị lấy mẹ Mị không có đủ tiền cưới, phải đến vay nhà Thống Lí, bố của Thống Lí Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lại cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già rồi mà cũng chưa trả đủ được nợ. Người vợ chết cũng chưa trả hết nợ.”  **Bài tập 4: Hãy xác định câu đặc biệt trong các ví dụ dưới đây:**  a. Buồn ơi ! Xa vắng mênh mông là buồn.  b. Trời ơi ! Trời ơi ! Mợ chết mất ! Dũng ơi ! Dũng ơi.  c. Những mái hiên dột nát. Những mảng bờ tường. Những cây bàng. Những cây cột điện.  d. Đương ngày mùa. Tiếng giục. Tiếng gọi. Tiếng người. Tiếng trâu. Tiếng máy cày.  **Bài tập 5: Xác định câu đặc biệt trong các ví dụ sau và cho biết tác dụng của chúng.**  a. Ôi, đẹp quá ! Sao lại có bông hoa bằng lăng nở muộn thế kia?  b. Huyện Nam Đàn. Tỉnh Nghệ An. Đoàn kịch lưu động chúng tôi đóng lại, tránh cái gió lào.  c. Đêm trăng. Biển yên tĩnh. Tàu Phương Đông của chúng tôi buông neo trong vùng biển Trường Sa.  d. Kiên vội đặt bát xuống, nó vỗ tay, reo to:  - Ông ơi, ông ơi ! Con cu cườm ta thả ra dạo nọ đã biết gáy rồi ông ạ !  **Bài tập 6: Nêu tác dụng những câu in đậm trong các ví dụ sau.**  a. **Buổi Hầu sáng hôm ấy**. Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường.  b. **Tám giờ. Chín giờ. Mười giờ. Mười một giờ**. Sân công đường chưa lúc nào kém tấp nập.  c. **Đêm**. Bóng tối tràn đầy trên bến Cát Bà. | **Bài tập 1:**  a. Người ta lá hoa đất ( rút gọn CN ).  c. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng ( rút gọn CN ).  - Tác dụng: Việc rút gọn câu như vậy để câu được ngắn gọn hơn, súc tích hơn. Vì tục ngữ thường nêu lên những kinh nghiệm nói chung cho mọi người nên cần ngắn gọn, dễ thuộc, dễ nhớ.  **Bài tập 2:**  a. CRG:  - Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà  - Dừng chân đứng lại trời, non, nước.  - Thành phần được rút gọn trong hai câu trên là chủ ngữ, ta có thể khôi phục lại như sau:  + Chúng ta (chúng tôi, ta, tôi) bước tới Đèo Ngang.  + Chúng ta (chúng tôi, ta, tôi) dừng chân đứng lại trời, non, nước.  b. CRG:  Đồn rằng quan tướng có danh,  Cưỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai.  Ban khen rằng: “Ấy mới tài”,  Ban cho cái áo với hai đồng tiền.  Đánh giặc thì chạy trước tiên,  Xông vào trận tiền cởi khố giặc ra (!)  - Thành phần được rút gọn trong các câu trên là chủ ngữ, ta có thể khôi phục lại như sau (giả định):  **Họ** đồn rằng quan tướng có danh,  **Ông ta** cưỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai.  **Vua** ban khen rằng: “Ấy mới tài”,  **Vua** ban cho cái áo với hai đồng tiền.  **Ông ta** đánh giặc thì chạy trước tiên,  **Ông ta** xông vào trận tiền cởi khố giặc ra (!)  **Bài tập 3:**  - Mỗi năm đem nộp lại cho chủ nợ một nương ngô.  => Tác dụng: làm câu gọn hơn và tránh lặp lại từ ngữ đã có (bố mẹ Mị).  **Bài tập 4:**  a. Buồn ơi !  b. Trời ơi ! Dũng ơi !  c. Những mảng bờ tường. Những cây bàng. Những cây cột điện.  d. Đương ngày mùa. Tiếng giục. Tiếng gọi. Tiếng người. Tiếng trâu. Tiếng máy cày.  **Bài tập 5:**  a. Ôi, đẹp quá !  => Bộc lộ cảm xúc  b. Huyện Nam Đàn. Tỉnh Nghệ An.  => Xác định nơi chốn diễn ra sự việc trong câu.  c. Đêm trăng.  => Xác định nơi chốn diễn ra sự việc trong câu.  d. Ông ơi, ông ơi !  => Gọi đáp  **Bài tập 6:**  a. Nêu thời gian diễn ra sự việc trong câu.  b. Nêu thời gian diễn ra sự việc trong câu.  c. Nêu thời gian diễn ra sự việc trong câu. |

**Tiết 2:**

***Luyện tập: (45 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1: Tìm câu rút gọn trong đoạn trích sau và cho biết tác dụng của chúng.**  *“Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.”*  (Trích ***“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”*** – Ngữ văn 7, tập 2)  **Bài tập 2: Tìm câu rút gọn trong đoạn trích sau và cho biết câu rút gọn xuất hiện trong lời thoại của ai, tác dụng của câu rút gọn trong trường hợp đó.**  “Chúng tôi giật mình, líu ríu dắt nhau đứng dậy. - Đem chia đồ chơi ra đi! – Mẹ tôi ra lệnh.  Thủy mở to đôi mắt như người mất hồn, loạng choạng bám vào cánh tay tôi. Dìu em vào trong nhà, tôi bảo: - Không phải chia nữa. Anh cho em tất. Tôi nhắc lại hai ba lần, Thủy mới giật mình nhìn xuống. Em buồn bã lắc đầu:  -Không, em không lấy. Em để hết lại cho anh. -Lằng nhằng mãi. Chia ra! – Mẹ tôi quát và giận dữ đi về phía cổng. Em tôi sụt sịt bảo: -Thôi thì anh cứ chia ra vậy.”  **Bài tập 3:** **Tìm những câu rút gọn trong mỗi đoạn trích sau. Theo em rút gọn như vậy để làm gì?**  a. Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt. Đã đến Phường Rạnh. Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước. (Trích “Quê nội” – Võ Quảng)  b. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng mở ra. Đã đến Trung Phước. (Trích “Quê nội” – Võ Quảng)  c. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông. (Trích “Cô Tô” – Nguyễn Tuân)  d. Ít lâu nay, có một loài lạ lạc vào vườn. Anh chim sẻ xưa nay vẫn to hó đứng trong đầu nhà, kêu tẹc tẹc không được điềm tĩnh và đều đặn như mọi khi. Ra vẻ thảng thốt. Như thể lo rằng có những kẻ lạ nào đang dò dẫm, tìm kiếm nơi ăn chốn ở trong vườn nhà mình. (Trích “Đôi ri đá” – Tô Hoài)  **Bài tập 4. Trong những câu sau đây, câu nào là câu rút gọn?**  a. Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.  b. Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.  c. Huế ơi! Quê mẹ của ta ơi!  d. Đêm. Thành phố lên đèn như sao xa  e. Uống nước nhớ nguồn  f. Đông vui quá. Chạy loăng quăng, nhảy dây, kéo co.  g. Yêu đất nước, non sông, yêu quê hương dân tộc mình.  **Bài tập 5: Xác định câu rút gọn trong các ví dụ sau. Chỉ ra thành phần được rút gọn và khôi phục nó?**  a. Gió nhè nhẹ thổi. Mơn man khắp cánh đồng. Làm lay động các khóm hoa.  b. Tiếng hát ngừng. Cả tiếng cười.  c. Mong các cháu mai sau lớn lên thành những người dân xứng đáng với nước độc lập tự do.  d. Của đáng mươì nhu chỉ bán được năm. Có khi chẳng lấy được đồng nào là khác nữa.  **Bài tập 6: Chỉ ra các câu rút gọn trong đoạn văn sau và cho biết những câu đó gọn thành phần nào, hãy khôi phục lại các thành phần bị lược bỏ:** “Cái Mị về một mình. Bóng nó cứ ngụp dần trên cánh đồng xa tít tắp đang gặt nham nhở. Tôi cầm liềm. Quơ một vòng sát chân rạ. Giật mạnh. Bước sang trái. Quơ liềm. Giật mạnh. Lại bước sang trái. Lại quơ liềm. Lại giật mạnh. Cứ thế mãi. Đất trên mặt ruộng ẩm ướt.”  **Bài tập 7: Hãy tìm các câu rút gọn trong đoạn trích sau đây và cho biết vì sao tác giả dùng các câu rút gọn như vậy.**  “Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm ; người ta bảo cụ hơn người cũng bởi cái cười :  - Cái anh này nói mới hay ! Ai làm gì anh mà anh phải chết ? Đời người chứ có phải con ngoé đâu ? Lại say rồi phải không ?  Rồi, đổi giọng cụ thân mật hỏi :  - Về bao giờ thế ? Sao không vào tôi chơi ? Đi vào nhà uống nước.  Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn :  - Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì, ta nói chuyện tử tế với nhau. [...]”  (Nam Cao, Chí Phèo) | **Bài tập 1:** Câu rút gọn là:  - Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy.  - Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.  - Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.  **-** Tác dụng:làm cho câu gọn hơn, thông tin được nhanh, tránh lặp từ.  **Bài tập 2** : Trong đoạn trích có 4 câu rút gọn chủ ngữ, trong đó :  - 3 câu rút gọn là lời cầu khiến của người mẹ:  + Đem chia đồ chơi ra đi!  + Lằng nhằng mãi. Chia ra!  => Tác dụng: thể hiện quyền uy của người mẹ với những đứa con, thể hiện thái độ khó chịu, ý muốn chấm dứt việc chia đồ chơi thật nhanh. Người mẹ dường như không quan tâm đến cảm xúc của hai con.  - 1 câu rút gọn còn lại là lời cầu khiến của người anh:  + Không phải chia nữa  => Tác dụng: thể hiện thái độ dứt khoát của người anh trong việc chia đồ chơi cho em.  **Bài tập 3:**  a. Đã đến Phường Rạnh.  b. Đã đến Trung Phước.  c.  - Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.  - Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông.  d. Ra vẻ thảng thốt.  => Tác dụng: làm cho câu gọn hơn, thông tin được nhanh, tránh lặp từ.  **Bài tập 4:**  a. Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.  b. Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.  e. Uống nước nhớ nguồn  f. Đông vui quá. Chạy loăng quăng, nhảy dây, kéo co.  g. Yêu đất nước, non sông, yêu quê hương dân tộc mình.  **Bài tập 5:**  a. Lược bỏ chủ ngữ  - Khôi phục: Gió nhè nhẹ thổi. **Gió** mơn man khắp cánh đồng. **Gió** làm lay động các khóm hoa.  b. Lược bỏ vị ngữ  - Khôi phục: Tiếng hát ngừng. Cả tiếng cười **cũng ngừng**.  c. Lược bỏ chủ ngữ  - Khôi phục: **Bác** mong các cháu mai sau lớn lên thành những người dân xứng đáng với nước độc lập tự do.  d. Lược bỏ chủ ngữ  - Khôi phục: Của đáng mươì nhu chỉ bán được năm. Có khi **Nhu** chẳng lấy được đồng nào là khác nữa.  **Bài tập 6:** Quơ một vòng sát chân rạ. Giật mạnh. Bước sang trái. Quơ liềm. Giật mạnh. Lại bước sang trái. Lại quơ liềm. Lại giật mạnh. Cứ thế mãi. Đất trên mặt ruộng ẩm ướt.  => Các câu rút gọn trên đều lược bớt thành phần chủ ngữ “Tôi” trong câu đứng trước để tránh lặp từ ngữ.  **Bài tập 7:**  - Cái anh này nói mới hay ! Ai làm gì anh mà anh phải chết ? Đời người chứ có phải con ngoé đâu ? Lại say rồi phải không ?  => Tác dụng: làm cho câu gọn hơn, thông tin được nhanh, tránh lặp từ. |

**Tiết 3:**

***Luyện tập (45 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1: Tìm câu đặc biệt trong đoạn trích dưới đây và cho biết tác dụng.**  *“Tuy trống đánh liên thanh, ốc thổi vô hồi, tiếng người xao xác gọi nhau sang hộ, nhưng xem chừng ai ai cũng mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thời vẫn mưa tầm tã trút xuống, dưới sông thời nước cứ cuồn cuộn bốc lên. Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cự lại được với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất.”*  (Trích **“Sống chết mặc bay”** – Ngữ văn 7, tập 2)  **Bài tập 2: Hãy xác định câu đặc biệt trong các ví dụ sau và cho biết tác dụng của chúng.**  a. Có thói quen tốt và thói quen xấu. (Băng Sơn)  b. Thật bất hạnh cho ai cả cuộc đời chỉ biết giữ cho riêng mình. “Sự sống” trong họ rồi cũng sẽ chất dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết… (Quà tặng cuộc sống)  c. Trong lòng tôi, tiếng lá xao xao như không bao giờ tắt. Giá buốt quá ! (Nguyên Hồng)  d. Cây tre Việt Nam! Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm (Thép Mới)  e. Quái lạ! Chân mình hôm nay sao lại bên dài bên ngắn thế này? (Tiếu lâm Việt Nam)  f. Một đêm mưa. Người mẹ lết tấm thân nhọc nhằn ôm đứa con đi xin sữa  g. Thành phố Hồ Chí Minh. Mùa thu năm 1975  **Bài tập 3: Cho biết những câu sau đây câu nào là câu rút gọn, câu nào là câu đặc biệt. Gạch chân dưới những câu đó. Nêu tác dụng của câu đặc biệt, câu rút gọn trong câu đó.**  a. Các bạn đang làm gì vậy ? - Dọn vệ sinh lớp.  b. Cậu đã làm bài tập xong chưa ?  - Làm rồi  c. Ôi! Nghèo quá. Tôi khổ đến thế này.  d. Thật đẹp quá! Đà Nẵng là quê hương trong lòng tôi tự bao giờ  e. Hoa hồng! Một loài hoa! Những đóa hoa hồng khoe sắc dưới ánh nắng mặt trời lung linh.  f. Nga ơi! Nga vẫn ổn chứ ?  - Tôi không sao  g. Mình kiểm tra môn văn vào thứ mấy vậy Sơn ?  - Thứ sáu.  **Bài tập 4: Cho biết những câu sau đây câu nào là câu rút gọn, câu nào là câu đặc biệt. Gạch chân dưới những câu đó. Nêu tác dụng của câu đặc biệt, câu rút gọn trong câu đó.**  a. Một đêm đông! Từng đợt gió bấc và những cơn mưa phùn lạnh buốt đến thấu xương. Tôi nằm ngủ trong chăn ấm. Không ra khỏi nhà vì trời còn âm u. Ngủ thiếp đi khi nào không hay. Tôi chợt thức giấc. Ôi! Nhìn kìa! Một chiếc lá!. Chiếc lá duy nhất còn sót lại trên cành cây khẳng khiu sau đợt đêm đông dài.  b. Một cơn mưa! Đen kịt. Lộp độp. Những cơn mưa rào vào đầu mùa hạ kéo đến như rửa sạch cả bầu trời bụi bặm.  c. Đói và lạnh! Mệt và Sợ . Nó hớt hãi chạy băng qua khỏi cánh rừng đầy khói lửa bom đạn.  d. Một giờ... hai giờ... Hàng giờ đồng hồ trôi qua nhưng nó vẫn chưa làm được câu nào trong đề.  e. Những con ong chăm chỉ hút mật từ nhuỵ hoa trong vườn. Một phút... hai phút... ba phút... rồi bốn phút... Nhiều quá!. Ong thợ siêng năng làm việc để đem đến cái đẹp cho đời, hương thơm cho đời.  f. Thương thay! Những số phận con người bị cuộc đời vùi dậy trong đáy xã hội cũ.  g. Hứa hươu hứa vượn.  h. Hỡi ơi! Cuộc sống muôn ngàn khó khăn nhưng vẫn có chút màu hồng.  **Bài tập 5: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 – 10 câu) với chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng hai loại câu: câu rút gọn, câu đặc biệt. Gạch chân và gọi tên dưới các loại câu đã sử dụng và cho biết tác dụng của các kiểu câu đó.** | **Bài tập 1:**  **-** Than ôi!  - Lo thay!  - Nguy thay!  => Bộc lộ cảm xúc trước tình thế đê sắp vỡ.  **Bài tập 2:**  a. Có thói quen tốt và thói quen xấu.  => Thông báo về sự tồn tại của sự việc  b. Thật bất hạnh cho ai cả cuộc đời chỉ biết giữ cho riêng mình.  => Bộc lộ cảm xúc  c. Trong lòng tôi  => Bộc lộ cảm xúc  d. Cây tre Việt Nam!  => Thông báo về sự tồn tại của sự vật  e. Quái lạ!  => Bộc lộ cảm xúc  f. Một đêm mưa.  => Xác định thời gian  g. Thành phố Hồ Chí Minh. Mùa thu năm 1975  => Xác định thời gian, địa điểm  **Bài tập 3:**  **- Câu rút gọn:**  a. Các bạn đang làm gì vậy ? **- Dọn vệ sinh lớp.**  **=>** Làm cho câu gọn hơn, thông tin nhanh.  b. Cậu đã làm bài tập xong chưa ?  **- Làm rồi**  **=>** Làm cho câu gọn hơn, thông tin nhanh.  g. Mình kiểm tra môn văn vào thứ mấy vậy Sơn ?  **- Thứ sáu.**  **=>** Làm cho câu gọn hơn, thông tin nhanh.  **- Câu đặc biệt:**  c. **Ôi! Nghèo quá**. Tôi khổ đến thế này.  => Bộc lộ cảm xúc  d. **Thật đẹp quá!** Đà Nẵng là quê hương trong lòng tôi tự bao giờ  => Bộc lộ cảm xúc  e. **Hoa hồng! Một loài hoa!** Những đóa hoa hồng khoe sắc dưới ánh nắng mặt trời lung linh.  => Thông báo về sự tồn tại của sự vật  f. **Nga ơi!** Nga vẫn ổn chứ ?  - Tôi không sao  **=>** Gọi đáp  **Bài tập 4:**  **- Câu rút gọn:**  g. **Hứa hươu hứa vượn.**  **=>** Ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người  - Câu đặc biệt:  a. - **Một đêm đông!**  => Xác định thời gian  - **Ôi! Nhìn kìa! Một chiếc lá!**  => Bộc lộ cảm xúc  b.- **Một cơn mưa!**  => Xác định thời gian  **- Đen kịt. Lộp độp.**  => Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật  c. **Đói và lạnh!** **Mệt và Sợ** .  => Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vậtd. **Một giờ... hai giờ...**  => Xác định thơi giạn  e.. **Một phút... hai phút... ba phút... rồi bốn phút... Nhiều quá**  => Xác định thời gian  f. **Thương thay!**  => Bộc lộ cảm xúc  h. **Hỡi ơi!**  **=>** Bộc lộ cảm xúc  **Bài tập 5:** (Đoạn văn mẫu)  “Tôi yêu biết bao quê hương xinh đẹp của mình. Những buổi sáng, bầy sẻ nâu nhún nhảy kiếm mồi trên vườn chuối, lúc nào cũng ríu ra, ríu rít. **Chiều chiều, nhìn ra cánh đồng lúa, từng cánh cò trắng, bay lả rập rờn đẹp như một bức tranh.** Những đêm trăng, dưới ánh sáng như dát vàng khắp nơi, bầy trẻ chúng tôi rủ nhau chơi trốn tìm làm xóm làng rộn rã hẳn lên. **Chao ôi!** Quê hương tôi đẹp quá.”  **- Câu rút gọn:** Chiều chiều, nhìn ra cánh đồng lúa, từng cánh cò trắng, bay lả rập rờn đẹp như một bức tranh.  => Làm cho câu ngắn gọn, thông tin nhanh hơn.  **- Câu đặc biệt:** Chao ôi !  => Bộc lộ cảm xúc |

**III. Củng cố - dặn dò**

**(?) Thế nào là câu rút gọn? Câu rút gọn có tác dụng gì? Cần chú ý điều gì khi rút gọn câu?**

- Khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành phần câu tạo thành câu rút gọn

- Việc rút gọn câu khiến câu ngắn gọn hơn, thông tin nhanh hơn. Ngụ ý hành động, đặc điểm trong câu là của chung mọi người.

- Khi rút gọn câu cần lưu ý: Tránh việc hiểu sai nội dung câu nói. Tránh biến câu nói thành câu cộc lốc, khiếm nhã.

**(?) Thế nào là câu đặc biệt? Câu đặc biệt có tác dụng gì? Câu đặc biệt và câu rút gọn có gì giống và khác nhau?**

- Câu đặc biệt là câu không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ

- Câu đặc biệt có bốn tác dụng:

+ Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc được nói đến trong đoạn.

+ Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật hiện tượng.

+ Bộc lộ cảm xúc.

+ Gọi đáp.

- Giống nhau: Có cấu tạo gồm một từ hoặc một cụm từ, đều ngắn gọn truyền tải thông tin nhanh.

- Khác nhau:

+ Câu rút gọn: cấu tạo theo mô hình chủ - vị. Dựa vào hoàn cảnh sử dụng có thể xác định được thành phần bị rút gọn và khôi phục nó.

VD: Học ăn, học nói, học gói, học mở. (rút gọn thành phần chủ ngữ)

+ Câu đặc biệt: không cấu tạo theo mô hình CN – VN. Do từ hoặc cụm từ làm trung tâm cú pháp, không xác định được thành phần câu.

VD: Mẹ ơi ! Hôm nay con được 10 điểm.

**\* Bài tập về nhà:**

**I. Đọc – hiểu (5 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

“*Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên to quá; khúc đê làng X. thuộc phủ X. xem chừng núng thế lắm, hai ba đoạn đã thẩm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất. Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm.*”

(Trích *“ Sống chết mặc bay”* – Phạm Duy Tốn, Ngữ văn 7, tập 2)

**Câu 1.** Xác định câu rút gọn trong đoạn văn trên và cho biết tác dụng? **(1 điểm)**

**Câu 2.** So sánh điểm khác nhau giữa câu đặc biệt và câu rút gọn? Mỗi câu cho ví dụ minh họa. **(2 điểm)**

**Câu 3.** Xác định kiểu câu trong các câu sau và cho biết tác dụng: **(2 điểm)**

a. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

b. Ôi, đẹp quá ! Sao lại có bông hoa bằng lăng nở muộn thế kia.

c. Cháy! Cháy! Cháy.

d. Ngoài kia là ánh đèn sáng rọi của một con tàu. Một hồi còi.

**II. Tạo lập văn bản (5 điểm)**

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 – 10 câu) với chủ đề quê hương, trong đó có sử dụng hai loại câu: câu rút gọn, câu đặc biệt. Gạch chân và gọi tên dưới các loại câu đã sử dụng và cho biết tác dụng của các loại câu đó.

**Buổi 24- Tiết 70,71,72**

|  |
| --- |
| **Tiết 70 : TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**  (***Hồ Chí Minh)*** |

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**:

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được qua văn bản chính luận chứng minh mẫu mực, Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ chân lí sáng ngời về truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân Việt Nam.

- Nắm được đặc điểm nghệ thuật văn nghị luận Hồ Chí Minh qua văn bản.

**2.Kĩ năng:**

\*Kĩ năng chuyên môn:

- Nhận biết văn bản nghị luận xã hội.

- Đọc – hiểu văn bản nghị luận xã hội.

- Chọn, trình bày dẫn chứng trong tạo lập văn bản nghị luận chứng minh.

\*Kĩ năng sống:

- Trao đổi, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tinh thần yêu nước.

- Làm chủ bản thân, sống có mục đích, lí tưởng, có tinh thần trách nhiệm…

**3.Thái độ:**

- Bồi đắp tinh thần yêu nước trong học sinh.

- Tích hợp nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: Tư tưởng độc lập dân tộc, sự quan tâm của Bác đến giáo dục lòng yêu nước cho mọi người dân Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ.

**4. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lí, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt: Tiếp nhận, đọc hiểu văn bản, cảm thụ tác phẩm văn học.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 70: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta**

**A. Hệ thống lại kiến thức đã học về văn bản: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (10 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hình thức tổ chức: Vấn đáp.  ? Nêu xuất xứ, nội dung, mục đích, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.  ( Gv yêu cầu hs nhớ và nhắc lại các nội dung đã học) | **I. Kiến thức:**  **1. Xuất xứ:** *Văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*  trích trong Báo cáo Chính trị do chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Đại hội Đảng Lao động Việt Nam diền ra ở Việt Bắc tháng 2 năm 1951.  **2. Nội dung:** Văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta nhằm tập trung làm sáng tỏ chân lí: *“ Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta”*  **3. Mục đích:** Kêu gọi nhân dân, phát huy lòng yêu nước, tạo sức mạnh để đánh thắng giặc Pháp xâm lược.  **4.Nghệ thuậ**t: Xây dựng luận điểm ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng toàn diện, tiêu biểu, chọn lọc theo các phương diện: lứa tuổi, nghề nghiệp, việc làm; sử dụng từ ngữ gợi hình ảnh (động từ), câu văn nghị luận hiệu quả (quan hệ “từ …đến”); sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh, liệt kê.  **5. Ý nghĩa:** Truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta cần được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để bảo vệ đất nước. |

**B. LUYỆN TẬP *( 35 phút) :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : GV chuẩn bị các bài tập trong phiếu học tập.  Hình thức: Thảo luận nhóm  Gv chia lớp thành 6 nhóm –  - HS thực hiện  **Bài tập 1 ( phiếu học tập số 1 – nhóm 1+2)**  Cho đoạn văn:  *"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"*   1. Đoạn văn được trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? 2. Xác định câu chủ đề của đoạn văn? 3. Chỉ ra hình ảnh so sánh trong đoạn văn. Cho biết tác dụng của hình ảnh so sánh đó.     d.Từ đoạn văn trên, em hãy nêu 4 biểu hiện của tinh thần yêu nước. | - GV chốt kiến thức  (Đáp án)  a. Đoạn văn trích trong tác phẩm: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  Tác giả: Hồ Chí Minh  b. Câu chủ đề: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.”  c.Trong đoạn văn, tác giả đã sử dụng hình ảnh so sánh: Tinh thần yêu nước như một làn sóng vô cùng mạnh mẽ...  - Tác dụng của hình ảnh so sánh: Làm cho người đọc có thể hình dung được cụ thể và sinh động về sức mạnh tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  d.Biểu hiện của tình yêu nước ví dụ:  - Yêu những điều xung quanh mình*(ngôi nhà, cây cối, người thân...)*  - Cố gắng học giỏi để xây dựng đất nước.  - Luôn quảng bá hình ảnh đất nước với bạn bè thế giới.  - Sẵn sàng đóng góp công sức khi tổ quốc cần.  *(Chú ý: HS có thể nêu những biểu hiện khác nhau, miễn phù hợp)* |
| **Bài tập 2: phiếu học tập số 2 ( nhóm 3+4) Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm chiếm, từ nhân dân miền ngược đến nhân dân miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhìn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân, nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên ruộng cho chính phủ,… Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.”*  a. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?  b. Đoạn văn trên được viết theo phương pháp lập luận nào?  c. Việc lặp lại cấu trúc: “ từ… đến” trong đoạn văn trên có tác dụng gì? | a. Đoạn văn viết theo phương thức nghị luận.  b. Đoạn văn viết theo phương pháp lập luận: Tổng phân hợp.  c. Việc lặp lại cấu trúc “từ… đến”  trong đoạn văn trên có tác dụng nhấn mạnh lòng yêu nước được thể hiện ở nhiều đối tượng, nhiều việc làm khác nhau. |
| **Bài tập 3 ( Phiếu học tập số 3 – nhóm 5+6)**  ***Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới* :**  **“***Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công cuộc yêu nước, công việc kháng chiến.”*  **a.** Em hiểu câu nói: “ Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý.” như thế nào?  b.Hãy chỉ ra các câu rút gọn trong đoạn trích và khôi phục lại thành phần rút gọn?    Gv gọi 3 nhóm trình bày kết quả, các nhóm còn lại nhận xét, chỉnh sửa, chốt đáp án đúng. | **a.** Qua việc sử dụng biện pháp so sánh: Tinh thần yêu nước – các thứ của quý, ta cảm nhận được rõ ràng hơn, cụ thể hơn thứ tình cảm trừu tượng của nhân dân Việt Nam, đó là tình yêu nước, tình cảm ấy thật đáng trân trọng, thật cao quý, cần được nâng niu, giữ gìn, bảo tồn và phát huy như tất cả những thứ quý giá nhất trên đời này.  **b. Có 3 câu rút gọn thành phần chủ ngữ. Khôi phục:**  - Có khi *(Các thứ của quý)* được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê rõ ràng, dễ thấy.  - Nhưng cũng có khi *(Các thứ của quý)* cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.  - Nghĩa là *( Chúng ta)* phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến. |

**Tiết 71, 72 : BỐ CỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG**

**BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**:

**1.Kiến thức:**

- Hiểu bố cục chung của một bài văn nghị luận.

- Hiểu được phương pháp lập luận của bài văn nghị luận.

- Hiểu được mối quan hệ giữa bố cục và lập luận.

**2.Kĩ năng:**

\*Kĩ năng chuyên môn:

- Biết viết bài văn nghị luận có bố cục rõ ràng.

- Biết sử dụng các phương pháp lập luận.

- Biết vận dụng kiến thức để làm các bài tập.

\*Kĩ năng sống:

- Suy nghĩ, phân tích, đưa ra ý kiến cá nhân về bố cục và phương pháp lập luận của bài văn nghị luận.

- Ra quyết định lựa chọn cách lập luận khi tạo lập và giao tiếp hiệu quả bằng văn nghị luận.

**3.Thái độ, phẩm chất:**

Có thói quen xây dựng bố cục và biết cách sử dụng phương pháp lập luận trong văn nghị luận đạt hiệu quả.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lí, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt: Tiếp nhận văn bản, giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 71 + 72: Bố cục và phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận:**

**A. Hệ thống lại kiến thức về bố cục và phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận *(15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hình thức : Hỏi đáp.  HS làm việc cá nhân.  ? Bố cục và lập luận có mối quan hệ với nhau như thế nào?  ? Bố cục của bài văn nghị luận gồm mấy phần? Nêu nội dung từng phần.  ? Có mấy phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận?  ( Giáo viên cung cấp cho học sinh hiểu rõ từng phương pháp) | **I. Bố cục và phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận:**  **1. Mối quan hệ giữa bố cục và lập luận:** Lập luận chi phối cách sắp xếp ý ( luận điểm, luận cứ) của bố cục. Ngược lại bố cục rành mạch hợp lý giúp cho việc lập luận được tiến hành thuận tiện  **2. Bố cục trong bài văn nghị luận:**  - Bố cục trong bài văn nghị luận gồm có ba phần:  a. Mở bài: Nêu vấn đề có ý nghĩa đối với đời sống xã hội ( luận điểm xuất phát, tổng quát)  b. Thân bài: Trình bày nội dung chủ yếu của bài ( có thể có nhiều đoạn nhỏ, mỗi đoạn có một luận điểm phụ).  c. Kết bài: Nêu luận điểm nhằm khẳng định tư tưởng, thái độ, quan điểm của bài.  3**.Các phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận:**  Để viết bài văn nghị luận, có thể sử dụng các phương pháp lập luận khác nhau như: Suy luận nhân quả, suy luận tương đồng, suy luận tổng phân hợp.  **a. Phương pháp suy luận nhân quả:** Là phương pháp lập luận theo hướng ý trước nêu nguyên nhân, ý sau nêu hệ quả. Tuy nhiên trong thực tế, trình tự ấy có thể thay đổi: Hệ quả nêu trước, nguyên nhân nêu sau.  **b. Phương pháp suy luận tổng phân hợp:**  Là phương pháp lập luận theo quy trình đi từ khái quát đến cụ thể, sau đó tổng hợp lại vấn đề.  **c. Phương pháp suy luận tương đồng:** Là phương pháp suy luận trên cơ sở tìm ra những nét tương đồng nào đó giữa các sự vật, sự việc, hiện tượng.  **d. Phương pháp suy luận tương phản:** Là phương pháp suy luận trên cơ sở tìm ra những nét trái ngược nhau giữa các đối tượng, sự vật, sự việc hiện tượng. |

***B. LUYỆN TẬP :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  Thảo luận nhóm theo bàn:  Gv đưa bài tập theo phiếu học tập.  Các nhóm thảo luận. GV chốt kết quả đúng.  **Bài tập 1 ( 20 phút): Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *Là thanh niên chúng ta phải giữ cho lửa lòng cháy mãi mãi. Đừng bao giờ để trái tim ta trụy lạc cho đến nỗi thấy đồng loại ta khổ, ta không động tâm, thấy sự bất bình, ta không phẫn uất, bị xỉ nhục, ta không tức khí. Đừng để trí thức trụy lạc cho đến nỗi để cho những dục vọng của cơ thể chi phối các hoạt động của chí thông minh. Hãy giữ lấy mãi mãi cái rung động trước một tác phẩm đẹp, cái mê đắm trong khi làm sáng tác, khi hướng dẫn, khi truyền bá.*  ( Đinh Gia Trinh, trích *Lửa bên trong*)  Câu hỏi:  a. Tìm luận điểm cho đoạn văn trên.  b. Chỉ ra các luận cứ làm sáng tỏ luận điểm trên.  c. Cho biết cách lập luận mà tác giả sử dụng. | **Bài tập 1:**  **a. Luận điểm: “***Thanh niên chúng ta phải giữ cho lửa lòng cháy mãi mãi”*  **b. Các luận cứ:**  - Phải biết động tâm khi đồng loại ta khổ, biết phẫn uất khi thấy sự bất bình, biết tức khí khi bị xỉ nhục  - Không được để cho những dục vọng của cơ thể chi phối các hoạt động của trí óc.  - Giữ được sự rung động, sự say mê khi thưởng thức và sáng tác, hướng dẫn, truyền bá cái đẹp. đó chính là những biểu hiện của việc giữ được ngọn lửa của sự nhiệt huyết, của sự say mê, của lương tri trong mỗi con người.  c. Đoạn văn trình bày theo lối diễn dịch. Lập luận bằng cách đưa ra phản đề. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  GV treo bảng phụ.  HS làm việc cá nhân.  GV gọi 1-2 em lên bảng. GV chốt kết quả đúng.  **Bài tập 2.( 10 phút) Đọc các đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**  *a. Đến như người ta thì có kẻ ngoài rõ như cẩn hậu mà trong thật kiêu căng, có kẻ trông rõ thật tài giỏi mà ngoài coi ra ngu độn, có kẻ ngoài rõ như vững vàng, thư thái mà trong cuống rối, nóng nảy. Tâm tính bên trong, diện mạo bên ngoài trái nhau khó lường như thế.*  *b. Trời thì hằng năm còn có xuân, hạ, thu đông, hằng ngày còn có buổi sáng, buổi tối, ta do đấy mà biết được.*  *c. Lòng người ta nham hiểm hơn núi sông, khó biết hơn là biết trời.*  *d. Cho nên quân tử dùng người cho ở xa để xem lòng trung, cho ở gần để xem lòng kính, sai làm việc để xem cái tài, hỏi lúc vội để xem cái trí, hẹn cho ngặt ngày để xem có tín, ủy cho tiền của để xem có nhân, giao cho việc nguy biến để xem có tiết, cho đánh chén say sưa để xem cử chỉ, cho ở chỗ phiền tạp để xem thần sắc. Xem người đại khái như vậy, thì họa mới có thể biết được người.*  *yêu cầu:*   1. Sắp xếp những đoạn văn trên thành bài văn có bố cục hoàn chỉnh. 2. Thử đặt nhan đề cho văn bản trên và cho biết vì sao em lại đặt như vậy.   **…..** | **Bài tập 2. Đọc các đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:**  1.Trình tự đúng: c – b – a – d  2. Nhan đề: Cách biết lòng người. |

**Tiết 2: LUYỆN TẬP *( tiếp theo) :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập  HS làm việc theo cặp. Các nhóm trình bày, góp ý, sửa chữa.  **Bài tập 3 (15 phút)**  **Chỉ ra phương pháp lập luận trong các đoạn văn sau:**  *a. Trăng là đề tài quen thuộc trong thơ Bác. Mỗi thời kì khác nhau Bác đều có thơ viết về trăng. Trăng là ánh sáng, là hạnh phúc, là thanh bình, là mơ ước, là niềm an ủi, là người bạn tâm tình của Bác. Ánh trăng làm cho cảnh vật trở nên êm đềm, làm cho cảm nghĩ của con người thêm thâm trầm, trong trẻo. Có thể nói trong thơ Bác, ánh trăng luôn tràn đầy.*  *b. Một định lý trong cuộc sống mà ai cũng đồng tình: Một ánh lửa sẻ chia là một ánh lửa lan tỏa, một đồng tiền kinh doanh là đồng tiền sinh lợi. Đôi môi có hé nở mới thu nhận được nhiều nụ cười, bàn tay có rộng mở trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui sướng.*  *c. Công kích những bài thơ mới lủng củng là một chuyện thừa vậy. Công kích những bài thơ có giá trị mới mong tiệt được mầm thơ mới. Nhưng đã có giá trị thì còn biết công kích thế nào!*  *d. Chủ nghĩa xã hội là mọi người cùng ra sức lao động sản xuất để được ăn no mặc ấm và có nhà ở sạch sẽ. Muốn làm nhà thì phải có gỗ. Muốn có gỗ thì phải hăng hái trồng cây. Mọi người cố gắng trồng cây thì trong 6, 7 năm nữa cả làng sẽ có đủ cây để làm nhà mới.* | **Bài tập 3**  **Chỉ ra phương pháp lập luận trong các đoạn văn sau:**  a. Phương pháp tổng phân hợp.  b. Lập luận theo quan hệ suy luận, tương đồng.  c. Lập luận theo quan hệ suy luận, tương phản.  d. Lập luận theo quan hệ móc xích. |
| **Hình thức: Học sinh viết bài cá nhân.**  **Bài tập 4:(10 phút) Cho những câu văn sau, hãy sắp xếp thành đoạn văn có lập luận hợp lý và cho biết phương pháp lập luận.**  *a. Trong các loài kiến kiếm ăn ở đồng ruộng, chỉ có con cò gần người nông dân hơn cả.*  *b. Những câu ca dao hay của ta, và có lẽ cũng rất cổ của ta, hầu hết mở đầu bằng “con cò”*  *c. Trong ca dao, dân ca có rất nhiều bài nói đến con cò.*  *d. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân Việt Nam thường thấy con cò ở bên họ; Con có lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát, con cò đứng trên bờ ruồng rỉa lông rỉa cánh, ngắm nghĩa người nông dân làm lụng.*  **…..** | **Bài tập 4: Cho những câu văn sau, hãy sắp xếp thành đoạn văn có lập luận hợp lý và cho biết phương pháp lập luận.**    Đoạn văn trình bày theo trình tự: c – b – a – d.  Đoạn văn trình bày theo lối diễn dịch |
| **HS làm việc cá nhân. GV thu bài, chấm.**  **Bài tập 5 (20 phút) Cho luận điểm:** *Qua tục ngữ, ông cha ta muốn khuyên nhủ các thế hệ sau về lối sống tương thân, tương ái.* **Sử dụng các luận cứ sau, triển khai thành đoạn văn nghị luận theo phương pháp tổng - phân - hợp.**  - Con người sống ở trên đời phải coi người khác như chính bản thân mình để cảm thông, trân trọng và yêu thương.  - Người cùng một dân tộc lại càng phải đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau.  *- Thương người như thể thương thân.*  *- Bầu ơi thương lấy bí cùng – Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*  *- Nhiễu điều phủ lấy giá gương – Người trong một nước phải thương nhau cùng.*  - Đó là truyền thống đạo lý, là lối sống rất nhân văn của dân tộc ta. | **Bài tập 5: Cho luận điểm:** *Qua tục ngữ, ông cha ta muốn khuyên nhủ các thế hệ sau về lối sống tương thân, tương ái.* **Sử dụng các luận cứ sau, triển khai thành đoạn văn nghị luận theo phương pháp tổng - phân - hợp.**  **HS lấy câu đã cho làm câu chủ đề, đặt ở đầu đoạn văn. Các câu còn lại triển khai ý của câu chủ đề, có đưa ra những dẫn chứng cụ thể. *Câu kết đoạn chính là câu***  *“Đó là truyền thống đạo lý, là lối sống rất nhân văn của dân tộc ta.”* |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

- Giao bài tập về nhà: Viết đoạn văn theo lối diễn dịch làm rõ luận điểm sau: “Bên cạnh mặt lợi, facebook mang đến nhiều tác hại.”

**Phụ lục: Kĩ năng viết đoạn văn nghị luận**

***Đoạn văn nghị luận:***

- Hình thức: Tính từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng

- Nội dung: thông thường: làm sáng tỏ luận điểm

- Cách trình bày:

+ Diễn dịch: Luận điểm → luận cứ 1 → luận cứ 2 … (Đánh giá)

+ Tổng phân hợp: Luận điểm → luận cứ 1 → luận cứ 2 → luận cứ 3 → luận điểm kết luận

+ Quy nạp: Luận cứ 1 → luận cứ 2 → luận cứ 3 → luận điểm

***4. Cách viết các đoạn văn nghị luận:***

**a. Cách 1:** Viết đoạn văn nghị luận có câu nêu luận điểm đứng đầu đoạn văn (đoạn văn diễn dịch)

Mô hình:

Câu 1 (Câu nêu luận)

Câu 2 Câu 3 Câu 4 …

Ví dụ: “Trăng trong thơ bác thật đẹp” (1). Đó là ánh trăng “lồng cổ thụ, bóng lồng hoa” giữa rừng khuya Việt Bắc (2). Đó là ánh trăng lung linh trên sông nước mùa xuân (3). Đó là ánh trăng ngàn đầy con thuyền kháng chiến (4). Đó là ánh trăng làm đắm say, ngây ngất lòng người (5).

**b. Cách 2:** Viết đoạn văn nghị luận có câu nêu luận điểm đứng cuối đoạn văn (đoạn văn quy nạp). Nghĩa là các câu đầu đoạn dẫn dắt đi tới câu cuối đoạn là câu tóm lại ý chính, ý khái quát toàn diện

Câu1 Câu2 Câu 3 Câu 4

Câu 5

Ví dụ: Trăng giữ rừng khuya Việt Bắc là “trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa” (1). Trăng trong đêm rằm tháng giêng là ánh trăng lung linh giữ sông nước mùa xuân (2). Là ánh trăng ngân đầy trên con thuyền kháng chiến (3). Là ánh trăng làm đắm say, ngây ngất lòng thi nhân (4). Quả thật, “trăng trong thơ Bác rất đẹp” (5).

**c. Cách 3** Viết đoạn văn nghị luận theo cấu tạo tổng - phân - hợp (nghĩa là câu đầu nêu ý khái quát toàn đoạn; các câu tiếp làm roc cho ý chính, triển khai ý chính; câu cuối khái quát lại, mở rộng, nâng cao)

Ví dụ: Rất nhiêu nhà phê bình đã từng nhận xét “Trăng trong thơ Bác rất đẹp” (1). Đọc bài thơ “Cảnh khuya” ta sẽ thấy rất rõ điều đó (2). Vì ta bắt gặp ở đây vẻ đẹp “Trăng lồng cổ thụ bống lồng hoa”, một vẻ đẹp vừa hiện đại vừ cổ kính, vừa thực vừa ảo…(3) Và đây nữa, ta còn bắt gặp ánh trăng trong đêm nguyện tiêu (4). Một vầng trăng xuận lung linh trên sông nước mùa xuân (5). Một con thuyền ăm ắp ánh trăng xuân (6). Quả thật, “trăng trong thơ Bác rất đẹp” (7).

**B. Luyện tập**

**Đề 1: Viết đoạn văn triển khai luận điểm: *Ca dao than thân diễn tả xúc động số phận khổ đau của người lao động***

***1. Hướng dẫn tìm ý:***

- Luận điểm: ***Ca dao than thân đã diễn tả một cách xúc động nỗi khổ cực trăm bề của người lao động*** ( **câu chủ đề***)*

- Luận cứ:

+ Cuộc đời vất vả, gian nan, gieo neo, lận đận

+ Bị bóc lột, bòn rút đến tận cùng xương tuỷ

+ Phiêu bạt, kiếm ăn muôn nơi mà tương lai mờ mịt, vô định, cùng đường bế tắc, chịu bao nỗi oan trái

***2. Viết đoạn***

***Ca dao than thân đã diễn tả một cách xúc động nỗi khổ cực trăm bề của người lao động***( **câu chủ đề***).* Trước hết, đó là cuộc đời vất vả, gian nan, cơ cực trăm đường (ý 1). Hình ảnh thân cò “ lận đận một mình” đơn độc, nhỏ nhoi giữa “ nước non” vô cùng rộng lớn phải đối mặt với muôn ngàn sóng gió hiểm nguy “lên thác xuống ghềnh” chính là biểu tượng chân thực về cuộc đời gieo neo, phiêu dạt để tìm kế sinh nhai mà vẫn đói nghèo, cơ cực của người lao động. Trong xã hội phong kiến, thân phận người lao động nhỏ nhoi như con tằm cái kiến, luôn bị bòn rút sức lao động đến tận cùng xương tuỷ (ý 2). Hình ảnh con tằm “ kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ” thật cảm động. Người ta rút ruột tằm để dâng cho đời những sợi tơ dài quí hiếm, còn bản thân tằm thì chấm dứt một kiếp sống. Còn những con kiến li ti, ngày ngày phải mải miết đi kiếm mồi. Như con tằm, cái kiến, cuộc đời người lao động xưa bị bóc lột nặng nề để đem lại sự giàu sang cho kẻ “ ngồi mát ăn bát vàng” còn mình một mai bị gục chết vì đói nghèo cơ cực cũng chẳng ai đoái thương. Những nỗi khổ của người lao động càng được nhân lên bội phần khi mọi cố gắng của họ đều trở nên vô vọng, tương lai mờ mịt, tối tăm(ý 3). Con chim hạc gầy gò “bay mỏi cánh” giữa cuộc đời vô định là hình ảnh ẩn dụ cho thân kiếp người lao động kéo dài mãi kiếp sống lầm than mà không niềm hy vọng. Tận cùng của nỗi khổ đau là cảnh đời bế tắc, người lao động phải hứng chịu bao nỗi oan khiên mà không được lẽ công bằng soi tỏ (ý4). Hình ảnh con chim quốc kêu ai oán, nức nở giữa trời, tiếng kêu bật ra máu nhưng vẫn tan vào hư không gợi ta liên tưởng đến thân phận thấp cổ bé họng của người lao động xưa. Mỗi bài ca dao là một cảnh đời, với những hình ảnh ẩn dụ sinh động đã diễn tả một cách xúc động nỗi khổ cực trăm bề của người lao động *( kết ý).* Những bài ca dao này giúp ta cảm nhận được tấm lòng nhân hậu, sự đồng cảm sẻ chia sâu sắc của các tác gỉa dân gian đối với những cảnh đời lầm than cơ cực và đồng thời đó là tiếng nói bày tỏ thái độ bất bình đối với xã hội bất công *(đánh giá)*

**Đề 2: Viết đoạn văn triển khai luận điểm: *Các câu tục ngữ về con người và xã hội đã khẳng định, đề cao giá trị con người***

***1. Hướng dẫn tìm ý:***

- Luận điểm: *Các câu tục ngữ về con người và xã hội đã khẳng định, đề cao giá trị con người*

- Luận cứ:

+ Con người quý hơn mọi thứ của cải, vật chất

+ Khẳng định vẻ đẹp ngoại hình và tính tình, tư cách của con người

+ Con người đầy bản lĩnh, ý thức về danh dự, nhân phẩm của mình

***2. Viết đoạn***

***Các câu tục ngữ về con người và xã hội đã khẳng định, đề cao giá trị con người* (Câu chủ đề).** Trước hết, nhân dân ta khẳng định: con người quý hơn mọi thứ của cải, vật chất trên đời: *Một mặt người bằng mười mặt của* (ý 1)*.* Lấy mặt người so sánh với mười mặt của, người xưa đã cho thấy, của cải rất quý nhưng con người còn quý hơn của cải rất nhiều. Từ đó nhân dân ta phê phán tư tưởng trọng người hơn của, đồng thời, an ủi, động viên những người không may bị mất của. Chưa dừng lại ở đó, tục ngữ về con người và xã hội còn khẳng định vẻ đẹp ngoại hình cũng như tính cách, phẩm chất đạo đức của con người: *Cái răng, mái tóc là góc con người* (ý 2)*.* Hàm răng, mái tóc là những yếu tố thể hiện vẻ đẹp ngoại hình, sức khoẻ cũng như tính cách của con người. Câu tục ngữ đã nêu lên mối quan hệ giữa nội dung và hình thức, giữa vẻ đẹp ngoại hình và phẩm chất của con người. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người vẫn luôn đầy bản lĩnh và luôn ý thức về danh dự, nhân phẩm của mình: *Đói cho sạch, rách cho thơm* (ý 3). *Đói, rách* ở đây muốn nói đến hoàn cảnh khó khăn; *sạch, thơm* ý chỉ phẩm chất nhân cách. Với nghĩa đó, câu tục ngữ muốn nói: dù đói vẫn phải ăn uống sạch sẽ, dù rách vẫn phải ăn mặc thơm tho; sâu xa hơn, dù cuộc sống có nghèo khổ, thiếu thốn đến mấy cũng phải sống cho trong sạch, giữ gìn nhân cách phẩm giá. Không vì thiếu thốn mà làm điều xấu xa, tội lỗi. Những câu tục ngữ đề cao nhân cách, phẩm giá, tôn vinh giá trị con người, mang lại cho chúng ta những bài học quý giá.

**Đề 3: “Rằm tháng giêng là một bức tranh tươi đẹp, nên thơ và tràn đầy sức sống”. Hãy viết đoạn văn làm sáng tỏ ý kiến.**

Rằm tháng giêng là một bức tranh tươi đẹp, nên thơ và tràn đầy sức sống. Đọc bài thơ “Rằm tháng giêng”ta sẽ thấy rất rõ điều đó. “Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên”. Chỉ với từ “nguyệt chính viên” ta cũng có thể hình dung được đó là vầng trăng đêm rằm đẹp nhất, viên mãn nhất, xinh tươi nhất, toả sáng nhất. Một không gian bao la, bát ngát, ngập tràn ánh trăng. Câu tiếp “Xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên” với ba điệp từ “xuân” nhằm nói lện vẻ đẹp của mùa xuân như thấm vào, bao trùm cảnh vật. Sức sống của mùa xuân đang trỗi dậy khắp nơi nơi. Hình dung nhân vật trữ tình đang đắm say, ngây ngất trước vẻ đẹp đêm rằm mùa xuân.

**Đề 4:** **Viết đoạn văn nghị luận thuyết phục luận điểm: *Sống biết chia sẻ mang lại niềm hạnh phúc***

**Gợi ý:**

1. Thế nào là sống biết chia sẻ?

- Là thương yêu, giúp đỡ nhau, biết động viên, an ủi nhau trong khó khăn, hoạn nạn.

- Biểu hiện:

+ Về vật chất: Dành một mẩu bánh mì cho trẻ em lang thang, tặng một đồng xu cho người hát rong trên đường phố, quyện góp sách vở để giúp đỡ bạn nghèo…

+ Về tinh thần: một lời động viên, an ủi nhau trong khó khăn, một ánh mắt xót xa, một cái nhìn đầy lo lắng trước những gì diễn ra xung quanh luôn là liều thuốc tinh thần hữu hiệu.

2. Tại sao sống biết chia sẻ mang lại niềm hạnh phúc

Vì:

- Người chia sẻ sẽ thấy lòng mình thanh thản, nhẹ nhõm, vui sướng, hân hoan. Niềm hạnh phúc đơn sơ đó sẽ làm cuộc đời thêm ý nghĩa

- Người được chí sẻ sẽ được đón nhận tình yêu thương, niềm hạnh phúc, sự chở che, nâng đỡ, cuộc đời sẽ bớt đi nhiều khổ đau, bất hạnh. Người nghèo sẽ không còn đói cơm rách áo, dọc đường phố sẽ không còn những trẻ em lang thang, và nụ cười sẽ nở trên môi những người hành khất.

- Chia sẻ làm cho mọi người xích lại gần nhau, làm cho bao con tim cùng hoà chung nhịp đập

3. Lật ngược vấn đề:

Thật bất hạnh cho những ai sống ích kỉ, chỉ biết giữ cho riêng mình thì cuộc đời sẽ nghèo đi biết mấy, cuộc sống sẽ trở nên cô độc.

\* Kết đoạn: Cuộc đời sẽ đẹp biết bao khi có tình yêu thương tràn ngập khắp thế gian này.

**Buổi 25- Tiết 73,74,75**

**Tiết 73**

**CHUYÊN ĐỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN (tiếp theo)**

**SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT (Đặng Thai Mai)**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức: Giúp HS ôn lại:

- Sơ giản về tác giả Đặng Thai Mai, những đặc điểm của tiếng Việt.

- Biết được những đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật nghị luận của bài văn.

2. Kỹ năng: Rèn cho HS kĩ năng:

**-** Đọc - hiểu văn bản nghị luận.

- Nhận ra được hệ thống luận điểm và cách trình bày luận điểm trong văn bản

- Chọn, trình bày dẫn chứng trong tạo lập văn bản nghị luận chứng minh.

3. Thái độ, phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng các tác phẩm nghị luận, trân trọng và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

4. Năng lực:

- Năng lực tự quản, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

Trong bài viết **Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt**, cố thủ tướng Phạm Văn Đồng có viết: “Có lẽ tiếng Viêt của chúng ta đẹp bời vì tâm hổn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân của ta từ trước tói nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp…”. Một lần nữa, nhà phê bình Đặng Thai Mai đã khẳng định mạnh mẽ điều ấy trong văn bản **Sự giàu đẹp của Tiếng Việt**, trích đoạn trích ở phần đầu của bài nghiên cứu dài **Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* GV hướng dẫn HS ôn lại những kiến thức cơ bản về tác giả Đặng Thai Mai.**  **H. Hãy nhắc lại những hiểu biết của em về tác giả Đặng Thai Mai?**  - HS trả lời  - GV giới thiệu thêm:  + Đặng Thai Mai sinh ra trong một gia đình có truyền thống hiếu học và yêu nước ở làng Lương Điền (nay là Thanh Xuân), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông nội đỗ cử nhân khai khoa, là một nhân sĩ yêu nước.Thân sinh là Đặng Nguyên Cẩn, đỗ Phó bảng, làm Đốc học, tham gia Duy tân hội của Phan Bội Châu, bạn thân của các bậc chí sĩ yêu nước như Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng…  + Trong quá trình hoạt động cách mạng, Đặng Thai Mai tham gia và được phân công giữ nhiều trọng trách quan trọng trong các cơ quan nhà nước ngay từ những buổi đầu  + Khởi đầu Đặng Thai Mai không có ý định viết văn. Ông chỉ thực sự cầm bút do đòi hỏi bức xúc của xã hội và yêu cầu của nhiệm vụ tuyên truyền cho cách mạng. Trong cuộc đời cầm bút, ông đã cho xuất bản tới 14 cuốn sách. Hầu hết chúng đều thuộc dạng tác phẩm nghiên cứu và phổ biến tri thức như: *Văn học khái luận; Triết học phổ thông; Tạp văn trong văn học Trung Quốc ngày nay; Giảng văn Chinh phụ ngâm; Chủ nghĩa nhân văn dưới thời kỳ văn hóa phục hưng; Lịch sử triết học phương Tây; Lịch sử văn học Trung Quốc; Văn thơ Phan Bội Châu và văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX…*  + Giáo sư, nhà nghiên cứu, nhà văn Đặng Thai Mai, không chỉ là một học giả uyên thâm, một trí thức yêu nước, một nhà giáo mẫu mực mà còn là người cha của sáu giáo sư, phó giáo sư, là người ông của hàng chục tiến sĩ, cử nhân. | **I. Tác giả: Đặng Thai Mai**  - Là nhà văn, nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng, nhà hoạt động xã hội có uy tín |
| **\* GV hướng dẫn HS ôn lại những kiến thức cơ bản về văn bản “Sự giàu đẹp của Tiếng Việt”.**  GV: Một bài văn nghị luận chứng minh tác giả luôn nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và kết thúc vấn đề.  **H. Trong văn bản “Sự giàu đẹp của tiếng Việt” tác giả nêu lên vấn đề gì?**  - Tiếng việt có những nét đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.  **H: Theo em vấn đề đó gồm mấy luận điểm?**  - 2 luận điểm:  + Một thứ tiếng đẹp  + Một thứ tiếng hay  **H. Để giải quyết vấn đề tác giả đã làm gì?**  - Chứng minh tiếng Việt là một thứ tiếng đẹp và là một thứ tiếng hay.  **H. Để chứng minh tiếng Việt là một thứ tiếng đẹp, tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào? Em có nhận xét gì về cách lựa chọn và đưa dẫn chứng của tác giả?**  - Nhiều người ngoại quốc sang thăm nước ta và có dịp nghe tiếng nói của quần chúng nhân dân ta….  - Một giáo sĩ người nước ngoài đã có thể nói đến tiếng Việt như là một thứ tiếng đẹp…  Cách đưa dẫn chứng: dẫn chứng rất khách quan và tiêu biểu : Đều là những nhận xét, ý kiến đánh giá của người nước ngoài.  **H. Khi CM và giải thích về vẻ đẹp của Tiếng Việt tác giả đã đánh giá ở những phương diện nào ?**  - Tiếng Việt đẹp ở hệ thống nguyên âm, phụ âm, giàu thanh điệu, câu cân đối, nhịp nhàng, dồi dào về thơ, nhạc, hoạ.  **H. Tác giả chứng minh tiếng Việt là một thứ tiếng hay như thế nào?**  - Cái hay của Tiếng Việt được thể hiện ở sự tinh tế, uyển chuyển trong cách dùng từ, đặt câu và hình thức diễn đạt. Cụ thể:  + Hệ thống nguyên âm, phụ âm phong phú (11 nguyên âm, 3 nguyên âm đôi, phụ âm …)  ***+ Giàu giai điệu:*** Thanh bằng Thanh trắc: ’; . ; / ; ~  ***+ Cú pháp:*** cách đặt câu cân đối, nhịp nhàng.  ***+ Từ vựng:*** Dồi dào cả về thơ, nhạc, hoạ.  **H. Phần kết thúc vấn đề, tác giả khẳng định điều gì?**  - Khẳng định sức sống mãnh liệt và lâu bền của Tiếng Việt | **II. Nội dung văn bản**  ***1: Nêu vấn đề***  - Tiếng việt có những nét đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.  ***2: Giải quyết vấn đề.***  - CM vẻ đẹp và cái hay của Tiếng Việt  + Tiếng Việt đẹp ở hệ thống nguyên âm, phụ âm, giàu thanh điệu, câu cân đối, nhịp nhàng, dồi dào về thơ, nhạc, hoạ.  + Cái hay của Tiếng Việt được thể hiện ở sự tinh tế, uyển chuyển trong cách dùng từ, đặt câu và hình thức diễn đạt  ***3: Kết thúc vấn đề:***  - Khẳng định sức sống mãnh liệt và lâu bền của Tiếng Việt |

**B- Thực hành**

Giáo viên tổ chức cho học sinh hoàn thành các phiếu bài tập sau:

**Phiếu học tập**

|  |
| --- |
| Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:  *“Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay. Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kì lịch sử.*  *Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp. Nhiều người ngoại quốc sang thăm nước ta và có dịp nghe tiếng nói của quần chúng nhân dân ta, đã có thể nhận xét rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất nhạc. Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người “nghe” và chỉ nghe thôi. Tuy vậy lời bình phẩm của họ có phần chắc không phải chỉ là một lời khen xã giao. Những nhân chứng có đủ thẩm quyền hơn về mặt này cũng không hiếm. Một giáo sĩ nước ngoài (chúng ta biết rằng nhiều nhà truyền đạo Thiên Chúa nước ngoài cũng là người rất thạo tiếng Việt), đã có thể nói đến tiếng Việt như là một thứ tiếng “đẹp” và “rất rành mạch trong lối nói, rất uyển chuyển trong câu kéo, rất ngon lành trong những câu tục ngữ”.*  *(Ngữ văn 7- tập 2, trang 35)*  ***Câu 1***: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Của ai? Nêu xuất xứ của văn bản đó.  ***Câu 2***: Cho biết phương thức biểu đạt chính của **đoạn văn trên là gì?** Tác giả sử dụng phép lập luận nào là chủ yếu?  ***Câu 3***: Để làm sáng tỏ được cái đẹp cái hay của tiếng Việt, tác giả đã đưa ra những luận cứ nào?  ***Câu 4*:** Xác định và nêu ý nghĩa của thành phần trạng ngữ trong câu: Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp.  ***Câu 5:*** Hãy viết một đoạn văn làm sáng tỏ luận điểm: “Thế hệ trẻ Việt Nam cần có trách nhiệm trong việc bảo vệ, giữ gìn vẻ đẹp và sự trong sáng của Tiếng Việt bằng những việc làm cụ thể, thiết thực. |

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

- Văn bản: Sự giàu đẹp của Tiếng Việt

- Tác giả: Đặng Thai Mai

- Xuất xứ văn bản: Trích trong phần đầu bài nghiên cứu *Tiếng Việt, một biểu hiện hung hồn của sức sống dân tộc,* in năm 1967, được đưa vào Tuyển tập Đặng Thai Mai

**Câu 2:**

- PTBĐ chính: Nghị luận

- Phép lập luận chủ yếu: lập luận chứng minh

**Câu 3:**

* Để làm sáng tỏ được cái đẹp cái hay của tiếng Việt, tác giả đã đưa ra những luận cứ:

+ Tiếng Việt hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu, tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu

+ *Tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kì lịch sử.*

+ Theo nhận xét của những người ngoại quốc, Tiếng Việt giàu tính nhạc, rành mạch trong lối nói, uyển chuyển trong từng câu chữ

**Câu 4:**

* Trạng ngữ trong câu: Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó
* Ý nghĩa: Xác định vị trí, nơi chốn

**Câu 5: Gợi ý:**

**Mở đoạn:**  Tiếng Việt là nét đẹp quý báu trong văn hóa dân tộc ngàn đời, bởi vậy thế hệ trẻ Việt Nam luôn có trách nhiệm trong việc bảo vệ giữ gìn vẻ đẹp về sự trong sáng của tiếng Việt bằng những việc làm cụ thể.

**Triển khai:**

* Khẳng định vai trò của TV: Tiếng Việt là quốc ngữ của Việt Nam, là công cụ giao tiếp, bộc lộ tư tưởng tình cảm, là niềm tự hào của cả dân tộc, thể hiện nét riêng của quốc gia đối với các dân tộc khác trên thế giới. Mỗi người dân Việt Nam khi sinh ra đều phải nói tiếng mẹ đẻ bởi vì đó là một điều thiêng liêng cũng là cách mà chúng ta trân quý tâm hồn dân tộc
* Để bảo vệ và gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt chính bởi vậy thế hệ trẻ cần:

 + Luyện nói những lời hay ý đẹp gửi đến nhau những lời tốt đẹp nhất

 + Loại bỏ những từ ngữ mới xuất hiện như tiếng long, teencode để giúp Tiếng Việt trong sáng từng ngày

+  Chỉnh sửa trong mọi người khi có người nói sai chính tả hoặc viết sai chính tả

 + Luôn rèn luyện kỹ năng nói và viết để không mắc sai lầm khi sử dụng tiếng Việt

**Kết đoạn:** Mỗi câu chữ của người Việt Nam đều thể hiện vẻ đẹp tâm hồn họ, bởi vậy, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt cũng chính là bảo vệ nét đẹp trong tâm hồn mỗi con người

**Tiết 74-75: Chuyên đề ngữ pháp: Thành phần câu**

***Thêm trạng ngữ cho câu***

**I. Mục tiêu cần đạt:** Qua bài học, giúp HS có được về:

**1. Kiến thức:** Củng cố kiến thức về khái niệm, vị trí của trạng ngữ.

**2. Kĩ năng:** Xác định trạng ngữ và ý nghĩa của nó. Biết đặt câu và viết đoạn văn có sử dụng trạng ngữ theo yêu cầu.

**3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng trạng ngữ phù hợp hoàn cảnh.

**4. Năng lực:**

- Năng lực chung: Giải quyết vấn đề, hợp tác, tự quản lí, tư duy sáng tạo…

- Năng lực chuyên biệt: Đọc hiểu, giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ…

**\* Chuẩn bị:**

**1. GV:** SGK, SGV, soạngiáo án, bảng phụ…

**2. HS:** Ôn bài.

**II. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định lớp.**

**2. KTBC:** Kết hợp trong giờ.

**3. Bài mới:**

**A- Hệ thống hóa kiến thức cần nhớ: 15’**

**-**  Giáo viên tổ chức cho học sinh ôn tập lại kiến thức bằng hình thức đặt câu hỏi, hỏi nhanh đáp gọn

- GV chốt kiến thức:

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Khái niệm**

***Trạng ngữ*** là thành phần phụ của câu xác định **thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích,.**.. của sự việc nêu ở trong câu.

***Trạng ngữ*** trả lời cho các câu hỏi **Khi nào ?, Ở đâu ?, Vì sao ?, Để làm gì ?.**

**2. Nêu đặc điểm của trạng ngữ**

\* Về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định:

**- Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho  câu.**

   Trạng ngữ chỉ thời gian dùng để xác định thời gian diễn ra sự việc nêu ở trong câu. Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho các câu hỏi **Bao giờ ? , Khi nào ?, Mấy giờ? .**

VD: Buổi sáng hôm ấy, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước.

**- Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu.**

  Trạng ngữ chỉ nơi chốn để làm rõ nơi chốn diễn ra sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nơi chốn trả lời cho câu hỏi **Ở đâu ? .**

VD : Trên bờ, tiếng trống càng thúc dữ dội.

-**Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu.**

  Trạng ngữ chỉ nguyên nhân để giải thích nguyên nhân của sự việc hoặc tình trạng nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân  trả lời các câu hỏi **Vì sao ? , Nhờ đâu ? , Tại đâu ?**.

VD: Nhờ học giỏi, Nam được cô giáo khen.

**- Thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu.**

  Trạng ngữ chỉ mục đích nói lên mục đích tiến hành sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho các cau hỏi**Để làm gì ?, Nhằm mục đích gì ?, Vì cái gì ?.**

VD: Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.

**- Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.**

Trạng ngữ chỉ phương tiện thường mở đầu bằng các từ bằng, với, và trả lời cho các câu hỏi Bằng cái gì ? , Với cái gì ? .

VD : Bằng một giọng thân tình, thầy khuyên chúng em cố gắng học cho tốt

\* Về hình thức: Trạng ngữ có thể đứng ở giữa câu, đầu câu hay cuối câu.

Vd:

- Qua màng nước mắt, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe. ( Khánh Hoài)

-Tôi, qua màng nước mắt, nhìn theo mẹ và em trèo lên xe.

**3. Trạng ngữ có những công dụng gì?**

- Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễ ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung câu được đầy đủ, chính xác

- Nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc

**4. Việc tách trạng ngữ thành câu riêng nhằm mục đích gì?**

- Để nhấn mạnh ý, chuyển ý hoặc thể hiện những tình huống cảm xúc nhất định

**I. LUYỆN TẬP**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Tìm các trạng ngữ có trong câu sau và cho biết có thể lược bỏ chúng không? Tại sao?  a. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng- những màu vàng rất khác nhau.  b. Hôm qua, ai làm trực nhật.   * Thưa cô, hôm qua, em làm trực nhật ạ!   c. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôI lại đánh một hồi mỏ rồi tung thóc ra sân.  **Câu 2:** Xác định ý nghĩa của trạng ngữ trong những câu sau:  a) Nhà bên, cây cối trong vườn trĩu quả.  b) Con chó nhà tôi chết bởi ngộ độc thức ăn.  c) Tôi tiến bộ nhờ sự giúp đỡ của anh.  d) Một cây súng Mát với ba viên đạn, Kơ Long bám gót giặc từ sáng đến trưa.( nguyễn trung Thành)  e) Rít lên một tiếng ghê gớm, chiếc “ Mích” vòng lại. ( Nguyễn Đình Thi)  g) Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dạy cho kịp giờ.  h) Mọi ngày, khi con đã ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. ( Lí Lan)  i) Nhìn con ngủ một lát rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con. ( Lí lan) |

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

a. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng- những màu vàng rất khác nhau.

b– Hôm qua, ai làm trực nhật.

* Thưa cô, hôm qua, em làm trực nhật ạ!

c. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôI lại đánh một hồi mỏ rồi tung thóc ra sân.

`( => TN tuy là thành phần phụ nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói tới trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó trạng ngữ trong các câu a,c ý 1 câu b không thể lược bỏ, chỉ có thể bỏ trạng ngữ ở ý 2 câu b( Hôm qua, em làm trực nhật ạ!) vì ý nghĩa thời gian đã được người nói và người nghe biết trước.)

**Câu 2:**

a) Nhà bên, cây cối trong vườn trĩu quả. ( ***TN chỉ nơi chốn***)

b) Con chó nhà tôi chết bởi ngộ độc thức ăn.( ***TN chỉ Nguyên nhâ***n)

c) Tôi tiến bộ nhờ sự giúp đỡ của anh. ( ***TN chỉ nguyên nhân***)

d) Một cây súng Mát với ba viên đạn, Kơ Long bám gót giặc từ sáng đến trưa.( nguyễn trung Thành) ( ***TN chỉ phương tiện***)

e) Rít lên một tiếng ghê gớm, chiếc “ Mích” vòng lại. ( nguyễn Đình Thi) - ***TN chỉ trạng thái.***

g) Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dạy cho kịp giờ.

( Lí Lan) - ***TN chỉ sự so sánh***.

h) Mọi ngày, khi con đã ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. ( Lí Lan) - ***TN thời gian,*** cách thức.

i) Nhìn con ngủ một lát rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con. ( Lí lan) – TN chỉ cách thức.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Thêm vào các câu sau một trạng ngữ thích hợp:   * 1. Bạn lan được cô giáo khen.   2. Cây cối đâm chồi nảy lộc.   3. Em làm sai mất bài toán cuối.   4. Tất cả học sinh đều chăm chú lắng nghe.   **Câu 2:** Tìm trạng ngữ trong các câu sau và cho biết tên các loại trạng ngữ:  a) Thỉnh thoảng, tôi lại về thăm Ngoại.  b) Trước cổng trường, từng tốp các em nhỏ tíu tít ra về.  c) Cô bé dậy thật sớm thổi giúp mẹ nồi cơm vì muốn mẹ đỡ vất vả.  d)  Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ, chúng ta phải học tập và rèn luyện thật tốt.  e) Với giọng nói từ tốn, bà kể em nghe về tuổi thơ của bà. |

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

a. Bạn lan được cô giáo khen. ( Hôm nay)

b. Cây cối đâm chồi nảy lộc. ( MX)

c. Em làm sai mất bài toán cuối. ( Vì không chú ý)

d. Tất cả học sinh đều chăm chú lắng nghe. ( Trong giờ học toán)

**Câu 2:**

- Cho học sinh nhắc lại kiến thức về trạng ngữ.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đặt câu hỏi:

a) Khi nào tôi về thăm ngoại ? (thỉnh thoảng - TN chỉ thời gian);

b) Từng tốp các em nhỏ tíu tít ra về ở đâu? (Trước cổng trường - TN chỉ nơi chốn);

c) Vì sao cô bé dậy thật sớm thổi giúp mẹ nồi cơm? (vì muốn mẹ đỡ vất vả - TN chỉ nguyên nhân); Nhiều học sinh không xác định “vì muốn mẹ đỡ vất vả” là trạng ngừ mà coi đó là vị ngữ.

+  Chúng ta phải học tập và rèn luyện thật tốt để làm gì ? (Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ - TN chỉ mục đích)

+ Bà kể em nghe về tuổi thơ của bà với cái gì ? (Với giọng nói từ tốn - TN chỉ phương tiện)

**Kết quả trạng ngữ được gạch chân như sau:**

a) Thỉnh thoảng, tôi lại về thăm Ngoại.

b) Trước cổng trường, từng tốp các em nhỏ tíu tít ra về.

c) Cô bé dậy thật sớm thổi giúp mẹ nồi cơm vì muốn mẹ đỡ vất vả.

d)  Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ, chúng ta phải học tập và rèn luyện thật tốt.

e) Với giọng nói từ tốn, bà kể em nghe về tuổi thơ của bà.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Câu 1 : Xác định thành phần chính, thành phần phụ trong các câu sau:**  a) Mỗi lấn Tết đến, đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ rải trên các lề phố Hà Nội, lòng tôi thấm thía một nỗi biết ơn đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân.  b) Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà, biển đổi sang màu xanh lục.  c) Cái hình ảnh trong tôi về cô, đến bây giờ, vẫn còn rõ nét.  d)  Bến đảo Cô Tô, một hòn ngọc ngày mai của tổ quốc đang chờ đợi chúng ta, thúc giục chúng ta.  đ) Trong đêm tối mịt mùng, trên dòng sông mênh mông, chiếc xuồng của má Bảy chở thương binh lặng lẽ trôi.  e) Trong bóng nước láng trên mặt cát như gương, những con chim bông biển trong suốt như thuỷ tinh lăn tròn trên những con sóng.  g) Khoảng gần khuya, trên các chỏm rừng, gió tây nam cuốn mây xám cả về một góc, rồi thổi dạt đi.  h) An và Liên ngư­ớc mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông Ngân Hà và các con vịt theo sau ông Thần Nông.  **Câu 2:** *"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quí báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”*  Tìm và phân loại trạng ngữ có trong đoạn văn trên. |

**Gợi ý:**

**Câu 1 :**

a) Đặt câu hỏi để xác định TN: Khi nào ? (Mỗi lấn Tết đến - TN); Ở đâu ? (đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ rải trên các lề phố Hà Nội - TN).

+ Xác định chủ ngữ: Ai thấm thía mỗi biết ơn ? (lòng tôi - CN).

+ Xác định vị ngữ: lòng tôi thế nào ? (thấm thía một nỗi biết ơn đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân - VN).

b) Đặt câu hỏi để xác định TN: Khi nào ? (trưa; khi chiều tà - TN), nhiều học sinh không xác định được vế câu nên cho bộ phận này là CN

+ Xác định chủ ngữ: Cái gì ? (nước biến; biển - CN).

+ Xác định vị ngữ: nước biến thế nào ? (xanh lơ - VN); biển thế nào ? (đổi sang màu xanh lục - VN).

Câu này có mấy cụm C-V ? (2 cụm C-V). Đó là câu gì ? (Câu ghép - Mẫu câu Ai thế nào?)

Câu c), d), đ), e), g) tương tự: giáo viên lưu ý câu c) trạng ngữ đứng ở giữa câu, câu h) trạng ngữ ở cuối câu có từ nối "để". Câu đ), e) chủ ngữ là một cụm C-V nên hướng dẫn học sinh đặt câu hỏi từng yêu cầu nhỏ để xác định đúng CN, VN. Câu g) có hai vị ngữ.

**Kết quả:**

a) Mỗi lấn Tết đến, đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ rải trên các lề phố Hà Nội, lòng tôi // thấm thía một nỗi biết ơn đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân.    CN                                VN

b) Trưa, nước biển// xanh lơ và khi chiều tà, biển // đổi sang màu xanh lục.

     TN           CN          VN              TN        VN         VN

c) Cái hình ảnh trong tôi về cô, đến bây giờ, vẫn còn rõ nét.

           CN                                         TN               VN

d)  Bến đảo Cô Tô, một hòn ngọc ngày mai của tổ quốc // đang chờ đợi chúng ta, thúc giục chúng ta.                        CN                                          VN

đ) Trong đêm tối mịt mùng, trên dòng sông mênh mông, chiếc xuồng của má Bảy chở thương binh // lặng lẽ trôi.

CN                               VN

e) Trong bóng  nước  láng trên mặt cát như gương, những con chim bông biển trong suốt như thuỷ tinh // lăn tròn trên những con sóng.

CN                                    VN

g) Khoảng gần khuya, trên các chỏm rừng, gió tây nam // cuốn mây xám cả về một góc, rồi thổi dạt đi.                                            CN              VN

h) An và Liên // ngư­ớc mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông Ngân Hà và các con

CN                              VN                                                 TN

vịt theo sau ông Thần Nông.

**Câu 2:** Trạng ngữ: Từ xưa đến nay,

Trạng ngữ chỉ thời gian.

**Tiết: 76, 77, 78: Chuyên đề: Văn nghị luận**

**Tìm hiểu chung về phép lập luận chứng minh**

**Cách làm bài lập luận chứng minh**

**Luyện tập lập luận chứng minh**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững những kiến thức của phép nghị luận lập luận chứng minh.

**2. Kĩ năng:**

- Biết cách lập dàn ý và viết bài văn nghị luận chứng minh.

**3. Thái độ:**

- Tự giác, tích cực ôn bài

**4. Định hướng phát triển năng lực học sinh:**

**- Năng lực chung:**

+Năng lực giải quyết vấn đề,

+Năng lực sáng tạo,

**- Năng lực chuyên biệt:**

+ Năng lực tiếp nhận văn bản

+ Năng lực tự học ,hợp tác, phân tích cắt nghĩa,giải quyết các vấn đề đặt ra trong văn bản ,năng lực sử dụng ngôn ngữ để tạo lập văn bản

+ Năng lực tổng hợp kiến thức.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1: Hệ thống một số kiến thức về phép lập luận chứng minh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên – học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**  *GV hỏi – HS trả lời (vấn đáp)*  *? Trong văn nghị luận khi nào ta sử dụng thao tác chứng minh?*  *? Nêu các bước làm bài văn lập luận chứng minh?*  *? Em hãy trình bày dàn ý khái quát của bài văn lập luận chứng minh?*  - HS trả lời – GV khái quát bổ sung. | **I. Ôn tập lý thuyết**  - Trong văn nghị luận, chứng minh là một phép lập luận dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực, đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm mới (cần được chứng minh) là đáng tin cậy.  - Các bước làm bài văn lập luận chứng minh:  + Tìm hiểu đề, tìm ý  + Lập dàn bài  + Viết bài  + Đọc lại và sửa chữa.  **I. DÀN Ý KHÁI QUÁT** **1.    Mở bài:** -    Có thể đặt vấn đề theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp... -    Nếu theo cách gián tiếp thì có thể dùng thao tác diễn dịch hoặc quy nạp, so sánh... -    Nêu dùng thao tác diễn dịch thì có thể dẫn dắt vào đề bằng một trong cái cách sau: + Nêu hoàn cảnh lịch sử của vấn đề cần chứng minh. + Giới thiệu hoàn cảnh lịch sử, xã hội có liên quan đến vấn đề cần chứng minh + Nêu tầm quan trọng (vai trò, ý nghĩa xã hội) của vấn đề cần chứng minh.  Lưu ý: Dù mở bài theo cách trực tiếp hay gián tiếp thì vẫn phải đảm bảo được các yêu cầu:  - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề cần phải chứng minh.  - Trích dẫn câu trong luận đề.  - Giới thiệu vấn đề phải chứng minh (rất quan trọng tránh xa đề)  **2.    Thân bài:** a)    Giải thích ngắn gọn luận đề. (*nếu thiếu bước này bài văn thiếu căn cứ khoa học* ) b)    Chứng minh luận đề: lần lượt chứng minh từng luận điểm theo mô hình sau (I). Luận điểm 1. (1)    . Luận cứ 1. • Lập luận, dẫn dắt đưa ra các dẫn chứng: + Dẫn chứng 1: + Dẫn chứng I: -    Phân tích dẫn chứng. -    Tóm tắt và chuyển ý. (2)    . Luận cứ 2. Lập luận, dẫn dắt đưa ra các dẫn chứng: + Dẫn chứng 1: + Dẫn chứng 1: -    Phân tích dẫn chứng. -    Tóm tắt và chuyển ý. (II). Luận điểm 2. (1)    Luận cứ 1. Lập luận, dẫn dắt đưa ra các dẫn chứng: -    Dẫn chứng 1: -    Dẫn chứng 2: + Phân tích dẫn chứng. + Tóm tắt và chuyển ý: (2)    . Luận cứ 2. Lập luận, dẫn dắt đưa ra các dẫn chứng: + Dẫn chứng 1: + Dẫn chứng 2: -    Phân tích dẫn chứng. -    Tóm tắt và chuyên ý. Tổng hợp những vấn đề đã chứng minh, nhân mạnh tính chặt chẽ, rõ ràng, không thể bác bỏ được.  *Lưu ý: Trong quá trình phân tích chứng minh dẫn chứng có thể lồng cảm nghĩ, đánh giá, liên hệ- cần tinh tế.*  **3. Kết bài:** Có thể kết thúc vấn đề theo một trong các dạng sau: -    Tổng hợp, tóm lược các ý chính đã nêu ở phần thân bài. -    Nêu phương hướng áp dụng vào cuộc sống. -    Phát triển mở rộng vấn đề. -    Mượn ý kiến của danh nhân, của sách... đó thay lời kết của mình. - Liên hệ cảm nghĩ, rút ra bài học. |

**Tiết 2: Luyện tập cách làm bài văn lập luận chứng minh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên – học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV đưa ra đề bài;  HS tìm hiểu đề  - GV yêu cầu hs lập dàn ý theo đề bài đã cho.  *(1 hs lên bảng làm – hs dưới lớp làm vào giấy nháp)*  - HS, GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  - GV yêu cầu HS viết các đoạn văn hoàn chỉnh có kết hợp các dẫn chứng và lí lẽ từ phần dàn ý vừa làm  - HS viết đoạn văn; trình trước lớp  - HS, Gv nhận xét, bỏ sung, đánh giá điểm số. | ***Đề 1:*** Nhân dân ta có câu tục ngữ: Có công mài sắt có ngày nên kim. Em hãy chứng minh chân lí trên: \* Tìm hiểu đề:  - Kiểu bài: nghị luận chứng minh  - Nội dung: Câu tục ngữ “có công mài sắt có ngày nên kim” đề cao lòng kiên trì, nhẫn nại của con người.  - Phạm vi dẫn chứng: Trong đời sống.  \* Lập dàn ý  A.    Mở bài:  - Dẫn dắt vấn đề: ý chí và nghị lực là yếu tố quyết định thành công. -    Giới thiệu câu tục ngữ quen thuộc của nhân dân ta “Có công mài sắt có ngày nên kim” -    Nêu ý nghĩa chung của câu tục ngữ: đề cao lòng kiên trì, nhẫn nại của con người.  B.    Thân bài: I.    Giải thích ngắn gọn nghĩa đen và nghĩa bóng của câu tục ngữ. 1.    Nghĩa đen của câu tục ngữ: mài mãi một thanh sắt lớn sẽ có ngày thanh sắt ấy trở thành một cây kim bé nhỏ.  2.    Nghĩa bóng: Trong cuộc sống có nghị lực, có cố gắng bền bỉ nhất định thu được thành công.  -> Câu tục ngữ đề cao lòng kiên trì nhẫn nại của con người. II.    Chứng minh câu tục ngữ trên nhiều bình diện khác nhau để làm sáng tỏ chân lí mà nhân dân ta đúc kết trong đó. 1.    Trong học tập, nghiên cứu khoa học và sáng tạo nghệ thuật (dẫn chứng kết hợp với lí lẽ). 2.    Trong lao động sản xuất để xây dựng đất nước (dẫn chứng kết hợp với lí lẽ).  3.    Trong chiến đấu chống giặc để bảo vệ Tổ quốc (dẫn chứng kết hợp với lí lẽ). 4.    Ở trong nước, trên thế giới, chung quanh ta (dẫn chứng kết hợp với lí lẽ). 3.2.    Kết bài: -    Ý nghĩa của câu tục ngữ -    Bài học hành động và tu dưỡng bản thân. (phải luôn rèn luyện ý chí, không nôn nóng, chán nản khi gặp khó khăn trong mọi việc) |

**Tiết 3: Luyện tập cách làm bài văn lập luận chứng minh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên – học sinh** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV đưa ra đề bài;  - HS tìm hiểu đề  - GV yêu cầu hs lập dàn ý theo đề bài đã cho.  *(1 hs lên bảng làm – hs dưới lớp làm vào giấy nháp)*  - HS, GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  - GV yêu cầu HS viết các đoạn văn hoàn chỉnh có kết hợp các dẫn chứng và lí lẽ từ phần dàn ý vừa làm  - HS viết đoạn văn; trình trước lớp  - HS, Gv nhận xét, bỏ sung, đánh giá điểm số. | ***Đề bài 2:*** Chứng minh câu tục ngữ: *Một cây làm chẳng nên non, Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*  \* Tìm hiểu đề:  - Kiểu bài: nghị luận chứng minh  - Nội dung: Câu tục ngữ  *Một cây làm chẳng nên non, Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*  *-> Khẳng định vai trò, sức mạnh của tinh thần đoàn kết.* - Phạm vi dẫn chứng: Trong đời sống.  \* Lập dàn ý  A.    Mở bài:  - Dẫn dắt: Đoàn kết là sức mạnh truyền thống của dân tộc Việt Nam -    Giới thiệu lí do trong kho tàng tục ngữ Việt Nam có nhiều câu nói về đoàn kết. -    Giới thiệu câu tục ngữ cần chứng minh. B.    Thân bài: I.    Giải thích ngắn gọn nghĩa đen, nghĩa bóng của câu tục ngữ. 1.    Nghĩa đen: -    Một cây: một là số ít. Một cây là ít cây. -    Ba cây: ba là số nhiều. Ba cây là nhiều cây. -    Chụm lại: tập hợp lại, chụm vào nhau. -    Nên hòn núi cao: nên là thành, trở thành.. 2.    Nghĩa bóng:  - Một cây: đơn độc, lẻ loi, yếu ớt.  - Ba cây: nhiều, đông đảo, mạnh mẽ  - Chụm lại: sự đồng tâm, nhất trí, sự hợp quần, sự liên kết.  - Núi cao: sức mạnh vững chãi  -> bài học về sự hợp lực, về tinh thần đoàn kết để tạo nên sức mạnh to lớn của cộng đồng dân tộc. Đoàn kết tạo nên sức mạnh, đoàn kết sẽ đem lại thành công lớn. Đó là một kinh nghiệm đã được đúc kết từ trong lịch sử dựng nước giữ nước và đấu tranh sinh tồn của cha ông ta. II. Chứng minh câu tục ngữ 1. Chứng minh bằng dẫn chứng trong văn học. -    Câu chuyện Bó đũa (đã được học ở Tiếng Việt 2, tập 1): một chiếc đũa dễ bẻ. Cả bó đũa không bẻ được. -    Bài thơ: Hòn đá của Bác Hồ: một người không nhấc nổi hòn đá. Nhiều người mới nhấc được hòn đá. -    Lời dạy của Bác Hồ: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết Thành công, thành công, đại thành công. 2.    Chứng minh bằng dẫn chứng trong lịch sử dân tộc. \* Đoàn kết trong chiến đấu chống ngoại xâm.  + Chống phong kiến phương Bắc:  - Hội nghị Diên Hồng thời nhà Trần. Tiếng hô “Quyết chiến ! Quyết chiến !” của hàng trăm bô lão. Câu nói của Trần Quốc Tuấn : “ Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức” .  -    Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và sự đoàn kết của dân tộc được Nguyễn Trãi đúc kết trong “Bình Ngô đại cáo”:  *Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới.*  *Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.*  + Chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ:  - Chủ trương đoàn kết của chủ tịch Hồ Chí Minh  - Mặt trận Liên Việt; Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc để chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. 3.    Chứng minh bằng dẫn chứng trong đời sống hiện nay. -    Tư tưởng, quan điểm: Khép lại quá khứ, hướng về tương lai. -    Đoàn kết xây dựng, phát triển đất nước. + Đoàn kết để lao động mở mang đất nước: công cuộc khai phá vùng đồng bằng sông Cửu Long.  + Đoàn kết để bảo vệ và phát triển sản xuất: biểu tượng của những con đê sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mã…  + Những công trình lớn, tiêu biểu cho sức mạnh đoàn kết: thủy điện Hòa Bình; thủy điện Trị An; đường Trường Sơn huyền thoại….  c. Kết bài: -    Khẳng định ý nghĩa bài học về đoàn kết chứa trong câu tục ngữ. -    Đoàn kết là sức mạnh, là nguồn suối yêu thương, hạnh phúc, ấm no. -    Câu tục ngữ thắp sáng niềm tin... Niềm tự hào dân tộc. -    Nêu suy nghĩ của bản thân: xây dựng tình đoàn kết trong gia đình, bạn bè, lớp học... |

**III. Củng cố, dặn dò (5’)**

**1. Củng cố:**

***-*** *Gv lưu ý khái quát các kiến thức về văn nghị luận chứng minh (tập trung vào phần lập dàn ý để viết bài)*

**2. Dặn dò**

- Ôn tập các kiến thức đã học

- Hoàn thiện bài viết tập làm văn dựa vào dàn ý đã lập trên lớp.

**BUỔI 27- Tiết 79,80,81**

***CHUYÊN ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN.***

**I.Mức độ cần đạt:**

**1.Kiến thức:**

Giúp hs củng cố, khắc sâu kiến thức đã được học ở các bài “Đức tính giản dị của Bác Hồ" và luyện tập viết đoạn văn chứng minh về:

+ Giá trị nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa qua văn bản : Đức tính giản dị của Bác Hồ.

+Cách làm bài văn chứng minh và yêu cầu đối với đoạn văn chứng minh

**2.Kĩ năng.**

-Rèn kĩ năng trả lời các câu hỏi ở mức độ nhận biết, thông hiểu , vận dụng.

-Rèn kĩ năng viết đoạn văn, bài văn chứng minh.

**3,Thái độ, phẩm chất.**

- Trân trọng và yêu quý vị lãnh tụ kính mến của dân tộc.

- Có ý thức học hỏi sự giản dị trong cuộc sống.

-Giáo dục hs ý thức vận dụng lý thuyết vào thực hành.

**4.Năng lực:**Năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác,tự học, sáng tạo ngôn ngữ….

**II.Tiến trình lên lớp:**

**Tiết 1: Ôn tập văn bản: Đức tính giản dị của Bác Hồ.**

**A.** .Hệ thống các kiến thức đã học. ( 10-15 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt.** |
| **Gv yêu cầu hs hoàn thiện phiếu học tập :**  **Thời gian: 5 phút**   |  | | --- | | 1.Tác giả.  2.Tác phẩm.  a.Xuất xứ.  b.Thể loại:  c.Giá trị nội dung.  d.Giá trị nghệ thuật. |   Đại diện hs trình bày  HS nhận xét, bổ sung.  Gv nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức. | **I.Văn bản : Đức tính giản dị của Bác Hồ.**  **1.Tác giả:**  -Phạm Văn Đồng ( 1906-2000) .  -Quê:Đức Tâm- Mộ Đức- Quảng Ngãi..  -Là nhà cách mạng nổi tiếng và nhà văn lớn.  -Ông tham gia cách mạng từ 1925, đã giữ nhiều cương vị quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà Nước Việt Nam. Ông là học trò là người cộng sự gần gũi của CTHCM.  -Phạm Văn Đồng có nhiều công trình bài nói và viết về văn hóa, văn nghệ, về Chủ Tịch Hồ Chí Minh và các danh nhân văn hóa dân tộc.  -Đặc điểm sáng tác : Những tác phẩm của Phạm Văn Đồng lôi cuốn người đọc bằng tư tưởng sâu sắc và giản dị, tình cảm sôi nổi, lời văn trong sáng, hấp dẫn.  **2.Tác phẩm:**  a.Xuất xứ: Tác phẩm được trích từ “ Chủ Tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại”- diễn văn trong lễ kỉ niệm 80 năm ngày sinh của CTHCM (1970).  c.Thể loại : nghị luận.  d.Giá trị nội dung:  - Giản dị là đức tính nổi bật ở Bác Hồ, giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong lời nói và bài viết. Ở Bác sự giản dị hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú với tư tưởng và tình cảm cao đẹp.  e.Giá trị nghệ thuật:  -Luận điểm ngắn gọn.  -Hệ thống luận cứ đầy đủ, xác đáng , chặt chẽ.  -Dẫn chứng cụ thể, phong phú, chính xác, giàu sức thuyết phục.  - Bình luận sâu sắc,chứa đựng tình cảm của người viết. |

**B: LUYỆN TẬP**

**Bài tập 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi dưới đây:**

*“ Rất lạ lùng, rất kì diệu là trong 60 năm của một cuộc đời đầy sóng gió diễn ra ở rất nhiều nơi trên thể giới cũng như ở nước ta, Bác vẫn giữ nguyên phẩm chất cao quý của một người chiến sĩ cách mạng, tất cả vì nước, vì dân, vì sự nghiệp lớn trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp.”*

1. Đoạn văn trên trích trong văn bản nào ? Tác giả là ai ?

2. Giải thích nghĩa của từ “ thanh bạch, tao nhã”?

3. Trong văn bản, đức tính giản dị của Bác được chứng minh qua những phương diện nào?

4. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn và phân tích tác dụng của chúng ?

5. Từ văn bản em có liên tưởng đến văn bản nào đã được học trong chương trình ngữ văn 6,7 cũng nói về Bác? Cho biết tên tác giả văn bản đó?

6. Từ tấm gương về sự thanh bạch, giản dị của Bác, theo em thế hệ trẻ ngày nay cần phải làm gì để noi theo tấm gương sáng của Người?

**\*Hướng dẫn :**

1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản : Đức tính giản dị của Bác Hồ.

-Tác giả: Phạm Văn Đồng.

2.Giải thích nghĩa của từ:

-Thanh bạch: trong sạch, giản dị trong lối sống.

-Tao nhã: thanh cao và lịch sự.

3.Trong văn bản, đức tính giản dị của Bác được chứng minh qua những phương diện sau:

-Đời sống hằng ngày: bữa ăn, nơi ở.

-Cách làm việc.

-Trong quan hệ với mọi người.

-Trong lời nói và viết.

4.Biện pháp tu từ : liệt kê.

-Tác dụng : nhấn mạnh phẩm chất cao đẹp của Bác dù ở bất kì trong hoàn cảnh , lứa tuổi nào.

5. Liên hệ văn bản nói về Bác: “ Đêm nay Bác không ngủ” –Minh Huệ.

6.Những việc cần phải làm của thế hệ trẻ ngày nay:

-Không xa hoa, lãng phí.

-Sống tiết kiệm.

-Học tập tốt.

-Tích cực tham gia xây dựng đất nước.

***Bài tập 2: Từ những hiểu biết về văn bản, em hãy viết một đoạn văn chứng minh : “ Bác có một lối sống vô cùng giản dị”.***

\*Hướng dẫn:

-Hình thức:

+ Trình bày đúng hình thức của một đoạn văn.

+ Có câu chủ đề đầu hoặc cuối đoạn văn..

+Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả.

-Nội dung: Các em có thể có nhiều cách trình bày nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau :

+ Câu chủ đề: ( câu mở đoạn ) :

Bài “ Đức tính giản dị của Bác Hồ” chúng ta thấy rằng Bác có một lối sông vô cùng giản dị.

Các câu triển khai luận điểm :

+ Thật vây, Bác Hồ kính yêu của chúng ta rất giản dị trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Điều đó được thể hiện trong từng bữa ăn, trang phục Bác mặc cho đến những đồ dùng cá nhân, lời nói hay nhiều lĩnh vực khác.

+ Bữa cơm Bác chỉ vèn vẹn có vài 3 món giản đơn, khi ăn Bác không để rơi vãi một hột cơm nào. Ăn xong cái bát bao giờ cũng sạch và được sắp xếp tươm tất. Từ những việc làm nhỏ nhặt ấy cũng cho chúng ta thấy Bác là người vô cùng quý trọng tới công sức của người lao động.

+ Đồ dùng của Bác rất ít ỏi chỉ có vài ba bộ quần áo kaki, áo bà nâu,1 cái tủ cá nhân nhỏ.

+ Nơi ở của Bác chỉ là một ngôi nhà sàn đơn sơ chỉ có vài ba phòng nhưng ngôi nhà ấy luôn luôn lộng gió, tràn ngập ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn.

+Hằng ngày Bác làm từ những việc nhỏ như trồng cây, viết thư cho đồng bào hay đến những việc lớn như tìm đường cứu nước, cứu dân. Dù là việc gì nhưng nếu tự làm được Bác sẽ tự làm mà không cần nhờ đến sự giúp đỡ của người khác.

+ Không chỉ giản dị trong cách sinh hoạt hay cách làm việc mà Bác còn rất giản dị trong cách nói và viết. Những câu nói của Bác như thấm thía vào hang triệu con tim, khối óc của dân tộc Việt Nam và đã biến thành sức mạnh để nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn , thử thách..

=>Vì vậy, đức tính giản dị của Bác luôn là 1 tấm gương sáng cho mỗi chúng ta học tập và noi theo.

Liên hệ bản thân.

***Bài tập 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi sau đây:***

*“ Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, căn nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn không để rơi vãi một hột cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn con lại thì được sắp xếp tươm tất.* ***Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ.*** *Cái nhà sàn của Bác vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng, và trong lúc tâm hồn của Bác lộng gió thời đại, thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao! Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ việc rất lớn: việc cứu nước, cứu dân đến việc rất nhỏ, trồng cây trong vườn, viết một bức thư cho một đồng chí, nói chuyện với các cháu miền Nam, đi thăm nhà tập thể của công nhân, từ nơi làm việc đến phòng ngủ, nhà ăn…Trong đời sống của mình, việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp, cho nên bên cạnh Bác người giúp việc và phục vụ có thể đếm trên đầu ngón tay, và Bác đã đặt tên cho một số đồng chí đó những cái tên mà gộp lại là ý chí chiến đấu và chiên thắng: Trường, Kì, Nhất, Định, Thắng, Lợi !.*

1. Nêu xuất xứ của văn bản chứa đoạn trích trên ?

2. Theo em đời sống vật chất và tác phong giản dị của Bác thể hiện những phẩm chất cao quý nào ở Bác?

3. Xác đinh trạng ngữ trong câu in đậm của đoạn văn trên ?

4. Trong câu văn : “Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, căn nhà, lối sống.”, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào ? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó ?

5 .Em có nhận xét gì về nghệ thuật chứng minh của tác giả trong đoạn văn trên ? Những chứng cứ trong đoạn văn trên có giàu sức thuyết phục không ? Vì sao ?

***\*Hướng dẫn:***

1. Xuất xứ của văn bản chứa đoạn trích trên là : trích từ bài Chủ Tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại- diễn văn trong tang lễ kỉ niệm 80 năm ngày sinh CTHCM (1970).

2.-Đời sống vật chất và tác phong giản dị của Bác thể hiện những phẩm chất cáo quý ở Bác

+Không màng vinh hoa phú quý.

+Bác sống cuộc sống của quần chúng nhân dân lao động, cùng với mọi người xây dựng một đất nước văn minh thực sự.

3.Trạng ngữ trong câu in đậm : Ở việc làm nhỏ đó.

4,Trong câu văn có sử dụng biệp pháp nghệ thuật : liệt kê.

-Tác dụng : Khẳng định lối sống giản dị của Bác được biểu hiện đa dạng ở nhiều phương diện, khía cạnh khác nhau.

5.Nhận xét nghệ thuật chứng minh của tác giả trong đoạn văn “ Con người của Bác…. Thắng, Lợi.”

-Nghệ thuật chứng minh tác giả đưa ra hệ thống luận cứ toàn diện, dẫn chứng cụ thể, xác thực và phong phú.

-Những chứng cứ ở đoạn này giàu sức thuyết phục vì hệ thống luận cứ toàn diện : từ bữa ăn, nhà ở, việc làm đến cách nói, cách viết.

-Điều này cho thấy, tác giả đã có thời gian sống gần Bác, có mối quan hệ gần gũi mới viết được một cách xác thực như vậy.

**TIẾT 2: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN CHỨNG MINH.**

A. Hệ thống các kiến thức đã học. ( 10 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt.** |
| Gv yêu cầu hs nhắc lại yêu cầu đối với đoạn văn chứng minh. | **I.Lí thuyết.**  \*Quy trình triển khai một đoạn văn chứng minh.  - Xác định luận điểm cho đoạn văn.  -Lựa chọn cách triển khai đoạn văn  -Dự định số luận cứ sử dụng.  -Triển khai thành đoạn văn.  ***\*Lưu ý khi viết đoạn văn:***  + Khi viết một đoạn văn cần hình dung đoạn văn đó nằm ở chỗ nào của bài văn, có thế mới viết được phần chuyển đoạn  + Cần cơ cấu chủ đề nêu rõ luận điểm của đoạn văn, các ý, các câu trong đoạn văn phải tập trung làm rõ luận điểm.  + Các lí lẽ ( và dẫn chứng) phải được sắp xếp hợp lý để quá trình lập luận chứng minh được thực sự rõ ràng và mạch lạc.  + Có thể trình bày theo cách diễn dịch hoặc quy nạp. |

**B: Luyện tập ( 35 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| Bài tập 1:  Đề bài: Chứng minh rằng "văn chương luyện những tình cảm ta sẵn có"  Hs đọc đề bài.  -Để viết được đoạn văn này, điều đầu tiên chúng ta phải làm gì? (Xđ luận điểm cho đv).  -Vậy luận điểm của đv này là gì?  -Em dự định sẽ triển khai đv theo cách nào? (Triển khai theo cách diễn dịch).  -Thế nào là diễn dịch? (Nêu luận điểm trước rồi mới dùng d.c và lí lẽ để chứng minh)  -Để chứng minh cho luận điểm trên, em cần bao nhiêu lụân cứ giải thích, bao nhiêu luận cứ thực tế? (Cần 2 luận cứ giải thích và 4 luận cứ thực tế).  -Đó là những luận cứ nào?  -Gv hướng dẫn hs cách viết đoạn văn.  **Bài tập 2:**  **Đề bài: Chứng minh rằng bảo vệ môi trường thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.**  ? Xác định luận điểm chính của đề bài trên?  Luận điểm chính : Tác dụng của việc bảo vệ môi trường thiên nhiên là bảo về cuộc sống của con người .”  ? Em sẽ triển khai đề bài trên bằng cách nào ? ( trình bày theo kiểu diễn dịch )  ? Để chứng cho luận điểm trên em cần đưa ra những luận cứ nào ?  GV hướng dẫn học sinh viết đoạn văn trên cơ sở đã phân tích. | Bài 1:  \*Đề bài: Chứng minh rằng "văn chương luyện những tình cảm ta sẵn có".  -Luận điểm: Văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.  +Luận cứ giải thích: Văn chương có nội dung tình cảm.  Văn chương có tác dụng truyền cảm.  +Luận cứ thực tế: Ta tìm được tình cảm thực tế qua các bài văn đã học:  Cổng trường mở ra: Nhớ lại tình cảm ngày đầu tiên đi học.  Mẹ tôi: Nhớ lại những lỗi lầm với mẹ.  Một thứ quà của lúa non : Cốm: Nhớ lại một lần ăn cốm.  Mùa xuân của tôi: Nhớ lại một ngày tế cở quê hương.  \*Viết đoạn văn:  Nói đến ý nghĩa văn chương, người ta hay nói đến: "Văn chương luyện những tình cảm ta sẵn có".Nội dung của văn chương bao giờ cũng là tình cảm của nhà văn đối với cuộc sống. Khi đã thành văn, tình cảm nhà văn truyền đến người đọc, tạo nên sự đồng cảm và làm phong phú thêm các tình cảm ta đã có. Qua bài “ Cổng trường mở ra ”, em thấy yêu thương hơn những ngôi trường đã học, thấy mình cần phải có trách nhiệm hơn trong học tập và càng biết ơn các thầy cô giáo đã không quản ngày đêm dạy dỗ chúng em nên người. Em đã có lần phạm lỗi với mẹ. Bức thư của người bố gửi cho Enn- ri-cô trong bài “ Mẹ tôi” đã làm cho em nhớ lại các lần phạm lỗi với mẹ mà em không biết xin lỗi mẹ. Em đã có lần được ăn cốm, nhưng sau khi học bài “ Một thứ quà của lúa non : Cốm”, em mới cảm thấy lần ấy, em thực sự chưa biết thưởng thức cốm. Ai cũng đã sống qua những ngày tết trong khung cảnh tình cảm gia đình, nhưng sao bài “ Mùa xuân của tôi” làm em ước ao trở lại Hà Nội một cách xốn xang, khi em nghĩ rằng từ lâu em đã không có 1 tình cảm quê hương sâu nặng như trong bài văn dù em là người Hà Nội. Tóm lại văn chương có tác động rất lớn đến tình cảm con người, nó làm cho cuộc sống của con người trở nên tốt đẹp hơn.  **Bài tập 2:**  -Luận điểm chính : Tác dụng của việc bảo vệ môi trường thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống của con người.  -Luận cứ 1: Giải thích thế nào là môi trường.  -Luận cứ 2: Nguyên nhân và những ảnh hưởng của môi trường đối với đời sống chúng ta.  Luận cứ 3: Giải pháp.  **\*Viết đoạn văn:**    Môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sức khỏe của cộng đồng nhưng hiện nay môi trường đang bị đe dọa một cách nghiêm trọng do chính bàn tay của con người. Vì vậy mỗi chúng ta cần ý thức và hiểu được rằng: bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.Vậy chúng ta nên hiểu môi trường là gì ? Môi trường là những gì xung quanh cuộc sống của chúng ta bao gôm như đất, nước, không khí… Thật vậy! Môi trường có một mối quan hệ mật thiết tới cuộc sống con người. Những cánh rừng bạt ngàn như những lá phổi xanh khổng lồ đem lại bầu không khí trong lành cho con người. Không những thế rừng còn che chắn bão lũ, là nơi trú ngụ của những loài động vật quý hiếm. Vậy mà giờ đây rừng đang bị chính bàn tay con người tàn phá một cách không thương tiếc dẫn đến thiên tai, lũ lụt xảy ra ngày càng nghiêm trọng dẫn đến bao cảnh đau lòng. Bên cạnh đó, nguồn nước cũng đang bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi các chất thải từ các nhà máy dẫn đến cá chết hàng loạt nguồn nước sinh hoạt không được đảm bảo dẫn đến nhiều bệnh nguy hiểm cho con người. Ở các thành phố lớn dân cư đông đường xá cầu cống xuống cấp lượng xe cộ nhiều nên không khí cũng bị ô nhiễm nặng tai nạn giao thông ngày càng nhiều đã cướp đi bao nhiêu sinh mạng…Từ những vấn đề nêu trên đã giúp chúng ta hiểu rõ môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của cộng đồng nói chung và sự sống của con người nói riêng. Từng ngày từng giờ môi trường đang lên tiếng kêu cứu. Vậy mỗi chúng ta phải làm gì để bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta? Có rất nhiều biện pháp để giữ gìn môi trường xanh - sạch đẹp. Là học sinh, chúng ta có thể cùng chung tay trồng cây, gây rừng, trồng cây quanh khu vực sinh sống. Hàng ngày, chúng ta và người thân hãy cùng nhau thu gom rác thải, đổ rác đúng nơi quy định, tái chế rác thải, xử lí chất thải độc hại trước khi thải ra môi trường. Bên cạnh đó, chúng ta nên tích cực hưởng ứng ngày môi trường thế giới….Tóm lại môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe cộng đồng. Vậy nên chúng ta phải có ý thức giữ gìn môi trường sống. Là học sinh chúng ta hãy có ý thức trồng thêm cây xanh, giữ gìn vệ sinh trường lớp. Làm được như vậy là chúng ta đã góp phần bảo vệ được cuộc sống của chính mình. |

**TIẾT 3: HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5 .**

**A.** Hệ thống các kiến thức đã học. ( 10 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt.** |
| GV yêu cầu hs nhắc lại cách làm bài văn nghị luận chứng minh.  ? Để bài viết có mạch lạc, các phần các đoạn trong bài văn lập luận chứng minh cần đảm bảo yêu cầu gì ? | **I.LÍ THUYẾT.**  -Muốn làm bài văn nghị luận chứng minh cần thực hiện 4 bước sau :  +Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý.  +Bước 2: Lập dàn bài :  Mở bài : Nêu luận điểm cần chứng minh.  Thân bài: Nêu lí lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ luận điểm là đúng đắn.  Kết bài: Nêu ý nghĩa của luận điểm đã được chứng minh.  +Bước 3: Viết bài .  +Bước 4 : Đọc và sửa chữa bài làm.  -Giữa các phần, các đoạn văn cần phải có phương tiện liên kết. |

**B: Luyện tập ( 30 phút )**

**Gv đưa ra yêu cầu bài tập**

**Chia lớp thành 4 nhóm.**

***Nhóm 1, 2 : Tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn bài cho đề bài sau :***

*Đề bài : Ít lâu nay, một số bạn trong lớp có phần lơ là học tập. Em hãy viết một bài văn để thuyết phục bạn : nếu khi con trẻ không chịu khó học tập lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích !”*

\*Hướng dẫn:

-Tìm hiểu đề, tìm ý:

+Kiểu bài văn : Nghị luận chứng minh.

+Luận điểm: nếu khi còn trẻ không chịu khó học tập lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích.

+Luận cứ 1: Giải thích thế nào học.

+Luận cứ 2: Bàn luận vè ý nghĩa của việc học.

+Luận cứ 3: Thực trạng của việc học hiện nay.

+ Luận cứ 4: Giải pháp

+Luận cứ 5 : Liên hệ bản thân.

-Lập dàn bài :

\*MB: Giới thiệu vấn đề nghị luận.

Dẫn dắt vấn đề NL:

\*TB:

**-Giải thích thế nào là học?**

Học tập là quá trình con người chủ động tìm kiếm, lĩnh hội tri thức để góp phần hoàn thiện bản thân mình, đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Ý kiến nêu trên là một lời khẳng định khá đúng đắn và sâu sắc về tầm quan trọng của việc học đối với mỗi cá nhân.

Ý kiến đã chỉ ra rằng tuổi trẻ là lứa tuổi sung sức, nhiều năng lượng, ước mơ, khát vọng luôn ắp đầy thôi thúc con người học hỏi trau dồi tri thức. Tuổi trẻ cũng là khoảng thời gian lí tưởng để ta rèn luyện tâm hồn, tình cảm, những trải nghiệm, vốn sống thiết yếu để khi trưởng thành sẽ làm được những điều có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

**2. Bàn luận:**

**a. Ý nghĩa của việc học:**

Đối với bản thân: Học tập là con đường ngắn nhất giúp ta tiến về phía trước, mở ra cánh cửa tương lai nơi có thành công, hạnh phúc đang đón đợi.

Đối với xã hội: học tập là phương tiện thúc đẩy con người phát triển xã hội. Khi chúng ta có tri thức, vốn sống cộng thêm lòng nhiệt huyết, khát vọng được cống hiến thì đất nước sẽ phát triển giàu mạnh hơn, con người sẽ hạnh phúc, giàu sang hơn.

**b. Lí giải tuổi trẻ là thời gian con người cần không ngừng học tập:**

Đời người là hữu hạn, như thiên nhiên đất trời cứ đông qua xuân tới, hạ đi là thu đã về; trăm năm trông vậy mà hóa ra thật ngắn, bởi cuộc sống có biết bao điều lí thú chưa được khám phá, biết bao mối bận tâm chưa được giải quyết…

Tuổi trẻ là khoảng thời gian con người có nhiều mơ mộng, ước vọng, nhiều khi thất bại nhưng nó đều đem lại những bài học quý giá để đến khi trưởng thành không phạm phải sai lầm.

Khi còn trẻ, ta có thể thỏa sức trải nghiệm với ngàn lần “thử” như thử sáng tác một bài thơ giàu cảm xúc, thử làm một bà nội trợ nấu những món ăn ngon, thử trồng một loại cây ưa thích… bởi khi lớn lên, cuộc sống có quá nhiều thứ bộn bề, lo toan cần ta trăn trở, suy nghĩ.

Khi còn trẻ, ta học tập, trải nghiệm nếu thất bại thì chỉ như những cơ hội giúp ta nhận ra thiếu sót mà cải thiện, nhưng khi trưởng thành, có thể sẽ có những thất bại làm ta ngã gục, đau đớn, bị nhiều người chỉ trích, chê cười…

Bên cạnh việc rèn luyện tri thức, tuổi trẻ cũng là lúc con người cần rèn luyện những đức tính tốt để sau này không sa chân vào những chốn bùn lầy của xã hội, không trở thành những “kẻ phá hoại”.

**3. Thực trạng:**

Hiện nay, có rất nhiều bạn trẻ lơ là việc học, dù biết đó là việc quan trọng nhưng vẫn phớt lờ, chểnh mảng.

Học qua loa, đối phó.

Học vì thành tích, vì áp lực từ thầy cô, cha mẹ.

Nhiều bạn trẻ đã bị sa đà vào những chốn ăn chơi, nghiện hút, gây mất trật tự an ninh…

Lâu dần hình thành thói quen lười biếng, ỷ lại vào người khác mà không cố gắng, chủ động học tập để phát triển bản thân.

**4. Giải pháp:**

Cần xác định được động lực học tập để cố gắng không ngừng.

Việc học phải đi đôi với hành để những kiến thức sách vở trở nên thiết thực, gần gũi hơn.

Chủ động học tập và chủ động góp ý khi thấy những người xung quanh lơ là việc học.

**5.Liên hệ bản thân:**

-Xác định rõ mục tiêu của việc học ngay từ đầu.

-Phải có phương pháp học cho hợp lý.

**III. Kết bài:**

* Nêu cảm nhận bản thân:

Tương lai của chúng ta là do bản thân mỗi người chịu trách nhiệm, nếu thời trẻ không cố gắng học tập thì khi lớn lên sẽ phải ngậm ngùi, tiếc nuối nhìn về thành công của người khác. “Không có giới hạn cho quy trình học cách để học” vì vậy ai còn trẻ cũng nên học để dẫn đầu, dù đã trưởng thành với nhiều lo toan, mỗi người vẫn nên tiếp tục học tập để không bị tụt lại phía sau.

***Nhóm 3,4 : Tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn bào cho đề bài sau :***

*Đề bài : Hãy chứng minh rằng bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.*

*\*Hướng dẫn :*

**-Tìm hiểu đề, tìm ý:**

+Kiểu bài : văn nghị luận chứng minh.

+ Luận điểm : bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc của chúng ta.

+Luận cứ 1: Giải thích thế nào rừng.

+Luận cư 2: Bàn luận vấn đề ( vai trò của rừng đối với đời sống của con người. )

+Luận cứ 3: Thực trạng của việc sử dụng rừng hiện nay.

+Luận cư 4: Giải pháp.

+Luận cứ 5: Liên hệ bản thân.

***-Lập dàn bài :***

**\*MB:**

-Giới thiệu và dẫn dắt vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn vấn đề nghị luận:

**\*TB:**

**-Giải thích rừng là gì?**

+ Rừng là hệ sinh thái, có nhiều cây cối lâu năm, nhiều loài động vật quý hiếm...

+ Bảo vệ: Là giữ gìn, ngăn chặn sự phá hoại rừng để cho rừng được phát triển.

**-Vai trò của rừng: ( bàn luận vấn đề Nl).**

+ Rừng cung cấp cho chúng ta nhiều loại gỗ quý (lim, mun, trắc, gụ,...) để làm ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao như bàn ghế, tủ,... làm nhà, xây dựng đình chùa,...

+ Rừng là vành đai phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn , lở đất, ngăn lũ....Điều hòa khí hậu, cung cấp oxi duy trì sự sống.

+ Rừng là kho tàng thiên nhiên,phong phú vô tận. Rừng cung cấp cho con người nhiều lâm sản quý giá.

+ Rừng với những cảnh quan đẹp đẽ là nơi để cho con người thư giãn tinh thần, bồi bổ tâm hồn.

+ Rừng gắn bó chặt chẽ với lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam.

DC: Rừng chiến khu VB, Trường Sơn... nơi ẩn nấp, chiến đấu.

**-Hiện trạng của rừng hiện nay:**

+Rừng bị tàn phá nghiêm trọng, diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp do khai thác bừa bãi, do khai hoang làm rẫy...dẫn đến hiện tướng sạt lở núi, lũ quét...tàn phá nhà cửa, mùa màng, cướp đi sinh mạng của con người và phá vỡ cân bằng sinh thái, gây thiệt hại không thể bù đắp được.

+Khai thác lâm sàn bừa bãi-> Hệ thống thực vật bị ảnh hưởng, có loài gần như tuyệt chủng. Hệ cân bằng sinh thái bị phá vỡ....

**-Chúng ta càn phải làm gì? ( giải pháp ).**

+Bảo vệ rừng là bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống của con người.

+ Mỗi con người phải có ý thức tự giác bảo vệ, giữ gìn và phát triển rừng.

+ Trồng cây gây rừng, tránh tình trạng rừng xuống thấp.

+ Ngăn chặn nạn phá rừng, đốt rừng bừa bãi.

+ Có kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng.

**-Liên hệ bản thân.**

+ Là một h/s còn đang ngồi trên ghế nhà trường em cần tích cực tham gia các phong trào trồng cây gây rừng do trường, lớp và địa phương tổ chức, tuyên truyền với tất cả mọi người về tác hại của việc nếu không biết bảo vệ rừng sẽ gây thiệt hại như thế nào đến với đ/s của chúng ta.

**KB:**

Khái quát lại vấn đề Nl:

Bảo về rừng là nhiệm vụ chung của toàn cầu. Bảo vệ rừng chính là một trong những yếu tố hàng đầu của việc giữ gìn môi trường. Vì vậy tất cả chúng ta hãy cùng chung tay bảo vệ rừng vì bảo vệ rừng chính là đang bảo vệ cuộc sống của nhân loại.

Đại diện nhóm trình bày.

Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Gv nhận xét bổ sung và chốt kiên thức.

GV yêu cầu 2 nhóm viết đoạn mở bài và kết bài cho mỗi đề văn của nhóm mình .

Hai nhóm thực hiện yêu cầu của gv .

Đại diện nhóm đọc phần mở bài và kết bài của nhóm mình.

Hs nhận xét

Gv nhận xét.

**III.Củng cố và dặn dò. ( 5 phút).**

-Củng cố: Gv hệ thống hóa toàn bộ kiến thức đã học.

-Dặn dò: Về nhà hoàn thiện thành bài văn hoàn chình với 2 đề văn trên.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Buổi 28**

**Tiết 82,83,84**

**ÔN TẬP**

**1. Văn bản: Ý nghĩa văn chương.**

**- Hoài Thanh-**

**2. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Hiểu giá trị nội dung nghệ thuật văn bản Ý nghĩa văn chương, Khắc sâu kiến thức về câu chủ động, câu bị động, nắm vững thêm về thể loại văn nghị luận chúng minh.

- HS Thực hành làm tốt về kiểu câu chủ động và câu bị động, cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại

2. Kỹ năng:

- Sử dụng câu chủ động và câu bị động linh hoạt trong nói và viết.

3. Thái độ, phẩm chất

- Yêu thích văn chương, thấy được ý nghĩa của nó trong đ/s của con người.

- Có ý thức sử dụng câu chủ động và bị động phù hợp trong khi nói và viết.

- Sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

4. Năng lực

- Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Hãy nêu 1 vài nét về tác giả, tác phẩm?  ?Văn bản chia làm mấy phần?nội dung của từng phần?  ?Theo tác giả, nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì?  ?Trong văn bản, tác giả còn đề cập tời cộng dụng của văn chương. Công dụng đó là gì?  ? Tác giả đã lập luận như thế nào để thể hiện quan điểm về nguồn gốc, công dụng của văn chương?Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của văn bản. | **I. Văn bản: Ý nghĩa văn chương**  **1. Tác giả.**  - Hoài Thanh(1909- 1982), quê ở Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An.  - Là nhà lí luận phê bình xuất sắc.  - Tác phẩm nổi tiếng nhất là *Thi nhân Việt Nam.*  2. **Tác phẩm**.  - Văn bản được viết năm 1936, in trong sách *Bình luận văn chương.*  *-* Bố cục: Chia làm 2 phần.  + Phần 1: Từ đầu đến *gợi lòng vị tha:*nguồn gốc cốt yếu của văn chương.  + Phần 2: Còn lại: Công dụng của văn chương.  **3. Nội dung.**  **a. Nguồn gốc cốt yếu của văn chương.**  **-** Là lòng thương người rộng hơn ra là thương muôn vật, muôn loài.=> Quan niệm đúng, rất có lí, nhưng không phải là duy nhất.  - Văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng.=> Văn chương phản ánh cuộc sống.  - Văn chương còn sáng tạo ra sự sống.=>Văn chương dựng ra những hình ảnh mới, những ý tưởng chưa có.  - Có quan niệm khác=> cái gốc của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha.  **b. Công dụng của văn chương.**  **-** *Một người hằng ngày chỉ cặm cụi lo lắng… cái mãnh lực lạnh lùng của văn chương hay sao****?=>*** Khơi dạy những trạng thái cảm xúc của con người.  -*Văn chương gây cho ta những tình cảm ….rộng rãi đến trăm nghìn lần.=>*Làm giàu, phong phú tình cảm của con người.  - *Có kẻ nói từ khi các ca sĩ ca tụng…tiếng suối nghe mới hay*.=> Văn chương làm đẹp và làm hay những thứ bình thường.  - *Nếu trong pho lịch sử loài người…cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào…=>*Làm giàu, làm đẹp cho cuộc sống.  **4. Nghệ thuật.**  Bài văn được trình bày sáng tỏ, ngắn gọn về những vấn đề quan trọng và phức tạp của lý thuyết văn chương bằng một lối văn nghị luận kết hợp lí lẽ với cảm xúc và hình ảnh nên giàu sức thuyết phục. |
| ?Thế nào là câu chủ động? câu bị động? cho ví dụ  ?Trong khi nói hoặc viết, việc chuyển câu chủ động thành câu bị động nhằm mục đích gì?  ?Nêu các cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động. | **II. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**  **1. Câu chủ động, câu bị đông.**  **a. Câu chủ động.**  Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hường vào người, vật khác (chỉ chủ thể của hoạt động).  Vd : Bác Hồ vô cùng yêu qúy các cháu thiếu niên nhi đồng.  **b. Câu bị động.**  Là câu có chủ ngữ chỉ người, vât được hoạt động của người, vật khác hướng vào (chỉ đối tượng của hoạt động).  Vd : Các cháu thiếu niên, nhi đồng được Bác Hồ vô cùng yêu quý.  **2. Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**  Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động( và ngược lại chuyển đổi câu bị động thành câu bị động) ở mỗi đoạn văn đều nhằm mục đích liên kết các câu trong đoạn văn thành một mạch thống nhất.  **3. Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**  Có 2 cách chuyển đổi câu chủ đọng thành câu bị động.  - Chuyển từ ( hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu và thêm các từ *bị* hay *được* vào sau từ (cụm từ) ấy.  - Chuyển từ ( hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu, đồng thời lược bỏ hoặc biến từ ( cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động thành một bộ phân không bắt buộc trong câu. |

***Tiết 2***

***B. Luyện tập :***

**I. Văn bản: Ý nghĩa văn chương( Hoài Thanh)**

**\* Trắc nghiệm**

**Câu 1: Tác giả của văn bản Ý nghĩa văn chương là ?**

A. Phạm Văn Đồng

B. Hồ Chí Minh

C. Hoài Thanh

D. Xuân Diệu

**Câu 2: Dòng nào không phải là nội dung được Hoài Thanh đề cập đến trong bài viết của mình ?**

A. Quan niệm của Hoài Thanh về nguồn gốc của văn chương.

B. Quan niệm của Hoài Thanh về nhiệm vụ của văn chương.

C. Quan niệm của Hoài Thanh về công dụng của văn chương trong lịch sử loài người.

D. Quan niệm của Hoài Thanh về các thể loại văn học.

**Câu 3: Tác phẩm nổi tiếng nhất của Hoài Thanh là ?**

A. Thi nhân Việt Nam.

B. Nhân văn Việt Nam.

C. Có một nền văn hóa Việt Nam.

D. Nam Bộ mến yêu.

**Câu 4: Theo Hoài Thanh, nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì?**

A. Cuộc sống lao động của con người.

B. Tình yêu lao động của con người.

C. Lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.

D. Do lực lượng thần thánh tạo ra.

**Câu 5: . Công dụng nào của văn chương được Hoài Thanh khẳng định trong bài viết của mình?**

A. Văn chương giúp cho người gần người hơn.

B. Văn chương giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha.

C. Văn chương là loại hình giải trí của con người.

D. Văn chương dự báo những điều xảy ra trong tương lai.

**Câu 6: Theo em, quan niệm về văn chương sau đây có thể bổ xung cho quan niệm của Hoài Thanh để có một quan niệm đầy đủ về nguồn gốc của văn chương?**

A. Văn chương bắt nguồn từ cuộc sống lao động của con người.

B. Văn chương bắt nguồn từ thế giới thần bí bên ngoài con người.

C. Văn chương bắt nguồn từ việc muốn biết trước tương lai của con người.

D. Văn chương bắt nguồn từ việc muốn tìm hiểu quá khứ của con người.

**Câu 7: Tại sao Hoài Thanh lại nói:*‘‘Văn chương sẽ là hình ảnh của cuộc sống muôn hình vạn trạng’’*?**

A. Vì cuộc sống trong văn chương chân thật hơn bất kì một loại hình nghệ thuật nào.

B. Vì nhiệm vụ của văn chương là phải ghi chép lại tất cả những gì ông ta nhìn thấy ngoài cuộc đời.

C. Vì văn chương có nhiệm vụ phản ánh phong phú và đa dạng của con người và xã hội.

D. Cả A, B và C đều sai.

**Câu 8:Vì sao Hoài Thanhn lại nói: *‘‘Văn chương còn sáng tạo ra sự sống’’*?**

A. Vì cuộc sống trong văn chương hoàn toàn khác với ngoài đời.

B. Vì văn chương có thể dựng lên hình ảnh, đưa ra những ý tưởng mà cuộc sống chưa có hoặc cần có để mọi người phấn đấu xây dựng, biến chúng thành sự thật trong tương lai.

C. Vì cuộc sống được nhà văn tạo ra trong văn chương luôn luôn đẹp hơn ngoài cuộc đời.

D. Vì văn chương làm cho con người muốn thoát li với cuộc sống.

**Câu 9: Dòng nào sau đây không có trong quan niệm về công dụng của văn chương của Hoài Thanh?**

A. Văn chương giúp cho con người hăng say lao động hơn.

B. Văn chương giúp cho người đọc có tình cảm và lòng vị tha.

C. Văn chương gây cho ta những tình cảm chưa có, luyện những tình cảm ta sẵn có.

D. Văn chương giúp cho con người biết cái hay, cái đẹp của cảnh vật thiên nhiên.

**Câu 10: Tại sao nói *‘‘ý nghĩa văn chương’’* của Hoài Thanh là văn bản nghị luận văn chương?**

A. Vì dẫn chứng trong bài viết là các tác phẩm văn chương.

B. Vì tác giả nói về nguồn gốc và ý nghĩa của văn chương.

C. Vì phạm vi nghị luận là vấn đề của văn chương.

D. Cả A, B và C đều sai.

**Câu 11: Theo em, đặc trưng nào sau đây không phải là đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của bài viết *‘‘ý nghĩa văn chương’’*?**

A. Sử dụng luận cứ hợp lí.

B. Văn viết có cảm xúc.

C. Văn phong giàu hình ảnh.

D. Sử dụng phép tương phản.

Đáp án

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** |
| **ĐÁP ÁN** | **C** | **D** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **D** |

**\* Tự luận**

**Bài 1 :hs làm việc cá nhân.**

Theo Hoài Thanh, nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì? Hãy chú ý đến nghĩa của hai từ cốt yếu (chính, quan trọng nhất nhưng chưa phải là tất cả) và đọc bốn dòng đầu của văn bản để tìm ý trả lời.

 Gợi ý:Cốt yếu là quan trọng nhất nhưng chưa phải là tất cả. Do đó, có thể có quan niệm khác về nguồn gốc văn chương, chẳng hạn "văn chương bắt nguồn từ cuộc sống lao động của con người". Các quan niệm tuy có khác nhau nhưng không loại trừ nhau, lại có thể bổ sung cho nhau.

**Bài 2: Hs làm việc nhóm.**

Hoài Thanh viết: “Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế văn chương còn sáng tạo ra sự sống.. ”. Hãy đọc lại chú thích 5 rồi giải thích và tìm dẫn chứng để làm rõ các ý đó.

**Gợi ý:**

Chú thích 5: Hình dung: ở đây được dùng như là danh từ (chứ không phải động từ) do đó có nghĩa là hình ảnh, bóng hình.

Hoài Thanh viết: “Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế, văn chương còn sáng tạo ra sự sống”.

Văn chương là hình ảnh của cuộc sống đa dạng và phong phú. Văn chương phản ánh cuộc sống. Cuộc sống đa dạng cho nên hình ảnh được phản ánh trong văn chương cũng đa dạng. Qua văn chương, ta biết được cuộc sống, mơ ước của người Việt Nam xưa kia, ta cũng biết cuộc sống của các dân tộc khác nhau trên thế giới.

Văn chương còn sáng tạo ra sự sống. Qua tác phẩm văn chương, ta biết một cuộc sống trong mơ ước của con người. Đó là ước mơ con người có sức mạnh, lớn nhanh như Phù Đổng để đánh giặc; con người có sức mạnh để chống thiên tai lũ lụt như Sơn Tinh; con người có khả năng kì diệu như Mã Lương sáng tạo ra vật dụng và phương tiện trừng trị kẻ thù.

Bài 3: hs làm việc theo cặp.

Theo Hoài Thanh, công dụng của văn chương là gì? Hãy đọc đoạn văn từ “Vậy thì, hoặc hình dung sự sống” đến hết văn bản để tìm ý đó?

Gợi ý:

Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài..., văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế, văn chương còn sáng tạo ra sự sống"

Giúp ta có tình cảm, có lòng vị tha: Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có.

Giúp ta biết thưởng thức cái hay cái đẹp của thiên nhiên: Có thể nói… là quá đáng.

**Bài 4 : hs làm việc theo cặp**

Hoài Thanhviết : *« Văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế văn chương còn sáng tạo ra sự sống ».* Em hiểu ý kiến ấy như thế nào ?

Gợi ý :

\* Văn chương là hình dung của sự sống, tái hiện đời sống muôn hình muôn vẻ :

- Đó là cảm xúc hồi hộp của người mẹ trong đêm trước ngày khai trường vào lớp một của con.

- Đó là một thế giới đầy những bất công khiến cho người phụ nữ bị tước đoạt quyền được sống hạnh phúc.

- Đó là những cuộc chia li đầy nước mắt mà cảm động nhất là những cuộc chia li giữa vợ và chồng- người chồng có thể một đi mà không bao giờ trở lạ.

- Đó là thứ tình bạn cao cả, hiểu biết sâu sắc và kính mến nhau vượt qua những thiếu thốn của vật chất tầm thường…

\* Văn chương còn sáng tạo ra sự sống : Văn chương sáng tạo ra những hình ảnh, sự kiện chưa có trong đời sống, nó thể hiện những ước mơ, khát vọng của con người về một thế giới tốt đẹp hơn :

*- Bài ca nhà tranh bị gió thu phá :* Ước mơ có một ngôi nhà rộng muôn ngàn gian cho tất cả những người nghèo khổ, đói kém được cư ngụ.

- *Cuộc chia tay của những con búp bê*: Ước mơ về một ngôi nhà hạnh phúc có đầy đủ cả cha lẫn mẹ để trẻ em có đầy đủ điều kiện phát triển một cách toàn diện…

**Bài 5** : hs làm việc theo nhóm.

Để làm rõ công dụng của văn chương là : *Giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha*, tác giả đã nêu ra những chứng cứ gì ? Các chứng cứ ấy được sắp xếp theo trình tự nào ?

Gợi ý :

- Người đọc văn chương có thể vượt ra khỏi đời sống chật hẹp của mìm để cùng buồn, vui, mừng giận với những cảnh đời và con người trong tác phẩm văn chương.

- Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có ; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần.

- Nhờ văn chương mà người ta nhận và thấu hiểu mọi cái đẹp có trong tự nhiên.

- Nếu thiếu văn chương, nếu xóa bỏ văn chương khỏi cuộc sống nhận loại thì lịch sử loài người sẽ nghèo nàn đi bao nhiêu lần.

=> Cách sắp xếp các luận cứ : theo trình tự từ hẹp đến rộng, từ cụ thể đến khái quát. Tác dụng cảu văn chương được xem xét từ sự tác động vào tình cảm mỗi người đến đời sống và lịch sử của cả loài người. Tác giả cũng chứng minh theo cả hai cách thuận và nghịch : Văn chương làm phong phú thêm tâm hồn con người như thế nào và nếu thiếu văn chương thì đời sống con người sẽ nghèo nàn biết chừng nào.

**Bài 6**.Cho đoạn văn: “ Có kẻ nói….. sẽ đến bực nào”

1. Nêu nội dung đoạn văn trên?
2. Phương thức biểu đạt chính?
3. Tìm câu đơn mở rộng thành phần?
4. Qua đoạn văn, em nhận thấy tác giả đã ca ngợi tác dụng của văn chương như thế nào? Tình cảm, thái độ và hành động của em đối với văn chương?

***\*Gợi ý :***

a. Nội dung chính : Ý nghĩa của văn chương đối với cuộc sống. (Văn chương làm giàu đẹp thêm cuộc sống.)

b. Phương thức biểu đạt chính : Nghị luận

c. Câu đơn mở rộng thành phần : « Có kẻ nói.... tiếng chim tiếng suối nghe mới hay. »

d. – Tác giả khẳng định các tác phẩm văn chương, các nhà văn nhà thơ đã góp phần quan trọng trong việc làm nên cái đẹp, đem lại sức sống trong tâm hồn, sự thi vị cho cuộc đời. Nếu không có văn chương, không có các nhà văn nhà thơ thì cảnh tượng sẽ trở nên nghèo nàn, tâm hồn cằn cỗi...

- Tình cảm, thái độ, hành động của hs : HS làm dựa trên gợi ý sau :

+ Nhận thấy vai trò của văn chương là vô cùng quan trọng đối với thiên nhiên, con người : Nhờ các tác phẩm văn chương mà cảnh vật trở nên tươi đẹp ; nhờ văn chương mà con người gần gũi yêu thương, thấu hiểu nhau hơn; nhờ văn chương mà tâm hồn con người trở nên tươi đẹp, đầy sức sống...

+ Trân trọng và cảm phục tài năng tâm hồn của các nhà văn nhà thơ, nâng niu, giữ gìn các tác phẩm văn chương....

**Bài 7** : Nêu suy nghĩ của em về vai trò của văn chương trong cuộc sống bằng 1 đoạn văn từ 10 đến 12 câu ?

HS làm theo gợi ý sau :

* Giới thiệu vai trò của văn chương trong cuộc sống là vô cùng quan trọng.
* Giải thích văn chương ở đây hiểu theo nghĩa hẹp chính là các tác phẩm văn học và nghệ thuật ngôn từ.
* Khẳng định vai trò của văn chương không thể thiếu trong cuộc sống :

+ Văn chương làm giàu đẹp cuộc sống, làm cho thiên nhiên thêm tươi đẹp ; làm đẹp tâm hồn con người, khiến cho người gần người hơn.

+ Văn chương khơi dậy, duy trì và phát triển tình cảm trong mỗi con người.

+ Văn chương giúp cho trí tưởng tượng của con người phong phú, giúp con người hình dung cuộc sống rõ ràng cụ thể... ; làm cho tâm hồn con người rộng mở...

* Thái độ, việc làm tình cảm của em đối với văn chương : Trân trọng và cảm phục tài năng tâm hồn của các nhà văn nhà thơ, nâng niu, giữ gìn các tác phẩm văn chương ; thường xuyên đọc văn chương, coi các tác phẩm văn chương không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của bản thân. Phê phán những người coi thường văn chương...

**Tiết 3**

**II. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**

**\* Trắc nghiệm**

**1. Trong các câu sau, câu nào là câu bị động?**

A. Tôi kéo em ngồi xuống và khẽ vuốt lên mái tóc.

B. Cuối cùng, hai con búp bê đã không bị chia lìa.

C. Tôi dắt em ra khỏi lớp.

D. Em lặng lẽ đặt tay lên vai tôi.

**2. Trong các câu sau, câu nào là câu chủ động?**

A. Trào lưu đô thi hóa đã thu hẹp sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

B. Ngôi nhà ấy đã bị người ta phá vỡ vào hôm qua.

C. Bạn Hoa được thầy cô và bạn bè rất tin tưởng và yêu mến.

D. Con ngựa hoang bị chàng kị sĩ buộc bên gốc đào.

**3. Trong các câu sau, câu nào là bị động?**

A. Trăng tròn.

B. Lan được thầy giáo khen.

C. Mẹ đang nấu cơm.

D. Trời mưa to.

**4. Trong các câu có từ "được" sau đây, câu nào là câu bị động?**

A. Bạn Nam được giải nhất trong cuộc thi chạy việt dã.

B. Chị Hai tôi vừa sinh được một bé gái rất dễ thương.

C. Mùa hè năm ngoái, tôi được bố đưa về thăm quê nội.

D. Tôi học trường này đã được hai năm rồi.

**5. Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại trong mỗi đoạn văn nhằm mục đích gì?**

A. Để câu văn đó nổi bật hơn.

B. Để câu văn đó đa nghĩa hơn.

C. Để liên kết đoạn văn trước đó với đoạn văn đang triển khai.

D. Để tránh lặp lại kiểu câu và liên kết các câu trong đoạn thành một mạch văn thống nhất.

**6. Thế nào là câu chủ động?**

A. Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hành động hướng vào người, vật khác.

B. Là câu có thể rút gọn các thành phần phụ.

C. Là câu không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ.

D. Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hành động của người, vật khác hướng vào.

**7. Trong các câu có từ "được" sau đây, câu nào là câu bị động?**

A. Mỗi lần được điểm cao, tôi lại được ba mẹ mua tặng một thứ đồ dùng học tập mới.

B. Gia đình tôi chuyển về Hà Nội được mười năm rồi.

C. Cha mẹ tôi sinh được hai người con.

D. Bạn ấy được điểm mười.

**8. Trong các câu sau, câu nào là câu chủ động?**

A. Nhà vua truyền ngôi cho cậu bé.

B. Lan được mẹ tặng chiếc cặp sách mới nhân ngày khai trường.

C. Thuyền bị gió làm lật.

D. Ngôi nhà đã bị ai đó phá.

**9. Thế là câu bị động?**

A. Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hành động của người, vật khác hướng vào.

B. Là câu có thể rút gọn các thành phần phụ.

C. Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hành động hướng vào người, vật khác.

D. Là câu có thể rút gọn thành phần chủ ngữ.

**10. Trong các câu có từ "bị" sau, câu nào không là câu bị động?**

A. Môi trường đang ngày càng bị con người làm cho ô nhiễm hơn.

B. Tên cướp đã bị cảnh sát giam và đang chờ ngày xét xử.

C. Khu vườn bị cơn bão làm cho tan hoang.

D. Ông tôi bị đau chân.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | B | A | B | C | D | A | A | A | A | D |

**\* Tự luận :**

**Bài 1 (hs làm việc cá nhân): Chỉ ra câu chủ động, câu bị động trong các câu sau.**

1. Ngôi nhà này được ông tôi xây từ ba mươi năm trước.=>CBĐ

2. Sản phẩm này rất được khách hàng ưa chuộng.=> CBĐ

3. Lam bị thầy giáo phê bình vì không làm bài tập về nhà.=>CBĐ

4. Thầy hiệu trưởng là người đã xây dựng ngôi trường này từ những năm đầu kháng chiến chống Mĩ.=>CCĐ

5. Mái nhà được họ làm bằng cỏ tranh và lá cọ.=>CBĐ

6. Sáng sáng cô gái dắt chú chó đi dạo quanh bờ hồ.=>CCĐ

7. Người ta dựng hàng rào chắn quanh cây cổ thụ đó.=>CCĐ

8. Bèo bị gió đẩy trôi dạt vào bờ.=>CBĐ

9.Gió đẩy bèo trôi dạt vào bờ.=>CCĐ

10. Bèo được gió đẩy trôi dạt vào bờ.=>CBĐ

**Bài 2 (hs làm việc cá nhân)** : Chuyển đổi mỗi câu chủ động dưới đây thành 2 câu bị động- một câu dùng từ được, một câu dùng từ bị. Cho biết sắc thái ý nghĩa.

a) Thầy giáo phê bình em.

- Em được thầy giáo phê bình =>sắc thái biết ơn

- Em bị thầy giáo phê bình => sắc thái buồn

b) Người ta đã phá ngôi nhà ấy đi.

- Ngôi nhà ấy đã được người ta phá đi =>sắc thái hài lòng

- Ngôi nhà ấy đã bị người ta phá đi =>sự nuối tiếc không mong muốn

c) Trào lưu đô thị hóa đã thu hẹp sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn.

- Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã được thu hẹp bởi trào lưu đô thị hóa => Sắc thái vui mừng

- Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã bị thu hẹp bởi trào lưu đô thị hóa=> Sắc thái khách quan

**Bài 3: (hs làm việc cá nhân)**Viết đoạn văn có sử dụng câu chủ động, hãy chỉ rõ và chuyển câu chủ động thành câu bị động theo 2 cách.( hs viết bài- gv cho hs đọc, nhận xét, giái viên chốt.)

Đoạn văn tham khảo

Cô giáo tôi tên là Mai Lê. Năm nay cô đã 33 tuổi. Cô phụ trách giảng dạy chúng tôi bộ môn Ngữ Văn và đồng thời cũng là giáo viên chủ nhiệm của lớp chúng tôi học kì này. Cô có dáng người cao gầy, mái tóc mượt mà duyên dáng. Cô tận tình trong giảng dạy. Cô giáo luôn giải đáp cho chúng tôi những thắc mắc trong bài học  
- Câu chủ động (gạch chân)  
- Chuyển sang bị động:  
+ Chúng tôi luôn được cô giải đáp những thắc mắc trong bài học.  
+ Những thắc mắc của chúng tôi luôn được cô giáo giải đáp trong bài học.

**Bài tập 4:** **(hs làm việc cá nhân)**

Viết một đoạn văn ngắn nói về lòng say mê văn học hoặc về ảnh hưởng của tác phẩm văn học đối với em, trong đó có dùng ít nhất một câu bị động.

- Giới thiệu chung (VD: Văn học là một loại hình nghệ thuật - nghệ thuật của ngôn từ, và nó đã làm em say mê tự khi nào không biết...)

- Các câu nội dung: (ý nghĩa, công dụng của văn học)

***Đoạn văn tham khảo:***

Văn học là một loại hình nghệ thuật - nghệ thuật của ngôn từ, và nó đã làm em say mê tự khi nào không biết. Văn học có vai trò rất lớn trong đời sống của chúng ta.

Nhờ văn học, con người biết yêu thương nhau hơn, cuộc đời trở nên đẹp hơn, tốt hơn. Từ khi nằm trong nôi, ta đã được mẹ hát cho nghe những câu ca dao thấm thấm đẫm tình người: *Thương thay thân phận con tằm*... Lớn lên đi học, ta được học những câu chuyện cỏ tích, biết yêu thương những con người bất hạnh, căm ghét những cái xấu xa. Tình cảm nhân văn ấy theo ta trong những câu Kiều, những trang hồi kí đẫm nước mắt. Để rồi, gấp những trang văn lại, ta bước vào đời đẹp hơn, giàu lòng nhân ái hơn...

**Câu bị động:** Từ khi nằm trong nôi, ta đã được mẹ hát cho nghe những câu ca dao thấm thấm đẫm tình người: *Thương thay thân phận con tằm*...

**Bài tập 5:** Có thể thay câu bị động được in đậm dưới đây bằng câu chủ động tương đương không ? Tại sao ?

   Trong đợt thi học sinh giỏi vừa qua, bạn Nam đoạt giải nhất về môn Toán. ***Bạn Nam được thành phố khen***. Song, không vì thế mà bạn Nam trở nên kiêu căng, bạn vẫn khiêm tốn và tận tình giúp đỡ chúng tôi học tập.

Không thể chuyển thành câu chủ động tương đương, vì *thành phố* chỉ là đơn vị hành chính, không phải là người, con vật nên không thể có hoạt động hướng vào người, vật khác.

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức về câu chủ động, câu bị động

- bài tập: Viết một đoạn văn chưng minh rằng: *Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.*

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Buổi 28**

**Tiết 82,83,84**

**ÔN TẬP**

**1. Văn bản: Ý nghĩa văn chương.**

**- Hoài Thanh-**

**2. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức:

- Hiểu giá trị nội dung nghệ thuật văn bản Ý nghĩa văn chương, Khắc sâu kiến thức về câu chủ động, câu bị động, nắm vững thêm về thể loại văn nghị luận chúng minh.

- HS Thực hành làm tốt về kiểu câu chủ động và câu bị động, cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại

2. Kỹ năng:

- Sử dụng câu chủ động và câu bị động linh hoạt trong nói và viết.

3. Thái độ, phẩm chất

- Yêu thích văn chương, thấy được ý nghĩa của nó trong đ/s của con người.

- Có ý thức sử dụng câu chủ động và bị động phù hợp trong khi nói và viết.

- Sống có trách nhiệm, tự tin, tự chủ.

4. Năng lực

- Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Hãy nêu 1 vài nét về tác giả, tác phẩm?  ?Văn bản chia làm mấy phần?nội dung của từng phần?  ?Theo tác giả, nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì?  ?Trong văn bản, tác giả còn đề cập tời cộng dụng của văn chương. Công dụng đó là gì?  ? Tác giả đã lập luận như thế nào để thể hiện quan điểm về nguồn gốc, công dụng của văn chương?Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của văn bản. | **I. Văn bản: Ý nghĩa văn chương**  **1. Tác giả.**  - Hoài Thanh(1909- 1982), quê ở Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An.  - Là nhà lí luận phê bình xuất sắc.  - Tác phẩm nổi tiếng nhất là *Thi nhân Việt Nam.*  2. **Tác phẩm**.  - Văn bản được viết năm 1936, in trong sách *Bình luận văn chương.*  *-* Bố cục: Chia làm 2 phần.  + Phần 1: Từ đầu đến *gợi lòng vị tha:*nguồn gốc cốt yếu của văn chương.  + Phần 2: Còn lại: Công dụng của văn chương.  **3. Nội dung.**  **a. Nguồn gốc cốt yếu của văn chương.**  **-** Là lòng thương người rộng hơn ra là thương muôn vật, muôn loài.=> Quan niệm đúng, rất có lí, nhưng không phải là duy nhất.  - Văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng.=> Văn chương phản ánh cuộc sống.  - Văn chương còn sáng tạo ra sự sống.=>Văn chương dựng ra những hình ảnh mới, những ý tưởng chưa có.  - Có quan niệm khác=> cái gốc của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha.  **b. Công dụng của văn chương.**  **-** *Một người hằng ngày chỉ cặm cụi lo lắng… cái mãnh lực lạnh lùng của văn chương hay sao****?=>*** Khơi dạy những trạng thái cảm xúc của con người.  -*Văn chương gây cho ta những tình cảm ….rộng rãi đến trăm nghìn lần.=>*Làm giàu, phong phú tình cảm của con người.  - *Có kẻ nói từ khi các ca sĩ ca tụng…tiếng suối nghe mới hay*.=> Văn chương làm đẹp và làm hay những thứ bình thường.  - *Nếu trong pho lịch sử loài người…cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào…=>*Làm giàu, làm đẹp cho cuộc sống.  **4. Nghệ thuật.**  Bài văn được trình bày sáng tỏ, ngắn gọn về những vấn đề quan trọng và phức tạp của lý thuyết văn chương bằng một lối văn nghị luận kết hợp lí lẽ với cảm xúc và hình ảnh nên giàu sức thuyết phục. |
| ?Thế nào là câu chủ động? câu bị động? cho ví dụ  ?Trong khi nói hoặc viết, việc chuyển câu chủ động thành câu bị động nhằm mục đích gì?  ?Nêu các cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động. | **II. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**  **1. Câu chủ động, câu bị đông.**  **a. Câu chủ động.**  Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hường vào người, vật khác (chỉ chủ thể của hoạt động).  Vd : Bác Hồ vô cùng yêu qúy các cháu thiếu niên nhi đồng.  **b. Câu bị động.**  Là câu có chủ ngữ chỉ người, vât được hoạt động của người, vật khác hướng vào (chỉ đối tượng của hoạt động).  Vd : Các cháu thiếu niên, nhi đồng được Bác Hồ vô cùng yêu quý.  **2. Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**  Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động( và ngược lại chuyển đổi câu bị động thành câu bị động) ở mỗi đoạn văn đều nhằm mục đích liên kết các câu trong đoạn văn thành một mạch thống nhất.  **3. Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**  Có 2 cách chuyển đổi câu chủ đọng thành câu bị động.  - Chuyển từ ( hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu và thêm các từ *bị* hay *được* vào sau từ (cụm từ) ấy.  - Chuyển từ ( hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu, đồng thời lược bỏ hoặc biến từ ( cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động thành một bộ phân không bắt buộc trong câu. |

***Tiết 2***

***B. Luyện tập :***

**I. Văn bản: Ý nghĩa văn chương( Hoài Thanh)**

**\* Trắc nghiệm**

**Câu 1: Tác giả của văn bản Ý nghĩa văn chương là ?**

A. Phạm Văn Đồng

B. Hồ Chí Minh

C. Hoài Thanh

D. Xuân Diệu

**Câu 2: Dòng nào không phải là nội dung được Hoài Thanh đề cập đến trong bài viết của mình ?**

A. Quan niệm của Hoài Thanh về nguồn gốc của văn chương.

B. Quan niệm của Hoài Thanh về nhiệm vụ của văn chương.

C. Quan niệm của Hoài Thanh về công dụng của văn chương trong lịch sử loài người.

D. Quan niệm của Hoài Thanh về các thể loại văn học.

**Câu 3: Tác phẩm nổi tiếng nhất của Hoài Thanh là ?**

A. Thi nhân Việt Nam.

B. Nhân văn Việt Nam.

C. Có một nền văn hóa Việt Nam.

D. Nam Bộ mến yêu.

**Câu 4: Theo Hoài Thanh, nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì?**

A. Cuộc sống lao động của con người.

B. Tình yêu lao động của con người.

C. Lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.

D. Do lực lượng thần thánh tạo ra.

**Câu 5: . Công dụng nào của văn chương được Hoài Thanh khẳng định trong bài viết của mình?**

A. Văn chương giúp cho người gần người hơn.

B. Văn chương giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha.

C. Văn chương là loại hình giải trí của con người.

D. Văn chương dự báo những điều xảy ra trong tương lai.

**Câu 6: Theo em, quan niệm về văn chương sau đây có thể bổ xung cho quan niệm của Hoài Thanh để có một quan niệm đầy đủ về nguồn gốc của văn chương?**

A. Văn chương bắt nguồn từ cuộc sống lao động của con người.

B. Văn chương bắt nguồn từ thế giới thần bí bên ngoài con người.

C. Văn chương bắt nguồn từ việc muốn biết trước tương lai của con người.

D. Văn chương bắt nguồn từ việc muốn tìm hiểu quá khứ của con người.

**Câu 7: Tại sao Hoài Thanh lại nói:*‘‘Văn chương sẽ là hình ảnh của cuộc sống muôn hình vạn trạng’’*?**

A. Vì cuộc sống trong văn chương chân thật hơn bất kì một loại hình nghệ thuật nào.

B. Vì nhiệm vụ của văn chương là phải ghi chép lại tất cả những gì ông ta nhìn thấy ngoài cuộc đời.

C. Vì văn chương có nhiệm vụ phản ánh phong phú và đa dạng của con người và xã hội.

D. Cả A, B và C đều sai.

**Câu 8:Vì sao Hoài Thanhn lại nói: *‘‘Văn chương còn sáng tạo ra sự sống’’*?**

A. Vì cuộc sống trong văn chương hoàn toàn khác với ngoài đời.

B. Vì văn chương có thể dựng lên hình ảnh, đưa ra những ý tưởng mà cuộc sống chưa có hoặc cần có để mọi người phấn đấu xây dựng, biến chúng thành sự thật trong tương lai.

C. Vì cuộc sống được nhà văn tạo ra trong văn chương luôn luôn đẹp hơn ngoài cuộc đời.

D. Vì văn chương làm cho con người muốn thoát li với cuộc sống.

**Câu 9: Dòng nào sau đây không có trong quan niệm về công dụng của văn chương của Hoài Thanh?**

A. Văn chương giúp cho con người hăng say lao động hơn.

B. Văn chương giúp cho người đọc có tình cảm và lòng vị tha.

C. Văn chương gây cho ta những tình cảm chưa có, luyện những tình cảm ta sẵn có.

D. Văn chương giúp cho con người biết cái hay, cái đẹp của cảnh vật thiên nhiên.

**Câu 10: Tại sao nói *‘‘ý nghĩa văn chương’’* của Hoài Thanh là văn bản nghị luận văn chương?**

A. Vì dẫn chứng trong bài viết là các tác phẩm văn chương.

B. Vì tác giả nói về nguồn gốc và ý nghĩa của văn chương.

C. Vì phạm vi nghị luận là vấn đề của văn chương.

D. Cả A, B và C đều sai.

**Câu 11: Theo em, đặc trưng nào sau đây không phải là đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của bài viết *‘‘ý nghĩa văn chương’’*?**

A. Sử dụng luận cứ hợp lí.

B. Văn viết có cảm xúc.

C. Văn phong giàu hình ảnh.

D. Sử dụng phép tương phản.

Đáp án

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** |
| **ĐÁP ÁN** | **C** | **D** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **D** |

**\* Tự luận**

**Bài 1 :hs làm việc cá nhân.**

Theo Hoài Thanh, nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì? Hãy chú ý đến nghĩa của hai từ cốt yếu (chính, quan trọng nhất nhưng chưa phải là tất cả) và đọc bốn dòng đầu của văn bản để tìm ý trả lời.

 Gợi ý:Cốt yếu là quan trọng nhất nhưng chưa phải là tất cả. Do đó, có thể có quan niệm khác về nguồn gốc văn chương, chẳng hạn "văn chương bắt nguồn từ cuộc sống lao động của con người". Các quan niệm tuy có khác nhau nhưng không loại trừ nhau, lại có thể bổ sung cho nhau.

**Bài 2: Hs làm việc nhóm.**

Hoài Thanh viết: “Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế văn chương còn sáng tạo ra sự sống.. ”. Hãy đọc lại chú thích 5 rồi giải thích và tìm dẫn chứng để làm rõ các ý đó.

**Gợi ý:**

Chú thích 5: Hình dung: ở đây được dùng như là danh từ (chứ không phải động từ) do đó có nghĩa là hình ảnh, bóng hình.

Hoài Thanh viết: “Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế, văn chương còn sáng tạo ra sự sống”.

Văn chương là hình ảnh của cuộc sống đa dạng và phong phú. Văn chương phản ánh cuộc sống. Cuộc sống đa dạng cho nên hình ảnh được phản ánh trong văn chương cũng đa dạng. Qua văn chương, ta biết được cuộc sống, mơ ước của người Việt Nam xưa kia, ta cũng biết cuộc sống của các dân tộc khác nhau trên thế giới.

Văn chương còn sáng tạo ra sự sống. Qua tác phẩm văn chương, ta biết một cuộc sống trong mơ ước của con người. Đó là ước mơ con người có sức mạnh, lớn nhanh như Phù Đổng để đánh giặc; con người có sức mạnh để chống thiên tai lũ lụt như Sơn Tinh; con người có khả năng kì diệu như Mã Lương sáng tạo ra vật dụng và phương tiện trừng trị kẻ thù.

Bài 3: hs làm việc theo cặp.

Theo Hoài Thanh, công dụng của văn chương là gì? Hãy đọc đoạn văn từ “Vậy thì, hoặc hình dung sự sống” đến hết văn bản để tìm ý đó?

Gợi ý:

Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài..., văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế, văn chương còn sáng tạo ra sự sống"

Giúp ta có tình cảm, có lòng vị tha: Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có.

Giúp ta biết thưởng thức cái hay cái đẹp của thiên nhiên: Có thể nói… là quá đáng.

**Bài 4 : hs làm việc theo cặp**

Hoài Thanhviết : *« Văn chương là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế văn chương còn sáng tạo ra sự sống ».* Em hiểu ý kiến ấy như thế nào ?

Gợi ý :

\* Văn chương là hình dung của sự sống, tái hiện đời sống muôn hình muôn vẻ :

- Đó là cảm xúc hồi hộp của người mẹ trong đêm trước ngày khai trường vào lớp một của con.

- Đó là một thế giới đầy những bất công khiến cho người phụ nữ bị tước đoạt quyền được sống hạnh phúc.

- Đó là những cuộc chia li đầy nước mắt mà cảm động nhất là những cuộc chia li giữa vợ và chồng- người chồng có thể một đi mà không bao giờ trở lạ.

- Đó là thứ tình bạn cao cả, hiểu biết sâu sắc và kính mến nhau vượt qua những thiếu thốn của vật chất tầm thường…

\* Văn chương còn sáng tạo ra sự sống : Văn chương sáng tạo ra những hình ảnh, sự kiện chưa có trong đời sống, nó thể hiện những ước mơ, khát vọng của con người về một thế giới tốt đẹp hơn :

*- Bài ca nhà tranh bị gió thu phá :* Ước mơ có một ngôi nhà rộng muôn ngàn gian cho tất cả những người nghèo khổ, đói kém được cư ngụ.

- *Cuộc chia tay của những con búp bê*: Ước mơ về một ngôi nhà hạnh phúc có đầy đủ cả cha lẫn mẹ để trẻ em có đầy đủ điều kiện phát triển một cách toàn diện…

**Bài 5** : hs làm việc theo nhóm.

Để làm rõ công dụng của văn chương là : *Giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha*, tác giả đã nêu ra những chứng cứ gì ? Các chứng cứ ấy được sắp xếp theo trình tự nào ?

Gợi ý :

- Người đọc văn chương có thể vượt ra khỏi đời sống chật hẹp của mìm để cùng buồn, vui, mừng giận với những cảnh đời và con người trong tác phẩm văn chương.

- Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có ; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần.

- Nhờ văn chương mà người ta nhận và thấu hiểu mọi cái đẹp có trong tự nhiên.

- Nếu thiếu văn chương, nếu xóa bỏ văn chương khỏi cuộc sống nhận loại thì lịch sử loài người sẽ nghèo nàn đi bao nhiêu lần.

=> Cách sắp xếp các luận cứ : theo trình tự từ hẹp đến rộng, từ cụ thể đến khái quát. Tác dụng cảu văn chương được xem xét từ sự tác động vào tình cảm mỗi người đến đời sống và lịch sử của cả loài người. Tác giả cũng chứng minh theo cả hai cách thuận và nghịch : Văn chương làm phong phú thêm tâm hồn con người như thế nào và nếu thiếu văn chương thì đời sống con người sẽ nghèo nàn biết chừng nào.

**Bài 6**.Cho đoạn văn: “ Có kẻ nói….. sẽ đến bực nào”

1. Nêu nội dung đoạn văn trên?
2. Phương thức biểu đạt chính?
3. Tìm câu đơn mở rộng thành phần?
4. Qua đoạn văn, em nhận thấy tác giả đã ca ngợi tác dụng của văn chương như thế nào? Tình cảm, thái độ và hành động của em đối với văn chương?

***\*Gợi ý :***

a. Nội dung chính : Ý nghĩa của văn chương đối với cuộc sống. (Văn chương làm giàu đẹp thêm cuộc sống.)

b. Phương thức biểu đạt chính : Nghị luận

c. Câu đơn mở rộng thành phần : « Có kẻ nói.... tiếng chim tiếng suối nghe mới hay. »

d. – Tác giả khẳng định các tác phẩm văn chương, các nhà văn nhà thơ đã góp phần quan trọng trong việc làm nên cái đẹp, đem lại sức sống trong tâm hồn, sự thi vị cho cuộc đời. Nếu không có văn chương, không có các nhà văn nhà thơ thì cảnh tượng sẽ trở nên nghèo nàn, tâm hồn cằn cỗi...

- Tình cảm, thái độ, hành động của hs : HS làm dựa trên gợi ý sau :

+ Nhận thấy vai trò của văn chương là vô cùng quan trọng đối với thiên nhiên, con người : Nhờ các tác phẩm văn chương mà cảnh vật trở nên tươi đẹp ; nhờ văn chương mà con người gần gũi yêu thương, thấu hiểu nhau hơn; nhờ văn chương mà tâm hồn con người trở nên tươi đẹp, đầy sức sống...

+ Trân trọng và cảm phục tài năng tâm hồn của các nhà văn nhà thơ, nâng niu, giữ gìn các tác phẩm văn chương....

**Bài 7** : Nêu suy nghĩ của em về vai trò của văn chương trong cuộc sống bằng 1 đoạn văn từ 10 đến 12 câu ?

HS làm theo gợi ý sau :

* Giới thiệu vai trò của văn chương trong cuộc sống là vô cùng quan trọng.
* Giải thích văn chương ở đây hiểu theo nghĩa hẹp chính là các tác phẩm văn học và nghệ thuật ngôn từ.
* Khẳng định vai trò của văn chương không thể thiếu trong cuộc sống :

+ Văn chương làm giàu đẹp cuộc sống, làm cho thiên nhiên thêm tươi đẹp ; làm đẹp tâm hồn con người, khiến cho người gần người hơn.

+ Văn chương khơi dậy, duy trì và phát triển tình cảm trong mỗi con người.

+ Văn chương giúp cho trí tưởng tượng của con người phong phú, giúp con người hình dung cuộc sống rõ ràng cụ thể... ; làm cho tâm hồn con người rộng mở...

* Thái độ, việc làm tình cảm của em đối với văn chương : Trân trọng và cảm phục tài năng tâm hồn của các nhà văn nhà thơ, nâng niu, giữ gìn các tác phẩm văn chương ; thường xuyên đọc văn chương, coi các tác phẩm văn chương không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của bản thân. Phê phán những người coi thường văn chương...

**Tiết 3**

**II. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.**

**\* Trắc nghiệm**

**1. Trong các câu sau, câu nào là câu bị động?**

A. Tôi kéo em ngồi xuống và khẽ vuốt lên mái tóc.

B. Cuối cùng, hai con búp bê đã không bị chia lìa.

C. Tôi dắt em ra khỏi lớp.

D. Em lặng lẽ đặt tay lên vai tôi.

**2. Trong các câu sau, câu nào là câu chủ động?**

A. Trào lưu đô thi hóa đã thu hẹp sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

B. Ngôi nhà ấy đã bị người ta phá vỡ vào hôm qua.

C. Bạn Hoa được thầy cô và bạn bè rất tin tưởng và yêu mến.

D. Con ngựa hoang bị chàng kị sĩ buộc bên gốc đào.

**3. Trong các câu sau, câu nào là bị động?**

A. Trăng tròn.

B. Lan được thầy giáo khen.

C. Mẹ đang nấu cơm.

D. Trời mưa to.

**4. Trong các câu có từ "được" sau đây, câu nào là câu bị động?**

A. Bạn Nam được giải nhất trong cuộc thi chạy việt dã.

B. Chị Hai tôi vừa sinh được một bé gái rất dễ thương.

C. Mùa hè năm ngoái, tôi được bố đưa về thăm quê nội.

D. Tôi học trường này đã được hai năm rồi.

**5. Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại trong mỗi đoạn văn nhằm mục đích gì?**

A. Để câu văn đó nổi bật hơn.

B. Để câu văn đó đa nghĩa hơn.

C. Để liên kết đoạn văn trước đó với đoạn văn đang triển khai.

D. Để tránh lặp lại kiểu câu và liên kết các câu trong đoạn thành một mạch văn thống nhất.

**6. Thế nào là câu chủ động?**

A. Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hành động hướng vào người, vật khác.

B. Là câu có thể rút gọn các thành phần phụ.

C. Là câu không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ.

D. Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hành động của người, vật khác hướng vào.

**7. Trong các câu có từ "được" sau đây, câu nào là câu bị động?**

A. Mỗi lần được điểm cao, tôi lại được ba mẹ mua tặng một thứ đồ dùng học tập mới.

B. Gia đình tôi chuyển về Hà Nội được mười năm rồi.

C. Cha mẹ tôi sinh được hai người con.

D. Bạn ấy được điểm mười.

**8. Trong các câu sau, câu nào là câu chủ động?**

A. Nhà vua truyền ngôi cho cậu bé.

B. Lan được mẹ tặng chiếc cặp sách mới nhân ngày khai trường.

C. Thuyền bị gió làm lật.

D. Ngôi nhà đã bị ai đó phá.

**9. Thế là câu bị động?**

A. Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hành động của người, vật khác hướng vào.

B. Là câu có thể rút gọn các thành phần phụ.

C. Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hành động hướng vào người, vật khác.

D. Là câu có thể rút gọn thành phần chủ ngữ.

**10. Trong các câu có từ "bị" sau, câu nào không là câu bị động?**

A. Môi trường đang ngày càng bị con người làm cho ô nhiễm hơn.

B. Tên cướp đã bị cảnh sát giam và đang chờ ngày xét xử.

C. Khu vườn bị cơn bão làm cho tan hoang.

D. Ông tôi bị đau chân.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | B | A | B | C | D | A | A | A | A | D |

**\* Tự luận :**

**Bài 1 (hs làm việc cá nhân): Chỉ ra câu chủ động, câu bị động trong các câu sau.**

1. Ngôi nhà này được ông tôi xây từ ba mươi năm trước.=>CBĐ

2. Sản phẩm này rất được khách hàng ưa chuộng.=> CBĐ

3. Lam bị thầy giáo phê bình vì không làm bài tập về nhà.=>CBĐ

4. Thầy hiệu trưởng là người đã xây dựng ngôi trường này từ những năm đầu kháng chiến chống Mĩ.=>CCĐ

5. Mái nhà được họ làm bằng cỏ tranh và lá cọ.=>CBĐ

6. Sáng sáng cô gái dắt chú chó đi dạo quanh bờ hồ.=>CCĐ

7. Người ta dựng hàng rào chắn quanh cây cổ thụ đó.=>CCĐ

8. Bèo bị gió đẩy trôi dạt vào bờ.=>CBĐ

9.Gió đẩy bèo trôi dạt vào bờ.=>CCĐ

10. Bèo được gió đẩy trôi dạt vào bờ.=>CBĐ

**Bài 2 (hs làm việc cá nhân)** : Chuyển đổi mỗi câu chủ động dưới đây thành 2 câu bị động- một câu dùng từ được, một câu dùng từ bị. Cho biết sắc thái ý nghĩa.

a) Thầy giáo phê bình em.

- Em được thầy giáo phê bình =>sắc thái biết ơn

- Em bị thầy giáo phê bình => sắc thái buồn

b) Người ta đã phá ngôi nhà ấy đi.

- Ngôi nhà ấy đã được người ta phá đi =>sắc thái hài lòng

- Ngôi nhà ấy đã bị người ta phá đi =>sự nuối tiếc không mong muốn

c) Trào lưu đô thị hóa đã thu hẹp sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn.

- Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã được thu hẹp bởi trào lưu đô thị hóa => Sắc thái vui mừng

- Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã bị thu hẹp bởi trào lưu đô thị hóa=> Sắc thái khách quan

**Bài 3: (hs làm việc cá nhân)**Viết đoạn văn có sử dụng câu chủ động, hãy chỉ rõ và chuyển câu chủ động thành câu bị động theo 2 cách.( hs viết bài- gv cho hs đọc, nhận xét, giái viên chốt.)

Đoạn văn tham khảo

Cô giáo tôi tên là Mai Lê. Năm nay cô đã 33 tuổi. Cô phụ trách giảng dạy chúng tôi bộ môn Ngữ Văn và đồng thời cũng là giáo viên chủ nhiệm của lớp chúng tôi học kì này. Cô có dáng người cao gầy, mái tóc mượt mà duyên dáng. Cô tận tình trong giảng dạy. Cô giáo luôn giải đáp cho chúng tôi những thắc mắc trong bài học  
- Câu chủ động (gạch chân)  
- Chuyển sang bị động:  
+ Chúng tôi luôn được cô giải đáp những thắc mắc trong bài học.  
+ Những thắc mắc của chúng tôi luôn được cô giáo giải đáp trong bài học.

**Bài tập 4:** **(hs làm việc cá nhân)**

Viết một đoạn văn ngắn nói về lòng say mê văn học hoặc về ảnh hưởng của tác phẩm văn học đối với em, trong đó có dùng ít nhất một câu bị động.

- Giới thiệu chung (VD: Văn học là một loại hình nghệ thuật - nghệ thuật của ngôn từ, và nó đã làm em say mê tự khi nào không biết...)

- Các câu nội dung: (ý nghĩa, công dụng của văn học)

***Đoạn văn tham khảo:***

Văn học là một loại hình nghệ thuật - nghệ thuật của ngôn từ, và nó đã làm em say mê tự khi nào không biết. Văn học có vai trò rất lớn trong đời sống của chúng ta.

Nhờ văn học, con người biết yêu thương nhau hơn, cuộc đời trở nên đẹp hơn, tốt hơn. Từ khi nằm trong nôi, ta đã được mẹ hát cho nghe những câu ca dao thấm thấm đẫm tình người: *Thương thay thân phận con tằm*... Lớn lên đi học, ta được học những câu chuyện cỏ tích, biết yêu thương những con người bất hạnh, căm ghét những cái xấu xa. Tình cảm nhân văn ấy theo ta trong những câu Kiều, những trang hồi kí đẫm nước mắt. Để rồi, gấp những trang văn lại, ta bước vào đời đẹp hơn, giàu lòng nhân ái hơn...

**Câu bị động:** Từ khi nằm trong nôi, ta đã được mẹ hát cho nghe những câu ca dao thấm thấm đẫm tình người: *Thương thay thân phận con tằm*...

**Bài tập 5:** Có thể thay câu bị động được in đậm dưới đây bằng câu chủ động tương đương không ? Tại sao ?

   Trong đợt thi học sinh giỏi vừa qua, bạn Nam đoạt giải nhất về môn Toán. ***Bạn Nam được thành phố khen***. Song, không vì thế mà bạn Nam trở nên kiêu căng, bạn vẫn khiêm tốn và tận tình giúp đỡ chúng tôi học tập.

Không thể chuyển thành câu chủ động tương đương, vì *thành phố* chỉ là đơn vị hành chính, không phải là người, con vật nên không thể có hoạt động hướng vào người, vật khác.

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức về câu chủ động, câu bị động

- bài tập: Viết một đoạn văn chưng minh rằng: *Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.*

**Buổi 30**

**Tiết 88, 89, 90: Chuyên đề tập làm văn: Văn nghị luận**

*Hướng dẫn chuẩn bị viết bài tập làm văn số 6 (Văn lập luận giải thích)*

**I. Mục tiêu cần đạt :**

1. Kiến thức

Học sinh nắm vững hơn cách làm một bài văn lập luận giải thích.

2. Kỹ năng

- Rèn cho HS kỹ năng lập luận giải thích, xây dựng bố cục cho bài văn giải thích

- Vận dụng được những hiểu biết đó vào việc làm một bài văn giải thích cho một nhận định, một ý kiến về một vấn đề quen thuộc với đời sống của học sinh.

3. Thái độ, phẩm chất

Ý thức trau dồi tri thức, bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức bản thân thông qua những bài văn giải thích

4. Năng lực

- Năng lực tự học

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực hợp tác

- Năng lực giao tiếp

- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ

….

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **I. Hướng dẫn học sinh củng cố lí thuyết về văn lập luận giải thích**  *?Em hãy nhắc lại về mục đích và phương pháp giải thích trong văn nghị luận?*  HS trả lời  GV: Ví dụ giải thích về lòng khiêm tốn có thể được coi là một bản tính căn bản cho con người; liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn; Chỉ ra cái lợi của khiêm tốn, cái hại của không khiêm tốn; Nêu rõ lí do cần phải khiêm tốn.  Khi giải thích, lí lẽ phải rõ ràng, dễ hiểu và chặt chẽ thì mới có sức thuyết phục. Tất nhiên, trong một chừng mực, để đảm bảo cho lí lẽ có sức thuyết phục, người giải thích cũng cần nêu dẫn chứng, nhưng phần chứng minh này chỉ có mục đích làm sáng tỏ lí lẽ mà thôi.  ?*Nêu các bước làm bài và dàn bài của bài văn lập luận giải thích?*  HS trả lời  HS nhận xét, GV nhận xét, chốt kiến thức.  GV: Giải thích một quan niệm, một câu danh ngôn, một nhận định, nội dung một câu ca dao, tục ngữ đòi hỏi phải hiểu rõ vấn đề cần giải thích chứa đựng trong đó.  Người viết không chỉ đưa ra cách hiểu của riêng mình mà cần phải đưa ra cách hiểu chung nhất, phổ biến nhất về vấn đề đó.  Để làm rõ vấn đề, người viết căn cứ vào yêu cầu của đề để tập hợp lí lẽ, sắp xếp lí lẽ. Vận dụng các phương pháp giải thích một cách thích hợp (định nghĩa, diễn giải, liệt kê, nêu ví dụ, đối sánh,..) để làm sáng tỏ vấn đề một cách toàn diện.  Trong quá trình giải thích, có khi cần lấy một vài dẫn chứng để chứng minh cho lập luận, dẫn giải. Nhưng cần chú ý không lấy dẫn chứng tràn lan và không biến việc giải thích thành việc chứng minh.  Với những vấn đề khó nên đưa ra nhận định ở mức cần thiết không to tát, cứng nhắc và có thể giới thiệu còn có những cách hiểu khác nữa, nhưng cần tập trung vào cách hiểu được trình bày. | **I. Củng cố lí thuyết**  **1. Mục đích và phương pháp giải thích**  **a. Mục đích:** giải thích trong văn nghị luận là làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng, đạo lý, phẩm chất, quan hệ,…cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cho con người.  **b. Phương pháp:**  - Nêu định nghĩa  - Nêu các biểu hiện  - So sánh, đối chiếu với các hiện tượng khác  - Chỉ ra nguyên nhân, ý nghĩa, cách noi theo vấn đề cần giải thích.  **2. Các bước (4 bước)**  **- Tìm hiểu đề và tìm ý**  **- Lập dàn bài**  **- Viết bài**  **- Đọc lại và sửa chữa**  **2. Dàn bài**  **- Mở bài:**  + Giới thiệu vấn đề cần giải thích: một nhận xét, một đánh giá, một câu tục ngữ, bài ca dao…  + Nêu phương hướng, phạm vi cần giải thích: những từ ngữ nào , nội dung gì…  **- Thân bài:**  + Giải thích lần lượt các nội dung đã định hướng ở phần mở bài  + Lí lẽ của người giải thích  + Nội dung của những vấn đề cần giải thích( định nghĩa, nghĩa đen, nghĩa bóng, phạm vi tác động..)  + Cách hiểu đúng đắn, toàn diện đối với vấn đề, căn cứ vào điều kiện lịch sử, cụ thể.  **- Kết bài:**  + Nhấn mạnh cách hiểu đúng, không thể bác bỏ hay xuyên tạc.  + Cũng có thể liên hệ với thực tế hay rút ra bài học cho bản thân.  \* Lời văn giải thích cần sáng sủa, dễ hiểu. Giữa các phần, đoạn, cần có sự liên kết. |

***B. Luyện tập (30p)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **II. Hướng dẫn học sinh chuẩn bị viết bài tập làm văn số 6**  GV yêu cầu HS đọc đề 1 trong SGK/88  Đề 1: *Mùa xuân là Tết trồng cây,*  *Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.*  Bác Hồ muốn khuyên dạy chúng ta điều gì qua hai dòng thơ này? Vì sao việc trồng cây trong mùa xuân của đất trời lại có thể góp phần làm nên mùa xuân của đất nước?  HS đọc đề.  *? Em hãy xác định yêu cầu của đề bài?*  HS trả lời  HS nhận xét  GV chốt ý  *? Đối với đề bài này, chúng ta cần triển khai những ý chính nào?*  (Có mấy ý chính cần giải quyết trong bài)  HS suy nghĩ, trả lời  *? Hãy lập dàn ý cho đề bài trên?*  HS thảo luận theo bàn (10p) để lập dàn ý. Hết thời gian GV gọi đại diện nhóm lên trình bày phần thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. GV đưa ra dàn ý cuối cùng tham khảo. | **II. Hướng dẫn chuẩn bị viết bài tập làm văn số 6**  **1. Đề 1**  **a) Yêu cầu**  - Kiểu bài lập luận giải thích  - Nội dung: giải thích làm rõ ý nghãi lời khuyên của Bác Hồ. Làm rõ, ý nghĩa, tác dụng của việc trồng cây.  **b) Gợi ý**  - Cần hiểu rõ nghĩa của từ “xuân” trong câu nói để hiểu lời Bác khuyên.  - Nên đọc lại sách báo, tìm hiểu thực tế để hiểu rõ vai trò của việc trồng cây đối với sự phát triển của đời sống xã hội.  **c) Lập dàn ý**  **Mở bài:**  - Sinh thời, Bác Hồ luôn quan tâm đến mọi mặt của đời sống xã hội. Người có nhiều lời khuyên thấm thía với nhân dân.  - Câu: “ Mùa xuân…càng xuân” là lời Bác phát động Tết trồng cây năm 1960.  **Thân bài**  **\* Giải thích câu nói của Bác:**  + Từ “ xuân” ở câu thơ thứ nhất: chỉ mùa bắt đầu của một năm  + Từ “xuân” ở câu thơ thứ hai: sức sống, vẻ tươi đẹp.  + Với câu nói đầy hình ảnh đó, Bác khuyên mọi người hãy tích cực trồng cây. Việc trồng cây sẽ làm cho đất nước tươi đẹp hơn. Bác đã phát động tết trồng cây.  - Dẫn chứng:  + Bản thân Bác đã rất gương mẫu trong việc trồng cây: nơi Bác ở có nhiều cây do chính tay Bác trồng, chăm sóc; Bác trồng nhiều cây kỉ niệm: những cây đa Bác trồng ở công viên thống nhất, đồi cây Vật Lại ở Đông Anh đã tỏa bóng mát xum xuê.  + Việc trồng cây dã trở thành phong trào, phong trào, phong tục đẹp từ khi Bác phát động vào đầu thập kỉ sáu mươi của thế kỉ XX.  - Lời dạy của Bác mang ý nghĩa thuần phong mĩ tục và thời đại. Tết trồng cây còn là ngày hội, là phong tục tốt đẹp của người Việt Nam.  **\* Vì sao trồng cây trong mùa xuân của đất trời lại góp phần làm nên mùa xuân của đất nước?**  - Trồng cây tạo ra quang cảnh đẹp hơn: những công viên cây xanh, nơi nghỉ ngơi thư giãn của mọi người sau những ngày làm việc vất vả.  - Cây xanh tạo cảnh quan kiến trúc thơ mộng, tôn vẻ đẹp của nơi ở.  - Trồng cây làm cho môi trường sống tốt đẹp hơn:  + Môi trường sống hiện nay bị ô nhiễm. Tích cực trồng cây sẽ làm trong sạch môi trường.  + Cây xanh có tác dụng: điều hòa không khí, chống lũ, bảo vệ đất, chống xói mòn.  - Trồng cây mang lại lợi ích phát triển kinh tế: Rừng cso su, thông, vườn cây, hoa quả…  **\* Làm gì để thực hiện lời dạy của Bác?**  - Tích cực trồng cây.  - Chăm sóc cây xanh.  - Bảo vệ rừng.  **Kết bài**  - Nhấn mạnh ý nghĩa của tết trồng cây  - Suy nghĩ về lời dạy của Bác |

**Tiết 2:**

***Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV yêu cầu học sinh luyện tập viết mở bài, kết bài hoặc một ý nhỏ theo dàn ý của đề bài 1. (20p)  Hết thời gian, GV gọi một vài HS lên trình bày phần viết của mình.  HS khác lắng nghe, GV nhận xét, chữa bài cho HS.  GV đọc một số đoạn văn tham khảo. | **Tham khảo:**  Sinh thời, Bác Hồ luôn quan tâm đến mọi mặt của đời sống xã hội. Người có nhiều lời khuyên thấm thía với nhân dân. Câu: “ Mùa xuân…càng xuân” là lời Bác phát động Tết trồng cây năm 1960.  Trước hết, ta đi giải thích câu nói của Bác.Từ “ xuân” ở câu thơ thứ nhất: chỉ mùa bắt đầu của một năm. Từ “xuân” ở câu thơ thứ hai: sức sống, vẻ tươi đẹp.Với câu nói đầy hình ảnh đó, Bác khuyên mọi người hãy tích cực trồng cây. Việc trồng cây sẽ làm cho đất nước tươi đẹp hơn. Vào năm 1960, sau cuộc kháng chiến chống Pháp thành công, nhân dân mọi miền đất nước bắt tay vào công việc xây dựng đất nước. Bác Hồ đã phát động tết trồng cây trong cả nước và từ đó đến nay mọi người nô nức trồng cây xanh trên khắp mọi miền đất nước để nhớ đến lời dạy của Bác Hồ. Bản thân Bác đã rất gương mẫu trong việc trồng cây: nơi Bác ở có nhiều cây do chính tay Bác trồng, chăm sóc; Bác trồng nhiều cây kỉ niệm: những cây đa Bác trồng ở công viên thống nhất, đồi cây Vật Lại ở Đông Anh đã tỏa bóng mát xum xuê. Việc trồng cây dã trở thành phong trào, phong trào, phong tục đẹp từ khi Bác phát động vào đầu thập kỉ sáu mươi của thế kỉ XX.  **……….**  Tóm lại, lời dạy của Bác qua hai câu thơ trên có ý nghĩa giáo dục vô cùng sâu sắc. Đất nước có được giàu mạnh hay không thì việc bảo vệ môi trường trong lành và trồng nhiều cây xanh cũng góp phần đáng kể. Thấm thía lời dạy của Người, em hứa sẽ cố gắng thể hiện việc trồng cây trong gia đình thật tốt. |

**Tiết 3:**

***Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV đưa ra đề bài: Một nhà văn có nói: “ Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người”. Em hãy giải thích nội dung câu nói đó.  GV chia lớp thành 4 nhóm. Yêu cầu các nhóm thảo luận để lập dàn ý cho đề bài trên. | **Dàn bài:**  **1, Mở bài**  - Sách có vai trò to lớn đối với cuộc đời mỗi con người./  - Nói về vai trò của sách, một nhà văn có nói: “ Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người”.  **2, Thân bài**  a) Trước hết ta đi tìm hiểu nội dung câu nói:  - “Sách” là tích lũy kho tàng tri thức của nhân loại  - “ ngọn đèn” là nguồn sáng chiếu rọi, soi tỏ.  - “ bất diệt” là không bao giờ tắt  -“ trí tuệ” là sự hiểu biết.  -> Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người nghĩa là sách không chỉ giúp ích cho con người mà còn soi tỏ tâm hồn con người.  **b) Vì sao vậy?**  - Vì sách mang đến cho con người rất nhiều điều bổ ích:  + Giúp ta vượt qua khoảng cách về không gian và thời gian.  + Giúp ta trở về quá khứ, hướng tới tương lai.  + Chắp cánh ước mơ cho mỗi chúng ta.  **c) Thực tế đã cho thấy:**  - Sách Toán, Lý, Hóa, ..giúp ta có thêm hiểu biết về lĩnh vực khoa học tự nhiên.  - Sách Văn, Sử, Địa…giúp ta có thêm hiểu biết về lĩnh vực khoa học xã hội.  - Sách Văn, qua những bài thơ, mẩu chuyện giúp ta bồi đáp tình cảm đẹp, tình yêu quê hương, đất nước, con người. “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sắn có”  **d) Tuy nhiên, bên cạnh những quyển sách tốt, giúp soi sáng tâm hồn ta, còn có nhũng quyển sách xấu, sách độc hại.**  Vì vậy, là một học sinh, em phải xác định co mình mục đích đọc sách, phải biết chọn lựa những quyển sách tốt để đọc, tránh xa những sách xấu  **3, Kết bài**  - Khẳng định lại vấn đề  Tham khảo:  Sách là kho tàng kiến thức khổng lồ của nhân loại, được tích lúy qua mấy ngàn năm lịch sử dân tộc. Nói về giá trị to lớn của sách, một nhà văn có nói: “ Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người”  Trước hết, ta đi tìm hiểu ý nghãi câu nói. “Sách” là tích lũy kho tàng tri thức của nhân loại, “ ngọn đèn” là nguồn sáng chiếu rọi, soi tỏ, “ bất diệt” là không bao giờ tắt, “ trí tuệ” là sự hiểu biết. Cả câu nói “ Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người” , cho ta thấy sách không chỉ giúp ích cho con người mà còn soi tỏ tâm hồn con người.  Vì sao lại nói: “ Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người” ?. Bởi sách mang đến cho ta rất nhiều điều bổ ích. Sách giúp ta vượt qua khoảng cách không gian và thời gian; giúp ta nắm bắt được tình hình trong và ngoài nước; sách giúp ta trở về với quá khứ, hướng tới tương lai. Sách chắp cánh ước mơ, sáng tạo, khát vọng. Rõ ràng sách có vai trò vô cùng to lớn.  Thật vậy, thực tế đã chứng minh khá rõ nét về điều đó. Những cuốn sách Toán, Lý , Hóa, sinh…giúp ta mở mang hiểu biết về lĩnh vực khoa học tự nhiên. Những cuốn sách lịch sử phản ánh toàn bộ quá trình từ khi con người xuất hiện trên trái đất cho đến tình hình dựng nước và giữ nước cho tới tận ngày nay. Hay cũng như ta thấy, những cuốn sách văn học dạy cho ta biết bao điều hay, lẽ phải, để ta hoàn thiện hơn nhân cách sống. Những bài thơ, câu chuyện cho ta thêm yêu cái đẹp, tránh x những gì xấu xa.  Bên cạnh đó, có rất nhiều câu nói hay cũng ca ngợi vẻ đẹp và giá trị của sách như: “ Sách là chìa khóa mở của của lâu đài tráng lệ”. Hoặc trong văn bản “ Ý nghĩa văn chương” , ta thấy tác giả Hoài Thanh viết: “ Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có”. Qua đó, gíup ta bồi đắp những tình cảm đẹp, tình yêu quê hương, đất nước, con người….  Trái lại, có những kẻ vì chạy theo lợi nhuận đã viết lên những cuốn sách tiêu cực, làm ảnh hưởng tới thế hệ trẻ. Những kẻ đó thật đáng lên án. Vì vậy, là một học sinh, em phải xác định cho mình mục đích đọc sách, phải biết lựa chọn những quyển sách tốt để học, tránh xa những sách xấu.  Hiểu được nhận định trên hoàn toàn đúng đắn, ta thấy được giá trị to lớn của sách, em thấy mình cần phải duy trì tính đọc sách lâu dài.  Sách có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống của mỗi chúng ta. Cho dù cuộc sống của con người có phát triển tới đâu chăng nữa; nhưng với nhiều phương tiện giải trí hiện đại như ti vi, máy tính, điện thoại…thì sách vẫn mãi là người bạn đồng hành của chúng ta. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- GV yêu cầu HS nhớ lại đơn vị kiến thức đã học

- Giao bài tập về nhà: Luyện viết bài văn cho 2 đề bài trên để chuẩn bị cho bài viết tập làm văn số 6.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Buổi 31**

**Tiết: 91+92+93: CHUYÊN ĐỀ: TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI**

**I. Mục tiêu cần đạt:TTEV**

1.Kiến thức:

* Học sinh nắm được sơ lược về thể loại truyện ngắn hiện đại, vị trí của tác phẩm trong nền văn học hiện đại.
* Bước đầu tìm hiểu nguy cơ đê vỡ và sự chống cự tuyệt vọng của dân phu để thấy được đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của truyện: dùng phép tương phản, đối lập rất thành công
* Bước đầu đọc, hiểu được nội dung truyện ngắn của Nguyễn Aí Quốc.
* Phân tích để thấy được nét đặc sắc về ngôn từ tạo giọng văn hài hước, châm biếm sâu sắc.

2. Kỹ năng:Rèn kĩ năng đọc, tìm hiểu bố cục, tóm tắt truyện và phân tích chi tiết nghệ thuật của văn tự sự.

3. Thái độ, phẩm chất:

- GD ý thức học tập cho HS.

+ Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

4: Năng lực Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mĩ, hợp tác

**II. Tiến trình bài giảng:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới.**

**TIẾT 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Em hãy nêu những nét chính về hoàn cảnh ra đời, bố cục và nội dung, nghệ thuật tác phẩm “Sống chết mặc bay”?** | A. Sống chết mặc bayI. Đôi nét về tác giả Phạm Duy Tốn - Phạm Duy Tốn (1883-1924), nguyên quán Phượng Vũ, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội), sinh quán thôn Đông Thọ (nay là phố Hàng Dầu, Hà Nội)  - Ông là một trong số những nhà văn mở đường cho truyện ngắn hiện đại Việt Nam  - Truyện ngắn của oogn thường viết về hiện thực xã hội đương thời II. Đôi nét về tác phẩm *Sống chết mặc bay* **1. Hoàn cảnh ra đời**  - “Sống chết mặc bay” được sáng tác tháng 7 năm 1918  - Đây là tác phẩm được xem là thành công nhất của Phạm Duy Tốn  **2. Tóm tắt**      Sống chết mặc bay là câu chuyện về sự tắc trách của quan phụ mẫu làng X, thuộc phủ X dẫn đến cái chết của hàng bao nhiêu con người, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết, kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn. Bởi trong khi dân chúng khổ cực, vất vả giữ đê ngăn nước lũ từ sông Nhị Hà thì quan phụ mẫu vẫn say sưa với ván bài tổ tôm trong cái đình cao và vững chãi, mặc kệ dân chúng ngoài kia.  **3. Bố cục (3 phần)**  - Phần 1 (từ đầu đến “khúc đê này vỡ mất”): Tình hình vỡ đê vá sức chống đỡ  - Phần 2 (tiếp đó đến “Điếu, mày!”): Cảnh quan phụ mẫu đánh tổ tôm khi “đi hộ đê”  - Phần 3 (còn lại): Cảnh vỡ đê và nhân dân lâm vào cảnh lầm than  **4. Giá trị nội dung**  “Sống chết mặc bay” đã lên án gay gắt tên quan phủ “lòng lang dạ thú” và bày tỏ niềm thương cảm trước cảnh “nghìn sầu muôn thảm” của nhân dân do thiên tai và cũng do thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền gây nên  **5. Giá trị nghệ thuật**  - Kết hợp nghệ thuật tương phản và tăng cấp khéo léo  - Lời văn cụ thể, sinh động, giàu cảm xúc  - Miêu tả nhân vật sắc nét |
| **Em hãy nêu những nét chính về hoàn cảnh ra đời, bố cục và nội dung, nghệ thuật tác phẩm “Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu”?** | B. Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội ChâuI. Đôi nét về tác giả Nguyễn Ái Quốc - Nguyễn Ái Quốc (1890-1969), là tên gọi rất nổi tiếng của chủ tịch Hồ Chí Minh, được dùng từ năm 1919 đến năm 1925  - Bút danh Nguyễn Ái Quốc gắn với tờ báo Người cùng khổ, nhiều truyện kí và tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”, viết trên đất Pháp, bằng tiếng Pháp trong thời gian từ 1922 đến 1925 II. Đôi nét về tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* **1. Hoàn cảnh ra đời**  “Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu” được viết ngay sau khi nhà cách mạng Phan Bội Châu bị bắt cóc (18-6-1925) ở Trung Quốc giải về giam ở Hỏa Lò và sắp bị xử án, còn Va-ren thì chuẩn bị sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương.  **2. Tóm tắt**  Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu là câu chuyện về cuộc gặp gỡ giữa Va-ren, tên toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ và Phan Bội Châu, hiện là một người tù bị bắt giam vì hoạt động Cách mạng. Trong cuộc gặp gỡ tại nhà tù giam giữ Phan Bội Châu, Va-ren ra sức dùng lời lẽ dụ dỗ người chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu phản bội dân tộc, làm tay sai cho Pháp. Những với tinh thần dân tộc, ý chí Cách mạng của mình, Phan Bội Châu đã đáp trả Va-ren bằng thái độ dửng dưng, khinh bỉ thậm chí là nhổ vào mặt tên toàn quyền Đông Dương ấy.  **3. Bố cục (3 phần)**  - Phần 1 (từ đầu đến “vẫn bị giam trong tù”): Lời hứa của Va-ren với Phan Bội Châu  - Phần 2 (tiếp đó đến “không hiểu Phan Bội Châu”): Cuộc gặp gỡ giữa Va-ren và Phan Bội Châu  - Phần 3 (còn lại): Thái độ của Phan Bội Châu qua lời của các nhân chứng  **4. Giá trị nội dung**  “Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu” đã khắc họa được hai nhân vật có tính cách đại diện cho hai lực lượng xã hội hoàn toàn đối lập nhau ở nước ta thời Pháp thuộc. Va-ren: gian trá, lố bịch, đại diện cho thực dân Pháp phản động ở Đông Dương. Phan Bội Châu kiên cường, bất khuất, xứng đáng là “bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả than vì độc lập”, tiêu biểu cho khí phách dân tộc Việt Nam  **5. Giá trị nghệ thuật**  - Sử dụng triệt để biện pháp tương phản, đối lập nhằm khắc họa hai hình tượng nhân vật đối lập  - Lựa chọn các chi tiết miêu tả độc đáo, giàu ý nghĩa tượng trưng  - Sáng tạo hình thức ngôn ngữ độc thoại  - Giọng văn sắc sảo, hóm hỉnh  - Giàu khả năng liên tưởng, hư cấu |

**B: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV tổ chức cho HS thảo luận theo cặp.  **Bài tập 1: Phân tích biện pháp nghệ thuật tương phản trong tuyện, thể hiện ở hai cảnh: cảnh người dân hộ đê và cảnh quan phủ chơi bài. Nêu ý nghĩa của việc sử dụng phép tương phản trong truyện.** | **Bài tập 1:**   |  |  | | --- | --- | | Cảnh người dân hộ đê | Cảnh quan lại chơi bài | | Kẻ thì thuổng | Uy nghi chễm chệ ngồi | | Người thì cuốc | Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra | | Kẻ đội đất | Bát yến hấp đường phèn khói bay nghi ngút | | Kẻ vác tre | Nhàn nhã, đường bệ, nguy nga | | Bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân | Quan ngồi trên, nha ngồi dưới | | Ướt như chuột lột | Lính lệ khoanh tay sắp hàng nghi vệ tôn nghiêm | | Tiếng người xao xác gọi nhau | Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi | | Ai ai cũng mệt lử cả rồi | Điềm nhiên, chỉ lăm le chực người ta bốc trúng để hạ |   **🡪Ý** nghĩa của phép tương phản trong truyện: phê phán bọn quan lại, đặc biệt là tên quan phụ mẫu tắc trách, ráo cạn tình người, mặc kệ số phận và sinh mệnh của con dân |
| **Bài tập 2: Hãy chỉ ra nghệ thuật tăng cấp được sử dụng trong truyện “ Sống chết mặc bay”. Tác dụng của biện pháp nghệ thuạt này trong việc diễn tả bản chất nhân vật quan phụ mẫu?** | **Bài tập 2:**  **\*Nghệ thuật tặng cấp:**  - Tăng cấp trong việc miêu tả cảnh hộ đê: Kẻ thì thuổng, người thì cuối,… -> người nào người ấy lướt thướt như chuột lột, thảm -> ai ai cũng mệt lử cả rồi -> sức người khó lòng địch nổi với sức trời.  - Tăng cấp trong miêu tả mức độ đam mê bài bạc của tên quan phủ: Lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái, khi cười, khi nói -> mắt đang mải trông đĩa nọc, vẫn điềm nhiên, chỉ lăm le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ -> Đỏ mặt tía tai quát tên lính rồ quay mặt vào hỏi thầy đề bốc quân gì.  **\*Tác dụng :**  - Vạch trần thói làm việc tắc trách, ích kỉ của tên quan phụ mẫu.  - Lên án sự lạnh lùng đến đáng sợ, thờ ơ trước sinh mệnh của hàng trăm ngàn con người. |

**TIẾT 2: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV cho HS tahor luận, làm các BT sau: Bài tập 1: Phân tích để làm rõ sự tương phản giữa hai nhân vật Va-ren và Phan Bội Châu trong cuộc gặp gỡ giữa họ.** | **Bài tập 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Va-ren** | **Nhân vật Phan Bội Châu** | | + Lời thoại nhiều, tất cả đều là độc thoại trước sự im lặng của Phan Bội Châu.  + Hắn là một kẻ xảo trá, lẻo mép, là một kẻ lưu manh giả vờ nhân nghĩa. Hắn muốn lôi kéo người chí sĩ yêu nước của ta phản bội lại chủ nghĩa xã hội, phản bội lại cuộc đấu tranh của dân tộc.  + Là một Toàn quyền Đông Dương, ở vị thế cao hơn nhưng trong cuộc gặp này hắn bị lép vé trước Phan Bội Châu bởi thái độ dửng dung của người tù. | + Im lặng dửng dung không đáp lại lời của Va-ren, mỉm cười khinh bỉ.  + Dù là một tử tù nằm trong tay kẻ thù nhưng Phan Bội Châu mang khí chất lấn át, khiến Va-ren phải dè chừng. Phan Bội Châu khinh bỉ tất cả những lời lẽ xảo trá, ngụy biện của tên Toàn quyền Đông Dương.  + Là một người chí sĩ cách mạng yêu nước, kiên định, khí phách. | |
| **Bài tập 2. Giải thích nhan đề “ Sống chết mặc bay”.** | **Bài tập 2.** Gợi ý:  - Nhan đề “Sống chết mặc bay” của Phạm Duy Tốn được đánh giá là một nhan đề hay, độc đáo và giàu ý nghĩa.  - Nguồn gốc: Nhan đề có nguồn gốc từ câu tục ngữ “Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”.  + Nghĩa đen: Nói về thái độ vô trách nhiệm, vô lương tâm, coi thường tính mạng con người của một số người làm nghề thầy thuốc, lang băm trong xã hội.  +Nghĩa khái quát: Câu tục ngữ còn mang tầm khái quát cao, chỉ chung những kẻ quyền thế, độc ác, vô trách nhiệm, không quan tâm đến số phận người dân trong xã hội phong kiến.  +Nghĩa trong văn bản: Đặt trong văn bản, nhan đề trên muốn nói tới sự ích kỉ, thờ ơ, vô trách nhiệm của tên quan phụ mẫu đi giúp dân hộ đê.  - Tác giả chỉ lấy một nửa câu tục ngữ đặt tên cho tác phẩm của mình, vì:  + Để đảm bảo tính ngắn gọn, hàm súc và tính khái quát cao của nhan đề.  + Vế sau không phù hợp.  - Nội dung của nhan đề hoàn toàn phù hợp với nội dung của câu chuyện và sự phát triển của chuỗi sự việc, tính cách nhân vật.  \* Tác dụng, ý nghĩa của việc đặt nhan đề “ Sống chết mặc bay”?  - Góp phần bộc lộ sâu sắc chủ đề của tác phẩm, bóc trần bản chất vô trách nhiệm đến cực độ, co mạng sống của người dân như cỏ rác của tên quan phủ lòng lang dạ thú.  - Nhan đề có sức khái quát cho bản chất điển hình của bọn quan lại đương thời: độc ác, ích kỉ, thờ ơ, vô trách nhiệm đến táng tận lương tâm.  - Thể hiện thái độ căm phẫn, lên án gay gắt của tác giả đối với bản chất của tên quan phụ mẫu.  - Đây là một nhan đề độc đáo thể hiện tài năng, phong cách của tác giả, thể hiện khuynh hướng hiện thực của tác phẩm, đặt nền móng cho văn học hiện thực phê phán 1930 - 1945 ra đời.  - Nhan đề tác phẩm còn tạo ra sự tò mò, hấp dẫn cho người đọc, định hướng người đọc tiếp cận một cách tự nhiên. |
| **HS suy nghĩ, làm bài cá nhân:**  **Bài tập 3: Viết đoạn văn giải thích nhan đề: Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu.** | ***Bài tập 3: HS viết đúng hình thức đoạn văn, cần dảm bảo các ý sau:***  ***a. Ý nghĩa nhan đề***  - Vế 1: những trò lố: - *trò*: là những hành động không nghiêm túc, thiếu đứng đắn, có ý nghĩa bỡn cợt, dễ mua vui.  - *lố*: là quá đà, lố bịch, kệch cỡm, trái với lẽ thường, đáng cười, đáng phê phán.  Khái quát: Trò lố: là những việc bày ra có tính toán nhưng không che đậy đựơc sự kệch cỡm, lố lăng, bịp bợm, dối trá.  + Vế 2: hay là Varen và Phan Bội Châu.  Nhằm giải thích rõ vế trước: những trò lố lăng bịp bợm ấy diễn ra trong cuộc chạm trán giữa ngài Tân toàn quyền Đông Dương, tên thực dân cướp nước Varen và người tù lừng tiếng, người anh hùng dân tộc vĩ đại Phan Bội Châu.  ***b****.* ***Vì sao tác giả lại đặt nhan đề đó:***  - Vì tác phẩm kể về những việc làm bịp bợm, lố lăng, kệch cỡm của Varen.  - Vì nội dung câu chuyện hoàn toàn phù hợp với nhan đề.  ***c.******Biểu hiện của nhan đề trong tác phẩm:***  -Biểu hiện:  + Trò lố về lời nói chính thức hứa của Va-ren: Va-ren hứa trước công luận là sẽ chưm sóc Phan Bội Châu nhưng lời hứa của ngài không bao giờ thực hiện, ngài hứa cốt để trấn an dư luận, làm dịu bớt phong trào đấu tranh ở Đông Dương. Lời hứa đó là một trò bịp bợm.  + Trò lố về việc Va-ren chăm sóc Phan Bội Châu tại Hỏa Lò: Hắn hứa chăm sóc Phan Bội Châu nhưng thực chất hắn dụ Phan Bội Châu hàn để thực hiện mưu đồ chính trị bẩn thỉu. Bằng màn độc diễn trứơc Phan Bội Châu hắn đã tự phơi bày bản chất bịp bợm, gian trá; tâm địa xấu xa, đê hèn của một kẻ phản bội vô liêm sỉ. Hắn giống như một tên hề lố lăng, kệch cỡm trên sân khấu, Kết cục ngài Tân toàn quyền, tên thực dân cướp nước không những không thực hiện đựoc mục đích chính trị đê tiện mà còn thất bại tmả hại nhục nhã chưa từng có.  ***d.******Tác dụng của việc đặt nhan đề:***  - Tạo sự, khơi gợi trí tò mò của người đọc.  - Tô đậm chủ đề tác phẩm, làm nổi bật hành động, bản chất của nhân vật.  - Trực tiếp vạch trần hành động lố lăng, kệch cỡm; bản chất gian trá, bịp bợm của tên cáo già thực dân cướp nước.  - Làm nổi bật ngòi bút trào phúng đặc sắc -> thể hiện phong cách viết truyện ngắn của Nguyễn ái Quốc: dùng ngòi bút làm vũ khí đấu tranh sắc bén. |
| **GV chia lớp làm 4 nhóm, cho HS tahor luận BT sau.**  **Bài tập 4: Giải thích sự im lặng của Phan Bội Châu trong truyện ngắn” Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu”.** | **Bài 4: Gợi ý**  ***\** *Phan Bội Châu đã im lặng như thế nào?***  - Phan Bội Châu đã im lặng dửng dưng trong suốt cuộc gặp gỡ làm cho Va-ren “ sửng sốt cả người”. những lời nói của Va-ren hình như lọt vào tai Phan Bội Châu chẳng khác gì nước đổ lá khoai.  - Qua lời khai của anh lính dõng thì “ có sự thay đổi nhẹ tren nét mặt của người tù lừng tiếng”, anh quả quyết thấy “ đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi hạ xuống ngay”. Phan Bội Châu đã mỉm cười một cách kín đáo, đầy ẩn ý.  - Theo lời của nhân chứng thứ hai thì Phan Bội Châu đã nhổ vào mặt Va-ren. Nhân chứng này quả quyết đã nhìn thấy như vậy.  *🡺* Như vậy, trong suốt cuộc gặp gỡ so với màn độc diễn của ngài tân toàn quyền Va-ren,thái độ im lặng của Phan Bội Châu là một sự tương phản đối lập cực độ.  **\* *Vì sao Phan Bội Châu lại có thái độ đó?***  - Phan Bội Châu đã im lặng dửng dưng vì:  + Cụ đã khá hiểu tâm địa xấu xa, bỉ ổi, bản chất gian trá, xảo quyệt, vô liêm sỉ của kẻ thù.  + Theo như lời của tác giả, sự im lặng của Phan Bội Châu vì” Phan Bội Châu không hiểu Va-ren, cũng như Va-ren không hiểu Phan Bội Châu”. Hai con người ấy là sự đối lập gay gắt giữa hai nhân cách, hai thái cực, hai trận tuyến như nước với lửa, bóng tối và ánh sáng, quỷ dữ và thánh nhân. Vì vậy, hai con người ấy làm gì có tiếng nói chung để hiểu nhau.  - Im lặng thôi chưa đủ, thái độ của Phan Bội Châu còn được khắc hoạ qua nụ cười nhếch mép đầy ẩn ý của một nho sỹ, nhằm thể hiện thái độ sự khinh bỉ cao độ và sự mỉa mai sâu cay trước những trò hề lố lăng, kệch cỡm mà ngài Va-ren bày ra.  - Cuối cùng là thái độ phản ứng dữ dội đựơc khắc hoạ đầy ấn tượng ở phần tái bút: Phan Bội Châu đã phỉ nhổ vào mặt Va-ren. Hành động này thể hiện niềm căm giận cũng như sự phẫn nộ cực độ đồng thời cũng thể hiện sự khinh bỉ tột cùng của Phan Bội Châu trước bản chất gian trá, xảo quyệt của tên cáo già thực dân cướp nước.  *🡪*Với kẻ thù, chúng ta có rất nhiều cách để bộc lộ thái độ. Thái độ im lặng tuyệt đối của Phan Bội Châu cùng với phản ứng dữ dội là một đòn tấn công mạnh mẽ vào kẻ thù khiến cho chúng phải run sợ.  ***\* Tác dụng của việc xây dựng nhân vật Phan Bội Châu với thái độ im lặng như thế:***  - Làm cho màn độc diễn của Va-ren trở thành một trò hề lố lăng, kệch cỡm > góp phần phơi bày bản chất xấu xa, bỉ ổi, đê tiện của tên toàn quyền Đông Dương.  - Làm nổi bật vẻ đẹp của người anh hùng dân tộc:  + Nhân cách cao thượng tuyệt vời.  + Tư thế hiên ngang, bất khuất, ngạo nghễ, đầy kiêu hãnh của người chiến thắng. Trước tên phản bội, người anh hùng hiện lên sừng sững, uy nghi, đầy khí phách, kẻ thù đã thất bại thảm hại dưới chân người tử tù cách mạng.  + Lòng yêu nước thiết tha cháy bỏng, lòng căm thù giặc sâu sắc, quyết tâm theo duổi lý tưởng đến cùng, tuyệt đối trung thành với nhân dân, luôn cảnh giác cao độ trước mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù.  🡪 Hình tượng của Phan Bội Châu tiêu biểu cho khí phách hiên ngang bất khuất của dân tộc Việt Nam. Đó là thế đứng của cả dân tộc trước kẻ thù không đội trời chung.  - Thể hiện thái độ tôn vinh, ngưỡng mộ, ngợi ca người anh hùng dân tộc.  ***🡺***Bằng việc xây dựng hình tượng Phan Bội Châu, Nguyễn ái Quốc đã tạo ra một thứ vũ khí đấu tranh sắc bén đối với kẻ thù:  + Khơi dậy tinh thần yêu nước.  + Tranh thủ sự đồng tình của nhân dân tiến bộ.  + Góp một tiếng nói có ý nghĩa vào việc đòi thả Phan Bội Châu. |

**TIẾT 3: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV cho HS hoạt động cá nhân, làm BT sau:  **Bài 1:Em hãy lập dàn ý cho đề bài*:* Phân tích nhân vật quan phụ mẫu trong truyện Sống chết mặc bay của Phạm Duy Tốn.** | **Bài 1: Gợi ý làm bài**  **1. Mở bài**  - Văn xuôi quốc ngữ buổi đầu đã có sự đóng góp của Phạm Duy Tốn. Truyện ngắn Sống chết mặc bay của ông là một trong những thành tựu đầu tiên của dòng văn học hiện thực thuở sơ khai. Truyện ngắn được đăng tải trên báo Nam Phong số 18, tháng 12-1918.   * - Truyện kể chuyện một quan phụ mẫu ung dung ăn chơi, bài bạc trong cảnh vỡ đểlàm cho nhân dân trên một vùng rộng lớn chìm đắm trong thảm họa. Tác giả đã lên án thói vô trách nhiệm, bộ mặt vô nhân đạo của bọn quan lại trong xã hội thực dân nửa phong kiến. * Tên quan phụ mẫu được miêu tả bằng những chi tiết rất hiện thực, có giá trị tố cáo sâu sắc.   **2. Thân bài**   * **\* Sống sang trọng xa hoa:**   + Đi hộ đê mà mang theo ống thuốc bạc, đồng hồ vàng, dao chuôi ngà, ống vôi chạm... trông mà thích mắt.   + Ăn của ngon vật lạ: yến hấp đường phèn. * **\* Sống nhàn nhã vương giả:**   + Trong lúc hàng trăm con người đội đất, vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùn lầy, trong mưa gió lướt thướt như chuột lột thì quan phụ mẫu “uy nghi, chễm chệ ngồi” trong đình đèn thắp sáng choang.   + Quan dựa gối xếp, có lính gãi chân, có lính quạt hầu, có tên chực hầu điếu đóm.   + Trong lúc trăm họ “gội gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến” ở trên đê, thì trong đình, quan ngồi trên, nha ngồi dưới, nghi vệ tôn nghiêm, như thần như thánh... * **\*Ăn chơi bài bạc, thản nhiên ung dung:**   + Đê sắp vỡ! “Mặc! Dân, chẳng dân thời chớ!”. Quan lớn ngài ăn, ngài đánh; người hầu, kẻ dạ, kẻ vâng!   + Quan lớn ù thông, xơi yến, vuốt râu, rung đùi, mắt mải trông đĩa nọc. * **\*Thái độ, vô trách nhiệm, “sống chết mặc bay”:**   + Có người khẽ nói: “dễ có khi đê vỡ”, quan gắt: “mặc kệ!”.   + Có người nhà quê hốt hoảng chạy vào đình báo “đê vỡ mất rồi!”, quan phụ mẫu quát: “Đê vỡ rồi, thời ông cắt cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày!...”.   + Quan sai bọn lính đuổi người nhà quê ra khỏi đình, rồi vẫn thản nhiên đánh bài.   + Quan vỗ tay xuống sập kêu to, tay xòe bài, miệng cười: “Ù! Thông tôm chi chi nẩy!... Điếu, mày!”. * Quan sung sướng ù ván bài to khi đê đã vỡ: Cả một miền quê nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết: kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn... lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết! * **\*Đánh giá**: Nghệ thuật tương phản đã vạch trần và lên án thói vô trách nhiệm, nhẫn tâm, vô nhân đạo của bọn quan lại, coi thường tính mạng và đời sống nhân dân. Chúng nó chỉ lo chơi bời bài bạc, ăn chơi hưởng lạc, còn nhân dân thì “sống chết mặc bay”. * - Một lối viết ngắn, sắc sảo. Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong thế tương phản rất đặc sắc. Câu chuyện đầy kịch tính, thương tâm, giàu giá trị tố cáo hiện thực và tinh thần nhân đạo   **3. Kết bài**  - Xây dựng thành công nhân vật quan phụ mẫu, mệnh danh là “cha mẹ dân” mà coi tính mạng của dân như rơm rác, “sống chết mặc bay!”. Tên quan phụ mẫu khá điển hình cho sự thối nát của chế độ quan trường thời Pháp thuộc.   * - Đâu chỉ có tên quan phụ mẫu thối nát! Hắn là một trong hàng ngàn hàng vạn bọn quan lại ngày xưa; hắn là sản phẩm, là công cụ đắc lực của chế độ thực dân nửa phong kiến thôi nát. |
| HS hoạt động cá nhân làm các BT sau:  **Bài tập 2:**  **Cho đoạn văn:**  *" Ôi! Trăm hai mươi lá bài đen đỏ, có cái ma lực gì mà run rủi cho quan mê được như thế? … Này này, đê vỡ mặc đê, nước sông dù nguy không bằng nước bài cao thấp. Đứng trên đê mà đốc kẻ cắm cừ, người đổ đất, lắm nỗi lầm than, sao bằng ngồi trong đình, đã sẵn kẻ bốc nọc người chia bài, nhiều đường thú vị.”*  a. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Của tác giả nào?  b. Tìm câu đặc biệt trong đoạn văn trên?  c. Câu văn gạch chân, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? | **Bài tập 2:**  **Gợi ý:**  a. Đoạn văn trên trích từ văn bản *Sống chết mặc bay* của Phạm Duy Tốn.  b. Câu đặc biệt: *"* Ôi*!”*  c. Biện pháp tu từ: Đối lập |
| **Bài tập 3: Cho đoạn văn:**  *“Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều tới giờ hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùm lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm.”*  a. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?  b. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn?  c. Đoạn văn sử dụng biện pháp tu từ nào? Viết đoạn văn văn phân tích hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ trong đoạn văn trên..  e. Viết đoạn đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hình ảnh dân phu trong đoạn văn trên**.** | **Bài tập 3: Hướng dẫn trả lời:**  a. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm “Sống chết mặc bay”, tác giả Phạm Duy Tốn.  b. Phương thức biểu đạt: Miêu tả kết hợp tự sự, biểu cảm.  c. Liệt kê, so sánh  d. Trong tác phẩm “Sống chết mặc bay”, Phạm Duy Tốn đã sử dụng biện pháp liệt kê, so sánh đặc sắc để làm nổi bật hình ảnh dân phu trong cảnh hộ đê qua đoạn văn: *Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều tới giờ hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùm lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm*. Biện pháp liệt kê kết hợp với từ ngữ giàu sức gợi tạo giọng văn dồn dập, gấp gáp đã thể hiện tất cả sự khẩn cấp, nguy cấp của con đê và bao lo âu, hốt hoảng của dân phu hộ đê, cho thấy dân chúng đã huy động hết sức người, sức của để hộ đê, hàng trăm, nghìn người đem thân hèn yếu chống chọi với đê, không ai lùi bước. Thủ pháp so sánh “người nào người nấy ướt lướt thướt như chuột lột” cùng với các động từ liên tiếp đã dựng lên trước mắt cảnh tượng hối hả, chèo chống, người người kiệt sức trong đói rét, mưa gió. Đó chính là tình cảnh khốn khổ, khốn cùng, vô cùng thảm hại của người dân quê. Bao đời nay, cảnh lũ lụt, đê vỡ đã trở thành nỗi đe doạ khủng khiếp đối với người dân quê. Bằng ngòi bút hiện thực sắc sảo, bằng những biện pháp tu từ đặc sắc với niềm cảm thương sâu sắc, tác giả đã ghi lại một cách chân thực, xúc động nhất hình ảnh dân phu hộ đê trong một tình thế hết sức hiểm nghèo.  e. Trong tác phẩm “Sống chết mặc bay”, Phạm Duy Tốn đã diễn tả chân thực, xúc động hình ảnh dân phu trong cảnh hộ đê qua đoạn văn: *Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều tới giờ hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùm lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm*. Trước tình thế hiểm nghèo của con đê, “Dân phu kể hàng trăm nghìn người … bì bõm dưới bùn lầy …”. Nhịp văn ngắn, giọng văn dồn dập, gấp gáp đã thể hiện tất cả sự khẩn cấp, nguy cấp của con đê và bao lo âu, hốt hoảng của dân phu hộ đê. Nghệ thuật liệt kê kết hợp với từ ngữ giàu sức gợi cho thấy dân chúng đã huy động hết sức người, sức của để hộ đê, hàng trăm, nghìn người đem thân hèn yếu chống chọi với đê, không ai lùi bước. Những động từ, tính từ dồn dập nối nhau kết hợp với thủ pháp so sánh: “người nào người nấy ướt lướt thướt như chuột lột” đã dựng lên trước mắt cảnh tượng hối hả, chèo chống, người người kiệt sức trong đói rét, mưa gió. Đó chính là tình cảnh khốn khổ, khốn cùng, vô cùng thảm hại của người dân quê. Bao đời nay, cảnh lũ lụt, đê vỡ đã trở thành nỗi đe doạ khủng khiếp đối với người dân quê. Bằng ngòi bút hiện thực sắc sảo, bằng niềm cảm thương sâu sắc, tác giả đã ghi lại một cách chân thực, xúc động nhất hình ảnh dân phu hộ đê trong một tình thế hết sức hiểm nghèo. |
| **Bài tập 4. Cho đoạn văn:**  *Ấy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết; kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nới chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết!*  a. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Của tác giả nào?  b. Đoạn văn kết hợp những phương thức biểu đạt nào?  c. Dấu chấm lửng trong đoạn văn có tác dụng gì?  d. Phạm Duy Tốn đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào trong đoạn trích? Viết đoạn văn phân tích hiệu quả biểu đạt của các biện pháp ấy. | **Bài tập 4. Hướng dẫn trả lời:**  a. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm “Sống chết mặc bay”, tác giả Phạm Duy Tốn.  b. Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.  c. Dấu chấm lửng trong đoạn văn có tác dụng: Đánh dấu ranh giới các bộ phận:  - Trong một phép liệt kê phức tạp  - Hai vế câu ghép phức tạp  d. Trong tác phẩm “Sống chết mặc bay, Phạm Duy Tốn đã sử dụng biện pháp đối lập, liệt kê, tăng cấp đặc sắc, giàu ý nghĩa qua đoạn văn: *Ấy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết; kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nới chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết!* Kết thúc truyện, tác giả đã nêu bật bức tranh hiện thực về thảm kích của nhân dân khi đê vỡ. Vẫn tiếp tục sử dụng nghệ thuật tương phản: cảnh trong đình và ngoài đình. Đặc biệt, tên quan phụ mẫu đang sung sướng, hả hê vì ván bài ù lớn thì ngoài kia đê đã vớ với hậu quả khôn lường *nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết,* bao của cải vật chất mà cả một đời người dân lam lũ., tần tảo mới có được bị cuốn trôi trong chốc lát. Tác giả đã sử dụng thủ pháp liệt kê, tăng cấp: *kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nới chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ* càng cho thấy nỗi đau đớn tột cùng, không sao tả xiết của người dân khi đê vỡ. Nhà văn chứng kiến thảm cảnh ấy với bao nôi xót thương. Và càng xót thương nhân dân bao nhiêu, tác giả lại càng căm phẫn bọn quan lại vô trách nhiệm, mất hết tính người bấy nhiêu. Chỉ một đoạn trích ngắn nhưng đã thể hiện sâu sắc giá trị hiện thực và nhân đạo. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Ôn lại bài cũ.

- BTVN: **Dựa vào dàn ý đã học,** **viết bài văn phân tích nhân vật quan phụ mẫu trong truyện *Sống chết mặc bay* của Phạm Duy Tốn.**

- Chuẩn bị bài tiếp theo:chuyên đề: Dùng cụm C-V để mở rộng câu.

**Buổi 32 Chuyên đề:**

**Biến đổi câu**

**Tiết 94, 95, 96:**

**Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức**

Củng cố kiến thức về dùng cụm chủ vị để mở rộng câu: cách dùng cụm Chủ - Vị để mở rộng câu; tác dụng của việc dùng cụm Chủ - Vị để mở rộng câu.

**2. Kỹ năng**

- Phát hiện thành phần câu được mở rộng.

- Đặt câu, phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu.

- Viết đoạn văn sử dụng câu mở rộng thành phần.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Yêu quý, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Có ý thức sử dụng câu văn đa dạng, tạo hiệu quả giao tiếp cao.

**4. Năng lực**

Giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực cảm thụ thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề.

**II. Tiến trình lên lớp**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| *(GV hướng dẫn HS ôn tập một số vấn đề về "Mở rộng thành phần câu* *")* | **I- Kiến thức cần nhớ** |
| Khi nói, viết người ta có thể dùng kết cấu có hình thức giống câu, gọi là cụm chủ vị, làm thành phần câu.  ?Thế nào là cụm chủ vị làm thành phần câu ? | **1. Thế nào là dùng cụm C-V để mở rộng câu?**  Các thành phần câu có thể là từ, cụm từ, hoặc cụm C-V. Cụm C-V khi đứng một mình nó là một câu đơn độc lập.  VD: *Tiếng Việt của chúng ta rất giàu và đẹp.*  Tuy nhiên, cụm C-V có thể làm thành phần trong cấu tạo của câu. Lúc đó, ta có cụm C-V làm thành phần.  VD: *Mọi người đều biết rằng: Tiếng Việt của chúng ta rất giàu và đẹp.* |
| ? Theo em, việc dùng cụm C-V để mở rộng câu có tác dụng gì?  Cho VD.  HS suy nghĩ, trả lời | **2. Tác dụng của dùng cụm C-V để mở rộng câu.**  Trong câu có những thành phần được mở rộng thành cụm C-V.  Thành phần của câu hoặc của cụm từ trong câu có thể được mở rộng thành cụm C-V nhằm diễn đạt một sự việc đã xảy ra hoặc xảy ra trong tưởng tượng.  VD1: ***Hoa được điểm 10*** *khiến cả lớp ngạc nhiên.*  VD2: *Mẹ nghĩ rằng* ***con sẽ tiến bộ.*** |
| Những trường hợp dùng cụm chủ vị làm thành phần câu?  HS suy nghĩ, trả lời | **3. Các trường hợp dùng cụm C-V để mở rộng câu.**  **a) Dùng cụm chủ vị làm thành phần câu**.  - Cụm C-V làm thành phần chủ ngữ: Kiểu câu này thường có ý nghĩa nhận xét về một sự việc đã xảy ra.  VD1: **Con cái phải nghe lời cha mẹ** là đúng.  VD2: **Nam được điểm 10** làm vui lòng cha mẹ.  - Cụm C-V làm vị ngữ:  + Trong câu trần thuật đơn không có từ là, vị ngữ có tác dụng miêu tả đặc điểm của bộ phận hoặc vật sở hữu của sự vật nêu ở vị ngữ.  VD1: Nhà này mái đã hỏng.  VD2: Ông ấy tiền nong mất hết cả.  + Trong câu trần thuật đơn có từ là, vị ngữ thường có tác dụng xác định nội dung khái niệm nêu ở vị ngữ.  VD1: Điều cần chú ý là **chúng ta cần phải sáng tạo trong học tập.** |
| Những trường hợp dùng cụm chủ vị làm thành phần câu?  HS suy nghĩ, trả lời | **b) Cụm C-V làm thành phần phụ của từ.**  - Cụm C-V làm thành phụ ngữ của danh từ.  VD: Văn chương gây cho ta những tình cảm ta chưa có, luyện những tình cảm ta sẵn có. |
|  | **-** Cụm C-V làm thành phụ ngữ của động từ, tính từ.  VD 1: Mẹ tin rằng **con sẽ không bỡ ngỡ trong ngày đầu năm học.**  VD 2: Hình ảnh dịu dàng và hiền hậu cảu mẹ sẽ làm **tâm hồn con như bị khổ hình** (Et-môn-đô đơ A-mi-xi)  VD 3: Các bạn bầu tôi là lớp trưởng. |

**B- Hoạt động thực hành**

Giáo viên tổ chức cho học sinh hoàn thành các phiếu bài tập sau

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Tìm các cụm chủ- vị làm thành phần câu trong các câu sau và cho biết đó là thành phần gì trong các câu ?  a) Bài phóng sự anh mới viết rất hấp dẫn. ( phụ ngữ CDT “ Bài phóng sự”)  b) Ai cũng tin tưởng Hoà sẽ tiến bộ. ( phụ ngữ CĐT “ cũng tin tưởng”)  c) Vừa tới nhà, tôI đã nhìn thấy một chiếc xe tảI đổ trước cổng.( phụ ngữ cụm đt “ đã nhìn thấy”)  d) Con hãy nghĩ đến những cậu bé câm và mù mà vẫn phải đi học. ( A-mi-xi)  ( phụ ngữ CĐT “ hãy nghĩ đến”)  đ) Quyển sách mẹ cho con rất hay. ( phụ ngữ cho DT “ quyển sách”)  e) Chúng tôI hi vọng đội bóng lớp tôI sẽ thắng. ( phụ ngữ cho đt “ hi vọng”.  **Câu 2:** Ghép các cặp câu đơn sau thành câu có cụm c-v.  A) Trời trở lạnh. Đó là dấu hiệu của mùa đông.  ( trời trở lạnh là dấu hiẹu của mùa đông.)  B) Lan học giỏi. Bố mẹ luôn luôn vui lòng.  ( -> Lan học giỏi khiến bố mẹ luôn vui lòng.)   * 1. Nam đã kẻ câu chuyện này cho tôi nghe. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện đó.   ( -> Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện mà Nam đã kể cho tôi.) |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Biến đổi các câu sau đay thành câu có cụm C- V làm thành phần câu, làm phụ ngữ.  a) Người thanh niên ấy làm mọi người khó chịu. ( => Người thanh niên ấy đến muộn khiến mọi người khó chịu.)  b) Sự năng nổ học tập của bạn Lan khiến mọi người ngạc nhiên. ( => Bạn Lan năng nổ học tập khiến mọi người ngạc nhiên.)  c) Cuốn sách có nhiều tranh minh hoạ. ( => Cuốn sách anh cho mượn có nhều tranh minh hoạ. – Phụ ngữ cdt)  d) Mẹ biết được điểm 10 là một sự tiến bộ. ( => mẹ biết con được điểm 10 là một sự tiến bộ.)  **Câu 2:** Viết đoạn văn ngắn có sử dụng TN hoặc cụm C-v làm thành phần câu.  VD: Năm nay, nhân kỉ niệm ngày thành lập Đoàn 26/3 trường em phát động đợt thi đua học tập tốt. Lớp nào đạt kết quả học tập tốt sẽ được khen thưởng. Chúng em hứa sẽ cố gắng phán đấu để giành được phần thưởng của nhà trường. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Cho đoạn văn sau**:**  “…Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hột cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người  phục vụ…”(Ngữ văn 7 – Tập 2, NXB Giáo dục)  Tìm, phân tích cấu tạo cụm chủ – vị mở rộng trong câu: “ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ…”  **Câu 2:** Chỉ ra cụm C-V làm thành phần câu, làm thành phần cụm trong câu:  a*,* Nước mặn kéo dài khiến mọi người lo lắng.  b. Huy học giỏi khiến cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.  c. Bỗng, một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình |

**Gợi ý:**

**Câu 1:**

ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác/quý trọng biết bao kết

C          V

quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người  phục vụ.

**Câu 2:**

a, Nước mặn / kéo dài **// khiến** mọi người / lo lắng.

C                   V                           C              V

– Có 1 cụm C-V làm chủ ngữ, làm thành phần câu: *Nước mặn kéo dài*(0.5 đ)

– Có 1 cụm C-V làm phụ ngữ trong cụm động từ, làm thành phần cụm trong câu: *mọi người lo lắng*(0.5 đ)

b. "Huy học giỏi" và cụm "cha mẹ và thầy cô rất vui lòng"(1đ).

c. "Một bàn tay đập vào vai" và cụm "hắn giật mình".(1đ)

**III- Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại toàn bộ lí thuyết và hoàn thành bài tập

- Ôn trước phần văn nghị luận

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**BUỔI 33 (TIẾT 97, 98, 99)**

**CHUYÊN ĐỀ TẬP LÀM VĂN:**

**VĂN NGHỊ LUẬN**

**LẬP LUẬN GIẢI THÍCH KẾT HỢP VỚI CHỨNG MINH**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Củng cố các kiến thức cơ bản về kiểu bài lập luận giải thích kết hợp với chứng minh: Cách sử dụng lí lẽ, dẫn chứng cho phù hợp.

**2. Kỹ năng**

Rèn kĩ năng sử dụng lí lẽ, dẫn chứng trong bài văn lập luận giải thích kết hợp với chứng minh; kĩ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý, viết bài văn nghị luận.

**3. Thái độ, phẩm chất**

Giáo dục ý thức học tập, ý thức quan tâm tới các vấn đề xã hội.

**4. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực hợp tác

- Năng lực tự quản bản thân

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt

- Năng lực tạo lập văn bản.

**II. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| ? Trong bài văn nghị luận giải thích kết hợp với chứng minh, em sẽ dùng yếu tố nào là chính ?  ? Theo em, lí lẽ là gì ?  ? Trong bài văn nghị luận giải thích kết hợp với chứng minh, lí lẽ đưa ra cần đảm bảo yêu cầu nào ?  ? Để bài văn có sức thuyết phục cao, bên cạnh lí lẽ, ta cần sử dụng yếu tố nào nữa ? (Dẫn chứng)  ? Dẫn chứng là gì ?  ? Trong bài văn nghị luận giải thích kết hợp với chứng minh, dẫn chứng có vai trò gì ?  ? Khi đưa dẫn chứng vào bài văn nghị luận giải thích kết hợp với chứng minh, ta cần lưu ý điều gì ? | **I. Cách viết bài văn nghị luận giải thích kết hợp với chứng minh**  **1. Dùng lí lẽ là chính**  ***a. Lí lẽ là gì ?***  - Lí lẽ là những suy nghĩ biểu hiện thành những nhận xét, nhận định cho thấy cách hiểu vấn đề của người viết.  - Trong bài văn nghị luận giải thích, lí lẽ là những ý kiến, nhận định chuẩn xác, có hệ thống được đưa ra để bàn luận, từ đó cho thấy cách hiểu vấn đề của người viết.  **b.** ***Cách dùng lí lẽ trong bài văn nghị luận giải thích kết hợp với chứng minh:***  - Lí lẽ xác đáng  - Lí lẽ có hệ thống  **2. Kết hợp lí lẽ với dẫn chứng**  **a. Dẫn chứng là gì ?**  - Dẫn chứng là sự việc, số liệu, bằng chứng đưa ra để xác nhận vấn đề.  - Trong bài văn nghị luận giải thích, dẫn chứng thường là sự việc, sự vật, số liệu được dẫn khi cần xác nhận lí lẽ. Tư liệu do sưu tầm hoặc bằng chứng thực tế do biết được, tự nó chưa phải là dẫn chứng. Chỉ khi chúng được sử dụng vào mục đích làm rõ một lí lẽ hay luận điểm nào đó trong bài nghị luận thì mới dược gọi là dẫn chứng.  **b. Vai trò của dẫn chứng trong bài văn nghị luận giải thích kết hợp với chứng minh**  - Khi kết hợp với lí lẽ, dẫn chứng sẽ làm lí lẽ vốn trừu tượng trở nên dễ hiểu, bài văn giải thích thêm hấp dẫn, thuyết phục.  **c. Cách đưa dẫn chứng trong bài văn lập luận giải thích**  - Dẫn chứng có chừng mực, gắn liền với lí lẽ, làm rõ lí lẽ.  - Dẫn chứng phù hợp với đối tượng giải thích |

***B. Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV đưa ra yêu cầu.  - HS thực hiện theo nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - GV nhận xét, chốt.  **Bài 1: Lập dàn bài cho đề sau:**  ***Giải thích câu tục ngữ “Thất bại là mẹ thành công”.*** | **1. Mở bài:** Giới thiệu câu tục ngữ.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích**  - *Thất bại* là không đạt được kết quả, mục đích như dự định  - “*mẹ” :* cách nói hàm ý chỉ sự sinh thành, tạo ra... - *Thất bại là mẹ thành công*: ý nói thất bại sẽ giúp con người đúc kết được những kinh nghiệm, đó là cơ sở dẫn đến sự thành công. => Câu nói hàm chứa triết lý sống: thất bại không được nản lòng, sau mỗi lần thất bại giúp ta tiến đến thành công Thất bại sẽ là cơ sở, nền tảng để ta có được thành công cho những lần sau. **b.** **Tại sao *thất bại là mẹ thành công ?***  - Sau mỗi lần thất bại ta sẽ tìm được nguyên nhân dẫn đến sai sót của công việc, giúp ta có kinh nghiệm, tránh được những sai lầm và gặt hái thành công.  - Thất bại còn tạo ra động lực để thúc đẩy con người cố gắng đạt mục tiêu của mình.  *- Thất bại là mẹ thành công* nếu ta ko nản lòng, ko bỏ cuộc sau những lần vấp ngã, biết tự đứng lên từ những sai lầm, học từ những thất bại, rút kinh nghiệm và tiếp tục cố gắng, nỗ lực để đạt được thành công.  \*Dẫn chứng:  - Walt Disney từng bị tòa báo sa thải vì thiếu ý tưởng. Ông cũng nếm mùi phá sản nhiều lần trước khi sáng tạo nên Disneyland.  - Lúc còn học phổ thông, Louis Pasteur chỉ là một học sinh trung bình. Về môn hóa, ông đứng hàng 15 trong số 22 học sinh của lớp.  - Lev Tolstoy, tác giả của bộ tiểu thuyết nổi tiếng Chiến Tranh và hoà bình, bị đình chỉ học đại học vì “vừa không có khả năng, vừa thiếu ý chí học tập”.  - Henry Ford thất bại và cháy túi tới năm lần trước khi thành công.  - Ca sĩ opera nổi tiếng Enrico Caruso bị thầy giáo cho là thiếu chất vọng và không thể nào hát được.  **c. Mở rộng – Phê phán**  - Phê phán những kẻ dễ nản lòng, chùn bước khi thất bại, ko dám bước tiếp  - Tuy nhiên cũng cần cảnh giác, đôi khi suy nghĩ “ *Thất bại là mẹ thành công*” sẽ làm nhụt ý chí con người vì sự bằng lòng của bản thân- không có ý chí vươn lên khi thất bại.  **d. Bài học**  *\* Nhận thức:* *-* Không có thất bại, vấn đề là con người có biết học cách thành công sau thất bại hay không? Phải biết cách đứng dậy sau những vấp ngã, phải có khát vọng thành công. *\* Hành động:* *-*Khi thất bai phải tìm ra nguyên nhân thất bại, phải xem xét năng lực, thời cơ và những điều kiện.. - Cần có sự chuẩn bị tốt hơn cho công việc  ở những lần sau để tránh thất bại.  - Sau mỗi lần thất bại, bản thân mỗi người cần nhìn nhận lại bản thân, xem xét và rút ra bài học để ko mắc phải những sai lầm đáng tiếc.  **3. Kết bài:** Khẳng định lại ý nghĩa của câu tục ngữ. |

**Tiết 2:**

***Luyện tập (Tiếp) :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV đưa ra yêu cầu.  - HS thực hiện theo nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - GV nhận xét, chốt.  **Bài 2: Lập dàn bài cho đề sau:**  Nhiều bạn học sinh trong lớp của em chưa biết sử dụng thời gian một cách hợp lý để làm những việc có ích.  Em hãy viết bài văn giải thích để bạn hiểu : *Hãy biết quý trọng thời gian.* | **a. Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu quan điểm: "Hãy biết quý trọng thời gian"  - Khái quát nội dung của quan điểm: nên hiểu đây là lời khuyên con người biết quý trọng thời gian, dành thời gian vào làm những việc có ích.  **b. Thân bài:**  \* *Giải thích và nêu biểu hiện của việc quý trọng thời gian*: (Trả lời câu hỏi: Nghĩa là gì?)  Quý trọng thời gian là biết tận dụng, trân trọng thời gian để làm những việc có ích cho bản thân, gia đình, xã hội.  \* *Bàn luận*: (Trả lời câu hỏi: Vì sao? Tại sao?)  - Tại sao chúng ta phải quý thời gian ?  + Thời gian qua đi không lấy lại được, mỗi con người chỉ có một quỹ thời gian nhất định để sống và làm việc, học tập...  + Biết sử dụng thời gian vào để làm những việc có ích cho bản thân sẽ đạt được thành công, được các bạn bè, thầy cô, gia đình tin tưởng, yêu quý…  - Nếu không quý trọng thời gian thì sao ?  + Hậu quả của việc chưa biết cách sắp xếp và tận dụng thời gian một cách hợp lý là lãng phí thời gian, công sứ**c** tiền của, không hoàn thành được công việc, mọi người không thể tin tưởng…  - Dẫn chứng cụ thể: Nêu một vài dẫn chứng về việc quý trọng thời gian, dẫn chứng về việc lãng phí thời gian*…*  \* *Liên hệ*: (Trả lời câu hỏi: Để…thì làm gì…?)  - HS chúng ta cần phải biết quý trọng thời gian, sắp xếp thời gian phù hợp để học tập, lao động, giúp đỡ gia đình và người xung quanh.  - Thế hệ trẻ phải biết quý thời gian như vốn liếng của mình, thời gian sẽ là vàng là bạc khi ta biết trân trọng. Quý trọng thời gian là quý trọng cuộc đời mình và những người khác, tạo niềm tin đối với mọi người…  **c. Kết bài**:  - Khẳng định giá trị của thời gian.  - Khuyên nhủ mọi người, nhất là các bạn học sinh nên biết sắp xếp và tận dụng thời gian một cách hợp lý để làm những việc có ích. |

**Tiết 3:**

***Luyện tập (Tiếp) :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - GV đưa ra yêu cầu.  - HS thực hiện cá nhân.  - GV gọi 1 số em trình bày.  - GV nhận xét, chốt.  **Bài 3: Lập dàn bài cho đề sau:**  ***Giải thích câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”.*** | **1. Mở bài:** Giới thiệu câu tục ngữ.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích**  **-** *Uống nước:*  + Nghĩa đen: sử dụng 1 nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá để phục vụ cho sự sống  + Nghĩa bóng: hưởng thụ thành quả, những điều tốt đẹp.  *-Nguồn:*  + Nghĩa đen: nơi bắt đầu, nơi sinh ra của dòng nước.  + Nghĩa bóng: những người tạo ra thành quả, những điều tốt đẹp.  -> Câu tục ngữ khuyên nhủ con người sống cần có lòng biết ơn, ghi nhớ công ơn của những người đã giúp đỡ ta, tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ.  **b. Tại sao con người cần uống nước nhớ nguồn ?**  - Thứ gì sinh ra cũng đều có nguồn gốc, nơi bắt đầu, từ thế giới tự nhiên tới con người.  + Của cải vật chất do bàn tay người lao động làm ra.  + Đất nước giàu đẹp do cha ông gây dựng, gìn giữ.  + Con cái là do các bậc cha mẹ sinh thành dưỡng dục.  -Lòng biết ơn thể hiện đạo đức, nhân phẩm của con người.  -Người có lòng biết ơn sẽ nhận được sự tôn trọng, yêu quý của mọi người; những kẻ vô ơn sẽ bị xã hội ghét bỏ, xa lánh, coi thường.  - Uống nước nhớ nguồn là nền tảng vững chắc tạo nên một xã hội thân ái đoàn kết. Lòng vô ơn, bội bạc sẽ khiến con người ích kỉ, ăn bám gia đình, xã hội.  **c. Chứng minh nhân dân ta luôn sống theo đạo lí biết ơn.**  -Trong gia đình, con cái biết ơn cha mẹ, ông bà; tục thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam.  -Trong nhà trường: HS biết ơn thầy cô, tri ân thầy cô.  -Trong xã hội: nhớ ơn và tri ân những người có công với ĐN – các phong trào đền ơn đáp nghĩa, ngày 27/7; 22/12; 10/3…  **d.Mở rộng – Phê phán**  -Phê phán những kẻ sống vô ơn, vong ân bội nghĩa.  - Không chỉ biết ơn người tạo ra thành quả mà cần phải nỗ lực tạo ra thành quả cho thế hệ sau.  **e. Bài học** Mỗi người cần rèn luyện cách sống biết ơn, thể hiện trong suy nghĩ và hành động, từ những việc giản dị nhất.  + Tự hào với lịch sử anh hùng và truyền thống văn hóa vẻ vang của dân tộc  + Có ý thức gìn giữ bản sắc, tinh hoa của dân tộc Việt Nam mình và đồng thời tiếp thu một cách có chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài.  + Tiết kiệm, chống lãng phí khi sử dụng thành quả lao động của mọi người  -Cần cố gắng học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức thật tốt để góp phần đẩy mạnh đất nước, đưa đất nước ngày càng vững mạnh  **3. Kết bài:** Khẳng định lại ý nghĩa của câu tục ngữ. |

**III. Củng cố - Dặn dò**

- Nắm chắc kiến thức đã ôn.

- Dựa vào 2 dàn ý đã xây dựng, viết thành 2 bài văn hoàn chỉnh.

- Ôn tập trước ở nhà về văn bản “Ca Huế trên sông Hương”.

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Buổi 34- Tiết 100,101,102**

**Tiết 100: CHUYÊN ĐỀ VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1. Kiến thức***

- Nắm chắc kiến thức về văn bản nhật dụng và kiến thức văn bản *Ca Huế trên sông Hương*

***2. Kỹ năng***

- Kỹ năng làm bài đọc hiểu văn bản, viết đoạn văn biểu cảm

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Yêu mến, tự hào

- Trung thực, chăm chỉ

***4. Năng lực***

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp – hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên xã hội

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 1:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| GV: Nhắc lại khái niệm văn bản nhật dụng  HS: nhớ lại và trả lời. | **I. Văn bản nhật dụng**  - Văn bản nhật dụng là loại văn bản đề cập, bàn luận, thuyết minh, tường thuật, miêu tả, đánh giá,... về những vấn để, những hiện tượng gần gũi, bức xúc với cuộc sống con người và cộng đồng.  - Văn bản nhật dụng không phải là khái niệm thể loại văn học, cũng không chỉ kiểu văn bản. Nó chỉ để cập tới chức năng, đề tài và tính cập nhật của văn bản nhật dụng (Nghĩa là văn bản nhật dụng có thể sự dụng mọi thể loại - mọi kiểu văn bản) |
| GV: Nhắc lại nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản “Ca Huế trên sông Hương”  HS: Thảo luận nhóm bàn và trả lời. | **II. Văn bản Ca Huế trên sông Hương**  *a) Nội dung*  - Khung cảnh và sân khấu đặc biệt một buổi ca Huế trên sông Hương trong một đêm trăng thơ mộng  - Ca Huế là hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống, một sản phẩm văn hóa phi vật thể rất đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển  - Con người xứ Huế:  + Tâm hồn con người Huế qua các làn điệu dân ca: thanh lịch, tao nhã, kín đáo và giàu tình cảm.  + Những người nghệ sĩ Huế biểu diễn trên thuyền: tài ba, điêu luyện.  *b) Nghệ thuật*  - Viết theo thể bút kí  - Sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu biểu cảm, thấm đẫm chất thơ  - Miêu tả âm rhanh, cảnh vật, con người sinh động.  *c) Ý nghĩa văn bản*  Ghi chép lại một buổi ca Huế trên sông Hương, tác giả lòng yêu mến, niềm tự hào đối với di sản văn hóa độc đáo của Huế, cũng là một di sản văn hóa của dân tộc. |

***B. Luyện tập***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: hoạt động nhóm đôi, phiếu bài tập  - HS thực hiện  **Bài tập 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi**  *…Đêm đã về khuya. Xa xa bờ bên kia Thiên Mụ hiện ra mờ ảo, ngọn tháp Phước Duyên dát ánh trăng vàng. Sóng vỗ ru mạn thuyền rồi gợn vô hồi xa mãi cùng những tiếng đàn réo rắt du dương. Đấy là lúc các ca nhi cất lên những khúc điệu Nam nghe buồn man mác, thương cảm, bi ai, vương vấn như nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân, tương tư khúc, hành vân. Cũng có ban nhạc mang âm hưởng điệu Bắc pha phách điệu Nam không vui, không buồn như tứ đại cảnh. Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán… Lời ca thong thả, trang trọng, trong sáng gợi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch…*  Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào, tác giả của văn bản đó là ai  Câu 2: Văn bản chứa đoạn trích trên là kiểu văn bản gì  Câu 3: Nội dung của đoạn trích trên  Câu 4: Chỉ ra và phân tích tác dụng của các từ láy có trong đoạn trích trên.  Câu 5: Từ đoạn văn trên, hãy nêu suy nghĩ của em về loại hình dân ca truyền thống của quê hương em | **Đáp án:**  Câu 1: Văn bản “Ca Huế trên sông Hương” – Hà Ánh Minh  Câu 2: Văn bản nhật dụng  Câu 3: Nội dung: Khung cảnh đêm về khuya ở sông Hương và sự đa dạng, phong phú, đầy sức quyến rũ của những khúc ca Huế.  Câu 4:  - Từ láy: réo rắt, du dương, man mác, vương vấn, sôi nổi, bâng khuâng, thong thả, trang trọng.  - Tác dụng: + Làm cho câu văn giàu hình ảnh và nhạc điệu  + Diễn tả sự phong phú, đa dạng và sức quyến rũ, cuốn hút của ca Huế.  Câu 5:  - Thành phố Hải Phòng nổi tiếng với rất nhiều làn điệu dân ca, những tích chèo, múa rối như: hát trù, hát đúm ở Thủy Nguyên; hát chèo, nhạc múa rối ở Tiên Lãng, Vĩnh Bảo; các điệu hò kéo thuyền vùng ven biển,…  - Những làn điệu ấy gắn liền với nền văn minh lúa nước, tạo thành bản sắc của cư dân vùng đất nơi đầu sóng ngọn gió. Nét đặc trưng trong văn hóa nghệ thuật dân gian của thành phố quê hương cũng tạo nên thế mạnh cho sự phát triển ngành du lịch và kinh tế.  - Tự hào về truyền thống văn hóa quê hương và ra sức giữ gìn, bảo tồn, phát triển các loại hình dân ca truyền thống của quê hương. |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: cá nhân  - HS thực hiện  **Bài tập 2: Viết đoạn văn biểu cảm về ca Huế** | **Các ý chính:**  - Mở đoạn: Xứ Huế nổi tiếng không chỉ có các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử mà còn nổi tiếng bởi các làn điệu dân ca.  - Giới thiệu khái quát về làn điệu ca Huế:  + Rất nhiều điệu hò trong lao động sản xuất: Hò trên sông, lúc cấy cày, chăn tằm,, trồng cây, hò đưa linh, hò giã gao, ru em , giã vôi, giã điệp, bài chòi, bài tiệm...  + Nhiều điệu lí: Lí con sáo, lí hoài xuân, lí hoài nam...  - Đặc điểm nổi bật: Thể hiện lòng khát khao, nỗi mong chờ hoài vọng của tâm hồn Huế.  ⇒ Ca Huế rất đa dạng, phong phú, thể hiện được tình cảm dạt dào của con người Huế.  - Cách thưởng thức ca Huế vừa sang trọng, vừa dân dã giữa một thiên nhiên và lòng người trong sạch. Ca Huế đạt tới sự hoàn thiện trong cách thưởng thức này  - Tình cảm  + Yêu quí, tự hào về ca Huế  + Tự hào về vẻ đẹp của đất nước, dân tộc.  + Mong muốn được đến Huế và được thưởng thức ca Huế trên sông Hương. |

**Tiết 101, 102: CHUYÊN ĐỀ CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ CÚ PHÁP**

**LIỆT KÊ**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

***1. Kiến thức***

- Nắm chắc kiến thức về biện pháp tu từ liệt kê

- Vận dụng để xác định được biện pháp nghệ thuật liệt kê và phân tích tác dụng của biện pháp liệt kê trong văn bản

- Luyện tập viết đoạn văn

***2. Kỹ năng***

- Nhận biết và phân tích

- Viết đoạn văn nghị luận

***3. Thái độ, phẩm chất***

- Tích cực, tự giác

- Trung thực, chăm chỉ

- Yêu quý, trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt

***4. Năng lực***

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp – hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên xã hội

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 101:**

***A. Hệ thống lại kiến thức đã học (10 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Hệ thống lại kiến thức về biện pháp nghệ thuật Liệt kê**  Phương pháp: Hỏi chuyên gia | **I. Hệ thống kiến thức về biện pháp nghệ thuật liệt kê**  ***- Khái niệm liệt kê:***  *Liệt kê là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại dể diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình cảm*  *-* ***Các kiểu liệt kê***  *+ Xét cấu tạo, có thể phân biệt kiểu liệt kê theo từng cặp với kiểu liệt kê không theo từng cặp*  *+ Xét theo ý nghĩa, có thể phân biệt kiểu liệt kê tăng tiến với liệt kê không tăng tiến.*  ***- Lưu ý****:*  *Liệt kê là phép tu từ cú pháp. Cần phân biệt phép tu từ liệt kê (liệt kê nhằm tạo giá trị bổ sung cho lời nói, câu văn) với liệt kê thông thường.*   * *Vậy trong chương trình ngữ văn 7 chúng ta được học 2 biện pháp tu từ cú pháp: điệp ngữ và liệt kê* |

***B. Luyện tập : (30 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: hoạt động cá nhân  - HS thực hiện  **Bài tập 1: Xác định các phép liệt kê trong các ví dụ dưới đây và chỉ rõ đó là kiểu liệt kê nào.**  a. “Tin vui chiến thắng trăm miền Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về Vui từ Đồng Tháp, An Khê Vui lên Việt Bắc, đồi De, núi Hồng.”  b. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”.  c.Nào đâu cái yếm lụa sồi? Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân? Nào đâu cái áo tứ thân? Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?  d. Một canh, hai canh lại ba canh  Trằn trằn trọc băn khoăn giấc chẳng thành  d. Họ đã sống và chết  Giản dị và bình tâm | **Đáp án:**  **a. Phép liệt kê không theo cặp và không tăng tiến:** *Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên, Đồng Tháp, An Khê*, *Việt Bắc, đồi De, núi Hồng*  **b. - Phép liệt kê không theo cặp và không tăng tiến:** hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ.  **- Phép liệt kê tăng tiến:** cắn, nhai, nghiến.  **c**. **Phép liệt kê không theo cặp và không tăng tiến:** cái yếm lụa sồi, cái dây lưng đũi, cái áo tứ thân, cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen.  **d. Phép liệt kê tăng tiến:** Một canh, hai canh, ba canh  **e. Liệt kê theo cặp**: sống, chết; giản dị, bình tâm |
| - Hình thức tổ chức luyện tập: nhóm bàn  - HS thực hiện  **Bài tập 2: Chỉ ra phép liệt kê trong doạn trích sau và phân tích tác dụng của phép liệt kê đó**  *Đấy là lúc các ca nhi cất lên những khúc điệu Nam nghe buồn man mác, thương cảm, bi ai, vương vấn như nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân, tương tư khúc, hành vân. Cũng có ban nhạc mang âm hưởng điệu Bắc pha phách điệu Nam không vui, không buồn như tứ đại cảnh. Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán… Lời ca thong thả, trang trọng, trong sáng gợi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch…* | **Đáp án:**  - Phép liệt kê:  + man mác, thương cảm, bi ai, vương vấn  + nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân, tương tư khúc, hành vân  + sôi nổi, tươi vui, buồn cảm, bâng khuâng, tiếc thương ai oán  + thong thả, trang trọng, trong sáng  + tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch  - Tác dụng  + Nhấn mạnh sự phong phú, đa dạng của các điệu ca Huế  + Tô đậm sự cuốn hút, quyến rũ, các cung bậc cảm xúc mà ca Huế đã đem đến  + Khẳng định giá trị của ca Huế và tình cảm yêu mến, trân trọng của tác giả |

**Tiết 102:**

***Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| - Hình thức tổ chức luyện tập : Hoạt động cá nhân  - HS thực hiện  **Bài tập 1: Viết đoạn văn nghị luận (7 câu trở lên) nêu rõ ý nghĩa của việc tự học đối với học sinh. Trong đoạn văn có sử dụng biện pháp nghệ thuật liệt kê** | **Các ý chính**  - Tinh thần tự học là ý thức tự rèn luyện tích cực để thu nhận kiến thức và hình thành kỹ năng cho bản thân.  - Ý nghĩa của tự học  + Tự học giúp ta nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích hơn trong cuộc sống.  + Giúp con người trở nên năng động, sáng tạo, không ỷ lại, không phụ thuộc vào người khác. Từ đó biết tự bổ sung những khiếm khuyết của mình để tự hoàn thiện bản thân .  + Tự học là một công việc gian khổ, đòi hỏi lòng quyết tâm và sự kiên trì. Càng cố gắng tự học con người càng trau dồi được nhân cách và tri thức của mình.  - Biết bao những con người nhờ tự học mà tên tuổi của họ được tạc vào lịch sử  - Mỗi người phải xây dựng cho mình tinh thần tự học để chiếm lĩnh được tri thức, vươn tới những ước mơ, hoài bão của mình. |
| Hình thức luyện tập: hoạt động cá nhân  **Bài tập 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới**  …*Bao nghĩa cử cao đẹp của những tấm lòng vì cộng đồng. Những chuyến bay đi đến tâm dịch bất chấp hiểm nguy để đón những người con xa xứ. Các y, bác sĩ tận tụy thầm lặng, chấp nhận hi sinh đứng ở hàng đầu chống dịch. Các chiến sĩ quân đội vừa gánh vác trách nhiệm bảo vệ non sông vừa xông lên mặt trận chống giặc bệnh COVID-19: nhường doanh trại cho dân vào rừng ngủ lán, canh gác bảo vệ cho dân, vừa lo tiếp tế lương thực, cơm ăn nước uống. Các chủ doanh nghiệp sẵn sàng cho mượn khách sạn mới khai trương chưa được vài tháng để làm khu vực cách ly. Các nghệ sĩ cùng xuống tay chung sức chống dịch. Các doanh nghiệp từ nhỏ đến lớn đều thể hiện thiện tâm vì cộng đồng trước dịch bệnh. Học sinh cũng vào cuộc chế tạo nước khử trùng, tỉnh thành nào cũng có những người tự nguyện phát khẩu trang miễn phí….*  (*Nghĩ về tinh thần dân tộc trước dịch bệnh covid 19* – Báo Giáo dục và thời đại – 22/3/2020)  Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn trên. Tìm câu chủ đề của đoạn văn  Câu 2: Nêu nội dung của đoạn văn  Câu 3: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật liệt kê trong đoạn văn và phân tích tác dụng của biện pháp liệt kê đó  Câu 4: Từ nội dung đoạn văn gợi ra, em hãy viết đoạn văn nghị luận (7 câu trở lên) chỉ rõ vai trò, hành động của cá nhân mình để tham gia vào công cuộc phòng chống dịch bệnh covid 19. | **Đáp án:**  **Câu 1:**  - Phương thức biểu đạt: Nghị luận  - Câu chủ đề: *Bao nghĩa cử cao đẹp của những tấm lòng vì cộng đồng*  **Câu 2:** Nội dung: Những nghĩa cử cao đẹp vì cộng đồng của đất nước, con người Việt Nam trước dịch bệnh covit 19.  **Câu 3:**  - Biện pháp liệt kê: Liệt kê các nghĩa cử cao đẹp vì cộng đồng:  + Những chuyến bay đi đến tâm dịch…  + Các y bác sĩ tận tụy thầm lặng,…  + Các chiến sĩ quân đội vừa gánh vác trách nhiệm non sông,…  + Các chủ doanh nghiệp sẵn sàng cho mượn,…  + Các nghệ sĩ cũng xuống tay…  + Các doanh nghiệp từ nhỏ đến lớn đều…  + Học sinh cũng vào cuộc chế tạo nước khử trùng…  + Tỉnh thành nào cũng có người tự nguyện…  - Tác dụng: diễn đạt đầy đủ, trọn vẹn, sâu sắc tinh thần dân tộc trước dịch bệnh covid 19. Tất cả mọi tầng lớp, tổ chức xã hội đều có những nghĩa cử cao đẹp, tham gia tích cực vào công cuộc phòng chống dịch bệnh.  **Câu 4:** Vai trò, hành động của cá nhân em để tham gia vào công cuộc phòng chống dịch bệnh covid 19  - Cảm động, tự hào trước tinh thần dân tộc, nghĩa cử cao đẹp của người dân Việt Nam trước dịch bệnh covid 19  - Bản thân em phải tích cực tham gia vào công tác phòng chống dịch bệnh:  + Thực hiện đúng khuyến cáo của bộ y tế để giữ an toàn cho bản thân, gia đình, xã hội  + Tuyên truyền cho gia đình, bạn bè,… tác hại của dịch bệnh, cách phòng chống,…  + Không lan truyền, chia sẻ các thông tin không chính xác về dịch bệnh covid 19 trên mạng xã hội và nơi cư trú.  + Làm những việc tốt, có ích cho cộng đồng: ủng hộ, làm nước rửa tay, khẩu trang,…  + Lan tỏa những nghĩa cử đẹp trong cộng đồng: chia sẻ, vẽ tranh, viết bài,… |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Buổi 35:**

**Tiết 103 + 104 + 105: CHUYÊN ĐỀ: DẤU CÂU**

***(Dấu chẩm lửng, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang)***

**I. Mục tiêu cần đạt.**

**1. Kiến thức.**

Qua chuyên đề học sinh cần nắm chắc công dụng của dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang.

- Biết sử dụng đúng dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy để phục vụ yêu cầu biểu đạt. Phân biệt dấu gạch ngang và dấu gạch nối.

- Biết sử dụng các kiểu dấu câu được học trong chủ đề để phục vụ yêu cầu biểu đạt.

**2. Kĩ năng**

- Biết dùng dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy ,biết dùng dấu gạch ngang, phân biệt dấu gạch ngang với dấu gạch nối khi viết. (Đặt câu, tạo lập văn bản).

**3. Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy.

4. Phẩm chất, năng lực.

Năng lực sử dụng ngôn ngữ, thu thập và xử lý thông tin, giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc các nhân, hợp tác, đánh giá.

- Phẩm chất: Yêu mến, Tiếng Việt; tích cực, tự chủ trong học tập.

**II. Tiến trình lên lớp.**

**A. Hệ thống kiến thức đã học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Hiện nay, Tiếng Việt dùng mười một dấu câu là:1. Dấu chấm.2. Dấu hỏi  **?**3. Dấu cảm **!**4. Dấu lửng **…**5. Dấu phẩy **,**6. Dấu chấm phẩy **;**7. Dấu hai chấm:8. Dấu ngang **–**9. Dấu ngoặc đơn **( )**10. Dấu ngoặc kép **“ ”** 11. Dấu móc vuông. | Hệ thống dấu câu trong tiếng Việt: |
| Gv yêu cầu HS nhắc lại và ghi nhớ.  Hình thức dấu chấm lửng  Công dụng | **I. Dấu chấm lửng (…)**  **1. Hình thức:**  + có 3 ký tự: ba dấu chấm đặt liền cạnh nhau (nên còn gọi là dấu ba chấm).  + ba chấm đặt viết đúng dòng kẻ dưới **2. Công dụng:**  Dấu chấm lửng được dùng để:  - Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết;  -  Thể hiển chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng;  -  Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.  - Dấu chấm lửng dùng để biểu thị lời nói bị ngắc ngứ, đứt quãng do sợ hãi, lúng túng.  - Thay thế những từ ngữ không tiện nói ra. - Thể hiện ở phía trước còn một phần văn bản không trích dẫn ra. |
| v yêu cầu HS nhắc lại và ghi nhớ.  Hình thức **dấu chấm phẩy**  Công dụng **dấu chấm phẩy** | **II. Dấu chấm phẩy (;).**  **1. Hình thức:**  + có 2 ký tự: dấu chấm + dấu phẩy  + dấy phẩy viết đúng dòng kẻ dưới; dấu chấm đặt trên dấu phẩy khoảng 1mm.  **2. Công dụng:**  Dấu chấm phẩy được dùng để:  - Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp;  -  Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp. |
| Gv yêu cầu HS nhắc lại và ghi nhớ.  Hình thức dấu gạch ngang  Công dụng dấu gạch ngang | **III. Dấu gạch ngang:**  **1. Hình thức:**  + có 01 ký tự: gạch gang (độ dài khoảng 2 mm.  + viết cách dòng kẻ dưới 0. 5 mm (1/2 con chữ thường)  **2.** **Công dụng:**  Dấu gạch ngang có những công dụng sau: - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu;  -  Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê;  -  Nối các từ nằm trong một liên danh. |

**B. Luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| Nêu rõ công dụng của dấu gạch ngang và dấu gạch nối trong các ví dụ dưới đây:  a. Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng:  - Hức, thông ngách sang nhà ta? Nghe dễ nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.  b. Người vùng Bắc nghĩ đến cánh rừng bên dòng sông Vi-na hay miền Xu-nô-cô, thân cây mọc là là mặt nước, nghĩ đến những đêm tháng sáu sáng hồng và tiếng “cô nàng” gọi đùa người yêu.  c. Rồi cả nhà- trừ tôi- vui như Tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế.  d. Lần cuối cùng vào năm 1972, chiếc cầu bị không quân Mĩ ném bom la-de.  e. Đi suốt chiều dài hơn hai ngàn mét ở phần ngoài của Động Phong Nha, du khách có cảm giác như lạc vào thế giới khác lạ- thế giới của tiên cảnh.  g. Đẹp quá đi, mùa xuân ơi- mùa xuân của Hà Nội thân yêu. | 1. Bài tập 1. **Gợi ý trả lời:**  a. Dấu gạch ngang dùng đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật Dế Mèn  b. Dấu gạch nối nối các tiếng trong từ mượn gồm nhiều tiếng ( Vi-na; Xu-nô-cô)  c. Dấu gạch ngang đánh dấu thành phần phụ chú  d. Dấu gạch nối nối các tiếng trong từ mượn gồm nhiều tiếng (la- de).  e. Dấu gạch ngang đánh dấu thành phần phụ chú  g. Dấu gạch ngang đánh dấu thành phần phụ chú |
| Hãy tìm và nêu tác dụng của dấu chấm phẩy trong văn bản Sống chết mặc bay.  Gv yêu cầu Hs hoạt động trao đổi theo dãy bàn.  + Ghi lại mỗi dãy ít nhất 3 dấu.  + Nêu rõ tác dụng trong tường trường hợp. | **2. Bài tập 2.** |
| Hãy tìm và nêu tác dụng của dấu chấm phẩy trong các ví dụ dưới đây:  a. Theo báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm của Hội địa lý Hoàng gia Anh gần đây, cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất; có những hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng và đẹp nhất; thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất; sông ngầm dài nhất.  b. Những bến vận hà nhộn nhịp dài theo dòng sông; những lò than hầm gỗ đước sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi. | **3. Bài tập 3.**  **Gợi ý trả lời:**  a, Dấu chấm phẩy được sử dụng làm ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.  b, Dấu chấm phẩy để ngăn ranh giới các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp. |
| Đọc truyện vui sau đây và cho biết vì sao anh con trai trong truyện lại uống rượu và đánh bạc. | **4. Bài tập 4.**  Trả lời:  - Anh con trai trong truyện uống rượu và đánh bạc vì đã hiểu nhầm lời dặn trước lúc mất của bố.  - Trong lời nói của ông bố trước khi mất đã có sự ngắt quãng (ở chỗ dấu ba chấm “…”) gây nên sự hiểu nhầm. |
| Nối từng đoạn văn ở cột trái với công dụng của dấu chấm phẩy ở cột phải sao cho phù hợp.   |  |  | | --- | --- | | A | B | | a. Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm chạy máy phát điện ; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn.  ( Thép Mới ) | 1. Dấu chấm phẩy đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp. | | b. Con sông Thái Bình quanh năm vỗ sóng òm ọp vào sườn bãi và ngày ngày vẫn mang phù sa bồi cho bãi thêm rộng ; nhưng mỗi năm vào mùa nước, cũng con sông Thái Bình mang nước lũ về làm ngập hết cả bãi Soi. | 2. Dấu chấm phẩy đánh dấu ranh giới các bộ phận của một phép liệt kê phức tạp. | | c. Có kẻ nói từ khi các thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ, núi non hoa cỏ trông mới đẹp, từ khi có người lấy  tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm đề ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay. |  | | **5. Bài tập 5.**  Trả lời:  Nối như sau:  + (a)-(1);  + (b)-(1); (c)-(2) |
| **Đọc các ví dụ sau và hoàn thành bảng theo mẫu để phân biệt dấu gạch ngang và dấu gạch nối :**  a. Chỉ có anh lính dõng An Nam bồng súng chào cờ giữa cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tử tù lừng tiếng. Anh quả quyết-(1) cái anh chàng ranh mãnh đó -(2) rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một tí rồi hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.  ( *Nguyễn Ái Quốc* )  b. –(3) Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ ! –(4) Một chú bé con thầm thì.  –(5) Ồ ! Cái áo dài đẹp chửa ! –(6) Một chị con gái thốt ra.  ( *Nguyễn Ái Quốc* )  c. –Thừa Thiên –(7) Huế là một tỉnh giàu tiềm năng kinh doanh du lịch.  d. –(8) Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc –(9)nin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An –(10)dát và Lo –(11)ren  ( *An – phông – xơ  Đô – dê* ) | **7. Bài tập 6.**  Trả lời:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | Dấu | **Công dụng** | | (1) | dấu gạch ngang | Mở đầu bộ phận chú thích | | (2) | dấu gạch ngang | Mở đầu bộ phận chú thích, giải thích. | | (3) | dấu gạch ngang | Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật | | (4) | dấu gạch ngang | Mở đầu bộ phận chú thích, giải thích | | (5) | dấu gạch ngang | Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật | | (6) | dấu gạch ngang | Mở đầu bộ phận chú thích, giải thích | | (7) | dấu gạch ngang | Nối các từ trong một liên danh | | (8) | dấu gạch ngang | Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật | | (9) | dấu gạch nối | Nối các tiếng trong một từ ghép phiên âm tiếng nước ngoài | | (10) | dấu gạch nối | Nối các tiếng trong một từ ghép phiên âm tiếng nước ngoài | | (11) | dấu gạch nối | Nối các tiếng trong một từ ghép phiên âm tiếng nước ngoài | |
| Viết một đoạn văn (đề tài tự chọn) trong đó:  a. Có câu dùng dấu chấm lửng.  b. Có câu dùng dấu chấm phẩy. | **7. Bài tập 7.**  Trả lời:     Nhà ông bà ngoại luôn là chốn thần tiên với tuổi thơ của chị em tôi. Khu vườn mà ông hằng ngày vẫn chăm bón hệt như một khu vườn địa đàng vậy. Ở đó có đủ các loại hoa trái: hoa hồng, hoa cúc, hoa thủy tiên,…cây táo, cây ổi, cây mận,… Tôi còn nhớ như in những trưa hè, ông mắc chiếc võng dưới gốc cây, tán lá che xanh mát; bà kéo hai chị em tôi ngồi xuống, đung đưa chiếc võng; bẻ đôi quả na chín cây thơm phức đưa cho hai đứa tôi. |
| Đặt câu có dùng dấu gạch ngang với mỗi công dụng sau đây:  a. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.  b. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.  c. Nối các từ trong một liên danh. | **8. Bài tập 8.**  Trả lời:  a. Em gái tôi – Hà An – là một cô bé tinh nghịch nhưng sống rất tình cảm.  b. Tôi đến lớp muộn và cô giáo đã hỏi tôi rằng:  – Em có biết bây giờ là mấy giờ không?  - Dạ! Em xin lỗi cô ạ!  c. Ngày mai, em được về Thừa Thiên – Huế với bà. |

**III. Củng cố, dặn dò.**

+ Gọi một vài HS trình bày lại những kiến thức về 3 loại dấu câu:

+ Học bài, nắm rõ công dụng 3 loại dấu câu.

**+** Sưu tầm những đoạn văn, thơ có sử dụng các dấu vừa học.

Ngày soạn: Ngày dạy:

**Buổi 36: Tiết 106, 107, 108: Văn nghị luận**

**( Lập luận giải thích kết hợp chứng minh)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1.Kiến thức:**

Ôn tập, rèn luyện các thao tác, kĩ năng làm văn giải thích qua để bài cụ thể.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng tìm ý, lập dàn ý, viết đoạn văn nghị luận cho đề cụ thể.

**3 Thái độ, phẩm chất:**

- Ý thức ham học hỏi, sử dụng linh hoạt ngôn ngữ trong giao tiếp.

- P/C: chăm chỉ, trách nhiệm, yêu nước.

**4. Các năng lực:**

NL chung: tự chủ và học tập, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

NL riêng: sử dụng ngôn ngữ, tạo lập văn bản.

**II. Tiến trình lên lớp:**

***Tiết 1+2 :***

***A. Hệ thống hóa các kiến thức đã học:***

1. Thế nào là Văn nghị luận?

2. Nêu đặc điểm của văn nghị luận?

3 .Nêu các bước làm bài văn nghị luận?

4. So sánh sự giống và khác nhau giữa kiểu bài văn nghị luận chứng minh và văn nghị luận giải thích?

**Trả lời:**

1. Văn nghị luận là loại văn đyược viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, một quan điểm nào đó.

2. Có 3 đặc điểm của văn nghị luận:

+ Luận điểm: là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn. Nó thống nhất các đoạn thành một khối. Luận điểm phải đúng đắn, chân thực thì mới thuyết phục.

+ Luận cứ: lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thực, đúng, tiêu biểu.

+ Lập luận: cách lựa chọn, sắp xếp, trình bày luận cứ sao cho chúng làm cơ sở vững chắc cho luận điểm.

***3. Các bước làm bài văn nghị luận:***

+ B1: Tìm hiểu đề: vấn đề nghị luận, kiểu bài, phạm vi.

+ B2: Tìm ý và lập dàn ý

+ B3: Viết bài

+ B4: Đọc, sửa lỗi

***4. - Sự giống giữa kiểu bài văn nghị luận chứng minh và văn nghị luận giải thích***

+ MB: Đều dẫn dắt vấn đề nghị luận và trích dẫn.

+ TB: Đều dùng lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục người đọc, người nghe.

+ KB: Đều khẳng định lại vấn đề nghị luận.

- Khác nhau : Ở phần thân bài

|  |  |
| --- | --- |
| Nghị luận chứng minh | Nghị luận giải thích |
| - B1: giải thích từ ngữ ( nếu có)  - B2: Nêu luận điểm, đưa ra các dẫn chứng tiêu biểu, chính xác để chứng minh cho luận điểm đó.( Đây là phần trọng tâm)  - B3: Đánh giá lại nhận định. | - B1: giải thích từ ngữ -> cả câu mêu lên nội dung gì?  - B2: Tại sao lại như vậy? ( Đưa ra các lí lẽ để trả lời câu hỏi này. Lí lẽ muốn thuyết phục thì cần có dẫn chứng minh họa nhưng không cần nhiều dẫn chứng)  - B3: Chúng ta cần phải làm gì?  -B4: Liên hệ bản thân |

***B. Luyện tập:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Đề 1:**  Dân gian có câu: “Lời nói gói vàng” nhưng đồng thời cũng có câu: “Lời nói chẳng mất tiền mua, Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Qua hai câu tục ngữ em hãy cho biết dân gian đó hiểu như thế nào về giá trị và ý nghĩa của lời nói trong cuộc sống  \* Tìm hiểu đề:  - VĐNL: giá trị của lời nói.  - Kiểu bài: nghị luận giải thích + chứng minh  - Phạm vi: trong cuộc sống  \* Tìm ý:  - Giải thích nghĩa câu tục ngữ  - Giải thích vì sao lại nói như vậy?  - Chúng ta phải làm gì?  \* Lập dàn ý:  - MB: Giới thiệu VĐNL, trích dẫn  - TB:  + giải thích từ ngữ:  Câu “lời nói gói vàng”: lời nói? Gói vàng? -> nội dung câu nói?  Câu “Lời nói chẳng mất tiền mua, Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”: Lựa lời? vừa lòng nhau? -> nội dung câu nói?  -> Cả 2 câu đưa ra nội dung?  + giải thích vì sao lại nói như vậy?  Lời nói là phương tiện ngôn ngữ để trao đổi thông tin, tư tưởng tình cảm giữa con người với con người.  Lời nói thể hiện nhân cách, trình độ học vấn của người nói  + Chúng ta phải làm gì?  Học từ cái nhỏ đến lớn, từ cách ăn uống đến nói năng, làm việc  Phải lựa chọn từ ngữ khi nói.  - KB: Khẳng định lại ý nghĩa và giá trị của câu tục ngữ  \* Viết bài, sửa lỗi:  GV chia lớp thành 5 nhóm viết đoạn văn:  N1: mở bài, N2: LĐ1, N3: LĐ2, N4: LĐ3, N5: kết bài.  HS viết, đọc trước lớp, GV nhận xét.  **\* Lưu ý:**  *- Về kỹ năng:* (0,25 điểm)  + Học sinh biết làm một bài văn biểu cảm có đầy đủ bố cục 3 phần .  + Diễn đạt trong sáng, linh hoạt, lưu loát, giàu cảm xúc.  ***-Về nội dung : Đảm bảo các ý cơ bản*** | **Đề 1:**  Gợi ý:  a. Mở bài:  Trong cuộc sống xã hội hàng ngày, mỗi người phải luôn giao tiếp và ứng xử với nhau. Vì vậy mỗi người cần hiểu về ý nghĩa và giá trị của lời nói đồng thời phải thận trọng khi dùng lời ăn tiếng nói trong giao tiếp. Đề cập đến vấn đề này tục ngữ có câu...  b. Thân bài:  \*) Giải thích nghĩa câu tục ngữ  - Câu tục ngữ “lời nói gói vàng”: lời nói là phương tiện ngôn ngữ dựng để giao tiếp giữa con người với con người trong cuộc sống. Ngôn ngữ giúp cho con người trao đổi tư tưởng, tình cảm, từ đó mà ta hiểu nhau hơn, có sự đồng cảm yêu thương, chia sẻ cùng nhau. Câu tục ngữ ngắn gọn, có hai vế đối xứng nhau cho ta thấy được giá trị to lớn của lời nói. Với cách so sánh đối chiếu ông cha ta đã nêu bật giá trị của lời nói, nhấn mạnh lời nói của mỗi chúng ta quý giá vô cùng và mỗi lời ta nói đều biểu thị những suy nghĩ và tình cảm của người nói  - Một số người khi sinh ra thiếu may mắn bị khiếm khuyết nên không thể nói được, cũng hầu hết mọi người đều có thể sử dụng lời nói để giao tiếp. Vì thế nó “không mất tiền mua” tức là nó là cái có sẵn, là cái vốn có của mỗi người từ khi cha mẹ sinh ra chúng ta đó có. Vì lời nói là cái có sẵn, là phương tiện ngôn ngữ sẵn có của mỗi người nên ta phải lựa lời nghĩa là lựa chọn lời nói, từ ngữ, cách diễn đạt khi nói để người nghe cảm thấy “vừa lòng” nghĩa là thấy vui, hài lòng, thoải mái khi nghe những lời nói của ta. Hay nói cách khác ta phải biết lựa chọn, suy nghĩ chín chắn có như vậy mới tác động đến người nghe làm cho họ dễ nghe, hài lòng và chứa đựng được thông tin nhiều nhất. Nói cách khác lời nói phản ánh bản chất của mỗi người  Từ nghĩa đen của câu tục ngữ thứ hai ông cha ta nhắc nhở chúng ta phải nói năng có lễ độ, dùng lời lẽ ôn hoà, lịch sự để tạo được sự tế nhị trong giao tiếp  Hai câu tục ngữ mới nghe tưởng mâu thuẫn đối lập nhưng thực ra chúng bổ sung gúp phần nâng cao phẩm giá và ý nghĩa của lời nói. Lời nói của con người rất quan trọng nhưng không phải vì thế mà con người nói gì được nấy mà cần phải lựa chọn, cân nhắc trước khi giao tiếp  \*) Bàn luận: Tại sao lời nói có vai trò quan trọng như vậy?  - Vì lời nói là phương tiện ngôn ngữ để trao đổi thông tin, tư tưởng tình cảm giữa con người với con người. Lời nói biểu thị suy nghĩ thái độ, tình cảm của người nói đối với cuộc sống xung quanh, lời nói giúp con người gần gũi nhau, hiểu nhau, thêm quan tâm và gắn bó với nhau. Do đó lời nói có giá trị lớn  - Mặc dù lời nói quan trọng như vậy nhưng không phải con người cứ bạ đâu nói đấy mà phải suy nghĩ lựa chọn lời, cân nhắc kĩ trước khi nói. Lời nói là công cụ để giúp con người trao đổi và giao tiếp với nhau trong cuộc sống bởi giữa người và người từ lâu đã có mối quan hệ bạn bè, tình cảm đồng chí, anh em. Do đó để giữ mãi tình cảm tốt đẹp ở trên ta phải biết lựa lời mà nói tức là biết chọn lời hay ý đẹp để người nghe không buồn lòng, phật ý. Một lời nói lịch sự tế nhị sẽ giúp người nghe dễ dàng tiếp thu ý kiến của mình. Biết lưạ chọn lời nói khi trao đổi tức là trọng người, trọng mình, góp phần làm cho người nghe thêm kính trọng, nể phục. Một lời nói khiếm nhã, vô lễ thường làm mất đi tình đoàn kết, nhiều khi dẫn đến hậu quả khôn lường.  - Lời nói thể hiện nhân cách, trình độ học vấn của người nói. Dân gian có câu “ người thanh nói tiếng cũng thanh”, “ Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/ Những người thô tục nói điều phàm phu”,..  \*) Mở rộng liên hệ: Trong cuộc sống ta phải làm gì để giữ mãi được giá trị và ý nghĩa của lời nói?  - Cha ông ta khuyên: “học ăn học nói học gói học mở”, phải biết học cách nói năng thì giao tiếp mới đạt hiệu quả  - Ông cha ta có câu “ uốn lưỡi 7 lần trước khi nói” có nghĩa là phải lựa chọn từ ngữ thích hợp để cuộc giao tiếp thành công, lời nói có giá trị..  c. Kết bài: Rõ ràng lời khuyên đưa ra từ 2 câu tục ngữ trên là hoàn toàn đúng đắn. Là học sinh phải xây dựng cho mình thói quen nói năng lễ độ, lịch sự, tế nhị |

***Tiết 3:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Đề 2:** **Ca dao có câu: *“Nhiễu điều phủ lấy giá gương***  ***Người trong một nước phải thương nhau cùng”***  ***Em hiểu người xưa muốn nhắn nhủ gì qua câu ca dao trên?***  \* Tìm hiểu đề:  - VĐNL: Tình yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ giữa con người trong một đất nước, dân tộc.  - Kiểu bài: nghị luận giải thích + chứng minh một vấn đề về tư tưởng đạo lí  - Phạm vi: trong cuộc sống  \* Tìm ý:  - Giải thích nghĩa câu ca dao  - Giải thích vì sao lại nói như vậy?  - Chúng ta phải làm gì?  \* Lập dàn ý:  \* Viết bài, sửa lỗi:  GV chia lớp thành 6 nhóm viết đoạn văn:  N1: mở bài, N2: LĐ1, N3: LĐ2, N4: LĐ3, N5:LĐ4, N6: kết bài.  HS viết, đọc trước lớp, GV nhận xét.    **\* Lưu ý:**  *- Về kỹ năng:* (0,25 điểm)  + Học sinh biết làm một bài văn biểu cảm có đầy đủ bố cục 3 phần .  + Diễn đạt trong sáng, linh hoạt, lưu loát, giàu cảm xúc.  ***-Về nội dung : Đảm bảo các ý cơ bản*** | **Đề 2:**  **1. Mở bài**:  - Lòng yêu thương, tinh thần nhân ái là truyền thống đạo lí của dân tộc ta  - Truyền thống đó đã được ghi lại trong những câu ca dao, tục ngữ hay, ý nghĩa  - Trích đẫn câu ca dao;  - Người xưa muốn nhắn nhủ gì qua câu ca dao chúng ta cùng tìm hiểu.  **2. Thân bài:**  **a. Giải thích nghĩa của câu ca dao:**  - Nhiễu điều- là tấm vải màu đỏ dệt bằng tơ, sang trọng, quý giá  - Giá gương là giá đỡ tấm gương hay khung hình bài vị của tổ tiên, thường được làm bằng gỗ, chạm khắc trang trí rất đẹp  - Khi đem tấm vải nhiễu lộng lẫy phủ lên giá gương sẽ giữ cho khỏi bị bụi bẩn, đồng thời tôn lên vẻ đẹp, sang trọng của giá gương. Giá gương cũng làm cho tấm vải rực rỡ hơn  => so sánh liên tưởng đến con người: Người trong một đất nước, dân tộc cũng phải yêu thương, đùm bọc che chở lẫn nhau. Đó là thể hiện đạo lí sống tốt đẹp, nhân nghĩa của người VN.  **b. Vì sao người trong một đất nước lại phải yêu thương, đoàn kết với nhau?**  - Vì chúng ta cùng là anh em trong một nhà, cùng chung dòng máu Lạc Hồng, chung nguồn gốc lịch sử, cùng trải qua thăng trầm biến cố cùng có chung điều kiện sống như nhau -> Phải yêu thương  - Tình yêu thương là cội nguồn của sức mạnh. Mỗi người chúng ta không thể sống đơn độc, lẻ loi mà luôn tồn tại trong tập thể, cộng đồng, có sự ràng buộc, liên kết với nhau.  - Lòng yêu thương sẽ giúp cho con người hiểu nha, xích lại gần nhau, gắn bó chặt chẽ với nhau hơn. Trong đời ai cũng có lúc gặp khó khăn trắc trở. Sự yêu thương giúp đỡ của mọi người sè là nguồn động lực to lớn để chúng ta vượt qua khó khăn ổn định cuộc sống  **c. Chứng minh:**  - Tinh thần yêu thương của con người VN đã được nhân dân ta đúc kết qua rấ nhiều câu tục ngữ, ca dao, truyện kể: truyện quả bầu mẹ, lá lành….  - Truyền thống đó đang được giữ gìn và phát huy, thể hiện bằng những việc làm cụ thể như:  + Giúp đỡ đồng bào vùng bị bão lút, thiên tai, hỏa hoạn để họ khắc phục khó khăn, sống tốt đẹp hơn  + Thể hiện qua các phong trào quyên góp ủng hộ vì người nghéo, trái tim cho em, lục lạc vàng, tiếp sức mùa thi…  => Đói chính là những nghĩa cử cao đẹp là biểu hiện của tình yêu thương trong đạo lí dống của người VN  - Ngày nay tình yêu thương con người còn vượt ra ngoài lãnh thổ, biên giới: chúng ta còn giúp đỡ bạn bè quốc tế khi gặp khó khăn do thảm họa thiên tai, địch họa…Góp phần tạo nên tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc trên thế giới  **d. Bài học, mở rộng ( Chúng ta cần làm gì? ):**  - Tình yêu thương là truyền thống đạo lí của người VN, vì thế chúng ta cần giữ gìn và phát huy. Tích cực rèn luyện tinh thần tương thân tương ái ở mọi nơi, mọi lúc  - Tích cực tham gia các phong trào quyên góp ủng hộ người gặp khó khăn để giúp những người ở quanh mình, trong cộng đồng, đân tộc  - Yêu thương phải xuất phát từ trái tim chân thành, không vụ lợi , không bố thí  - Tránh thái độ sống dửng dưng vô cảm trước nỗi đau của đồng loại. Bởi khi tình thương yêu không còn trái đất chỉ còn là hầm mộ.  **3. kết bài:** Tóm lại tình yêu thương, lòng nhân ái là truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã được giữ gìn và phát huy qua nhiề thế hệ. Chúng ta hãy kế thừa và phát huy để xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. |

\* Hướng dẫn về nhà:

- HS viết 2 đề trên thành bài hoàn chỉnh.

- Làm tiếp đề: Em hiểu gì về lời khuyên từ câu tục ngữ: *“ Lá lành đùm lá rách”* ra giấy, nộp.

- Ôn lại toàn bộ kiến thức tiếng việt, các văn bản, các đề tập làm văn để buổi sau luyện đề.

Ngày soạn: Ngày dạy:

**BUỔI 37- Tiết 109,110,111**

**ÔN TẬP TỔNG HỢP**

**A.Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

Giúp học sinh củng cố những kiến thức đã học thông qua các dạng bài tập

**2. Kĩ năng:**

Rèn cho HS kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi đọc hiểu ( Nhận biết, thông hiểu, vận dụng)

Kĩ năng tạo lập văn bản( kĩ năng viết đoạn, dựng đoạn, kĩ năng viết bài văn)

Kỹ năng phân phối thời gian hợp lý cho các phần trong đề kiểm tra, kiểm định.

**3. Thái độ, phầm chất:**

Có ý thức làm bài

**4. Năng lực:**

Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề

Năng lực giao tiếp

**II. Tiến trình bài dạy**

**ĐỀ BÀI ( ĐỀ 1)**

*( - Giáo viên giao đề bài cho học sinh, yêu cầu học sinh đọc kĩ đề, xác định rõ yêu cầu của đề bài.*

*-HS nhận đề, đọc, nghiên cứu đề , nghiêm túc làm bài.)*

**I. ĐỌC HIỂU**

“… Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.”

*( Ngữ văn 7 – Tập 2)*

a. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

b. Câu nào nêu lên luận điểm của đoạn văn?

c. Xét theo cấu tạo ngữ pháp, câu thứ 2 trong đoạn văn thuộc kiểu câu nào đã học?

d. Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?

**II. LÀM VĂN:**

**Câu 1:**

Viết đoạn văn nghị luận chứng minh vai trò của gia đình trong mỗi chúng ta.

**Câu 2:**

Em hãy giải thích câu tục ngữ: “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.”

**ĐÁP ÁN ĐỀ 1**

**I. ĐỌC HIỂU**

*( - Giáo viên vấn đáp cho học sinh nhắc lại kiến thức cơ bản, từ đó ứng với câu hỏi để tìm ra câu trả lời.*

*+Phương thức biểu đạt chính*

*+ Luận điểm*

*+ Những kiểu câu xét theo cấu tạo ngữ pháp.*

*- HS suy nghĩ, trả lời.*

*- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.*

*- GV nhận xét -> chốt)*

a. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

* Nghị luận

b. Câu nào nêu lên luận điểm của đoạn văn?

* Câu đầu đoan; “… Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý

c. Câu thứ 2 trong đoạn văn thuộc kiểu câu nào đã học?

* Câu đơn

d. Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?

* Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

**II. LÀM VĂN:**

**Câu 1:**

*( -GV yêu cầu học sinh nhắc lại yêu cầu về hình thức của đoạn văn; xác định nội dung ( luận điểm) đoạn văn.*

*-HS nhắc lại kiến thức*

*- HS khác nhận xét, bổ sung*

*-GV nhận xét, bồ sung -> chốt*

*Gv gọi một số học sinh đọc đọc văn đã làm, nhận xét ( khuyến khích những hs viết tốt)*

Viết đoạn văn nghị luận chứng minh vai trò của gia đình trong mỗi chúng ta.

* Hình thức: Đoạn văn nghị luận
* Nội dung: Dùng dẫn chứng chứng minh vai trò ý nghĩa của gia đình

+ Cội nguồn sinh ra , gieo mầm nuôi dưỡng tâm hồn, trí tuệ ....

+ Là mái ấm tình thương, chỗ dựa, bến đỗ bình yên với mỗi người....

........

**Câu 2:**

*( - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu đề bài; nhăc lại bố cục và cách làm bài nghị luận giải thích.*

*-HS trả lời.*

*GV cho HS xấy dựng dàn bài theo bố cục.*

*Yêu cầu một só HS đọc theo từng phần, từng đoạn)*

*a.Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận,* có bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

*b. Xác định đúng vấn đề nghị luận*: Tầm quan trọng của việc học tập

*c. Nội dung biểu cảm đảm bảo một số yêu cầu sau*

**Mở bài:**

* Dẫn dắt vấn đề
* Nêu vấn đề cần giải thích

**Thân bài  
. Giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ “ đi một ngày đàng học một sàng khôn”**\* Nghĩa đen   
- Đi: đi là đi đây đi đó, đi nhiều nơi, nhiều chỗ,… va tham gia nhiều hoạt động trong xã hội  
- Sàng khôn: nhiều kiến thức bổ ích trong cuộc sống, trong xã hội, sự tiếp thu khiến thức mới mẻ và nhiều.  
\* Nghĩa bóng   
- Bên ngoài xã hội có nhiều điều cần phải học tập.-Kiến thức vô cùng phong phú nên chúng ta nên không ngừng học tập  
- Luôn biết mở mang kiến thức mọi lúc mọi nơi. Biết được tầm quan trọng của việc học tập và việc tự học  
**. Tai sao “ đi một ngày đàng học một sàng khôn”**- Câu tục ngữ có ý nghĩa hoàn toàn đúng; Nên đi đây, đi đó để trao dồi kiến thức, hiểu biết. Đi càng nhiều càng tốt,nhưng phải đi đúng cách  
- Hiểu biết càng nhiều thì cách xử sự luôn tốt. Hiểu biết nhiều vấn đề thì rất tốt cho bản thân  
- Việc học như vậy sẽ có nhiều kinh nghiệm và giúp ích được cho xã hội  
**. Làm gì để thực hiện:**- Tích cực học tập và tự học để mở mang kiến thức….

**-** Không ngại khó khăn khi học tập….  
**Kết bài:**

* Khẳng định vấn đề,
* Bài học liên hệ.

**ĐỀ BÀI ( ĐỀ 2)**

*( - Giáo viên giao đề bài cho học sinh, yêu cầu học sinh đọc kĩ đề, xác định rõ yêu cầu của đề bài.*

*-HS nhận đề, đọc, nghiên cứu đề , nghiêm túc làm bài.)*

**I.ĐỌC HIỂU**

Đọc bài thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

*Yêu từng bờ ruộng lối mòn,*

*Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu.*

*Yêu con sông mặt sóng xao,*

*Dòng sông tuổi nhỏ rì rào hát ca.*

*Yêu hàng ớt đã ra hoa,*

*Đám dưa trổ nụ, đám cà trổ bông.*

*Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,*

*Tiếng thoi lách cách bên nong dâu tằm.*

*( Ta yêu quê ta* - Lê Anh Xuân)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

2. Tìm những từ láy có trong bài thơ và phân loại các từ láy vừa tìm được.

3. Chỉ ra biện pháp tu từ điệp ngữ trong bài thơ và nêu tác dụng.

4. Bài thơ gợi cho em tình cảm gì đối với quê hương ? *(Trả lời từ khoảng 2- 4 câu)*

**Câu II:** (**6,0 điểm)**

Câu 1: “Bố là tàu lửa, bố là xe hơi

Bố là con ngựa em cưỡi , em chơi

Bố là thuyền nan cho em vượt sóng

Bố là sông rộng cho thuyền em bơi.”

(Trích lời bài hát” *Bố là tất cả*”, Thập Nhất )

Từ ý bài hát trên, em hãy viết một đoạn văn nghị luận chứng minh vai trò của người cha trong mỗi chúng ta.

*Câu 2:* Giải thích câu tục ngữ*: Lá lành đùm lá rách*

**ĐÁP ÁN ĐỀ 2**

**I. ĐỌC HIỂU**

*( - Giáo viên vấn đáp cho học sinh nhắc lại kiến thức cơ bản, từ đó ứng với câu hỏi để tìm ra câu trả lời.*

*+ Kể ra các phương thức biểu đạt.*

*+ Đặc điểm và phân loại từ láy.*

*+ Kể tên một số biện pháp tu từ đã học.*

*- HS suy nghĩ, trả lời.*

*- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.*

*- GV nhận xét -> chốt)*

1. Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn là : Biểu cảm

2. HS xác định được các từ láy và phân loại được các từ láy vừa tìm được

+ Láy âm : *rì rào*

+ Láy vần : *lách cách*

*3.* + Điệp ngữ: *Yêu*

+ Nêu tác dụng : Thể hiện tình yêu sâu nặng, tha thiết của tác giả với quê hương

4. HS diễn đạt theo cách của mình nhưng phải làm nổi bật được được tình cảm : yêu mến, gắn bó sâu nặng với quê hương, tự hào về quê hương . Đảm bảo số câu yêu cầu

**II. LÀM VĂN:**

**Câu 1:**

*( -GV yêu cầu học sinh nhắc lại yêu cầu về hình thức của đoạn văn; xác định nội dung ( luận điểm) đoạn văn.*

*-HS nhắc lại kiến thức*

*- HS khác nhận xét, bổ sung*

*-GV nhận xét, bồ sung -> chốt*

*Gv gọi một số học sinh đọc đọc văn đã làm, nhận xét ( khuyến khích những hs viết tốt)*

\* Hình thức: Viết một đoạn văn nghị luận chứng minh

\* Nội dung: Trình bày vai trò người cha trong mỗi chúng ta. Học sinh có thể trình bày, làm rõ 1 số ý cơ bản sau;

+Người sinh ra và nuôi dưỡng mỗi chúng ta.

+ Định hướng tương lai cho con, làm chỗ dựa tinh thần, giúp con tự tin hơn khi bước vào đời.

**Câu 2:**

*( - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu đề bài; nhăc lại bố cục và cách làm bài nghị luận*

*-HS trả lời.*

*GV cho HS xấy dựng dàn bài theo bố cục.*

*Yêu cầu một só HS đọc theo từng phần, từng đoạn)*

- Xác định đúng kiểu bài: Văn nghị luận giải thích

- Xác định đúng đối tượng nghị luận: *tình yêu thương yêu, đùm bọc giúp đỡ nhau trong khó khăn hoạn nạn.*

- Đảm bảo bố cục ba phần. *Mở bài* giới thiệu vấn đề, *Thân bài* triển khai vấn đề, *Kết bài* khái quát vấn đề.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận, diễn đạt lưu loát, giàu sức thuyết phục.

a. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu vào vấn đề nghị luận.

b. Thân bài: - Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ:

+ Nghĩa đen: Câu tục ngữ cho thấy một hiện tượng bình thường, quen thuộc trong cuộc sống: Khi gói bánh, gói hàng, người ta thường đặt những lớp lá lành lặn ở ngoài để bao bọc lớp lá rách bên trong.

+ Nghĩa bóng: *Lá lành - lá rách* là hình ảnh tượng trưng cho những con người trong những hoàn cảnh khác nhau: yên ổn, thuận lợi - khó khăn, hoạn nạn. Bằng lối nói hình ảnh, ông bà xưa muốn khuyên chúng ta phải biết giúp đỡ, đùm bọc những người không may lâm vào cảnh khó khăn, cơ nhỡ.

- Tại sao *lá lành* phải *đùm lá rách*?

+ Vì đó là thể hiện quan hệ sống tốt đẹp, nghĩa tình, một vấn đề đạo lí.

+ Vì thờ ơ với đau đớn, bất hạnh của người khác là tần nhẫn, là vô cảm

+ Vì sự cảm thông, chia sẻ, giúp nhau trong hoạn nạn là cơ sở của tình đoàn kết, tình làng nghĩa xóm -> tình yêu nước.

- Thực hiện tinh thần *lá lành đùm lá rách* là như thế nào?

+ Giúp đỡ người hoạn nạn phải xuầt phát từ lòng cảm thông chân thành chứ không bằng thái độ ban ơn, bố thí. Ngược lại người được giúp đỡ cũng không nên ỷ lại mà phải chủ động vượt qua khó khăn.

+ Giúp đỡ nhau có thể bằng nhiều cách (vật chất hay tinh thần) và tuỳ theo hoàn cảnh của mình.

c. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề.

- Nêu ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân

**ĐỀ BÀI ( ĐỀ 3- Đề tư luyện)**

**I. ĐỌC HIỂU**

Đọc đoạn ca từ sau và thực hiện các yêu cầu:

*Dù năm tháng vô tình trôi mãi mãi,*

*có hay bao mùa lá rơi.*

*Thầy đã đến như muôn ngàn tia nắng,*

*sáng soi bước em trong cuộc đời.*

*Vẫn nhớ những khi trời mưa rơi*

*Vẫn chiếc áo xưa choàng đôi vai*

*Thầy vẫn đi, buồn vui lặng lẽ…*

Trích lời bài hát *Người thầy,* Nguyễn Nhất Huy, nhac.vn

a. Chỉ ra từ láy trong đoạn trích trên.

b. Xác định biện pháp tu từ trong câu: “*Thầy đã đến như muôn ngàn tia nắng, sáng soi bước em trong cuộc đời”.*

c. Dòng nào sau đây nêu đúng nhất ý nghĩa của cụm từ “*mùa lá rơi*” trong đoạn trích?

A. Chỉ thời điểm cuối mùa đông.

B. Chỉ dòng trôi vô tình của thời gian

C. Chỉ sự qua đi của mỗi năm học.

D. Chỉ sự tàn tạ của thiên nhiên mùa lá rụng.

d. Từ ngữ nào điệp lại nhiều nhất trong đoạn trích? Sự điệp lại ấy giúp em hiểu gì về hình tượng người thầy trong bài hát? (*Trả lời ngắn gọn, không phân tích*).

**II. LÀM VĂN:**

**Câu 1:**

Viết đoạn văn chứng minh thiện nhiên là người bạn tốt của con người.

**Câu 2:**

Tục ngữ có câu: *Uống nước nhớ nguồn.*

Bằng hiểu biết của mình, em hãy làm sáng tỏ ý nghĩa của câu tục ngữ trên .

**III. Củng cố - dặn dò**

* HS nắm chắc các kiến thức đã học.
* Vận dụng vào làm các bài tập để đạt hiệu quả cao
* Hoàn thiện đề bài số 3
* Về nhà tiếp tục ôn tập kiến thức đã học chuẩn bị thi kiểm định.

**BUỔI 38 ( Tiết 112, 113, 114)**

**Ngày soạn: …………….Ngày dạy: ……………..**

**ÔN TẬP TỔNG HỢP**

**I. Mục tiêu cần đạt :**

**1. Kiến thức**

- HS ôn tập kiến thức cơ bản về Tiếng Việt, ôn tập về văn nghị luận kiểu bài giải thích, chứng minh.

**2. Kỹ năng**

- Xác định yêu cầu của đề, định hướng đề, lập dàn ý, dựng đoạn và liên kết đoạn văn

- Rèn kĩ năng tìm ý, phân tích dẫn chứng.

**3. Thái độ, phẩm chất**

- Tích cực, sáng tạo, linh hoạt.

- Tích cực tìm hiểu thực tế để có dẫn chứng cho bài văn nghị luận

**4. Năng lực**

- Năng lực chung: tự quản bản thân, tự học, làm việc nhóm…

- Năng lực chuyên biệt: Đọc, hiểu, thưởng thức văn học và cảm thụ thẩm mĩ, tạo lập văn bản ...

**II. Tiến trình lên lớp**

**Tiết 112:**

1. ***Hệ thống lại kiến thức đã học (10-15 phút)***

**I. Phần Tập làm văn**

**-**GV hướng dẫn HS lập sơ đồ tư duy đơn giản hệ thống lại kiến thức về văn nghị luận, nghị luận chứng minh, giải thích.

-Hs thảo luận nhóm nhỏ, hệ thống, lập ra giấy khổ lớn, trình bày

- GV chốt kiến thức cơ bản cần nắm.

|  |
| --- |
| **VĂN NGHỊ LUẬN**  Là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc người nghe  một quan điểm một tư tưởng nào đó |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Lập luận** |
| Là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn | Là lý lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm | Là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm |
| - Luận điểm cần phải chính xác rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của vấn đề cần nghị luận  - Trong bài văn nghị luận luận điểm gồm một hệ thống: Luận điểm chính và luận điểm phụ  - Các luận điểm vừa phải liên kết chặt chẽ vừa có sự phân biệt với nhau, các luận điểm phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lý: luận điểm nêu trước chuẩn bị cho luận điểm nêu sau, luận điểm nêu sau dẫn đến luận điểm kết luận. | - Lí lẽ là những đạo lý lẽ phải đã được thừa nhận nêu ra là được đồng tình.  - Dẫn chứng là sự việc số liệu bằng chứng để xác nhận cho luận điểm. | Lập luận bao gồm:  1. Suy lý  2. Qui nạp  3. Diễn dịch  4. So sánh  5. Nhân – quả  6. Tổng phân, hợp |
| - Khi trình bày luận điểm trong bài văn nghị luận cần chú ý:  - Thể hiện rõ ràng, chính xác nội dung của luận điểm trong câu chủ đề. Trong đoạn văn trình bày luận điểm, câu chủ đề có thể đặt ở đầu hoặc cuối đoạn  - Tìm đủ các luận cứ cần thiết, tổ chức lập luận theo một trình tự hợp lý để làm nổi bật luận điểm.  - Diễn đạt trong sáng hấp dẫn để sự trình bày luận điểm có sức thuyết phục. | a. Lý lẽ  Đặt câu hỏi: Thế nào?  Như thế nào? Vì sao?  Đúng hay sai? Bằng cách nào?  b. Dẫn chứng:  Dẫn chứng lịch sử(xưa)  - Dẫn chứng thực tế (nay)  - Dẫn chứng thơ văn | Lưu ý: Khái niệm lập luận được gọi là luận chứng |

|  |  |
| --- | --- |
| **Chứng minh** | **Giải thích** |
| Chứng minh là một phép lập luận dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm cần được chứng minh là đáng tin cậy  Có 3 loại dẫn chứng:  1. Dẫn chứng lịch sử (xưa): Ví dụ: Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung...  2. Dẫn chứng thực tế (nay): Trần Phú, Võ Thị Sáu...  3. Dẫn chứng thơ văn:  Dân ta gan dạ anh hùng  Trẻ làm đuốc sống, gài xông lửa đồn. | Giải thích là làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng, đạo lý, phẩm chất quan hệ... cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cho con người...  - Người ta thường giải thích bằng cách:  - Nêu định nghĩa(Là gì?Thế nào?)  - Kể ra các biểu hiện (như thế nào?)  - So sánh đối chiếu với các hiện tượng khác(bằng cách nào?)  - Chỉ ra các mặt lợi hại (ra sao?)  - Nguyên nhân, hậu quả (Vì sao?)  Cách đề phòng hoặc noi theo(để làm gì?) |

|  |  |
| --- | --- |
| Lưu ý: Chứng minh sử dụng dẫn chứng nhiều hơn lí lẽ   1. Luận điểm 2. Luận cứ   - Lí lẽ  - Dẫn chứng 1  - Dẫn chứng 2  - Dẫn chứng 3 | Lưu ý: Giải thích sử dụng lí lẽ nhiều hơn dẫn chứng   1. Luận điểm 2. Luận cứ   - Lí lẽ 1  - Lí lẽ 2  - Lí lẽ 3  - Dẫn chứng |

|  |  |
| --- | --- |
| **DÀN BÀI** | |
| **Chứng minh** | **Giải thích** |
| **Mở bài**  Giới thiệu vấn đề.....  Hoàn cảnh......  Tục ngữ, ca dao, hoặc tác giả.... | **Mở bài**  Giới thiệu vấn đề.....  Hoàn cảnh......  Tục ngữ, ca dao, hoặc tác giả.... |
| **Thân bài**   1. Luận điểm 2. Luận cứ:   - Lí lẽ: Giải thích nghĩa của luận điểm(là gì?)- hoặc giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng của câu tục ngữ, ca dao(thế nào)  - Dẫn chứng 1(Trong lịch sử)  - Dẫn chứng 2(Trong thực tế ngày nay)  - Dẫn chứng 3(Trong thơ văn)  - .... | **Thân bài**   1. Luận điểm 2. Luận cứ:   - Lí lẽ 1: Giải thích nghĩa của luận điểm(là gì?)- hoặc giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng của câu tục ngữ, ca dao(thế nào)  - Lí lẽ 2: Vì sao?(tại sao)  - Lí lẽ 3: Cách đề phòng hoặc noi theo(Ta phải làm như thế nào?)  - Dẫn chứng (trong lịch sử, hoặc trong thực tế, thơ văn) |
| **Kết bài**  - Nêu nhận xét chung vấn đề  - Rút ra bài học.... | **Kết bài**  - Nêu nhận xét chung vấn đề  - Rút ra bài học.... |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV cho Hs nhắc lại kiến thức cơ bản: câu đặc biệt, câu rút gọn.  - GV nhấn mạnh: | **II. Phần Tiếng Việt**  ***1. Câu rút gọn***  ***\* Cách xác định câu rút gọn***  - Phải căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể  - Xác định thành phần của câu  - Tục ngữ, ca dao thường sử dụng câu rút gọn  ***\* Tác dụng***  - Làm cho câu gọn hơn, tránh lặp từ  - Ngụ ý hành động, đặc điểm được nói đến trong câu là của chung mọi người  ***2. Câu đặc biệt***  - Là loại câu có một trung tâm cú pháp khong phân định được chủ ngữ, vị ngữ, được dùng để giới thiệu vật, hiện tượng, tình thái và bộc lộ cảm xúc  ***\* Tác dụng***  - Liệt kê, thông báo sự tồn tại của sự vật, hiện tượng. Thường là nhiều câu đặc biệt nối tiếp nhau  - Xác định thời gian, nơi chốn  - Gọi đáp: thường có:  + Từ hô gọi:đại từ nhân xưng, tên riêng, tên chức…  + Từ tình thái: ạ, ơi, nhỉ, này, à, hỡi ơi…  - Bộc lộ cảm xúc: thường chứa các thán từ hoặc các từ đánh giá mang tính biểu cảm như; quá, lắm…  ***3. Phân biệt câu đặc biệt và câu rút gọn***  - Câu rút gọn có thể khôi phục lại CN-VN  - Câu đặc biệt không thể có CN-VN  **I. ý nghĩa và cấu tạo của câu đặc biệt**  ***1. Câu đặc biệt có cấu tạo là cụm danh từ hoặc danh từ***  VD:  - Bom tạ.  - Mèo!  - Chân đèo mã Phục.  - Nhà bà Hoà  - Toàn những gánh đạn.  ***\* ý nghĩa và tác dụng***  - Miêu tả, xác nhận sự tồn tại của sự vật hiện tượng, giúp cho người đọc, người nghe như được thấy chúng trước mắt  - Nêu hoàn cảnh không gian, thời gian, cảnh vật làm nền cho các sự kiện khác được nói đến trong VB  - Dùng làm biển đề tên các cơ quan, xí nghiệp, trường học, địa danh…  - Dùng làm lời gọi đáp  ***2. Câu đặc biệt có cấu tạo là động từ, tính từ hoặc cụm tính từ***  VD:  - Ngã!  - Cháy nhà!  - Còn tiền.  - Im lặng quá.  - Sổng mất một con gà.  ***\* ý nghĩa và tác dụng***  - Miêu tả, xác nhận sự tồn tại của sự vật hiện tượng một cách khái quát  - Thường gặp trong tục ngữ, ca dao, thơ…  - Thường dùng để viết khẩu hiẹu, thông báo… |

1. ***Luyện tập :***

- GV cho học sinh thực hiện hoạt động nhóm. GV chia lớp thành 4 nhóm. Nhóm 1- BT1, nhóm 2- BT2, nhóm 3- BT3, nhóm 4- TB4.

- Các nhóm làm bài, trình bày lên bảng -> nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV hướng dẫn kĩ năng làm bài, chốt kiến thức.

+ BT 1,2,3,4 là dạng bài tập nhận biết. Các em nhận biết được các kiến thức Tiếng Việt, ghi đáp án ngắn gọn ra giấy kiểm tra, gạch đầu dòng, với những câu như các bài tập này làm trong khoảng 10p.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:** Tìm những câu đặc biệt trong đoạn văn sau? Nêu tác dụng của nó.  a. Cây tre Việt Nam. Cây tre xanh nhũn nhặn, ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm.  b. Trời ơi! Cô giáo tái mặt và nước mắt giàn giụa.  c. Sớm. Chúng tôi hội tu ở góc sân. Toàn chuyện trẻ con. Râm ran.  d. Một tiếng gà gáy xa. Một ánh sao mai chưa tắt. Một chân trời đỏ ửng phía xa. Một chút ánh sáng hồng trên mặt ruộng lúa lên đòng. | **Đáp án:**  a. Cây tre Việt Nam-> Miêu tả, xác nhận sự tồn tại của sự vật  b. Trời ơi! -> Bộc lộ cảm xúc  c. Sớm. -> Xác định thời gian  Toàn chuyện trẻ con. Râm ran.-> Miêu tả xác nhận sự tồn tại của sự vật hiện tượng.  d. Một tiếng gà gáy xa. Một ánh sao mai chưa tắt. Một chân trời đỏ ửng phía xa. Một chút ánh sáng hồng trên mặt ruộng lúa lên đòng-> Miêu tả xác nhận sự tồn tại của sự vật hiện tượng. |
| **Bài tập 2:** Tìm câu rút gọn trong các câu sau:  a. Học thầy không tày học bạn.  b. - Lúc nào chúng ta được nghỉ Tết?  - Có lẽ hai tuần nữa.  c. - Hôm nay, ai trực nhật?  - Bạn Thanh. | **Đáp án:**  a. Học thầy không tày học bạn.  b. - Có lẽ hai tuần nữa.  c. - Bạn Thanh. |
| **Bài tập 3**: Cho đoạn văn sau :  *“ Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta . Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quôc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi , nó kết thành một lan sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm , khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.”*  (*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* – Hồ Chí Minh)  a. Những phép tu từ nào dược sử dụng trong đoạn văn ?  b.Gạch dưới cụm c-v làm định ngữ, cụm c-v làm bổ ngữ trong đoạn văn ?  c. Chỉ ra các động từ, tính từ biểu thị sức mạnh của lòng yêu nước trong đoạn văn ? | **Đáp án**  a/ Những phép tu từ dược sử dụng trong đoạn văn :   * So sánh, liệt kê * Điệp ngữ   b/ - Cụm c-v làm định ngữ :  *mỗi khi Tổ quôc bị xâm lăng*  dt cn vn  - Cụm c-v làm bổ ngữ :  *kết thành một làn sóng vô cùng* đt cn vn  *mạnh mẽ, to lớn.*    c/Các động từ, tính từ biểu thị sức mạnh của lòng yêu nước :  Động từ : *sôi nổi, kết thành, lướt, nhấn chìm.*  Tính từ : *nồng nàn, quý báu, mạnh mẽ, to lớn* |
| **Bài tập 4:** Phân biệt câu đặc biệt và câu rút gọn trong những trường hợp sau ( câu được gạch chân)  a) Vài hôm sau. Buổi chiều.Anh đi bộ dọc con đường từ bến xe tìm về phố thị.  b) Lớp sinh hoạt vào lúc nào?  - Buổi chiều  c) Bên ngoài.  Người đang đi và thời gian đang trôi.  ( Nguyễn Thị Thu Huệ)  d) Anh để xe trong sân hay ngoài sân?  - Bên ngoài.  e) Mưa. Nước xối xả đổ vào mái hiên.  (Nguyễn Thị Thu Huệ)  g) Nước gì đang xối xả vào mái hiên thế?  - Mưa | **Đáp án :**  a) Vài hôm sau. Buổi chiều.  **CĐB CĐB**  Anh đi bộ dọc con đường từ bến xe tìm về phố thị.  b) Lớp sinh hoạt vào lúc nào?  - ***Buổi chiều***.**(CRG)**  c) Bên ngoài.(CĐB)  Người đang đi và thời gian đang trôi.  ( Nguyễn Thị Thu Huệ)  d) Anh để xe trong sân hay ngoài sân?  - Bên ngoài( CRG)  e) **Mưa. ( CĐB)** Nước xối xả đổ vào mái hiên.  (Nguyễn Thị Thu Huệ)  g) Nước gì đang xối xả vào mái hiên thế?  - ***Mưa*** (CRG) |

***Tiết 113: Luyện tập :***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bài tập 1:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:  *“... Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng...”*  *(SGK Ngữ văn 7, Tập II, Trang 24, NXBGD)*  **Câu 1.** Em cho biết tên tác giả, tác phẩm và thể loại của tác phẩm có đoạn trích trên.  **Câu 2.** Xác định phép liệt kê sử dụng trong đoạn.  **Câu 3.** Cho biết nội dung của đoạn văn trên.  **Câu 4.** Theo em, để *“ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc”* thế hệ trẻ đã thể hiện thái độ và những hành động thiết thực nào?  - Gv hướng dẫn Hs: Phần đọc hiểu này làm trong khoảng 20 phút  + Câu 1,2 các em làm ngắn, gạch đầu dòng  + Câu 3 viết thành đoạn văn : Đoạn văn trích trong văn bản “ Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”. Đoạn văn đã chứng minh…  + Câu 4 là dạng liên hệ, các em có thể gạch đầu dòng, nêu rõ 2 ý: ý 1là thái độ, ý 2 là hành động thiết thực hằng ngày, không xa thực tế  - Hình thức cá nhân  - HS thực hiện bài tập ra giấy nháp  - GV gọi HS trình bày trên bảng, hs khác bổ sung  - GV chốt kiến thức. | **Đáp án**  1. *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*- Hồ Chí Minh  - Thể loại: Nghị luận  2.Phép liệt kê: *thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,..*  3. Nội dung:  + Đoạn văn chứng minh tinh thần yêu nước của dân ta trong lịch sử chống ngoại xâm …->Bày tỏ niềm tự hào…  + Nhắc nhở mọi người ghi nhớ công lao …  4. Thái độ: Tự hào về truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc; biết ơn công lao của các vị anh hùng dân tộc…  - Hành động thiết thực:  + Thắp hương nghĩa trang liệt sĩ; thăm các gia đình chính sách,…  + Ra sức học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân sau này đóng góp xây dựng quê hương… |
| **Bài tập 2**: Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:  *“Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán… Lời ca thong thả, trang trọng, trong sáng gợi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch*.”  1) Đoạn văn trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? Văn bản có đoạn trích trên thuộc thể loại nào?  2) Xác định và nêu tác dụng của phép liệt kê được sử dụng trong đoạn trích.  3) Theo em dấu chấm lửng (...) trong đoạn trích có tác dụng gì?  - GV hướng dẫn: Phần đọc hiểu này làm trong khoảng 20 phút  + Câu 1,2,3 chỉ nêu ngắn gọn. Câu 2 chỉ xác định phép liệt kê, nêu tác dụng chứ không phân tích dài, viết khoảng 5-6 dòng.  - Hình thức cá nhân  - HS thực hiện bài tập ra giấy nháp  - GV gọi HS trình bày trên bảng, hs khác bổ sung  - GV chốt kiến thức. | **Đáp án**  1.Tên văn bản: *Ca Huế trên sông Hương*  - Tác giả:Hà Ánh Minh  - Thể loại: bút kí  2. Phép liệt kê:  - *sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, tiếc thương ai oán*  *- thong thả, trang trọng, trong sáng*  *- tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch.*  - Tác dụng: diễn tả được sự phong phú của các thể điệu, các cung bậc tình cảm, cảm xúc của ca Huế.  3. Dấu chấm lửng (...) trong đoạn trích có tác dụng: tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng *(Hoặc: còn nhiều cung bậc cảm xúc, tình cảm của ca Huế)* tương tự chưa liệt kê hết. |
| **Bài tập 3**:  Hãy giải thích lời dạy sau đây của Bác Hồ: “*Học tập tốt, lao động tốt.*  Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ *"Có công mài sắt có ngày nên kim"*.  - Gv hướng dẫn Hs làm bài  + Thời gian làm phần TLV này khoảng 55-65 phút  **+** Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận giải thích  **+** Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng giải thích rõ vấn đề; phần kết bài khái quát được vấn đề và liên hệ được bản thân  **+** Học sinh có thể sắp xếp các luận điểm theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo những yêu cầu sau:  - Hình thức nhóm: 6 hs một nhóm, thảo luận, nhóm nào xong trước giành quyền trả lời  - Đại diện nhóm trình bày lên bảng phụ, nhóm khác bổ sung  - GV chốt kiến thức | ***\* Gợi ý:***  ***A. MB:*** Nêu vấn đề giải thích  ***B. TB***: Đảm bảo được các ý:  LĐ1: Trước hết chúng ta cần phải hiểu thế nào là: Học tập tốt, lao động tốt”  - Biết giải thích từng vế của lời khuyên:  + Thế nào là học tập tốt?  Là học tập đạt được hiệu quả biểu hiện ở chỗ xác định cho mình động cơ, mục đích, học tập đúng đắn. Học không ngừng, học mọi nơi, mọi lúc, học những điều hay, lẽ phải để có nhiều kiến thức.  + Thế nào là lao động tốt?  Lao động đạt hiệu quả chất lượng, rèn luyện thân thể để làm người lao động khi ra trường, lao động một cách có ý thức, tự nguyện, tự giác, lao động có kỉ luật, kĩ thuật và có năng suất cao.  => Lời dạy của Bác thật bổ ích, hướng mọi người tới việc học và làm có hiệu quả cao, chất lượng  \* LĐ2: Vậy vì sao phải học tập tốt, lao động tốt?  - Là quyền lợi và nghĩa vụ của người học sinh. Mỗi học sinh có quyền được đến trường học tập và rèn luyện thân thể nhưng phải rèn luyện cho đúng, cho tốt. Học tập để có tri thức, lao động để rèn luyện sức khoẻ. Có nghị lực, niềm tin bước vào cuộc sống.  - Xã hội ngày càng phát triển, khoa học kĩ thuật ngày càng hiện đại đòi hỏi con người mới vau vùa có đức vùa phải có tài. và cần có sức khoẻ.  Dẫn chứng: Bác nói: “ Non sông…các cháu”  Hay: “ Muốn xây dựng con người CNXH phải có con người XHCN”  Vì vậy chúng ta phải không ngừng học tập, rèn luyện thân thể để có tri thức và sức khoẻ từ đó biết vận dụng mà cải tạo, xây dựng cuộc sống cho bản thân và góp phần vào công cuộc xây dựng nhà nước  - Nêu XH chỉ có nhân tài mà không có sức khoẻ, XH ấy sẽ lụi tàn. Ngược lại nếu chỉ có sức khoẻ mà không có tri thức, XH ấy suy vong. Vậy đòi hỏi con người thời đại mới phải toàn diện về tri thức và sức lực  - Xứng đáng với danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ -> Không phụ lòng mong mỏi của Bác của cha mẹ và thầy cô. Khẳng định vị trí của mình trong xã hội.  Dẫn chứng: Noi gương Nguyễn Ngọc Kí  \* LĐ3: Muốn học tập tốt, lao động tốt ta phải làm gì?  - Thái độ họpc tập đúng đắn, phương pháp khoa học  - Cần cù, vượt khó khăn, kiên trì, chủ động vươn lên  - Trong lớp nghe thầy co giảng bài, học ở thầy, bạn bè, sách vở, biết áp dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống  - Chịu khó, chịu khổ, làm việc phù hợp với lứa tuổi, sẵn sàng đương đầu với công việc khó khăn, biết làm chủ công việc, lamg việc có kỉ luật  - Tham gia lao đông thường xuyên, tập thể, không ỷ lại công việc  c. Kết bài: Khẳng địnddeeh lại vấn đề  - Lời giáo huấn của Bác thật có ý nghĩa sâu sắc  - Bài học của bản thân. |

**Tiết 114:**

***Luyện tập :***

**ĐỀ 1 ( Thời gian làm bài 90p)**

**Phần I: Đọc- hiểu (5điểm)**

**Câu 1. (4 điểm):** **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.*

*( Ngữ văn 7,* tập 2- NXN Giáo dục Việt Nam, 2013*)*

a,(0,5) Đoạn trích trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b,(0,5) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

c,(0,5) “Từ xưa đến nay” thuộc trạng ngữ gì?

d, (1)Nêu nghệ thuật và nội dung đoạn trích.

e,(1,5) Từ đoạn trích phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 7-10 dòng) câu để nói về tinh thần yêu nước trong dịch covid 19

**Phần II: Tập làm văn (6 điểm)**

Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ *"Có công mài sắt có ngày nên kim"*.

**Gv hướng dẫn kĩ năng làm bài và đáp án**

**Phần I.**

- Các em làm trong khoảng thời gian 25 phút.

- a.b,c các em nêu ngắn gọn, gạch đầu dòng

-d. Nêu nghệ thuật, nội dung, các em không nên gạch đầu dòng mà trình bày thành đoạn văn. **VD:** *Thành công của đoạn văn trên có được là do tác giả đã sử dụng nghệ thuật..... Qua đó, đoạn văn khẳng định...*

-e. Yêu cầu viết đoạn văn nghị luận, có liên hệ thực tế tình hình hiện nay. Do đó phải dùng dẫn chứng xác thực, tiêu biểu... Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng

- HS làm việc cá nhân.

|  |
| --- |
| a, Đoạn trích trên trích trong văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” của Hồ Chí Minh |
| b, Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận |
| c, “Từ xưa đến nay” là trạng ngữ chỉ thời gian |
| d, Nghệ thuật so sánh: “tinh thần yêu nước” với “làn sóng vô cùng mạnh mẽ”  +Sử dụng động từ mạnh : “kết”, “lướt”, “nhấn ”, tính từ “ sôi nổi”, “to lớn”, “mạnh mẽ”  + Điệp ngữ “ nó”  + Lời văn dồn dập, hùng hồn  -Nội dung: Khẳng định sức mạnh tinh thần yêu nước của dân tộc ta khi có giặc xâm chiếm. |
| e, Có thể viết đoạn theo những ý sau:  + Lòng yêu nước là tình yêu, sự trân trọng, tự hào và sẵn sàng hi sinh, xây dựng cho quê hương, đất nước. Đây là tình cảm thiêng liêng, cao đẹp, luôn thường trực ở mỗi con người.  + Trong lịch sử, bởi có lòng yêu nước, nhân dân ta đã anh dũng chống lại kẻ thù xâm lược để bảo vệ nền độc lập tự do, đó là các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ ... với bao tấm gương anh hùng, dũng cảm.  + Trong thời bình, khi dịch covid 19 bất ngờ xảy ra lòng yêu nước của nhân dâm ta được thể hiện rõ nét hơn bằng những hành động thiết thực: người dân nghiêm túc thực hiện biện pháp phòng chống covid; các bác sĩ những thiên thần áo trắng quên mình chống dịch và chữa bệnh cho bệnh nhân covid 19, bộ đội đã làm ngày đêm; sự quên góp ủng hộ tiền của nhiều tấm lòng hảo tâm trên toàn đất nước.., cây ATM “gạo” phát gạo miễn phí, đồng lòng chung tay đẩy lùi dịch bệnh  + Liên hệ: Thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay cần phát huy truyền thống yêu nước bằng những hành động, việc làm cụ thể, đó là nghiêm túc thực hiện tốt nội quy của trường lớp; nỗ lực học tập, rèn luyện để trở thành những người đủ sức, đủ tài để xây dựng, bảo vệ đất nước,...  - HS đúng mỗi ý được 0,25 đ  -Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. |

**Phần II: Tập làm văn (6 điểm)**

Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ *"Có công mài sắt có ngày nên kim"*.

- Gv hướng dẫn Hs làm bài

+ Thời gian làm phần TLV này khoảng 65 phút vì yêu cầu của câu là 6 điểm

**+** Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận chứng minh.

**+** Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân.

+ Xác định đúng vấn đề nghị luận:

**+** Học sinh có thể sắp xếp các luận điểm theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- HS làm việc cá nhân, lập dàn ý

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu ngắn gọn câu tục ngữ “Có công mài sắt có ngày nên kim”.

- Khẳng định câu tục ngữ đã khuyên răn chúng ta cần phải có lòng kiên trì, nhẫn nại trong cuộc sống.

**b. Thân bài:**

**\* Giải thích câu tục ngữ:**

+ “Sắt” là một kim loại rắn, thô cứng; “kim” là vật dụng nhỏ bé, hữu ích dùng trong may vá. Như vậy câu tục ngữ cho thấy thực tế để mài thanh sắt thô cứng ta phải mất nhiều công sức, kiên trì, nỗ lực không ngừng này sang ngày khác để thanh sắt trở thành một cây kim bé nhỏ.

+ Với hình ảnh ẩn dụ đặc sắc: “sắt” tượng trưng cho khó khăn, gian lao, thử thách; “kim” tượng trưng cho sự thành công khi ta đã vượt qua gian khó khăn để đạt được.

=> Câu tục ngữ đã khuyên chúng ta phải biết kiên trì, nỗ lực, nhẫn nại vượt qua gian khó thì làm công việc gì cũng đạt hiệu quả.

**\*Lí lẽ, dẫn chứng?**

+ Cuộc đời có nhiều khó khăn, vất vả, gian khổ, không bằng phẳng, trải đầy hoa hồng vì thế cần có lòng kiên trì, nỗ lực.

+ Lòng kiên trì, ý chí có vai trò rất quan trọng, nó quyết định sự thành bại của mỗi con người. Nó giúp con người có nghị lực để vươn lên, có bản lĩnh sống, thích nghi được với mọi hoàn cảnh.

+ Lòng kiên trì, ý chí không chỉ làm cho một cá nhân phát triển, thành công mà còn làm cho đất nước phát triển tốt đẹp.

=> Câu tục ngữ là một bài học quý giá, nó cho ta thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm để hoàn thành công việc.

**\* Dẫn chứng:**

- Mạc Đĩnh Chi với ngọn đèn đom đóm vươt qua khó khăn về hoàn cảnh nghèo khó.

- Cao Bá Quát: tấm gương luyện chữ

- Ê-đi-sơn: vượt qua thất bại khoảng 1000 thí nghiệm mới chế tạo thành công dây tóc bóng đèn...

- Nick Vujicic, Nguyễn Ngọc Kí: tấm gương nghị lực vươn lên số phận tàn tật...

**\*Liên hệ, mở rộng:**

+ Liên hệ bản thân: không ngại khó ngại khổ, không thấy sóng cả mà ngã tay chèo. Trước thử thách không được nản lòng, luôn có tinh thần học hỏi, nỗ lực vươn lên dù ở bất cứ hoàn cảnh nào.

+ Mở rộng: Phê phán những hành động nhụt chí, hèn nhát, không có sự cố gắng vươn lên trong cuộc sống.

**c. Kết bài:**

-Khẳng định lòng kiên trì và nghị lực là đức tính quan trọng của con người.

**ĐỀ 2 ( Thời gian làm bài 90p)**

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện các yêu càu bên dưới:

*"Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công cuộc yêu nước, công việc kháng chiến*"

**Câu 1 (1điểm)**

Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? Và được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

**Câu 2 (1điểm)**

Xác định các câu rút gọn có trong đoạn trích và cho biết rút gọn thành phần nào?

**Câu 3 (1điểm)**

Tìm cụm chủ - vị dùng để mở rộng câu và phân tích cụ thể mở rộng thành phần gì trong câu sau?

"*Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày*"

**II. TẬP LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (2điểm)**

“ Yêu nước là tình cảm vô cùng cao đẹp của con người Việt Nam ở mọi thời đại”. Em hãy viết một đoạn văn ngắn nói lên suy nghĩ của em về trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với quê hương đất nước.

**Câu 2 (5điểm)**Chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ:

*“ Một cây làm chẳng nên non*

*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao ”*

**Gv hướng dẫn kĩ năng làm bài và đáp án**

- Gv hướng dẫn: Câu 1Các em ghi ra giấy kiểm tra, gạch đầu dòng tên văn bản đặt trong dầu ngoặc kép. Câu 2 viết câu rút gọn ra giấy kiểm tra, mỗi câu rút gọn viết một dòng, gạch đầu dòng.

+ Câu 3 các em phải viết lại câu ra giấy thi. Đầu tiên xác định chủ ngữ, vị ngữ nòng cốt trước, xem ở CN, hoặc VN có chứa cụm v-v không, xác định cụm c-v dùng để mở rộng thành phần, chỉ ra nó mở rộng thành phần gì

+ Câu đọc hiểu này làm trong khoảng 20 phút

- HS làm việc cá nhân.

**Câu 1**

- Nêuvăn bản: “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.”,

- Nêu đúng tác giả: Hồ Chí Minh

- Xác định đúng phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2**: Xác định đúng ba câu rút gọn.

+ Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy.

+ Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.

+ Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công cuộc yêu nước, công việc kháng chiến.

-Xác định đúng thành phần được rút gọn trong 3 câu là: Chủ ngữ

**Câu 3**: - Xác định được cụm C - V làm nòng cốt chính trong câu

Phân tíchcụm chủ vị mở rộng thành phần câu:

Bổn phận của chúng ta//là làm cho những của quý kín đáo ấy/đều được đưa ra trưng bày. ĐT C V

**CN VN**

=> Mở rộng phần phụ sau cụm động từ ( phụ ngữ cụm động từ)

**II. TẬP LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (2điểm)**

- Thời gian các em viết câu này khoảng 15p

**\*Yêu cầu về hình thức**

- Viết một đoạn văn: Nghị luận

- Nội dung: bày tỏ suy nghĩ của mình về vai trò, trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay đối với đát nước

- Bài viết đúng yêu cầu kiến thức đoạn văn, diễn đạt lưu loát, lời văn giàu cảm xúc, câu văn đúng ngữ pháp, không mắc lỗi chính tả.

**\*Yêu cầu về nội dung**

Bài viết có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Ý 1 | - Dẫn dắt vào bài: Đi từ chủ đề yêu nước...là truyền thống quý báu ngàn đời của ông cha ta-> vào nội dung cần viết |
| Ý 2 | - Nghĩa vụ của của thế hệ trẻ ngày nay: Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp đó.  - Noi gương thế hệ cha anh đã hi sinh máu xương vì nền độc lập của dân tộc |
| Ý3 | - Trách nhiệm thế hệ trẻ phải tích cực học tập trau dồi kiến thức, bồi đắp tình cảm đối với quê hương.  - Góp phần nhỏ bé của mình vào việc xây dựng quê hương giàu đẹp khi trưởng thành.  - Tham gia tích cực vào phong trào đền ơn đáp nghĩa .  - Cảm nghĩ của em |

**Câu 2 (5điểm)**Chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ:

*“ Một cây làm chẳng nên non*

*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao ”*

|  |
| --- |
| **- Các em làm câu này khoảng 55 phút.**  **1. Yêu cầu về hình thức**  - Kiểu bài: Văn Nghị luận  - Yêu cầu: Suy nghĩ về nội dung câu tục ngữ ( Vai trò tinh thần đoàn kết)  - Bài viết phải có bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, lời văn giàu cảm xúc, câu văn đúng ngữ pháp, không mắc lỗi chính tả.  **2. Yêu cầu về nội dung**  Bài viết có thể làm bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau: |
| **A. Mở bài:**  - Dẫn dắt vào đề: Trải qua mấy ngàn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, bài học quý báu của ông cha ta  - Trích dẫn câu tục ngữ |
| **B. Thân bài:**  \* Giải thích:  - Câu tục ngữ đã sử dụng hình ảnh hoán dụ, lấy cái cụ thể gọi cái trừu tượng. Một cây chỉ số ít, chỉ sự đơn lẻ, tách rời. Còn ba cây chỉ số nhiều chỉ sự đoàn kết tương trợ  - Hình ảnh ẩn dụ “ Hòn núi cao” chỉ sự thành công hoặc những thành quả tốt đẹp gặt hái được.  - Ý nghĩa cả câu: Khẳng định đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp.  \* Phân tich và chứng minh  *\* Vì sao cần phải có tinh thần đoàn kết:0,5đ*  - Là truyền thống tốt đẹp dân tộc ta cần được giữ gìn và phát huy  - Đoàn kết hợp sức mọi người sẽ đảy lùi mọi khó khăn  - Đoàn kết tạo tình thân ái, yêu thương tạo một xã hội nhân văn  \* Dẫn chứng: (Đưa dẫn chứng phân tích dẫn chứng): 1,5đ  + Câu chuyện bó đũa  + Những cuộc kháng chiến trường kì dân tộc chiến thắng kẻ thù hùng mạnh chính là tinh thần đoàn kết  + Đoàn kết trong tập thể lớp….  \* Bàn luận mở rộng vấn đề:  - Phê phán lối sống ích kỉ…..  - Bài học giải pháp  + Đoàn kết truyến thống tốt đẹp từ ngàn đời xưa  + Phát huy cao độ tinh thần đoàn kểt  + Phân biệt tinh thần đoàn kết với kết bè kết đảng để làm điều xấu, hoặc dựa dẫm vào tập thể. |
| **C. Kết bài:**  - Khẳng định đạo lý câu tục ngữ trên  - Lên hệ bản thân |

**III. Củng cố - Dặn dò**

* Ôn tập câu đặc biệt, câu rút gọn…. các kiến thức Tiếng Việt
* Ôn tập cách làm bài văn nghị luận giải thích, nghị luận chứng minh

**Bài tập 1:** Viết đoạn văn *(khoảng 5 đến 7 câu)* phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích sau:

*“… Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ gìn, kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật là thảm…”*

*(Sống chết mặc bay, Phạm Duy Tốn, SGK Ngữ văn 7, Tập II, NXBGD)*

- Gv hướng dẫn cách làm:

**\*Bước 1:** Nêu được xuất xứ đoạn thơ, (Trích VB nào? ) và nội dung khái quát của đoạn thơ đó.

**\* Bước 2:** Gọi tên đúng biện pháp tu từ và chỉ rõ được biện pháp tu từ đó

**\* Bước 3**: Chỉ rõ được tác dụng của biện pháp tu từ mà t/g sử dụng

**\* Bước 4**: Nêu cảm nghĩ sâu sắc về đoạn thơ đó

**Đáp án**

Biện pháp: Điệp ngữ, liệt kê: “*kẻ thì thuổng, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ… người nào người nấy…”*

- Biện pháp: so sánh “*người nào người nấy lướt thướt như chuột lột…”*

-> Kể và miêu tả sinh động cảnh dân phu đang cực nhọc, vất vả khi hộ đê…

-> Bày tỏ niềm cảm thương, lo lắng của tác giả trước tình cảnh khốn khổ của nhân dân.

-> Đoạn trích giàu giá trị hiện thực và nhân đạo…

**Bài tập 2:** Chứng minh nhân dân ta luôn sống theo đạo lí*: “ Lá lành đùm lá rách”, đặc biệt là trong tình hình dịch covid 19 tại nước ta hiện nay!*

|  |
| --- |
| **\* Yêu cầu về hình thức:**  - Làm đúng kiểu bài: Lập luận chứng minh  - Bài văn hoàn chỉnh, bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.  - Biết vận dụng các kĩ năng làm bài văn lập luận chứng minh.  - Diễn đạt lưu loát, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. Trình bày sạch sẽ, rõ ràng |
| **\* Yêu cầu về nội dung:**  - HS có thể viết theo nhiều cách khác nhau song phải đảm bảo các nội dung chính sau:  **a. Mở bài:**  - Tương thân, tương ái là một tình cảm đặc biệt và nổi bật trong đạo lí truyền thống của dân tộc ta. Đó là bài học về đạo lí làm người thể hiện rõ nét nốì quan hệ tình cảm đậm đà trong xã hội ta ngày nay. Tình yêu thương, sự giúp đỡ lại được thể hiện mãnh liệt trong dịch covid 19 ở nước ta hiện nay.  - Giới thiệu trích dẫn câu tục ngữ: “Lá lành đùm lá rách.”  **b. Thân bài:**  **\* Giải thích câu tục ngữ:**  -Nghĩa đen: “Lá lành” là những chiếc lá còn nguyên vẹn, tươi tốt; “lá rách” là những chiếc lá bị sâu, không còn nguyên vẹn như ban đầu. Dựa vào thực tế việc gói bánh, muốn chiếc bánh đẹp thì gói lá rách ở bên trong, lá lành bao bọc bên ngoài.  - Nghĩa bóng: “Lá lành” tượng trưng cho những người có cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc; “lá rách” tượng trưng cho những người nghèo khổ, thiếu thốn, bất hạnh, không may mắn trong cuộc sống. Câu tục ngữ muốn khuyên răn chúng ta tinh thần tương thân tương ái, cần phải biết giúp đỡ, tương trợ, chia sẻ với những người không may mắn, khó khăn, nghèo khó trong xã hội.  **\* Lí lẽ, dẫn chứng:**  **- Lí lẽ:**  - Lòng tương thân tương ái, giúp đỡ, sẻ chia là truyền thống quý báu của ông cha ta từ xưa đến nay. Điều này cũng được thể hiện qua những câu ca dao, tục ngữ:  *“Thương người như thể thương thân”*  *“Bầu ơi thương lấy bí cùng*  *Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*  - Cuộc sống của con người luôn có nhiều biến cố và thăng trầm, nay ta no đủ, mai ta thiếu thốn, bệnh tật, dịch bệnh khó lường trước và còn rất nhiều thử thách, khó khăn không thể lường trước. Chính vì thế cần chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn vì biết đâu ta sẽ có lúc cần sự giúp đỡ như vậy.  - Giúp đỡ, tạo điều kiện cho người khác sống tốt đẹp hơn thì ta sẽ nhận lại được tình thương yêu, quý mến mà mọi người dành cho mình, làm cho tâm hồn ta thanh thản, hoàn thiện nhân cách của bản thân; làm cho mối quan hệ xã hội trở nên gắn bó, khăng khít giữa con người với con người hơn.  **- Dẫn chứng:**  - Trong cộng đồng, còn nhiều người bất hạnh như người tàn tật, nạn nhân của thiên tai bão lũ, nạn nhân của chất độc da cam,… Có rất nhiều người, nhiều phong trào chia sẻ những nỗi đau đó như: ngày vì người nghèo; các chương trình: *“trái tim cho em”, “vì bạn xứng đáng”, “việc tử tế”, “lục lạc vàng”....*  - Sống giữa đại dịch Covid 19 đang hoành hành thì lòng yêu thương con người “tương thân tương ái” của nhân dâm ta được thể hiện rõ nét hơn bằng những hành động thiết thực: bác sĩ những thiên thần áo trắng quên mình chống dịch và chữa bệnh cho bệnh nhân covid 19 (Vũ Thị Thu Hương), bộ đội đã làm việc quên mình; sự quên góp ủng hộ của nhiều tấm lòng hảo tâm, cây ATM “gạo” phát gạo miễn phí….  **\*Liên hệ, mở rộng:**  - Bản thân học sinh sẽ yêu thương, chia sẻ khó khăn cùng những người trong gia đình, trong lớp học, trong xã hội như xây dựng quỹ tình thương, tham gia các hoạt động từ thiện…  - Lên án hành động vô cảm trước những mảnh đời bất hạnh.  **c. Kết bài:**  - Khẳng định giá trị của câu tục ngữ: Là lời khuyên đúng đắn để răn dạy bài học đạo đức cho con người, trải qua năm tháng vẫn còn nguyên giá trị.  **Ngày soạn:**  **Ngày dạy:**  **Buổi 39-TIẾT 115-116-117**  **ÔN TẬP TỔNG HỢP**  **I. Mục tiêu cần đạt :**  1. Kiến thức  - Đánh giá việc nắm kiến thức cơ bản của học sinh trong năm học về cả 3 phần Văn - Tiếng Việt- Tập Làm Văn.  - HS vận dụng kiến thức đã học trong chương trình kì I và học kì II vào làm bài. ( Chủ yếu ôn tập ở chương trình học kì II).  2. Kỹ năng  - Rèn kĩ năng làm bài tập tự luận; trả lời câu hỏi; giải quyết các tình huống.  3. Thái độ, phẩm chất  - Bồi dưỡng ý thức học bộ môn cho HS nghiêm túc.  4. Năng lực  ***-*** Năng lực giải quyết vấn đề; sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ.  **B. CHUẨN BỊ**  GV: Hướng dẫn HS nội dung ôn tập.  HS: Ôn tập chương trình Ngữ Văn kì 1 và kì 2 ( chủ yếu bám sát nội dung chương trình Học kì 2).  **II. Tiến trình lên lớp**  **Tiết 1:**  ***A. Hệ thống lại kiến thức đã học***   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | | - GV: Em hãy tự hệ thống lại các tác phẩm trữ tình đã học trong chương trình học kì II, khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của mỗi tác phẩm.  HS: suy nghĩ làm bài.  GV: gọi HS trình bày miệng giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.  HS khác: nhận xét, bổ sung | **I. Hệ thống các** **tác phẩm văn xuôi** **đã học.**  1. *Cæng tr­êng më ra*  2. *Mẹ tôi*  3. Cuộc chia tay của những con búp bê.  4. Sống chết mặc bay  5. Một thứ quà của lúa non – Cốm  6. Sài Gòn tôi yêu  7. Mùa xuân của tôi  8. Ca Huế trên sông Hương. | | - GV: Em hãy nhắc lại các kiến thức Tiếng Việt đã được học trong chương trình Học kì II.  HS: suy nghĩ trả lời.  HS khác: nhận xét, bổ sung | **II. Kiến thức cơ bản phần Tiếng Việt**  - Các kiểu câu đã học:  + Câu nghi vấn  + Câu cầu khiến  + Câu trần thuật  + Câu phủ định  + Câu khẳng định.  + Câu cảm thán.  + Câu bình thường.  + Câu đặc biệt. | | GV: Em hãy nhắc lại các dạng bài tập làm văn trong chương trình Ngữ Văn 7 kì II.  HS: suy nghĩ trả lời.  HS khác: nhận xét, bổ sung | **III. Các dạng bài Tập làm văn cơ bản**  **-** Dạng bài Tập làm văn cơ bản:  + Văn nghị luận. |   **Tiết 2:**  ***B. Luyện tập :***   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | | - Hình thức tổ chức luyện tập: HS làm việc cá nhân  - HS thực hiện.  **Câu 1**  **Cho đoạn văn sau :**  *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.*  a, Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Của ai? Văn bản được viết trong thời kì nào? Tìm luận điểm của đoạn văn?  b, Tìm trạng ngữ có trong đoạn văn trên và cho biết ý nghĩa của trạng ngữ đó?  c, Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng hình ảnh nào để so sánh với tinh thần yêu nước của nhân dân ta? Theo em, việc sử dụng hình ảnh đó có tác dụng gì?  **Câu 2**  Cho câu tục ngữ : *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*  a, Hãy chỉ rõ nghĩa đen, nghĩa bóng của câu tục ngữ trên?  b, Câu tục ngữ trên là câu rút gọn hay câu đặc biệt? Vì sao? Nêu tác dụng của việc sử dụng kiểu câu đó?  c, Tìm 2 câu tục ngữ đồng nghĩa và hai câu tục ngữ trái nghĩa với câu trên?  - HS làm việc theo nhóm. GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tự cử nhóm trưởng của nhóm mình và thảo luận trong thời gian 3 phút.  - HS thảo luận nhóm các ý cần triển khai trong đoạn văn.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Câu 3**  **Viết đoạn văn nghị luận chứng minh nhận định sau: *Sách là người bạn tốt của con người*?**  - HS làm việc cá nhân, hoàn thiện đoạn văn vào vở. | **Câu 1:**  a, Đoạn văn trên được trích trong văn bản ***Tinh thần yêu nước cuả nhân dân ta*** của Hồ Chí Minh.  - Văn bản được viết trong thời kì kháng chiến chống Pháp  - Luận điểm của đoạn văn trên : *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta.*  b, Trạng ngữ có trong đoạn văn trên:  *- Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng* – TN chỉ thời gian  c, Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng hình ảnh ***làn sóng*** để so sánh với tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  - Tác dụng : Khẳng định sức mạnh to lớn của tinh thần yêu nước  ***Câu 2 : :***  a, HS chỉ rõ :  - Nghĩa đen : ăn quả phải nhớ công ơn của người trồng cây.  - Nghĩa bóng : Hưởng thụ phải nhớ ơn những người tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ  b, - Câu tục ngữ trên là câu rút gọn.  - Vì : Thành phần chủ ngữ được lược bỏ, có thể khôi phục được**.**  - Tác dụng : Làm cho câu ngắn gọn, súc tích, dễ nhớ, dễ thuộc, ám chỉ bài học dành cho tất cả mọi người**.**  c, - Các câu tục ngữ đồng nghĩa : *Uống nước nhớ nguồn, Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng****.***  - Các câu trái nghĩa : *Ăn cháo đá bát, Qua cầu rút ván****.***  ***Câu 3 :***  \* Về hình thức :  - Viết đúng kiểu bài bài nghị luận, hình thức đoạn văn, có luận điểm, luận cứ, lập luận rõ ràng, mạch lạc.  \* Về nội dung : Làm rõ luận điểm : ***Sách là người bạn tốt của con người*** Cần đảm bảo những ý sau:  - Sách cung cấp cho con người vốn tri thức phong phú, sâu rộng về mọi lĩnh vực, ngành nghề trong cuộc sống  - Sách bồi đắp tâm hồn cho con người, giúp chúng ta biết phải trái đúng sai và vươn đến những điều tốt đẹp***.***  - Sách còn cho chúng ta những phút giây thư giãn, giải trí vui tươi, bổ ích |   **Tiết 3:**  ***Luyện tập ( tiếp)***   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** | | **Câu 4: Giải thích câu tục ngữ: *“Thất bại là mẹ thành công”.***  - Hình thức tổ chức luyện tập: Kết hợp làm việc nhóm và làm việc các nhân.  - HS làm việc theo nhóm : GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tự cử nhóm trưởng của nhóm mình và thảo luận trong thời gian 5 phút.  - HS thảo luận nhóm các ý cần triển khai như sau :  Nhóm 1: LĐ 1: Câu tục ngữ có ý nghĩa như thế nào?  Nhóm 2: LĐ 2: Tại sao thất bại lại là cơ sở đưa đến thành công của con người?  Nhóm 3: LĐ 3: Vậy chúng ta phải làm gì để biến thất bại thành những thành công trong cuộc sống ?  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Sau khi các nhóm hoàn thiện các ý của đề bài yêu cầu thì mỗi HS trong lớp tự viết đoạn văn biểu cảm theo từng đoạn đã tìm hiểu vào vở, làm việc độc lập.  **GV lưu ý cho HS:**  - Về hình thức :  + Viết đúng kiểu bài biểu cảm về tác phẩm văn học bài văn đủ bố cụ 3 phần, đảm bảo những nội dung cơ bản.  + Văn viết mạch lạc, chân thành, giàu cảm xúc. | **MB** : Giới thiệu vấn đề, giới thiệu câu tục ngữ.  **TB** : Giải thích câu tục ngữ :  \* LĐ 1: Câu tục ngữ có ý nghĩa như thế nào?  - Thất bại : không đạt được mục đích đề ra  - Thành công : Đạt được mục đích như ta mong muốn.  - Mẹ : Cơ sở hình thành, dẫn đến thành công  => Câu tục ngữ có nghĩa là : Thất bại là cơ sở để tạo nên thành công trong cuộc đời mỗi con người. Câu tục ngữ ẩn chứa lời khuyên : Con người phải biết đứng dậy sau những vấp ngã để đi đến thành công.  \* LĐ 2: Tại sao thất bại lại là cơ sở đưa đến thành công của con người?  - Trong cuộc đời mỗi con người, thất bại vốn là điều tất yếu, không có ai chưa từng gặp thất bại trong cuộc sống, vậy nên chúng ta phải học cách vượt qua nó.(Dẫn chứng…)  - Thất bại giúp chúng ta tích lũy những bài học kinh nghiệm để thành công trong cuộc sống. Mỗi lần thất bại là một lần con người trưởng thành hơn ( Ai chiến thắng mà không hề chiến bại, Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần…,DC…)  - Thất bại giúp ta tôi luyện bản lĩnh, ý chí, nghị lực, quyết tâm để đi đến thành công (DC…)  \* LĐ 3: Vậy chúng ta phải làm gì để biến thất bại thành những thành công trong cuộc sống ?  - Sống bản lĩnh, lạc quan, vững vàng vượt qua những khó khăn, chông gai, thất bại, không nản chí, đầu hàng trước những sóng gió cuộc đời.  - Chủ động học hỏi từ cả những thất bại và thành công của mọi người , tích lũy kinh nghiệm để tránh những thất bại không đáng có.  **KB** :  -Khẳng định lại ý nghĩa của câu tục ngữ.  - Liên hệ bản thân : Rèn luyện ý chí, nghị lực từ những điều nhỏ nhất, biết đứng lên sau những vấp ngã để vững vàng trên con đường đời. |   **III. Củng cố - Dặn dò**  - HS nhắc lại đơn vị kiến thức phần Tiếng việt trong Học kì II.  - Bài tập về nhà:  + Nắm chắc toàn bộ giá trị nội dung và nghệ thuật của hệ thống các văn bản đã học trong chương trình.  + HS làm bài tập về nhà sau:  **Bài 1: Xác định cụm chủ vị mở rộng thành phần trong những câu sau đây và cho biết thành phần được mở rộng là thành phần gì?**  *a, Chiếc bàn ấy chân bị gãy rồi.*  *b, Bạn Mai cư xử hòa nhã khiến bạn bè rất yêu quý.*  **Bài 2:** **Biến đổi mỗi câu chủ động sau đây thành câu bị động theo hai cách đã học:**  *a, Người ta xây một tượng đài ở giữa thị trấn.*  *b, Hoa đã làm xong bài tập.*  ***Đáp án:***  **Bài 1.**  Xác định cụm chủ vị mở rộng thành phần :  a, Cụm chủ vị : ***chân bị gãy rồi*** – Làm thành phần vị ngữ  b, Cụm chủ vị : ***bạn bè rất yêu quý***.- làm phụ ngữ trong cụm động từ  **Bài 2.**  C1 : Tượng đài được người ta xây giữa thị trấn.  C2 : Tượng đài xây giữa thị trấn.  b, Hoa đã làm xong bài tập.  C1 : Bài tập đã được Hoa làm xong.  C2 : Bài tập đã làm xong.  **Buổi 40**  **TIẾT 118-119-120**  **ÔN TẬP TỔNG HỢP**  **I. Mục tiêu cần đạt :**  ***1. Kiến thức***  Học sinh huy động những kiến thức cơ bản trong năm học về cả ba phân môn: Văn, Tiếng Việt, Tập Làm Văn.  ***2. Kỹ năng***  - Rèn kĩ năng làm bài thi học kì với đề tổng hợp.  ***3. Thái độ, phẩm chất***  - Bồi dưỡng ý thức học bộ môn cho HS nghiêm túc.  ***4. Năng lực***  ***-*** Năng lực giải quyết vấn đề; sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ.  **II. CHUẨN BỊ**  GV: Hướng dẫn HS nội dung ôn tập.  HS: Ôn tập chương trình Ngữ Văn kì 1 và kì 2 ( chủ yếu bám sát nội dung chương trình Học kì 2).  **III. Các hoạt động dạy-học chủ yếu.**  **1. Các kĩ năng trả lời các dạng câu hỏi thường gặp trong đề kiểm tra tổng hợp.**  - Mục tiêu: *Giúp học sinh hệ thống nhanh những kiến thức kĩ năng cần thiết.*  - Phương pháp: *tổ chức trò chơi.*  *­*- Hình thức tổ chức dạy học: cá nhân.  - Các bước tiến hành.  + ***Bước 1:*** GV phổ biến luật chơi: *Hộp thư chạy:* Trên tay cô giáo là một tập phong bì có các thư có nội dungg câu hỏi liên quan đến bài học. Lớp phó văn nghệ cho lớp hát tập thể một bài. Cả lớp vừa hát vừa chuyền tay tập phong bì. Khi có lệnh “dừng” từ cô giáo, tất cả dừng hát và dừng chuyền tay. HS cầm trên tay tập phong bì trong tay, rút chọn 1 phong bì, đọc câu hỏi và trả lời câu hỏi mình vừa chọn. Trò chơi tiếp tục cho đến khi hết tập phong bì.  **+ *Bước 2:***  GV chọn lớp phó văn nghệ làm quản trò tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi. GV quan sát, ghi nhận nhanh kết quả của học sinh bằng cách ghi nhanh các câu trả lời của học sinh lên bảng.  + ***Bước 3:*** GV tổng kết trò chơi, ghi nhận và thưởng đối với với những bạn học sinh trả lời nhanh và tốt nhất.  + ***Bước 4:***  GV chốt kiến thức cần nhớ bằng hệ thống bảng phụ (Máy chiếu)   |  | | --- | | **I. Những kiến thức và kĩ năng cần nhớ trong học kì II.**  **1. Kiến thức cơ bản:**  **1.1. Văn bản**  - Văn học dân gian: Tục ngữ  - Văn bản nghị luận:  + Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  + Sự giàu đẹp của Tiếng Việt  + Đức tính giản dị của Bác Hồ  + Ý nghĩa văn chương  - Truyện ngắn:  + Sống chết mặc bay  + Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.  - Văn bản nhật dụng: Ca Huế trên sông Hương.  **1.2. Tiếng Việt**  **-** Đặc điểm của các loại câu: *câu rút gọn, câu đặc biệt, câu chủ động, câu bị động…*  - Biện pháp tu từ từ vựng: *Liệt kê*  - Cách mở rộng câu bằng cụm C-V và trạng ngữ.  - Công dụng của các dấu câu:  *dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang.*  **1.3. Tập làm văn**  *Văn nghị luận*.  **2. Những kĩ năng cần lưu ý**  **2.1. Kĩ năng trả lời các câu hỏi đọc hiểu**  **- Thời gian thực hiện:** 30p  - **Kĩ năng phân tích đề:**  ***+*** *Đọc kĩ đề và gạch chân những từ ngữ quan trọng trong đề*  ***+***  *Từ các từ ngữ quan trọng xác định chính xác nội dung cần phải trả lời.*  **+**  *Định hướng lĩnh vực kiến thức cần huy động để trả lời nội dung đã định hướng*  - ***Trình bày:***  *ngắn gọn, chính xác.*  *+* Hình thức: Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, không sai lỗi chính tả ngữ pháp. Diễn đạt mạch lạc trả lời ngắn gọn. Sử dụng kí hiệu thống nhất như trong đề bài (Lưu ý để tối đa hóa điểm số hãy trình bày bằng những câu văn hoặc các đoạn văn ngắn); Viết trong khoảng ½ mặt giấy thi  + Nội dung: Trả lời đầy đủ thông tin và phải có trọng tâm  ***- Một số lưu ý khác:***  *+* Trả lời từng câu hỏi, dễ trước, khó sau, tuyệt đối không nên bỏ bất cứ câu nào, ý nào.  + Sau khi làm bài xong, cần dành thời gian kiểm tra và sửa lỗi (nếu có).  **2.2. Kĩ năng viết bài làm văn: *Văn nghị luận***  **- Thời gian thực hiện: 60’**  **- Hình thức:** Viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh.  **- Định hướng rõ đề thuộc dạng nghị luận nào, thực hiện theo dạng nghị luận ấy.** |   **2. Luyện tập.**  GV tổ chức cho học sinh thực hành luyện tập theo 01 đề cụ thể:  - GV phân chia thời gian thực hành để rèn kĩ năng phân phối thời gian cho học sinh.  - Sau mỗi phần luyện tập, giáo viên chốt đáp án để học sinh tự chấm điểm cho bản thân,  **Đề bài luyện tập số 01:**  **Phần I. Đọc hiểu** *(5,0 điểm).*  **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.*  **Câu 1** *(0,5 điểm).* Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Tác giả là ai?  **Câu 2** *(0,5 điểm).*Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích ?  **Câu 3** *(1,0 điểm)*. Nội dung chính mà đoạn trích trên đề cập đến là gì ?  **Câu 4** *(1,0 điểm)*. Tìm cụm chủ - vị làm nòng cốt câu trong : ***Đó là một truyền thống quý báu của ta.*** Cho biết đó có phải là câu mở rộng không? Vì sao?  **Câu 5** *(2,0 điểm).*Từ đoạn trích phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn từ 6 đến 7 câu để nói về vai trò, trách nhiệm của em đối với tập thể lớp  **Phần II. Làm văn *(5,0 điểm).***  Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ ***"Có công mài sắt có ngày nên kim"*.**  *Hết*  **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **Môn: Ngữ văn 7**  **Thời gian làm bài: 90 phút**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Câu/ý** | **Nội dung** | **Điểm** | | **Đọc hiểu (5,0 điểm)** | 1 | Văn bản " Tinh thần yêu nước của nhân dân ta" của Hồ Chí Minh. | 0,5 | | 2 | Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận | 0,5 | | 3 | Khẳng định sức mạnh tinh thần yêu nước của dân tộc ta khi có giặc xâm chiếm.  Lưu ý :  - HS đưa ra đầy đủ các ý trên đạt điểm tối đa | 1,0 | | 4 | ***Đó // là một truyền thống quý báu của ta.***  ***C V***  ***=>***Không phải câu mở rộng vì chỉ có 1 kết câu C-V làm nòng cốt. | 0,5  0,5 | |  | 5 | a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn.  b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: vai trò, trách nhiệm của em đối với việc phát huy lòng yêu nước .  c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn theo những ý sau:  + Yêu gia đình, làng xóm, quê hương, gắn bó, tự hào về quê hương, đất nước.  + Sẵn sàng tham gia mọi phong trào, … góp phần xây dựng quê hương, đất nước.  + Tích cực học tập rèn luyện tu dưỡng đạo đức nhân cách.  + Tự rút ra bài học cho bản thân.  d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.  e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | 0,25  0,25  1,0  0,25  0,25 |   **Phần II. Làm văn *(5,0 điểm).***  Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ "*Có công mài sắt có ngày nên kim*".   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thang điểm** | **Đáp án** | **Điểm chấm** | | **Câu 2**  **(5,0 điểm)** | **a.** Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:  Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân. | **0,5** | | **b.** Xác định đúng vấn đề nghị luận: | **0,5** | | **c.** Học sinh có thể sắp xếp các luận điểm theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo những yêu cầu sau:  \*Mở bài:  - Con người cần có lòng kiên trì, nhẫn nại và quyết tâm  - Ông bà ta đã khuyên nhủ qua câu tục ngữ "Có công mài sắt có ngày nên kim  \*Thân bài: Trình bày, đánh giá chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ:  – Giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng :  Nghĩa đen: Một thanh sắt to nhưng nếu con người kiên trì, nhẫn nại và quyết tâm thì sẽ rèn thành một cây kim bé nhỏ hữu ích.  Nghĩa bóng: Con người có lòng kiên trì, nhẫn nại, quyết tâm và chăm chỉ chịu khó thì sẽ thành công trong cuộc sống.  – Con người có lòng kiên trì và có nghị lực thì sẽ thành công.  + Dùng dẫn chứng để chứng minh:  Trong cuộc sống và lao động như anh Nguyễn Ngọc Kí, Cao Bá Quát, Nguyễn Hiền ...  Trong học tập: Bản thân của học sinh.  Trong kháng chiến: Dân tộc Việt Nam của ta.  – Nếu con người không có lòng kiên trì và không có nghị lực thì sẽ không thành công.  + Dùng dẫn chứng để chứng minh: Trong cuộc sống và lao động, trong học tập và trong kháng chiến...  – Khuyên nhủ mọi người cần phải có lòng kiên trì và có nghị lực.  \* Kết bài:  Khẳng định lòng kiên trì và nghị lực là đức tính quan trọng của con người. | **3,0**  *0,5*  *2,0*  *0,5* | |  | d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận. | **0,5** | | e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | **0,5** |   **III. Củng cố - Dặn dò**  GV cho học sinh 02 đề bài yêu cầu học sinh về nhà tự luyện chú ý tự phân phối thời gian sao cho hợp lí  **Đề tự luyện số 02**  **Phần I. Đọc - hiểu ( 5,0 điểm )**  **Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi:**  *“ Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, căn nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn không để rơi vãi một hột cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ. Cái nhà sàn của Bác vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng, và trong lúc tâm hồn của Bác lộng gió thời đại thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao* ! *Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ việc rất lớn: việc cứu nước, cứu dân đến việc nhỏ nhất, trồng cây trong vườn, viết một bức thư cho một đồng chí, nói chuyện với các cháu miền Nam, đi thăm nhà tập thể của công nhân, từ nơi làm việc đến phòng ngủ, nhà ăn*… .*Trong đời sống của mình, việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp, cho nên bên cạnh Bác người giúp việc và phục vụ có thể đếm trên đầu ngón tay, và Bác đã đặt cho số các đồng chí đó những cái tên mà gộp lại là ý chí chiến đấu và chiến thắng: Trường, Kì, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi!”*  ***( Ngữ văn 7, tập 2, trang 53)***  **Câu 1.** Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào?  **Câu 2.** Tác giả của đoạn văn trên là ai?  **Câu 3.** Đâu là câu chủ đề của đoạn văn?  **Câu 4.** Xác định **p**hương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn văn ?  **Câu 5.** Chỉ ra phép tu từ trong câu văn: *Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống*.” và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?  **Câu 6***.* Hãy viết đoạn văn từ 5-7 câu nêu suy nghĩ của em về vấn đề gợi ra từ nội dung đoạn trích.  **Phần II: Làm văn (5,0đ)**  *“ Nhiễu điều phủ lấy giá gương*  *Người trong một nước phải thương nhau cùng”*  Em hiểu người xưa muốn nhắn nhủ điều gì qua câu ca dao trên.  ---------------------- Hết-------------------  **Gợi ý đáp án**  **PHẦN I. ĐỌC HIỂU – 4,0 điểm**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu – Điểm** | **Mức tối đa** | **Mức 2( 50%)** | **Mức không đạt(0đ)** | | Câu 1  0,25đ | - Đoạn văn trên trích trong văn bản  “ Đức tính giản dị của Bác Hồ” |  | Không trả lời hoặc trả lời sai | | Câu 2  0,25 đ | - Tác giả Phạm Văn Đồng |  | Không trả lời hoặc trả lời sai | | Câu 3  0,25đ | *- Câu chủ đề:“ Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, căn nhà, lối sống”* |  | Không trả lời hoặc trả lời sai | | Câu 4  0,75 đ | - PTBĐ: nghị luận (0,25đ)  - Nội dung đoạn trích (0,5đ): ca ngợi sự giản dị trong đời sống của Bác Hồ. |  | Không trả lời hoặc trả lời sai | | Câu 5  1,0 đ | - Chỉ ra đúng phép tu từ liệt kê: (0,25 đ) và chỉ ra đúng các từ ngữ được liệt kê : *bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống (* 0,25 đ)  - Nêu được tác dụng của biện pháp liệt kê: nhấn mạnh, khẳng định sự giản dị của Bác trên mọi phương diện của đời sống 0,5đ): | Trả lời được ½ ý trên | Không làm bài hoặc làm lạc đề | | Câu 6  2,0 đ | **- 1,5 điểm:** Đạt được các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng.  **\*Về kĩ năng** :  - Đúng hình thức đoạn văn , đảm bảo số câu theo quy định.  - Diễn đạt rõ ràng, đúng văn phạm, không mắc lỗi chính tả.  **\*Về kiến thức** :  HS trình bày được suy nghĩ của bản thân về các vấn đề gợi ra từ đoạn trích, có thể là:  - Suy nghĩ về đức tính giản dị trong đời sống của Bác Hồ ( Bác Hồ rất giản dị)  - Có thể là suy nghĩ về việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh | **0,5đ - 0,75 đ**  đạt được ½ yêu cầu về kiến thức, kĩ năng | Không viết bài hoặc làm bài sai. |   **PHẦN II: LÀM VĂN*( 5,0 điểm ):***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Nội dung** | **Thang điểm** | | Kỹ năng | - Viết đúng kiểu bài văn giải thích  - Bố cục rõ ràng, mạch lạc; lập luận chặt chẽ.  - Văn phong trôi chảy, trong sáng.  - Không mắc lỗi văn phạm( Chính tả, dùng từ, đặt câu). | 1,0 điểm | | Kiến thức | **a. Mở bài:**  - Giới thiệu truyền thống tương thân, tương ái của dân tộc: là truyền thống lâu đời, thể hiện những đạo lí tốt đẹp của dân tộc.  - Giới thiệu, trích dẫn bài ca dao.  **b. Thân bài:**  **\* Giải thích ý nghĩa của câu ca dao.**  - Nghĩa đen: *Nhiễu điều*: tấm vải đỏ, *nhiễu điều phủ lấy giá gương* tấm vải đỏ che phủ, bao bọc, bảo vệ gương để gương khỏi bị hoen ố, bụi bẩn.  - Nghĩa bóng: Lời khuyên của dân gian: Mọi người phải biết đoàn kết, thương yêu nhau. Tinh thần đoàn kết thương yêu nhau là truyền thống tốt đẹp của dân tộc.  **\* Tại sao con người phải sống biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau?**  - Trong cuộc sống, không ai có thể sống riêng lẻ, tách biệt với mọi người, biết sống yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau chính là cơ sở của tình đoàn kết.  - Nhờ có tinh thần tương thân, tương ái, tình yêu thương, sự chia sẻ mà dân tộc ta đã vượt qua biết bao gian khổ từ buổi đầu dựng nước cho đến hôm nay...  **\* Cần phải làm gì để thực hiện lời dạy của người xưa?**  - Thương yêu đùm bọc và sống có trách nhiệm với chính những người thân yêu trong gia đình, hàng xóm...  - Sống có trách nhiệm với cộng đồng: tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện....  **\* Liên hệ bản thân:**  - Là học sinh, em có thể làm gì để thực hiện lời khuyên của dân gian ( yêu thương đoàn kết với bạn bè trong lớp, tham gia các hoạt động ủng hộ, quyên góp...)  **c. Kết bài:**  - Khẳng định giá trị của bài ca dao: Thể hiện được truyền thống tương thân tương ái quý báu của dân tộc.  - Khẳng định rằng truyền thống tốt đẹp ấy sẽ được thế hệ trẻ hôm nay tiếp nối và phát huy. | 0,5 điểm  1,0 điểm  1,0 điểm  0,75 điểm  0,25điểm  0,5 điểm |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Mức** | **1** | **2** | **3** | **4** | **Không đạt** | | **Điểm** | **4-5đ** | **3 - <4đ** | **2 – <3 đ** | **1 < 2đ** | **0đ** | | **Yêu cầu** | Đảm bảo 90-100% các yêu cầu trên | Đảm bảo 70-80% các yêu cầu trên.  Còn mắc một số lỗi văn phạm, trình bày. | Đạt được từ 50% trở lên các yêu cầu trên.  Còn mắc nhiều lỗi văn phạm trình bày  Bố cục phần thân bài chưa mạch lạc | Bài viết còn thiếu nhiều ý  Còn mắc lỗi về bố cục, văn phạm... | Lạc đề  Không làm bài | |